
AC MILAN
120 NĂM
VĨ ĐẠI
NHIỀU TÁC GIẢ
NHÀ XUẤT BẢN HÀ NỘI
BOOKS THỂ THAO
OPEL
ZAFIRA
bwin
Emirates

Duong Kobo's Book Club

Tủ sách Kỹ thuật số
dành cho
Kindle & Kobo

SCAN TO JOIN

NHÀ XUẤT BẢN HÀ NỘI

Số 4 - Tống Duy Tân, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

ĐT: (04) 38252916 - Fax: (04) 39289143

Email: nxbhanoi@yahoo.com.vn

AC Milan - 120 năm vĩ đại

Chịu trách nhiệm xuất bản:

Tổng giám đốc - Lê Tiến Dũng

Biên tập: Hoàng Thị Tâm

Vẽ bìa: Gia Long

Trình bày: Song Ngư

Sửa bản in: Lê Thị Nguyên - Thanh Thủy

Liên kết xuất bản:

Cty CP Đầu tư và Phát triển TTV Việt Nam

Nhà sách THBooks

Địa chỉ: Số 68/255, Đường Hoàng Mai, P. Hoàng Văn Thụ,

Q. Hoàng Mai, Hà Nội

Tel: (84-24) 32011882 - 097.354.0078

Website: http://thbooks.vn

Fanpage: http://m.facebook.com/THBooks

Mã ISBN: 978-604-55-4533-1

In 3.000 cuốn, khổ 16x24 cm tại Công ty TNHH In Thương mại Thuận Phát, Tổ dân phố Văn Trì, Minh Khai, Bắc Từ Liêm, Hà Nội. Số xác nhận ĐKXB: 2815-2019/CXBIPH/05-161/HN. Quyết định xuất bản số: 940/QĐ-HN ngày 08/08/2019. In xong và nộp lưu chiểu năm 2019.

Đề tựa

Tôi may mắn đến với bóng đá đúng vào giai đoạn thăng hoa của Serie A và đội tuyển Italia ở Espana 1982. Serie A ngày đó được ví như World Cup thu nhỏ với đầy đủ những ngôi sao sáng nhất của bóng đá thế giới cùng biết bao bộ óc siêu việt trên băng ghế huấn luyện.

Tôi vẫn nhớ hình ảnh Chủ tịch Silvio Berlusconi - đội trưởng Baresi bước xuống từ trực thăng ra mắt các Tifosi, và mở ra một trang mới trong lịch sử Milan. Enzo Bearzot, huấn luyện viên của đội tuyển Ý tại World Cup 1982 từng nói "Nước Ý nghèo nên khi có được cái gì đó chúng tôi phải cho vào túi áo và cài nắp túi lại, bóng đá Ý với lối chơi phòng ngự danh bất hư truyền đã ra đời trong hoàn cảnh như thế". Còn huấn luyện viên Arrigo Sacchi đã phất cờ để làm một cuộc cách mạng với lối chơi phòng ngự khu vực đầy quyến rũ và hiệu quả. AC Milan của thập niên 1980 không chỉ giành được nhiều danh hiệu mà còn có những con người mang tính biểu tượng như Baresi, Maldini, Bộ Ba Hà Lan, Tassotti, Albertini... Họ chính là những người đặt nền móng cho thành công của câu lạc bộ từ thời của Sacchi cho đến sau này là Capello và Ancelotti.

Tôi từng có dịp tiếp xúc với Gianni Rivera, cầu thủ đầu tiên của Italia và AC Milan giành Quả Bóng Vàng khi ông sang Hà Nội công tác với tư cách Thứ trưởng Bộ Quốc phòng Italia. Rivera rất tự hào vì AC Milan đã vươn tầm trở thành một câu lạc bộ lớn trong hai thập kỷ sau thời điểm ông thi đấu, và cứ nói đến phòng ngự khu vực là phải nhắc tới Milan.

Là một Rosoneri từ những năm còn ngồi trên ghế nhà trường, tôi có niềm tin rằng AC Milan sẽ trở lại một ngày không xa. Họ có Paolo Maldini trong vai trò cầu nối giữa quá khứ và hiện tại. Và quá khứ họ có câu chuyện, trước khi thăng hoa với Bộ Ba Hà Lan, thì Milan từng phải xuống hạng. Bản năng sinh tồn là điều luôn

hiện hữu cùng bóng đá Italia và AC Milan, cho nên ta hãy tin ngày tươi sáng rồi cũng sẽ về.

- Bình luận viên Vũ Quang Huy

Lời nói đầu

Đội bóng này được thành lập vào ngày 16-12-1899, vào lúc những cây thông Noel nhấp nháy báo hiệu một mùa Giáng sinh đến. Khi bài hát Jingle Bell chuẩn bị vang khắp đường phố, ấy là lúc Milan chuẩn bị đón sinh nhật.

Màu áo Đỏ-Đen được lựa chọn, như tên cuốn tiểu thuyết nổi tiếng nước Pháp - Đỏ và đen của Stendhal. Và trường đoạn mà Milan bước đi, cũng thăng trầm như một cuốn tiểu thuyết, với màu Đỏ - "Rosso", tượng trưng cho ánh sáng của những chiếc cúp, và màu Đen - "Neri", tượng trưng cho những u tối khi xuống hạng, khi sụp đổ. Vinh quang, thất bại, nụ cười, nước mắt đan xen, hòa quyện trong 120 năm AC Milan - "Rossoneri" (Đỏ-Đen).

Milan là gì? Đó là người anh cả của nước Ý trên bầu trời châu Âu, với 7 chiếc Cup C1/Champions League, là viên ngọc sở hữu DNA Champions League chảy trong máu đỏ khi tiếng nhạc hiệu vang lên, thứ nhạc hiệu đã tạo cảm hứng cho những bàn thắng của Sheva, Pippo hay Kaka.

San Siro là gì? Đó là "mồ chôn của kẻ thù", nơi sân vận động vinh quang ấy đã chứng kiến những Manchester United, Real Madrid, Ajax Amsterdam hay Bayern Munich… đều lần lượt gục ngã. Tình yêu dành cho AC Milan được hình thành từ sự tự hào, San Siro là một trong những niềm tự hào đó. Truyền thống huy hoàng vẫn hát lên. Hát về một đế chế Đỏ-Đen với các chiến tích lẫy lừng, cùng những cái tên hào hùng chưa bao giờ phai mờ trong kí ức của những người yêu bóng đá.

Cuốn sách sẽ đưa bạn đi trên một con đường dài lịch sử, từ đêm đen gian khó thuở hồng hoang, đến khi bình minh ló rạng tạo ra AC Milan, rồi giông tố mịt mờ kéo đến nhưng không ngăn được bước chân Milan đi đến những tháng ngày bách thắng với đoàn quân của "Bộ Ba Hà Lan Bay" và kéo dài đến "cây thông" của Ancelotti những năm đầu thế kỉ XXI, trước khi đi vào con đường

mù sương hôm nay ta đang gặp.

Cảm ơn bạn vì đã cầm trên tay cuốn sách này! Bởi sự chân chính, bởi tình yêu chưa bao giờ mất đi, bởi ở trong sương vẫn hy vọng ngày nắng mới.

Khi chúng ta còn tình yêu, khi 120 năm đi qua dẫu có thất bại thì vinh quang vẫn nhiều hơn tất thảy và dẫu u buồn thì vĩ đại vẫn đứng cao hơn lúc gọi tên, ấy là lúc AC Milan sẽ tái sinh dù sớm hay muộn.

Chào Milan, chào người tình 120 tuổi…

Chào tình yêu…

Chào một kỉ vật sẽ ở bên ta khi ta là một Milanista…

Phần I
NƯỚC MẮT VÀ NỤ CƯỜI

120 năm - 120 nhân vật tiêu biểu

Kiên Lê (ACMilanVN)

STT	Họ và tên	Vai trò	Thời gian gắn bó
1	Herbert KILPIN	Người sáng lập	1899-1908
2	Ignazio ABATE	Hậu vệ	1999-2007, 2009-hiện tại
3	Christian ABBIATI	Thủ môn	1998-2016
4	Demetrio ALBERTINI	Tiền vệ	1988-2002
5	Massimiliano ALLEGRI	Huấn luyện viên	2010-2014
6	José ALTAFINI	Trung phong	1958-1965
7	Massimo AMBROSINI	Tiền vệ	1995-2013
8	Carlo ANCELOTTI	Tiền vệ, Huấn luyện viên	1987-1992, 2001-2009
9	Carlo ANNOVAZZI	Tiền vệ	1945-1953
10	Angelo ANQUILLETTI	Hậu vệ	1966-1977
11	Roberto ANTONELLI	Tiền đạo/Tiền vệ	1977-1982
12	Giuseppe ANTONINI	Tiền vệ	1937-1944, 1945-1949
13	Pietro ARCARI	Tiền đạo	1930-1936
14	Roberto BAGGIO	Tiền vệ tấn công/Tiền đạo	1995-1997
15	Franco BARESI	Hậu vệ	1974-1997
16	Sergio BATTISTINI	Hậu vệ cánh	1980-1985
17	David BECKHAM	Tiền vệ	2009-2010
18	Romeo BENETTI	Tiền vệ	1970-1976
19	Silvio BERLUSCONI	Chủ tịch câu lạc bộ	1986-2017

20	Aldo BET	Hậu vệ	1974-1981
21	Oliver BIERHOFF	Trung phong	1998-2001
22	Alberto BIGON	Tiền vệ tấn công	1971-1980
23	Zvonimir BOBAN	Tiền vệ tấn công	1991-2001
24	Aldo BOFFI	Trung phong	1936-1945
25	Andrea BONOMI	Hậu vệ	1942-1952
26	Ariedo BRAIDA	Giám đốc	1986-2013
27	Lorenzo BUFFON	Thủ môn	1949-1959
28	Ruben BURIANI	Tiền vệ	1977-1982
29	Renzo BURINI	Tiền đạo	1947-1953
30	CAFU	Hậu vệ	2003-2008
31	Fabio CAPELLO	Tiền vệ, Huấn luyện viên	1976-1980, 1982-1996, 1997-1998
32	Franco CARRARO	Chủ tịch câu lạc bộ	1967-1971
33	Aldo CEVENINI	Trung phong	1909-1912, 1915-1919
34	Luciano CHIARUGI	Tiền đạo	1972-1976
35	Néstor COMBIN	Trung phong	1968-1970
36	Luigi Antonio COMPIANI	Thủ môn	1927-1936
37	Alessandro COSTACURTA	Trung vệ	1979-2007
38	Fabio CUDICINI	Thủ môn	1967-1972
39	Lajos CZEIZLER	Huấn luyện viên	1949-1952
40	Renzo DE VECCHI	Hậu vệ	1909-1913
41	Marcel DESAILLY	Trung vệ/Tiền vệ phòng ngự	1993-1998
42	DIDA	Thủ môn	2000-2010
43	DINO SANI	Tiền vệ	1961-1964
44	Roberto DONADONI	Tiền vệ	1986-1996, 1999
45	Alfred EDWARDS	Chủ tịch câu lạc bộ đầu tiên	1899-1909

46	Alberigo EVANI	Tiền vệ	1980-1993
47	Carlo GALLI	Trung phong	1956-1961
48	Filippo GALLI	Hậu vệ	1982-1996
49	Giovanni GALLI	Thủ môn	1986-1990
50	Adriano GALLIANI	CEO	1986-2017
51	Gennaro GATTUSO	Tiền vệ phòng ngự	1999-2012
52	Giorgio GHEZZI	Thủ môn	1959-1965
53	Alberto GILARDINO	Trung phong	2005-2008
54	Gunnar GREN	Tiền đạo/Tiền vệ tấn công	1949-1953
55	Ruud GULLIT	Tiền vệ/Tiền đạo	1987-1994
56	Mark HATELEY	Trung phong	1984-1987
57	Zlatan IBRAHIMOVIĆ	Trung phong	2010-2012
58	Filippo INZAGHI	Trung phong	2001-2012
59	Joe JORDAN	Tiền đạo	1981-1983
60	Riccardo KAKÁ	Tiền vệ tấn công	2003-2009, 2013-2014
61	Kakhaber KALADZE	Hậu vệ	2001-2010
62	Nils Erik LIEDHOLM	Tiền vệ tấn công, Huấn luyện viên	1949-1961, 1963-1966, 1977-1979, 1984-1987
63	Giovanni LODETTI	Tiền vệ phòng ngự	1961-1970
64	Cesare LOVATI	Tiền vệ phòng ngự	1910-1915, 1916-1922
65	Aldo MALDERA	Hậu vệ	1971-1972, 1973-1982
66	Cesare MALDINI	Hậu vệ	1954-1966
67	Paolo MALDINI	Hậu vệ	1978-2009
68	Daniele MASSARO	Tiền đạo	1986-1995
69	Jean Pierre MEERSSEMAN	Bác sĩ	1999-2009
70	Bruno MORA	Tiền vệ	1962-1969

71	Ernesto MORANDI	Tiền vệ	1911-1912, 1913-1917, 1918-1924
72	Giovanni MORETTI	Tiền đạo	1931-1939
73	Alessandro NESTA	Hậu vệ	2002-2012
74	Gunnar NORDAHL	Trung phong	1949-1956
75	Walter NOVELLINO	Tiền vệ	1978-1982
76	Christian PANUCCI	Hậu vệ	1993-1996
77	Alexander PATO	Trung phong	2007-2013
78	Luigi PERVERSI	Hậu vệ	1925-1940
79	Piero PIRELLI	Chủ tịch câu lạc bộ	1909-1928
80	Andrea PIRLO	Tiền vệ	2001-2011
81	Pierino PRATI	Trung phong	1966-1973
82	Héctor PURICELLI	Trung phong	1944-1949
83	Frank RIJKAARD	Tiền vệ phòng ngự/ Hậu vệ	1988-1993
84	RIVALDO	Tiền vệ tấn công	2002-2004
85	Gianni RIVERA	Tiền vệ	1960-1979
86	Andrea RIZZOLI	Chủ tịch câu lạc bộ	1954-1963
87	Nereo ROCCO	Huấn luyện viên	1961-1963, 1967-1972, 1975, 1977
88	RONALDINHO	Tiền vệ tấn công/ Tiền đạo	2008-2011
89	RONALDO	Trung phong	2007-2008
90	Roberto ROSATO	Hậu vệ	1966-1973
91	Sebastiano ROSSI	Thủ môn	1990-2002
92	RUI COSTA	Tiền vệ tấn công	2001-2006
93	Arrigo SACCHI	Huấn luyện viên	1987-1991, 1997
94	Marco SALA	Hậu vệ	1908-1920
95	Giuseppe SANTAGOSTINO	Trung phong	1921-1932
96	Dejan SAVIĆEVIĆ	Tiền vệ tấn công	1992-1998

97	Alessandro SCARIONI	Tiền vệ	1908-1915, 1916-1921
98	Juan Alberto SCHIAFFINO	Tiền vệ tấn công/ Tiền đạo	1954-1960
99	Karl-Heinz SCHNELLINGER	Hậu vệ	1965-1974
100	Clarence SEEDORF	Tiền vệ tấn công	2002-2012
101	SERGINHO	Hậu vệ	1999-2008
102	Andriy SHEVCHENKO	Trung phong	1999-2006, 2008-2009
103	Marco SIMONE	Trung phong	1989-1997, 2001-2002
104	Francesco SOLDERA	Tiền vệ	1914-1924
105	Angelo SORMANI	Trung phong	1965-1970
106	Jaap STAM	Hậu vệ	2004-2006
107	Mauro TASSOTTI	Hậu vệ	1980-1997
108	THIAGO SILVA	Hậu vệ	2009-2012
109	Daniel TOGNACCINI	Bác sĩ	1999-2009
110	Omero TOGNON	Tiền vệ	1945-1956
111	Giovanni TRAPATTONI	Hậu vệ/Tiền vệ phòng ngự	1959-1971
112	Attilio TRERÈ	Tiền vệ/Thủ môn	1905-1909, 1911-1915
113	Marco VAN BASTEN	Trung phong	1987-1995
114	Mark VAN BOMMEL	Tiền vệ	2011-2012
115	Louis VAN HEGE	Trung phong	1910-1915
116	Pietro Paolo VIRDIS	Trung phong	1984-1989
117	George WEAH	Trung phong	1995-2000
118	Ray WILKINS	Tiền vệ	1984-1987
119	Alberto ZACCHERONI	Huấn luyện viên	1998-2001
120	Francesco ZAGATTI	Hậu vệ	1948-1952, 1951-1963

Danh hiệu tập thể và cá nhân

Scudetto: 1901, 1906, 1907, 1951, 1955, 1957, 1959, 1962, 1968, 1979, 1988, 1992, 1993, 1994, 1996, 1999, 2004, 2011

Coppa Italia: 1967, 1972, 1973, 1977, 2003

Siêu Cup Italia: 1988, 1992, 1993, 1994, 2004, 2011, 2016

Cup châu Âu/Champions League: 1963, 1969, 1989, 1990, 1994, 2003, 2007

Cup C2 châu Âu: 1968, 1973

Siêu Cup châu Âu: 1989, 1990, 1994, 2003, 2007

Cup Liên lục địa: 1969, 1989, 1990

Cup Thế giới các câu lạc bộ: 2007

Ballon d'Or - Quả Bóng Vàng châu Âu (1956-nay)

Loại	Năm	Cầu thủ
Quả Bóng Vàng	1969	Gianni Rivera
	1987	Ruud Gullit
	1988	Marco van Basten
	1989	Marco van Basten
	1992	Marco van Basten
	1995	George Weah
	2004	Andriy Shevchenko
	2007	Kaka
Quả Bóng Bạc	1963	Gianni Rivera
	1988	Ruud Gullit
	1989	Franco Baresi

Quả Bóng Đồng	1988	Frank Rijkaard
	1994	Paolo Maldini
	1999	Andriy Shevchenko
	2000	Andriy Shevchenko
	2003	Paolo Maldini

FIFA World Player of the Year - Cầu thủ xuất sắc nhất thế giới của FIFA (1992-nay)

Vị trí	Năm	Cầu thủ
1 st	1992	Marco van Basten
	1995	George Weah
	2007	Kaka
2 nd	1995	Paolo Maldini
	1996	George Weah
3 rd	2004	Andriy Shevchenko
4 th	1992	Jean Pierre Papin
	2008	Kaka
5 th	1991	Marco van Basten
	1994	Paolo Maldini
	1995	Roberto Baggio
	2002	Rivaldo

Bước chân theo năm tháng - Lịch sử câu lạc bộ

Vũ Anh Tuấn

Những ngày tháng đầu tiên

"Mặt trời không bao giờ lặn trên đất Anh", đấy là câu nói nổi tiếng mà bạn có thể dễ dàng bắt gặp ở bất cứ đâu khi nhắc đến sự rộng lớn và trên hết là sức ảnh hưởng của người Anh với thế giới, dĩ nhiên có cả bóng đá. Sự thành công của hai cuộc cách mạng công nghiệp giúp nước Anh chinh phục những miền đất mới, trên các con tàu hơi nước, họ vươn mình ra đại dương và ở đấy bóng đá được xem là niềm tự hào để xứ sương mù giới thiệu với thế giới, từ Brazil, Argentina tận Nam Mỹ đến những vùng đất hẻo lánh ở Phi châu, và dải đất Địa Trung Hải cũng không phải là một ngoại lệ.

Cuối thế kỉ XIX, với những hải cảng lớn nằm ở Livorno, Genoa, Palermo và Naples, người Italia nhanh chóng lĩnh hội tinh hoa mới của nước Anh thông qua các thủy thủ. Trong khi ở các đô thị khác như Turin hay Milano, bóng đá đến từ những người Italia trở về từ nước Anh. Ba nhân vật quan trọng nhất cho việc đặt nền móng của Calcio gồm Edoardo Bosio, James Richardson Spensley và Herbert Kilpin. Họ là một người Thụy Sĩ gốc Italia (Edoardo Bosio) và hai người Anh (James Spensley, Herbert Kilpin) đã đem quả bóng tròn đến ba thành phố kinh tế lớn nhất của miền Bắc gồm Turin, Genova và Milano, trong đó cha đẻ của màu áo Đỏ-Đen AC Milan là Herbert Kilpin.

"Màu áo của đội phải là màu đỏ, vì chúng ta là những con quỷ. Thêm chút màu đen nữa để làm khiếp sợ đối thủ." Đấy là câu nói bất hủ của Herbert Kilpin về lí do ra đời của màu áo Đỏ-Đen huyền thoại hay Rossoneri theo tiếng Ý. Bây giờ, nếu đến Milano và ghé thăm nghĩa trang nổi tiếng Cimitero, sẽ không khó để bạn tìm

thấy ngôi mộ của Herbert hay "Alberto" Kilpin, theo cách gọi trìu mến của người Italia dành cho ông. Ở nơi an nghỉ cuối cùng của mình, ông được chôn cất đầy tôn kính bên cạnh những bậc vĩ nhân khác của Milano, bởi lẽ đơn giản, người đàn ông này đã có công lớn khai sinh ra một AC Milan vĩ đại của ngày hôm nay.

Sinh ra ở thành phố Nottingham, Kilpin vốn là con trai của một người bán thịt lợn. Cuộc sống trôi qua bình dị với ông cho đến ngày chàng trai 21 tuổi ấy gặp gỡ Thomas Adams, một thương lái ngành dệt may, vốn ấn tượng với vẻ tháo vát của Kilpin. Năm 1891, Adams gửi Kilpin đến Turin làm việc cho người bạn của mình là Edoardo Bosio, một chuyến đi định mệnh đã kết nối hai con người có cùng đam mê với quả bóng tròn. Nhưng thời gian kéo dài không lâu vì năm 1897, ông chủ Adams phái Kilpin đến Milano, kinh đô thời trang và công nghiệp dệt may của Italia, còn Bosio ở lại Turin để lập nên Câu lạc bộ Bóng đá và Cricket Torino.

Tại Milano, gạt công việc thường nhật sang một bên, tâm trí của chàng trai người Anh chỉ xoay quanh quả bóng tròn. Đam mê ấy giúp ông hội ngộ những người đồng hương của mình. Theo sử sách ghi lại, ngày tháng thành lập AC Milan vẫn còn là bí ẩn, chỉ biết tháng 12-1899, tại quán bar Fiaschetteria Toscana, một nhóm năm người Anh trong đó có Herbert Kilpin, Alfred Edwards và Samuel Davies quyết định khai sinh ra "Câu lạc bộ Bóng đá và Cricket Milan". Cũng chính vì những tiền nhân đầu tiên của câu lạc bộ là người Anh nên sau này tên chính thức của đội bóng được phát âm theo tiếng Anh là AC Milan thay vì Milano như tiếng Ý, trường hợp này giống với câu lạc bộ Genoa (trong khi đó, Inter được gọi đầy đủ và chính xác là "câu lạc bộ bóng đá Internazionale Milano", chứ không phải "Inter Milan"). Ở đội bóng mới, doanh nhân Edwards giữ ghế chủ tịch, thủ quân của đội là David Allison, nhưng ngôi sao sáng nhất của Milan ở buổi bình minh ấy phải là Herbert Kilpin, người đã làm toát lên những trang sử hào hùng đầu tiên của một Milan non trẻ.

Vào thời điểm mà bóng đá mới chỉ manh nha ở Italia thì thời gian chơi bóng ở quê nhà Nottingham cho câu lạc bộ Giuseppe Garibaldi (tên người anh hùng dân tộc giúp thống nhất nước Ý) thực sự biến Kilpin trở thành đầu tàu ở Milano, đơn giản là khi ấy không có cầu thủ nào có nhiều kinh nghiệm thi đấu hơn ông. Cùng với bác sĩ Spensley ở Genoa, Herbert Kilpin là hai vì sao sáng đầu tiên của Calcio. Theo sử sách ghi lại, trừ vị trí thủ môn, Kilpin có khả năng đá ở mọi vị trí trên sân. Sự xuất sắc của Kilpin giúp Rossoneri vươn mình trở thành một quyền lực ở Calcio trong những năm tháng đầu tiên với 3 chức vô địch quốc gia cho đến

trước năm 1908. Ông chơi bóng cho Milan đến năm 43 tuổi, sau đó giải nghệ và trở thành một trọng tài. Tài năng và sự ngẫu hứng của Kilpin ở thời điểm ấy được kể lại qua những giai thoại, như theo huấn luyện viên Vittorio Pozzo, Kilpin có thói quen để một chai rượu Whisky ở phía sau khung thành, mỗi khi đội nhà thủng lưới, ông sẽ làm một ngụm để vơi đi nỗi buồn. Song một biến cố lớn đã đến và làm thay đổi lịch sử của bóng đá thành Milano mãi mãi.

Đầu thế kỉ XX, ảnh hưởng từ quả bóng tròn lan rộng ra mọi ngõ ngách của Italia, với sự xuất hiện của hàng loạt đội bóng trên mọi miền cả nước. Nhưng có một thực tế rõ ràng, cuộc chơi ở Calcio chịu sự chi phối rất lớn bởi các ngoại binh từ Anh, Đức, Thụy Sĩ… Họ là trụ cột chiếm giữ những vị trí quan trọng ở đa phần các đội bóng. Ngoại trừ ở Juventus, vị thế của những người Italia lại khá mờ nhạt ở sân cỏ Calcio vào thời điểm đó. Tệ hơn, vấn đề bị chính trị hóa bởi những phe phái bảo thủ ở Italia khi các chính khách cho rằng, sân cỏ Calcio chỉ nên dành cho người Italia.

Bối cảnh đó đẩy Liên đoàn Bóng đá Italia (khi ấy là FIF) vào hoàn cảnh tiến thoái lưỡng nan. Bởi một mặt, họ không thể bạc đãi ngay những công thần khai sáng Calcio, mà ở đây là những cầu thủ nước ngoài, trong khi chịu sức ép từ chính quyền vốn mang nặng tư tưởng bài ngoại. Trước tình thế đó, ngày 20-10-1907, Chủ tịch Zaccaria Oberti của đội bóng Andrea Doria (tiền thân của Sampdoria sau này) đưa ra đề xuất là FIF sẽ tổ chức hai giải đấu song song, đó là Coppa Buni, giải đấu chỉ dành cho các cầu thủ bản địa và Coppa Spensley dành cho tất cả. Song đó lại là bước đi đẩy sân cỏ Calcio vào hoàn cảnh hỗn loạn khi các đội bóng không thể tìm thấy tiếng nói chung với cấp Liên đoàn và phản đối bằng cách từ chối tham dự các giải đấu. Một giai đoạn cực kì sóng gió cho bóng đá Italia và hệ lụy lớn nhất chính là sự bất mãn từ các ngoại binh sau cách họ bị hành xử, mở đường cho một trong những cuộc chia ly nổi tiếng nhất trong lịch sử bóng đá thế giới.

Ngày 9-3-1908, sau những bất đồng không thể dung hòa với Chủ tịch Milan khi ấy là Gianni Camperio về quyền chơi bóng của những ngoại binh, 44 thành viên của Rossoneri được dẫn đầu bởi Giorgio Muggiani quyết định ra đi và lập nên một đội bóng mới của riêng mình. Muggiani vốn là một họa sĩ, với khả năng lãnh đạo và tầm nhìn xa của mình, ông đã chọn tên cho đội bóng là FC Internazionale Milano, Milan Quốc Tế hay đơn giản là Inter. Với màu áo Xanh-Đen, vốn được thủ lĩnh Muggiani lấy cảm hứng từ bầu trời tự do, đội bóng sẽ chào đón tất cả những ai muốn chơi bóng mà không hề có sự phân biệt đối xử rằng anh là người Italia

hay ngoại quốc. Như một định mệnh, sự ra đi của 44 con người xuất sắc đã vận vào chính số phận của Milan thời điểm đó, khi Rossoneri bước vào chương đen tối bậc nhất trong lịch sử câu lạc bộ, khi đã mất đúng 44 năm sau để giành được Scudetto tiếp theo.

Piero Pirelli, bóng đêm và phát kiến San Siro

"Về mặt lịch sử, AC Milan đã trải qua nhiều thăng trầm. Trước khi chia tách thành Inter, chúng tôi đã giành được 3 Scudetto để rồi sau đó hứng chịu quãng thời gian trắng tay lâu nhất lịch sử câu lạc bộ." Đó là góc nhìn của Barbara Ballardini, một Milanisti trong cuốn sách Mad for it: From Blackpool to Barcelona. Việc mất đi những con người ưu tú đã bào mòn nghiêm trọng lực lượng cả trong và ngoài sân cỏ của Rossoneri. Chính trong cơn khủng hoảng ấy, một nhân vật đã xuất hiện để đưa con tàu Đỏ-Đen vượt qua sóng gió, ông là Piero Pirelli, cái tên không được lớp hậu bối sau này biết đến nhiều.

Bây giờ, khi nhìn vào ngực áo của Inter, bạn sẽ thấy dòng chữ Pirelli, đấy là hãng lốp xe nổi tiếng thế giới vốn hay xuất hiện trong các cuộc đua xe công thức 1, nhưng Pirelli cũng đồng thời là nhà tài trợ trong hơn 20 năm của Nerazzuri, mối lương duyên lâu bậc nhất của bóng đá thế giới. Kì lạ thay, Piero Pirelli lại là con trai của người sáng lập hãng lốp xe này, Giovanni Battista Pirelli và cũng là một Milanista trung thành. Sinh ngày 27-1-1881 ở Milano, Piero Pirelli sớm có tình yêu mãnh liệt với bóng đá, và tình yêu ấy là dành cho màu áo Đỏ-Đen. Đặc biệt hơn khi trong kỉ nguyên sơ khai của Calcio, mà thành phần của các đội bóng hầu hết là người Anh, thì ông đã từng khoác lên mình màu áo Đỏ-Đen và là thành viên của đội hình đã giành chức vô địch quốc gia năm 1901. Với dòng máu Đỏ-Đen luôn hừng hực trong huyết quản của mình, Piero Pirelli đã không làm ngơ lúc đội bóng rơi vào cuộc khủng hoảng sau cảnh chia ly vào năm 1908, khi chỉ một năm sau ông trở thành chủ tịch mới của Milan. Lí do rất đơn giản là danh tiếng từ hãng lốp xe của cha mình cùng với nền tảng tài chính vững vàng đã giúp Piero Pirelli trở thành người lèo lái con tàu Đỏ-Đen vượt qua sóng gió.

Đó là thời điểm mà Italia nằm trong tay của chính quyền phát xít; cũng giống như Adolf Hitler ở Đức, tư tưởng của Benito Mussolini khi ấy là kiểm soát mọi mặt đời sống của người dân, bóng đá cũng không phải là ngoại lệ. Sự áp đặt của chính quyền khiến hiện tượng các đội bóng sáp nhập hay bị xóa sổ xuất hiện nhan nhản ở Calcio chỉ để phục vụ mục tiêu chính trị. Như AS Roma chẳng hạn, họ là sự sáp nhập của ba đội bóng ở Rome là Roman FC, SS

Alba Audace và Fortitudo Pro Roma. Trong khi người anh em Inter buộc phải đổi tên thành Ambrosiana để tồn tại, thì Milan cũng vậy, khi từ Câu lạc bộ Bóng đá và Cricket Milan, họ chuyển sang tên mới là Câu lạc bộ Bóng đá Milan. Trong giai đoạn khó khăn này, dù sở hữu chân sút cự phách Aldo Boffi, người đã 3 lần giành ngôi Vua phá lưới Serie A thì thành tích tốt nhất của Milan trên sân cỏ chỉ là vị trí thứ 3 ở hai mùa giải 1937-38 và 1940-41. Nhưng kỉ nguyên của Piero Pirelli lại được nhớ đến bởi một phát kiến đầy táo bạo bên ngoài sân cỏ của doanh nhân trẻ tuổi này.

Ở thời kì sơ khai của Calcio, vấn đề sân bãi hoàn toàn nằm ngoài tầm với của các câu lạc bộ, một hoàn cảnh khá giống bây giờ khi các sân vận động thuộc quyền quản lí của chính quyền địa phương. Sân đấu được xem là tầm cỡ đầu tiên nằm ở miền Trung, đó là Renato Dall Ara, sân nhà của Bologna và tại sao lại là đội bóng này chứ không phải ở Turin hay Milano? Vì đơn giản họ là đội bóng của chính quyền phát xít Mussolini, khi thời điểm đó lãnh đạo của FIGC là Leandro Arpinati, thành viên cốt cán của đảng cầm quyền. Chi tiết quan trọng hơn là nhân vật Arpinati vốn sinh ra ở Bologna và ông quyết tâm dùng ảnh hưởng của mình để củng cố sức mạnh cho Bologna. Trong giai đoạn này đội bóng vùng Emilia Romagna giành đến 5 chức vô địch Serie A. Sau Renato Dall Ara, doanh nhân Piero Pirelli nung nấu ý tưởng về sân đấu riêng cho Milan, với sự trợ giúp từ ông trùm Mussolini, một San Siro mới toanh đã chào đời.

Ở thời điểm ấy, chính quyền phát xít có tham vọng "Grande Milano" nhằm hiện đại hóa cơ sở hạ tầng thành phố này với nhiều thị trấn lân cận được sáp nhập vào Milano để mở rộng diện tích. Trong đó, việc xây dựng một trung tâm thể thao tầm cỡ cho Milano được quan tâm hàng đầu. Dưới con mắt nhạy bén của một doanh nhân, Piero Pirelli lập tức vẽ ra kế hoạch xây dựng một sân đấu mới cho Milan thay vì cứ phải lang bạt hết từ Acquabella đến Ripa Ticinese ở vùng Lombardia. Bởi quan điểm của Piero Pirelli rất rõ ràng, phải an cư mới lạc nghiệp, chỉ có một cơ ngơi hiện đại mới nâng tầm vị thế Rossoneri. Vì lẽ đó, 5 triệu lire được chi ra cho dự án xây dựng tại quận San Siro, vốn cách không xa quảng trường Doumo.

Sân bóng mới được thiết kế bởi kiến trúc sư Alberto Cugini và mất 13 tháng để công trình hoàn thành kể từ ngày khởi công vào năm 1925. Với sức chứa khoảng 35.000 người, San Siro những ngày đầu tiên có lối kiến trúc phẳng phất theo các sân bóng của Anh thời đó với bốn khu khán đài không liền kề. Năm 1935, Milan bán lại sân San Siro cho chính quyền thành phố, mãi cho đến năm

1947 thì người anh em Inter mới chính thức chọn sân đấu này là sân nhà. Thế còn tên gọi thì sao, San Siro hay là Giuseppe Meazza?

Theo UEFA, năm 1980, sân đấu này chính thức được đặt tên là Giuseppe Meazza để tri ân huyền thoại lớn của Milano đã khoác áo cho cả Inter và AC Milan trong những năm của thập niên 30, 40. Dù đến Rossoneri ở tuổi xế chiều sau những vinh quang thấm đẫm cùng Inter, Meazza vẫn được nhớ đến ở Milan với vị thế của một siêu sao ở thời điểm ấy. Về mặt lí thuyết, phe Inter sẽ gọi là Meazza, còn Milan là San Siro. Tuy vậy, người Italia cũng không quá khắt khe trong việc gọi tên thế nào cho đúng. Bởi nếu ghé qua trang chủ Inter, thì đôi khi bạn vẫn sẽ thấy cách gọi là San Siro và các Interista cũng vậy, trong khi các Milanista đương nhiên thích gọi là San Siro, bởi đó là cách nhắc họ nhớ đến thời điểm mình là người chủ đầu tiên của sân đấu huyền thoại này. Được mệnh danh là nhà hát "La Scala De Calcio", San Siro không chỉ là niềm tự hào của Milano mà là cả Italia, khi sân bóng này chính là nơi nắm giữ linh hồn của Calcio qua năm tháng với những chiến công hiển hách từ hai màu áo nổi tiếng của thành Milano.

Với Piero Pirelli, ông có đến 20 năm làm chủ tịch Milan nhưng các sử gia Calcio cho rằng, quãng thời gian nắm quyền thực sự của ông kéo dài đến 28 năm, nghĩa là chỉ kém duy nhất kỉ nguyên sau này của Silvio Berlusconi. Nhưng khá kì lạ, khi không nhiều lớp Milanista hậu bối biết đến ông, bởi đơn giản là ngoài công trình mang tên San Siro, 44 năm trắng tay đã làm mờ nhạt đi rất nhiều hình ảnh của Piero Pirelli. Các sử gia nhấn mạnh, trong giai đoạn rối ren của thời cuộc ấy, khi rất nhiều đội bóng đã bị xóa sổ hay sáp nhập thì chuyện Milan vẫn có thể đi qua sóng gió là chiến công phải được thừa nhận cho Piero Pirelli và cộng sự của mình. Và một khi bóng đêm đã đi qua, ánh bình minh giờ mới ló rạng cho AC Milan.

Trỗi dậy sau màn đêm

Ngày 1-9-1939, rốt cuộc tiếng súng đã vang lên ở mặt trận phía Tây châu Âu mở màn cho Thế chiến thứ Hai, cuộc chiến đã làm xáo trộn hoàn toàn đời sống bóng đá thế giới, khi từ World Cup cho đến các giải vô địch quốc gia đều bị hoãn vô thời hạn. Nhưng khá kì lạ, sân cỏ Calcio lại là một ngoại lệ, dù Italia là thành viên quan trọng của phe phát xít. Sử sách ghi lại, Serie A vẫn tiếp tục các trận đấu cho đến năm 1943, trước khi bị tạm hoãn một năm, nhưng không vì thế mà các đội bóng giải tán, họ vẫn ra sân ở các giải đấu cấp vùng cho đến năm 1945 khi Serie A chính thức tranh tài trở lại.

Những năm của thập niên 30, 40 chứng kiến sức mạnh thống trị của Bologna, Juventus và đặc biệt là Torino với thế hệ cầu thủ vĩ đại vốn tạo nên giai thoại "Il Grande Torino" lừng lẫy trong lịch sử với 6 Scudetto trong vòng 10 năm. Nhưng vào ngày 4-5-1949 định mệnh, thảm họa Superga đã xóa sổ hoàn toàn đội bóng vĩ đại ấy, đồng thời tạo ra bước ngoặt lịch sử mãi mãi của Calcio, với sự trỗi dậy mạnh mẽ từ thành Milano, trong đó mở đường chính là màu áo Đỏ-Đen, với sự xuất hiện của một tài năng chỉ bốn tháng trước ngày xảy ra thảm họa Superga.

Mùa giải 1948-49, hàng công của Milan khi ấy gồm ba cái tên là Hector Puricelli, Aurelio Santagostino, Riccardo Carapellese, họ không phải những chân sút tồi nhưng để thách thức quyền lực của Valentino Mazzola và đế chế "Il Grande Torino", xem ra những tài năng ấy là quá xoàng xĩnh. Vì thế, Milan cần một họng súng cự phách hơn nhiều, điều đã luôn ám ảnh trong suy nghĩ của Giám đốc Thể thao Toni Busini. Ở thời điểm bấy giờ, nguồn cung ứng ngoại binh cho Calcio chủ yếu đến từ khu vực Trung Âu và Nam Mỹ. Nhưng cái khó cho các "Scout" là sau Thế chiến thứ Hai, các giải đấu quốc tế đều bị ngưng trệ từ World Cup đến giải vô địch châu Âu, vì thế sân chơi duy nhất mang đến tia hi vọng cho việc săn tìm tài năng là Olympic London 1948.

Đó là giải đấu vô cùng thành công cho bóng đá Bắc Âu khi Thụy Điển giành tấm huy chương Vàng trong khi Đan Mạch giành hạng Ba. Đáng chú ý là sự xuất hiện của hai chân sút lạ lẫm John Hansen (Đan Mạch) và Gunnar Nordahl (Thụy Điển), khi cùng nhau chia sẻ ngôi Vua phá lưới với 7 bàn thắng. Chính vệt sáng trên bầu trời London mùa hè 1948 đã dẫn lối cho cả hai đến với sân cỏ Calcio, khi John Hansen đầu quân cho Juventus còn Gunnar Nordahl chọn AC Milan, sau chuyến công cán của ông Toni Busini đến Bắc Âu vào tháng 1-1949.

Chỉ năm ngày sau khi đặt chân đến San Siro, chân sút Thụy Điển có màn ra mắt trước các Milanista và ngay lập tức, giá trị của Gunnar Nordahl được chứng minh bằng bàn thắng quyết định giúp Rossoneri hạ Pro Patria 3-2. Chỉ một tuần sau đó, cảm xúc còn thăng hoa hơn khi ông lập cú đúp trong trận Derby Milano với Inter. Kết thúc mùa giải năm ấy, Nordahl ghi 16 bàn thắng, số pha lập công ngang ngửa với thủ quân Valentino Mazzola, thành tích quá tuyệt cho chàng tân binh đến từ Bắc Âu. Nhưng tất cả mới chỉ là sự khởi đầu cho mối lương duyên tuyệt đẹp của AC Milan và những người Viking huyền thoại.

Milano, một ngày mùa hè 1949. Tiếng gõ cửa chợt vang lên từ văn

phòng của Chủ tịch Milan Umberto Trabattoni, và đó là Gunnar Nordahl. "Ở Thụy Điển, tôi có hai người bạn chơi bóng rất cừ, đó là Gunnar Gren và Nils Liedhom, tôi thành thật khuyên ngài chủ tịch hãy mang họ về đây", ý kiến của Nordahl lập tức thu hút ánh nhìn từ Chủ tịch Umberto Trabattoni, cho đến con rể ông là Toni Busini. Không chút do dự, chỉ vài tuần sau, vị giám đốc thể thao của Milan lên đường đến Thụy Điển lần thứ hai và ít ai biết rằng, chuyến đi ấy đã tạo ra ngã rẽ lịch sử mãi mãi cho màu áo Đỏ-Đen với sự ra đời của tam tấu huyền thoại Gre-No-Li.

Sở trường của Gunnar Gren là vị trí tiền vệ tấn công, với biệt danh "Il Professore" (Giáo sư), người Italia muốn nhấn mạnh đến lối chơi đầu óc của Gren, trong khi "Ngôi sao phương Bắc" Nils Liedhom được ví von như lá phổi ở hàng tiền vệ với khả năng càn quét để làm điểm tựa vững chắc cho hai người bạn ở hàng công. Mùa giải 1948-49, Milan ghi 83 bàn thắng, nhưng chỉ sau đó một năm, với sự góp mặt của tam tấu Gre-No-Li, hàng công Rossoneri đã chơi cực kì thăng hoa với 118 bàn thắng, trong đó chỉ riêng bộ ba này đã ghi đến 71 bàn. Dù Milan không thể vượt qua Juventus trong cuộc đua đến Scudetto, nhưng 35 bàn thắng trong một mùa giải của Gunnar Nordahl là kỉ lục trụ vững đến 66 năm trước khi bị xô đổ bởi hậu bối Gonzalo Higuain với 36 pha lập công ở mùa giải 2015-16 trong màu áo Napoli.

Rốt cuộc, đến mùa giải 1950-51, sau 44 năm chờ đợi, Scudetto đã tìm về với màu áo Đỏ-Đen, chấm dứt một kỉ nguyên dài tăm tối cho AC Milan để mở ra cánh cửa vinh quang phía trước. Tính cho đến khi người Viking cuối cùng giã biệt San Siro là Nils Liedhom vào năm 1961, Rossoneri giành được 4 Scudetto, 2 Coppa Latina (giải đấu của các câu lạc bộ Nam Âu), nhưng điều quan trọng nhất là vị thế của màu áo Đỏ-Đen hoàn toàn thay đổi khi vươn mình trở thành một quyền lực của Calcio. Nền tảng vững chắc ấy được kiến tạo bởi thế hệ cầu thủ Italia xuất sắc như Lorenzo Buffon, Omero Tognon, Carlo Annovazzi và thế hệ đầu tiên của dòng họ Maldini - trung vệ Cesare.

Catenaccio, quả đấm thép từ Milano

Năm 1954, San Siro chứng kiến sự thay đổi thượng tầng khi Chủ tịch Umberto Trabattoni quyết định nhượng lại quyền sở hữu AC Milan cho Andrea Rizzoli, người đàn ông hoàn toàn xa lạ với Calcio. Sinh ra ở Milano vào năm 1914, Andrea có xuất thân quyền quý khi cha ông là nhà tài phiệt truyền thông nổi tiếng, đó là Angelo Rizzoli, người không chỉ nắm giữ cổ phần ở những tờ báo như Annabella, Bertoldo, Candido mà còn là nhà sản xuất

điện ảnh tên tuổi. Tuy ngoại đạo với Calcio, nhưng tân Chủ tịch Andrea Rizzoli mang theo dự án đầy tham vọng cùng AC Milan. Chỉ không lâu sau khi nắm quyền, ông mang về bom tấn có tên Juan Alberto Schiffiano, nhà vô địch thế giới người Uruguay, cầu thủ vốn nổi tiếng khi sút tung lưới Brazil tại Maracana ở World Cup 1950. Bản hợp đồng này như một sự đảm bảo rằng Milan sẽ không hề bị động nếu ngôi sao Gunnar Nordahl ra đi.

Vào những năm 30, thế giới bóng đá bắt đầu manh nha một quan điểm, trường phái và ý tưởng hoàn toàn mới về bóng đá, đó là việc tập trung ngăn chặn hoàn toàn mọi ý đồ tấn công của đối thủ và chực chờ cơ hội phản công. Phát kiến đó đến từ Thụy Sĩ bởi huấn luyện viên Karl Rappan, khi ông quyết định rút một cầu thủ ở hàng công ba người vốn thịnh hành khi ấy để bổ sung cho hàng thủ. Nhưng thay vì có nhiệm vụ kèm chặt một cầu thủ cụ thể thì vị trí phòng ngự mới này sẽ linh hoạt trong việc hóa giải sức ép, qua đó bọc lót cho hai trung vệ dập, nguyên nhân cho sự ra đời của vị trí trung vệ thòng hay Libero về sau. Tại Calcio, người đầu tiên áp dụng ý tưởng này là Giuseppe "Gipo" Viani khi dẫn dắt câu lạc bộ nhỏ bé Salernitana, nhưng thứ bóng đá "Vianema" của huấn luyện viên Viani lại chỉ biết phòng ngự thật chặt chứ chưa thể khơi gợi ý đồ phản công, đó là điểm khác biệt cơ bản với nền tảng của Catenaccio, dù vậy tên tuổi của huấn luyện viên Gipo Viani vẫn trở nên nổi bật ở Calcio khi ấy bởi ý tưởng táo bạo này.

Lại nói về Milan, mùa giải 1955-56 là thời điểm chứng kiến sự ra đời của Cup C1 châu Âu, giải đấu quy tụ những nhà vô địch của Lục Địa Già. Với tham vọng của mình, Chủ tịch Andrea Rizzoli đặt ra mục tiêu chinh phục chiếc cúp này. Nhưng tham vọng ấy vấp phải kỉ nguyên vĩ đại của Real Madrid và "Mũi Tên Bạc" Di Stefano. Bị loại ở bán kết, Chủ tịch Rizzoli càng nung nấu quyết tâm bằng quyết định bổ nhiệm Gipo Viani lên ghế huấn luyện viên trưởng thay cho Hector Puricelli. Một trang sử vẻ vang mới lại được mở ra với màu áo Đỏ-Đen.

Ngoài nhãn quan chiến thuật sắc bén thì Gipo Viani còn được nhớ đến như một bậc thầy trong việc khai quật những tài năng cho Milan. Ngay trong mùa hè năm 1956, Gipo Viani đã tuyển mộ một loạt cái tên lạ lẫm cho Rossoneri nhưng sau này đều trở thành trụ cột trong kỉ nguyên của ông như Gastone Bean (Piacenza), Luigi Zannier (Atalanta) hay Carletto Galli (AS Roma), nhưng tài năng nổi tiếng nhất là José Altafini, nhà vô địch World Cup 1958 cùng Brazil. Với biệt danh "Lo Sceriffo" (Cảnh Sát Trưởng), cá tính mạnh mẽ, gai góc của Viani lập tức tạo ra sức bật cho Milan, khi thu phục được các ngôi sao trong phòng thay đồ.

Vốn nổi tiếng với thứ bóng đá "Vienema" ở Salernitana, nhưng khi đến Milan, ông đã chuyển sang thứ bóng đá tấn công ngẫu hứng. Ngay trong mùa giải đầu tiên, Scudetto đã đến với Viani và Milan, nhưng đỉnh cao đến một năm sau đó khi màu áo Đỏ-Đen lần đầu tiên lọt vào chung kết Cup C1 châu Âu sau khi lần lượt đánh bại những đối thủ như Borussia Dortmund và Manchester United. Nhưng một lần nữa, Milan lại lỗi hẹn với vinh quang ở châu lục, sau thất bại 2-3 trước một Real Madrid vĩ đại nhất thế kỉ XX, dù sử sách ghi lại rằng thầy trò Gipo Viani đã chơi một trận để đời, khi khiến trận đấu phải bước vào hiệp phụ sau khi hòa 2-2.

Nhờ kĩ năng quản lí tuyệt vời mà huấn luyện viên Gipo Viani được Chủ tịch Andrea Rizzoli trao luôn trọng trách chuyển nhượng và điều hành đội bóng. Vì lẽ đó, ông có thể xem là hình mẫu "Manager" đầu tiên của Calcio trong kỉ nguyên hiện đại, nhưng tên tuổi của Gipo Viani chỉ được nhớ đến bởi hai phát kiến vĩ đại cho AC Milan là Nereo Rocco và Gianni Rivera. Năm 1960, sau khi trở về từ Olympic Rome cùng đội tuyển Italia, một cơn đau tim đã khiến Gipo Viani phải nói lời giã từ với nghiệp huấn luyện để chuyển hẳn sang vai trò giám đốc thể thao ở Milan. Trên cương vị mới của mình, cặp mắt xanh của Lo Sceriffo đã mang về San Siro Gianni Rivera vào năm 1960 từ Alessandria và sau đó một năm là Nereo Rocco, huấn luyện viên giúp Milan chinh phục trời Âu.

"Ở Nereo Rocco, bạn sẽ thấy một nửa lịch sử của bóng đá Italia", nhà báo Giovanni Arpino và Alfio Caruso đồng quan điểm về nhận định này, khi đơn giản vị huấn luyện viên Milan là người khởi xướng cho linh hồn của bóng đá Italia mang tên Catenaccio.

Nếu Helenio Herrera là nhà truyền giáo Catenaccio xuất sắc, thì Nereo Rocco là vị Chúa của trường phái này. Rocco chính là huấn luyện viên đầu tiên của Calcio hiện thực hóa ý tưởng về Catenaccio trên sân cỏ khi dẫn dắt các đội bóng tỉnh lẻ trong hai thập niên 40, 50. Như ở Triestina chẳng hạn, ông khiến các đối thủ vô cùng khó chịu với kiểu phòng ngự đổ bê tông và phản công chớp nhoáng. Nền tảng cho lối chơi này là việc các cầu thủ được yêu cầu di chuyển liên tục từ việc gây sức ép, lùi về phòng ngự và kèm người. Là một hậu vệ của Nereo Rocco, bạn sẽ nhận được chỉ thị rằng hãy theo sát tiền đạo đối phương từ phòng thay đồ đến tận toilet.

Là hai chiến lược gia cùng thời và tạo dựng tên tuổi từ Catenaccio nhưng cá tính của Helenio Herrera và Nereo Rocco lại trái ngược nhau. Bởi nếu như huấn luyện viên người Argentina theo chủ nghĩa quân phiệt khi cực kì nghiêm khắc với các học trò bao

nhiêu, thì "El Paron" lại vui vẻ và thoải mái bấy nhiêu. Nhưng trên sân cỏ, hình ảnh của Rocco luôn bùng cháy theo diễn biến trận đấu, sử sách ghi lại thói quen khi ông luôn đứng để hò hét các học trò từ đầu đến cuối, một phong cách đã ảnh hưởng rất lớn đến học trò của ông ở Milan là Giovanni Trapattoni (nếu là một Tifosi, hẳn bạn sẽ thấy hình ảnh ấy từ "Trap"). Tuy vậy, không phải ai cũng có thể thích ứng với lối đá này, tiêu biểu nhất chính là ngôi sao người Anh Jimmy Greaves, khi chỉ sau 10 trận đấu, ông đã buộc phải hồi hương vì không thể làm quen với chiến thuật hà khắc của El Paron.

Điểm chung tạo nên thành công trong kỉ nguyên vàng của Catenaccio ở thập niên 60 là ngoài những hậu vệ trứ danh, lối đá này sẽ thất bại nếu không sở hữu những ngôi sao tấn công thượng thừa. Nếu ở Inter có Jair, Luis Suarez và Sandro Mazzola thì tại Milan, El Paron sở hữu một nhà đạo diễn sân cỏ xuất sắc là Gianni Rivera, học trò và cũng là người bạn mà Rocco cực kì trân quý. Bởi nếu huấn luyện viên đến từ Trieste là vị thuyền trưởng vĩ đại, thì vai trò của Rivera chính là hoa tiêu cho con tàu mang tên Milan vượt qua sóng gió. Để nói về sự chiều chuộng của Rocco với Rivera, sử sách vẫn còn lưu giữ câu chuyện ngày ấy ở Milan rằng, trong đội hình của Rossoneri thì ai cũng phải tham gia phòng ngự nhưng riêng Gianni Rivera được thoải mái sáng tạo những gì mình thích. Chưa đủ, Rocco còn bố trí thêm một tiền vệ đánh chặn nhằm giải tỏa sức ép cho số 10. Và cặp mắt xanh của Rocco hoàn toàn có lí khi làm như vậy, bởi tài năng của Rivera chính là sự khác biệt của Milan ở những thời điểm quan trọng nhất. Để miêu tả về nhạc trưởng của Đỏ-Đen, nhà báo huyền thoại Gianni Brera nghĩ ra cái tên I'Abatino (vị linh mục trẻ) để đặt cho Rivera, với hàm ý nhấn mạnh sự thanh tao trong lối chơi của ông, mẫu cầu thủ không hề dùng đến cú tắc bóng hay phải lao vào những pha tranh chấp quyết liệt để tạo ra điểm nhấn, bởi mẫu cầu thủ như Rivera quá hào hoa, sang trọng để làm thế. Cũng chỉ có số 10 của Milan mới khiến nước Ý phải chia rẽ vì mình trước thềm World Cup 1970. Nhưng trước đó bảy năm, Rivera để lại dấu ấn bất hủ cùng Milan ở Wembley khi rốt cuộc, đỉnh cao châu Âu đã phấp phới ngọn cờ Đỏ-Đen.

Wembley ngày 22-5-1963, Milan bị đánh giá thấp hơn nhiều so với một Benfica lừng lẫy của Eusebio, bởi khi ấy đội bóng của Lisbon chính là cái tên chấm dứt kỉ nguyên thống trị của Real Madrid và Di Stefano với hai chức vô địch châu Âu liên tiếp. Nhưng đấy là ngày mà Catenaccio lên đỉnh vinh quang khi đã chế ngự thành công "Báo Đen" và có màn lội ngược dòng đầy ấn tượng, trong đó nổi lên là sự xuất sắc của cặp bài trùng José

Altafini và Gianni Rivera, khi số 10 tung ra cả hai pha kiến tạo thần sầu cho tiền đạo gốc Brazil. Đánh bại Benfica, màu áo Đỏ-Đen trở thành đội bóng đầu tiên của Calcio vô địch Cup C1 châu Âu, một định mệnh vốn gắn chặt tên tuổi của Milan với chiếc cúp danh giá này. Trong khi với Rivera, số 10 của Milan về thứ hai sau Lev Yashin trong cuộc bầu chọn danh hiệu Quả Bóng Vàng châu Âu năm 1963, một sự thừa nhận xứng đáng cho tài năng của I'Abatino. Thế là sau quãng thời gian chờ đợi, tham vọng thống trị trời Âu của ông chủ Andrea Rizzoli cũng đạt được cùng Nereo Rocco. Nhưng sau ngày vinh quang ấy là những cuộc chia ly buồn bã.

Ngay sau chiến thắng ở Wembley, cả Milano xôn xao với tin ông chủ Andrea Rizzoli nhượng lại quyền sở hữu Milan cho một doanh nhân có tên Felice Riva, người thừa kế của gia tộc Riva vốn sở hữu Cotonificio Vallesusa, đế chế vải sợi nổi tiếng ở miền Bắc. Thập niên 60 chứng kiến sự bùng nổ của kinh tế Italia sau chiến tranh, trong đó Milano nổi lên khá nhiều nhà tư bản nắm vai trò quan trọng của nền kinh tế và nhiều cái tên đã gắn chặt thành công cùng hai màu áo của Inter và Milan, ở thời điểm ấy chính là hai gia tộc Moratti và Riva. Nhưng rúng động hơn cả là sự ra đi bất ngờ của huấn luyện viên Nereo Rocco đến Torino. Một bí ẩn mà sau này sử sách mới giải mã thành công. Đó là khi Chủ tịch Torino Lucio Orfeo Pianelli gặp tai nạn xe hơi nghiêm trọng tưởng như không thể qua khỏi. Nằm trên giường bệnh, khi được Gipo Viani hỏi về nguyện ước của mình nếu qua đời, Pianelli liền đáp rằng ông khao khát được chứng kiến Nereo Rocco trở thành thuyền trưởng của Toro và ít ai ngờ câu chuyện tưởng như là lời động viên ấy bỗng trở thành sự thật vào mùa hè 1963 khi Rocco chính thức chia tay Milan, cập bến Torino, bỏ lại màu áo Đỏ-Đen cùng những nguyện ước dang dở.

Vinh quang trở lại

Không lâu sau sự ra đi của Nereo Rocco và Chủ tịch Andrea Rizzoli, bất ổn lại tìm đến với AC Milan, vấn đề chính nằm ở ông chủ mới Felice Riva. Với mái tóc vàng cùng vẻ bề ngoài lịch lãm, ở tuổi 28, Felice Riva không khác gì một tài tử điện ảnh. Ông lập tức thu hút ánh nhìn của công chúng khi trở thành chủ tịch của AC Milan và là người thừa kế đế chế vải sợi Cotonificio Vallesusa. Nhưng thương trường là chiến trường, khác với người cha lão luyện Giulio vốn đã qua đời, kinh nghiệm non nớt khiến "Felicino" đưa ra những quyết sách sai lầm về đường lối đã làm hại Cotonificio Vallesusa. Năm 1965, những khó khăn tài chính xuất hiện tràn lan trên mặt báo, minh chứng rõ nhất là việc nợ lương của hàng

nghìn công nhân. Tháng 10-1965, một vụ biểu tình lớn xuất hiện ở đường phố Milano với 8.000 người tham gia. Trong khi đó, tình hình ở AC Milan cũng đầy u ám.

Để thay thế Nereo Rocco, Felice Riva tìm đến huấn luyện viên Luis Carniglia, một chiến lược gia tên tuổi ở thời điểm ấy khi đã cùng Real Madrid của Di Stefano, Puskas, Gento vô địch Cup C1 hai lần, trong đó có lần họ đánh bại Milan vào năm 1958. Để làm hài lòng vị huấn luyện viên người Argentina, chủ tịch Riva chiêu mộ thành công ngôi sao Amarildo từ Brazil, một phó tướng của Pele vô địch thế giới ở Chile 1962, trong khi vẫn giữ nguyên bộ khung đã rất mạnh như Cesare Maldini, Giovanni Trapattoni, Gianni Rivera, José Altafini. Nhưng mâu thuẫn nội bộ đến ở trận lượt về tranh Cup Liên lục địa với Santos. Trên sân cỏ, Rossoneri thất bại chung cuộc 5-2, trong khi ngoài sân, CEO Gipo Viani và José Atafini có màn đấu khẩu dữ dội, hệ quả chính là việc ngôi sao người Brazil không cùng đội bóng bay về Milano.

Ngược lại với hoàn cảnh của Milan, ở phía bên kia thành phố, Inter vươn lên mạnh mẽ cùng Helenio Herrera. Cho đến trước Giáng sinh, khoảng cách giữa đôi bên đã là 7 điểm và có vài cái tên phải trả giá vì điều này. Không khó đoán khi huấn luyện viên Luis Carniglia bị đưa lên đoạn đầu đài vào tháng 1, người thay thế là huấn luyện viên trẻ tuổi Nils Liedholm, một tượng đài của San Siro. Tuy nhiên, mọi thứ đã muộn màng khi kỉ nguyên Grande Inter mới chỉ bắt đầu, kết thúc mùa giải 1963-64, Nerazzuri giành Scudetto trong khi Milan chỉ về thứ 3, nhưng cú sốc lớn nhất lại đến bên ngoài sân cỏ. Năm 1965, sau một loạt những vụ đầu tư thất bại, cả Italia rúng động khi Cotonifico Vallesusa tuyên bố phá sản, với khoản nợ lên đến 46 tỉ lire. Ngay lập tức, tòa án ra lệnh tống giam Felice Riva, nhưng vị chủ tịch Milan đã kịp đào thoát sang Beirut của Lebanon với tấm hộ chiếu của quốc gia Tây Á. Tuy vậy, năm 1969 khi trở về Italia, ông bị bắt với án phạt bốn năm tù giam, trở thành vị chủ tịch đầu tiên của Calcio vướng vòng lao lí. Trong khi với Milan, định mệnh nghiệt ngã đưa màu áo Đỏ-Đen trôi dạt đến nhà Carraro vào năm 1965.

Năm 1964, nhà Carraro chính thức góp mặt trong thành phần lãnh đạo Rossoneri khi ông là cánh tay mặt của Felice Riva và giữ ghế phó chủ tịch, nguyên nhân xuất phát từ chuyện Luigi Carraro là đối tác trong ngành vải sợi với Chủ tịch Felice Riva. Tuy nhiên, ông đột ngột qua đời vào năm 1967, để lại cơ nghiệp cho người con trai Franco, khi ấy mới 27 tuổi. Nhưng ít ai ngờ rằng, một kẻ ngoại đạo với bóng đá như Franco lại phục sinh Milan trong một giai đoạn ngắn ngủi. Bởi nói về Franco Carraro, nghĩa là bạn đang

nhắc đến một vận động viên trượt tuyết tài năng với 11 chức vô địch Italia, 3 lần vô địch châu Âu, nhưng hơn cả, ông là một nhà quản lí thể thao tài ba và giai đoạn gắn bó với Milan đã góp phần hun đúc nên một Franco Carraro xuất sắc trên bình diện Calcio (sau này, Franco Carraro còn tham gia địa hạt chính trị và trở thành Thị trưởng Roma, rồi Bộ trưởng Bộ Du lịch và Giải trí của Italia).

Điệp vụ đầu tiên của Franco chính là thuyết phục huyền thoại Nereo Rocco trở lại Milan. Sau ba năm không mấy thành công, Rocco chợt nhận ra sứ mệnh của mình với Rossneri vẫn còn dang dở, nhưng quan trọng nhất là Milan bây giờ đã không còn Felice Riva, người đã từng hắt hủi ông thuở nào. Được Chủ tịch Franco Carraro trao quyền bính lớn trong tay, Nereo Rocco lập tức phục hưng Milan bằng một thế hệ những tài năng mới như hậu vệ xuất sắc Roberto Rosato, Karl Heinz Schnellinger (người Đức), Giovani Trapattoni, "Cánh chim nhỏ" Kurt Hamrin (người Thụy Điển) và Gianni Rivera, tri kỉ và là tài năng không thể thiếu trong bất cứ ý tưởng chiến thuật nào của Rocco. Ngoài ra, một thế hệ những tài năng trẻ cũng được trao cơ hội như Pierino Prati, Pierangelo Pelli hay Angelo Anquilletti, trong khi tượng đài Cesare Maldini giờ sẽ là cánh tay phải của Rocco trong vai trò trợ lí. Với một đội ngũ tài năng và đầy khát khao, Milan nhanh chóng thiết lập quyền lực của mình, nhưng trùng hợp thay, đó cũng là buổi hoàng hôn cho kỉ nguyên Grande Inter khi nội bộ Nerazzuri nổ ra mâu thuẫn lớn giữa thủ quân Armando Picchi và huấn luyện viên Helenio Herrera, dẫn đến sự ra đi của Picchi vào năm 1967 và sau đó một năm chính là huấn luyện viên người Argentina. Trong khi Torino và đương kim vô địch Juventus đồng loạt sa sút, bối cảnh giúp Scudetto thứ 9 đến với Milano như một lẽ tất yếu của thời cuộc.

Một năm sau, đỉnh cao châu Âu lại vẫy gọi Rossoneri sau khi hạ gục Ajax Amsterdam, với những Johan Cruyff hay Johan Neekens trong đội hình. Ở Santiago Bernabeu ngày hôm ấy, lịch sử lại khắc ghi tên tuổi của "Cậu Bé Vàng", Gianni Rivera, thiên tài của những trận đấu lớn khi số 10 góp mặt trong hầu hết những bàn thắng của Milan, trong đó cú đánh đầu ấn định tỉ số 4-1 của trung phong Pierino Prati đến sau đường chuyền như đặt của Rivera, pha bóng được các sử gia so sánh với đường kiến tạo của Pele cho Carlos Alberto ở chung kết Mexico 1970. Màn trình diễn xuất sắc vào năm 1969 của Gianni Rivera đã thuyết phục tất cả để giúp ông trở thành cầu thủ Italia đầu tiên giành Quả Bóng Vàng châu Âu. Nhưng sau ngày hôm ấy, một lần nữa sự bất ổn ở thượng tầng đã phá tan giấc mộng tuyệt vời giữa Nereo Rocco và Milan.

Năm 1971, sau những thành công cùng AC Milan, Chủ tịch Franco Carraro nhận được sự quan tâm từ Liên đoàn bóng đá Italia (FIGC), những thử thách mới lập tức quyến rũ chàng trai mới ngoài 30 tuổi vốn mang theo hoài bão lớn lao. Đúng như dự đoán của báo giới khi Carraro từ chức Chủ tịch AC Milan và lên thay là Phó chủ tịch Federico Sordillo, người được hậu thế nhớ đến khi là chủ tịch của... FIGC vào thời điểm Italia vô địch Espana 82, còn với Milan, dấu ấn của Sordillo không nhiều mà ngược lại, chính sự ra đi của ông vào tháng 12-1972 mở ra chu kì đen tối thứ hai trong lịch sử Rossoneri với sự xuất hiện của một nhân vật, Albino Buticchi.

Fatal Verona và những kí ức buồn

Năm 1969, sau khi đánh bại Estudientes để giành chiếc Cup Liên lục địa, trong men say chiến thắng ở Buenos Aires, huấn luyện viên Nereo Rocco tuyên bố "Tất cả những gì mà chúng tôi cần là ngôi sao của Scudetto thứ 10". Bởi ai cũng biết ở Calcio, cứ giành được 10 Scudetto thì ngực áo của câu lạc bộ sẽ được đính một ngôi sao trên logo. Ở thời điểm đó, chỉ Juventus và Inter là có được vinh dự trên, chính điều này khiến Rocco càng thêm khát khao, nhưng ít ai ngờ rằng, câu nói ấy của ông như một lời nguyền khiến Rossoneri đã phải chờ đúng 10 năm, bởi thập niên 70 chứng kiến một trong những tấn bi kịch tồi tệ nhất trong lịch sử AC Milan.

Quay trở lại với Albino Buticchi, ông sinh ra ở La Spezia vào năm 1926. Với khả năng nhạy bén trên thương trường, ông nhanh chóng trở thành ngôi sao của BP - tập đoàn dầu lửa của Anh tại miền Bắc Italia; thú vị thay BP là đối thủ chính khi ấy của đế chế Saras nhà Moratti. Vị thế quyền lực này giúp ông kết thân với vài ngôi sao nổi tiếng, trong đó có Gianni Rivera và chính "I'Abatino" đã thuyết phục thành công Buticchi gia nhập ban lãnh đạo Milan với tư cách phó chủ tịch, để rồi đến năm 1972, sự ra đi của Federico Sordillo mở đường cho ông leo lên chiếc ghế quyền lực nhất ở San Siro.

Sau khi lên nắm quyền, Buticchi gây ấn tượng mạnh với các Milanisti bằng cú hớt tay trên "Ngựa Hoang" Luciano Chiarugi trước Inter của đối thủ Ivanoe Fraizzoli. Nên nhớ Chiarugi là ngôi sao đang lên của Fiorentina và được cả Calcio khao khát khi ấy. Mùa giải 1972-73, với lực lượng hùng hậu trong tay, Milan của Nereo Rocco như cuốn phăng mọi vật cản, đối trọng chính của Đỏ-Đen là Juventus và Lazio. Giữa tháng 4-1973, Milan có chuyến làm khách quan trọng ở Rome, với sự so kè khốc liệt trên bảng xếp hạng thì đây là màn quyết đấu ảnh hưởng rất nhiều đến số phận

của Scudetto. Nhưng rốt cuộc sau 90 phút, Milan thua 1-2 trong sự ấm ức rất lớn về tiếng còi của Concetto Lo Bello, trong đó có một tình huống mà trọng tài quê ở Sicilia từ chối bàn thắng hợp lệ của Chiarugi. Những tranh cãi kéo dài làm hại Milan với việc thủ quân Rivera bị treo giò 2 trận trong khi huấn luyện viên Rocco bị cấm chỉ đạo 30 ngày.

Thất bại của Rossoneri khiến hi vọng cho Scudetto lại mở ra với Juventus và Lazio khi khoảng cách giữa bộ ba này chỉ là 1 điểm trước vòng đấu cuối cùng (Milan có 44 điểm, còn Juventus và Lazio có cùng 43 điểm). Nhưng bất lợi rất lớn đến với Đỏ-Đen khi trước lượt trận cuối, họ sẽ phải quyết đấu cùng Leeds United ở chung kết Cup C2 vào ngày 16-5 ở Thessaloniki. Với một huấn luyện viên lão luyện như Rocco, ông thừa hiểu các học trò sẽ không có đủ thời gian để hồi phục sau chuyến trở về từ Hi Lạp, vì thế Milan đưa kiến nghị với FIGC để dời trận đấu với Hellas Verona muộn hơn một ngày. Nhưng đáp lại là sự từ chối thẳng thừng từ FIGC. Không ngoài dự đoán của Rocco, khi các cầu thủ lộ rõ sự mệt mỏi dưới cơn mưa nặng hạt ở Verona, Milan hoàn toàn đánh mất mình khi để đối thủ ghi liền 3 bàn chỉ trong 25 phút đầu tiên. Trong khi ngược lại, ở Olimpico, bàn thắng của Antonello Cuccureddu giúp Lão Phu Nhân hạ AS Roma 2-1. Juventus gọi nhưng Milan không thể trả lời khi thất thủ 3-5 ở Verona. Dưới ánh mắt ngỡ ngàng của hai vạn Milanisti đã chuẩn bị sẵn cho lễ ăn mừng Scudetto lần thứ 10, Milan đã gục ngã một cách đau đớn nhưng đồng thời thảm họa "Fatal Verona" cũng khép lại hoàn toàn chu kì chiến thắng của huyền thoại Nereo Rocco cùng màu áo Đỏ-Đen, bất chấp 2 lần quay trở lại của ông sau này.

Lí giải cho lần ra đi thứ hai của Rocco, các sử gia tiết lộ, mối quan hệ giữa Chủ tịch Albino Buticchi và Nereo Rocco là bằng mặt mà không bằng lòng, bởi cá tính của hai bên đều rất mạnh, trong khi ác cảm mà Rocco dành cho Buticchi không khác là mấy so với cựu Chủ tịch Felice Riva ngày nào. Những dấu hiệu rạn nứt đến vào cuối mùa giải 1972-73 khi Rocco tâm sự với cánh phóng viên, "Tôi thấy mình giống Garibaldi, rồi cũng đến lúc tôi phải quay về Caprera thôi". Caprera mà Rocco nhắc đến chính là một cửa hàng bán thịt của ông ở quê nhà Trieste. Và dù đã giành Coppa Italia và Cup C2 châu Âu, nhưng hai chiến công này hoàn toàn bị che mờ bởi kí ức đau đớn "Fatal Verona" vào ngày 20-5-1973, cũng đồng thời đại diện cho kỉ nguyên thất bại ở thập niên 70 của AC Milan.

Với chủ tịch Albino Buticchi, con tàu Milan dần chệch hướng khi mối quan hệ của ông và phần còn lại của câu lạc bộ, từ cầu thủ đến cổ động viên, hoàn toàn đổ vỡ. "Đúng vậy, vụ trao đổi giữa Rivera

và Sala hoàn toàn có thể thực hiện đấy", một phát biểu mở màn cho tiếng súng ở San Siro khi ông đòi bán tượng đài Rivera cho Torino, trận chiến ngầm nổ ra giữa một bên là Rivera và các Milanisti, trong khi phía còn lại là sự cô độc của Buticchi. Mùa hè năm 1973, mọi thứ đi xa hơn khi Buticchi bán đi hai ngôi sao Pierino Prati và Roberto Rosato. Để đáp trả, Gianni Rivera quyết không đến sân tập trong hai ngày và bị trừng phạt bởi huấn luyện viên Gustavo Gianogni. Tháng 9-1975, dưới sức ép của các Milanista và đội bóng, Albino Buticchi phải cay đắng ra đi, bởi đơn giản vào thời điểm ấy, Rivera là Milan và Milan là Rivera. Dù vậy, cuộc chia ly này cũng không thể mở ra tương lai tươi sáng hơn cho màu áo Đỏ-Đen.

Thất bại của Milan trong thập niên 70, về bản chất, đều phù hợp nếu xét trong bối cảnh khách quan và chủ quan. Một mặt, Rossoneri trải qua thời kì biến động lớn ở mặt thượng tầng sau sự ra đi của Albino Buticchi khi quyền điều hành đội bóng được chuyển giao cho ít nhất bốn người. Cho đến trước năm 1980, ghế chủ tịch của Milan thay đổi xoành xoạch từ Jacopo Castelfranchi, Bruno Pardi, Vittorio Duina cho đến Felice Colombo. Ngân sách eo hẹp khiến lực lượng đội bóng hoàn toàn thua kém so với Inter, Torino và Juventus, kẻ đặt ách thống trị lên Calcio. Đó là thời điểm sau khi Lão Phu Nhân mạnh dạn trẻ hóa đội ngũ toàn diện, với gương mặt tiêu biểu là tiền đạo trẻ Roberto Bettega, nhưng bước ngoặt chỉ đến khi Giovanni Trapattoni trở thành huấn luyện viên trưởng đội bóng vào năm 1976, thú vị thay, "Trap" là một tượng đài thuở nào ở San Siro. Trong suốt giai đoạn đen tối ấy, một chút tia sáng chỉ đến với Rossoneri trong kỉ nguyên của Chủ tịch Felice Colombo.

Scudetto Della Stella hay Scudetto thứ 10, từ giấc mơ của Nereo Rocco biến thành nỗi ám ảnh cho Milan suốt thời gian dài, một nhiệm vụ được cho là quá nặng nề với hoàn cảnh khó khăn của Rossoneri ở thập niên 70. Năm 1976, Chủ tịch Vittorio Duina gây bất ngờ khi bổ nhiệm Giuseppe Marchioro ngồi vào ghế nóng ở San Siro, bởi trước khi đến Milan, "Pippo" Marchioro chỉ cầm quân ở vài đội bóng tỉnh lẻ như Como và Cesena. Nếu bỏ sang một bên vị trí thứ 6 cùng Cesena ở mùa giải 1975-76 thì yếu tố thuyết phục Chủ tịch Duina nằm ở chuyện ông là người theo đuổi trường phái tổng lực Hà Lan, một ý tưởng hoàn toàn xa lạ với Calcio vào thời điểm ấy.

"Đây là cơ hội của đời người. Nếu một ngày tôi phải ra đi, thì tư thế ấy phải là của vị vua hoặc một kẻ thất bại." Đấy là Pippo Marchioro và câu nói bất hủ trong ngày nhậm chức ở Milanello năm 1976.

Chỉ sau đúng 15 vòng đấu, ông đã bị sa thải khi chỉ giành được hai chiến thắng và ngụp lặp ở nhóm chót bảng. Hoàn cảnh đẩy Milan vào cuộc chiến trụ hạng lần đầu tiên trong lịch sử đội bóng. Như cây bút Gabriele Marcotti phân tích, về mặt lí thuyết, ai cũng hiểu triết lí "Tổng lực" vận hành thế nào, nhưng để áp dụng thành công như Ajax của Cruyff thì yếu tố con người là vấn đề quan trọng nhất và đó là thứ mà Milan của Marchioro không có. Đấy là tập thể chỉ còn một Gianni Rivera đã 33 tuổi, thủ thành Enrico Albertosi và một Fabio Capello vừa dính chấn thương nặng ở Juventus. Đứng trước viễn cảnh thảm họa, lần thứ ba, Nereo Rocco trở lại để trục vớt đội bóng, và hai chiến thắng cuối cùng ở mùa giải 1976-77 giúp Milan tránh khỏi việc xuống hạng lần đầu tiên trong lịch sử. Nhưng Rocco đã ở đoạn cuối của sự nghiệp, và Milan cần dòng máu trẻ trung hơn, nhân vật ấy là Nils Liedholm.

Sau khi chia tay Milan vào năm 1966, huyền thoại người Thụy Điển lang bạt qua một loạt các đội bóng nhỏ trước khi tạo dựng chút tên tuổi với AS Roma. Trong đó, biệt tài của Nils Liedholm là biết cách phát triển những tài năng trẻ, ở AS Roma đó là Bruno Conti, Agostino Di Bartolomei và Francesco Rocca, tất cả họ sau này đều trở thành những huyền thoại lớn của màu áo Bã Trầu. Chính vì vậy, một đội bóng đang trong giai đoạn tái thiết như Milan là cực kì thích hợp với Nils Liedholm. Dưới bàn tay của ông, những viên ngọc thô lần lượt xuất hiện ở San Siro như Fulvio Collovati và đặc biệt là Franco Baresi, cái tên sau này đại diện cho kỉ nguyên huy hoàng nhất của đế chế Đỏ-Đen.

Với kinh nghiệm của đội trưởng Gianni Rivera, tiền vệ Fabio Capello cộng thêm sức trẻ, sự khát khao của những Fulvio Collovati hay Franco Baresi, Milan của Nils Liedholm lập tức gây ấn tượng với Calcio. Cho đến tháng 12-1977, Milan thắng liền 7 trận liên tiếp để sau đó kết thúc mùa giải ở vị trí thứ 4, một nền tảng chắc chắn được Liedholm gây dựng cho Scudetto Della Stella sau đó một năm khi họ vượt qua một Perugia bất khả chiến bại. Đó là Scudetto mà chắc chắn Milan muốn gửi đến Nereo Rocco, bởi người đàn ông vĩ đại ấy không có dịp chứng kiến khoảnh khắc ông đã mất đến 10 năm chờ đợi khi đột ngột qua đời vào tháng 2-1979. Nhưng thành công ấy chỉ như ánh sao băng vụt qua bầu trời, để rồi San Siro lại bị che phủ bởi màn đêm u tối.

Nơi tận cùng của nỗi đau

Sau chiến tích mang về Scudetto thứ 10, tương lai của Nils Liedholm là chủ đề nóng bỏng với Milan. Theo báo giới tiết lộ, huấn luyện viên người Thụy Điển muốn sự thừa nhận xứng đáng

từ Chủ tịch Felice Colombo bằng một bản hợp đồng ba năm; đáp lại, ông chủ của San Siro chỉ đưa ra lời đề nghị có 12 tháng. Không thể tìm thấy tiếng nói chung, Liedholm lập tức chia tay Rossoneri vào mùa hè 1979 để trở về AS Roma, nơi vị chủ tịch đầy tham vọng Dino Viola đã dọn sẵn một cơ ngơi lí tưởng cho huấn luyện viên người Thụy Điển. Vuột mất một bộ óc lão luyện như Liedholm, Milan đành hài lòng với Massimo Giacomini, một huấn luyện viên trẻ tuổi đã gây tiếng vang cùng Udinese với chiến tích thăng liền hai hạng đấu trong vòng hai năm, trong khi trên sân cỏ, các Milanisti bùi ngùi nói lời chia tay với tượng đài Gianni Rivera khi ông quyết định giải nghệ ở tuổi 36 để giữ ghế phó chủ tịch câu lạc bộ. Bối cảnh ấy khiến mùa giải Serie A 1979-1980 đến một cách nặng nề với nhà đương kim vô địch. Nhưng bước ngoặt tồi tệ chỉ đến vào tháng 1-1980.

Sau nhiều tin đồn bị rò rỉ, tờ báo cánh tả Paese Sera đưa ra tiết lộ động trời về đường dây dàn xếp tỉ số và cá cược bất hợp pháp ở Calcio, với lợi nhuận không hề thua kém những công ty cá cược hợp pháp TotoCalcio. Mọi thứ rõ ràng hơn khi tiền vệ Maurizio Montesi của Lazio vô tình chia sẻ với nhà báo Oliviero Beha rằng "Tiêu cực xuất hiện tràn lan ở Italia". Một chuyên án điều tra được FIGC tiến hành bởi thanh tra Corrado De Biase với mật danh "Totonero", sự thật hé lộ về hai nhân vật quan trọng là Mauricio Cruciani, 32 tuổi và Alvaro Trinca, 45 tuổi. Đến từ Rome và quen biết giới cầu thủ của Lazio, họ đã đưa ra đề nghị bằng tiền để đổi lại là việc dàn xếp tỉ số của các cầu thủ. Tháng 3-1980, cảnh sát tiến hành bắt giữ hai nghi can nhằm làm rõ vụ việc và từ đây, bức màn đen tối bấy lâu của bóng đá Italia chính thức được vén lên.

Ngày 23-3-1980, một cuộc đột kích quy mô lớn được cảnh sát Italia tiến hành trên khắp các sân bóng Calcio từ Serie A đến Serie B, từ Milano ở miền Bắc trải dài tận Sicilia ở miền Nam. Tại San Siro, Milan để thua Torino 0-2, sau trận đấu, phòng thay đồ của đội chủ nhà bất ngờ bị khóa chặt, với bốn nhân vật bị bắt giữ tại chỗ gồm thủ thành Enrico Albertosi, tiền vệ Giorgio Morini, tiền đạo Stefano Chiodi và đương kim Chủ tịch Felice Colombo. Từ vị thế người hùng, chỉ trong phút chốc, họ bị dẫn giải như những tên tội phạm. Ngoài ra, đường dây này còn liên quan đến một loạt các tên tuổi đình đám của Calcio khi ấy như Bruno Giordano của Lazio và Paolo Rossi của Perugia (người sau này trở thành Quả Bóng Vàng châu Âu 1982 khi giúp Italia vô địch thế giới và cũng sẽ gia nhập Milan). Một án phạt nặng nề dành cho các đội bóng và cầu thủ, trong đó phía Lazio và Milan là nặng nhất, khi ba thành viên của Milan bị cấm thi đấu từ 6 tháng đến 4 năm, trong khi Chủ tịch Felice Colombo bị cấm hoạt động bóng đá suốt đời. Nhưng tấn bi

kịch lớn nhất với các Milanisti chính là việc lần đầu tiên trong lịch sử đội bóng, AC Milan sẽ phải xuống chơi ở Serie B cùng Lazio. Ở San Siro ngày hôm ấy, bầu trời như sụp đổ.

Từ vị thế vương tôn ở Calcio nay bị "lưu đày biệt xứ" ở Serie B, hoàn cảnh buộc Milan phải thích nghi để tồn tại. Rossoneri có chủ tịch mới là luật sư Gaetano Morazzoni, người bạn thân của Felice Colombo và Gianni Rivera. Vốn tham gia chính trường, Morazzoni là thành viên của Đảng Dân chủ Thiên Chúa giáo. Ghế huấn luyện vẫn là ông Massimo Giacomini, người đã gây ấn tượng mạnh ở mùa giải 1980-81. Về mặt lực lượng, Milan quyết định trẻ hóa toàn diện đội bóng khi chỉ còn 8 gương mặt giành Scudetto trước đó 2 năm, họ nói lời chia tay với cựu binh Fabio Capello, vốn chuyển xuống làm huấn luyện viên ở đội trẻ, trong khi tiền vệ Alberto Bigon được bán đến Lazio.

Đổi lại, một dòng máu trẻ trung xuất hiện ở Milanello như Sergio Battistini, Andrea Icardi và Alberigo Evani, những tài năng từ đội trẻ đã chơi rất hay dưới bàn tay của huấn luyện viên Italo Galbiati. Một gương mặt đáng chú ý cũng đến trong mùa hè 1980, đó là Mauro Tassotti, một hậu vệ trẻ triển vọng từ Lazio. Trong khi băng thủ quân của Milan thuộc về Aldo Maldera, với Franco Baresi sau khi đã trải qua hai năm rèn giũa ở Serie A, mùa giải 1980-81 hứa hẹn sẽ có nhiều cơ hội hơn cho ông. Với độ tuổi trung bình là 23,6, đó là một Milan trẻ nhất trong nhiều thập kỉ qua, nhưng cũng đầy khát khao để chứng tỏ mình. Trong buổi tập đầu tiên trước mùa giải mới ở Milanello, một tấm băng rôn xuất hiện ở cổng chính với thông điệp "Chúng ta thà ở Serie B còn hơn là những tên trộm". Chỉ sau 7 trận đầu tiên, số vé bán ra ở sân nhà của Milan đạt đến con số 900 triệu lire, điều khó tin ở Serie B vào thời điểm đó.

Khí thế ấy được thể hiện bằng màn trình diễn thuyết phục trên sân cỏ khi Milan trình diễn phong độ ấn tượng, bởi nếu hàng thủ có sự xuất sắc của Segio Battistini và Baresi thì ở hàng công, huấn luyện viên Giacomini sở hữu sát thủ Roberto Antonelli (cha của hậu vệ Luca Antonelli sau này), với 15 bàn thắng cực kì quan trọng cho Rossoneri ở mùa giải năm ấy. Vượt qua hai đối thủ cạnh tranh trực tiếp là Genoa và Lazio, Milan giành chức vô địch Serie B ở vòng đấu áp chót sau chiến thắng trước Monza ở San Siro vào ngày 14-6-1981, trong khi Antonelli là Vua phá lưới của Serie B. Nhưng khi niềm vui còn chưa đi qua, rạn nứt đã xuất hiện ở Milanello. Trước báo giới, huấn luyện viên Massimo Giacomini xác nhận, "Tôi sẽ rời khỏi Milan, đây là ngày hạnh phúc nhất đời tôi". Quyết định bất ngờ của huấn luyện viên Giacomini đến sau

khi ông biết CEO Sandro Vitali và Gianni Rivera đã lên kế hoạch bổ nhiệm Luigi Radice vào ghế huấn luyện viên ở mùa hè năm ấy. Một cái kết buồn cho huấn luyện viên đã cùng màu áo Đỏ-Đen đi qua những ngày tháng gian nan nhất. Cùng thời điểm đó, nhà tài phiệt truyền thông Silvio Berlusconi xuất hiện trên kênh Canale 5 để xác nhận rằng mình là một Milanista, đồng thời ông sẽ tổ chức một giải đấu giao hữu mang tên Mundialito (World Cup thu nhỏ) gồm các đội bóng như Feyenoord, Santos, Penarol, Inter và Milan. Sự kiện đánh dấu việc Silvio Berlusconi chính thức bước chân vào thế giới bóng đá.

Buổi hoàng hôn cuối cùng

Luigi Radice, một thành viên của AC Milan vô địch châu Âu vào năm 1963, nhưng vị thế của ông trong đội hình là không quá nổi bật. Năm 1965, một chấn thương đầu gối nặng buộc Radice phải giã từ sự nghiệp ở tuổi 30. Nhưng ngược lại, "Gigi" tỏ ra xuất sắc trên băng ghế huấn luyện với những chiến tích lẫy lừng. Năm 1976, Radice cùng Torino bất ngờ vượt mặt Juventus để vô địch Serie A, đến giờ đó vẫn là Scudetto gần nhất của Toro. Đến mùa giải 1980-81, ông giúp Bologna giành vị trí thứ 7 thần kì sau khi bị trừ đến 5 điểm sau scandal Totonero. Với ánh mắt lạnh lùng cùng cá tính sắt đá, biệt danh "Il Sergente Di Ferro" hay "Trung Sĩ Thép" được báo giới đặt cho Radice là vì vậy. Những chi tiết ấy đã đủ làm xiêu lòng bộ đôi quyền lực Sandro Vitali và Gianni Rivera của Milan trong việc chiêu mộ bằng được huấn luyện viên cá tính này, bất chấp chuyện họ phải mang tiếng bội tín với công thần Massimo Giacomini.

Về mặt nhân sự, đó là thời điểm mà Serie A cho phép các đội bóng đăng kí hai ngoại binh trong đội hình và Milan nhắm đến một loạt những tên tuổi đình đám từ Karl Heinz Rummenigge (Quả Bóng Vàng châu Âu 1981), "Pele trắng" Zico cho đến Jen Ceulemans, trung phong số 1 của đội tuyển Bỉ. Nhưng rốt cuộc, thay vì những siêu sao hàng đầu, các Milanista đành phải ngậm ngùi chào đón Joe Jordan, chân sút người Scotland khi ấy đã 30 tuổi. Tuy nhiên, ấn tượng sau đó của giới cổ động viên Milan thay đổi hoàn toàn, khi Jordan luôn thể hiện khí chất chiến đấu máu lửa và một tinh thần anti Inter mạnh mẽ.

Tuy vậy, chân sút người Scotland bị sốc bởi cách phòng ngự ở Calcio, khi trong cả mùa giải 1981-82, ông chỉ ghi vỏn vẹn 2 trong số 21 bàn thắng của Milan, một con số quá thấp cho các chân sút của Luigi Radice. Chưa dừng lại, sự vắng mặt đến gần 4 tháng của Franco Baresi vì bệnh tật càng bào mòn sức kháng cự của hàng

thủ. Cho đến tháng 11-1981, thành tích nghèo nàn dìm Milan xuống đáy bảng xếp hạng Serie A với chỉ 6 điểm qua 9 vòng. Quyết định sa thải huấn luyện viên Luigi Radice từ tân Chủ tịch Giuseppe Farina vào tháng 1-1982 cũng không cải thiện nhiều tình hình. Ngày 16-5-1982, dù đánh bại Cesena 3-2, nhưng Milan vẫn phải ngậm ngùi xuống hạng lần thứ hai trong vòng 3 năm.

Các sử gia đồng ý rằng, thất bại cay đắng ở mùa giải 1981-82 là hệ quả của một chuỗi những bất ổn ở thượng tầng của Rossoneri vốn kéo dài từ năm 1979 khi thiếu hẳn một bộ não đủ tầm để định hướng về mặt đường lối. Vụ chuyển nhượng Joe Jordan và những người Anh sau đó mãi là tiêu biểu cho thất bại ở giai đoạn này của màu áo Đỏ-Đen. Mùa hè 1982, trong khi cả Italia hân hoan tột độ cùng chức vô địch thế giới của Azzurri thì Milano ngổn ngang cho công cuộc tái thiết với Giuseppe Farina là người chịu trách nhiệm cho mục tiêu đưa Milan trở lại, nhưng một lần nữa, ông lại đi vào lối mòn thất bại của những người tiền nhiệm. Triều đại của Giuseppe Farina cũng chính là buổi hoàng hôn cuối cùng của AC Milan trước khi ánh bình minh ló rạng ở San Siro.

Sinh năm 1933 ở thị trấn Gambellara, vùng Veneto, Giuseppe Farina có biệt danh "Il Agricoltore" hay "Gã Nông Dân" để chế giễu chuyện ông chỉ quen việc lèo lái các đội bóng tỉnh lẻ. Nhưng lưu lại trong sử sách, ông được nhớ đến như một con buôn lọc lõi của thế giới Calcio. Cách làm ăn của "Giussy" là nhắm đến các đội bóng khánh kiệt về tài chính, sau đó tìm cách làm hồi sinh và bán đi với số tiền chênh lệch khổng lồ. Đội bóng đầu tiên mà Farina gây tiếng vang là câu lạc bộ quê nhà Vicenza vào năm 1968, dù chỉ sở hữu 2% cổ phần nhưng cách quản lí của Farina giúp Vicenza tiến nhanh trên sân cỏ. Mười năm sau ngày ông giữ ghế Chủ tịch, Vicenza bất ngờ giành ngôi á quân Serie A vào năm 1978, trong đó họ có ngôi sao tài danh Paolo Rossi, chân sút nổi lên như một trung phong xuất sắc bậc nhất Calcio vào thời điểm đó vốn thuộc quyền sở hữu chung của Juventus và Vicenza, và một cuộc mặc cả lịch sử đã diễn ra. Dù rất cứng rắn nhưng rốt cuộc, sự khôn ngoan của Farina khiến Lão Phu Nhân phải nản lòng khi đành bỏ ra 2 tỉ 612 triệu lire (tương đương 1,75 triệu bảng Anh) để toàn quyền sở hữu chân sút này, qua đó biến Paolo Rossi trở thành cầu thủ đắt giá nhất thế giới vào năm 1976. Đến năm 1982, góc nhìn của một con buôn như mách bảo Giuseppe Farina phải tìm đến Milan trong bối cảnh Rossoneri đã kiệt quệ về tài chính.

Giữ đúng lời hứa với các Milanista vào tháng 5-1982, Milan trở lại Serie A sau một năm vắng bóng với ba quyết định về mặt đường lối vô cùng chuẩn xác của Giussy, đó là bổ nhiệm Silvano

Ramaccioni giữ ghế giám đốc thể thao, Ilario Castagner là huấn luyện viên trưởng và quan trọng nhất, tấm băng thủ quân được trao cho Franco Baresi lúc đó mới 22 tuổi, quyết định được coi là sáng suốt nhất trong kỉ nguyên của vị chủ tịch này. Nhưng để vượt mặt Juventus, Napoli và Inter, xem ra nhiệm vụ ấy là quá tầm với Giuseppe Farina. Đỉnh cao cho sự thua kém toàn diện ấy đến bởi chất lượng những ngoại binh mà Milan sở hữu, ở giai đoạn này là những người Anh từ xứ sương mù.

Thập niên 80, vùng đất Calcio Serie A vươn mình trở thành quyền lực của bóng đá thế giới. Tiền bạc và danh vọng biến màu áo của các câu lạc bộ trở thành nỗi khát khao của các cầu thủ bởi một lẽ đơn giản, nếu bạn muốn trở thành người giỏi nhất thì bạn phải tìm kiếm thử thách ở Calcio. Mọi thứ đến sau thay đổi của FIGC vào năm 1980 khi cho phép mỗi câu lạc bộ có hai ngoại binh, điều vốn bị cấm sau thất bại của Italia ở World Cup 1966. Từ Karl Heinz Rummenigge (Inter) đến Michel Platini (Juventus), từ Falcao (Roma) đến Socrates (Fiorentina), thậm chí đội bóng tỉnh lẻ như Udinese cũng sở hữu một Zico tài ba đủ nói lên sức quyến rũ thế nào từ Calcio. Năm 1984, đỉnh cao của Calciomercato là thương vụ đắt giá nhất hành tinh trị giá 11 triệu USD mà Napoli dành cho Diego Maradona. Việc sở hữu một ngoại binh danh giá cũng chính là cách một câu lạc bộ thể hiện tầm vóc, vị thế của mình ở Serie A. Nhưng với Milan của Giuseppe Farina, đó là nỗi thất vọng tràn trề.

Năm 1983, sau khi chia tay Joe Jordan, Milan mang về hai ngoại binh là Luther Blissett từ Watford và Eric Gerets của Standard Liege, trong đó chân sút người Anh Blissett được chiêu mộ sau khi gây ấn tượng mạnh cùng Watford ở mùa giải 1982-83 khi giành danh hiệu "Chiếc giày vàng Châu Âu" với 27 bàn thắng. Để thuyết phục được huấn luyện viên Graham Taylor nhả người, Milan đã phải móc hầu bao đến 1 triệu bảng cho thương vụ này. Trong khi đó, Eric Gerets là tiền vệ hàng đầu đội tuyển Bỉ giành ngôi Á quân Euro 1980. Cả hai đến trong sự kì vọng bao nhiêu của các Milanista thì cách họ ra đi lại gây thất vọng tràn trề bấy nhiêu. Với Blissett, ông chỉ nổ súng vỏn vẹn 5 lần qua 30 trận đấu, trong khi Gerets còn cay đắng hơn khi buộc phải ra đi chỉ sau vài trận đấu với tai tiếng cá cược bất hợp pháp ở Bỉ. Đến năm 1984, khi Inter chào đón siêu sao Karl Heinz Rummenigge thì các Milanista phải ngậm ngùi với Mark Hateley và Ray Wilkins, vốn đều đến từ xứ sương mù.

Tháng 2-2016, San Siro chứng kiến trận Derby Milano lượt về, nhưng hai đội còn chưa ra sân, các Ultras ở khu Curva Sud đã gây

ấn tượng mạnh khi khoe bức hình khổng lồ nhằm gợi nhớ về cú đánh đầu thuở nào của Mark Hateley tung lưới Inter vào năm 1984. Đến giờ, đó vẫn là kí ức đáng nhớ nhất của những người Anh cùng Milan ở thập niên 80, bởi đó là trận đấu giúp Rossoneri chấm dứt chuỗi sáu năm không thắng trước Inter. Nhưng phút giây lóe sáng như vậy lại quá ngắn ngủi, bởi cả Hateley và Wilkins không tài nào giúp Milan cạnh tranh nổi với các quyền lực như Juventus, Napoli hay Inter. Và mặc dù có kinh nghiệm của Nils Liedholm trên ghế huấn luyện nhưng Rossoneri lại chỉ về thứ 5 ở mùa giải 1984-85, kèm theo là thất bại ở chung kết Coppa Italia trước Sampdoria hùng mạnh của Roberto Mancini và Gianluca Viali. Thế vì sao những người Anh thất bại ở Milan???

Trước thế hệ của những Blissett, Hateley và Wilkins, người Anh danh tiếng nhất đến Milan là Jimmy Greaves vào những năm 60, một chân sút cự phách của bóng đá xứ sương mù. Nhưng chỉ sau vài trận dưới kỉ nguyên Nereo Rocco, ông đành cay đắng ra đi. Theo Dennis Law, huyền thoại của Manchester United, người đã từng trải nghiệm ở Calcio cùng Torino, thì vấn đề nằm ở ý thức chiến thuật khi đây là rào cản khiến người Anh không thể hòa nhập ở Calcio. Như cảm nhận của Law, ông hoàn toàn choáng ngợp với chuyện một hậu vệ cánh ở Serie A sẽ không bao giờ được phép vượt quá vạch giữa sân để tấn công, lối chơi nặng về phòng ngự ấy tương phản hoàn toàn với sự phóng khoáng của bóng đá Anh. Những thất bại ấy khiến Milan hiểu rằng, họ cần một sự thay đổi triệt để nếu muốn xưng bá Calcio một lần nữa, và rốt cuộc thời cơ ấy đã đến.

Il Presidente, quý ngài vĩ đại

Tháng 10-1985, các tờ báo Italia tràn ngập tin đồn về khó khăn tài chính của Milan, cụ thể là lương của các cầu thủ đã bị nợ đến bốn tháng. Trước đó vào mùa hè 1985, một nguồn tin tiết lộ rằng, để mang về 5 ngôi sao gồm Pietro Virdis, Mark Hateley, Ray Wilkins, Agostino Di Bartolomei và thủ thành Giuliano Terraneo, Chủ tịch Farina đã phải "vay nóng" 8 tỉ lire từ Phó chủ tịch Gianni Nardi. Mọi thứ xấu đi khi cảnh sát kinh tế Italia vào cuộc để điều tra xem có hay không chuyện biển thủ từ giới chóp bu ở San Siro khi các khoản nợ lên đến 10 tỉ lire khiến bờ vực phá sản đã hiện ra phía trước. Ngay sau đó, lệnh cấm xuất cảnh được thông báo đến Giuseppe Farina, đồng thời Giussy buộc phải nhường lại ghế chủ tịch cho ông Rosario Lo Verde. Vấn đề cuối cùng chỉ là xem ai sẽ là người cứu rỗi màu áo Đỏ-Đen.

Đầu tiên là Dino Armani, một nhà tài phiệt dầu lửa vốn là bạn

thân của huyền thoại Gianni Rivera. Lời đề nghị của Armani là 33 tỉ lire, gồm 25 tỉ cho đội bóng và 8 tỉ cho khoản nợ của Ganni Nardi. Đáp lại, Silvio Berlusconi chỉ cười khẩy vào con số ấy, bởi ông trùm của Fininvest tin rằng 15 tỉ lire đã là quá nhiều cho Farina. Trong khi nên nhớ, chỉ riêng tài năng của Franco Baresi đã được Chủ tịch Paolo Mantovani của Sampdoria khi ấy định giá đến 15 tỉ lire. Câu hỏi rằng liệu Berlusconi quá tự cao hay ông đã nắm trong tay một quân bài tẩy nào đó để tin mình sẽ chiến thắng dù mức giá "bỏ thầu" là thấp hơn đối thủ Armani rất nhiều. Để gây sức ép lớn hơn, Gianni Rivera đưa ra lời khuyên cho Farina rằng hãy chọn Armani (đây là lí do khiến Rivera và Berlusconi không nhìn mặt nhau).

Hai ngày sau khi các cuộc đàm phán trôi qua, khi ai cũng tin chiến thắng giành cho Dino Armani là tất yếu thì một cú điện thoại gọi đến từ trụ sở FIGC cho Giuseppe Farina, đầu dây bên kia là Chủ tịch Federico Sordillo. Đến giờ sau 33 năm, người ta vẫn không biết hai người đàn ông này đã nói gì với nhau. Nhưng chỉ vài ngày sau, khi làm khách mời của nhà báo Enzo Biagi trên kênh Rai Uno, người ta thấy Berlusconi ngạo nghễ cùng nụ cười chiến thắng, "Đấy là cuộc mặc cả từ trái tim, chỉ có vài tỉ lire thôi mà, một người phụ nữ đẹp còn đáng giá nhiều hơn thế". Không lâu sau, Giuseppe Farina bị cảnh sát sờ gáy với các cáo buộc tham nhũng và làm giả giấy tờ. Rõ ràng, Silvio Berlusconi đã nắm được gót chân Achilles của Farina để khi thời cơ đến, ông trùm Fininvest đã tung đòn kết liễu đối thủ. Ở khu khán đài Curva Sud sau ngày hôm ấy, người ta thấy những tấm băng rôn rất lớn với các thông điệp như "Silvio, chúng tôi yêu ông", "Silvio, hãy cứu rỗi Milan khỏi sự hổ thẹn". Ngày 10-2-1986, ông trùm truyền thông Silvio Berlusconi chính thức trở thành chủ sở hữu mới của Rossoneri. Rốt cuộc, một chương đen tối với AC Milan đã khép lại để mở ra thời kì huy hoàng nhất trong lịch sử màu áo Đỏ-Đen cùng với quý ngài "Il Presidente" vĩ đại.

Sinh ra ở Milan, tên tuổi của Silvio Berlusconi chỉ được biết đến khi tập đoàn Fininvest của ông nhảy vào lĩnh vực truyền hình trả tiền ở thập niên 70 sau quyết định của tòa án tối cao Italia, cho phép các đài tư nhân được phát sóng miễn phí đến người dân. "Bạn chả có gì để xem trên các kênh nhà nước. Italia hay các nước châu Âu đều vậy. Cứ đến nửa đêm là các kênh đều ngưng phát sóng, trong khi các bà nội trợ chả biết xem gì vào buổi sáng. Thật chán nản".

Ánh mắt sắc sảo của Berlusconi giúp ông nhìn ra mảnh đất màu mỡ để khai thác, đó là tập trung vào khu vực giải trí của người

xem, khi lúc đó nếu muốn xem một bộ phim hay thì bạn phải đến rạp chiếu bóng, thích nghe một bản nhạc trữ tình, bạn phải ghé qua nhà hát. Với Berlusconi, đơn giản là hãy ngồi trước màn hình ti vi và tôi sẽ mang cả thế giới đến cho bạn, một quyết định táo bạo để đối đầu trực tiếp với gã khổng lồ RAI. Năm 1977, sau khi mua lại một đài địa phương, Berlusconi chính thức ra mắt kênh tư nhân đầu tiên mang tên Tele Milano 58. Nhà báo Gabriele Marcotti gọi bước đi ấy là cuộc cách mạng cho lĩnh vực truyền hình ở Italia, thành công thu về là cực kì vang dội, và bóng đá cũng nằm trong phân khúc giải trí cao cấp mà Il Presidente nhắm đến. Năm 1980, Uruguay tổ chức giải đấu mang tên Mundialito nhằm kỉ niệm 50 năm ngày ra đời World Cup đầu tiên, và kênh Canale 5 của Berlusconi đã phát sóng độc quyền giải đấu này. Và một khi đã sở hữu Milan, góc nhìn táo bạo của Berlusconi lại dẫn lối cho ông đến những quyết định không ngờ.

Cuối mùa giải 1985-86, Rossoneri chỉ về đích thứ 7 ở Serie A. Đứng trước các Milanista ở San Siro, vị chủ tịch Milan dõng dạc tuyên bố, năm sau sẽ là mùa giải rất khác. Ở mùa hè năm ấy, công cuộc đại phẫu nhằm đánh thức gã khổng lồ thành Milano chính thức bắt đầu, với bốn gương mặt mới toanh được chiêu mộ gồm: tiền vệ cánh Roberto Donadoni, thủ môn Giovanni Galli, cùng bộ đôi tiền đạo Daniele Massaro và Giuseppe Galderisi. Tất cả đều là người Italia, trẻ trung, tài năng và khát khao chiến thắng. Vị trí thuyền trưởng vẫn thuộc về Nils Liedholm, bởi cả Silvio Berlusconi và Adriano Galliani đều nhất trí rằng, đây vẫn là mùa giải chuyển giao, vì thế mục tiêu của câu lạc bộ là góp mặt ở nhóm dự Cup châu Âu hoặc chung kết Coppa Italia thay vì lao vào cuộc đua với Juventus và Napoli, hai thế lực hùng mạnh nhất vào thời điểm đó của Calcio.

Ngày 25-2-1987, Milan đối đầu Parma tại lượt đi vòng 2 Coppa Italia. Năm ấy, Parma vừa mới thăng hạng Serie B. Ngồi trên ghế huấn luyện đội khách là một huấn luyện viên khá vô danh, Arrigo Sacchi, người chỉ được dư luận chú ý đến khi trước đây làm nghề bán giày và chưa từng là cầu thủ chuyên nghiệp. “Chúng tôi hoàn toàn đè bẹp họ, dù tỉ số chỉ là 1-0, nhưng chúng tôi chiến thắng trong mọi tình huống tranh chấp, họ đơn giản là không thể chống đỡ”, Arrigo Sacchi bồi hồi nhớ lại chiến thắng lịch sử 1-0 của Parma trước AC Milan. Ngồi trên khán đài San Siro, thay vì sự chán nản, vẻ mặt của Chủ tịch Berlusconi đầy hứng thú khi chứng kiến lối chơi của đội khách. Parma tự tin dâng cao để pressing đối thủ, trong khi các hậu vệ được phép di chuyển đến vạch giữa sân, đồng thời họ thi triển thế trận phòng ngự khu vực. Sự phấn khích của Il Prseidente là dễ hiểu, bởi thứ bóng đá ấy là điều mà ông

chưa từng chứng kiến ở Calcio. Milan thua trận, nhưng Silvio Berlusconi đã hoàn toàn bị chinh phục bởi tài chỉ huy của Arrigo Sacchi.

Trên sân cỏ, phong độ của Milan có dấu hiệu sa sút vào cuối tháng 3 khi tụt xuống thứ 5. Không khí xung quanh đội bóng khá căng thẳng, nhất là vị trí huấn luyện viên trưởng của Nils Liedholm. Ông chủ mới của câu lạc bộ hiểu mình cần làm một điều gì đó để thay đổi tình hình. Trước trận lượt về với Parma, Phó chủ tịch Adriano Galliani có cuộc gặp riêng với huấn luyện viên người Thụy Điển tại phòng Sala del Focolare, ở Milanello. "Lúc đó chúng tôi hiểu mình cần một huấn luyện viên mới và đội bóng thì đã có sẵn mẫu người như vậy". Galliani nhớ lại trong cuộc phỏng vấn cùng Gazzetta vào năm 2000. Nils Liedholm ra đi và Milan có vị thuyền trưởng mới đầu tiên được chọn bởi Silvio Berlusconi, ông là Fabio Capello.

Là một tiền vệ có tiếng của Calcio khi còn khoác áo Juventus, Fabio Capello đến Milan khi sự nghiệp đã bước vào buổi xế chiều. Ông giải nghệ sau scandal Totonero và chuyển xuống làm huấn luyện viên đội trẻ. Năm 1982, ông cùng đội U17 Milan đánh bại Bari để giành chức vô địch quốc gia, thành công giúp Capello được thăng cấp lên dẫn dắt đội Primavera U19, nơi ông đã làm việc với những huyền thoại lớn bậc nhất lịch sử câu lạc bộ, đó là Billy Costacurta và Paolo Maldini, tài năng mới chỉ 16 tuổi nhưng đã gây ấn tượng mạnh không chỉ bởi anh là con trai của huyền thoại Cesare. Năm 1985, họ cùng nhau vô địch U19 Coppa Italia, và chín thành viên trong đội hình này sẽ trở thành những ngôi sao ở Serie A. Những bước tiến âm thầm đó của Don Fabio đều không lọt khỏi cặp mắt xanh của Silvio Berlusconi và thời cơ để ông thử thách mình ở Serie A đã đến.

"Ông ấy vô cùng máu lửa trên sân tập và thái độ thì luôn hướng về trận đấu, trong khi Nils lại tương đối thoải mái, thích trò chuyện cùng các học trò. Cách tiếp cận của Fabio vì thế khác hẳn. Ông ấy muốn xung quanh mình là những nhà vô địch, Fabio muốn thành công." Ray Wilkins nhớ lại kí ức trong buổi tập đầu tiên cùng Fabio Capello trên cương vị huấn luyện viên tạm quyền của Milan vào năm 1987. Vài ngày sau, Capello có trận ra mắt cùng Milan, định mệnh thay đó là ngày ông giáp mặt với Parma của Arrigo Sacchi, cuộc đối đầu giữa hai người đàn ông đã viết nên trang sử hào hùng nhất của Lữ đoàn Đỏ-Đen, trên sân, kết quả là một trận hòa không bàn thắng. Kết thúc mùa giải 1986-87, miền Nam Italia nổ tung với Scudetto đầu tiên của Napoli và Diego Maradona, trong khi Milan chỉ về thứ 5, vị trí sẽ có vé tham dự

UEFA Cup. Không khó để các sử gia nói về thất bại của Rossoneri. Giuseppe Galderisi và Dario Bonetti không xứng đáng với vị thế ngôi sao mà Milan kì vọng, còn Roberto Donadoni và Daniele Massaro chỉ chơi ở mức tròn vai trong khi những dấu tích của triều đại cũ như Ray Wilkins, Mark Hateley, Agostino Di Bartolomei rõ ràng không thích hợp với kế hoạch lớn lao của Berlusconi. Ở ghế huấn luyện, dấu ấn của Fabio Capello là không tệ, nhưng ông có quá ít thời gian để thuyết phục Il Presidente. Song nhân tố quyết định nằm ở người đã được Silvio Berlusconi chọn để đưa Milan vươn tới đỉnh cao chiến thắng.

Kỉ nguyên Sacchi, kỉ nguyên chiến thắng

Milanello ngày 23-4-1987. "Sacchi là ai vậy? Tôi không biết tí gì về ông ấy cả", rảo bước thật nhanh trong ngày ra mắt Rossoneri nhưng câu trả lời của Marco van Basten mới khiến cánh phóng viên Italia té ngửa khi được hỏi về vị thuyền trưởng mới của Milan. Dù vậy, chàng tiền đạo Hà Lan đã nói rất thật lòng mình. Ở Italia, cụm từ "Signor Nessuno" hay "Kẻ tầm thường" nhằm mô tả những ai không có thân thế nổi trội và biệt danh này được báo giới Italia dùng để gán cho Arrigo Sacchi, "Kẻ tầm thường" nhưng đã làm nên những điều phi thường.

Nói đến Italia, vùng đất Địa Trung Hải có ba thứ "đặc sản" khiến cả thế giới vừa ngưỡng mộ, vừa sợ hãi. Đó là Pizza, Mafia và Catenaccio, nhưng thật kì lạ khi Catenaccio, quả đấm thép của Calcio thuở nào lại không hề gây ấn tượng với chàng thanh niên Arrigo Sacchi, mà ngược lại, sức hấp dẫn vô hình từ Hà Lan với "Bóng đá tổng lực" mới thật sự khiến ông ám ảnh. Sinh ra ở thị trấn Fusignano, vùng Emilia Romagna, năm 19 tuổi, hiểu được khả năng chơi bóng của mình có hạn, Sacchi đành dừng lại để làm việc cho xưởng giày dép của cha. Vốn ngoại ngữ tốt giúp ông có dịp rong ruổi nhiều nơi ở châu Âu và thành phố luôn thu hút chàng trai trẻ là Amsterdam, nơi có đội bóng và một triết lí đã truyền cảm hứng cho ông mãi mãi. Từ Fusignano cho đến Cesena, từ Rimini đến Parma, và cuối cùng ở San Siro vào tháng 2-1987, Sacchi đã tự giới thiệu mình với Calcio theo cách ấn tượng nhất.

"Chắc ông ta sẽ chả có cơ hội nếm bánh Panettone đâu mà", đấy là thứ bánh mà người Italia hay dùng trong dịp Giáng sinh. Đúng vậy! Ngoài Silvio Berlusconi, không ai tin huấn luyện viên đến từ Fusinagno sẽ trụ vững qua tháng 12. Chính điều đó khiến nhiều ánh mắt trở nên bi quan khi nói về triển vọng của AC Milan ở mùa hè 1987. Trước Sacchi, Milan đã kịp chiêu mộ Marco van Basten từ Ajax, một tiền đạo trẻ đầy tiềm năng của Hà Lan, nhưng thương

vụ tuyển mộ Ruud Gullit lại khó khăn hơn khi Juventus đã nhảy vào cuộc đua. Milan quyết không lùi bước một khi Il Presidente đã hạ lệnh. Lập tức, một bản hợp đồng 3 năm cho Gullit cùng mức lương cao gấp 3 lần ở sân Philips sớm đóng sập cánh cửa với Lão Phu Nhân. Kể từ đó, phong cách "Berlusconismo" được áp dụng cho mọi vụ chuyển nhượng sau này của Rossoneri.

Nhưng Van Basten hay Gullit đều không phải là cầu thủ Sacchi khao khát nhất, mà cái tên ấy lại là Carlo Ancelotti, một tiền vệ đầy kinh nghiệm từ AS Roma, bất chấp chuyện Carletto vừa lành chấn thương đầu gối nghiêm trọng. Cái tên còn lại trong mùa chuyển nhượng năm ấy là tiền vệ Angelo Colombo đến từ Udinese. Song các đối thủ của Milan cũng không chịu ngồi yên khi mang về một loạt những ngôi sao danh tiếng. Ở Turin, Juventus chọn Ian Rush của Liverpool là người kế vị chiếc áo số 10 của Michel Platini vốn đã giải nghệ, xuôi về phương nam Napoli bổ sung đối tác cho Diego Maradona bằng Careca, ngôi sao của Mexico 86. Trong khi Inter đặt niềm tin vào kinh nghiệm của Daniel Passarella. Bối cảnh tạo nên một cuộc chạy đua vô cùng khốc liệt trước mùa giải 1987-88.

Mùa giải khởi đầu không ổn với Milan, Rossoneri bị Espanyol loại khỏi UEFA Cup và để Fiorentina đánh bại ở sân nhà San Siro tại vòng 2 Serie A. Điều quan trọng nhất là các bài tập của Arrigo Sacchi còn quá mới lạ với các cầu thủ, như hồi tưởng của Ancelotti, "Vào cuối buổi tập thì ai cũng hoàn toàn kiệt sức, chỉ nghĩ đến cảnh leo lên cầu thang về phòng thôi là tôi đủ hãi hùng rồi". Carletto là một trong những thành viên kinh nghiệm nhất, nhưng ông phải thừa nhận, lần đầu tiên chứng kiến những bài rèn thể lực khủng khiếp đến thế ở Calcio. Ngoài ra, bản CV khiêm tốn của Sacchi khiến ông phải nhận sự hoài nghi của các ngôi sao như Van Basten hay Gullit. Bất chấp chuyện Silvio Berlusconi nói thẳng với đội bóng rằng sẽ không sa thải Sacchi bằng bất cứ giá nào, thì "Signor Nessuno" cũng phải chứng minh rằng, mình hoàn toàn không tầm thường như suy nghĩ của các học trò.

"Họ có 15 phút để ghi bàn", Sacchi nhớ lại, "10 cầu thủ như vậy đều tuyệt vời cả; Van Basten, Gullit, Donadoni, Ancelotti sẽ đối đầu với chỉ 5 hậu vệ của tôi. Luật chơi đơn giản là nếu họ mất bóng, thì phải bắt đầu lại mọi thứ. Còn lại, họ có thể làm gì tùy thích. Và anh biết không, trong suốt thời gian tôi ở đấy, chưa bao giờ họ ghi nổi lấy 1 bàn. Không bao giờ, dù lấy 5 chọi 10. Tại sao? Là vì 5 hậu vệ đều theo sát chỉ đạo của tôi. Đó là cách mà tôi thuyết phục những cá tính mạnh như Van Basten hay Gullit, để họ tin vào những gì tôi đang truyền đạt". Khi rào cản khó khăn

nhất đã qua đi, AC Milan bây giờ mới như một cỗ máy chiến thắng mà Sacchi và Berlusconi đã chờ đợi bấy lâu.

Ở Serie A mùa giải 1987-88, đối thủ chính của Đỏ-Đen không ai khác ngoài nhà vô địch Napoli với bộ tam tấu Ma-Gi-Ca (Maradona-Giordano-Careca) ở hàng công. Sau trận thua Fiorentina ở vòng 2, Van Basten dính chấn thương mắt cá, tuy nhiên điều này lại giúp Sacchi bỏ đi sơ đồ 4-3-3 để lựa chọn 4-4-2 với Gullit đá cặp trên hàng công cùng Pietro Virdis, trong khi Donadoni và Colombo án ngữ hai cánh. Ở hàng thủ, Sacchi cũng trình làng bộ tứ vệ trứ danh nhất lịch sử mà Calcio từng chứng kiến gồm Mauro Tassotti-Billy Costacurta-Franco Baresi-Paolo Maldini, họ ngay lập tức thích ứng với ý niệm phòng ngự khu vực mà Sacchi tôn thờ. Trên sân cỏ, Milan như cơn cuồng phong ập đến Calcio sẵn sàng cuốn phăng mọi đối thủ với thứ bóng đá tấn công cởi mở và đầy phóng khoáng, mở màn là thắng lợi 1-0 trước Inter của Trapattoni chỉ bốn ngày trước Giáng sinh.

Đến tháng 1-1988, Rossoneri gây tiếng vang hơn thế khi hạ gục Juventus ở Turin sau 14 năm. Dù Van Basten chấn thương nhưng Ruud Gullit tỏ ra vô cùng xuất sắc khi được Sacchi đẩy lên đá trung phong. Nếu Van Basten có biệt hiệu "Con Thiên Nga từ Utrecht" bởi nét tinh tế trong cách anh xử lí bóng, thì trái lại Gullit mang đến cho Sacchi những tiếng gầm của Chúa Sơn Lâm. Với chiều cao 1,91m cùng nguồn thể lực bất tận, anh là nỗi ám ảnh với các hậu vệ ở các tình huống đọ sức tay đôi, nhưng tài năng người Hà Lan cũng vô cùng kĩ thuật, qua đó giúp anh chơi tốt ở nhiều vị trí khác nhau, thậm chí là cả trung vệ khi sau này đá cho Chelsea. Mùa giải ấy, Gullit xuất sắc đến nỗi anh hoàn toàn đè bẹp Maradona khi hai số 10 gặp nhau ở San Siro vào đầu năm 1988 với thắng lợi hủy diệt 4-1 cho Milan.

Cuối năm 1987, Ruud Gullit được France Football bầu chọn là Quả Bóng Vàng châu Âu, danh hiệu đầu tiên của một cầu thủ AC Milan tính từ kỉ nguyên của Gianni Rivera vào năm 1969. Nhưng tất cả sẽ vô nghĩa nếu Milan để Napoli vượt mặt trong cuộc đua giành Scudetto. Đó là cuộc so kè vô cùng khốc liệt khi cho đến vòng 27, khoảng cách giữa đôi bên chỉ là 1 điểm sau trận hòa của Napoli với Hellas Verona (lúc ấy Serie A chỉ tính 2 điểm cho một trận thắng). Vì thế, màn so tài cao thấp ở San Paolo tại vòng 28 sẽ quyết định tất cả và chuyến đi đến miền Nam đầy nắng gió vẫn in đậm trong kí ức của ngôi sao người Hà Lan khi anh nhớ lại trong cuốn tự truyện của mình.

"Tôi biết đây là một trận đấu lớn nhưng không nghĩ mọi thứ lại

ghê gớm đến vậy. Câu lạc bộ đã thuê đến hai chiếc máy bay thay vì một để cùng Milan đến Naples, một chiếc chở các thành viên, trong khi chiếc còn lại vận chuyển thức ăn và đồ uống." Nhưng sự kinh ngạc còn lớn hơn khi Gullit và đồng đội đặt chân đến khách sạn Jolly. "Bữa tối được chuẩn bị riêng bởi các đầu bếp của Berlusconi và bất cứ nhân viên khách sạn nào cũng không được phép đến gần. Trong khi thức ăn được mang ra khỏi nhà bếp bởi những vệ sĩ của ngài chủ tịch. Nhưng họ cũng luôn dõi theo chúng tôi từng bước chân, ngay cả khi bạn đi lên thang máy hay dạo quanh ban công khách sạn. Câu lạc bộ lo lắng rằng sẽ có ai bỏ thứ gì đó vào thức ăn để chúng tôi không thể đá tốt trên sân cỏ." Gullit có thể ngạc nhiên nhưng với người đã nếm đủ cay đắng của thương trường, Silvio Berlusconi hiểu mình cần phải làm gì để chiến thắng.

Ngày 1-5-1988, thành Naples đặc quánh sự căng thẳng khi chiếc xe chở đội khách cập bến San Paolo, sân đấu nêm chặt hơn 80.000 khán giả. Họ hò hét, chửi bới đội khách nhưng ánh mắt lộ rõ sự lo âu bởi phong độ của thầy trò Ottavio Bianchi đang sa sút với chỉ một thắng lợi qua bốn trận, và nếu để Milan giành chiến thắng, mùa giải coi như sẽ vứt đi. Phút 36, cả sân đấu im bặt sau bàn thắng từ "gà son" Pietro Virdis, nhưng pha đá phạt hàng rào đẳng cấp của Maradona cuối hiệp 1 giúp Napoli gỡ hòa 1-1. "Đó là cú sút thiên tài, tôi đã nhảy lên hết cỡ. Dù bạn biết là tôi to cao thế nào nhưng bóng vẫn cứ chui tọt vào góc cao", Gullit tiếc nuối nhớ lại bàn thắng của Maradona.

Trận này, số 10 của Milan là tâm điểm của hàng thủ đội chủ nhà, như anh miêu tả, ngay cả khi bóng ngoài cuộc thì vẫn có một chiếc áo xanh túm áo Gullit nhằm gây ức chế. Nhưng hiệp 2, Napoli đã phải quy hàng tài năng của những người Hà Lan Bay. Đó là hiệp đấu mà Sacchi đưa Gullit xuống đá thấp nhằm kéo giãn hàng thủ Napoli. Từ cú tạt bóng chính xác của anh, Pietro Virdis lao như một mũi tên với cú đánh đầu hạ gục Claudio Garella. Phút 76, vẫn là Gullit với tốc độ kinh hoàng từ sân nhà, anh vượt qua 2, 3 chiếc áo xanh trước khi dọn cỗ để Van Basten đóng chốt chiến thắng cho Milan.

Một ngày hoàn hảo cho Arrigo Sacchi, Milan giành 2 điểm, Gullit xuất sắc và Van Basten có màn tái xuất đỉnh cao. Nhưng chiến thắng ấy còn đáng tự hào hơn nữa cho các Milanista với hình ảnh từ San Paolo, "Khoảnh khắc sống mãi trong tôi chính là những tràng pháo tay từ đám đông tifosi Napoli sau tiếng còi chung cuộc. Một nghĩa cử tuyệt vời". Gullit và Milan chiến thắng trên sân cỏ, và chinh phục luôn con tim những người miền Nam. Nắm

được lợi thế trong tay, Rossoneri đã biết cách để bảo vệ thành quả của mình. Thế là sau chín năm chờ đợi trong nước mắt và tủi nhục, Scudetto đã quay trở lại Milano, nhưng tất cả điều đó mới chỉ là khởi đầu cho một kỉ nguyên huy hoàng của triều đại Silvio Berlusconi.

Những tràng pháo tay của cổ động viên Napoli là đỉnh cao cho chiến thắng vang dội của AC Milan và Arrigo Sacchi. Bởi theo các sử gia, vượt xa giới hạn Scudetto thì việc Rossoneri trình diễn thứ bóng đá cống hiến ở mùa giải 1987-88 mới là chuyện đáng ngưỡng mộ nhất của Calcio, họ đã gần như thuyết phục tất cả. Quan điểm mới mẻ của Arrigo Sacchi như giúp người Italia phá tan suy nghĩ bảo thủ vốn bị trói buộc bởi "Xiềng Xích" Catenaccio qua hàng thập kỉ. Tháng 4-1989, Milan hành quân đến Bernabeu cho trận bán kết lượt đi gặp Real Madrid, khi ấy sở hữu thế hệ "La Quinta Del Buitre" lừng danh. Nhưng Milan trở thành đội bóng đầu tiên của Calcio đến Bernabeu và chơi tấn công phóng khoáng đến vậy, ánh mắt của người Tây Ban Nha tràn đầy sự ngưỡng mộ cho thầy trò Arrigo Sacchi.

Đầu năm 1988, Serie A cho phép mỗi đội bóng đăng kí ba cầu thủ ngoại binh. Lựa chọn của Silvio Berlusconi là tiền vệ công Claudio Borghi vốn đang nổi lên ở Argentina như là số 10 hoàn hảo, trong khi Sacchi đã có sẵn trong đầu của mình một cái tên, đó là Frank Rijkaard. Trong bối cảnh Milan đang chiến thắng liên tiếp, tiếng nói của Sacchi có sức nặng ghê gớm khiến Il Presidente đành phải nhượng bộ. Chiêu mộ thành công Rijkaard, Milan đã tìm thấy mảnh ghép còn sót lại cuối cùng cho tham vọng chinh phục châu Âu của Arrigo Sacchi, cũng đồng thời là mục tiêu lớn nhất của Chủ tịch Silvio Berlusconi. Chiến thắng 5-0 trước Real Madrid vào năm 1989 mở ra kỉ nguyên thống trị châu Âu của Milan với 2 chức vô địch Cup C1 châu Âu liên tiếp. Trong đó chiến thắng ở Nou Camp, Barcelona là đỉnh cao hơn cả khi ngoài chuyện Rossoneri đè bẹp Steaua Bucarest 4-0, thì chuyện toàn bộ trận đấu được sản xuất bởi đội ngũ dưới quyền Berlusconi là chiến thắng trên mọi phương diện của Chủ tịch Rossoneri (các nhân viên truyền hình Tây Ban Nha tiến hành đình công vào thời điểm đó).

Tuy nhiên, đấy cũng là thời điểm mà Berlusconi nhận ra rằng, ông cần làm một điều gì đó để giữ vững guồng quay chiến thắng cho Milan, ngay cả khi bản thân phải tàn nhẫn.

Ciao, Don Fabio!

"Làm ơn đừng bảo ông ấy là nghị gật nữa đi, Berlusconi mới là

huấn luyện viên trưởng", Corriere Della Sera, tờ nhật báo lớn nhất Italia mỉa mai về tin đồn huấn luyện viên sắp tới của Milan sau khi Arrigo Sacchi đột ngột ra đi vào năm 1991. Tin tức gây chấn động bóng đá Italia khi ấy, bởi sau bốn năm vinh quang với 1 Scudetto, 2 Cup C1, 2 Siêu Cup châu Âu và 2 Cúp Liên lục địa, không ai dám nghĩ "Nhà cải cách" của Calcio sẽ bị sa thải. Nhưng Silvio Berlusconi vẫn như thế, khi cực kì khó đoán trong những quyết định của mình. Hẳn nó cũng giống như ngày ông ra mắt kênh Tele Milano 58 hay chuyện bổ nhiệm một Sacchi "tầm thường" vào năm 1987. Nhưng ẩn đằng sau những chiến thắng, ông chủ của Milan đã nhìn thấy những rạn nứt có thể ngăn cản guồng máy chiến thắng của Milan.

Lần đầu tiên kể từ khi Arrigo Sacchi đến San Siro, Milan mới lại trải qua mùa giải trắng tay toàn diện vào năm 1991. Họ bị Napoli qua mặt ở Serie A và kết thúc kỉ nguyên bất khả chiến bại ở châu Âu. Điều đó thôi thúc Sacchi đưa ra yêu sách về chuyện thanh lọc đội ngũ khi ông cho rằng những cái tên như Mauro Tassotti hay Carlo Ancelotti đã không còn phù hợp với kế hoạch của mình. Trong khi sau Frank Rijkaard, chính sách của Milan tập trung nhiều hơn vào các cầu thủ trẻ, dù trong số này chỉ có Marco Simone để lại ấn tượng. Trước yêu sách của Sacchi, Berlusconi và Galliani đồng ý rằng Milan sẽ thay đổi, nhưng vị trí ấy lại đến từ ghế huấn luyện viên trưởng. Bởi một mặt, những thất bại liên tiếp ở Serie A sau năm 1988 đã làm suy giảm niềm tin của Il Presidente, trong khi phong cách huấn luyện của Sacchi ngày càng lộ rõ chất quân phiệt với các học trò, khiến họ kiệt quệ cả về thể chất lẫn tinh thần. Thế nên, ông chủ của Milan cho rằng, một sự thay đổi là cần thiết để tái tạo khát khao chiến thắng cho Rossoneri. Và "nghị gật" mà báo giới mỉa mai chính là Fabio Capello, quân bài trong tay áo bấy lâu của Silvio Berlusconi.

"Chúng tôi thật sự quan tâm đến ông ấy, nên đã gửi Fabio đi học để nâng cao trình độ", đó là kí ức của ông chủ Milan khi chia sẻ về quyết định giữ Capello lại sau mùa giải 1986-87 và tạo cơ hội để ông nâng cao những kĩ năng trong điều hành quản lí một tập đoàn lớn. Nghe có vẻ kì lạ, nhưng bộ óc tham vọng của Silvio Berlusconi đã vẽ ra một siêu dự án mang tên "Polisportiva Mediolanum", hay ngắn gọn là một tổ hợp thể thao đỉnh cao như Real Madrid hay Barcelona. Tổ hợp này không chỉ có bóng đá mà còn có bóng chuyền (Gonzaga Milano), hockey trên băng (Diavoli Milano), bóng rổ (CUS Milano) và bóng bầu dục (Amatori Milano). Vị trí được nhắm đến cho Capello là tổng giám đốc, và con mắt của Silvio Berlusconi thì ít khi nhìn sai người. Dưới quyền quản lí của Capello trong ba năm, tổ hợp "Polisportiva Mediolanum" đã

thu về những thành quả với hàng loạt danh hiệu lớn nhỏ ở tất cả các bộ môn, thậm chí, đội bóng chuyền còn lên đỉnh châu Âu. Chính thời gian này đã giúp Don Fabio tôi luyện kĩ năng quản lí và sử dụng con người, để bây giờ ở tuổi 45, ông đã sẵn sàng cho nhiệm vụ khó khăn hơn bội phần.

"Fabio được chào đón bằng những ánh mắt hoài nghi và ghẻ lạnh", ông Silvano Ramaccioni, lãnh đội AC Milan vào thời điểm đó nhớ lại. Bởi ngoài sức hút quá lớn của Sacchi, thì chuyện Capello được bổ nhiệm bất chấp CV khiêm tốn khiến báo giới cho rằng ông chẳng qua chỉ là vệ tinh di động của Berlusconi. Nếu phải so sánh về hoàn cảnh, bạn có thể nhìn vào trường hợp Avram Grant ở Chelsea. Quan trọng hơn, chuyện Capello đã xa rời bóng đá đến bốn năm khiến không ai tin ông có thể trụ vững quá lâu ở San Siro, vì chiến thắng là một chuyện và kế thừa di sản hiển hách của Sacchi mới là vấn đề nan giải nhất. Để làm được điều đó, khía cạnh "đắc nhân tâm" được Capello vận dụng cực kì khôn ngoan.

"Ai cũng nói rằng đa số các anh là hết thời rồi và Milan nên đập đi xây lại. Tôi biết điều đó là vớ vẩn, vì chúng ta có thể viết tiếp chu kì chiến thắng. Đa số các anh vẫn có thể chơi bóng đỉnh cao ít nhất là 5, 6 năm nữa." Thay vì nói về bản thân, thứ mà Capello truyền đạt ở ngày đầu tiên lại là niềm tin dành cho các học trò, thứ mà bản thân Sacchi đã không có. Capello chấp nhận thử thách vì ông tin rằng, đội hình hiện tại của Milan vẫn đủ sức chiến thắng ở mọi đấu trường. Năm ấy, Milan chỉ đón nhận hai tân binh là tài năng trẻ Demetrio Albertini và thủ thành Francesco Antonioli. Lệnh cấm thi đấu ở Cup châu Âu sau sự cố tại Marseille giúp Fabio Capello hoàn toàn tập trung cho đấu trường Serie A mùa giải 1991-92 và những gì mà Don Fabio và Milan làm được khiến tất cả phải ngỡ ngàng.

Bất chấp chuyện các đối thủ hùng mạnh ra sao, Rossoneri tăng tốc ngay khi mùa giải bắt đầu. Tất cả đều ngán ngẩm khi đối đầu với "cỗ máy chiến tranh" của Fabio Capello. Họ nhấn chìm nhà vô địch Sampdoria và Napoli với cùng tỉ số 5-0 trong khi hủy diệt Foggia của Signori 8-0 trên sân khách. Nhưng đáng nể nhất chính là chiến tích giành Scudetto với chuỗi trận bất bại ở mùa giải 1991-92, điều chỉ có Perugia làm được vào những năm 70. Ghi 74 bàn thắng, con số vượt xa 13 bàn trong mùa giải tốt nhất của Arrigo Sacchi là bằng chứng đanh thép nhất về sự cống hiến của đội bóng Đỏ-Đen. "Với nền tảng mà Sacchi để lại, Capello đã kế thừa một cách khéo léo. Về phòng ngự, thì vẫn là Pressing liên tục, với hàng thủ 4 người, bẫy việt vị. Nhưng ở hàng công, các cầu thủ được thoải mái hơn để chứng tỏ bản thân. Vì lẽ đó, Capello đã tạo

ra một chút khác biệt, mà cơ bản là tâm lí thoải mái của đội bóng", ông Ramaccioni lí giải thành công của Milan ở mùa giải năm ấy. Nghĩa là mọi thứ vẫn là của Sacchi, nhưng tài dùng người đã giúp Capello tạo ra sự khác biệt và một lần nữa tất cả phải ngả mũ cho đường lối cực kì sáng suốt của Silvio Berlusconi.

Sau vài mùa giải đứng ngoài cuộc chơi ở Calciomercato, mùa hè 1992 chứng kiến sự trở lại của phong cách "Berlusconismo" khi biến San Siro trở thành dải thiên hà của Calcio. Đó là Fernando De Napoli, Stefano Eranio, Jean Pierre Papin (đương kim Quả Bóng Vàng châu Âu), Zvonimir Boban, Dejan Savicevic và Gianluigi Lentini từ Torino với bản hợp đồng trị giá 13 triệu bảng, qua đó biến Gigi trở thành cầu thủ đắt giá nhất thế giới vào năm 1992, cú áp phe khiến cả Tòa Thánh Vatican cũng phải phẫn nộ khi cho rằng "Đó là sự xúc phạm với giá trị của lao động". Trong khi đó, Capello vẫn có sẵn bộ ba người Hà Lan Bay ở đỉnh cao phong độ. Thế nên, chuyện dùng ai, bỏ ai là vấn đề cực kì nan giải với Don Fabio khi quy định của FIGC vẫn là chỉ đăng kí ba ngoại binh trong một trận đấu, nghĩa là trong sáu ngôi sao lừng lẫy thì sẽ có khả năng Van Basten, Savicevic hay Papin cùng phải ngồi khán đài. Câu chuyện đủ nói lên sức mạnh khủng khiếp thế nào của AC Milan vào thời điểm ấy.

Chính sách chuyển nhượng của Milan đều nằm trong toan tính của Capello, vì một mặt ông muốn tạo ra áp lực cạnh tranh giữa các cầu thủ, trong khi vẫn muốn sở hữu một đội hình có chiều sâu để khỏa lấp vài đôi chân pha lê như Marco van Basten. Tuy nhiên không phải ai cũng dễ dàng chấp nhận chuyện bị bỏ rơi. Như Ruud Gullit chẳng hạn, anh bất mãn với cách đối xử của Capello khi từ vị thế bất khả xâm phạm cùng Sacchi, bây giờ tài năng người Hà Lan phải chịu cảnh ngồi khán đài khi Savicevic lẫn Boban đã đến. Hai ngôi sao trẻ với tài năng kiệt xuất từ Balkan, trong khi Boban khiến Capello say đắm thì Berlusconi lại mê mẩn đôi chân tài hoa của Savicevic. Chính chất lượng và độ dày về đội hình này giúp Milan của Capello trở thành đội bóng đầu tiên trên thế giới áp dụng chính sách xoay vòng các cầu thủ trong một mùa giải mà Rossoneri hướng đến mọi danh hiệu.

Lực lượng hùng hậu giúp Milan nhanh chóng đè bẹp mọi đối thủ với chuỗi 7 trận thắng liên tiếp ở Serie A, phong độ hủy diệt cũng được thầy trò Capello phô diễn ở Cup châu Âu và Coppa Italia. Mãi cho đến tháng 3-1993, trận thua trước AC Parma mới chấm dứt chuỗi trận bất bại ở Serie A của Đỏ-Đen khi dừng lại ở con số 58, vốn kéo dài từ mùa giải trước đó. Góp phần vào kỉ lục này chính là tài dùng người của Fabio Capello như kí ức của tân binh Stefano

Eranio. “Ai cũng phải chứng tỏ mình với ông ấy. Điều tuyệt vời là Fabio không bận tâm chuyện anh là ai, danh tiếng ra sao. Bởi nếu anh không nỗ lực trên sân tập, thì đừng mong mình được ra sân.. Tại Serie A, Rossoneri sớm cắt đuôi đối thủ bám đuổi với khoảng cách 11 điểm, thế nên sự tập trung sẽ là Champions League với trận chung kết gặp Marseille, cuộc chiến của hai tỉ phú truyền thông Silvio Berlusconi và Bernard Tapie, người đã vung tiền để chiêu mộ những tên tuổi lớn, từ Alen Boksic đến Rudi Voeller, từ Marcel Desailly đến Abedi Pele.

Ngày 26-5-1993, sân Olympic Munich chứng kiến màn so tài đỉnh cao giữa hai thế lực của tiền bạc và quyền lực. Milan chơi lấn lướt ở hiệp 1, nhưng Van Basten có dấu hiệu không ổn do chỉ mới bình phục chấn thương mắt cá, còn Daniele Massaro phung phí vài cơ hội. Cuối hiệp 1, tình thế đảo chiều khi hậu vệ Basile Boli của Marseille đánh đầu tung lưới Sebastiano Rossi. Sang hiệp 2, Papin vào sân, nhưng tình thế không thay đổi. Quả là tuyệt vọng cho Capello, khi hai chân sút hàng đầu của ông đều có dấu hiệu tái phát chấn thương trong khi Gullit không được đăng kí. Milan thua trận 0-1, nhưng thất bại ấy mau chóng bị lãng quên khi đây cũng là trận đấu cuối cùng trong sự nghiệp hiển hách của Marco van Basten, anh buộc phải nói lời giã từ sự nghiệp ở tuổi 28 trong nước mắt.

Điểm nhấn với Capello là tùy vào hoàn cảnh mà ông luôn biết cách vận dụng nguồn nhân lực một cách khôn khéo nhất, chi tiết nói đến tài kĩ trị tuyệt vời của Don Fabio và mùa giải 1993-94 là minh chứng rõ nhất. Đó là thời điểm Van Basten vật lộn với chấn thương, Dejan Savicevic thì thiếu ý thức chiến thuật trong khi Gianlugi Lentini gặp tai nạn ô tô nghiêm trọng. Bối cảnh ấy buộc Capello phải tập trung vào sức mạnh của hàng thủ thay vì hàng tấn công như hai mùa giải trước đó. Ở mùa hè năm ấy, Galliani đã mang về cho ông hai cái tên phòng ngự xuất sắc, đó là Christian Panucci và Marcel Desailly, người vốn chơi trung vệ ở Marseille, nhưng trực giác nhạy bén của Capello như mách bảo, sau khi Rijkaard ra đi thì Desailly là người phù hợp nhất để giảm tải sức ép cho hàng thủ.

“Vai trò của cậu ấy giống như Libero vậy, khi không nhất thiết phải theo kèm ai. Nhiệm vụ đơn giản là đoạt bóng ở khu vực gần nhất.” Như Marcotti mô tả, thì Desailly ngày ấy chính là hiện thân của Makelele sau này. Bổ sung thêm lá chắn thép ở giữa sân, khiến khung gỗ của Rossi trở thành cơn ác mộng với các chân sút ở Serie A với thành tích 929 phút không để thủng lưới ở Serie A, vượt xa kỉ lục cũ của Dino Zoff và Juventus trong thập niên 70. Và ở mùa

giải 1993-94, có một tên tuổi lớn phải nếm trải cảm giác này.

Thập niên 90, nếu Pháp có Olympique Marseille, Italia có AC Milan, Đức có Bayern Munich thì quyền lực hàng đầu xứ sở Bò Tót là Barcelona, với giai đoạn thịnh trị của Johan Cruyff cùng thế hệ được mệnh danh là "Dream Team". Khi ấy, hàng ngũ của Barca gồm những thành viên ưu tú của La Masia như Pep Guardiola, Txiki Begiristain kết hợp cùng những ngoại binh xuất sắc như Ronald Koeman, nhưng mọi tinh hoa của Cruyff đều tập trung vào hai trung phong Romario và Hristo Stoichkov. Họ cùng nhau thống trị La Liga với thứ bóng đá dựa vào kiểm soát bóng. Bóng chưa lăn, nhưng báo chí Tây Ban Nha đã hả hê với chuyện Milan vĩ đại ngày nào của Sacchi đã chết, để giờ chỉ còn một đội bóng thực dụng của Capello. Nhưng với một nhà vô địch như Don Fabio, điều ông bận tâm là làm sao để đánh bại Barca và Cruyff, đối thủ ông từng để thua vào năm 1973 khi Ajax đánh bại Juventus.

Với thế trận nặng về kiểm soát bóng của Barca, ý đồ của Capello là rất rõ ràng khi ông muốn các học trò áp sát tối đa để buộc đối thủ phải mắc sai lầm. Phút 22, Sergi để Boban áp sát và bóng đến chân Savicevic, sau pha bứt phá đoạn ngắn, cú căng ngang của tài năng gốc Balkan giúp Massaro trừng phạt đối thủ. Barca giãy giụa bao nhiêu thì họ càng sa vào cái bẫy của Milan và 3 bàn thắng đến sau đó như một lẽ tất yếu sau những sai lầm của đội bóng xứ Catalan. Trong đó, bàn thứ 3 của Savicevic quả là nét chấm phá tuyệt vời cho Capello sau những tháng ngày căng thẳng giữa hai người. Rốt cuộc, Milan của Capello đã lên đỉnh châu Âu lần đầu tiên sau biết bao chờ đợi, đồng thời Don Fabio đã dạy cho người Tây Ban Nha bài học về lòng khiêm tốn và hãy nhớ, Catenaccio chưa bao giờ chết trong tư duy của người Italia.

Zac, quý ngài 3-4-3

Vô địch Champions League nghĩa là vị thế của Fabio Capello đã khác rất nhiều, vấn đề gia hạn hợp đồng của ông với AC Milan vì thế trở thành đề tài nóng bỏng. Bởi theo Capello, sau 15 năm tận hiến cho Milan trên mọi phương diện, ông xứng đáng được tưởng thưởng, vốn được quy đổi bằng một bản hợp đồng dài hạn và mức lương cao. "Tôi muốn nhìn thấy niềm tin của câu lạc bộ dành cho mình, bởi sau nhiều năm chinh chiến, tôi nghĩ mình hoàn toàn xứng đáng." Dĩ nhiên, Berlusconi và Galliani trân trọng Capello, nên Milan sẵn sàng thỏa mãn yêu cầu của ông nhưng họ là doanh nhân và sẽ phải tính toán thiệt hơn dù đối tác có là ai đi chăng nữa. Một điều khoản được kèm vào hợp đồng, rằng: nếu Milan có quyền xem xét lại vào cuối mùa giải nếu Capello không thể giúp

đội bóng giành những danh hiệu như Scudetto hay Champions League. Lộ rõ vẻ chán nản với ràng buộc từ phía Milan, vì thế Capello đã nói thẳng với Galliani rằng, ông sẽ rời khỏi San Siro vào mùa hè 1996. Và cũng từ đây mở ra chu kì thất bại đầu tiên của kỉ nguyên Berlusconi.

Từ Oscar Tabarez (huấn luyện viên người Uruguay) cho đến Arrigo Sacchi và chính… Capello, Milan rơi vào tình trạng bế tắc trong việc giải quyết khủng hoảng của câu lạc bộ, khi họ thiếu định hướng và mắc sai lầm ở khâu chuyển nhượng. Như trường hợp của Roberto Baggio, người hùng của đội tuyển Italia ở World Cup 1994, nhưng Roby được mua về vào năm 1995 không phải để phục vụ cho ý đồ của huấn luyện viên trưởng, mà thay vào đó chủ yếu để thỏa mãn nhu cầu của ông chủ Silvio Berlusconi với giấc mơ để Baggio đá cặp cùng Savicevic. Như thừa nhận của Capello, ông không biết phải dùng Baggio ở đâu, bởi anh là mẫu cầu thủ kiệt xuất mà đội bóng phải phục vụ, trong khi Baggio hiếm khi tham gia vào các tình huống phòng ngự và di chuyển chiến thuật. Từ Lippi đến Sacchi, từ Capello đến Trapattoni, Baggio đều không thể có chỗ đứng trong đội hình.

Trong khi với ông chủ Berlusconi, những năm tháng vinh quang khiến Il Presidente dần đánh mất sự kiên nhẫn, thay vào đó, một huấn luyện viên đến Milan phải có trách nhiệm mang về thành công ngay lập tức. Như trường hợp của Oscar Tabarez, ông chỉ trụ lại San Siro đến đầu tháng 12-1996 trước khi bị sa thải. Mặt khác, các đối thủ của Milan đã trở lại, đặc biệt là Juventus với bộ đôi Marcello Lippi và Luciano Moggi. Mọi thứ căng thẳng hơn cho Berlusconi trên chính trường, khi ông đối mặt với một loạt những cáo buộc tham nhũng và trốn thuế, có nguy cơ phải đối diện với những cuộc điều tra từ quốc hội Italia. Hệ quả là trong hai mùa giải liên tiếp từ năm 1996 đến 1998, Milan chỉ kết thúc ở vị trí thứ 10 và 11, thành tích thật khó nuốt trôi với ban lãnh đạo. Thế rồi, trong cơn bấn loạn tìm lối ra, Milan đã đặt niềm tin vào một "Cánh chim lạ" ở Serie A.

Chiến lược gia ấy đến từ thị trấn nhỏ Cesenatico, vùng Emilia Romagna, nơi đã sản sinh ra Arrigo Sacchi huyền thoại ngày nào. Ông có tên đầy đủ là Alberto Zaccheroni hay đơn giản là "Zac". Khá hơn tiền bối của mình, Zaccheroni ít nhất đã có hai năm kinh nghiệm ở Serie A cùng Udinese và chuyến phiêu lưu quả cảm ở Friuli đã thuyết phục Berlusconi chọn ông là người lèo lái AC Milan. Mùa hè 1996, chuyện nhà Pozzo bổ nhiệm Zaccheroni là huấn luyện viên của Udinese khiến cả Calcio giật mình, bởi người đàn ông đến từ Cesenatico khi ấy chưa hề có kinh nghiệm chinh

chiến ở Serie A, khi trước đó chỉ cầm quân ở Cosenza tại Serie B và chưa từng thi đấu chuyên nghiệp. Nhưng khi Zac ra đi, những ánh mắt hoài nghi nay chuyển sang ngưỡng mộ bởi thành tích vô cùng ấn tượng của ông khi giúp Udinese về thứ 3 ở mùa giải 1997-98, trong đó dấu ấn lớn nhất của Zaccheroni đến vào ngày 13-4-1997.

Đối mặt với Juventus ở Delle Alpi, ngay phút thứ 3, Udinese đã mất người khi hậu vệ Regis Genaux bị truất quyền thi đấu vì phản ứng trọng tài. Nhưng thay vì rút khỏi sân một tiền đạo để thay bằng một trung vệ, thì Zac đi nước cờ táo bạo khi giữ nguyên 3 hậu vệ để chuyển sang sơ đồ 3-4-2 và kết quả thật khó tin, Udinese hạ gục Juventus 3-0 ngay ở Turin. Trận đấu mở ra thương hiệu 3-4-3 cho Alberto Zaccheroni khi từ chỗ đứng ngoài Top 10, một loạt các chiến thắng cuối mùa giải 1996-97 bằng sơ đồ 3-4-3 giúp đội bóng nhà Pozzo giành vé dự UEFA Cup trong sự ngỡ ngàng của Calcio, dĩ nhiên có cả Silvio Berlusconi.

Mùa giải 1998-99, lễ Bách niên kỉ niệm 100 năm thành lập câu lạc bộ đến trong bối cảnh u ám ở San Siro vì sau bao năm bất ổn với chính sách chuyển nhượng, "tổng quản" Galliani đã dè dặt hơn rất nhiều. Thay vào đó, Milan chỉ mang về hai hậu vệ trẻ Luigi Sala và Roberto Ayala, tiền vệ Guly, thủ thành Jens Lehmann cùng hai tân binh từ Udinese là Thomas Helveg và Oliver Bierhoff, Vua phá lưới Serie A mùa giải 1997-98, chân sút người Đức được mang về để đá cặp với George Weah. So với các đối thủ khác như Juventus, Inter hay Lazio, rõ ràng Milan thua sút hoàn toàn ở Calciomercato 1998. Bối cảnh khiến không nhiều Milanisti kì vọng vào Scudetto cho thầy trò Zaccheroni.

Đầu tiên là chuyện chọn ai bắt chính trong khung thành. Tân binh Jens Lehman giành "pole" khi anh được mang về để thay thế Sebastiano Rossi, song hàng loạt sai lầm khiến Zac quay lại với thủ thành kì cựu của đội bóng. Nhưng đến vòng 17, cú đấm vào mặt tiền đạo Cristian Bucchi (Perugia) khiến tình thế thay đổi khi Rossi bị treo giò đến 5 trận, hoàn cảnh buộc Zaccheroni đặt niềm tin vào cái tên đầy xa lạ, Christian Abbiati. Ngoài ra, Massimo Ambrosini cũng được trao suất đá chính sau một năm trưởng thành ở Vicenza. Nhưng canh bạc lớn nhất của Zac chính là Oliver Bierhoff, học trò cũ của ông ở Udinese, dù ít ai biết, người lựa chọn anh và Helveg là Fabio Capello.

Kể từ khi sở hữu Milan vào năm 1986, thành công của triều đại Berlusconi được "đo ni đóng giày" bởi những ngôi sao hàng đầu. Nghĩa là trước tiên, họ phải được định danh thuộc hàng sao số của

làng túc cầu, từ Marco van Basten đến Ruud Gullit, từ Jean Pierre Papin đến Dejan Savicevic. Xét trong tiêu chí ấy, khó để nói rằng Oliver Bierhoff đủ sức chen chân vào hàng ngũ lừng danh này, nên nhớ mùa giải anh tỏa sáng cùng Udinese hay bàn thắng vàng ở chung kết Euro 1996 vẫn chỉ mang tính thời điểm và khó để khẳng định đấy là chuyện đẳng cấp. Bởi ngay cả ở tuyển Đức, Bierhoff vẫn còn phải cạnh tranh suất đá chính. Duy nhất Zac lại có suy nghĩ khác. Nhưng để làm nên thành công trong giai đoạn này, tiếng nói của các cựu binh là điều quan trọng nhất với huấn luyện viên Zaccheroni.

"Tôi lập tức nhận được sự ủng hộ của các trụ cột như Maldini, Costacurta hay Albertini không lâu sau khi đến Milanello." Sự ủng hộ ấy là về mặt chiến thuật với sơ đồ 3-4-3, bởi sau hai kỉ nguyên của Sacchi và Capello thì việc chấp nhận sự thay đổi lớn về kết cấu phòng ngự là không hề dễ dàng. Quan điểm của Zac là xây dựng một đội ngũ có sự pha trộn giữa sức trẻ (Abbiati, Ambrosini…) và kinh nghiệm (Maldini, Costacurta…), giữa tính chiến đấu (Helveg, Guly…) và chất nghệ sĩ (Boban, Leonardo…) tạo ra một Milan thực sự cân bằng.

Mùa giải 1998-99, Lazio là đối thủ chính của Rossoneri, thời điểm mà kỉ nguyên vàng son của Sven Goran Eriksson mới chỉ bắt đầu. Đội bóng thành Rome sở hữu đội hình chật ních các ngôi sao ở ba tuyến như Alessandro Nesta, Sinisa Mihajlovic, Fernando Couto, Roberto Mancini và Marcelo Salas… Juventus lại sa sút sau chấn thương nặng của Alessandro Del Piero vào tháng 11, trong khi Inter lại quá bất ổn khi đã dùng đến bốn lượt huấn luyện viên. Dù bất ngờ có đến ở Fiorentina và Trapattoni, thì cuộc đua giành Scudetto vẫn chỉ diễn ra giữa AC Milan và Lazio. Cho đến vòng 26, thắng lợi 2-0 trước Venezia giúp Lazio tạo ra khoảng cách 7 điểm sau khi Rossoneri bị Bari cầm chân 2-2.

Nhưng một tài năng đã bất ngờ bừng sáng ở hai tháng cuối mùa giải để quyết định số phận Scudetto. Người ấy không phải là Oliver Bierhoff hay George Weah mà là Zvonimir Boban, khi anh đã chơi thứ bóng đá hay nhất của đời mình tại Milan vào mùa giải 1998-99. Trong đó thắng lợi 2-0 tại Turin ở vòng 32 là tiền đề cho việc phế truất Lazio, in đậm trong kí ức các Milanista là pha chích bóng cho Weah ghi bàn thứ 2 thực sự là một kiệt tác kiến tạo. Chuỗi 7 trận thắng liên tiếp của Rossoneri khiến thầy trò Eriksson choáng váng, như thừa nhận của chiến lược gia người Thụy Điển trong cuốn My Story, "Chúng tôi thiếu bản năng để kết liễu đối thủ". Chỉ trong sáu vòng đấu, khoảng cách được rút ngắn xuống còn 1 điểm và bước ngoặt đến ở Florence tại vòng 33, khi Lazio

đụng độ Fiorentina của Giovanni Trapattoni. Hàng tá cơ hội được tạo ra nhưng đội khách chỉ thu về 1 điểm, trong khi Milan hạ gục Empoli 4-0, tiền đề mở ra Scudetto lần thứ 16 cho AC Milan đúng dịp kỉ niệm 100 năm ngày thành lập câu lạc bộ. Nhưng khác với những chiến thắng của kỉ nguyên Sacchi và Capello vốn áp đảo đối thủ, thầy trò Alberto Zaccheroni có một trong những cú nước rút vĩ đại nhất lịch sử Caclio, dù xét về chất lượng đội ngũ, Milan chưa hẳn đã nằm trong top 3 đội bóng mạnh nhất Serie A mùa giải năm ấy. Thế nên, ai cũng phải thừa nhận, Scudetto cho Milan là một bất ngờ và Zaccheroni xứng đáng được thừa nhận về tài năng, mặc dầu không phải ai cũng có quan điểm như vậy.

"Chủ tịch câu lạc bộ luôn nói rằng Lazio sẽ giành Scudetto, khi tôi hỏi tại sao Milan chiến thắng thì Berlusconi bảo đấy là do lời khuyên nên dùng Boban đá hộ công của ông ấy. Dù tôi cũng khá thích Boban nhưng cậu ấy thường xuyên đá lệch trái ở sơ đồ 4 tiền vệ. Ngay sau khi hồi đáp như vậy, mối quan hệ của chúng tôi hoàn toàn đổ vỡ." Trong khi báo chí thi nhau thêu dệt những nguyên nhân bất đồng giữa hai người từ việc Alberto Zaccheroni là người theo phe cánh tả, vốn có xu hướng đối lập với Đảng Forza Italia (cánh hữu) của Silvio Berlusconi cho đến chuyện ông chủ Rossoneri dị ứng với sơ đồ 3 trung vệ mà Zac áp dụng tại San Siro. "Ồ, chính trị chả liên quan tí nào đến chuyện này cả. Cánh nhà báo hay kháo nhau rằng tôi là người cộng sản, vì nghe nói là họ hàng nhà tôi như vậy thì phải. Thế là ban lãnh đạo Milan khuyên tôi hãy phát biểu chính thức để bác bỏ tin đồn này nhưng tôi thì không làm thế, bởi tôi đến Milan để huấn luyện chứ không phải đến đây để trở thành một chính trị gia." Dù đã giúp Milan giành Scudetto lần thứ 16, nhưng ai cũng hiểu rạn nứt giữa huấn luyện viên và ông chủ đội bóng Đỏ-Đen ngày càng lớn, chuyện ra đi của Zaccheroni chỉ còn là vấn đề thời gian một khi cái cớ hợp lí nào đó tìm đến.

Mùa hè 1999, bộ đôi Ariedo Braida và Adriano Galliani quyết định thay máu đồng loạt cho các tuyến của Milan bằng những tài năng trẻ như trung vệ José Chamot, các tiền vệ Gennaro Gattuso, Serginho và bộ đôi song sát José Mari và Andriy Shevchenko, tài năng từ Dinamo Kiev vốn gây chú ý với cả châu Âu sau khi giành ngôi Vua phá lưới Champions League mùa giải 1998-99. Nhưng điềm gở sớm đến với thầy trò Zaccheroni khi bị Parma đánh bại 2-1 ở trận tranh Siêu Cúp Italia. Trong khi Lazio và Juventus sớm tăng tốc, thì Milan như cỗ máy thực sự có vấn đề. Song nếu tình hình ở Serie A vẫn còn chút khả quan thì Champions League quả là nỗi thất vọng ghê gớm khi Rossoneri xếp chót bảng, dưới cả Galatasaray và Hertha Berlin. Tuy nhiên, vị trí thứ 3 của Milan tại

Serie A 1999-2000 là cứu cánh cho chiếc ghế của Zac. Dù vậy, vận may ấy kéo dài không lâu, đến tháng 3-2001, trận hòa 1-1 với Deportivo La Coruna chính thức kết liễu số phận của Zaccheroni, bởi năm ấy lá bài Serie A cũng ngoảnh mặt với ông khi Berlusconi cực kì tức giận với chuyện Milan hoàn toàn bị bỏ lại trong cuộc chiến giành vé dự Champions League. Lên thay là bộ đôi quen thuộc của San Siro, Cesare Maldini và Mauro Tassotti, câu lạc bộ về đích ở vị trí thứ 5 với tấm vé dự UEFA Cup 2001-02. Milan chờ cơn gió lạ đến từ Thổ Nhĩ Kì.

Carletto, mừng ông trở về nhà

Vấp ngã là điều khó để chấp nhận nhưng học cách đứng dậy còn khó hơn thế. Sau quyết định sa thải Alberto Zaccheroni, Milan hiểu rằng giải pháp Cesare Maldini chỉ là tình thế, bởi dù đã cố hết sức bằng tình yêu và sự đam mê, nhưng lần tái xuất sau 27 năm ở San Siro của Maldini cha đã không để lại ấn tượng và Milan cần được chèo lái bởi một chiến lược gia đang ở đỉnh cao của sự nghiệp. Đầu những năm 2000, bóng đá Thổ Nhĩ Kì gây chú ý bằng chiến tích của Galatasaray khi vô địch UEFA Cup 2000 sau chiến thắng trước Arsenal. Vinh quang là một chuyện, mà tính thuyết phục nằm ở chỗ lối chơi tấn công của họ làm say đắm lòng người, từ đôi chân ma thuật của Hagi đến tài săn bàn của Hakan Sukur khiến Berlusconi cũng phải xao xuyến. Ấn tượng càng lớn hơn khi chính Galatasaray loại... Milan khỏi Champions League mùa giải 1999-2000 sau chiến thắng 3-2. Đến mùa hè 2001, Rossoneri quyết định thử vận may cùng vị thuyền trưởng đã điều khiển con tàu ấy, ông là Fatih Terim.

Nổi tiếng ở Thổ Nhĩ Kì với biệt danh là “Imparator” hay “Hoàng Đế”, Fatih Terim sở hữu cá tính bộc trực, mạnh mẽ, thứ khí chất làm nên một ông chủ quyền lực trong phòng thay đồ. Minh chứng khi ông cầm quân ở Fiorentina, chỉ cần ông chủ Vittorio Cecchi Gori tự tiện xông vào phòng thay đồ để giảng giải chiến thuật, lập tức huấn luyện viên người Thổ Nhĩ Kì đệ đơn từ chức vào ngày hôm sau. Để củng cố cho tham vọng tranh Scudetto mùa giải 2001-02, Rossoneri dốc sức tăng cường hỏa lực với Manuel Rui Costa, Fillipo Inzaghi và Martin Laursen, cùng với đó là bộ đôi đã giành ngôi á quân UEFA Cup 2001 ở Alaves là Javi Moreno và Cosmin Contra. Những bản hợp đồng khá nặng kí ấy bỗng khiến các Milanista quên mất việc họ đã sang bên kia thành phố để lấy đi của Inter Cristian Brocchi và Andrea Pirlo, một tài năng trẻ khá triển vọng nhưng lại không có đất diễn ở Giuseppe Meazza. Kể từ mùa giải 1995-96, dưới kỉ nguyên Capello, lực lượng của Rossoneri mới lại đáng gờm đến thế, nghĩa là “Hoàng Đế” Terim

phải có trách nhiệm mang về Scudetto thứ 17 cho Milano.

Ngay khi mùa giải 2001-02 mở màn, giới chuyên môn đã nhìn thấy sự thiếu cân bằng trong cách chơi của Milan khi triết lí lấy công bù thủ được Fatih Terim áp dụng triệt để. "Các anh đừng mong là một trận đấu của Milan sẽ kết thúc với tỉ số hòa không bàn thắng." Đấy là thứ bóng đá sexy mà ông chủ Silvio Berlusconi ngưỡng mộ với 18 bàn thắng qua 8 trận, nhưng đổi lại, mành lưới của Rossoneri cũng rung lên đến 12 lần. Milan tỏ ra mâu thuẫn với chính mình khi một mặt họ hạ gục Fiorentina 5-2, thắng Inter 4-2 nhưng cũng đồng thời để Perugia hạ 3-1. Phong độ bất ổn này khiến Milan kém xa Juventus, Inter và cả Chievo, tân binh mới thăng hạng Serie A nhưng đã chơi đầy quật khởi. Cuối tháng 10, những tin đồn râm ran về sự trở lại của Carlo Ancelotti bỗng xuất hiện trên mặt báo, để rồi chỉ vài ngày sau "Lễ hội người chết", số phận của vị "Hoàng Đế" Thổ Nhĩ Kì được định đoạt sau thất bại 0-1 trước Torino vào ngày 4-11. Lí giải về nguyên nhân Terim bị sa thải, ngoài yếu tố chuyên môn, đó còn là sự khác biệt về văn hóa. "Trước khi đến Milan, ông ấy chỉ huấn luyện các đội bóng nhỏ, vốn cho phép Terim làm mọi thứ mình thích. Nhưng môi trường ở Milan là khác hẳn. Ông ấy hay đến trễ vào bữa trưa, rồi chẳng thèm đeo cà vạt trong các sự kiện quan trọng hay chuyện bỏ mặc Mr Bic (Galliani) ngồi một mình chỉ để kịp về xem chương trình Big Brother." Đấy là hồi ức của Andrea Pirlo trong cuốn tự truyện của mình về quãng thời gian ngắn ngủi của Fatih Terim ở San Siro.

Sa thải huấn luyện viên người Thổ Nhĩ Kì, bởi Milan đã chọn sẵn người kế nhiệm và đó là chuyến trở về của đứa con lưu lạc thuở nào. "Chào mừng anh trở về nhà, Carletto", ông Antore Peloso, giám đốc trung tâm huấn luyện Milanello hồ hởi bắt tay người quen cũ của mình. Nếu Fabio Capello đến Milan vào giai đoạn cuối sự nghiệp cầu thủ, thì ngược lại Carlo Ancelotti gắn bó với trang sử hào hùng nhất của Rossoneri. Là một Milanista, bạn sẽ không thể quên cú sút xa để đời của ông trong chiến thắng 5-0 trước Real Madrid vào năm 1989. Nhưng ít ai biết, cuộc gọi của Galliani cho Ancelotti vào tháng 11-2001 đến khi Carletto sắp vào trụ sở AC Parma để kí hợp đồng với nhà Tanzi. Tuy nhiên, chuyện "trở về nhà" sau nhiều năm đã khiến Carlo Ancelotti hi sinh tất cả.

Bước vào căn phòng số 5 huyền thoại ở Milanello, hình bóng của những chiến tướng thuở nào lại hiện ra với Ancelotti, từ Nereo Rocco đến Fabio Capello, trong khi trên sân tập đấy vẫn là Paolo Maldini, Demetrio Albertini hay Billy Costacurta, những đồng đội năm xưa của ông. Nhưng ông mau chóng nhận ra nhiệm vụ nặng

nề của mình, bởi sau ngần ấy năm chơi cho Milan, Carletto hiểu rõ tham vọng và sự tàn nhẫn của Berlusconi là khủng khiếp thế nào. Ở Serie A, Milan đã bị Juventus và Inter bỏ xa tại mùa giải 2001-02 thì một suất tham dự Champions League cũng là chấp nhận được cho Ancelotti. Rốt cuộc Rossoneri đã về đích thứ 4 và kế hoạch phục hưng đế chế Đỏ-Đen sẽ chỉ đến vào mùa hè.

"Ngài Chủ tịch, ai cũng muốn vô địch Champions League nhưng nếu ông không thể mang về Nesta, thì chúng ta sẽ không thể chiến thắng ở châu Âu. Hãy mang về cho tôi Nesta, và tôi sẽ đổi lại cho ông bằng chiếc Cup Champions League." Ancelotti nhớ lại về cái tên đầu tiên hiện ra trong suy nghĩ của ông khi chấn hưng Milan. Alessandro Nesta, trung vệ có giá 30 triệu euro được mang về từ Lazio, nhưng sau ngày anh ra đi, con số ấy thật nhỏ bé với những gì mà Nesta để lại. Khác với người thầy cũ Arrigo Sacchi khi nghĩ đến một tiền vệ, vị trí đầu tiên mà Carletto muốn nhấn mạnh là tầm quan trọng của hàng thủ, dù Milan của Berlusconi phải có nghĩa vụ chơi cống hiến. Bên cạnh Nesta, Rossoneri đã có sẵn Maldini, Kaladze và Roque Junior. Nhưng sự chú ý dồn vào hàng công với hai tân binh danh tiếng, Clarence Seedorf và Rivaldo, siêu sao đã khiến Berlusconi xiêu lòng với hattrick ở San Siro trong trận hòa 3-3 vào trước đó hai năm. Cộng với đội ngũ hùng hậu còn lại, mục tiêu của Rossoneri là chiến thắng trên mọi mặt trận ở mùa giải 2002-03.

Mùa giải khởi đầu với Milan vào tháng 8-2002 với thử thách mang tên Slovan Liberec ở vòng sơ loại Champions League. Rossoneri chiến thắng nhưng cái giá thì quá đắt đỏ khi Andriy Shevchenko dính chấn thương khiến ý đồ đá 4-4-2 của Carletto phá sản, buộc huấn luyện viên đến Emilia Romagna phải có một phương án B. "Tôi có thể chơi tiền vệ phòng ngự. Vì tôi đã từng đá ở vị trí này với Mazzone, mọi thứ rất ổn." Andrea Pirlo bày tỏ sự lạc quan khi huấn luyện viên của Milan ngỏ ý để anh chơi ở vị trí thấp nhất hàng tiền vệ, trong khi nên nhớ ở Inter, anh được đá nhô cao ngay sau lưng hai tiền đạo. Với việc cùng lúc sở hữu Seedorf, Rivaldo và Rui Costa, ba tiền vệ công xuất sắc khiến suy nghĩ của Carletto lóe lên chuyện kết hợp tất cả để khỏa lấp việc thiếu vắng Sheva. Thử nghiệm đến ở Trofeo Luigi Berlusconi (giải đấu giao hữu thường niên với Juventus). "Cậu ấy thật sự khiến tôi kinh ngạc, khi chơi bóng bằng vẻ đẹp thật giản dị." Màn trình diễn của "Maestro" lập tức gây ấn tượng với ông thầy mới, và Andrea Pirlo chính là điểm nhấn quan trọng cho sự xuất hiện của sơ đồ "Cây thông" hay "Albero di Natale" 4-3-2-1.

Ở Serie A, Milan khởi đầu mạnh mẽ với 4 chiến thắng và 1 trận

hòa, thậm chí Rossoneri giành luôn chức vô địch mùa đông năm ấy. Trong khi ở Champions League, Rossoneri vùi dập những đối thủ sừng sỏ như Deportivo La Coruna, Bayern Munich và Real Madrid. Sự kết hợp hài hòa của Ancelotti giúp Milan công hay thủ chắc. Tính cho đến trước vòng tứ kết, các chân sút của Đỏ-Đen đã ghi đến 19 bàn thắng, nhưng 11 trong số này thuộc về Pippo Inzaghi khi thay thế trọng trách từ Shevchenko. Như huấn luyện viên Domenico huyền thoại đã nói, "Pippo thích bàn thắng à? Không đâu, bàn thắng mới mê mẩn cậu ấy". Với cá nhân Carletto, sự ngưỡng mộ của ông về Pippo là rất lớn, "Cậu ấy không phải mẫu tiền đạo hoàn hảo để lập tức khiến tôi nghĩ đến đầu tiên, nhưng khi có mặt ở vòng cấm địa, không ai trên thế giới này đủ sức vượt qua Pippo". Có phong độ xuất sắc ở Champions League nhưng tại Serie A, Milan có dấu hiệu chững lại với những lần mất điểm tai hại. "Chúng tôi đánh mất mình ở Serie A, vì thế sự tập trung đổ dồn vào Cup châu Âu. Áp lực là rất lớn, khi tôi thấy sức nóng vô hình đang tìm đến chiếc ghế của mình." Canh bạc khiến Ancelotti buộc phải lựa chọn giữa lằn ranh mong manh của thành công và thất bại.

Jon Dahl Tommasson, tân binh người Đan Mạch đến trong mùa hè 2002, nhưng cái tên của anh lọt thỏm giữa một rừng sao ở San Siro. Tuy vậy, các Milanista chả bao giờ quên anh với pha xuất hiện thần kì trước Ajax để ấn định thắng lợi 3-2, Milan thoát hiểm trong đường tơ kẽ tóc vì nếu tỉ số là 2-2 thì đội bóng Hà Lan mới là kẻ đi tiếp. Trực giác chinh chiến ở Cup C1 thuở nào như mách bảo Carletto về vóc dáng của một nhà vô địch, bởi ngoài bản lĩnh, đấy còn là sự may mắn mà Milan sở hữu. Tuy nhiên, việc sa đà vào tấn công khiến Rossoneri để thủng lưới khá nhiều, lập tức Ancelotti phải có sự điều chỉnh khẩn cấp, khi vấn đề mà ông nhìn thấy chính là thể lực của đội bóng có dấu hiệu quá tải. "Chúng ta phải kiểm soát bóng một cách hiệu quả, tránh bị cuốn vào tốc độ của đối thủ, không nên cầm bóng đột phá mà phải chơi một, hai chạm, làm sao để giữ sự an toàn cho phía sau hàng tiền vệ của đội bóng ở mức cao nhất có thể."

Thay đổi quan trọng này chính là chìa khóa để Milan đánh bại Inter và Juventus mà chỉ để thủng lưới đúng 1 bàn. Trước ngày diễn ra trận chung kết, Carletto đã cho cả đội xem trích đoạn ngắn của bộ phim Any Given Sunday để mượn lời nhân vật Al Pacino nhằm nhắn nhủ đến đội bóng, "Các cậu sẽ thấy cuộc đời giống như một trò chơi vậy. Vì đây là bóng đá, ở cả hai thứ bóng đá lẫn cuộc đời thì khoảng cách của những sai lầm là rất nhỏ. Hoặc chúng ta sẽ phải cùng nhau chiến đấu như một đội bóng, hay thất bại như từng cá nhân riêng lẻ". Cảm hứng ấy giúp hàng thủ Milan

khóa chặt những Del Piero, Trezeguet, Camoranesi… của Juventus và chiến thắng trên chấm luân lưu. Khác với thứ bóng đá hoa mĩ của người thầy Sacchi, óc linh hoạt trong việc sử dụng chiến thuật giúp Carlo Ancelotti mang về chiếc Cup Champions League lần thứ 4 trong kỉ nguyên Silvio Berlusconi. Với cá nhân Carletto, thắng lợi trước Juventus là màn báo thù ngọt ngào sau những gì mà các Juventini và ban lãnh đạo đội bóng đã đối xử với ông. Có một danh hiệu cao quý trong tay, Milan của Ancelotti tự tin hướng về phía trước với sự xuất hiện của một tài năng kiệt xuất.

"Tôi nghe nói về một cậu trai trẻ từ Brazil, khá tài năng, nhưng không biết rõ là thế nào ngoài cái tên dài dằng dặc, Ricardo Izecson Dos Santos Leite. Với cái tên này, tôi đoán chắc cậu ta là một nhà truyền đạo trẻ cũng nên." Ricardo Izecson Dos Santos Leite hay đơn giản là Kaka, quân bài quan trọng bậc nhất cho những thành công của triều đại Carlo Ancelotti. Mái tóc bồng bềnh cùng khuôn mặt thiên thần khiến Carletto hoài nghi về chàng trai từ Sao Paulo dù anh đã là nhà Vô địch Thế giới. Nhưng khi có bóng trong chân, Kaka thực sự là cơn ác mộng với bất cứ ai phải đối mặt với anh. "Cậu đi chết đi", cả đội cười phá lên lúc Rino Gattuso trở thành nạn nhân đầu tiên khi nỗ lực ngăn cản pha bứt phá kiểu "trượt tuyết" của Kaka, dù đấy là pha tì vai khá mạnh nhưng thiên thần Brazil vẫn không vì thế mà mất trụ.

Từ Gattuso đến Ivan Cordoba, từ Milanello đến San Siro, Kaka lập tức mang tới cảm giác ngạc nhiên cho mọi hàng thủ ở Calcio bởi tốc độ bứt phá, sự bùng nổ, thanh thoát trong lối chơi, đằng sau khuôn mặt thiên thần là nỗi ám ảnh của một hung thần. Như thừa nhận của Carletto, không phải Shevchenko với 24 bàn thắng mà chính Kaka mới là nhân tố làm thay đổi hoàn toàn mùa giải 2003-04 của Milan với Scudetto lần thứ 17, trong đó nổi bật chính là 12 trận thắng trong 13 trận liên tiếp giúp Đỏ-Đen vượt mặt AS Roma. Song tất cả không phải màu hồng khi chiến thắng ấy bị phần nào đó lu mờ bởi sự kiện Silvio Berlusconi buộc phải rời khỏi ghế Chủ tịch Milan vào tháng 12-2003 sau sức ép từ phía các đảng đối lập (lúc này, ông đã là Thủ tướng Italia được hơn 2 năm), cũng là những dấu hiệu suy thoái đầu tiên cho ông chủ của Fininvest. Ngoài ra, chuyện bị Deportivo La Coruna loại khỏi Champions League với tỉ số 4-0 ở Riazor cũng là nỗi đau dằn vặt AC Milan, nhưng ít ai ngờ rằng, thảm họa sau đó một năm còn khủng khiếp hơn nhiều lần.

"Các cầu thủ người này bá vai người kia và hô vang, tiến lên nào, chúng ta có thể chiến thắng." Istanbul ngày 25-5-2005, Carlo Ancelotti nhớ lại không khí ăn mừng xâm nhập phòng thay đồ

của Milan khi họ dẫn Liverpool đến 3-0 chỉ sau hiệp 1. Ai cũng tin rằng, vấn đề giành chiếc Cup Champions League thứ 7 chỉ là thời gian. Chỉ có những người Anh lại nghĩ khác. Từ 3-1, 3-2, rồi 3-3, tất cả đến một cách điên rồ khiến không thành viên nào của Milan tin vào mắt mình. Thực tế là họ đã không có đủ thời gian để trấn tĩnh bởi nếu người Anh đã từng có bộ phim hài mang tên One Night in Istanbul cách đó chỉ vài tháng, thì thước phim ở Atatuk lại hoang đường hơn tất cả. "Tôi không bao giờ muốn xem lại trận đấu đó thêm lần nào nữa, không bao giờ", với Carletto đấy cũng là nốt trầm lớn nhất trong sự nghiệp cầm quân của ông. Sau những "Fatal Verona" hay "Totonero", lịch sử huy hoàng của AC Milan bị hoen ố bởi tấn bi kịch ở Istanbul mà các Milanista không bao giờ tha thứ, đến nỗi ngay cả ngày chia tay tượng đài Paolo Maldini cũng là dịp để họ dằn vặt đội bóng.

Những dấu hiệu suy tàn của kỉ nguyên Berlusconi dần ập đến bắt đầu từ mùa hè năm 2006. Sau sự ra đi của Andriy Shevchenko, cơn địa chấn mang tên Calciopoli tàn phá dữ dội bóng đá Italia mà Milan cũng bị cuốn vào vòng xoáy này với 8 điểm bị trừ khi khởi đầu mùa giải 2006-07, trong khi Juventus bị đánh tụt hạng. Chỉ sau một đêm, Inter trở thành quyền lực mới của Calcio khi thâu tóm hai ngôi sao hàng đầu của "Lão Phu Nhân" là Patrick Vieira và Zlatan Ibrahimovic, nhân chứng sống cho sự biến mất của chủ nghĩa "Berlusconismo" nổi tiếng thuở nào. Ristorante Giannino, một nhà hàng sang trọng ở Milano, nơi "Il Presidente" lẽ ra sẽ có cuộc hẹn với Ibrahimovic để chốt thương vụ mua anh từ Juventus. Nhưng Ibra không bao giờ đến khi đã bí mật gật đầu với Massimo Moratti, đơn giản bởi Inter đã tỏ ra dứt khoát trên bàn đàm phán trong khi Milan phải lưỡng lự để chờ đợi kết quả từ trận sơ loại Champions League với Sao Đỏ Belgrade. Nghĩa là mấu chốt nằm ở tiền bạc, thứ từng định nghĩa nên chính sách "Berlusconismo" lừng danh. Hai mươi năm kể từ ngày mua lại AC Milan, người ta mới thấy Silvio Berlusconi phải cam phận chiếu dưới trên Calcio Mercato.

Chiến thắng ở Athens trước Liverpool tại chung kết Champions League 2007 thực ra chỉ là phút lóe sáng cuối cùng của những cựu binh vốn đã ở bên kia sườn dốc sự nghiệp, thay vì sức mạnh thống trị tuyệt đối mà Milan từng sở hữu. Bởi một khi Galliani đã phải thừa nhận với ông Bosco Leite, cha và cũng là đại diện của Kaka vào mùa đông năm 2008 rằng, lần đầu tiên Milan nghĩ đến chuyện bán đi cầu thủ xuất sắc nhất của mình, cũng là lúc các Milanista hiểu rằng, cơ bắp tài chính từ Fininvest thuở nào chỉ còn là quá khứ thật xa xôi khi những báo cáo tài chính cho biết, dư âm cuộc khủng hoảng tài chính thế giới năm 2007 khiến đế chế của

Berlusconi choáng váng với thâm hụt gần 500 triệu euro. Trong khi đòn thù năm xưa từ kình địch Carlo De Benedetti, vốn sở hữu tập đoàn truyền thông CIR khiến cựu Thủ tướng Italia mất thêm gần 560 triệu euro trong vụ kiện tụng liên quan đến công ty xuất bản Monadori. Tất cả đến một cách dồn dập khiến AC Milan cũng phải chịu hệ lụy từ sự suy yếu của Fininvest. Cuối mùa giải 2008-09, tượng đài Paolo Maldini nói lời giã biệt trong khi Kaka được bán đến Real Madrid, đến lượt Carlo Ancelotti nói lời giã từ với màu áo Đỏ-Đen, bởi sau khi đã từ chối Real Madrid cách đó ba năm vì ân tình với San Siro, Carletto hiểu rằng một chu kì chiến thắng đã đi qua. Sau những năm tháng huy hoàng nhất lịch sử đội bóng, ánh hoàng hôn dần buông xuống San Siro kéo theo chuỗi ngày tăm tối cho màu áo Đỏ-Đen.

Chạng vạng

Sau tám năm gắn bó với Carlo Ancelotti, Milan hiểu rằng cuộc vui nào rồi cũng đến lúc phải chia tay. Suy nghĩ của "tổng quản" Galliani đã nhắm sẵn một cái tên để lèo lái Milan, người hiểu rõ mọi ngóc ngách câu lạc bộ, đó là cựu tiền vệ Leonardo. Một quyết định khiến các Milanista chợt nhớ về chuyện bổ nhiệm Fabio Capello thuở nào sau ngày Arrigo Sacchi ra đi bởi với Leonardo, sau ngày giã từ sự nghiệp, gần như cuộc sống của ông vẫn gắn chặt với Milan với chiếc ghế giám đốc kĩ thuật và chịu trách nhiệm chính trong việc tìm kiếm tài năng ở thị trường Nam Mỹ. Bạn thấy Kaka, Pato hay Thiago Silva đến Milan thì đó đều là những sản phẩm được phát hiện bởi Leonardo. Dù vậy, quyết định của câu lạc bộ được xem là đầy rủi ro khi nếu Capello được kế thừa một đội ngũ chiến thắng vào năm 1991, thì ngược lại, Milan năm 2009 gồm quá nhiều cầu thủ sắp ở bên kia sườn dốc sự nghiệp, từ Nesta đến Ambrosini, từ Zambrotta đến Kaladze, trong khi số tiền thu về từ thương vụ Kaka không được tái đầu tư, bởi ở mùa hè Calcio Mercato năm ấy, Milan chỉ bổ sung những món hàng giảm giá như Klass Jan Hunterlaar, các hậu vệ như Onyewu Oguchi hay Ignazio Abate, vốn được lấy về từ Torino. Tất cả chỉ trông cậy vào đôi chân ngẫu hứng nhưng đã mệt mỏi của Ronaldinho.

Vốn là một tiền vệ tài hoa khi còn là cầu thủ, không quá khó hiểu khi Leonardo chủ trương xây dựng lối đá tận hiến cho AC Milan. Như một lẽ tất yếu, Milan đánh mất sự cân bằng giữa công và thủ vốn được định hình từ triều đại của Ancelotti. Thất bại trước Manchester United 3-2 ở San Siro tại vòng 1/8 là minh chứng tiêu biểu, bởi nếu hai bàn thắng của Ronaldinho và Seedorf đẹp mắt bao nhiêu thì hàng thủ Milan lại hớ hênh bấy nhiêu cho đối thủ (đó là lần đầu tiên MU ghi bàn vào lưới Milan ở San Siro). Cuối mùa

giải năm ấy, Leo chọn cách ra đi bởi ông hiểu mình khó có khả năng tồn tại thêm quá lâu với thành tích như vậy. Khi cái thời mà Milan ngập ngụa trong tiền bạc đã qua đi, các Rossoneri hiểu rằng họ chỉ có thể trông cậy vào tài quản lí của Adriano Gallani, vị CEO xuất sắc nhất lịch sử đội bóng.

Ngày 1-2-2010, tại buổi lễ trao giải Gala Del Calcio, giới mộ điệu bất ngờ thấy José Mourinho không phải là người chiến thắng ở hạng mục "Panchina d'oro" (Băng ghế vàng), mà cái tên ấy là vị huấn luyện viên khá vô danh, Massimiliano Allegri, một chiến lược gia của Cagliari, đội bóng đã gây ấn tượng mạnh ở mùa giải 2009-10 khi đã có lúc nằm ở nhóm dẫn đầu với 32 điểm sau 21 trận. Thành tích lập tức lọt vào mắt xanh của Galliani và sau khi đã cân nhắc kĩ từ Mauro Tassotti, Filippo Galli đến Marco van Basten thì người được chọn lại là Max Allegri. Nhưng ít ai biết, Max đã từng mặc lên mình màu áo Đỏ-Đen khi được Capello tuyển chọn cho chuyến du đấu giao hữu ở nước Mỹ vào năm 1994. Nhưng trước khi người đàn ông từ Livorno giúp kỉ nguyên Berlusconi bùng cháy lần cuối thì Milan đã thắng lớn ở Calcio Merato nhờ tài thao lược trên bàn đàm phán của Galliani.

Mùa hè năm 2010, sau trận giao hữu tôn vinh Ronaldinho ở Nou Camp, căn nhà của Zlatan Ibrahimovic tiếp đón người đàn ông mà anh không hề xa lạ, "Galliani trông rất bệ vệ, ông ấy vốn là tri kỉ của Berlusconi nhưng cũng là tay cáo già trên bàn đàm phán". Nhận được tín hiệu về mối quan hệ căng thẳng giữa Pep Guardiola và Zlatan Ibrahimovic, Galliani quyết không để tuột mất ngôi sao người Thụy Điển lần thứ hai, và lần này Mr Bic đã thành công với cái giá rẻ đến khó tin, chỉ 24 triệu euro cho cầu thủ được mệnh danh là "Quý Ngài Scudetto". "Khi máy bay vừa đáp xuống phi trường Linate, không khí cứ như tiếp đón Obama vậy khi có đến tám chiếc xe Audi và thảm đỏ chờ sẵn chúng tôi." Ibra nhớ lại cảnh cả trăm phóng viên chực chờ lia máy ảnh về phía anh, trong khi trên đường phố Milano, các cổ động viên hô vang "Ibra, Ibra", giây phút khiến những kí ức huy hoàng vào mùa hè 1987 lại trở về thật gần. Cũng với Robinho và Kevin Prince Boateng, Zlatan Ibrahimovic giúp Milan hồi sinh ở mùa giải 2010-11.

Chuyển từ 4-3-3 sang 4-3-1-2 với ý đồ kết hợp tài năng của Robinho và Ibrahimovic, trong khi Clarence Seedorf đá hộ công, nhưng Milan của Allegri vẫn không thể tìm thấy sự cân bằng giữa công và thủ khi họ để thủng lưới đến 18 bàn qua 21 trận. Điều đó khiến Allegri buộc phải có những sự thay đổi, dù là phải tàn nhẫn đi chăng nữa. "Này Andrea, ông Allegri có nói rằng nếu cậu ở lại thì cậu sẽ không thể chơi phía trước hàng thủ nữa. Ông ấy có vị trí

mới cho cậu, đấy là ở phía bên trái hàng tiền vệ." Cảm giác thật nhói đau với Andrea Pirlo, một regista huyền thoại, người vốn đặt nền móng cho kỉ nguyên chiến thắng của Carlo Ancelotti, thế rồi cũng đến lúc Milan không cần anh nữa, bởi ý tưởng của Max cần đến những chiến binh thay vì nghệ sĩ như Pirlo và Ronaldinho. Người được chọn bởi Allegri là Mark van Bommel, cầu thủ đã làm thay đổi hoàn toàn Milan sau khi giúp Allegri tạo nên một hàng tiền vệ sắt đá. Các con số không hề biết nói dối, Rossoneri chỉ để thủng lưới 5 bàn qua 15 trận tiếp theo. Cá tính cứng rắn của Max lập tức truyền cảm hứng đến đội bóng của mình. Với bối cảnh Inter sa sút sau cú ăn ba, Milan dễ dàng giành Scudetto thứ 18 trong lịch sử. Tuy nhiên, mùa hè 2011 cũng đánh dấu sự thức giấc của gã khổng lồ tại Calcio.

Ngày 8-9-2011, người Turin nô nức hướng về ngôi nhà mới của Juventus trong trận khai sân với Nott County, đội bóng nước Anh vốn truyền cảm hứng cho các sinh viên ở Turin lựa chọn màu áo Trắng-Đen huyền thoại. Với sức chứa khoảng 41.000 chỗ ngồi cùng chi phí xây dựng hơn 155 triệu euro, Allianz là sân đầu tiên thuộc sở hữu riêng của một đội bóng Italia. Sau khi gia tộc Agnelli trở thành nhà tài phiệt đầu tiên làm bóng đá đầu thế kỉ XX khi mua lại Juventus, một lần nữa Bianconeri lại đi trước tất cả về đường lối phát triển bền vững khi sân đấu mới sẽ mang đến nguồn thu ổn định hằng năm trong bối cảnh những sân đấu như San Siro không thể giúp các đội bóng tối đa hóa lợi nhuận vì những rào cản từ chính quyền địa phương. Thế nên, Allianz mới là Scudetto đầu tiên và lớn nhất trong chuỗi 8 lần vô địch Serie A liên tiếp của Lão Phu Nhân kể từ năm 2011. Trong khi ngược lại ở Milano, những con số thâm hụt hằng năm cứ tìm đến với AC Milan khi bầu sữa từ Fininvest đã cạn. Năm 2014, khi bị báo giới chất vấn về chuyện làm sao giải quyết khoản lỗ lên đến gần 100 triệu euro, Galliani đành cay đắng thừa nhận rằng từ năm 2013, Rossoneri đã phải tự đi bằng chính đôi chân mình vì Fininvest đã không còn bù lỗ cho những khoản thâm hụt hằng năm. Nghĩa là ngoài chuyện đá bóng kiếm tiền thưởng và tài trợ, khó để Milan hi vọng tìm thấy một hướng đi mới.

Nhưng trên sân cỏ, những tia hi vọng ấy tắt hẳn sau thương vụ "bán máu" từ ban lãnh đạo khi quyết định đẩy đi Zlatan Ibrahimovic và Thiago Silva, hai trụ cột thuộc hàng không thể đụng đến của Allegri với giá 62 triệu euro ; như thừa nhận của chính Berlusconi, việc hi sinh hai ngôi sao sẽ giúp Milan tiết kiệm khoảng 150 triệu euro trong hai mùa giải sau đó. Ai cũng hiểu sự kiệt quệ về tài chính dẫn lối cho những quyết định đau lòng như vậy. Thế nên, bạn đừng ngạc nhiên một khi Allegri tài năng kiệt

xuất đến thế còn không thể xoay chuyển tình thế, nói gì đến những tay mơ như Seedorf hay Inzaghi trên ghế huấn luyện. Sau sự ra đi của Max Allegri vào tháng 1-2014, không có thêm bất cứ một chiến lược gia nào tại vị quá hai năm ở San Siro với bối cảnh hỗn loạn như vậy, bởi những Sinisa Mihajlovic, Cristian Brocchi hay Vincenzo Montella cũng chỉ là nạn nhân của một chế độ đã suy vong. Trong phút hàn huyên cùng bạn bè, Berlusconi đã từng bảo có ba thứ mà các con của ông không được bán sau này là căn biệt thự Villa San Martino ở Arcore, tập đoàn Fininvest và AC Milan, nhưng rốt cuộc đến một ngày, chính ông phải đau lòng từ bỏ đứa con của mình sau 31 năm. Tuy nhiên, việc lựa chọn người kế nhiệm càng cho thấy Il Presidente đã thật sự già như thế nào.

"Nếu tôi là một Milanista, thì tôi cần biết ai là chủ sở hữu Milan", Tariq Panja, cây bút của New York Times đã tự hỏi sau hành trình đến miền Nam Trung Quốc ở Quảng Đông để tìm hiểu về Li Yong Hong, ông chủ mới được Silvio Berlusconi chọn mặt gửi vàng. Bất ngờ ở chỗ, nơi lí ra được xem là văn phòng của Li lại hoàn toàn bị bỏ hoang. Khi bài báo lên khuôn vào ngày 27-11-2017, hành tung bí ẩn của Li khiến cả nước Ý và UEFA chấn động, lập tức Milan bị đưa vào sổ đen theo dõi đặc biệt. Trong khi đó, số phận của Li như chỉ mành treo chuông mỗi khi kì hạn tăng vốn điều lệ ập đến, câu hỏi là chỉ vài chục triệu euro mà ông ta còn không có đủ thì lấy tiền đâu để rót vào Milan? Một vấn đề nghiêm trọng khác là nguồn tiền mà Li đã vay để mua Milan mới là nguyên nhân khiến họ bị UEFA tuýt còi.

Tháng 4-2017, sau 31 năm trị vì, đế chế AC Milan được Silvio Berlusconi chuyển giao cho Li Yong Hong với giá trị 740 triệu euro sau rất nhiều cuộc đàm phán bế tắc vì Li không thể gom đủ tiền. Câu hỏi là nguồn tiền ấy ở đâu? Vài tháng sau, báo chí Italia điều tra ra cái tên Elliott, một công ty của Mỹ, tổ chức tín dụng chuyên cho vay với lãi suất rất cao với đối tượng chủ yếu là những định chế đang lâm nguy về tài chính. Người Mỹ gọi Eliott là "kền kền", khi một mặt cho vay nhưng sẽ kê biên tài sản con nợ nếu họ không trả đúng hạn. Trong 740 triệu euro mua Milan, thì có đến 303 triệu mượn từ Eliott cộng tiền lãi 77 triệu euro sẽ phải trả định kì. Đến tháng 7-2018, rốt cuộc Li Yong Hong buộc phải đầu hàng để nhường lại Milan cho Eliott khi không thể kham nổi khoản nợ đã vay. Hơn 5 năm sau ngày chia tay Max Allegri, Milan vẫn chưa thể trở lại Champions League thêm lần nào nữa, giải đấu từng định nghĩa nên kỉ nguyên huy hoàng của màu áo Đỏ-Đen giờ chỉ còn là một giấc mơ xa xỉ và ngày về ấy dường như vẫn còn xa lắm.

Milan và những bi kịch khôn nguôi

Vũ Hoàng (ACMilanVN)

Ngày 24-5-2005 là một trong những ác mộng ghê gớm nhất cuộc đời của bất kì Milanista nào. Đội bóng của Carlo Ancelotti bước vào trận chung kết với đội hình khủng khiếp chưa từng có và được đánh giá là rất mạnh, nói đúng hơn là quá mạnh, so với đối thủ bên kia chiến tuyến. Milan dẫn 3-0 ngay sau hiệp 1 và thậm chí có người còn tắt ti vi khi trước mắt là viễn cảnh của một trận đấu tranh cúp đầy tẻ nhạt. Nhưng mọi thứ sau đó thì lại đáng quên. Cho đến tận bây giờ, rất nhiều cổ động viên Milan, trong đó có tôi, không dám xem lại dù chỉ là một clip highlight hay một hình ảnh nào đó liên quan đến trận đấu…

Có lẽ, khi chọn màu áo Đỏ-Đen cho Milan, Herbert Kilpin không thể ngờ rằng ông đã tiên đoán được vận mệnh của đội bóng này. Suốt 120 năm qua, Milan nhiều lần gieo sầu cho các đối thủ, lập nên những chiến công phi thường, tạo ra những trận đấu vĩ đại như màu Đỏ trên áo. Nhưng bên cạnh đó, câu lạc bộ cũng hứng chịu không ít những trận thua tủi hổ, những bi kịch đau thương như màu Đen của mình. Đỏ và Đen, chiến thắng và thất bại, vinh quang và đau đớn. Tất cả hòa với nhau tạo thành một dòng chảy không ngừng trong lịch sử của đội bóng.

Chúng ta hãy cùng điểm lại những ác mộng khủng khiếp mà Milan từng phải hứng chịu. Để nhớ rằng, chúng ta yêu Milan không chỉ vì những danh hiệu, những trận thắng oai hùng mà còn vì cả những thất bại đầy nước mắt đắng cay.

Ngày 5-11-1922: AC Milan – Bologna, 0 - 8

Bạn không nhìn nhầm đâu! Đích thực đó là một tỉ số 0-8 ngay trên sân nhà. Khi ấy, Milan khởi đầu mùa giải vô địch quốc gia không

tốt lắm. Đội chơi 3 trận, thắng 1, hòa 1 và thua 1. Bước vào vòng đấu thứ 4 với Bologna, Milan nằm ở thế yếu hơn bởi mùa trước, trong khi Bologna xếp thứ 3 ở bảng miền Bắc thì đội chủ nhà chỉ xếp hạng 9. Nhưng chí ít, nó cũng chẳng giải thích được cho cái tỉ số đáng xấu hổ trên.

Mới chỉ bước vào phút thứ 4, tiền đạo đội khách Giuseppe Della Valle đã ghi bàn mở tỉ số. Hai đội giằng co nhau đến gần hết hiệp 1 thì đột nhiên, đội chủ nhà bắt đầu chơi như bị trúng tà. Chỉ cần có thế, Della Valle liên tiếp nổ súng. Chỉ trong vòng 31 phút, từ phút 41 đến 72, tiền đạo 23 tuổi này ghi liền 5 bàn, đánh dấu việc trở thành cầu thủ ghi bàn khủng khiếp nhất vào lưới Milan trong một trận chính thức: 6 bàn. Cơn ác mộng chưa chấm dứt, cầu thủ non choẹt 18 tuổi Cesare Alberti còn lập thêm cú đúp ở cuối trận, nhấn chìm hoàn toàn đoàn quân của huấn luyện viên Ferdi Oppenheim. Mặc dù ở trận lượt về, Milan thắng lại Bologna 2-0 và sau đó kết thúc mùa ở vị trí thứ 4 bảng B nhưng thất bại muối mặt này thì bị câu lạc bộ cấm tiệt việc nhắc lại và để nó dần trôi vào quên lãng.

Serie A 1949-50: 118 bàn và vị trí Á quân

Sau bi kịch Superga của Torino, lúc này, Milan trở thành đội sẵn sàng nhất kế vị. Họ đang sở hữu tiền đạo có lẽ là vĩ đại nhất thế giới vào thời điểm ấy, Gunnar Nordahl, cộng với sự tăng viện của một thiên tài mang tên Nils Liedholm. Đã quá lâu rồi, Milan không đoạt được Scudetto và với lực lượng hùng hậu này, câu lạc bộ hi vọng sẽ chấm dứt những năm tháng trắng tay của mình. Milan nhập cuộc đầy hứng khởi và suốt cả mùa giải, họ chứng minh rằng đội bóng đang sở hữu hàng tấn công siêu việt. Những chiến thắng kiểu hủy diệt liên tục diễn ra. Milan thắng Venezia, Palermo, Fiorentina đều với tỉ số 4-1. Họ đàn áp Genoa 5-0, nghiền nát Bari tới 9-1, đại thắng Torino 7-0, Pescara 7-1, Roma 6-2. Thậm chí, với đối thủ trực tiếp Juventus, Milan còn hạ nhục bằng tỉ số 7-1 ngay tại Comunale (lúc đó là sân nhà của Juve, tức sân Grande Torino ngày nay).

Tổng cộng, thầy trò huấn luyện viên vĩ đại Lajos Czeizler đã nã tới 118 bàn chỉ sau 38 trận. Nhưng Serie A lại tính số điểm để xếp hạng và Milan, với 8 trận thua trong mùa giải, đành ngậm ngùi xếp vị trí thứ 2, sau chính Juventus, đội bóng từng bị Milan đánh tơi tả. Bài học rút ra: một trận thắng với tỉ số 9-1 hay 1-0 cũng đều như nhau. Bi kịch còn thêm nặng nề khi ở mùa giải này, Milan đã thất thủ trước Inter trong một trận derby đầy kịch tính. Rossoneri dẫn 4-1 chỉ sau 20 phút nhưng cuối cùng lại thất bại chung cuộc

với tỉ số... 5-6.

1968-1973: Mục tiêu "ngôi sao vàng" và bi kịch "Fatal Verona"

Năm 1967, huấn luyện viên huyền thoại Nereo Rocco trở lại dẫn dắt Milan và ông ngay lập tức giúp câu lạc bộ có Scudetto thứ 9. Cả đội bóng sôi lên sùng sục. Chỉ cần một danh hiệu vô địch quốc gia nữa, Milan sẽ có "ngôi sao vàng" danh giá trên ngực áo. Siêu sao Gianni Rivera lúc này đang ở độ tuổi đỉnh cao của sự nghiệp và chơi thứ bóng được mô tả là "đẹp mê ly".

Mùa giải 1968-69, với những sự điều chỉnh chiến thuật, Milan không còn tấn công ào ạt như mùa trước. Đội bóng thể hiện một sức mạnh phòng ngự đáng gờm, đặc biệt trên sân nhà. Trong số 15 trận tại San Siro, Milan chỉ thủng lưới có... 2 bàn tại Serie A, một kỉ lục mà có lẽ mãi mãi không đội bóng nào có thể lặp lại. Trong đó, kể từ ngày 17-11-1968 cho tới khi kết thúc mùa vào ngày 18-5-1969, Milan không thủng lưới bàn nào tại sân nhà trong 11 trận liên tiếp. Song chừng đó chưa đủ để Rossoneri đăng quang. Họ thua Fiorentina tới 4 điểm và chấp nhận xếp vị trí thứ 3.

Nhưng đấy vẫn chưa phải là đỉnh cao của bi kịch bởi liên tiếp 3 mùa giải, từ mùa 1970-71 cho đến 1972-73, Milan đều về nhì. 1970-71, Milan thua Inter 4 điểm.

1971-72, Milan thua Juventus 1 điểm, trong đó, một scandal nổ ra rất khủng khiếp vào ngày 12-3-1972. Phút 87, trận đấu giữa Cagliari và Milan vẫn đang có tỉ số 1-1. Thế rồi, bằng một cách nào đó, trọng tài Michelotti tặng cho đội chủ nhà một quả penalty. Chính thất bại này, cùng với việc trọng tài Lo Bello đã không cho Milan một quả penalty khác ở trận đấu với Juventus (2 đội hòa 1-1) đã khiến Milan tụt lại phía sau và Gianni Rivera đã chỉ trích Liên đoàn bóng đá Italia bằng những lời lẽ nặng nề nhất. Đội trưởng của Milan nói, "Logic là chúng tôi phải bị mất chức vô địch. Chừng nào những bất công thế này còn tồn tại, chừng đó chúng tôi không thể có ngôi sao vàng". Kết quả, Rivera bị treo giò hai tháng và Milan mất Scudetto. Sau này, chính trọng tài Lo Bello đã lên truyền hình nói rằng ông sai khi không cho Milan hưởng penalty trong trận đấu với Juventus. Rivera được dịp mỉa mai, "Họ muốn chế nhạo chúng tôi bằng sự tự phê bình của ông ta".

Đỉnh cao "Fatal Verona" xảy ra ở mùa giải kế tiếp. Gianni Rivera một lần nữa lên tiếng chỉ trích trọng tài Lo Bello sau trận đấu với Lazio khi từ chối bàn thắng hợp lệ của Chiarugi khiến Milan tiếp

tục thua trận một cách đầy khó hiểu. Lần này, Lo Bello chẳng buồn nhận sai còn FIGC thì treo giò đội trưởng Milan 4 trận, sau hạ xuống còn 2 trận. Nó khiến Rivera trở thành cầu thủ duy nhất trong lịch sử bị treo giò tới… 9 trận trong khi ông không bao giờ bị đuổi khỏi sân trong sự nghiệp của mình. Và như mọi người thường hay nói, bi kịch chỉ xảy ra ở phút cuối cùng.

Ngày 20-5-1973, Milan đến Verona với sức lực cạn kiệt sau trận chung kết Cup C2. Câu lạc bộ chỉ cần một trận hòa là đủ để đảm bảo ngôi vô địch. Mặc dù Juventus lúc đó đã thắng 5 trận liên tiếp nhưng họ vẫn kém Milan 1 điểm. Hiệu số bàn thắng bại của Milan cao hơn hẳn Juve (+34 so với +22) trong khi tỉ số đối đầu của hai đội ở mùa giải lại cân bằng nhau, hòa 2-2 ở cả 2 lượt trận. Điều đó có nghĩa là Milan chỉ cần thủ hòa Verona, một đối thủ không quá mạnh (họ xếp thứ 10 cuối mùa), là đủ để đoạt Scudetto thứ 10. Juventus không thể thắng Roma tới 13 bàn cách biệt ở Olimpico để vượt lên được, đó là điều chắc chắn. Nhưng hỡi ôi, bi kịch đã xảy đến khi Verona, lúc này không có bất kì động lực gì và mới chỉ có được 2 trận thắng nhọc nhằn 1-0 kể từ đầu năm, bỗng nhiên đá như lên đồng và dẫn trước Milan tới 5-1 ở phút 72. Các cầu thủ Milan tuyệt vọng, vùng lên ở những phút cuối nhưng những nỗ lực đó chỉ giúp rút ngắn cách biệt xuống thành 3-5. Milan thua còn Juve thắng và Scudetto lại một lần nữa ở lại Turin.

16-1-1974: Ajax Amsterdam - Milan, 6 - 0

Mùa đông năm 1974, Milan - nhà đương kim vô địch Cup C2 gặp Ajax - nhà đương kim vô địch Cup C1 trong trận đấu tranh Siêu Cup châu Âu. Gần 5 năm trước, Rivera và các đồng đội đã dạy cho Ajax một bài học về bóng đá với chiến thắng 4-1 dễ dàng ở chung kết Cup C1. Nhưng bây giờ, mọi thứ đã khác. Dẫn dắt bên phía Milan không phải là Nereo Rocco nữa mà là Cesare Maldini, người học trò xuất sắc của vị huấn luyện viên huyền thoại. Phía bên kia chiến tuyến, George Knobel thay thế cho Rinus Michels. Milan thắng 1-0 ở lượt đi tại San Siro và tràn đầy tự tin khi đến Hà Lan một tuần sau đó.

Và ác mộng diễn ra quá nhanh. Ajax không cho các cầu thủ Milan kịp hoàn hồn. Họ liên tiếp ghi 6 bàn, trong đó 4 bàn diễn ra chỉ ở 20 phút cuối trận. Milan thua tan nát và các cầu thủ như thất thần sau khi kết thúc 90 phút. Đó là thất bại nặng nề nhất trong lịch sử Milan tại châu Âu và đến giờ, vẫn còn ám ảnh rất nhiều các cầu thủ tham dự trận đấu này.

7-4-2004: Deportivo La Coruna - Milan, 4 - 0

Mùa giải 2003-04, Milan tăng cường thêm Cafu, Kaka và Pancaro vào đội ngũ vốn đã mạnh sẵn. Ở vòng tứ kết Champions League, họ chỉ đụng độ Deportivo và báo giới đánh giá, nếu có câu lạc bộ nào bảo vệ được danh hiệu vô địch giải đấu này lần đầu tiên thì đó chính là Milan của Ancelotti chứ không phải ai khác. Mọi sự diễn ra rất suôn sẻ. Milan đè bẹp Depor tới 4-1 ở lượt đi và ngạo nghễ đến Tây Ban Nha đá trận lượt về. Nhưng các cầu thủ Depor đã chơi như thể đó là trận đấu cuối cùng của họ và hạ nhục nhà đương kim vô địch tới 4-0, chính thức kết thúc giấc mơ bảo vệ ngôi báu.

Sau này, một câu chuyện cười ra nước mắt được tiết lộ. Huấn luyện viên Depor khi ấy là ông Javier Irureta đã vui miệng hứa với các học trò trước trận đấu lượt về, "Tôi sẽ đi bộ với tư thế của một con vịt từ nhà tới sân tập nếu các cậu loại được Milan". Tất nhiên, lúc đó ông Irureta chỉ hứa cho vui vì ông tin chắc Depor còn lâu mới thắng nổi Milan chứ chưa nói gì đến việc san lấp cách biệt 3 bàn. Nhưng không rõ các học trò của Irureta yêu hay ghét ông mà họ đã làm được điều không tưởng. Irureta giữ lời. Với sự giúp đỡ của trợ lí, ông đã hoàn thành quãng đường trên trong 8 giờ đồng hồ và tự hứa rằng sẽ không bao giờ... vui miệng như thế lần thứ hai.

24-5-2005: Liverpool - Milan, 3 - 3 (Liverpool thắng 3-2 penalty)

Đừng nhắc đến nó nữa! Đừng nhắc đến nó nữa!

Biết bao lần con tim Milanista nhói đau vì cái đêm định mệnh ấy. Biết bao lần các cầu thủ tham gia và chứng kiến tận mắt thảm họa ấy phải bật dậy giữa đêm khuya bởi những cơn ác mộng. Đó là 6 phút định mệnh đã làm tan nát mọi thứ ở Milan, cuốn đi giấc mơ của Crespo, đè nát sự kiêu hãnh của Pirlo, khiến Sheva run rẩy và cuối cùng tạo ra một trận đấu để các cổ động viên chẳng còn muốn xem lại thêm, dù chỉ một lần. Maldini ghi bàn, Crespo lập cú đúp. Các cầu thủ Milan tưởng như đã có thể ăn mừng sớm nhưng những người Liverpool thì không. Mở màn là cú sút của Gerrard, sau đó là những pha lóng ngóng đến khó tin của hàng thủ mạnh nhất thế giới và kết thúc là loạt luân lưu đầy nước mắt. Milan thua trận, tạo ra trận chung kết lội ngược dòng vĩ đại nhất trong lịch sử Champions League. Nỗi đau đó sẽ được trả lại 2 năm sau nhưng sự cay đắng của đêm Istanbul thì chẳng một ai có thể quên.

Phần II
ĐI QUA NHỮNG HUYỀN THOẠI

Herbert Kilpin - người hùng đầu tiên

Cao Hải Thành (Gary Cao)

-Họ và tên: Herbert Kilpin

- Ngày sinh: 24-1-1870

- Ngày mất: 22-10-1916

- Quốc tịch: Anh

- Vị trí: Tất cả mọi vị trí

- Số lần khoác áo Milan: 23? (7? bàn)

- Danh hiệu:

• Vô địch Serie A: 1901, 1906, 1907

“Ông ấy đã dạy người Ý cách chơi bóng hiện đại của người Anh”, Robert Nieri - tác giả của cuốn sách “Lord of Milan” kể lại, “Trước khi ông ấy đến thì bóng đá Ý còn tương đối nguyên thủy và những người chơi bóng chủ yếu là những người tập thể hình tại các phòng gym nơi đây. Nhưng rồi ông bắt đầu dạy họ về kĩ - chiến thuật, về chế độ dinh dưỡng và các bài tập thể lực trong khi bản thân ông ta mới chỉ là một cầu thủ nghiệp dư với lối sống rất thiếu khoa học - một người nghiện thuốc và rượu”.

Nieri nói thêm, “Ông ấy là người tạo ra màu áo mang tính biểu tượng này. Tôi còn nhớ rõ ông ấy đã nói ‘Màu áo của chúng ta sẽ là Đỏ - vì chúng ta là những con quỷ, và Đen - tượng trưng cho sự sợ hãi của đối thủ mà chúng ta sẽ đánh thẳng vào’.”

Nhiều người sẽ nhớ tới ông như người sáng lập ra AC Milan - một trong những câu lạc bộ vĩ đại nhất lịch sử bóng đá thế giới, nhưng

không phải ai cũng biết, ông cũng là người đặt những viên gạch đầu tiên để tạo ra nền móng cho cả nền bóng đá Ý.

Nhắc tới AC Milan, những hình ảnh đầu tiên hiện lên trong đầu mọi người sẽ là một cầu thủ người Ý với đôi mắt xanh biếc, hay một chàng trai người Brazil với khuôn mặt công tử, hoặc là bộ ba người Hà Lan. Nhưng mấy ai nhớ đến một người đàn ông với dáng vẻ to béo, luôn trong tình trạng say xỉn và là người con thứ chín trong một gia đình làm nghề giết mổ ở tận Nottingham?

Không có Herbert Kilpin, sẽ chẳng ai trong chúng ta được chứng kiến những Ruud Gullit, Marco van Basten, Kaka hay Paolo Maldini thi đấu trong màu Đỏ-Đen. Thế nhưng có một sự thật đáng buồn là tên của ông đã bị lãng quên trong phần lớn lịch sử Milan, hay chính xác hơn là gần 100 năm, cho đến tận năm 1999, khi mà mộ phần của ông được tìm thấy tại nghĩa trang Cimitero Maggiore của thành phố Milano bởi Luigi La Rocca - một nhà sử học địa phương đồng thời cũng là một Milanista lâu năm. Một kỉ niệm đầy cảm xúc đối với Luigi. “Đó là một chiếc hộp nhỏ không tên, chỉ được đánh số. Tôi đã hi vọng sẽ tìm được thứ gì đó liên quan tới AC Milan trong ấy nhưng không, tôi đã chạm vào người sáng lập ra AC Milan, và tôi sẽ nhớ mãi điều này cho đến hết cuộc đời” - ông bồi hồi kể lại.

Kilpin ra đời tại căn nhà số 129 đường Mansfield, thành phố Nottingham (giờ đã được đổi thành số 191). Khu vực này hiện tại đã đầy những nhà hàng, cửa hiệu sang trọng, và bản thân căn nhà cũng đã được tu sửa lại đẹp đẽ. Tuy nhiên, những người đã ghé qua thăm nơi đây nhiều năm trước vẫn lưu giữ những hình ảnh cũ kĩ đầy ấn tượng về nơi này, nơi mà cậu bé Herbert đã dành trọn vẹn tuổi thơ. Những ai ghé qua bây giờ sẽ được thấy một căn nhà mang màu sơn đỏ rực rỡ, cùng biểu tượng câu lạc bộ AC Milan in trên cánh cửa. Trạm dừng xe bus ngay đó cũng có một tấm bảng rất to với hình ảnh Kilpin đầy lịch lãm, đi kèm tiểu sử của ông.

Kilpin bắt đầu sự nghiệp bóng đá ở tuổi 13 và trận bóng đầu tiên ông chơi với vị trí tiền vệ cánh phải cùng với những người đồng đội do chính ông tập hợp để tạo thành đội bóng Garibaldi. Thật đặc biệt khi ở trận đấu đó Kilpin cùng đồng đội đã chọn màu áo đỏ, một trong hai tông màu chủ đạo trên màu áo của AC Milan sau này. Trong suốt quá trình thi đấu, Kilpin luôn thể hiện mình là một người yêu thích nước Ý và thực chất màu áo đỏ ông chọn lúc đó cũng là một trong ba màu nổi bật trên quốc kì Italia. Sau này, thậm chí ông còn được gọi lên chơi bóng cho một đội bóng ở hạng 2 của Anh (tương đương giải Championship bây giờ) là Notts

Olympics trong khi đang có một công việc ổn định trong ngành dệt may.

Sự kiện thay đổi cuộc đời Herbert Kilpin diễn ra vào năm 1891, khi ông quyết định rời Nottingham để đến với nước Ý qua sự giới thiệu của ông chủ Thomas Adam, nơi mà ông đã gặp đối tác Edoardo Bosio - một người cũng kinh doanh trong lĩnh vực dệt may. Nhưng bản thân Kilpin cũng không biết được người này về sau sẽ cùng ông làm nên những điều vĩ đại cho bóng đá Ý.

Bosio biết đến bóng đá trong quãng thời gian ông ở Nottingham và ông nhanh chóng đam mê môn thể thao này. Khi trở về Italia, vượt qua rất nhiều khó khăn và cản trở của cộng đồng, ông đã lập ra câu lạc bộ bóng đá đầu tiên trong lịch sử Calcio - Torino. Và ông cũng chấp nhận sử dụng luôn cơ sở làm việc của mình thành sân bóng của đội. Điều này đồng nghĩa có thể coi Bosio là người đặt viên gạch đầu tiên cho nền móng của bóng đá chuyên nghiệp tại Italia.

Nơi đầu tiên Kilpin đặt chân khi đến với xứ sở hình chiếc ủng là Turin và ông cùng Bosio rất nhanh trở thành đôi bạn thân qua niềm đam mê chung là bóng đá. Đương nhiên Kilpin không từ chối lời mời của Bosio để trở thành một phần của đội bóng Torino và điều đó chính thức khiến ông trở thành cầu thủ người Anh đầu tiên trong lịch sử thi đấu cho một câu lạc bộ nước ngoài. “Có hai điều cực kì lạ mà tôi nhận ra”, Kilpin kể lại trận đấu đầu tiên của mình cho Torino, “đầu tiên là không có trọng tài ở đây. Thứ hai là sau khi thi đấu một lúc thì dường như số lượng cầu thủ đội bạn đông lên. Hình như tất cả mọi người đều muốn vào sân với một khát khao chơi bóng. Và cuối cùng chúng tôi nhận ra đội mình đang phải đá với một đội bóng có hơn 20 người trên sân”.

Kilpin chuyển đến Milan vào năm 1897 sau nhiều năm thi đấu cùng Bosio và câu lạc bộ Torino, đây cũng là một quyết định mang tính chất khiên cưỡng khi ông chuyển đi bởi sự ép buộc của ông chủ Thomas Adams. Thomas Adams là một người có tầm nhìn xa trông rộng, ông thấy được Milan đang là trung tâm dệt may của nước Ý và đúng là trong tương lai thành phố này sẽ trở thành kinh đô thời trang của thế giới. Thomas cho rằng Kilpin có thể phát triển được khả năng của mình tại đây, nhưng chắc chắn ông cũng không thể nghĩ được đây chính là nơi Kilpin tạo ra sự diệu kì, mà nó lại chẳng hề liên quan gì đến ngành dệt may của ông.

Herbert Kilpin vẫn quay về Turin mỗi cuối tuần để có thể thi đấu cùng người bạn - người đồng đội Bosio nhưng ông đã có một kế

hoạch khác cho riêng mình và ông từ từ thực hiện nó với khả năng ngoại giao trời phú.

Ngày 16-12-1899, trong một căn phòng sang trọng tại khách sạn Du Nord et des Anglais, sau một cuộc trò chuyện dài giữa những người bạn đồng hương đi kèm với những ly rượu và cốc bia, Câu lạc bộ Bóng đá và Cricket Milan được thành lập. Ngài Alfred Edwards, người lớn tuổi nhất trong nhóm, đồng thời cũng là phó lãnh sự Anh tại Milano lúc đó được mời làm chủ tịch đầu tiên của câu lạc bộ. Và những người đồng đội đầu tiên của Kilpin tại đây, cũng là những cầu thủ đầu tiên trong lịch sử Milan đến từ mọi tầng lớp, ngành nghề trong xã hội - từ doanh nhân, cho đến thợ đánh giày, từ những người ở tầng lớp quý tộc cho đến ca sĩ Opera vô danh. Nói thêm về anh chàng ca sĩ này, tên của ông là Francois Menno Knoote, một người Hà Lan với những giai thoại rất hài hước được kể lại. Francois thi đấu ở hàng tiền vệ. Tuy yêu thích bóng đá và tôn trọng Kilpin nhưng ông sẽ không thi đấu nếu điều kiện thời tiết có thể gây ảnh hưởng đến chất giọng của ông. Có người kể lại ông từng chạy thẳng vào phòng thay đồ khi thấy trời đổ vài giọt mưa. Và câu lạc bộ cũng có lần phải rơi vào hoàn cảnh dở khóc dở cười vì Francois khi ông nhất quyết đòi cầm ô thi đấu.

Sự thành lập của Milan lúc đó không thu hút được quá nhiều chú ý từ giới truyền thông. Bản thân La Gazzetta dello Sport, tờ nhật báo thể thao số một nước Ý cũng chỉ dành vài dòng ngắn ngủi cho sự kiện này nhưng điều ấy không hề làm Kilpin nản chí mà ngược lại.

Kilpin là một ngôi sao đích thực của đội với lối đá lăn xả cũng như khả năng thi đấu gần như là mọi vị trí trên sân, thậm chí ông còn kiêm luôn vị trí huấn luyện viên của đội. Song ông đã từ chối chiếc băng đội trưởng và dành nó cho David Allison, và điều đó khiến người đàn ông này trở thành đội trưởng đầu tiên trong lịch sử câu lạc bộ. Điểm trừ duy nhất của Kilpin có lẽ là việc ông nghiện rượu nặng. Bất kể thắng hay thua, Kilpin luôn uống rất nhiều Whisky trước và sau trận đấu. Thậm chí Vittorio Pozzo, chiến lược gia nổi tiếng người Ý còn khẳng định ông từng thấy Kilpin uống rượu ngay trong giờ nghỉ giữa hiệp. Tuy nhiên điều này không cản trở Kilpin thi đấu cho đến tận năm 43 tuổi.

Kilpin thi đấu 9 năm cho Milan, ghi được 7 bàn trong 23 trận, và đem về 3 chiếc Cup Vô địch Quốc nội, trong đó có những kỉ niệm khó quên như đả bại một Genoa hùng mạnh 3-0 trong trận cầu quyết định mùa giải 1901.

Năm 1907 xảy ra khủng hoảng kinh tế và như một lẽ tự nhiên, mọi người bắt đầu tìm mọi thứ có thể để đổ lỗi và bóng đá cũng không ngoại lệ. Các cầu thủ Ý bắt đầu đổ lỗi cho việc có quá nhiều cầu thủ nước ngoài thi đấu ở đây và Liên đoàn đã đồng ý thay đổi điều này. Việc Liên đoàn bóng đá Ý kêu gọi các câu lạc bộ chỉ sử dụng cầu thủ bản địa ảnh hưởng đến tất cả, bao gồm cả Milan, và việc này cũng khiến cho câu lạc bộ bị chia rẽ nội bộ, dẫn đến việc một vài cầu thủ tách ra tạo nên một câu lạc bộ mới với cái tên La Beneamata - được biết đến với tên gọi Inter Milan như bây giờ. Bản thân AC Milan cũng phần nào chống lại chính sách này của Liên đoàn. Câu lạc bộ không những chiêu mộ mà còn thành công rực rỡ với những cầu thủ ngoại quốc những năm sau đó, có thể kể đến một vài trường hợp tiêu biểu như bộ ba Thụy Điển Nordahl, Gren và Liedholm, hay Bộ Ba Hà Lan Rijkaard, Gullit và Van Basten.

Kilpin qua đời một cách cô đơn và nghèo khó ở tuổi 46, sau khi người vợ đã rời bỏ ông và hai người cũng không có một mụn con nào. Tuy nhiên lúc này báo chí đã có cái nhìn khác về ông. Mọi tờ báo đăng cáo phó về ông đi kèm theo đó là những lời ngợi ca, kính phục.

Nhưng trớ trêu thay, cái tên Kilpin nhanh chóng bị lãng quên sau đó do các hoạt động bóng đá bị đình trệ bởi chiến tranh và những người đồng đội cũ của ông cũng lần lượt hi sinh nơi tiền tuyến. Tên tuổi của ông tưởng chừng đã rơi vào quên lãng vĩnh viễn cho đến khi Luigi La Rocca tìm ra nơi ông yên nghỉ và khôi phục lại đúng với vị thế của nó. Kilpin được xây dựng một mộ phần khang trang tại nghĩa trang nổi tiếng Cimitero Monumentale năm 1999, đúng năm AC Milan tròn 100 tuổi.

Và từ lúc này, Kilpin trở thành biểu tượng của AC Milan tại thế kỉ XXI. Những chiếc áo in tên ông bắt đầu được bán tại các cửa hàng quanh sân San Siro, hình ảnh của ông cũng xuất hiện trên những tấm banner khổng lồ của Curva Sud trong những trận cầu quan trọng. Tại quê nhà của Kilpin, hình ảnh của ông cũng xuất hiện tại những quán pub, trạm dừng xe bus. Cuốn sách Lord of Milan kể về ông được viết bởi tác giả Robert Nieri cũng được xuất bản vào ngày 20-10-2016, hai ngày trước kỉ niệm tròn 100 năm ngày mất của ông.

Thế hệ hiện tại chỉ có thể nhìn Kilpin với những hình ảnh được vẽ lại, những fan trung thành nhất cũng có thể chỉ biết ông qua những giai thoại nhỏ lẻ, thậm chí nhiều người còn không biết ông là ai, nhưng tên của ông - Herbert Kilpin, đứng sánh ngang hoặc vượt lên trên cả Franco Baresi hay Paolo Maldini trong trang sử

chói lọi của Milan. Hãy luôn nhớ rằng, ông chính là cha đẻ, là người sáng lập vĩ đại, là một cầu thủ tuyệt vời và là vị Chúa của AC Milan!

Đơn giản, ông là người đứng đầu

Vũ Hoàng (ACMilanVN)

-Họ và tên: Gunnar Nordahl

- Ngày sinh: 19-10-1921

- Ngày mất: 15-9-1995

- Quốc tịch: Thụy Điển

- Vị trí: Trung phong

- Số lần khoác áo Đội tuyển Quốc gia: 33 (43 bàn)

- Số lần khoác áo Milan: 257 (210 bàn)

- Danh hiệu:

• Vô địch Serie A: 1951, 1955

• Vua phá lưới Serie A: 1950, 1951, 1953, 1954, 1955

Ngày 22-1-1949, chiếc tàu hỏa từ từ lăn bánh vào sân ga trung tâm ở Milano. Lúc này, rất đông các cổ động viên Milan đang đứng lố nhố để chào đón một nhân vật đặc biệt, một nhân vật mà họ mới chỉ nghe qua các câu chuyện kể. Ông bước ra khỏi toa tàu, cảm thấy bị nghẹt thở khi chứng kiến hàng trăm người vây xung quanh. Thân hình bệ vệ của ông thu hút mọi ánh nhìn. Người thanh niên 27 tuổi với bản tính nhút nhát cố hữu này bỗng trở nên bối rối trước sự chào đón cuồng nhiệt của đám đông. Và rồi, những phóng viên đứng xung quanh ông đã thốt lên, “Xin chào cầu thủ giỏi nhất của Serie A”.

Những thước phim lờ mờ về một quá khứ cách đây rất nhiều năm không thể che giấu được hình ảnh của một trung phong vĩ đại, người đang nắm giữ kỉ lục ghi bàn trong lịch sử của AC Milan.

Gunnar Nordahl, tên của ông, ngày nay không quá quen thuộc với những người trẻ tuổi. Nhưng với những ai đam mê thống kê đều biết rõ vị trí của ông ở Milan là như thế nào. Trong 257 trận đấu, ông ghi tổng cộng 210 bàn thắng cho câu lạc bộ, nhiều hơn người đứng thứ 2 là Andriy Shevchenko tới 35 bàn thắng. Ông cũng là người duy nhất tại Milan đạt cột mốc 200 bàn cho đến tận lúc này.

Gunnar sinh ra trong một gia đình nghèo làm nghề thợ rèn, một gia đình đông đúc với 10 đứa con. Nói chung, xuất thân của ông chẳng có ảnh hưởng gì tới sự nghiệp nhưng gia đình Nordahl quả thật rất đặc biệt. Gunnar cùng bốn người anh em của ông đều chơi đá bóng và ba trong số đó sau này giúp Thụy Điển đoạt được danh hiệu lớn duy nhất: Huy chương Vàng Olympic 1948. Gunnar bắt đầu chơi bóng nghiệp dư từ năm 16 tuổi. Ông đá cho đội bóng chẳng có tiếng tăm gì ở quê nhà. Nghiệp dư mà! Nhưng sẽ rất thú vị khi chúng ta biết rằng toàn bộ các câu lạc bộ ở Thụy Điển khi ấy đều chỉ là đội nghiệp dư. Các cầu thủ ra sân chơi bóng vì đam mê và ngoài việc luyện tập, họ vẫn có những công việc khác để nuôi sống bản thân và gia đình.

Nordahl không ngoại lệ. Vừa đá cho Hörnefors IF, ông vừa học nghề… thợ tiện để phụ giúp kinh tế cho gia đình. Không biết lúc đứng trước máy tiện ông có lợi hại hay không chứ đứng trước khung thành thì ông đúng là ác mộng của thủ môn đối phương. Mùa giải đầu tiên trong sự nghiệp, Nordahl đá 14 trận và ghi 20 bàn. Mùa thứ hai còn tàn nhẫn hơn: 25 bàn trong 14 trận. Và mùa thứ ba, Nordahl ghi 23 bàn sau 13 trận. Tổng cộng trong ba mùa giải ở đội bóng nhỏ bé này, Nordahl sút tung lưới đối phương 68 bàn sau 41 lần ra sân.

Ở tuổi 19, với hành trang là một lô các bàn thắng đó, ông tiến lên tầm cao mới. Lần này là cuộc phiêu lưu ở Degerfors IF, một câu lạc bộ lớn hơn đội bóng quê nhà. Có lẽ hơi bị ngợp trước một môi trường mới, sức tấn công của Nordahl giảm đi đôi chút. Ông chỉ ghi được 56 bàn sau 77 trận đấu. Song tài năng thiên phú của chàng trai 23 tuổi đã lọt vào mắt xanh của một huấn luyện viên vĩ đại. Tên ông ta là Lajos Czeizler, người lúc này đang dẫn dắt một trong những câu lạc bộ lớn nhất của Thụy Điển - Norrköping. Khi ấy, Norrköping vừa thất bại tại giải đấu vô địch quốc gia và Czeizler muốn tìm một tay săn bàn cừ khôi cho kế hoạch tương lai của mình. Ông nhận ra ở Nordahl một con quái vật trong hình dạng lực điền của chàng thanh niên này. Một lời đề nghị được gửi tới Gunnar. Nhưng cũng như những anh chàng mới lớn, Nordahl đã bối rối trước những lời hứa hẹn của vị huấn luyện viên người Hungary.

Liệu mình có nên trở thành một cầu thủ bóng đá? Có lẽ Nordahl đã ngồi trước gương và tự hỏi hàng trăm lần câu hỏi đó. Xã hội Thụy Điển lúc này không quá coi trọng nghề cầu thủ và những người đam mê trái bóng, như đã nói, đều phải có một công việc khác để mưu sinh. Chàng thanh niên Gunnar trước nay vẫn chơi bóng vì niềm vui và những đội bóng nhỏ như Hörnefors hay Degerfors mang lại cho ông điều bình dị ấy. Nhưng Norrköping thì khác. Đó là một đội bóng từng vô địch Thụy Điển và chắc chắn sẽ tranh đấu để trở lại ngôi vị cao nhất. Vậy còn cuộc sống tương lai thì sao, liệu có thể… hành nghề thợ tiện ở thành phố Norrköping được nữa hay không? Czeizler đã trả lời cho Nordahl câu hỏi này. Được sự giới thiệu của vị huấn luyện viên và câu lạc bộ, Nordahl chuyển sang nghề lính cứu hỏa. Chà! Một nghề không quá bận rộn mà lại rất quan trọng. Thật phù hợp với một chàng tiền đạo đang say máu ghi bàn.

Khi mối lo về cuộc sống không còn nữa, Nordahl bắt đầu phát tiết con quái vật ngự trị trong ông. Giải vô địch quốc gia Thụy Điển đã phải chứng kiến một siêu tiền đạo khủng khiếp nhất và chưa từng có trong lịch sử. Sau bốn mùa giải, Nordahl ghi tới 87 bàn thắng chỉ sau 85 trận, giúp Norrköping thống trị hoàn toàn giải đấu bằng 4 danh hiệu vô địch quốc gia liên tiếp, còn bản thân ông thì 3 lần giành ngôi Vua phá lưới. Chưa dừng lại ở đó, mùa hè năm 1948, Nordahl lên đường dự Olympic cùng đội tuyển quốc gia và "cơn say máu" lại bộc phát dữ dội. Nordahl lập cú đúp ở vòng 1, ghi liền 4 bàn ở tứ kết và ghi bàn thắng quyết định ở trận chung kết để giúp Thụy Điển đoạt Huy chương vVàng - danh hiệu lớn duy nhất trong lịch sử của bóng đá nước nhà. Và tất nhiên, với 7 bàn thắng mà không bàn nào từ chấm 11m, Nordahl đã giành danh hiệu Vua phá lưới của Olympic.

Trở về Norrköping, ông vẫn đang tiếp tục phong độ ghi bàn của mình thì nhận được tin nhắn từ huấn luyện viên cũ, Czeizler, lúc ấy đã đến AC Milan. Người đàn ông Hungary yêu cầu đội bóng cần phải mang về tiền đạo số 1 của Thụy Điển. Ban lãnh đạo Milan nhìn vào bản CV hoành tráng của Nordahl và hoàn toàn tán thành ý kiến của Czeizler. Cuối cùng, như chúng ta đã biết, Nordahl đến Milano vào đầu năm 1949, ở tuổi 27, và chính thức trở thành cầu thủ chuyên nghiệp cũng như là cầu thủ Thụy Điển đầu tiên ra nước ngoài thi đấu. Nhưng giây phút đứng trước đám đông cuồng nhiệt đó, ông không ngờ đấy là dấu chấm hết cho sự nghiệp ở đội tuyển quốc gia. Những người đứng đầu Liên đoàn bóng đá Thụy Điển đã nổi giận trước việc Nordahl đá bóng vì tiền và họ quyết định gạt vĩnh viễn tên của ông khỏi đội tuyển, dù lúc ấy, ông đã cống hiến 43 bàn thắng sau 33 trận đấu quốc tế. Đây có lẽ là quyết

định ngu xuẩn nhất của những người làm bóng đá nước này, bởi như chúng ta đã biết, hai năm sau, Thụy Điển xếp thứ 3 tại World Cup 1950 khi thiếu vắng những cầu thủ vĩ đại nhất lịch sử của mình, trong đó có Gunnar Nordahl đang ở đỉnh cao của sự nghiệp.

Quãng thời gian của Nordahl với Milan đã lấp đầy khoảng buồn bã ở đội tuyển quốc gia. Trong màu áo Đỏ-Đen, Nordahl là ông vua không ngai. Ngay nửa mùa giải đầu tiên tại San Siro, ông đã ghi 16 bàn sau 15 trận và chính thức đẩy chân sút Riccardo Carapellese rời khỏi đội. Bảy mùa giải tiếp theo, Nordahl cùng Milan 2 lần đoạt Scudetto, 3 lần Á quân và 2 lần xếp thứ 3 chung cuộc tại Serie A, chấm dứt thời kì khát danh hiệu kéo dài 44 năm, quãng thời gian đen tối khủng khiếp, để mở ra một thời đại huy hoàng sẽ được tiếp nối bằng thế hệ của Rivera. Bản thân ông giành danh hiệu Vua phá lưới giải đấu tới 5 lần - kỉ lục mà đến giờ vẫn không ai tiệm cận nổi.

Ngày 12-11-2014, trang chủ FIFA đã đăng một bài viết kỉ niệm về Gunnar Nordahl, người mà 70 năm trước đó, khi khói lửa của Thế chiến thứ Hai vẫn đang diễn ra khốc liệt, đã lập một kì tích khi ghi 7 bàn thắng trong một trận đấu tại giải vô địch quốc gia. Gunnar Gren, người đồng đội với Nordahl, sau này đã nói, “Không có gì nghi ngờ về việc ông ấy là một trong những cầu thủ vĩ đại nhất mà tôi từng chứng kiến. Không có nhiều tiền đạo có thể sánh kịp với ông ấy”. Phải! Gren nói đúng. Ít nhất đến giờ này, Milan vẫn chưa tìm được một trung phong nào vượt qua vị trí số 1 trong lịch sử câu lạc bộ của Gunnar Nordahl.

Cảm ơn ông vì tất cả!

Vũ Hoàng (ACMilanVN)

-Họ và tên: Nils Liedholm

- Ngày sinh: 8-10-1922

- Ngày mất: 5-11-2007

- Quốc tịch: Thụy Điển

- Vị trí: Tiền vệ tấn công

- Số lần khoác áo đội tuyển quốc gia: 23 (12 bàn)

- Số lần khoác áo Milan: 394 (89 bàn)

- Danh hiệu:

• Vô địch Serie A: 1951, 1955, 1957, 1959, 1979 (huấn luyện viên)

• Cầu thủ thế kỉ XX của Thụy Điển

Tối ngày 8-8-1949, điện thoại của nhà Liedholm vang lên. Đó là một cuộc gọi đến từ tận Italia. Đầu dây bên kia là vợ chồng người bạn thân Nordahl, là ông thầy cũ Czeizler và một nhân vật có cái tên Antonio Busini, người tự giới thiệu là giám đốc kĩ thuật của AC Milan. Tất cả đều cố gắng thuyết phục Liedholm chuyển tới Milano chơi bóng. Sau cả một đêm nói chuyện, cuối cùng, ông mệt mỏi đáp lời "Được!" Trước khi lên đường tới Italia, Liedholm đã trịnh trọng hứa với cha mình, "Con sẽ ở đấy 2 năm rồi quay về". Nhưng cuối cùng, toàn bộ phần đời còn lại sau đó của ông đã gắn bó với đất nước của Milan…

Năm 1958 có lẽ là năm mà Liedholm cảm thấy tồi tệ nhất trong sự nghiệp của ông. Ở Serie A, Milan đã chơi một thứ bóng đá tẻ nhạt và kết thúc mùa giải với vị trí thứ 9. Đội bóng dồn mọi nỗ lực vào

mặt trận châu Âu và tiến đến chung kết để gặp Real Madrid khủng khiếp. Tại Heysel, hai lần các Rossoneri vượt lên thì cả hai lần, họ đều bị đối phương gỡ hòa trước khi chính thức đầu hàng sau 120 phút bởi bàn thắng ở hiệp phụ của Gento.

Hơn một tháng sau đó, Liedholm dẫn dắt đội tuyển quốc gia Thụy Điển thi đấu tưng bừng trên sân nhà và lọt vào trận đấu cuối cùng. Ông ghi bàn mở tỉ số, đánh dấu việc trở thành cầu thủ già nhất có bàn thắng tại trận chung kết World Cup. Nhưng một lần nữa, Liedholm lại trở thành kẻ bại trận vĩ đại khi chứng kiến phong độ hủy diệt của cậu bé Pele bên kia chiến tuyến. Chắc chắn một điều, Liedholm đã rất buồn bã với 2 trận thua bởi khi Di Stefano an ủi ông sau trận chung kết Cup châu Âu rằng Milan lẽ ra có thể vô địch, ông chỉ nói, "Điều duy nhất mà người ta nhớ đến trận đấu này sau nhiều năm là Real Madrid đã thắng."

Mặc dù là người Thụy Điển nhưng Liedholm giống một người Ý hơn. Ở Italia, ông được mọi người yêu quý bởi tài năng kiệt xuất, kiến thức bóng đá phi thường và cả những đóng góp lớn lao của ông cho Serie A. Là quý ông trên sân cỏ, trên đường pitch lẫn trong phòng thay đồ, ở đâu, Liedholm cũng như một trung tâm của sự lịch thiệp pha lẫn hài hước. Nhưng không có dấu ấn nào lớn bằng việc ông đã đưa hai chàng trai có tên là Franco Baresi và Paolo Maldini chào sân để rồi, từ bệ phóng đó, họ đã trở thành những hậu vệ vĩ đại nhất trong lịch sử bóng đá.

Nếu một ngày nào đấy, bạn có dịp đến thăm Thụy Điển, đừng quên ghé qua thị trấn Valdemarsvik xinh xắn nằm sâu trong vịnh Valdemarsviken. Thị trấn ấy giống như một ngôi làng đặc trưng kiểu Bắc Âu với những ngôi nhà gỗ màu đỏ bordeaux thấp thoáng dưới tán cây và phía xa xa là mặt biển bình lặng và xanh ngắt. Đó là nơi mà "Il Barone" (Nam tước) chào đời, xách cuốc ra cánh đồng với mơ ước trở thành một anh nông dân và đó cũng là nơi mà ông đã chạm chân vào quả bóng da lần đầu tiên.

Ông Liedholm cha muốn cậu con trai của mình trở thành một chuyên gia về thuế nhưng đối với Nils, những trò chơi thể thao mới là niềm yêu thích. Ông chơi rất nhiều môn khi còn trẻ, từ trượt tuyết tới khúc côn cầu trên băng. Song cuối cùng, bóng đá là thứ ông gắn bó nhất. Ở tuổi 16, Nils gia nhập đội bóng quê hương và đến năm 24 tuổi, chuyển tới Norrköping, câu lạc bộ mạnh nhất Thụy Điển khi ấy. Chính Norrköping là nơi mà Liedholm thăng hoa. Ông phát triển rất nhanh chóng từ một cầu thủ tiềm năng trở thành ngôi sao hàng đầu. Hợp cùng với Gunnar Nordahl, ông tạo ra bộ đôi ăn ý trên hàng công, nơi ông là người tiếp đạn còn

Nordahl là người kết thúc các đường chuyền và chuyển nó thành bàn thắng.

Sự phối hợp giữa Liedholm và Nordahl đã giúp cho Norrköping tiếp tục thống trị bóng đá Thụy Điển và họ trở thành nòng cốt của đội tuyển quốc gia tham dự Olympic 1948, đưa đội tuyển của mình đoạt Huy chương Vàng. Nhưng chính lúc này, Nordahl lại ra đi khi quyết định trở thành một cầu thủ chuyên nghiệp và tiến tới Serie A đầy hấp dẫn. Chỉ còn lại một mình Liedholm, không ai có thể ghi bàn và Norrköping cũng không còn tiếp tục điều thần kì nữa. Mùa giải 1948-49, nhà vô địch tuyệt đối 4 năm liên tiếp trước đó rớt bịch xuống vị trí thứ 7. Đúng lúc này, Nordahl gọi điện cho ông để thuyết phục ông đến với AC Milan. Và Liedholm đồng ý. Cùng đến Milan với ông còn có một chàng trai khác từ Goteborg, tên anh ta là Gunnar Gren.

Milan trước khi Liedholm đến là một Milan chìm trong đêm đen. Đội bóng đã hơn 40 năm không giành Scudetto và thường xuyên quanh quẩn ở giữa bảng xếp hạng. Nhưng Liedholm, cùng với Nordahl và Gren, đã làm thay đổi đội bóng. Ở giữa sân, Liedholm là khối óc của toàn đội. Ông quyết định lối chơi với sự oai vệ của một vị tướng và tung ra những đường chuyền chính xác để các tiền đạo ghi bàn. Trong 12 năm với Liedholm, Milan có tới 11 mùa ghi trên 60 bàn thắng, trong đó có 5 mùa giải ghi trên 80 bàn. Gần như toàn bộ quãng thời gian đó, Milan luôn kết thúc mùa bóng trong top 3 Serie A, chỉ trừ mùa 1957-58 như đã nói ở trên. Liedholm đã biến Milan trở thành một ông kẹ của bóng đá Italia và đặt nền móng cho danh hiệu vô địch châu Âu sau này.

Mùa hè năm 1961, Liedholm quyết định treo giày ở tuổi 39. Ông đi học khóa huấn luyện viên và quay trở lại Milan để làm trợ lí cho Nereo Rocco trước khi chính thức dẫn dắt Milan vào năm 1963. Nhưng đến năm 1966, sau một mùa giải thất bát với vị trí thứ 7, Liedholm rời đội. Lúc này, ông nhận được lời mời từ Hellas Verona, đội bóng đang chìm trong khủng hoảng và có nguy cơ rớt xuống Serie C. Không ai có thể tin ông sẽ cứu được Verona. Vậy mà chỉ một năm sau đó, câu lạc bộ này không những trụ lại Serie B mà còn thăng hạng lên Serie A.

Năm 1973, Inter khao khát muốn có Liedholm dẫn dắt. Song ông từ chối vì không muốn phản bội lại các cổ động viên Milan vốn vẫn luôn yêu quý mình. Ông đến với sân Olimpico và cũng bắt đầu từ đây, đi lại liên tục giữa hai đội bóng Milan và Roma trong suốt 16 năm. Ở Roma, ông tạo ra một lối chơi đầy quyến rũ và đưa những chàng trai chưa đầy 20 tuổi như Bruno Conti, Di

Bartolomei hay Francesco Rocca trở thành các ngôi sao. Lối chơi ban bật mà Liedholm áp dụng cho Roma giai đoạn ấy đã trở thành tiền thân cho tiki-taca sau này. Tiếp đến, ông quay lại Milan và dùng một mùa để xây dựng đội bóng. Đây chính là thời điểm mà Liedholm đã tạo ra một chiến thuật mới, một chiến thuật mà phải đến tận 30 năm sau, người ta mới thấy được tác dụng phi thường của nó. Đó là "số 9 ảo".

Ở Milan, Liedholm không có trong tay một sát thủ săn bàn. Ông đã quyết định đưa Alberto Bigon đá như một tiền đạo dù cầu thủ này xuất thân là tiền vệ. Kết quả thật tuyệt vời! Mùa giải 1978-79, Milan đoạt Scudetto, danh hiệu thứ 10 trong lịch sử của câu lạc bộ và chính thức có ngôi sao vàng trên ngực áo, với thành tích ghi nhiều bàn nhất Serie A dù… không có một tiền đạo thực thụ. Ngay sau đó, Liedholm quay lại với Roma và tạo ra thời kì vĩ đại nhất của đội bóng này. Trong 5 năm, từ 1979-1984, Roma 4 lần liên tiếp lọt vào top 3 Serie A, giành 1 Scudetto và 3 Coppa Italia. Không những thế, tháng 5-1984, Giallorrosi còn lọt vào trận chung kết Cup C1 châu Âu, lần duy nhất trong lịch sử của câu lạc bộ, và chỉ chịu thua trước Liverpool vĩ đại trên chấm luân lưu.

Ở tuổi 67, Liedholm cuối cùng rời khỏi thế giới Calcio. Người đàn ông đã gắn bó với bóng đá suốt gần 60 năm lúc này đã dần mệt mỏi với niềm yêu thích của cuộc đời. Nhưng ông lại có một thú vui mới. Đó là những ly rượu vang, là phong cảnh thiên nhiên tươi đẹp và bên cạnh những đứa cháu nội bé bỏng. Thế rồi, Roma mời ông trở lại vào năm 1997, song chỉ sau vài trận đấu, ông nhận thấy triết lí của ông đã không còn phù hợp với thời đại nữa. Ông lại ra đi, lần này là vĩnh viễn rời xa bóng đá dù vẫn đảm nhiệm một vị trí cố vấn không chính thức cho Chủ tịch AS Roma tới tận năm 2002.

Có một truyền thuyết kể lại rằng, trong một trận đấu, các khán giả đã đứng lên vỗ tay reo hò sau khi chứng kiến Nils Liedholm… chuyền hỏng. Rút cục, họ cũng thấy rằng ông chỉ là một con người bình thường chứ không phải cỗ máy hoàn hảo. Nếu bỏ qua những đội bóng nghiệp dư mà Liedholm chơi ở Thụy Điển, Milan chính là câu lạc bộ chuyên nghiệp duy nhất mà ông từng khoác áo. Và cũng bởi tình yêu sâu sắc ấy, sau này, khi là huấn luyện viên, Liedholm chưa bao giờ từ chối lời đề nghị của Milan. Nhưng người Milan không chỉ nhớ đến ông như một đội trưởng và huấn luyện viên vĩ đại. Còn hơn thế, ông là người đã đưa ra sân lần đầu tiên 3 trên 4 thành viên của bộ tứ vệ cùng với việc nâng tầm cho người còn lại (Tassotti), nền tảng cho chiến thắng sau này của đội bóng.

Cảm ơn ông vì tất cả, Il Barone!

Bonus: Trong ánh hoàng hôn, một cậu bé nhìn ra phía biển rồi hỏi Liedholm, “Thầy ơi, bóng đá có khó không?”. Liedholm đưa đôi mắt hướng về đường chân trời, ông mỉm cười, “Bóng đá rất đơn giản. Nhưng trước hết, chúng ta phải hiểu sự đơn giản là gì”. Cậu bé ấy có hiểu lời ông không, không ai biết. Chỉ biết rằng, tên của cậu là Zlatan…

Đỉnh cao của một số 10

Vũ Hoàng (ACMilanVN)

-Họ và tên: Juan Alberto Schiaffino Villano

- Ngày sinh: 28-7-1925

- Ngày mất: 13-11-2002

- Quốc tịch: Uruguay/Italia

- Vị trí: Tiền vệ tấn công/Tiền đạo

- Số lần khoác áo đội tuyển quốc gia: Uruguay - 21 trận (8 bàn)/ Italia - 4 trận

- Số lần khoác áo Milan: 171 (60 bàn)

- Danh hiệu:

• Vô địch Serie A: 1955, 1957, 1959

• Cầu thủ thế kỉ XX của Uruguay do IFFHS bình chọn

Một ngày lạnh giá ở Genova, ba chàng trai Nordahl, Liedholm và Schiaffino rảo bước trên đường. Khẽ run lên trước một cơn gió từ phương bắc, Liedholm đề xuất, "Này, hay mình làm tách cà phê cái nhỉ?" Nordahl và Schiaffino đồng ý. Nhưng khi bước vào cửa quán, Schiaffino chợt hỏi Nordahl, "Thế cậu bao à?" Nordahl lắc đầu, "Không, Pepe, chúng ta sẽ tự trả tiền phần của mình". Schiaffino thản nhiên, "Vậy tớ đợi bên ngoài, cà phê làm tớ cảm thấy… bất an". Đó là câu chuyện về cái tính tiết kiệm đến mức bủn xỉn của Schiaffino.

Ngày 16-7-1950, hai đội bóng Brazil và Uruguay tiến vào sân vận động Maracana để đá trận đấu cuối cùng của World Cup. Đó không phải là một trận chung kết nhưng tính chất của nó thì

xứng đáng gọi là vậy. Ở giải đấu này, vòng bán kết đã được thay thế bằng thể thức đá vòng tròn. Và trước khi bước ra sân chiều Chủ nhật đó, Brazil đã có 2 chiến thắng còn Uruguay là 1 thắng 1 hòa. Tức là Brazil chỉ cần hòa là họ sẽ vô địch.

Những trái bóng bay mang theo dòng chữ "Viva Brasil" được thả lên bầu trời để uy hiếp tinh thần đối thủ. Đội chủ nhà vượt lên dẫn trước ngay đầu hiệp 2. 200.000 khán giả trên sân như phát cuồng. Pháo nổ tưng bừng. Tiếng hò reo vang động góc trời. Chiếc cúp vàng chỉ còn cách họ vài chục phút nữa.

Song từ một vị trí nào đó trong vòng cấm, Juan Schiaffino lách qua hậu vệ Brazil, tung ra cú sút vào góc cao khung thành thủ môn Moacir, san bằng tỉ số. 12 phút sau, người đồng đội Ghiggia của ông kết liễu Brazil một cách tàn nhẫn nhất có thể. Cả dân tộc Brazil than khóc. 34 người đã tự tử, 56 người lên cơn đau tim sau trận đấu này. Đúng bốn năm sau, mùa hè năm 1954, Juan Schiaffino lên đường về quê gốc của ông - Italia - và gia nhập AC Milan với bản hợp đồng kỉ lục thế giới.

Cái tính cách cẩn thận và tiết kiệm của Juan Schiaffino có lẽ được di truyền từ đời... ông nội. Những câu chuyện của Calcio kể lại rằng ông nội của Juan, ông Alberto, một người bán thịt gốc Genova (người Genova nổi tiếng ở Ý bởi tính keo kiệt), đã di cư từ Italia để đến với mảnh đất Nam Mỹ rộng lớn nhằm tìm kiếm vận may. Juan sinh ra tại Montevideo, thành phố sau này nổi tiếng trên thế giới bóng đá bởi có tới 34 câu lạc bộ chuyên nghiệp thuộc 3 hạng đấu cao nhất Uruguay.

Ngay từ khi còn bé, Juan là một cậu nhóc khá nội tâm và tiết kiệm (di truyền mà). Gia đình Schiaffino sống không được sung túc cho lắm. Vì thế, Juan lớn lên với bóng đá nhưng lúc ở tuổi thiếu niên, đã bắt đầu làm đủ nghề để kiếm tiền, từ làm bánh tới bán văn phòng phẩm. Thậm chí ông còn làm cả công nhân nữa. Tất cả chỉ để có tiền. Sau này, Schiaffino trở thành cầu thủ xuất sắc nhất thế giới và là trụ cột của Milan. Tiền bạc nhờ thế đến với ông nhiều hơn, song không khi nào ông quên đi ý thức đầu tư. Những tài liệu để lại cho biết, cứ sau mỗi trận đấu, ông lại lái xe sang Thụy Sĩ để buôn bán ngoại tệ, đầu tư tài chính, tích lũy để đổ vào bất động sản. Với Schiaffino, tiền bạc là điều mà ông quan tâm không hề thua kém, nếu không muốn nói là còn hơn, so với bóng đá.

Nhưng hãy bỏ vấn đề tài chính của Schiaffino sang một bên. Không ai có thể phủ nhận tài năng đặc biệt của ông khi có trái bóng trong chân. Là một cậu bé thông minh và tư duy cực kì nhạy

bén (chả thế mà rất giỏi kiếm tiền), Schiaffino nhanh chóng vượt lên trên tất cả đám bạn đồng trang lứa. Năm 12 tuổi, ông gia nhập lò đào tạo của Olimpia. Chỉ vài năm sau, gã khổng lồ Penarol đã chú ý tới ông. Năm 1942, Schiaffino gia nhập học viện của Manyas và chuẩn bị bước vào thế giới chuyên nghiệp. Tại Penarol, bất chấp thể chất có phần yếu đuối và thân hình mảnh dẻ, Schiaffino vẫn khiến các huấn luyện viên của đội bóng Vàng-Đen phải trầm trồ và gọi ông là "Maestro bé nhỏ".

Vào thời điểm đó, Penarol đã là một tên tuổi lẫy lừng của bóng đá Uruguay. Song Schiaffino không mất quá nhiều thời gian để trở thành nòng cốt của đội bóng. Ở tuổi 20, ông đã chơi như một cầu thủ có hàng chục năm kinh nghiệm. Penarol tiếp tục gặt hái được vinh quang. Trong 9 mùa giải có Schiaffino, họ không bao giờ bị mất mặt khỏi top 2 và 5 lần tiến chiếm ngôi vô địch quốc gia Uruguay. Chỉ một năm sau ngày ra mắt ở đội 1, Schiaffino đã được triệu tập vào đội tuyển quốc gia với đối thủ là Brazil. Kể từ đó, Brazil trở thành đội bóng mà ông đụng độ nhiều lần nhất ở cấp độ đội tuyển: 6 lần. Trong 5 lần trước đấy, Brazil thắng Uruguay của Schiaffino tới 3, hòa 1, chỉ thua 1. Trận đối đầu cuối cùng với Brazil trong cuộc đời Schiaffino chính là trận đấu định mệnh vào ngày 16-7-1950 như đã nói ở trên.

Mùa hè năm 1954, Schiaffino và các đồng đội thất bại trong chiến dịch bảo vệ Cup vàng thế giới khi thua trước một Hungary khủng khiếp ở bán kết. Nhưng bước ngoặt khác của cuộc đời ông đã đến. Genoa tiếp cận Schiaffino và đưa ra một lời đề nghị. Viễn cảnh được thi đấu ở quê cha đất tổ thật hết sức sáng sủa. Song như thường lệ, Schiaffino vẫn băn khoăn về sự hấp dẫn tài chính. Đúng lúc này, Milan nhảy vào cuộc. Tân Chủ tịch Andrea Rizzoli đang khát khao có thêm một ngôi sao đẳng cấp thế giới để hỗ trợ cho Gunnar Nordahl đã chuẩn bị có dấu hiệu tuổi tác. Và bản hợp đồng kỉ lục được kí kết một cách chóng vánh. Penarol có tiền, Schiaffino cũng có tiền, còn Milan thì có chính Schiaffino. Nhưng đội bóng Uruguay vẫn buồn rười rượi.

Nhìn dáng vẻ mảnh khảnh của Schiaffino, không ít các cổ động viên cảm thấy nghi ngờ khả năng hòa nhập của ông. Lúc này, Schiaffino cũng đã 29 tuổi, độ tuổi chưa già nhưng cũng không còn trẻ nữa. Liệu ông có thể thi đấu tốt tại một giải đấu khắc nghiệt như Serie A? Schiaffino đã đáp trả tất cả những nghi ngờ ấy bằng một cách chơi cực kì hiện đại. Ông nhìn thấy trước được từng đường bóng, đoán được ý đồ của đối thủ và phối hợp nhịp nhàng với Liedholm ở tuyến giữa. Đó là bộ đôi tiền vệ với trí thông minh tuyệt vời và cặp mắt của những con đại bàng. Milan quay

trở lại quỹ đạo chiến thắng với 3 Scudetto trong 5 mùa giải.

Sau này, các nhà chuyên môn đã nhận định Schiaffino là một trường hợp đặc biệt của bóng đá. Những cú chạm bóng tinh tế của ông sẽ là bài học cho các thế hệ sau nhìn vào. Nhà báo nổi tiếng Gianni Brera nhận định Schiaffino là một regista có giá trị to lớn chưa từng có. Những đường chuyền bóng của Schiaffino thường xuyên đặt đồng đội vào tư thế thuận lợi nhất để ghi bàn. Cũng chính vì thế, Schiaffino không chỉ được công nhận là tiền vệ tấn công vĩ đại nhất thời đại của ông mà còn được xếp vào danh sách những cầu thủ vĩ đại nhất trong lịch sử bóng đá.

Sau 6 mùa giải thi đấu không mệt mỏi cho Milan, mùa hè năm 1960, Schiaffino quyết định chuyển sang Roma để dưỡng già. Nhưng trước khi rời San Siro, ông đã kịp để lại cho Milan một món quà vô giá, đó là những kinh nghiệm tích lũy của gần 20 năm được ông truyền lại cho một cậu bé có tên là Gianni Rivera. Sự cống hiến của Schiaffino vẫn chưa dừng lại. Tại Roma, do suy giảm thể lực, ông bắt đầu chơi lùi xuống phía trước cầu môn và đặt nền móng cho một vị trí mà ngày nay chúng ta gọi là "libero".

Schiaffino giải nghệ ở tuổi 37. Ông trở về Uruguay, bắt đầu truyền dạy những kĩ năng chơi bóng thượng thừa của mình cho lớp hậu bối. Nhưng tài năng như ông thì chẳng dễ để sản sinh ra và kể từ sau thời đại của ông, Uruguay đã không thể lọt vào trận chung kết World Cup một lần nào nữa cho đến tận bây giờ. Dù sao, những cầu thủ Uruguay vẫn nổi tiếng với lối đá kĩ thuật, thông minh và tất nhiên, pha chút tiểu xảo nữa. Sau này, nhà văn vĩ đại Eduardo Galeano đã nói về Schiaffino: "Ông ta đã tổ chức lối chơi cho đồng đội như thể đứng từ trên tòa tháp cao nhất và nhìn xuống toàn bộ sân bóng". Quả là một cầu thủ thiên tài!

Tháng 9-1954, khi Schiaffino chính thức gia nhập Milan, các tờ báo ở Uruguay đã ủ rũ, "Vị Chúa của bóng đá đã rời chúng ta mà đi rồi". Tháng 11-2002, Schiaffino qua đời ở tuổi 77, chỉ vài tháng sau cái chết của vợ ông, người gắn bó với ông suốt 60 năm. Như nhà báo Nicola Pucci đã nói, lần này, "Vị Chúa của bóng đá không chỉ rời Uruguay. Ông đã rời khỏi thế gian…"

Kỉ nguyên của Cậu Bé Vàng

Vũ Hoàng (ACMilanVN)

-Họ và tên: Giovanni Rivera

- Ngày sinh: 18-8-1943

- Quốc tịch: Italia

- Vị trí: Tiền vệ tấn công

- Số lần khoác áo đội tuyển quốc gia: 60 (14 bàn)

- Số lần khoác áo Milan: 658 (164 bàn)

- Danh hiệu:

• Vô địch Serie A: 1962, 1968, 1979

• Vô địch Coppa Italia: 1967, 1972, 1973, 1977

• Vô địch Cup C1: 1963, 1969

• Vô địch Cup C2: 1968, 1973

• Vô địch Cup Liên lục địa: 1969

• Vua phá lưới Serie A: 1973

• Vua phá lưới Coppa Italia: 1967, 1971

• Quả Bóng Vàng châu Âu: 1969, Quả Bóng Bạc: 1963

• Golden Foot: 2003

• Cầu thủ thế kỉ của Italia (IFFHS bình chọn): 1999

Diego Abatantuono, diễn viên và tác giả kịch bản nổi tiếng của

Italia kể lại rằng, "Khi tôi còn nhỏ, có lần ông nội tôi để quên ví ở nhà. Tôi đã cầm nó lên và nhìn thấy hai bức ảnh. Sau đấy, tôi hỏi ông, đó là ai. Ông tôi chỉ vào ảnh của linh mục Pio (1887-1968, người sau này được Giáo hội Roma phong thánh) và nói 'Đây là một tu sĩ nổi tiếng', rồi ông chỉ vào bức ảnh của Rivera và nói 'Còn đây là người tạo ra phép màu'. Kể từ đó, tôi trở thành một Rossoneri".

Kỉ nguyên của Gianni Rivera bắt đầu vào mùa hè năm 1960, khi ông chuyển từ Alessandria tới AC Milan bằng một bản hợp đồng gây chấn động: 130 triệu lire cho một cầu thủ chưa tròn 17 tuổi. Chúng ta cần làm một phép so sánh. Một năm sau bản hợp đồng điên rồ trên, Inter đã đem về đương kim Quả Bóng Vàng châu Âu Luis Suarez với mức phí kỉ lục thế giới 250 triệu lire. Nghĩa là, Milan đã chi số tiền bằng hơn một nửa cầu thủ xuất sắc nhất lục địa lúc đó chỉ để có một cậu bé con mới ra mắt Serie A vẻn vẹn một mùa giải. Ồ, ngài Rizzoli, ngài quả là chịu chơi!

Tháng 8-1943, Thế chiến thứ Hai vẫn diễn ra khốc liệt. Bom đạn rơi vãi khắp trên nước Ý. Những tiếng gầm của phi pháo, tiếng súng nổ hiện diện ở mọi nơi. Italia khi ấy là một đất nước đầy nước mắt và tang thương. Trong bệnh viện, bà Edera đang chuyển dạ và được các bác sĩ, y tá chăm sóc. Chồng bà, ông Teresio đang phải ở đâu đó cách vợ mình vài kilomet, núp dưới hầm để tránh bom. Khi ông đến được chỗ vợ thì đứa trẻ đã chào đời. Họ nhìn nhau đầy hạnh phúc và nói, "Là một bé trai, chúng ta sẽ gọi nó là Gianni nhé!" Hai vợ chồng không thể ngờ rằng cậu con trai ấy sau này sẽ trở thành một nhân vật vĩ đại của thể thao Italia, một người có sức ảnh hưởng cực kì to lớn ở cả trong lẫn ngoài sân cỏ và được mô tả là "cầu thủ được yêu mến nhất, ghét bỏ nhất và gây tranh cãi nhiều nhất trong lịch sử Calcio".

Gia đình Rivera sống yên bình sau cảnh hậu chiến. Cậu bé Gianni thường rượt đuổi quả bóng da với các bạn mình ở khắp nơi trên đường phố Alessandria. Không có nhiều chỗ cho đám trẻ chơi bóng và sân đấu đầu đời của ông là mặt đường nhựa của thị trấn. Nhưng như những câu chuyện Rivera kể lại, ước mơ lúc ấy của ông, cũng như đám trẻ con nông dân, là trở thành kế toán viên, một nghề nghiệp có thể dễ dàng nuôi sống gia đình giữa thời buổi kinh tế khó khăn và lạm phát phi mã. Bước ngoặt chỉ đến vào năm Gianni 12 tuổi, khi cậu bé thiên tài bắt đầu bước ra ánh sáng bằng những trận đấu của đội Don Bosco. Câu lạc bộ Alessandria lập tức bị thu hút và họ đưa Rivera về đội trẻ, một lò đào tạo thực sự, khi ông 13 tuổi.

Tài năng của Rivera tạo cho ông một cuộc bứt phá ngoạn mục. 15 tuổi, ông bước chân vào thế giới chuyên nghiệp và ra mắt tại Serie A. AC Milan nhanh chóng tiếp cận, chồng ra 65 triệu lire chỉ để sở hữu… 50% cậu bé này. Họ quyết định để ông ở lại Alessandria một mùa giải nữa nhằm có thêm kinh nghiệm. Cũng chính mùa đó, ở tuổi 16, ông chọc thủng lưới Milan trong trận hòa 1-1, bàn thắng duy nhất của ông vào lưới Rossoneri. Cơn thèm khát Cậu Bé Vàng lên đến đỉnh điểm. Sợ hãi trước những lời đường mật của các đội bóng khác sẽ rót vào tai Rivera, Milan vung nốt tiền mua 50% quyền sở hữu còn lại và đem cậu bé chưa đầy 17 tuổi này về San Siro. Như đã nói, đó là điểm khởi đầu cho "kỉ nguyên Rivera".

Trong cuộc đời của Chủ tịch Andrea Rizzoli, có ba quyết định mà ông không bao giờ hối hận, thậm chí, có thể ông còn mỉm cười một cách đầy tự hào. Thứ nhất, đó là việc ông cho xây dựng trung tâm Milanello. Thứ hai, là việc ông mời bằng được Nereo Rocco về dẫn dắt Milan. Và thứ ba, đó là việc ông tạo ra thương vụ bom tấn với một cậu bé 17 tuổi. Rivera đã chứng tỏ quyết định của Rizzoli chính xác thế nào và số tiền khủng khiếp mà Milan bỏ ra cho ông xứng đáng tới từng xu. Rivera không chỉ trở thành một cầu thủ xuất sắc, một nhà vô địch thực thụ mà còn là biểu tượng cho sức mạnh và niềm kiêu hãnh của Milan trong suốt gần 20 năm. Dưới khuôn mặt điển trai và mái tóc bồng bềnh như một chàng tài tử, ông là nhà kiến tạo kiệt xuất, nhà đạo diễn sân cỏ tài năng và là một chân sút cự phách. Không chỉ thế, lối chơi tao nhã và thanh thoát của ông làm si mê mọi khán giả được chứng kiến ông thi đấu. Khi những tiền đạo cần, ông là người chuyền bóng. Khi cả đội cần, ông là một tay săn bàn đáng sợ. Mọi phẩm chất hoàn hảo nhất của một số 10 hội tụ trong ông, kể từ khi ông chỉ là thằng nhóc bước ra sân khấu lớn.

Sự thăng tiến của Rivera trong màu áo Milan là không thể cản nổi. 17 tuổi 1 tháng, ông có trận ra mắt khi đối đầu với chính đội bóng cũ Alessandria. Hơn một tháng rưỡi sau, ông có bàn đầu tiên cho Rossoneri, bàn thắng quyết định trong trận chiến với Juventus. Kể từ đó cho đến khi giải nghệ, Rivera luôn là sự lựa chọn của mọi huấn luyện viên Milan khi sắp xếp vị trí hộ công. Năm 1961, Nereo Rocco đến San Siro và Rivera trở thành trung tâm của mọi đường lên bóng. Milan Rocco chơi đầy hứng khởi và đoạt Scudetto năm 1962. Một năm sau, Rivera, với hai đường kiến tạo hoàn mĩ, cùng đoàn quân Milan đánh bại Benfica trong trận chung kết, chính thức trở thành đội bóng Italia đầu tiên vô địch châu Âu. Những thành công đó đã đưa tên tuổi của ông hiện diện ở khắp các mặt báo, sánh ngang với Lev Yasin hay John Charles trong cuộc đua đến Quả Bóng Vàng khi mới tròn 20 tuổi.

Song trái ngược với vẻ ngoài lãng tử, Rivera là một cầu thủ đầy kiêu hãnh. Ở Milan, vai trò của ông là không thể phủ nhận khi đeo băng đội trưởng câu lạc bộ ở tuổi 23. Nhưng khi đặt chân lên đội tuyển quốc gia, ông phải chia sẻ tầm ảnh hưởng với một số 10 vĩ đại khác, một số 10 của Inter, Sandro Mazzola. Những xung đột với các huấn luyện viên của Azzurri đã khiến Rivera không thường xuyên được ra sân từ đầu trong màu áo Thiên Thanh. Đỉnh điểm của sự sỉ nhục là trong trận chung kết World Cup 1970, ông chỉ được tung vào sân từ phút 84, khi Brazil đã dẫn tới 4-1 bất chấp việc ông là nhân vật chính của trận bán kết siêu hạng trước đó vài ngày, và bất chấp việc ông lúc đó đang là đương kim Quả Bóng Vàng.

Giai đoạn sau ở Milan cũng nhiều chuyện buồn hơn là vui. Lúc này, Rivera đã trưởng thành hơn bao giờ hết. Nhưng Milan liên tiếp thất bại trong quyết tâm đoạt Scudetto thứ 10 với ba mùa liên tiếp về nhì. Đặc biệt, mùa giải 1971-72, Rivera đã đứng ra tranh luận với trọng tài và thậm chí cả hệ thống của giới cầm còi khi ông Michelotti tặng cho Cagliari một quả penalty từ trên trời rơi xuống. Kết quả, Rivera bị treo giò hai tháng. Milan mất Scudetto khi thua Juventus 1 điểm. Nhưng các cổ động viên của Rossoneri thì tôn sùng ông như một vị thánh. Rivera phải chờ đến 7 năm sau, ở mùa giải cuối cùng trong sự nghiệp, ông cùng đồng đội mới có được Scudetto lịch sử, chính thức giúp Milan có ngôi sao vàng trên ngực áo.

Vào ngày ra mắt cuốn tự truyện của mình, Rivera xúc động, “Khi tôi kí hợp đồng chuyên nghiệp đầu tiên, tôi đã kiếm được nhiều tiền hơn cả cha tôi. Nhưng đối với tôi, bóng đá luôn là một niềm đam mê”. Ngày 22-12-1969, khi Rivera bước lên bục nhận giải thưởng Quả Bóng Vàng châu Âu, nhà báo Max Urbini, Chủ tịch Ban giám khảo đã tuyên bố, “Giải thưởng này đã được trao cho một tài năng thuần khiết nhất! Rivera là người nghệ sĩ tuyệt vời đã tôn vinh vẻ đẹp của bóng đá!” Trong thời đại mà thứ bóng đá khắc nghiệt Catenaccio lên ngôi, Rivera đã phá vỡ mọi quy tắc. Nhãn quan chiến thuật, kĩ năng thiên bẩm và lối đá đầy thanh lịch của ông khiến cho mọi khán giả đều mê đắm. Trong một bài viết của mình, nhà báo Edd Norval nói phong cách đầy lãng mạn đó đã ảnh hưởng tới những siêu sao sau này như Johan Cruyff, Marco van Basten và cả Roberto Baggio. Niềm đam mê, với Rivera, phải đẹp như thế…

Ông thầy của các chiến công

Vũ Hoàng (ACMilanVN)

-Họ và tên: Nereo Rocco

- Ngày sinh: 20-5-1912

- Ngày mất: 20-2-1979

- Quốc tịch: Italia

- Vị trí: Huấn luyện viên

- Số lần khoác áo đội tuyển quốc gia: 1 (0 bàn)

- Giai đoạn dẫn dắt Milan: 1961-1963, 1967-1974, 1977

- Danh hiệu:

• Vô địch Serie A: 1962, 1968

• Vô địch Coppa Italia: 1972, 1973, 1977

• Vô địch Cup C1: 1963, 1969

• Vô địch Cup C2: 1968, 1973

• Vô địch Cup Liên lục địa: 1969

“Trong Nereo Rocco là một nửa lịch sử bóng đá Italia” - trích lời của hai nhà báo Giovanni Arpino và Alfio Carus.

Tại khuôn viên Trung tâm Milanello, có bức tượng một người đàn ông bệ vệ đang giơ bàn tay trái lên che nắng và phóng tầm mắt nhìn về phía sân tập. Nó khiến người ta có cảm giác rằng ở một nơi nào đó, vị huấn luyện viên vĩ đại nhất của Milan vẫn đang dõi theo từng bước trưởng thành của các thế hệ cầu thủ câu lạc bộ.

Tháng 6-1961, Nereo Rocco đĩnh đạc bước vào sân tập của Milan, tất nhiên vẫn là sân tập cũ chứ không phải Milanello như bây giờ. Câu lạc bộ khi ấy vừa trải qua một mùa giải không mấy vui vẻ. Đội bóng thất bại tại cuộc đua tranh Scudetto với Juventus, đồng thời bị đá bay ở Coppa Italia, qua đó, chỉ được một chiếc vé an ủi tham dự giải giao hữu Cup Hội chợ (tiền thân của UEFA Cup và Europa League ngày nay). Nhưng đội hình Milan lúc này vẫn đầy triển vọng. Họ có Altafini, Maldini, Greaves và Trapattoni, những ngôi sao xuất sắc của thế giới cùng tài năng trẻ mới nổi Rivera. Vấn đề duy nhất mà họ còn thiếu: một huấn luyện viên đủ để kết hợp những con người ấy lại thành một khối vô địch. Và Rocco đến để điền vào chỗ khiếm khuyết đó.

Có một câu chuyện thế này về cái họ Rocco dễ nhớ của ông. Cho đến tận năm 1925, tức là khi Nereo 13 tuổi, họ của ông vẫn là "Rok" (chả là ông sinh ra ở vùng thuộc đế quốc Áo-Hung). Nhưng sống trong xã hội sặc mùi phát xít của Mussolini, chỉ có "Italia hóa" tên gia đình mới có thể dễ thở đôi chút. Thế là cha mẹ ông xếp hàng xin đổi họ. Ban đầu, hai người dự định đổi thành "Rocchi". Chà! Cái họ mới Ý làm sao chứ! Nhưng như thường lệ về nhiều vấn đề thủ tục hành chính tại Italia, một sai sót đã xảy ra và cái họ "Rocchi" đáng mơ ước bị ghi nhầm thành "Rocco". Thôi cũng đành chịu! Dù gì thì cái họ này cũng "Ý" mà.

Lớn lên đôi chút, ông gia nhập đội trẻ của Triestina sau khi thôi phụ giúp gia đình ở cửa hàng bán thịt. Đó là dấu mốc khởi đầu cho sự nghiệp kéo dài 50 năm của Rocco, không chỉ khiến tên tuổi vô danh của đội bóng nhỏ bé này trở nên lừng lẫy mà còn làm thay đổi cả lịch sử của bóng đá thế giới.

Trong khoảng 15 năm của nghiệp quần đùi áo số, Rocco là một tiền vệ cánh khá xuất sắc. Tuy nhiên, chẳng đội bóng lớn nào thèm để ý đến ông. Và khi Thế chiến thứ Hai kết thúc thì ở tuổi 33, ông cũng quyết định giải nghệ và tìm đường khác cho tương lai. Tất nhiên sẽ là nghề huấn luyện viên rồi!

Ông trở lại câu lạc bộ quê nhà Triestina với một ý tưởng trong đầu, đó là xây dựng một hệ thống phòng ngự rắn chắc cho các đội bóng nhỏ. Ý tưởng ấy vốn không do Rocco sáng tạo. Nó ban đầu được Karl Rappan đặt nền móng và sau đó, Giuseppe Viani áp dụng cho Salernitana. Nhưng chính Rocco mới là bệ phóng đưa nó lên tầm vĩ đại mà sau này được biết đến với cái tên: Catenaccio. Triestina của Rocco được xây dựng đi ngược lại với chiến thuật WM đang làm mưa, làm gió thời kì đó. Với 1 trung vệ ở phía sau 3 hậu vệ, đội bóng có được sự chắc chắn trong phòng ngự và dễ

dàng triển khai thế trận phòng thủ phản công trước những đối thủ mạnh hơn mình. Thành công đến ngay lập tức. Triestina giành được vị trí Á quân Serie A ngay mùa đầu tiên Rocco dẫn dắt - vị trí cao nhất trong lịch sử câu lạc bộ cho đến tận ngày nay. Kể mà vào thời nay thì đội bóng bé tí này đã có món hời kếch sù khi được tham dự Champions League rồi.

Nhà báo nổi tiếng Gianni Brera mô tả Rocco, "Ông ta huấn luyện với một sự thực dụng thiên tài. Trong khi các huấn luyện viên Italia bình thường khác bắt chước lối đá của người Anh thì ông ta phát triển và đổi mới nó". Brera không hề nói ngoa. Khi Rocco đến Padova, đội bóng đang ở Serie B. Ông nhanh chóng đưa các học trò mới thăng hạng chỉ sau một mùa giải và trụ vững tại hạng đấu cao nhất nước Ý. Liền trong bốn mùa bóng, Padova lần lượt xếp ở vị trí thứ 3, 7, 5 và 6 với một lối chơi cực kì khó chịu, bất chấp chỉ sở hữu một dàn cầu thủ ở mức trung bình. Chính thành công của Rocco tại Padova đã khiến AC Milan chú ý và vị chủ tịch huyền thoại Andrea Rizzoli đã quyết định mời ông về để dẫn dắt câu lạc bộ.

Thật hiếm có vị huấn luyện viên nào "oằn tà là vằn" với Milan nhiều lần như Rocco mà vẫn thành công. Cả Arrigo Sacchi lẫn Fabio Capello đều thất bại khi quay trở lại San Siro. Nhưng Rocco là một ngoại lệ. Ông nắm quyền dẫn dắt các cầu thủ ba lần và lần nào cũng đem một mớ cúp về phòng truyền thống của câu lạc bộ. Thất bại duy nhất trong đời Rocco khi làm huấn luyện viên của Milan chính là việc không thể giúp đội bóng có được "ngôi sao vàng" (biểu tượng của 10 Scudetto).

Sau khi đưa Milan đoạt Scudetto thứ 9 vào năm 1968, Rocco liên tiếp chứng kiến các đối thủ khác ở Serie A qua mặt mình. Đỉnh điểm của nỗi đau là việc ông và các học trò về nhì liền trong ba mùa giải, từ mùa 1970-71 đến mùa 1972-73. Thất bại ấy khiến ông buồn bã ra đi ngay sau đó và không còn thiết tha với công việc huấn luyện nữa. Ông cũng không bao giờ được chứng kiến "ngôi sao vàng" thêu trên áo đấu của Milan, bởi vào năm 1979, khi đội bóng đoạt được Scudetto thứ 10 thì Rocco đã qua đời trước đó bốn tháng.

Nhưng những ngày đầu tiên ở Milan của ông thì thật là tuyệt vời!

Milan của Rocco thể hiện một lối đá tấn công đầy quyến rũ khiến nhiều người ngạc nhiên. Cái quái gì thế? Một bậc thầy về Catenaccio lại có thể tạo ra một đội bóng chơi cống hiến như vậy ư? Mùa giải 1961-62, Rocco giúp Milan đoạt lại Scudetto ngay lập

tức với 83 bàn thắng sau 34 trận tại Serie A. Thất bại chóng vánh tại Cup Hội chợ và Coppa Italia? Chuyện nhỏ! Ông nào có xem hai giải đấu đó ra gì. Scudetto và Cup châu Âu mới là những mục tiêu mà ông hướng tới.

Tiền đề cho chiến thắng chóng vánh chính là phương pháp huấn luyện của ông và chiến thuật đa dạng. Ông không phụ thuộc vào lối chơi nào cả mà sẵn sàng thay đổi theo tình thế. Nếu như mùa giải đoạt Scudetto 1961-62 là chiến thuật tấn công rực lửa thì những mùa sau đó là một lối đá cực kì chặt chẽ đến mức tiêu cực. Ở mùa giải 1968-69, Milan chỉ để thủng lưới có 12 bàn sau 30 trận tại Serie A (thậm chí chỉ thua 2 bàn trong 15 trận trên sân nhà San Siro) và sẵn sàng phòng ngự đổ bê tông trong trận bán kết lượt về ở Cup châu Âu trước Manchester United. Rocco cũng thể hiện mình là con người quyết đoán. Khi Jimmy Greaves có biểu hiện "nhớ nhà", ông không ngần ngại sút bay cầu thủ này và thay thế ngôi sao người Anh bằng nhà vô địch World Cup Dino Sani - mảnh ghép cuối cùng cho bộ khung chiến thắng.

Ngày 22-5-1963, AC Milan bước vào trận chung kết Cup châu Âu thứ hai trong lịch sử câu lạc bộ. Đối thủ của họ là nhà đương kim vô địch Benfica. Trong suốt bảy mùa giải kể từ ngày thành lập Cup C1, cả châu Âu đã phải "rên xiết" trước sự thống trị tuyệt đối của bóng đá bán đảo Iberia. Mọi hi vọng lúc này được đặt lên đôi chân của các cầu thủ Milan, đội bóng đã trình diễn thứ bóng đá tuyệt mĩ với 31 bàn thắng sau 8 trận tại giải đấu.

Không ngoài dự đoán, Eusebio và các đồng đội ngay lập tức chiếm thế chủ động và sớm có bàn dẫn trước từ phút thứ 19. 46.000 khán giả trên sân Wembley nín thở. Rocco thì ngồi trên băng ghế chỉ đạo và thầm tính toán. Sang hiệp 2, Milan thay đổi lối chơi. Bóng bắt đầu được dồn cho Gianni Rivera. "Cậu Bé Vàng" liên tiếp tung hai đường chuyền định mệnh và José Altafini, vua dội bom của cả đội, kết thúc chính xác giúp Milan lội ngược dòng thành công.

Bóng đá châu Âu bước sang kỉ nguyên mới kể từ giây phút đó. Milan không chỉ trở thành câu lạc bộ Italia đầu tiên vô địch Cup C1 mà còn chính thức chấm dứt thời đại của những người Tây Ban Nha và Bồ Đào Nha. Đứng bên cạnh đội trưởng Cesare Maldini đang hớn hở giương cao chiếc Cup, Nereo Rocco nở nụ cười đầy thỏa mãn.

Cuộc phiêu lưu đầu tiên của ông với Milan chấm dứt ngay khi kết thúc trận đấu ấy. Nhưng nó sẽ còn tiếp tục bốn năm sau với

những thành tựu còn lớn hơn thế để biến cái tên AC Milan trở thành vĩ đại…

Người không biết cười

Hiếu Đỗ (TTVH)

-Họ và tên: Fabio Capello

- Ngày sinh: 18-6-1946

- Quốc tịch: Italia

- Vị trí: Cầu thủ, Huấn luyện viên

- Số lần khoác áo đội tuyển quốc gia: 32 (8 bàn)

- Số lần khoác áo Milan: 65 (4 bàn)

- Giai đoạn dẫn dắt Milan: 1987, 1991-1996, 1997-1998

- Danh hiệu:

• Vô địch Serie A: 1979, 1992, 1993, 1994, 1996

• Vô địch Coppa Italia: 1977

• Vô địch Siêu Cup Italia: 1992, 1993, 1994

• Vô địch Cup C1/Champions League: 1994

• Vô địch Siêu Cup châu Âu: 1994

"Ông ấy rất nghiêm khắc, rất ít nói, rất ít cười trong suốt những năm tháng ở Milan" - Christian Panucci. Thật ra không chỉ ở Milan, mà ở bất cứ đội bóng nào, Fabio Capello đều luôn như vậy: một con người khắc kỉ, một người thầy giáo hằm hè, một người cha già gia trưởng. Có một giai thoại là có lần, Chủ tịch Silvio Berlusconi của Milan ghé vào tai Capello, bảo rằng ông có thể tươi tỉnh hơn một chút khi làm việc được không? Capello đáp lại: "Khi đang làm việc, tôi chỉ quan tâm đến hiệu quả của mình. Tôi không quan tâm đến bất cứ việc gì khác".

Là con của một giáo viên, lại xuất thân từ một tiền vệ phòng ngự có lối chơi thô kệch, Capello hiểu giá trị của kỉ luật. Khi làm cầu thủ, ông là học trò của hai tổ sư trường phái Catenaccio, Nereo Rocco và Helenio Herrera, hai người này ảnh hưởng đến tư tưởng bóng đá của ông rất nhiều, chỉ dạy cho ông từ những điều cơ bản nhất.

Cách lãnh đạo của Capello chịu ảnh hưởng rõ rệt của Herrera. "Ông ấy là bậc thầy truyền cảm hứng", Capello nói về người thầy của mình, "Vào buổi sáng ngày diễn ra trận đấu, ông ấy sẽ tóm lấy cổ áo bạn và nói: 'Mày là thằng khỏe nhất. Mày sẽ ăn chúng nó trong bữa sáng'. Trên sân tập nếu thấy ai dừng lại hoặc trễ nải, ông ấy sẽ đuổi họ ra khỏi sân".

Capello là sự mô phỏng y đúc những điều đó. Milan thời ông không hẳn là câu lạc bộ được đầu tư tiền tấn như sau này chúng ta lầm tưởng, mà thật ra khi tiếp quản đội bóng từ Arrigo Sacchi, họ giữ lại gần y nguyên đội hình đang có. Trong mùa giải làm trợ lí cho Liedholm, Milan thật sự là một mớ hỗn loạn. Cổ động viên đã ném đá vào khu vực chỉ đạo khiến một ô kính ngay cạnh vị trí của Liedholm bị vỡ, vì đội bóng chơi quá tệ. Capello nắm quyền sau khi Milan có lúc còn thua cả Parma của Arrigo Sacchi, và ông thay đổi lập tức sự thoải mái đôi khi quá trớn trước đó bằng cung cách quản lí nhà binh.

Trong một trận đấu, ông cho Giuseppe Galderisi vào sân vỏn vẹn 14 phút rồi thay ra. Khi cầu thủ không đạt yêu cầu, Capello lập tức trừng phạt họ, thậm chí gạt họ khỏi mọi kế hoạch mà không cần giải thích. Paolo Maldini kể lại, Capello giống hệt Sacchi, nghĩa là bắt cầu thủ tập đi tập lại những bài quan trọng đến khi thuộc lòng mới thôi, và đặc biệt chú tâm vào các bài phòng ngự. "Giờ mà tái hợp với Tassotti, Baresi và Costacurta, bọn tôi có thể thi đấu y hệt như những năm 1990 ấy. Tư tưởng của Capello đã hằn dấu vào đầu", Maldini nói.

Marcel Desailly thì bảo: "Khi ông ấy đứng bên đường biên quan sát bạn luyện tập, bạn có thể cảm nhận ánh mắt ông ấy đang dí vào gáy mình. Ông ấy khiến bạn luôn làm việc trong áp lực". Cầu thủ có nổ tung với sự giám sát ấy của Capello không? Có chứ. Rất nhiều cuộc xung đột đã xảy ra, nhưng đấy phần nhiều là do Capello… muốn thế. Ông muốn đội bóng của mình tự động sản sinh ra xung đột để đi lên. Không có lấy một ngày yên ả.

Boban kể lại trên BBC: "Khi có vấn đề với Capello, bạn sẽ không thể biết được ông ấy thật sự tức giận hay là đang muốn bạn phản ứng

lại như vậy. Ngay ngày hôm sau, bạn và ông ấy lại như những người tri kỉ. Ông ấy khơi dậy phản ứng nhất thời của các cầu thủ, và luôn muốn đội bóng căng như dây đàn".

Capello không quan tâm cầu thủ nghĩ gì. Ông chỉ lo lắng về kết quả và cực kì coi trọng thái độ làm việc. Ông nói trên Four Four Two: "Anh có thể cợt nhả, đương nhiên, nhưng đã làm việc thì phải nghiêm túc. Mọi người lấy lí do tôi gặp vấn đề với vợ mình, tôi có chuyện rắc rối với con mình, với gia đình của mình. Ai mà chẳng có vấn đề, phải không nào? Nhưng làm việc thì phải ra làm việc. Những gì tôi muốn chỉ là cầu thủ của tôi phải nghiêm túc lao động, lắng nghe, và làm mọi thứ mà tôi yêu cầu".

Và Capello tạo ra một Milan có một không hai trong lịch sử! Tiếp quản lại tập thể từ Arrigo Sacchi nhưng đó không đơn thuần là một phiên bản của Sacchi. Capello có sử dụng lại sơ đồ 4-4-2 và lối chơi pressing toàn sân rất mới mẻ ở thời điểm đó, để có mùa giải đầu tiên ghi 74 bàn tại Serie A, hơn 18 bàn so với đội xếp nhì. Nhưng khi gặp các vấn đề về lực lượng, khi chấn thương mắt cá chân của Marco van Basten ngày càng trở nặng và Daniele Massaro đã lớn tuổi, ông biến chuyển hệ thống ấy thành một boong-ke.

Ông dùng Demetrio Albertini và Frank Rijkaard là cặp tiền vệ lùi sâu, giúp các cầu thủ đá cánh được tấn công tự do hơn. Khi bán Rijkaard cho Ajax năm 1993, Marcel Desailly được chiêu mộ một cách tình cờ, trong lần Giám đốc Thể thao Ariedo Braida tới Pháp xem giò… Alan Boksik. Desailly được mua về theo yêu cầu của Capello, với việc anh đá như một sweeper trên hàng tiền vệ, các hậu vệ của Milan lại có những đêm ngon giấc và sơ đồ chiến thuật 4-1-4-1 được ra đời.

"Nhìn từ khán đài, hệ thống chiến thuật của Capello thật tẻ nhạt, nhưng thật sự thi đấu trong hệ thống ấy còn kinh khủng hơn", lời của Jean-Pierre Papin, Quả Bóng Vàng người Pháp được Milan chiêu mộ năm 1992. Và nó cũng là hệ thống kinh khủng với các đối thủ: Milan của Capello bất bại 58 trận liên tiếp ở Serie A từ ngày 19-5-1991 đến ngày 21-3-1993, trong đó có trọn vẹn mùa 1991-92 không thua trận nào (lúc này chưa có Desailly). Mùa 1993-94, họ vô địch Serie A khi chỉ ghi vỏn vẹn 36 bàn sau 34 trận, ít hơn 10/18 đội của giải, để thủng lưới 15 bàn, thắng 1-0 9 lần, giữ sạch lưới 22 trận, có giai đoạn đá 9 trận liền không thua bàn nào, còn thủ môn Sebastiano Rossi lập kỉ lục thế giới trắng lưới 929 phút liên tục (bị Buffon phá bỏ ở mùa giải 2015-16). Vì Milan của Capello ở mùa giải này, Liên đoàn bóng đá Italia quyết

định tăng số điểm cho một trận thắng lên 3 điểm ở mùa giải sau đó, để khuyến khích bóng đá tấn công!

Tẻ nhạt? Capello không nghĩ vậy. "Tôi cho rằng mọi người phải nghĩ cho kĩ trước khi chỉ trích những chiến thắng 1-0 của chúng tôi", ông nói, "Một chiến thắng kiểu ấy bao gồm ba sự thật: Một là chúng tôi đã thắng, hai là chúng tôi đã giữ sạch lưới, và ba là đội bóng đã chiến đấu để bảo vệ thành quả của mình. Như người ta vẫn nói: Hãy làm ra thứ rượu ngon nhất từ loại nho mà bạn có trong tay".

Loại nho của Capello đúng là không hấp dẫn bằng của Sacchi! Khi mới nhậm chức, truyền thông coi ông chỉ là con rối của Berlusconi, vì tự dưng thay một Sacchi vĩ đại bằng một Capello vô danh, chắc là đầu óc Berlusconi có vấn đề? Mùa giải 1991-92 khi Capello tiếp quản câu lạc bộ, đội bóng chỉ mua Zvonimir Boban là đáng kể, còn lại thì có Albertini được đôn lên từ đội trẻ. Nhưng may là Capello vẫn có những người xuất chúng trong tay. Bộ ba Van Basten, Rijkaard, Gullit còn nguyên. Hàng thủ bốn người gồm Tassotti, Maldini, Costacurta, Baresi đã quá hiểu nhau.

Đỉnh điểm tài thao lược của Capello là chiến thắng Barcelona ở chung kết Cup C1 mùa giải 1993-94, một chiến thắng vĩ đại trong lịch sử bóng đá châu Âu mà trong một cuộc phỏng vấn, Capello lặp lại rằng "Đó là chiến công đáng tự hào nhất của tôi". Đó là Barca mạnh nhất và đó là Milan yếu nhất trong kỉ nguyên Berlusconi (tính tới thời điểm ấy). Quả thật là khó khăn vì Capello mất Baresi và Costacurta vì bị treo giò. Tiền đạo thì chỉ còn Massaro đang đạt phong độ cao, nhưng năm ấy đã 33 tuổi. Capello phân vân giữa việc dùng Savicevic với Gianluigi Lentini và Marco Simone làm tiền đạo thứ hai. Mối quan hệ giữa ông với Savicevic bị gọi là "thảm họa".

Kể lại với tác giả viết tiểu sử cho mình, Gabriele Marcotti, Capello thú nhận: "Savicevic là người xung đột với tôi nhiều nhất. Cậu ta hiếm khi tập luyện, hiếm khi lao động hết mình. Và khi cậu ấy đá trên sân, những người khác phải làm việc gấp đôi để bù lại". Nhưng ông cũng không thể phủ nhận "Savicevic là một tài năng đặc biệt". Chủ tịch Silvio Berlusconi rất khoái "món hàng" từ Nam Tư (cũ) của ông, mua từ Sao đỏ Belgrade, đội vô địch Cup C1 năm 1991. Trước trận chung kết với Barcelona, Berlusconi nói với Savicevic: "Cậu là thiên tài của đội bóng chúng tôi, Dejan. Đừng phản bội lại chúng tôi vào tối nay".

Và Savicevic đã chơi tuyệt hay. Anh kiến tạo 1 bàn cho Massaro và

lốp bóng ghi bàn 3-0. Desailly ấn định tỉ số 4-0. Cruyff tê tái, "Không phải chúng tôi đá tồi mà là chúng tôi không hề đá bóng". Trước đó, Cruyff và truyền thông Tây Ban Nha ngạo mạn không coi Milan là đối thủ xứng tầm. Cruyff mỉa mai chuyện Barca dùng tiền để mua Romario, còn Milan dùng tiền để mua một Desailly thô kệch. Ông vẽ ra viễn cảnh Barca giành ngôi vô địch như thể họ đã giành cúp đến nơi. Capello dùng chính chi tiết đó để học lại bài khích cầu thủ của Herrera năm nào. Milan bị chạm vào tự ái, và với những chiến binh xuất sắc bậc nhất ở vị trí của mình, cho dù thiếu vắng ngôi sao sáng nhất Marco van Basten, đội bóng của Capello vẫn làm nên chiến công thật sự phi thường.

Phải nói thêm về Van Basten. Đây là tiền đạo mà với Capello là xuất sắc nhất trong lịch sử. Đây cũng là người duy nhất khiến Capello rơi lệ. Phải, ông khóc. Khóc khi Van Basten chạy quanh San Siro một buổi tối năm 1995, vẫy tay chào các khán giả vì chấn thương mắt cá chân khiến anh phải giải nghệ ở tuổi 28. Capello cứ thế ngồi trong cabin khóc. Ông lấy tay lau nước mắt và có lẽ cố giấu cảm xúc của mình nhưng bất thành. Ông không bao giờ làm theo được yêu cầu của Silvio Berlusconi là hãy thử mỉm cười tươi hơn trong khi làm việc nhưng đã khóc khi thấy cậu học trò cưng chạy những bước cuối cùng trên sân cỏ. Một phần nguyên nhân khiến Van Basten không thể hồi phục là vì Capello đã liều lĩnh sử dụng ông ở chung kết Champions League năm 1993. Có lẽ ông ân hận?

Sau này, Capello còn có một giai đoạn nữa làm huấn luyện viên Milan, nhưng mùa 1997-98 đó là thảm họa của đội bóng, khi Milan chỉ xếp thứ 10 ở Serie A, tiếp tục không được dự Cup châu Âu ở mùa kế tiếp, sau khi đã thất bại ở mùa trước đấy cũng với người cũ Sacchi. Sau mùa giải đó, danh tiếng Capello đi xuống nhưng tài năng của ông tiếp tục được khẳng định ở Roma, Juventus và Real Madrid những năm tháng sau này. Những gì ông làm được cho Milan được lưu truyền mãi mãi vì đây chính là đội bóng trên đỉnh cao sự nghiệp cầm quân của Capello. Và khuôn mặt của người đàn ông không biết cười trở thành một phần lịch sử câu lạc bộ. Hóa ra, một thế hệ vàng đã không thể tự biến mình thành vàng, nếu nó thiếu sự nghiêm túc và kỉ luật mà Capello mang tới. Ông đã kích hoạt niềm tự hào Milan.

Viết cho anh đấy, “Cậu Nhỏ” của Milan

Vũ Hoàng (ACMilanVN)

-Họ và tên: Franchino Baresi

- Ngày sinh: 8-5-1960

- Quốc tịch: Italia

- Vị trí: Trung vệ

- Số lần khoác áo đội tuyển quốc gia: 81 (1 bàn)

- Số lần khoác áo Milan: 719 (33 bàn)

- Danh hiệu:

• Vô địch Serie A: 1979, 1988, 1992, 1993, 1994, 1996

• Vô địch Supercoppa Italia: 1988, 1992, 1993, 1994

• Vô địch Cup C1/Champions League: 1989, 1990, 1994

• Vô địch Siêu Cup châu Âu: 1989, 1990, 1994

• Vô địch Cup Liên lục địa: 1989, 1990

• Quả Bóng Bạc châu Âu: 1989

• Vua phá lưới Coppa Italia: 1990

• Cầu thủ thế kỉ của AC Milan: 1999

• Cầu thủ thế kỉ của Serie A do AIC bình chọn: 2000

• Golden Foot: 2012

Ngày 25-8-1978, trận đấu giữa Milan và Flamengo. Cậu nhóc 18 tuổi Franco Baresi chạy trên sân và nhìn thấy Gianni Rivera có bóng, cậu hét lên "Đưa cho cháu!" Khuôn mặt búng ra sữa đầy vẻ quả quyết. Ở buổi họp báo sau đó, đội trưởng huyền thoại của Milan nói một cách rất hài long, "Thằng nhóc này khá đấy". Các nhà báo và cả những cổ động viên vội vã vây xung quanh Franco. Được Rivera khen ngợi nào có tầm thường, nhất là ở cái tuổi 18 và mới chỉ ra mắt được 4 tháng. Một ngôi sao sắp xuất hiện đây ư? Nhưng đằng sau sự tán thưởng ấy, rất ít người biết cậu bé đã mồ côi cả cha lẫn mẹ, và đội bóng này chính là ngôi nhà của cậu…

Tháng 10-1981, Franco Baresi cảm thấy không được khỏe, thậm chí không thể đứng vững trên đôi chân của mình. Anh đến bệnh viện để kiểm tra và bác sĩ phát hiện cầu thủ đầy triển vọng của Milan bị nhiễm trùng máu. Baresi phải nhập viện lúc Serie A mới chỉ đá được 4 vòng. Hơn 100 ngày ngồi ngoài sân quả là cơn ác mộng. Anh có cảm giác mình sẽ không thể ra sân được nữa, đồng thời chứng kiến Milan chơi một thứ bóng đá tồi tệ nhất trong lịch sử, chỉ kiếm được 8 điểm sau 12 vòng đấu và đứng trước nguy cơ tụt hạng. Bởi thế, ngay khi vừa có thể luyện tập, bất chấp sức khỏe chưa hồi phục hoàn toàn, anh đá tất cả các trận còn lại cho đội để chống chọi với số phận. Nhưng Milan vẫn xuống hạng. Ngay trước thềm World Cup 1982.

Một mùa hè khủng khiếp với cả Milan lẫn Baresi. Các cầu thủ bắt đầu lục đục tìm bến đỗ mới. Không khí đội bóng rối như canh hẹ. Có tới nửa tá câu lạc bộ liên hệ với Baresi. Anh vừa mới được Enzo Bearzot triệu tập vào đội tuyển quốc gia để tham dự World Cup tại Tây Ban Nha và một tuyển thủ quốc gia thì không nên đá ở Serie B. Anh nhìn sang bên cạnh mình. Đội trưởng Fulvio Collovati, người cũng giống anh, trưởng thành từ lò đào tạo của câu lạc bộ, đã có một quyết định bất ngờ: gia nhập Inter. Còn Franco, liệu anh có thể làm được điều tương tự khi anh đang ở "ngôi nhà" của mình? Không, anh không thể. Khi Sampdoria đưa ra một lời đề nghị hấp dẫn gấp hơn 10 lần đãi ngộ hiện tại của Milan, anh lắc đầu một cách cương quyết, "Tôi từ chối vì Milan là cuộc sống của tôi".

Tình yêu của Baresi với Milan là một điều gì đó rất kì diệu và trong trẻo. Đó không chỉ là tình yêu đơn thuần của một cầu thủ gắn bó với đội bóng trong suốt 45 năm. Còn hơn thế, Milan là mái nhà đã bao bọc anh trong những ngày cô độc của thời niên thiếu. Một con số đủ sức thuyết phục tất cả: lần rời xa Milan lâu nhất của Baresi là khi anh thử phiêu lưu tại Fulham với vai trò giám đốc kĩ thuật trong 81 ngày và sau đó quay trở lại câu lạc bộ của cuộc đời cho đến tận bây giờ.

Đó là câu chuyện thật dài bắt đầu từ mùa hè năm ấy...

Tháng 5-1974, Beppe dẫn cậu em Franco bước vào trung tâm đào tạo của Inter. Vốn liếng của hai anh em là những năm tháng tập luyện ở đội nghiệp dư địa phương. Xung quanh bãi cỏ lúc này là hàng chục thiếu niên cao lớn đang đứng lố nhố chờ đến lượt mình. Khi Franco bước ra để thử thách, huấn luyện viên Italo Galbiati nhìn vào cậu bé rồi nhún vai, "Cao thêm chút nữa đi nhóc, rồi quay lại đây". Franco lủi thủi ra về. Mấy tháng sau, anh được Milan gọi đến sát hạch. Và lần này, vẫn là cái lão Italo Galbiati đó. Ông ta vừa chuyển từ Inter sang Milan và sực nhớ ra thằng bé lùn tịt với mái tóc xoăn tít. Chắc có lẽ Galbiati muốn biết từ đó đến nay, Franco đã "nhổ giò" thêm được bao nhiêu centimet. 1m64, chiều cao không tồi lắm nhưng một vài giám khảo nhìn nhau thì thầm, "Này, liệu thằng bé có cao nổi 1m70 không nhỉ?" Cuối cùng, Milan đánh cược và quyết định chốt hạ. 1,5 triệu lire cho L'U.S.O. Travagliato để có Baresi và nếu sau này, khi anh đến tuổi trưởng thành, cứ mỗi centimet chiều cao trên 1m70 thì Milan sẽ trả thêm 1 triệu lire nữa. Nhưng chỉ Chúa mới biết Milan có thực hiện lời hứa trên hay không bởi chiều cao cuối cùng của Baresi là 1m76.

15 tuổi, Baresi bước lên đội Allievi Nazionale. Huấn luyện viên của đội lại là Italo Galbiati. Nhưng khác với hai lần gặp gỡ đầu tiên, mọi thứ lần này đều tốt đẹp. Galbiati sẽ còn gắn bó với Milan và cả Baresi nhiều năm nữa, để cùng với Fabio Capello trở thành một cặp bài trùng tuyệt vời và được lịch sử ngợi ca. Nhưng đó là chuyện của tương lai. Còn lúc này, cậu bé Baresi thăng tiến vùn vụt. Chỉ sau một năm, ở tuổi 16, Baresi được gọi lên chơi cho đội Primavera. Anh chính thức nhận những đồng lương đầu tiên, kèm theo là một chỗ ở không tồi. Nhưng sang năm 1977, anh nhận được tin sét đánh. Cha anh bị tai nạn giao thông và qua đời. Đó là một mất mát khủng khiếp với chàng trai 17 tuổi, bởi ba năm trước, mẹ anh đã không còn sau khi mắc căn bệnh ung thư. Thật khó có thể biết Milanello đã hứng bao nhiêu giọt nước mắt của Baresi trong những ngày tháng đau đớn ấy.

Ngày 23-4-1978, trên sân vận động Marcantonio Bentegodi, huấn luyện viên Nils Liedholm quyết định đưa hậu vệ kì cựu Maurizio Turone ra khỏi sân và tung cậu bé Franco Baresi, người nhỏ tuổi nhất đội, ra mắt Serie A. Nhưng trận đấu đầu đời chẳng dễ dàng gì. Baresi nhớ lại, "Albertosi (thủ môn của Milan) cứ liên tục nói, 'Này nhóc, cẩn thận vào, để ý vào'. Tôi bực bội và muốn đáp trả. Nhưng tôi làm sao có thể chứ?" Rốt cuộc, Milan vẫn thắng Verona với tỉ số 2-1 và "Piscini" đã có bước đầu tiên cho "một chặng

đường dài" như lời Rivera khen ngợi sau khi trận đấu kết thúc.

Mặc dù có khởi đầu suôn sẻ, Baresi vẫn chỉ là sự lựa chọn của tương lai trong con mắt những nhà quản lí của Milan khi ấy. Nhưng mùa hè giao hữu đã khiến tất cả thay đổi. Liedholm để Albertino Bigon đá ở hiệp 1 và Franco vào sân ở hiệp 2. Kết quả, Franco luôn chơi hay hơn, đến nỗi "Maestro" phải vỗ vai, "Kể từ giờ, cháu sẽ đá chính nhé!". Liedholm thực hiện đúng như lời hứa. Bắt đầu từ tháng 9-1978, Franco trở thành sự lựa chọn số 1 cho vị trí trung vệ của Milan cho đến ngày anh từ giã sân cỏ. Nhưng không chỉ có Liedholm, Rivera cũng đặc biệt yêu thích cậu út. Chính đội trưởng của Milan đã giúp cho anh có một bản hợp đồng hậu hĩnh: 12 triệu lire tiền lương mỗi năm. Đó còn chưa kể sau khi cùng câu lạc bộ đoạt Scudetto 1979, dưới sự "bảo trợ" của Rivera, Baresi nhận thêm một khoản thưởng to lớn khác: 50 triệu lire. Với số tiền này, anh nhanh chóng tậu con xe Golf màu xám. Trong cuốn sách tiểu sử về mình, Baresi nhớ lại, "Tôi rất vui vì lúc đó vừa có bằng lái xong".

Nhưng cơn giông đã kéo đến. Milan vướng vào vụ cá độ Totonero và bị đánh rớt hạng cuối mùa giải 1979-80 dù xếp thứ 3 chung cuộc. Đó là lần đầu tiên trong lịch sử, đội bóng nếm mùi Serie B. Milan lên hạng ngay sau đó một cách khá dễ dàng với những cầu thủ giỏi vẫn tiếp tục gắn bó. Song mùa hè năm 1982 đã cướp đi của họ mọi thứ: Serie A, niềm tin, sức mạnh và rất nhiều trụ cột. Chỉ còn lại Baresi, anh quyết định rất nhanh. Không thể rời khỏi ngôi nhà của mình. Không thể. Baresi từ chối mọi lời mời gọi, đặc biệt sau khi anh cùng Italia đăng quang ngôi vô địch World Cup. Anh trở thành nhà vô địch thế giới đầu tiên trong lịch sử chấp nhận chơi bóng ở một giải hạng hai ngay khi vừa lên ngôi. Với sự tín nhiệm của các đồng đội, Baresi nhận vai trò đội trưởng. Ở tuổi 22, anh đã là chỗ dựa của cả đội bóng.

Milan trở lại Serie A vào mùa hè năm 1983. Lúc này, câu lạc bộ rơi xuống nhóm trung bình của giải và Chủ tịch Giuseppe Farina đã biến đội bóng thành một mớ bòng bong. Người ta thấy Milanello trở nên hổ lốn. Nơi đã từng chứng kiến những bài chiến thuật thần kì của Nereo Rocco, nơi đã từng chứng kiến những buổi tập kĩ thuật đầy lãng mạn của Gianni Rivera, bỗng chốc bị vấy bẩn. Người ta cho phép ăn nhậu, thậm chí còn làm cả đám cưới ở trong đó. Milan giống như một gánh xiếc rong và những nỗ lực của Liedholm khi quay về không thay đổi được là bao. Nhưng cơn ác mộng đó đã chấm dứt vào tháng 2-1986. Người đàn ông bảnh bao Silvio Berlusconi đã đến Milan và tạo ra phép màu. Các huấn luyện viên Milan và cả cố vấn đã rỉ tai ông, "Hãy tôn trọng chàng trai

mặc áo số 6". Berlusconi đã làm theo và những gì sau đấy trở thành lịch sử.

Vào đầu năm 1997, thể lực của Baresi bắt đầu xuống dốc sau những vinh quang. Giới báo chí truyền tai nhau rằng anh sẽ từ giã Milan vào cuối mùa giải. Rất nhiều đội bóng nước ngoài đến chầu chực để mời anh về sau khi rời câu lạc bộ với những khoản tiền "chưa ai trả nhiều như thế cho một cầu thủ 37 tuổi". Nhưng Franco vẫn từ chối tất cả. Vợ anh nói, "Đó là hành động của tình yêu". Franco đã quyết định Milan sẽ là câu lạc bộ duy nhất anh khoác áo. Không có đội thứ hai.

Ngày 28-10-1997, cả sân San Siro đẫm lệ. Anh chạy vòng quanh đường pitch, nước mắt lăn dài trên khuôn mặt khắc khổ già trước tuổi, giơ cao hai tay chào những người hâm mộ. Vị thánh của Milan đã không còn ra sân nữa. Cuộc đời anh là một bản hùng ca vĩ đại và cũng nhiều đau đớn cho Milan. Còn với những ai không có may mắn chứng kiến tận mắt anh thi đấu, hãy mở những cuốn băng hay các video clip ghi lại những trận đấu của anh trong quá khứ, họ sẽ hiểu một trung vệ vĩ đại, thậm chí nhiều người cho rằng vĩ đại nhất trong lịch sử, đã chơi bóng như thế nào…

Có một tình yêu giản dị mang tên Mauro

Vũ Hoàng (ACMilanVN)

-Họ và tên: Mauro Tassotti

- Ngày sinh: 19-1-1960

- Quốc tịch: Italia

- Vị trí: Hậu vệ phải

- Số lần khoác áo đội tuyển quốc gia: 7

- Số lần khoác áo Milan: 583 (10 bàn)

- Danh hiệu:

• Vô địch Serie A: 1988, 1992, 1993, 1994, 1996

• Vô địch Supercoppa Italia: 1988, 1992, 1993, 1994

• Vô địch Champions League: 1989, 1990, 1994

• Vô địch Siêu Cup châu Âu: 1989, 1990, 1994

• Vô địch Cup Liên lục địa: 1989, 1990

Valentine 1997, khi mà những cặp tình nhân hoặc vợ chồng đang chìm trong men say của tình yêu, anh lặng lẽ đứng nhìn khuôn mặt vợ lần cuối. Số phận đã không cho họ tiếp tục ở bên nhau và chia cắt họ mãi mãi. Chỉ còn tình yêu vẫn ở lại trong trái tim của anh…

Ngày 13-2-1997, Antonella qua đời sau những tháng ngày chống chọi với căn bệnh ung thư để lại cho Mauro hai đứa con, Niccolo mới 8 tuổi và Lucrezia 6 tuổi. Đó là một mất mát khủng khiếp với

Mauro Tassotti và kể từ hôm ấy, đối với anh, Valentine chỉ là một ngày để tưởng nhớ đến người vợ yêu dấu của mình. Antonella là một trong những mối dây liên hệ giữa Tassotti với Milan, thậm chí là mối dây quan trọng nhất. Cả hai đã gặp nhau tại thành phố xinh đẹp này, phải lòng nhau và rồi quyết định gắn bó cuộc đời với nhau vào tháng 5-1986. Khi ấy, Tassotti 26 tuổi còn Antonella 22. Mặc dù không bao giờ chối bỏ nguồn gốc "công dân thủ đô" nhưng Tassotti luôn khẳng định một cách chắc nịch: "Tôi là người Milan. 100%". Nếu bạn yêu một cô gái và cô gái đó yêu một thành phố, chắc chắn, bạn rồi cũng sẽ phải lòng thành phố đó hệt như Tassotti với Milan.

Tuy nhiên, Tassotti biết đến Milan sớm hơn là người vợ của anh. Mùa hè năm 1980, anh rời Lazio để gia nhập Milan ở thời điểm cả hai đội bóng đều bị giáng xuống hạng bởi vụ bê bối Totonero. Lúc đó, không ai có thể ngờ rằng thương vụ chuyển nhượng khiêm tốn này sẽ trở thành một trong những chữ kí tuyệt vời nhất của Milan thời tiền Berlusconi.

Xuất thân là một hậu vệ cánh thiên về phòng thủ, Tassotti đã phải rèn luyện rất nhiều để nâng cao những kĩ năng của mình. Khởi đầu là một cầu thủ thô lỗ và khá… nông dân, anh cần cù luyện tập và thi đấu trong một đội hình gồm rất nhiều những cầu thủ trẻ, cố gắng để hoàn thiện bản thân. Khi Nils Liedholm quay trở lại Milan, việc đầu tiên mà ông yêu cầu Mauro chính là bắt anh rê bóng hàng giờ liền ở sát bức tường. Điều đó giúp anh có được sự khéo léo khi dẫn bóng dọc đường biên và cải thiện sức mạnh tấn công khi cần dâng cao. Với khả năng công thủ toàn diện cộng với những đường căng ngang chính xác, Tassotti được ví như một phiên bản da trắng của hậu vệ phải huyền thoại Djama Santos, người đã cùng Brazil vô địch World Cup hai lần vào các năm 1958 và 1962.

Sức mạnh của Tassotti lại nâng thêm một tầng cao mới khi anh bắt đầu đứng chung hàng ngũ cùng ba thiên tài trưởng thành từ lò đào tạo Milan: Franco Baresi, Paolo Maldini và Billy Costacurta. Họ đã hình thành nên bộ tứ vệ vĩ đại, một bức tường khủng khiếp với mọi tiền đạo trong suốt 10 năm và là nền tảng tạo ra thành công của Milan trong khoảng thời gian ấy. Đặc điểm chung của cả bốn người là trí thông minh, khả năng tư duy chiến thuật linh hoạt và có thể đọc trước được hành động của đối phương. Chính điều đó đã khiến tứ vệ sử dụng bẫy việt vị như một vũ khí lợi hại để ngăn chặn đối phương xâm nhập vào vòng cấm và cho đến nay, đây vẫn được coi là hàng thủ thông minh nhất trong lịch sử bóng đá.

Sự gắn bó của Tassotti với Milan bắt đầu từ những năm tháng đen tối của Serie B, trước khi đạt tới đỉnh cao vinh quang chói lọi. Anh là một trong số không nhiều các cầu thủ đi cùng Milan trong thời kì tăm tối mà không bao giờ chỉ trích, cũng không bao giờ oán hận. Đối với Mauro, chỉ có sự cống hiến bằng toàn bộ sức lực của mình. Và anh được đền đáp một cách xứng đáng và rực rỡ nhất. Milan quay trở lại đỉnh cao. Không! Còn hơn thế. Câu lạc bộ đã vươn tới một đỉnh cao chưa từng có trong lịch sử của mình. Đội bóng giành được vô số danh hiệu và được vây xung quanh bởi ánh hào quang chói lọi. Trong những năm tháng vàng son ấy, mỗi cầu thủ Milan được ví như một ngôi sao của vương quốc truyền hình Berlusconi.

Tuy nhiên, Mauro đứng ngoài tất cả…

Anh tự tạo cho mình một thói quen bình dị. Anh yêu môn golf, thường hay xách gậy đi tập luyện dọc những sân golf của vùng Tivoli với những người đồng đội như Van Basten, Donadoni hay Filippo Galli. Nhưng sở thích lớn nhất của Mauro là bên cạnh vợ con. Và niềm vui của gia đình anh luôn gắn liền với những thành công lớn của đội bóng. Năm 1988, Mauro có danh hiệu lớn đầu tiên trong sự nghiệp, Scudetto. Đó là năm mà cậu con trai Nicolo chào đời. Tháng 11-1990, cô con gái Lucrezia cũng được sinh ra, chỉ vài tuần trước khi Tassotti cùng đồng đội chiến thắng tại Cup Liên lục địa. Gazzetta dello Sport kể lại rằng, cậu con trai Nicolo của Tassotti ban đầu là một fan của… Inter và thường xuyên hét ầm lên "Forza Inter" như để trêu chọc cha mình. Nhưng rồi, với thời gian, Nicolo chuyển dần sang cổ vũ Milan và cuối cùng, năm 1996, được cha dẫn theo lên bục nhận Scudetto. Đó là lần cuối cùng, Antonella được nhìn thấy chồng nâng cao cúp vô địch, bởi cô đã qua đời tám tháng sau sự kiện ấy.

Tassotti từ giã sân cỏ vào cuối mùa giải 1996-97, bốn tháng sau ngày Antonella mất. Anh gần như không tham gia luyện tập mà chỉ tập trung chăm sóc hai con. Ngọn lửa chiến đấu vốn hừng hực cháy trong anh từ lúc thanh niên đã bị dập tắt hoàn toàn dù rằng, một sự kiện đau lòng đã báo hiệu từ hai năm trước đó. Khi ấy, ngay trước thềm một trận đấu, huấn luyện viên Fabio Capello đã triệu tập các phóng viên lại và thông báo, "Mauro đã về nhà. Cậu ấy chính thức bị chấn thương". Vị thuyền trưởng của Milan suýt nữa không cầm được nước mắt. Ông nói tiếp với đôi mắt đỏ hoe, "Anh ấy không thể chơi bóng. Anh ấy không thể đến đây với chúng ta bởi anh ấy đang tuyệt vọng. Antonella bị phát hiện có một khối u".

“Tôi yêu Milan vì đây là thành phố của cô ấy.” Mauro nói về sự gắn bó của anh với thành phố Milano và với câu lạc bộ AC Milan như vậy. Sau khi Antonella qua đời, anh tự dặn mình sẽ tiếp tục gắn bó với Milan. Từ giã sân cỏ, anh trở thành huấn luyện viên đội trẻ của câu lạc bộ, bắt đầu đào tạo những mầm non tương lai. Sau mấy năm, anh được gọi trở lại đội 1, lần này là cương vị trợ lí huấn luyện viên. Đó là bước khởi đầu cho một “siêu trợ lí”, được thừa nhận là một trong những người tài năng nhất thế giới ở vị trí này. Anh ở bên cạnh Zaccheroni, bên cạnh Terim, rồi sát cánh cùng Ancelotti, sau đó là Leonardo, Max Allegri, Seedorf và cuối cùng là Inzaghi. Milan dù có lúc thăng, lúc trầm nhưng anh vẫn ngồi đó, trong một góc ngoài đường biên, lặng lẽ quan sát và sau đó tiến đến huấn luyện viên để đưa ra những nhận định của mình.

Lazio mời anh quay trở về thủ đô làm huấn luyện viên, anh từ chối. Max Allegri lôi kéo anh sang Juventus, anh từ chối. Tình yêu của anh với Milan và với cả người vợ đã khuất quá lớn để có thể bứt ra khỏi đội bóng. Nhưng nó đã không được đền đáp một cách trọn vẹn như anh xứng đáng được thế. Mihajlovic đến Milan cùng bộ sậu mới, Tassotti phải chấp nhận lùi về sau làm một tuyển trạch viên. Vài tháng sau, tháng 6-2016, anh bất ngờ rời khỏi câu lạc bộ. Nhiều người xì xào rằng anh đã bị đội bóng sa thải. Nhưng anh vẫn đứng ngoài cuộc tất cả mọi tranh cãi và đi đến một chân trời mới. Ở đó, một Milanista khác đang chờ anh. Tên người ấy là Andriy Shevchenko, huấn luyện viên của đội tuyển Ukraine.

Cho đến cả khi Milan không còn cần anh nữa, Tassotti vẫn không thể dứt bỏ mối dây liên hệ với Milan của mình. Như anh đã từng gắn bó, từng yêu suốt 40 năm qua.

Bonus:

Quãng thời gian Mauro ở Milan rất dài nhưng không có quá nhiều sự kiện đình đám. Tuy nhiên, vào thời hoàng kim của Bộ Ba Hà Lan Bay, anh và Marco van Basten đã từng suýt tẩn nhau vì va chạm trong đường hầm. Mauro chẳng nể nang gì “con cưng của chủ tịch” và đã có màn cãi nhau ra trò. Mặc dù vậy, ông Berlusconi không giận anh và vẫn yêu quý anh như trước. Thực tế là sau lần suýt đánh nhau đó, cả Mauro và Marco đã làm hòa và ôm nhau thắm thiết. Thậm chí, cả hai còn xách gậy đi đánh golf cùng nhau lúc rảnh rỗi nữa.

Về cái mũi khoằm xấu xí của Mauro, Chủ tịch Berlusconi từng kêu lên, “Tôi đã nói rất nhiều lần với hắn ta là sửa mũi đi rồi”. Đáp lại, Mauro cười, “Ngài Chủ tịch nói rất phải. Cơ mà tôi lại thích nó mới căng”. Tất nhiên, đến tận giờ, anh vẫn chưa hề đi sửa mũi.

Chuẩn mực như Billy

Vũ Hoàng (ACMilanVN)

-Họ và tên: Alessandro Costacurta

- Ngày sinh: 24-4-1966

- Quốc tịch: Italia

- Vị trí: Trung vệ

- Số lần khoác áo đội tuyển quốc gia: 59 (2 bàn)

- Số lần khoác áo Milan: 663 (3 bàn)

- Danh hiệu:

• Vô địch Serie A: 1988, 1992, 1993, 1994, 1996, 1999, 2004

• Vô địch Coppa Italia: 2003

• Vô địch Supercoppa Italia: 1988, 1992, 1993, 1994, 2004

• Vô địch Cup C1/Champions League: 1989, 1990, 1994, 2003, 2007

• Vô địch Siêu Cup châu Âu: 1989, 1990, 1994, 2003

• Vô địch Cup Liên lục địa: 1989, 1990

“Bóng rổ là niềm đam mê của tôi. Nếu tôi phải chọn xem gì trên ti vi thì NBA sẽ là sự lựa chọn đầu tiên. Tôi là một fan của Knicks (New York Knicks - một đội bóng rổ lừng danh của NBA) và giờ là những năm tháng thật… đau khổ”. Anh ngồi tâm sự một cách bình dị như thế bên cạnh ly rượu vang nho của vùng Piemonte, trước mặt nhà báo Chicarella, người thú nhận là đang run lên vì phải đối diện với một trong những hậu vệ vĩ đại và thành công nhất mọi thời đại.

Chúng ta có thể bắt đầu từ cái biệt danh "Billy". Có nhiều câu chuyện nửa thật, nửa hư cấu xung quanh cái tên này dành cho Alessandro Costacurta. Đại để, "Billy" là tên một nhãn hiệu nước cam tài trợ cho đội bóng rổ Milano thập niên 1980, mà Costacurta khi đó lại là người nổi tiếng giỏi bóng rổ và thích uống... nước cam. Ngay trong buổi tập đầu tiên tại Milanello, anh đã thể hiện những kĩ năng bóng rổ điêu luyện và đương nhiên là giỏi hơn khả năng rê dắt quả bóng ở trong chân.

Thật khó hiểu khi một cậu bé đam mê bóng rổ, có năng khiếu chơi môn này, lại đặt chân vào bóng đá và trở thành một nhân vật vĩ đại! Nhưng ngay cả khi anh đã thành công đến thế, niềm đam mê từ thuở bé thơ vẫn chẳng phai mờ trong anh. "Sự thật là Max đã thắng tôi trong bóng rổ. Cậu ấy còn giỏi hơn tôi ở môn bóng chuyền nữa. Nhưng tôi lại hơn cậu ấy ở bóng đá và tennis." Anh thú nhận khi có tin đồn rằng anh thường xuyên thua sấp mặt trước Ambrosini ở môn thể thao yêu thích. Billy là thế. Rất thật thà và khiêm tốn.

Có một câu chuyện thế này. Các cầu thủ khi đến Milan thường rất thích "tám" với Billy. Anh là một kho hiểu biết khổng lồ về rất nhiều lĩnh vực. Về thể thao, anh biết rõ bóng đá, bóng rổ và có thể bình luận không mệt mỏi về lối chơi của các đội bóng. Nhưng nếu bạn muốn nói về cuộc sống gia đình, anh sẽ tặng cho bạn một loạt những lời khuyên bổ ích từ một người đang rất hạnh phúc với cô vợ là cựu hoa hậu Italia từ hơn 20 năm qua. Còn khi đề cập đến nghệ thuật, bạn sẽ khó thở trước những nhận định sắc bén của anh về các tác phẩm hội họa của Mimmo Paladino hay Francesco Clemente. Và bạn quan tâm đến chính trị - xã hội ư? Billy sẽ chứng tỏ cho bạn thấy anh am hiểu thế nào về nghị trường và cả những vấn đề đang đe dọa đến cuộc sống đương đại. Billy không sống một cuộc đời. Anh không chỉ là cầu thủ bóng đá, không chỉ là một người chồng, người cha. Anh còn là người mẫu thời trang, nhà bình luận thể thao, người tư vấn cho các nhà hàng thượng lưu và là một học giả uyên thâm về nghệ thuật hiện đại. Còn bây giờ, như chúng ta đã biết, anh đang dốc sức vào cuộc phục hưng cho bóng đá Italia để trở lại đỉnh cao. Thật là một nhân vật toàn năng!

Nhưng không phải lúc nào cuộc sống của anh cũng toàn màu hồng. Năm 1994, Billy đã vắng mặt trong hai trận chung kết lớn nhất của một đời cầu thủ. Anh bị treo giò vì đủ số thẻ vàng và không được ra sân tại trận đấu kì vĩ ở Athens. Chỉ hơn một tháng sau, trong trận chung kết World Cup trên đất Mỹ, anh một lần nữa vắng mặt và không thể làm gì khi chứng kiến các đồng đội thất bại trên chấm luân lưu. Đó chỉ là sự mở đầu cho những năm tháng

đen tối mà Billy cùng Milan phải chịu đựng.

Trong suốt khoảng thời gian từ năm 1996-2002, Milan rơi vào tình trạng khủng hoảng. Từ một đội bóng bách chiến bách thắng, câu lạc bộ bỗng nhiên thấy mình bị văng xuống giữa bảng xếp hạng Serie A, bị một loạt những đội bóng bé nhỏ hạ nhục tại Cup châu Âu và chứng kiến sự ra đi của những tượng đài trong quá khứ. Billy gắn bó với Milan suốt những năm tháng ấy. Tận tụy và cần cù. Anh không đòi hỏi, cũng không ca thán. Và tất nhiên, chưa một lần anh đòi ra đi dù đã có lúc Milan đứng ở nửa dưới Serie A và đứng trước cả một tương lai mịt mù. Tottenham hồi đó muốn có anh. Nhưng đứng trước viễn cảnh khám phá một Premier League đang lên như diều, anh từ chối. Sau này, anh nửa đùa nửa thật rằng mình không đến White Hart Lane vì anh là fan của... Arsenal.

Mùa hè năm 2002, Billy hết hợp đồng với Milan. Ở tuổi 36, anh không được câu lạc bộ gia hạn và quyết định giải nghệ. Sau hơn 20 năm gắn bó với màu áo Đỏ-Đen, anh cảm thấy mình không thể khoác lên một chiếc áo đấu nào khác nữa. Nhưng định mệnh vẫn gắn bó anh với Milan. Một ngày mùa hè nóng nực, Carlo Ancelotti, người đồng đội của anh trong những năm tháng hoàng kim, gọi điện cho anh và đề nghị anh quay trở lại San Siro. Anh đồng ý ngay lập tức mà không cần biết đến chi tiết của hợp đồng. Lúc này, anh biết mình không còn là sự lựa chọn số 1 ở vị trí trung vệ nữa. Nhưng anh vẫn vui vẻ ra sân khi huấn luyện viên yêu cầu, kể cả phải đá trong vai trò hậu vệ cánh, cả cánh trái lẫn cánh phải.

Tình yêu giản dị nhưng sâu sắc của Billy với Milan đã được đền đáp xứng đáng. Chặng đường thứ hai của anh với câu lạc bộ thành công mĩ mãn. Anh bổ sung thêm vào bộ sưu tập danh hiệu của mình 2 chiếc Cup Champions League, 1 Scudetto, 1 Coppa Italia và 2 chiếc Siêu Cup, những thành tích mà một cầu thủ có khi cả đời cũng không đạt tới.

Nhưng tất cả những thành công đó không phải có được nhờ may mắn. Đó là kết quả của một quá trình rèn luyện đầy gian khổ của Billy. Chơi ở vị trí trung vệ, anh không có được tốc độ hay thể hình lí tưởng. Với chiều cao chỉ 1m76, di chuyển khá chậm chạp ngay cả khi còn trẻ, anh lựa chọn lối chơi dựa vào việc phán đoán hướng di chuyển của đối thủ để phòng ngự, thay vì thụ động cản phá. Khả năng tính toán chiến thuật, đọc tình huống và lựa chọn cách xử lí của anh xuất sắc đến mức nó xóa mờ những nhược điểm tưởng như rất lớn. Anh trở thành một trong những trung vệ vĩ đại nhất trong thời đại của mình và là một trong những hậu vệ

giỏi nhất mà bóng đá đã từng sản sinh ra.

Mùa hè năm 1987, ông trùm Silvio Berlusconi được người ta rỉ tai, "Này sếp, ông đang có trong tay một hậu vệ có thể đá ngon cho Milan trong 20 năm đấy". Lúc đó, anh đang chơi ở Monza theo bản hợp đồng cho mượn. Và ngay ở mùa giải kế tiếp, anh được triệu tập về lại Milanello để rồi chơi bóng cho Milan trong đúng 20 năm như lời nói ấy. Bộ tứ vệ huyền thoại của Milan chính thức hội đủ mặt.

Dưới sự dẫn dắt của Arrigo Sacchi và sau đó là Fabio Capello, Billy cùng những người đồng đội tạo nên một bức tường thép trước khung thành Milan. Trong hai mùa giải Champions League đầu tiên 1992-93 và 1993-94, bộ tứ vệ ấy đã tạo nên một kỉ lục vô tiền khoáng hậu: chỉ thủng lưới có 4 bàn sau 23 trận đấu, trong đó có 1 bàn từ chấm 11m. Với nền tảng phòng ngự vững vàng, các ngôi sao của Milan mặc sức phô diễn và giúp cho câu lạc bộ liên tiếp gặt hái những thành công vang dội. Milan trong cuối thập niên 1980, đầu thập niên 1990, là một trong những đội bóng vĩ đại nhất lịch sử. Billy là một thành viên trụ cột của đội bóng kì diệu ấy.

"Tình chỉ đẹp khi còn dang dở..." Nhưng tình yêu của Billy với Milan thì đẹp ngay cả khi nó kết thúc một cách viên mãn. Tháng 5-2007, anh quyết định từ giã sân cỏ ngay trước thềm chung kết Champions League. Trong trận đấu cuối cùng của cuộc đời, anh ghi bàn trên chấm 11m, chính thức trở thành cầu thủ lớn tuổi nhất ghi bàn trong một trận đấu tại Serie A. Và khi tiếng còi kết thúc trận đấu cất lên, những người đồng đội mặc lên mình chiếc áo số 5 của anh, công kênh anh trong tiếng vỗ tay vang dội từ khán đài. Trên vai những người bạn, anh nở nụ cười hiền hậu, nụ cười vẫn đẹp như ngày nào anh mới khoác lên mình chiếc áo Milan trong lứa tuổi hoa niên.

"Billy là chuẩn mực của mọi thứ" - Andrea Pirlo đã nói về anh như vậy trong tự truyện của mình. Nhưng còn hơn thế. Vợ anh, cựu hoa hậu Italia, Martina Colombari, tiết lộ rằng cô lúc nào cũng hài lòng về anh suốt hơn 20 năm chung sống, không chỉ ở cách cư xử lịch thiệp mà cả ở chuyện... sex nữa. Đúng là một người đàn ông hoàn hảo!

Máy nhịp thành Milan

Dũng Phan

-Họ và tên: Demetrio Albertini

- Ngày sinh: 23-8-1971

- Quốc tịch: Italia

- Vị trí: Tiền vệ

- Số lần khoác áo đội tuyển quốc gia: 79 (3 bàn)

- Số lần khoác áo Milan: 406 (28 bàn)

- Danh hiệu:

• Vô địch Serie A: 1992, 1993, 1994, 1996, 1999

• Vô địch Supercoppa Italia: 1992, 1993, 1994

• Vô địch Champions League: 1994

• Vô địch Siêu Cup châu Âu: 1994

Ngày 3-7-1998, Italia gặp Pháp tại tứ kết World Cup 1998. Hai đội kéo nhau đến loạt penalty may rủi sau khi đã hòa nhau 0-0 trong 120 phút. Loạt sút thứ hai của những chàng trai mặc áo Thiên Thanh, nhiệm vụ được giao cho một cầu thủ với mái tóc bồng bềnh lãng tử và lưng áo số 9. Tên của anh là Demetrio Albertini, một chuyên gia sút phạt đền và còn là chuyên gia điều phối lối chơi của AC Milan những năm 90 thế kỉ trước.

Không vào! Cú sút quá nhẹ và Fabien Barthez đã đoán đúng hướng bóng. Demetrio Albertini gục xuống, hai tay ôm mặt. Hôm đó, Di Biagio và Albertini là hai người đã khiến Italia thêm một lần nữa chết trên chấm phạt đền. Hình ảnh Albertini với mái tóc dài và

ngã quỵ gối, ôm mặt nức nở là một trong những nhức nhối nhất mà các tifosi phải cam chịu trong vòng 24 năm để được hạnh phúc ở World Cup 2006. Roberto Baggio - người đã sút hỏng ở loạt luân lưu 4 năm trước, nắm lấy tay của người sút hỏng 4 năm sau kéo đứng dậy.

Một khung hình mà như dòng chảy, đó là dòng chảy của những người anh hùng dang dở nước Ý. World Cup 1998, Albertini là buồng phổi vận hành cho lối chơi của Azzurri. Anh, chứ không phải Del Piero, không phải Baggio, mà chính Albertini mới là người được huấn luyện viên Cesar Maldini trao "ấn kiếm" cho World Cup năm ấy. Thời điểm năm 1998, Albertini là "regista" (tiền vệ kiến thiết lùi sâu) hay nhất của nước Ý trong giai đoạn bùng nổ của các "trequartista" (số 10 hộ công).

Albertini sinh ra ở Besana in Brianza, Italy, anh gia nhập lò đào tạo trẻ của AC Milan và được ra mắt tại Serie A vào ngày 15-1-1989 trong chiến thắng 4-0 trước Como. Một năm sau, Albetini được mang đi cho mượn ở Padova để trau dồi kinh nghiệm và trở về Milan từ mùa giải 1991-92, dưới trướng của Fabio Capello. Ngày đó Milan có ba cầu thủ đặc biệt, họ là những sản phẩm đáng tự hào nhất của lò đào tạo Milan sát cánh bên nhau từ ngày đầu tuổi trẻ, đã chinh chiến cùng với "Bộ Ba Hà Lan Bay", qua thời kì của Boban đến Sheva. Trong thăng trầm của Milan gần vắt qua hai thập kỉ, đều hiện hữu ba cầu thủ ấy. Họ chính là Paolo Maldini, Alessandro Costacurta và Demetrio Albertini.

Năm 1998, khi Milan đối diện với những khó khăn, Costacurta đã nói với phóng viên: "AC Milan rồi sẽ qua cơn bĩ cực. Chúng tôi sẽ lại trỗi dậy bởi vì chúng tôi có đủ sức mạnh và niềm tin". Sức mạnh và niềm tin ấy được tạo nên bởi rường cột ba con người mang dòng máu Đỏ-Đen, và hiểu niềm tự hào của màu áo ấy: Albertini, Costacurta, và Paolo Maldini. Đó là bài học cho Milan ngày sau, trong bất kì khó khăn nào, cũng phải duy trì những "hạt giống" Milan.

Vị trí của Albertini không như Maldini và Costacurta, anh là một tiền vệ trung tâm. Phong cách của Albertini chơi theo đúng kiểu Ý, quan sát cực nhanh, chuyền dài chính xác, anh chơi đơn giản nhưng rất hiệu quả, anh điều tiết nhịp độ trận đấu cho Milan, lí do của biệt danh "Metronome" - "Máy Nhịp". Không chỉ là người nắm chìa khóa cho lối chơi của Azzurri và Milan, anh còn sở hữu khả năng sút xa và sút phạt đáng nể. Ngày đó, nếu hàng tiền đạo Milan mà để bóng lại cho tuyến 2 dứt điểm thì ắt sẽ là một cú nã đại bác cháy lưới từ đôi chân của Albertini.

Albertini còn là một chân sút phạt tầm cỡ, anh sở hữu 2 cú sút phạt nổi tiếng, đầu tiên là đường cong kì lạ trong chiến thắng 3-0 của Milan trước Sampdoria mùa giải 1994-95, khi đó Albertini tạo nên một cú sút quái đản khi bóng tạo hình một đường parabol vút lên cao, vượt quá tầm với thủ môn, rồi rớt thẳng xuống khung thành trong sự sửng sốt của tất cả. Bàn thắng thứ hai đến trong những năm tháng xế chiều, khi ấy Albertini đã chuyển sang Atletico Madrid, đối đầu với các Galacticos 1.0 của Real Madrid, anh vẽ nên một đường cong tuyệt đẹp trên Santiago Bernabeu và đánh gục Iker Casillas trong nụ cười lắc đầu chịu thua của huấn luyện viên Real Madrid, ngài "Râu Kẽm" Del Bosque. Thuở ấy, Albertini đã ở bên kia sườn dốc sự nghiệp nhưng nét tinh tế của các cú sút phạt vẫn không mất đi.

Nhưng Albertini cũng như Roberto Baggio, tài hoa mà dang dở. Euro 2000, anh cũng là "Chiếc Máy Nhịp" vận hành một Azzurri kết hợp giữa hoa mỹ Totti, Fiore ở bên trên với Nesta - Cannavaro bên dưới. Italia tạo nên hành trình cảm xúc tiến đến trận chung kết Euro 2000. Thế nhưng 17 giây định mệnh đau đớn ở trận chung kết đã biến hi vọng của các tifosi thành niềm đau. Năm đó, Albertini mang áo số 4. Hai năm sau, Albertini bị ban lãnh đạo Milan đẩy sang Atletico Madrid. Sau khi chơi bóng cho Tây Ban Nha một mùa giải, Albertini quay lại nước Ý trong màu áo Lazio. Ngày 29-10-2003, khi Lazio gặp lại Milan, Albertini đã nói nghẹn ngào, "Tôi chẳng thể tưởng tượng nổi một ngày tôi lại bước ở hành lang bên kia và nhìn màu Đỏ-Đen ở phía đối diện".

Trong kì chuyển nhượng mùa đông năm 2004-05, sau khi Frank Rijkaard tiếp quản Barcelona, chiến lược gia người Hà Lan đã đón Albertini về để truyền đạt kinh nghiệm cho những cây chuyền Barca, như một sự tôn vinh cho con người tài hoa, xuất sắc mà thầm lặng. Tháng 3-2006, Barca và Milan tổ chức trận đấu chia tay Albertini, giữa San Siro huyền thoại. Albertini chạy vòng quanh sân vẫy tay với tất cả, anh vỗ tay với đôi mắt hoe đỏ, tượng trưng cho tình yêu mà anh dành cho Milan.

Sau khi giải nghệ, Albertini không đi theo đường huấn luyện viên mà phát triển ở đường quan chức và trở thành Phó chủ tịch liên đoàn bóng đá Ý FIGC. Khi bàn về chuyện Milan bán Pirlo, anh đã có một chia sẻ đầy day dứt: "Milan đã dạy tôi rằng, bạn có thể phạm sai lầm khi mua cầu thủ, nhưng không được phép sai lầm khi bán. Đó là một sai lầm lớn, khi họ tống Pirlo ra đường. Chúng ta đang nói về một cầu thủ vô cùng đặc biệt, người duy nhất mãi mãi không thể thay thế được". Pirlo kế thừa vị trí tiền vệ trung tâm mà Albertini để lại, anh đã không làm phụ lòng một AC Milan

kiêu hùng, cũng như một Italia thiện chiến.

Một điều đáng buồn rằng, nếu sau Ancelotti có Albertini, sau Albertini có Pirlo, thì các tifosi Milan giờ đang ngơ ngác tự hỏi, sau Pirlo là ai đây?

Vị Vua của Milan

Vũ Hoàng (ACMilanVN)

-Họ và tên: Silvio Berlusconi

- Ngày sinh: 29-9-1936

- Quốc tịch: Italia

- Vị trí: Chủ tịch

- Danh hiệu:

• Vô địch Serie A: 1988, 1992, 1993, 1994, 1996, 1999, 2004, 2011

• Vô địch Coppa Italia: 2003

• Vô địch Supercoppa Italia: 1988, 1992, 1993, 1994, 2004, 2011

• Vô địch Cup C1/Champions League: 1989, 1990, 1994, 2003, 2007

• Vô địch Siêu Cup châu Âu: 1989, 1990, 1994, 2003, 2007

• Vô địch Cup Liên lục địa: 1989, 1990

• Vô địch Cup Thế giới các câu lạc bộ: 2007

Ngày 10-5-1994, Silvio Berlusconi, với trang phục đắt tiền, sang trọng và lịch lãm, bước lên bục tuyên thệ nhậm chức Thủ tướng Chính phủ. Cuối cùng, sau rất nhiều nỗ lực, ông đã đạt tới đỉnh cao nhất của quyền lực đúng như những gì ông mơ ước khi rời khỏi ghế nhà trường. Sóng gió mới chỉ bắt đầu. Chính phủ của ông liên tiếp nhận những lời chỉ trích từ cả trong lẫn ngoài Italia. Tiếp đến là hàng loạt các cuộc biểu tình để phản đối những vấn đề nhức nhối trong nền tài chính lẫn hành chính. Berlusconi bị buộc tội tham nhũng và dù sau đó, ông đã thoát khỏi án phạt nhưng

hình ảnh được xây dựng bấy lâu nay đã tổn hại nghiêm trọng. Chỉ sau 8 tháng, ông tuyên bố từ chức Thủ tướng. Đúng vào thời điểm ấy, Milan của ông bắt đầu xuống dốc và sẽ trắng tay ở mùa giải ấy.

Là con trai đầu lòng của một nhân viên ngân hàng và một phụ nữ nội trợ thuần túy kiểu Ý, Silvio Berlusconi không có bệ phóng mạnh mẽ từ lúc mới sinh ra. Mọi thứ do ông tạo dựng sau này dù có sự giúp đỡ từ người cha nhưng chủ yếu vẫn dựa vào khả năng "đánh hơi" nhạy bén cộng với nghệ thuật giao tiếp đến mức thượng thừa.

Ngay từ khi còn trẻ, Silvio hiểu rất rõ sức mạnh của tiền bạc. Năm 1954, ông bắt đầu đi học Luật tại trường Đại học Milan. Những lúc rảnh rỗi, ông xoay sở mọi nghề để kiếm tiền, từ việc đi gõ cửa từng nhà một để chào bán bàn chải đánh răng điện cho đến sắm sửa đồ nghề để tập tọe làm nhiếp ảnh gia. Không chỉ thế, ông còn đi hát ở trên các tàu du lịch và chính nghề ca sĩ nửa mùa này đã ảnh hưởng tới thú vui khi về già của ông. Tích lũy được một số vốn và kinh nghiệm kha khá, Silvio bắt đầu nhảy sang lĩnh vực bất động sản, tất nhiên chỉ là một nhân viên cò con nhưng nó tạo tiền đề cho các thương vụ tương lai.

Năm 1961, Berlusconi tốt nghiệp Cử nhân Luật và nhờ một cách nào đó, ông trốn được nghĩa vụ quân sự. Thế là, người vừa học xong nghề luật đã tìm ra được cách để lách luật một cách hợp pháp. Đúng là một "tài năng lớn"! Kể từ đây, ông lao vào ngành bất động sản với tinh thần quyết tâm cao độ, tự đặt cược toàn bộ tài sản vay vốn ngân hàng và mua một mảnh đất để xây dựng ở Brugherio một khu chung cư kiểu mẫu với dân số khoảng 4.000 người. Năm 1965, khu chung cư đã sẵn sàng nhưng... không bán được cái nào. Thế rồi, bằng một phép màu, một quỹ hưu trí đã mua lại nó và đến giờ cũng không ai rõ nguyên nhân đằng sau của thương vụ này.

Có tiền, Berlusconi tiếp tục quay vòng vốn bất động sản. Với khả năng giao tế thiên tài, ông bắt mối được với rất nhiều nhân vật tai to mặt lớn và lên như diều. Kinh doanh đất cát thành công tạo điều kiện cho ông nhảy sang lĩnh vực mới: ngành công nghiệp quảng cáo và truyền hình. Năm 1973, TeleMilano ra đời. Sẽ rất nhanh, kênh truyền hình này tiến hóa thành Canale 5. Ở thời điểm ấy, nó chính là kênh truyền hình tư nhân đầu tiên của Italia. Nhưng Berlusconi luôn giấu mặt trong các thương vụ đình đám này. Đại đa số những nhân vật xuất hiện đều là những người thân cận của ông. Chỉ cho đến khi đế chế Fininvest chính thức ra đời, Silvio mới bước ra sân khấu ánh sáng. Kể từ lúc này, người ta đã

biết ông là chủ tịch của Fininvest.

Có một mối liên hệ rất mật thiết giữa Berlusconi và Galliani. Năm 1979, ông mời người thanh niên mặt mũi ủ dột đó tham gia vào đế chế của mình để phát triển Canale 5 trở thành kênh truyền hình quốc gia tư nhân đầu tiên. Canale 5 cạnh tranh quyết liệt và phá vỡ thế độc tôn của RAI. Chưa dừng lại ở đó, ông tiếp tục mua đài Italia 1 vào năm 1982 và Rete 4 vào năm 1984, tạo ra một mạng lưới truyền hình phủ sóng đến tận cùng lãnh thổ nước Ý.

Song khó khăn đã đến khi tòa án tuyên bố rằng việc ông sở hữu tới ba đài truyền hình cấp quốc gia là bất hợp pháp. Berlusconi vội vã cầu viện ông bạn Bettino Craxi. Vị Thủ tướng Italia đưa ra một nghị định mà người ta gọi là "Nghị định Berlusconi". Tuy nhiên, nó không được thông qua vì vi phạm Hiến pháp. Chẳng hề gì, Thủ tướng Craxi lần này ra một sắc lệnh, còn gọi là "Sắc lệnh Berlusconi" và đe dọa đồng minh rằng ông sẽ cho đi bầu cử sớm nếu không bỏ phiếu tán thành. Cuối cùng, tháng 2-1985, Sắc lệnh Berlusconi được thông qua và Fininvest chính thức trở thành đế chế truyền hình lớn nhất và duy nhất trên toàn Italia.

Vẫn chưa thỏa mãn ở đất nước mình, Berlusconi vươn vòi sang Pháp và thành lập kênh truyền hình La Cinq. Song đó là một thất bại đau đớn của Fininvest. Chính phủ Pháp đã chấm dứt hoạt động của La Cinq chỉ sau vài năm và Jacques Chirac, người sau này trở thành Tổng thống Pháp, đã mỉa mai Berlusconi là "gã bán xúp". Tiếp đó là một cuộc chiến dữ dội chào đón ông ở ngành xuất bản khi cạnh tranh với nhà tài phiệt Carlo De Benedetti để kiểm soát Mondadori.

Tuy nhiên, lúc này, Berlusconi đã có một mối bận tâm mới: quyền lực. Ngày 18-1-1994, ông thành lập Đảng Forza Italia, dựa theo khẩu hiệu Forza Milan, và bắt đầu tham gia tranh cử tại khắp các địa phương trên toàn quốc. Forza Italia liên minh với sáu đảng phái khác trong cuộc bầu cử năm 1994 và giành thắng lợi vang dội. Berlusconi cùng các đồng sự chiếm được 366/630 ghế tại Hạ viện và 156/315 ghế tại Thượng viện. Kết quả này đã đưa ông chính thức trở thành Thủ tướng Italia ở tuổi 57.

Thời kì "trăng mật" với chiếc ghế quyền lực nhất nước Ý chỉ kéo dài có 8 tháng. Một loạt các vụ bê bối khiến Berlusconi phải từ chức. Kế đó, ông bị điều tra bởi các cáo buộc tham nhũng và gian lận thuế. Ông mất tới 5 năm để chống lại các cáo buộc trên trước khi bắt tay lên kế hoạch quay trở lại chính trường. Ngày 15-5-2001, chỉ bốn ngày sau chiến thắng kinh hoàng 6-0 của

Milan trước Inter (lạ ghê?), liên minh của Berlusconi một lần nữa chiến thắng trong cuộc bầu cử và ông lần thứ hai trở thành Thủ tướng. Lần tại vị này kéo dài tới 5 năm và ông còn tiếp tục nắm quyền lực thêm lần thứ ba trước khi bị hất cẳng và chịu những lời buộc tội liên tiếp từ công tố trong thời gian tới.

Giờ chúng ta hãy đặt sự nghiệp kinh doanh và chính trị của Berlusconi sang một bên để trở lại thời điểm tháng 2-1986. Lúc ấy, Milan đang ở trong một thời kì hỗn loạn. Đội bóng từng hai lần vô địch châu Âu chỉ còn là một câu lạc bộ tầm thường ở Serie A. Berlusconi đến với Milan chính vào thời điểm đó. Ông chi tiền mua gần như toàn bộ cổ phần của đội bóng và nghiễm nhiên trở thành Chủ tịch. Mùa hè năm 1986, Berlusconi hiện diện trước mặt các cổ động viên Milan từ trên chiếc trực thăng của ông. Đó là một màn trình diễn hoành tráng mang đúng phong cách của Il Cavaliere. Chưa bao giờ có một vị chủ tịch câu lạc bộ bóng đá nào có thể tạo ra được độ mê ly và hào nhoáng đến vậy.

Đó chính là bước ngoặt cho lịch sử của Milan, lịch sử của Calcio và lịch sử của cả nền bóng đá. Tiền bạc đổ vào San Siro như nước. Milan đem về những ngôi sao tiềm năng và xuất sắc nhất thế giới để hợp cùng những tài năng trẻ của câu lạc bộ tạo thành một đội bóng vĩ đại. Nhưng còn hơn thế, Milan của Berlusconi đã đi trước thời đại, tạo ra một kỉ nguyên mới. Phòng họp báo biến thành nơi trình diễn và phô trương hình ảnh của đội. Các cầu thủ xuất hiện như những ngôi sao truyền hình. Milan trở thành một công cụ để kinh doanh, có mặt ở mọi hang cùng ngõ hẻm. Tháng 5-1989, khi các chuyên gia kĩ thuật Tây Ban Nha đình công, Berlusconi huy động nhân viên của ông bay sang tận Barcelona với đầy đủ máy móc, trang thiết bị để tường thuật trận chung kết Cup châu Âu giữa Milan và Steaua Bucharest ra toàn thế giới. Cùng với sự phát triển của công nghệ, Milan cũng trở thành đội bóng đầu tiên có kênh truyền hình của riêng mình và sau đó là sự ra đời của Milan Lab, một thành tựu vĩ đại của y học thể thao.

Có thể nói một cách công bằng như thế này, Berlusconi chính là người đã tạo ra một thế giới bóng đá hiện đại. Những gì các câu lạc bộ lớn nhất châu Âu đang làm chính là đi theo con đường ông đã khai phá và đặt những viên gạch đầu tiên làm nền móng. Vì thế, không chỉ là một nhân vật xuất chúng của Milan, Berlusconi còn là một trong những nhân vật quan trọng nhất lịch sử bóng đá. Ông là người thay đổi bóng đá.

Song phong độ của Milan cũng biến thiên theo sự quan tâm của Berlusconi. Ông yêu đội bóng theo cách riêng của mình, chẳng

giống ai cả. Thứ tình yêu đó đã khiến ông bay mất trung bình mỗi năm 50 triệu euro để bù lỗ cho câu lạc bộ. Ông chiều Milan như chiều một đứa con xinh đẹp và chưa từng đòi hỏi có được sự đáp lại về mặt tiền bạc. Cũng vì thế, khi tiềm lực tài chính của Berlusconi đi xuống, tỉ lệ nghịch với sự gia tăng về mặt tuổi tác, Milan đã sa sút và kết cục, ông buộc phải bán câu lạc bộ cho những người Trung Quốc.

Cuộc đời của Berlusconi là một cuộc đời đầy biến động. Ông vươn lên từ một anh chàng cử nhân luật bình thường, một ca sĩ hát rong để thành tỉ phú rồi sau đó là Thủ tướng. Ông là tấm gương phản chiếu xã hội của nước Ý, là một sự miêu tả đúng đắn về Milan. Nói một cách khác, Berlusconi chính là Milan trong những năm tháng ông gắn bó cùng câu lạc bộ...

Con cáo già bí ẩn

Vũ Hoàng (ACMilanVN)

-Họ và tên: Adriano Galliani

- Ngày sinh: 30-7-1944

- Quốc tịch: Italia

- Vị trí: CEO

- Danh hiệu:

• Vô địch Serie A: 1988, 1992, 1993, 1994, 1996, 1999, 2004, 2011

• Vô địch Coppa Italia: 2003

• Vô địch Supercoppa Italia: 1988, 1992, 1993, 1994, 2004, 2011

• Vô địch Cup C1/Champions League: 1989, 1990, 1994, 2003, 2007

• Vô địch Siêu Cup châu Âu: 1989, 1990, 1994, 2003, 2007

• Vô địch Cup Liên lục địa: 1989, 1990

• Vô địch Cup Thế giới các câu lạc bộ: 2007

Đó là ngày lễ Halloween năm 1979, khi Galliani đang ngồi trong văn phòng làm việc của mình, ông nhận được cuộc gọi từ một doanh nhân có cái tên lạ hoắc: Silvio Berlusconi. Lúc ấy, Galliani muốn mở rộng công ty của ông và đang phải vùi đầu tìm kiếm các đối tác từ Bologna. Người thương gia kì lạ này vô danh với ông nhưng lại có một sức hút thật mãnh liệt. Khi giọng ngọt ngào của ông ta cất lên, "Cậu phải đi với tôi, chúng ta sẽ cùng nhau tạo nên một kênh truyền hình đánh bại RAI", thì Galliani hoàn toàn đổ gục. Đấy chính là cuộc nói chuyện đầu tiên giữa vị vua và tể tướng

tương lai của AC Milan.

Mùa hè năm 1954, trên con đường lộng gió Địa Trung Hải từ Arenzano tới Genova, cậu bé 10 tuổi Adriano Galliani vươn mình ra khỏi cửa sổ xe bus để cảm nhận vị mặn của biển khơi. Một chuyến hành trình đầy mạo hiểm nhưng sức hút mãnh liệt từ trận chung kết World Cup đã làm cậu bé này quên đi tất cả. Ở thành phố Genova, cậu bé sẽ được xem tường thuật trận đấu từ một màn hình khổng lồ. Đó có lẽ là lần đầu tiên, một trận đấu bóng đá được phát sóng trực tiếp tại nước Ý trên một màn hình đủ để hàng chục nghìn người cùng theo dõi. Sức hấp dẫn ấy đã khiến Galliani một mình trốn gia đình đi vài chục kilomet chỉ để theo dõi được cuộc đối đầu huyền thoại giữa hai đội bóng vĩ đại, Tây Đức và Hungary. Tất nhiên, chúng ta cũng có thể tưởng tượng ra ông sẽ được đón chào bằng một cơn giận khủng khiếp đến thế nào khi trở lại khách sạn Mariuccia vào đêm khuya.

Bóng đá là niềm say mê của Galliani từ ấu thơ và ông kể lại rằng, hồi còn nhỏ, ông là fan của Juventus bởi ảnh hưởng của những người xung quanh. Nhưng Galliani không gắn bó cuộc đời với bóng đá ngay từ đầu. Ông chưa từng chơi bóng một cách thực sự trong những năm tháng tuổi trẻ. Đến năm 19 tuổi, ông tốt nghiệp chuyên ngành kiểm soát viên rồi chuẩn bị đi làm một nhân viên bình dị như cha mình. Ông dành 8 năm kế tiếp để làm nghề bán hàng ở Monza, tuy nhiên không thành công cho lắm. Cuộc sống thì khá là bế tắc. Chỉ cho đến năm 1975, Galliani đột nhiên phát hiện ra cơ hội của ông trong ngành truyền hình. Vào thời điểm này, sóng truyền hình màu đã bắt đầu xuất hiện, Galliani nhận ra rằng rồi đây, những hình ảnh hấp dẫn đầy màu sắc ấy chắc chắn sẽ trở nên phổ biến và thay thế cho hai màu đen trắng nhàm chán của kênh RAI.

Với cái mũi "đánh hơi" thính nhạy thiên tài, Galliani nhìn thấy vận hội mới của cuộc đời vốn đang khá tẻ nhạt của ông. Ông ngay lập tức thế chấp căn nhà để đầu tư tiền bạc mua đứt một công ty kinh doanh các thiết bị thu sóng truyền hình màu (tức công ty l'Elettronica Industriale) từ tay Ottorino Barbuti. Chỉ trong một thời gian ngắn, với sự giúp sức của Galliani bố, l'Elettronica Industriale phát triển nhanh chóng và Galliani con được xem như "Vua antenne" của vùng. Đó cũng chính là lúc Galliani hiểu rằng ông không chỉ giới hạn việc kinh doanh của mình ở Brienza. Ông muốn tên tuổi của mình phải hiện diện trong giới nhà giàu trên toàn quốc và đặt chân vào giới thượng lưu. Tham vọng của người đàn ông 34 tuổi này đã thúc đẩy việc tìm kiếm những nhân vật cỡ bự để có thể hợp tác suốt từ năm 1978 tới 1979. Và cái ngày

Halloween định mệnh như đã nói ở trên xuất hiện.

Cuộc điện thoại đó (và sau đấy là bữa ăn tối tại nhà Berlusconi) đã thay đổi cuộc đời Galliani. Kể từ đây, ông trở thành cánh tay phải của Silvio Berlusconi trên mọi lĩnh vực, kể cả chính trị, nơi mà ông từng thể hiện tham vọng ở tuổi thanh niên và chuốc lấy thất bại cay đắng. Berlusconi vô cùng hào phóng với Galliani khi đồng ý chia sẻ một nửa số cổ phần ở công ty mới thành lập. Cả hai đã nhận ra sự giống nhau kì lạ ở cả tham vọng kinh doanh lẫn tầm nhìn chiến lược. Bản hợp đồng ấy đã biến Galliani trở thành người duy nhất nắm giữ tới 50% cổ phần của một công ty con trong tập đoàn gia đình Berlusconi.

Năm 1980, Canale 5 chính thức phủ sóng toàn quốc. Đây là kênh truyền hình tư nhân đầu tiên ở Italia làm được điều này. Berlusconi đã thực hiện được bước đầu tiên trong kế hoạch thống trị của mình nhờ vào sự tin cậy từ cánh tay phải Galliani và công ty cung cấp thiết bị thu sóng của ông. Chỉ một thời gian ngắn, Canale 5 đã xuất hiện ở 90% số lượng ti vi toàn nước Ý, đe dọa thế độc tôn của kênh truyền hình RAI.

Giữa lúc đế chế Berlusconi bắt đầu vươn vòi ra khắp Italia thì Galliani nhận thêm một công việc mới. Mùa hè năm 1984, ở tuổi 40, Galliani nhận lời làm Phó chủ tịch câu lạc bộ Monza. Đây là một câu lạc bộ bóng đá lâu đời ở địa phương mà Galliani sinh sống. Nhưng nếu ai đó nghĩ rằng dưới sự quản lí của ông, Monza sẽ phát triển thì… nhầm to. Thực tế thì Monza trong hai mùa giải mà Galliani làm quản lí đã xuống dốc không phanh. Ban đầu, khi ông đến đây, câu lạc bộ còn xếp thứ 13 ở Serie B. Nhưng khi Galliani rời đi thì họ xếp thứ 20 và chui xuống tận Serie C1. Dù sao, chuyện này cũng chẳng đáng quan tâm với ông khi trước mắt ông là một thử thách tuyệt vời hơn thế rất nhiều: AC Milan.

Trong một bài viết mang tính tiểu sử về Galliani, nhà báo Scabar nhận định rằng giữa Berlusconi và Galliani có một mối quan hệ cộng sinh. Dường như, sự sôi nổi và ngạo nghễ của Berlusconi rất phù hợp khi bên cạnh ông là một nhân vật thần bí và kiệm lời, dù rằng thời kì đầu của đế chế tại Milan, các cổ động viên không hiểu người đàn ông hói đầu (hồi này ông mới chỉ bị hói), mặt mày trông hơi… ngốc đó đang làm việc gì. Nhưng chẳng sao, Galliani lặng lẽ hoàn thành mọi nhiệm vụ mà Berlusconi giao phó. Ông đem về cho San Siro sức sống mới đầy mãnh liệt bằng những bản hợp đồng Donadoni, Ancelotti, Gullit và Van Basten, tạo nên bộ khung thống trị bóng đá thế giới cho Milan. Thậm chí, chính ông đã đứng ra thuyết phục Berlusconi nên mang về Frank Rijkaard

theo yêu cầu của huấn luyện viên Arrigo Sacchi và hoàn tất "Dream Team" vào mùa hè năm 1988.

Milan đứng ở đỉnh cao thế giới cho đến tận năm 1995 với 5 lần vào chung kết Cup C1/Champions League trong 6 lần tham dự. Nhưng lúc ấy, đế chế đã bắt đầu có dấu hiệu suy tàn khi ông chủ của nó chú tâm vào chính trị nhiều hơn là bóng đá. Galliani lúc này hiện diện khắp nơi tại Milan. Ông thay mặt Berlusconi điều hành đội bóng, cố gắng tái cấu trúc lại một mô hình đã bắt đầu tỏ ra rệu rã. Mùa hè năm 1995, sau khi Milan thất bại trên mọi đấu trường, Galliani đã tận dụng mối quan hệ thân thiết với các quan chức Juventus để đưa Roberto Baggio về San Siro. Cùng với đó, George Weah, người lúc này đang là cầu thủ hay nhất thế giới, cũng cập bến với một cái giá dễ chịu. Đó là những bản hợp đồng đầu tiên đánh dấu tài năng đàm phán của Galliani, điều mà Milan rất cần trong những năm tháng khó khăn về tài chính sau này.

Mặc dù vậy, Galliani cũng chỉ là con người. Trong quãng thời gian dài điều hành câu lạc bộ, ông cũng mắc rất nhiều sai lầm. Đó là việc để cho Edgar Davids và Patrick Vieira ra đi với mức phí rẻ mạt, để rồi sau này họ trở thành những tiền vệ trung tâm hay nhất thế giới. Đó là việc đem về những cầu thủ khá… thừa thãi và vô dụng như một loạt những cái tên Reiziger, Bogarde, Andersson, Blomqvist, Ziege hay Mesbah, Dhorasso, Torres, Cerci… Không thể phủ nhận rất nhiều siêu sao đã vươn cao và giúp Milan vươn cao nhờ bàn tay chuyển nhượng thần kì của Galliani. Nhưng những bản hợp đồng "bom xịt" đó cũng góp phần khiến tài chính của Milan xấu đi rất nhiều. Hậu quả là trong những năm tháng cuối cùng của Galliani ở Milan, ông buộc phải giật gấu vá vai và mang về những cầu thủ làng nhàng hoặc những ngôi sao đã hết thời.

Tuy nhiên, tình yêu của Galliani với Milan lúc nào cũng đầy ắp. Năm 2017, sau khi Berlusconi bán Milan cho một doanh nhân bí ẩn người Trung Quốc, người ta vẫn thấy Galliani thấp thoáng trên khán đài VIP để lặng lẽ theo dõi Milan thi đấu. Ông đã trở lại. Nhưng không còn là một CEO oai hùng và đầy quyền lực như trước nữa. Đó chỉ còn là một ông già với cặp mắt rầu rĩ, mái đầu bóng loáng và chiếc cà vạt màu vàng quen thuộc ngồi ở một góc tối. Dù rằng, mỗi khi Milan ghi bàn hay bỏ lỡ cơ hội, ông vẫn không thể từ bỏ thói quen gào thét đến điên cuồng của mình. Như hơn 30 năm đã qua cùng đội bóng…

Nghị lực của Sacchi

Hiếu Đỗ (TTVH)

-Họ và tên: Arrigo Sacchi

- Ngày sinh: 1-4-1946

- Quốc tịch: Italia

- Vị trí: Huấn luyện viên

- Giai đoạn dẫn dắt Milan: 1987-1991, 1996-1997

- Danh hiệu:

• Vô địch Serie A: 1988

• Vô địch Supercoppa Italia: 1988

• Vô địch Cup C1: 1989, 1990

• Vô địch Siêu Cup châu Âu: 1989, 1990

• Vô địch Cup Liên lục địa: 1989, 1990

AC Milan luôn tự hào là một đội bóng lớn đã chiến thắng nhiều danh hiệu trong quá khứ, nhưng vào thời điểm đang suy thoái này, có lẽ họ phải lặp lại tinh thần của Arrigo Sacchi năm nào: Vươn lên từ dưới đáy, và lao động miệt mài để tìm lại vị thế của mình.

Phải, Arrigo Sacchi ngày nay là một cái tên lẫy lừng, nhưng khi tới Milan, ông được gọi là "Quý ngài không ai biết". Sacchi luôn phải đối diện với gốc gác khiêm tốn của mình trong thế giới thể thao, vươn lên từ vị trí thấp nhất để giành được sự tôn trọng của các cầu thủ; rồi sau này không chỉ vô địch những danh hiệu bóng đá cao quý nhất mà còn xây dựng Milan thành tập thể vĩ đại nhất.

Bản thân Sacchi trở thành nhà truyền giáo số 1 trong lịch sử câu lạc bộ, người vận dụng xuất sắc các học thuyết từ Ajax, thay đổi tinh thần yếm thế của bóng đá Italia.

Sacchi sinh ra trong một gia đình kinh doanh giày. Cha ông có một nhà máy sản xuất giày, và ông có một người anh trai tên Gilberto làm công việc bán giày. Không may, anh trai mất sớm trong một tai nạn xe hơi, khiến Sacchi phải làm thay. Nó là công việc đầu tiên tạo điều kiện cho Sacchi tiếp xúc với… bóng đá, hình thành những suy nghĩ mang tính cách mạng về bóng đá, được ông áp dụng sau này.

"Tôi chưa bao giờ là một cầu thủ đẳng cấp thế giới, nhưng như tôi luôn nói, để làm một người nài ngựa, không nhất thiết bạn phải từng trở thành một con ngựa", Sacchi nói trên World Soccer năm 2011, "Tôi không quên gốc gác của mình ở nhà máy giày. Trải nghiệm ấy giúp tôi hình thành cá tính và thái độ làm việc chuyên nghiệp sau này, thứ mà tôi cũng truyền đạt lại cho học trò. Không có nó, tôi sẽ không nhìn ra những điều đẹp đẽ".

Vì công việc của Gilberto là tiếp thị giày, nên khi thay thế anh trai, Sacchi phải đi khắp châu Âu để kiếm hợp đồng. Ban đầu, ông không hào hứng lắm, nhưng càng ngày việc đó lại càng có lợi. Tầm nhìn chiến thuật của Sacchi được hình thành khi ông dành thời gian đi xem bóng đá khắp lục địa, từ Đức, Hà Lan, Bỉ đến các quốc gia khác và suy ngẫm. Trước đó nữa, ông đã rất ngưỡng mộ Ajax của Rinus Michels và Brazil của Pele Vô địch Thế giới năm 1970.

Sacchi cũng làm cầu thủ và chơi ở vị trí hậu vệ. Nhưng đương nhiên, ông là cầu thủ vô danh. Giải nghệ ở tuổi 23, ông nhận thấy không thể bước vào thế giới bóng đá đỉnh cao của Calcio với công việc bán giày. Sacchi xin làm huấn luyện viên ở đội bóng địa phương Barcacca Lugo, vì… không đủ trình độ chơi cho họ. Ông gặp chút vấn đề trong việc bắt cầu thủ… nghe mình nói, vì như ông kể lại: "Tôi 26 tuổi, thủ môn của tôi 39 tuổi, còn tiền đạo thì đã 32". Ít tuổi hơn, Sacchi không thể cứ thế làm thầy. Việc này lặp lại ở các đội bóng Cesena ở Serie B, khi Sacchi làm việc ở vị trí huấn luyện viên đội trẻ, ở Rimini tại giải Serie C1, Fiorentina, Parma và sau đó là Milan.

Trong ba năm đầu làm huấn luyện viên, Sacchi không có lương. Ở năm đầu tiên làm việc tại AC Milan, lương của ông thấp hơn khi làm việc tại Serie B cho Parma. Sacchi nhận được công việc tại Milan nhờ hai lần dẫn dắt Parma đánh bại đội bóng này tại Coppa Italia. Ông chỉ dám kí hợp đồng một năm để dễ… thoái lui nếu

thất bại. Khi dẫn dắt những trận đầu tiên của Milan, một đội bóng từng vô địch châu Âu những năm 1960, tức là có lịch sử hào hùng hơn hẳn những tập thể mà Sacchi trước đó đã dẫn dắt, ông thú nhận cảm thấy căng thẳng, bị stress liên tục dẫn đến chứng đau dạ dày và mất ngủ kinh niên. Có một thời gian, cầu thủ gọi ông là "Valium", bởi ông có thói quen không ngủ vào đêm thứ Bảy, tức là buổi tối ngay ngày diễn ra trận đấu.

Thử tưởng tượng khi bạn khởi nghiệp với chút kinh nghiệm ít ỏi trong tay, hoàn toàn vô danh trong lĩnh vực của mình, và quản lí một tập thể đắt giá với nhiều cá tính lớn, bạn phải làm gì để kiểm soát tình hình? Sacchi rơi vào trạng thái như vậy đấy. Học trò của ông từ năm 1987 có Ruud Gullit cực kì hoang dã, Marco van Basten lạnh lùng nhưng cũng có cái tôi lớn, đội trưởng Franco Baresi rất ít nói nhưng lãnh đạo bằng hành động. Khi mới đến Milan từ Ajax, Van Basten hỏi phóng viên: "Sacchi là ai vậy, các anh có biết không?" Ruud Gullit tới Milan như một ngôi sao giải trí, có cảnh sát hộ tống và được chào đón bởi hàng trăm người. Bản lí lịch của Sacchi chẳng "lòe" được ai.

Ông chọn cách làm việc. Sacchi thuyết phục cầu thủ qua công việc. "Là một người cầu toàn, tôi luôn yêu cầu rất cao ở học trò của mình, nhưng tôi cũng chắc chắn họ đánh giá cao đam mê công việc của tôi", Sacchi nói. "Lắm lúc mọi người cho rằng tôi bị ám ảnh bởi công việc, nhưng đơn giản, tôi đang tập trung hết sức vào việc của mình, và có lẽ đó là bí mật thành công duy nhất. Từ lúc bắt đầu ở Bellaria đến Parma rồi Milan, tôi nghĩ về các học thuyết bóng đá và chiến thuật 24 giờ mỗi ngày."

Có một giai thoại vẫn được kể lại. Một ngày nọ, Sacchi chia đội hình Milan làm hai, đội tấn công và đội phòng thủ. Đội công có 10 người, gồm cả Gullit và Van Basten. Đội thủ chỉ có 5 người, gồm hàng thủ đá chính là Tassotti, Baresi, Costacurta và Maldini, do chính Sacchi dẫn dắt. Nhiệm vụ của đội công là ghi bàn vào lưới đội thủ trong vòng 15 phút. Nếu đội thủ giành được bóng thì đội công phải bắt đầu lại với quả bóng từ bên phần sân của mình. Kết quả: Đội công không ghi được bàn thắng nào.

Sacchi dùng cách này để thuyết phục cầu thủ nghe lời lí thuyết của ông: Một đội bóng tổ chức tốt hơn vạn lần một tập hợp các ngôi sao rời rạc, vô tổ chức. Khi cầu thủ đã nghe lời rồi, Sacchi tha hồ áp dụng các bài tập khắc nghiệt của mình. Phải nói những gì Sacchi áp dụng khi ấy là rất mới mẻ. Một tay trinh sát viên nấp trong bụi rậm đã tá hỏa khi tới Milanello xem Milan của Sacchi tập, chứng kiến các cầu thủ cứ thế di chuyển trên sân mà… không

có bóng. Đấy là ông đang rèn cho cầu thủ tư duy di chuyển không bóng, thứ mà Sacchi cho rằng quan trọng hơn nhiều so với việc cầm quả bóng trong chân.

Paolo Maldini đến giờ vẫn phát hoảng với giáo án của Sacchi, và nói rằng mãi mãi không thể quên được những lời dạy của ông, vì nó in hằn trong đầu. Carlo Ancelotti, cánh tay nối dài của Sacchi trên sân bóng, hay các tay phóng viên Italia vẫn thích gọi là "Nhạc trưởng dàn nhạc của Sacchi", người mà Sacchi yêu cầu Silvio Berlusconi mua về để có người chỉ huy trên sân, thì sợ nhất "Gabbia". Nó là từ để chỉ một sân bóng được rào kín bốn phía xung quanh, kín cả trần, để quả bóng không lọt ra ngoài. Sacchi nhốt cầu thủ vào trong cái lồng ấy và bắt họ thi đấu với cường độ cao, vì cho rằng đó là cách duy nhất để họ đủ sức mạnh cơ bắp theo kịp các bài pressing toàn sân của ông. Sau khi Sacchi ra đi, "Gabbia" vẫn tồn tại ở Milanello như một "kỉ vật kinh hoàng" mà Sacchi để lại. Nhưng sau này khi Ancelotti làm huấn luyện viên của Milan, ông đã yêu cầu tháo dỡ nó.

Nói thì dễ thế thôi chứ làm việc với các "ông sao" chưa bao giờ là dễ dàng. Sau này, Sacchi luôn dành những lời lẽ tốt đẹp nhất cho Silvio Berlusconi, vì ngoài đầu tư, Berlusconi để Sacchi quyết định rất nhiều việc hệ trọng về chuyên môn. Khi Milan thua Fiorentina ở trận thứ hai trong triều đại Sacchi ở mùa giải 1987-88, Van Basten chỉ trích Sacchi rất ghê gớm. Nhưng nhờ ban lãnh đạo bật đèn xanh, Sacchi đã tống Van Basten lên ghế dự bị ở trận sau đó với Cesena, rồi quay qua nói: "Marco này, nếu cậu có khả năng điều khiển chiến thuật tốt, hãy ngồi đây cạnh tôi để chỉ ra cho tôi những sai lầm chiến thuật trong trận đấu". Van Basten đương nhiên cứng họng vì đòn hiểm này. Sacchi chỉ có thể làm thế nhờ Berlusconi đồng ý, cho dù những lần như vậy cũng không nhiều.

Ông buộc phải cực đoan và làm việc điên cuồng không chỉ để người đối diện phải nể mình và nghe lời mình, mà còn bởi thứ ông cần thay đổi không chỉ là Milan. Sacchi phải thay đổi cả tư duy bóng đá của người Italia, vốn trước đó cực kì thủ cựu với thứ bóng đá quá thiên về thủ. Có lần Mark Hughes, cựu tiền vệ của Manchester United, gặp Sacchi ở một sự kiện, tò mò hỏi: "Ông làm thế nào mà yêu cầu được cầu thủ của mình xông lên phía trên thay vì lùi xuống". Sacchi trả lời: "Tôi biết các đội bóng Italia thường có xu hướng phòng ngự và đá phản công, nhưng đội bóng của tôi thực thi một cách đá khác. Tôi cảm thấy tự hào vì đã thay đổi được tư duy của họ. Chúng tôi cố gắng thay đổi tinh thần của bóng đá Italia và bắt đầu cuộc cách mạng của mình, nhưng ban đầu, chúng tôi thất bại vì có rất ít đội thay đổi như chúng tôi. Sử

dụng lối chơi tấn công không chỉ để chiến thắng mà còn để đá đẹp. Mặc dù thời gian đầu, Milan bị chỉ trích rất ghê gớm ở Italia, nhưng nhiều người nước ngoài đánh giá cao phong cách bóng đá của câu lạc bộ".

Vì Sacchi khác người nên ông buộc phải dữ dội và làm đến cùng để ra thành quả, không thể làm nửa vời. Những yêu cầu của Sacchi thời đó như khoảng cách các tuyến đối đa 25m, pressing tầm cao liên tục, cầu thủ phải toàn năng để chơi được mọi vị trí trên sân, bóng đá là tư duy thay vì thể lực, phòng thủ khu vực... đều rất phổ biến ở thời đại này nhưng chỉ có Sacchi cho ra thành quả rõ rệt bằng hình ảnh Milan thời đó để nói chuyện với hậu thế.

Tất cả những gì Milan làm trên sân đều đã được tập đến phát chán, ngay cả một pha phối hợp tưởng là ngẫu nhiên giữa Frank Rijkaard với Marco van Basten ở chung kết Cup C1 năm 1990 thắng Benfica. Khi Van Basten bị kèm chặt, Sacchi lệnh cho anh di chuyển xuống để kéo theo sự đeo bám của các trung vệ. Rijkaard băng vào khoảng trống Van Basten để lại để ghi bàn duy nhất của trận đấu. Franco Baresi bảo rằng nó đã được ghi trong sổ tay của Sacchi. Sacchi nói rằng pha đó được tập 30 lần trước trận chung kết.

Thứ mà Sacchi để lại không chỉ là một "tư tưởng chết", kiểu như Catenaccio của Nereo Rocco, thứ bóng đá gần như sẽ không thể phục dựng nguyên bản được nữa. Sacchi để lại một tư tưởng có thể tiếp tục được phát triển về sau này. Người thay thế ông là Capello cũng giành được vô số vinh quang với hệ giá trị mà Sacchi để lại. Những gì chúng ta chứng kiến ở Barcelona của Pep Guardiola, Bayern của Jupp Heynckes, rồi Man City và Ajax ở giai đoạn này chính là sự kế thừa tư duy bóng đá Sacchi để lại. Ông không chỉ dạy các học trò, mà còn là thầy của những người thầy, khi những học trò xuất sắc nhất của ông sau này như Carlo Ancelotti, Marco van Basten, Frank Rijkaard, Ruud Gullit, Roberto Donadoni... đều làm huấn luyện viên và ít nhiều chịu ảnh hưởng từ ông.

Sau khi dẫn dắt Barcelona đánh bại Man United ở chung kết Champions League 2011, Pep Guardiola nhắn tin cho Sacchi: "Chỉ ông mới có thể hiểu được những gì chúng tôi vừa làm". Những người như Pep hay Sacchi thật sự vượt xa vai trò của các huấn luyện viên đơn thuần, mà trở thành những nhà tư tưởng bóng đá, và nhà truyền giáo.

Nghị lực của Sacchi, thứ được đề cập ở đầu bài, cũng là giá trị mà

AC Milan đang cần nhất ở giai đoạn này, khi đã sa sút và trở về gần với điểm đáy, giống như khi được Silvio Berlusconi mua lại những năm 1980. Đương nhiên, họ cần một nhà đầu tư để có những cầu thủ chất lượng hơn, nhưng họ phải nhớ là những người như Sacchi đã gây dựng đội bóng từ thời kì hỗn loạn hơn nhiều, khi những giá trị truyền thống bị lãng quên và Milan đã trở thành cánh chim tiên phong tìm ra con đường mới cho mình và cả làng bóng đá Italia.

Không phải những triết lí cao siêu mà sự chăm chỉ và thái độ làm việc của những người đang cống hiến cho câu lạc bộ vào lúc này mới là thứ đội bóng cần tìm lại nhất, trước khi nghĩ về những danh hiệu và hành trình tìm lại hào quang đã mất. Chẳng phải Sacchi đã nói hay sao: “Chăm chỉ, đó là bí quyết thành công duy nhất của tôi”.

Vũ điệu Hồ Thiên Nga

Vũ Hoàng (ACMilanVN)

-Họ và tên: Marcel van Basten

- Ngày sinh: 31-10-1964

- Quốc tịch: Hà Lan

- Vị trí: Trung phong

- Số lần khoác áo đội tuyển quốc gia: 58 (24 bàn)

- Số lần khoác áo Milan: 201 (125 bàn)

- Danh hiệu:

• Vô địch Serie A: 1988, 1992, 1993

• Vô địch Supercoppa Italia: 1988, 1992

• Vô địch Cup C1: 1989, 1990

• Vô địch Siêu Cup châu Âu: 1989, 1990

• Vô địch Cup Liên lục địa: 1989, 1990

• Vua phá lưới Serie A: 1990, 1992

• Chiếc Giày Vàng châu Âu: 1985

• Quả Bóng Vàng châu Âu: 1988, 1989, 1992

• Cầu thủ xuất sắc nhất thế giới của FIFA: 1992

• Cầu thủ xuất sắc nhất thế giới của World Soccer: 1988, 1992

Đã có ai từng xem vở ballet vĩ đại “Hồ Thiên Nga”?

Nhẹ nhàng! Mềm mại! Bay bướm!

Và ngập tràn cảm xúc. Tựa như những cánh thiên nga bên bờ hồ phương bắc.

Và anh cũng chơi bóng như thế, với đôi chân uyển chuyển như múa trên sân khấu, vượt qua lớp lớp hậu vệ của đối phương và tung ra một cú sút đầy lãng mạn. Cả sân vận động như nổ tung, còn anh, nở nụ cười hiền hậu trong vòng tay chia vui của đồng đội.

Tháng 8-1995, anh khập khiễng bước vào phòng họp báo, đưa mắt nhìn các ký giả đang ngồi xung quanh chờ đợi và nói: "Tôi có một tin báo cho các vị. Tin rất ngắn. Tôi sẽ từ giã sân cỏ, kể từ ngày hôm nay". Cả căn phòng xôn xao và khắp nơi vang lên những tiếng "ồ" đầy tiếc nuối, dù rằng mọi người đều biết anh đã phải nghỉ thi đấu để chữa trị vết thương suốt hai năm rưỡi qua. Vậy là tiền đạo xuất chúng nhất kể từ kỉ nguyên của Johan Cruyff - "Thiên Nga Trắng" Marco van Basten sẽ không còn bay trên những thảm cỏ xanh nữa. Và giờ đây, người ta chỉ còn biết xem lại cuốn phim về những hình ảnh của anh trong quá khứ, bắt đầu từ ngày anh chỉ là một cậu bé, ôm quả bóng da để bước vào những giấc mơ thơ ấu.

Đó là một cuốn phim tài liệu về cậu bé với khuôn mặt bầu bĩnh, mỗi khi đi ngủ đều mang theo quả bóng bên mình. Có rất nhiều câu chuyện kiểu thế để nói về tình yêu bóng đá của Marco. Anh lớn lên từ Utrecht, một thành phố xinh đẹp với những ngôi nhà đủ màu sắc, với những con thuyền nhỏ trôi dọc dòng kênh, luồn qua những chiếc cầu đầy lãng mạn. Utrecht rất đẹp. Và sau này, người con vĩ đại của nó cũng chơi bóng đẹp như thế, bất chấp chấn thương mắt cá dai dẳng đồng hành và ám ảnh anh suốt chiều dài sự nghiệp.

Một lí do thần bí nào đó đã khiến cho cha mẹ anh gọi anh bằng cái tên "Marco" thay vì "Marcel", một cái tên đậm chất... Italia. Thật kì diệu khi anh được người Italia yêu mến vô cùng và cũng là cầu thủ nước ngoài thứ hai, sau Michel Platini (thực ra, Platini có tới 3/4 dòng máu là người Ý), được vinh danh vào Bảo tàng Bóng đá Italia. Bỏ qua những tiểu tiết đó, Marco bắt đầu tập luyện bóng đá từ rất nhỏ và nhanh chóng trở thành một hiện tượng. Năm 1976, khi chứng kiến Marco dẫn bóng trên sân, Leo Beenhakker, lúc ấy là huấn luyện viên đội trẻ của Feyenoord ngay lập tức muốn đem cậu bé 12 tuổi này về. Nhưng ông đã bị từ chối thẳng thừng. Người cha của Marco muốn tiếp tục rèn giũa cho con trai mình

trong yên bình thêm một thời gian nữa, trước khi đủ trưởng thành để đối mặt với bão táp của cuộc đời. Đó chắc chắn là điều tiếc nuối bậc nhất trong lịch sử của Feyenoord, đội bóng đầu tiên của Hà Lan vô địch châu Âu.

Những ghi chép về chiều cao của Marco cho ra một con số đầy ấn tượng. Anh cao 1m86 với một thể hình lí tưởng. Nhưng khi còn niên thiếu, chiều cao của anh thấp hơn khá nhiều bạn bè đồng trang lứa. Và sự duyên dáng trong lối chơi của cậu bé Marco bắt đầu đến từ chính chiều cao khiêm tốn của mình, sự thanh lịch và nhẹ nhàng như thiên nga đập cánh. Mùa hè năm 1981, Marco từ đội bóng địa phương gia nhập lò đào tạo Ajax. Ở tuổi 16, anh cao nhanh một cách bất thường và tăng thêm 20cm chỉ sau một mùa hè. Marco trẻ tuổi đã sẵn sàng cho sự nghiệp phía trước.

Cuốn phim ấy đưa chúng ta quay trở lại ngày 3-4-1982, trong trận đấu giữa Ajax Amsterdam với câu lạc bộ Nijmegen, một chàng thanh niên 17 tuổi cao lớn bước vào sân thay thế cho một huyền thoại - Johan Cruyff. Anh bước ra sân đầy tự tin, ghi bàn ngay trong trận ra mắt và bắt đầu lao vào thế giới bóng đá đầy sôi động. Sau này người ta mới nhận ra, đó là cuộc chuyển giao thế hệ giữa hai cầu thủ vĩ đại nhất mà bóng đá Hà Lan đã từng sản sinh. Cả hai đã cùng nhau thi đấu trọn vẹn mùa giải 1982-83, nơi mà Marco học hỏi thêm từ bậc tiền bối vô vàn kinh nghiệm quý giá. Bước chuyển mình đến ngay ở mùa giải tiếp theo, khi chưa tròn 20 tuổi, Marco đã có 28 bàn thắng cho Ajax chỉ trong 26 trận đấu tại giải vô địch quốc gia. Chưa đủ để Ajax bảo vệ danh hiệu nhưng Marco đã trở thành Vua phá lưới. Anh sẽ còn tiếp tục đoạt danh hiệu Vua phá lưới trong ba mùa giải còn lại tại Hà Lan trước khi trở thành huyền thoại Serie A sau đó.

Cuốn phim ấy lại đưa chúng ta đến ngày diễn ra trận chung kết Cup C2 năm 1987. Trên sân vận động Olympic tại Athens, chàng trai 22 tuổi đeo băng đội trưởng, dẫn toàn đội Ajax bước ra sân đối mặt với Lokomotiv Leipzig. Marco ghi bàn ngay ở phút 21, bàn thắng duy nhất của trận đấu. Ajax đã có chiếc Cup châu Âu thứ 4 trong lịch sử, 14 năm sau thế hệ vĩ đại của Johan. Nhưng không nhiều người biết, đó là thời điểm bắt đầu có những trục trặc ở mắt cá chân của anh, bởi trước đó vài tháng, các bác sĩ đã chụp và thấy xuất hiện những vấn đề. Marco đã bỏ qua tất cả, anh không muốn xa rời sân cỏ và đã quay trở lại luyện tập điên cuồng cùng đồng đội để đưa Ajax đến đỉnh vinh quang.

Và cuốn phim sẽ cho chúng ta thấy một khoảnh khắc diệu kì. Đó là Euro 1988, nơi anh lần đầu tiên dự một giải đấu lớn trong cuộc

đời, là nơi anh biến nước Đức trở thành sân khấu cho vũ điệu thiên nga lãng mạn của mình. Marco chạy xuống sát đường biên ngang, nhận đường chuyền của đồng đội và tung ra cú volley phi thường ở một góc sút không thể hẹp hơn, đóng đinh thủ môn vĩ đại Rinat Dassaev, giúp Hà Lan đăng quang ngôi vô địch châu Âu. Một danh hiệu ngọt ngào cho người thủ lĩnh Rinus Michel. Một bàn thắng vĩ đại mà đến giờ, người ta vẫn không thể giải thích nổi.

Cuối cùng, cuốn phim sẽ phản chiếu những năm tháng hào hùng mà anh đem lại cho AC Milan với các bàn thắng đẹp mê hồn từ đôi chân của một nghệ sĩ ballet. Những năm tháng ấy không "thuận buồm xuôi gió" ngay từ đầu. Anh đã phải ngồi ngoài trong sáu tháng, đau khổ chứng kiến các đồng đội thi đấu. Mùa giải đầu tiên của Marco với Milan là ác mộng. Anh di chuyển từ phòng khám này tới bệnh viện khác, danh sách các bác sĩ cứ mỗi lúc lại một dài thêm ra. Cho đến tháng 4-1988, Milan vẫn đang phải miệt mài đuổi theo Napoli của Maradona, Arrigo Sacchi quyết định tung anh vào sân. Một bàn thắng ngay lập tức được thực hiện. Milan vượt qua Empoli, tạo lợi thế trước đối thủ trực tiếp Napoli và tiếp tục tiến lên để giành Scudetto.

Vinh quang vẫn sẽ được tiếp nối với 2 chiếc Cup C1 liên tiếp. Cùng với đó là những bàn thắng siêu việt từ đôi chân thiên tài của Marco. Cuối năm 1991, anh xung đột với huấn luyện viên Sacchi về vấn đề chiến thuật khi muốn được sáng tạo và tự do hơn trong cách chơi. Hai người đã đến gặp Berlusconi và Chủ tịch Milan lựa chọn Marco. Anh ngay lập tức đền đáp bằng một phong độ phi thường, giúp Milan đoạt Scudetto 1992 còn bản thân trở thành Vua phá lưới Serie A và Cầu thủ xuất sắc nhất thế giới.

Nhưng đó là nét chấm phá tuyệt đẹp cuối cùng của Marco. Vài ngày sau khi lần thứ 3 đoạt Quả Bóng Vàng ở tuổi 28, anh quay trở lại… bệnh viện để tiếp tục điều trị chấn thương mắt cá. Bốn tháng sau đó, anh đá trận chung kết Champions League 1993 khi tự nhận mình chỉ còn 60% phong độ. Milan bị Marseille vượt lên. Marco tung ra một cú sút cực mạnh song Fabien Barthez đã đẩy được bằng những đầu ngón tay. Anh nén đau tiếp tục chiến đấu và khi Fabio Capello gọi ra khỏi sân, anh đã quay lại, nói như muốn khóc, "Thưa ngài, hãy cho tôi thêm 5 phút nữa". Phút 86, anh tập tễnh rời khỏi đường biên trong nỗi buồn vô hạn. Milan thua và đó là trận đấu cuối cùng của "Thiên Nga Trắng"…

Ngày anh bước trên thảm cỏ San Siro, giơ cao tay để nói lời từ biệt, hàng vạn cổ động viên gào thét tên anh. Trên băng ghế huấn

luyện, Capello sắt đá lặng lẽ lau nước mắt. Con thiên nga đã không thể bay lên nữa. Chỉ còn lại hình ảnh mềm mại và uyển chuyển trong tim mỗi Milanista. Cho đến tận bây giờ...

Người khổng lồ với bước chạy thủy tinh

Vũ Hoàng (ACMilanVN)

-Họ và tên: Ruud Gullit/Rudi Dil

- Ngày sinh: 1-9-1962

- Quốc tịch: Hà Lan

- Vị trí: Tiền vệ/Tiền đạo

- Số lần khoác áo đội tuyển quốc gia: 66 (17 bàn)

- Số lần khoác áo Milan: 171 (56 bàn)

- Danh hiệu:

• Vô địch Serie A: 1988, 1992, 1993

• Vô địch Supercoppa Italia: 1988, 1992, 1994

• Vô địch Cup C1: 1989, 1990

• Vô địch Siêu Cup châu Âu: 1989, 1990

• Vô địch Cup Liên lục địa: 1989, 1990

• Quả Bóng Vàng châu Âu: 1987

• Cầu thủ xuất sắc nhất thế giới của World Soccer: 1987, 1989

“Phụ nữ dù sinh ra ở đâu cũng giống nhau. Cô ấy hỏi bạn: ‘Em nên lấy chiếc váy này hay chiếc kia?’ Bạn trả lời: ‘Chiếc này’, và thế là cô ta lấy… chiếc váy còn lại. Sự khác nhau giữa đàn ông và phụ nữ còn ở chỗ, khi bạn đang đánh chén ngấu nghiến như một con lợn thì cô ta lại hỏi: ‘Anh thấy đồ ăn này ra sao?”. Đó là lời bình phẩm

hóm hỉnh của Gullit về một nửa thế giới. Nhưng anh có yêu phụ nữ không? Câu trả lời là có. Anh yêu phụ nữ như trái bóng vậy (Gullit lập gia đình tới ba lần và có cả tá tình nhân). “Khi Gullit tung ra một đường chuyền, có thể thấy anh ấy yêu trái bóng đến mức nào” - Alan Hansen, người vô địch 3 Cup C1 châu Âu đã nói về tình yêu của Gullit với bóng đá như thế.

Quyển Từ điển và lịch sử bóng đá có ghi lại câu chuyện thế này. Khi được phóng viên hỏi về lí do tại sao mình không gia nhập Ajax, bất chấp việc được sinh ra và lớn lên ở Amsterdam, Ruud Gullit đã lúc lắc mái tóc sành điệu của mình và trả lời hài hước, “Đơn giản thôi! Đó là vì nhà tôi ở phía tây còn trung tâm huấn luyện của Ajax ở mãi tận phía đông thành phố”. Ai mà tin nổi đấy là lí do chính chứ! Rõ ràng, anh đã lang bạt hết đội này sang đội khác mà không bao giờ thèm để ý đến lời tán tỉnh từ các tuyển trạch viên Ajax.

Gullit có một tình bạn đầy keo sơn với Frank Rijkaard. Tình bạn này bắt đầu từ hai người cha, ông George Gullit và Herman Rijkaard. Hai ông bố gốc Surinam đều có con với những người phụ nữ Hà Lan và cùng nhau di chuyển sang Amsterdam để bắt đầu cuộc sống mới. Ruud và Frank chào đời cùng trong tháng 9-1962, một người sinh vào ngày đầu của tháng, người kia vào ngày cuối cùng. Cả hai lớn lên cùng thành phố nhưng không chơi bóng cùng đội cho đến tận năm 26 tuổi. Chính bởi lí do có phần “củ chuối” mà Gullit đã nói ở trên: anh không thích Ajax.

Ruud là một chàng trai cực kì mạnh mẽ. Với dòng máu da đen chảy trong huyết quản, anh dễ dàng xây dựng cho mình một vóc dáng đồ sộ, hợp với chiều cao lên tới 1m91, trông anh giống như một người khổng lồ bước ra từ các câu chuyện anh hùng cổ đại. Cũng như rất nhiều đứa trẻ đồng trang lứa, bài học bóng đá đầu tiên của anh đến từ đường phố. Anh cũng dung nạp vào đầu mình những “lời dạy” từ đám thiếu niên: không bao giờ được phép gục ngã. Những tiểu xảo và cả sự thăng bằng đáng ngạc nhiên của anh trui rèn trên mặt đường nhựa Amsterdam. Và nó đã làm các tuyển trạch viên của đội bóng khiêm tốn DWS phải cảm thấy sững sờ khi hiện diện trước họ là một viên ngọc thuần chất và sắp sửa sáng bóng.

Tất cả mọi người chứng kiến Gullit thi đấu đều ngả mũ khâm phục. Anh có thể chơi tốt ở bất cứ vị trí nào trên sân, trừ thủ môn và hậu vệ cánh. À thì dù anh chạy cũng rất nhanh nhưng có vẻ vị trí ở bên cánh làm thui chột đi ít nhiều cảm hứng. Mà đối với Gullit, cảm hứng là rất quan trọng để chơi bóng.

Theo các câu chuyện được kể lại, Ruud đã quyết định đổi sang họ Gullit của cha, thay vì mang họ Dil của mẹ "cho giống một cầu thủ bóng đá hơn". Không khó khăn để sau này chúng ta biết được tại sao Gullit lại "ghét" Ajax. Thực tế, như nhiều đứa trẻ ở Hà Lan, anh cũng mong muốn được khoác áo đội bóng này. Nhưng buổi thử việc tại trung tâm của Ajax mang lại cho anh một nỗi xấu hổ: anh bị trượt. Vậy là tài năng bóng đá da đen vĩ đại nhất lịch sử Hà Lan lủi thủi ra về trong nỗi buồn vô hạn. Nỗi buồn đó sẽ còn đeo đuổi anh đến mãi sau này, khi anh trở thành cầu thủ dưới 16 tuổi hay nhất nước. Lúc ấy, Ajax mới nhận ra tài năng của anh. Họ đã đến, chìa ra một bản hợp đồng đầy quyến rũ. Và Gullit quyết định chọn… Harleem.

Năm 1982, Ruud tiếp tục tiến lên nấc thang mới. Lần này, anh về Feyenoord. Những thành công đến nhanh chóng. Anh cùng Feyenoord đoạt cú đúp quốc gia ở mùa giải 1983-84. Nhưng khó khăn đã bắt đầu kéo tới. Với màu da của anh, huấn luyện viên Feyenoord, ông Thijs Libregts gọi anh là "nhóc da đen lười biếng", sau đó, ông ta xin lỗi và giải thích đó chỉ đơn thuần là một cái nickname. Bất chấp điều ấy, Ruud vẫn nổi khùng. Cơn giận của anh lên đến đỉnh điểm khi anh tới Scotland để đấu một trận thuộc Cup UEFA, các cổ động viên St Mirren đã la hét, thậm chí nhổ nước bọt xuống sân mỗi khi anh chạy qua trước mặt họ.

Mang cơn giận từ Rotterdam, Ruud tới PSV và nhanh chóng trở thành người hùng. Anh cùng đội bóng đoạt hai danh hiệu vô địch quốc gia liên tiếp, còn bản thân anh lúc này đã được xem như là cầu thủ hay nhất châu Âu. Chứng kiến phong độ hủy diệt của Ruud, Nils Liedholm tất tả chạy tới gặp Chủ tịch Milan Berlusconi và nói, "Cậu ta rất giống Falcao. Đó là một cầu thủ tuyệt vời và mạnh mẽ, có thể chơi ở mọi vị trí". Berlusconi rất quyết đoán, gọi ngay Galliani đến và ra chỉ thị, "Đem cậu ta về cho tôi".

Lúc ấy, Boniperti đang ra sức lôi kéo Ruud về Juventus. Nhưng ông ta vẫn chưa tin tưởng lắm vào khả năng hòa nhập Serie A của anh và ra đề nghị sẽ mua đứt rồi gửi anh cho Atalanta một mùa để… làm quen môi trường. Galliani thì nhanh gọn hơn nhiều. Con cáo già của Milan đáp xuống Hà Lan và ngay lập tức quẳng một vali tiền cho PSV cùng lời hứa hẹn sẽ để Gullit thành chủ công cho Rossoneri. Đó chính là bản hợp đồng kỉ lục thế giới vào năm 1987, chính thức phá vỡ kỉ lục cũ của Diego Maradona 3 năm về trước.

Khi đặt chân đến trụ sở Milan ở đường Turatti, người dẫn đường chỉ cho anh xem một bức ảnh của Gianni Rivera. Ruud hỏi lại, "Ai đây?". Một phong cách rất ngạo mạn. Và phong cách đó sẽ còn

theo anh cho đến khi anh giải nghệ, dù là ở đỉnh cao vinh quang hay khi đã xuống dốc vì những chấn thương dai dẳng. Cuối năm 1987, Gullit đoạt Quả Bóng Vàng châu Âu. Maradona xỉa xói rằng sở dĩ anh làm được điều đó vì có sức mạnh từ truyền thông, nơi mà Berlusconi đang làm trùm. Ngay đầu năm sau, Milan gặp Napoli tại San Siro, Ruud và đồng đội đã tàn sát đối thủ không thương tiếc với tỉ số 4-1. Anh mỉa mai Diego, "Anh còn cần thêm gì không?", và mặc kệ câu trả lời, anh lại tiếp tục phô diễn sức mạnh trước Napoli một lần nữa, lần này là tại San Paolo bốn tháng sau - chiến thắng quyết định Scudetto 1988 với bàn thắng từ cú đánh đầu có thể được mô tả bằng hình ảnh một chiếc búa đập xuống sàn với một lực tương đương 3.000 Newton!

Milan và Ruud vươn lên đỉnh cao châu Âu chỉ một năm sau đó. Anh lập cú đúp trong chiến thắng 4-0 lung linh của Milan tại trận chung kết và tiếp tục chiến thắng thêm lần nữa vào năm sau. Song những mầm mống của mâu thuẫn đã bắt đầu nổ ra. Sự ngạo nghễ của Ruud được Sacchi chấp nhận và yêu quý. Nhưng Berlusconi lại thích vẻ thanh lịch của Van Basten và Rijkaard hơn. Anh to tiếng với chủ tịch câu lạc bộ và sau khi thua Marseille ở chung kết Champions League 1993, đã quyết định sang Sampdoria. Sau một mùa giải, Berlusconi gọi anh về dù đôi chân của anh lúc này đã bắt đầu mong manh vì những chấn thương dai dẳng. Anh chỉ đá cho Milan có 8 trận và rồi quay lại Genova trước khi đặt chân phiêu lưu tới Premier League. Trong màu áo Chelsea.

Là một vận động viên cường tráng nhưng xuyên suốt sự nghiệp, Ruud đã phải đối mặt với cái đầu gối của mình. Anh phải lên bàn mổ năm lần vì nó và cũng vì thế, không bao giờ phát triển tài năng hết mức có thể. Song anh chưa một lần than phiền về đôi chân thủy tinh. Đối với anh, một cuộc chiến khác còn đáng quan tâm hơn nhiều: chống nạn phân biệt chủng tộc.

Những kỉ niệm cay đắng khi còn ở Feyenoord đã dần tạo cho Ruud tư thế của một con nhím sẵn sàng xù lông khi đối diện với những lời lẽ miệt thị màu da của anh. Năm 1987, sau khi nhận giải Quả Bóng Vàng, Ruud tuyên bố anh dành tặng nó cho Nelson Mandela, người anh hùng chống phân biệt chủng tộc, lúc này đang bị giam cầm tại Nam Phi. UEFA rúng động và rất nhiều người nghĩ rằng anh sẽ bị tước bỏ danh hiệu này. Nhưng anh lờ tịt, không thay đổi quyết định của mình và sau này, trong một buổi lễ trang nghiêm, đã cầm chiếc tượng vàng đó trân trọng trao lại cho Mandela đúng như những gì anh nói.

Những huyền thoại của Milan luôn đặc biệt như vậy đấy!

Nhạc trưởng dàn hợp xướng

Hiếu Đỗ (TTVH)

-Họ và tên: Carlo Ancelotti

- Ngày sinh: 10-6-1959

- Quốc tịch: Italia

- Vị trí: Tiền vệ

- Số lần khoác áo đội tuyển quốc gia: 26 (1 bàn)

- Số lần khoác áo Milan: 160 (11 bàn)

- Giai đoạn dẫn dắt Milan: 2001-2009

- Danh hiệu:

• Vô địch Serie A: 1988, 1992, 2004

• Vô địch Supercoppa Italia: 1988, 2004

• Vô địch Cup C1/Champions League: 1989, 1990, 2003, 2007

• Vô địch Siêu Cup châu Âu: 1989, 1990, 2003, 2007

• Vô địch Cup Liên lục địa: 1989, 1990

• Vô địch Cup Thế giới các câu lạc bộ: 2007

“Carlo là người rất tốt, người đàn ông chưa bao giờ, và không bao giờ có rắc rối với bất cứ ai” - Arrigo Sacchi. Chẳng ai hiểu Carlo Ancelotti bằng Arrigo Sacchi. Sacchi là người đưa Ancelotti về Milan, khi Carletto là cầu thủ của Roma ở tuổi 28, là người dạy Ancelotti những bài vỡ lòng về huấn luyện, trong thời gian hai người là thầy - trò ở Milan và cộng sự trên đội tuyển Italia trong giai đoạn dự World Cup 1994. Những gì ông nói bên trên là súc

tích và chuẩn xác nhất về Ancelotti: Người đàn ông có sự tinh tế trong việc phát hiện các vấn đề chiến thuật và luôn cư xử như một quý ông.

Sacchi đưa Ancelotti về Milan năm 1987 khi mới tiếp quản câu lạc bộ. Ông cần một "nhạc trưởng cho dàn nhạc" của mình, và Ancelotti là mảnh ghép duy nhất còn thiếu. Người ta kể rằng thời ở Roma, Ancelotti đã bắt đầu gặp các vấn đề với cái đầu gối của mình, nhưng Sacchi không bận tâm đến chuyện đó. Cái ông cần không hẳn là một dũng sĩ ở khu vực giữa sân, mà là một cầu thủ thật thông minh, có khả năng truyền đạt các ý tưởng của Sacchi đến các đồng đội.

Cầu thủ thông minh nhất trên sân thường là tiền vệ trung tâm. Ancelotti chưa bao giờ kiêu ngạo đến mức tự nhận mình là thông minh, nhưng đã có lần ẩn ý rằng ông cũng là người thi đấu bằng đầu óc. "Tôi có thể kể ra các tiền vệ toàn người thông minh đây này: Andrea Pirlo, Xabi Alonso, Thiago Motta, Didier Deschamps. Tất cả các tiền vệ đều biết tư duy", Ancelotti nói trong cuộc trò chuyện với Simon Kuper của tờ Financial Times. Cần nhớ rằng đội hình Milan khi ấy toàn anh hùng hào kiệt. Nhưng Ruud Gullit không có sự điềm tĩnh của Ancelotti, Roberto Donadoni và Angelo Colombo giàu tốc độ, thích hợp hơn nếu chơi lệch cánh. Sacchi cần một người "cố định" ở trục giữa để chỉ huy cả dàn nhạc, không cần nhanh, không cần mạnh, có thể có một cái đầu gối nhiều thương tích, nhưng phải biết tư duy.

Để tả lại một cầu thủ Ancelotti thì sẽ thế nào, bạn có thể lên Youtube xem qua vài video có chất lượng hình ảnh không được tốt lắm. Nhưng nhìn chung, các nhà chuyên môn đánh giá Ancelotti là mẫu regista cổ điển của bóng đá Italia. Tức là ông có tầm nhìn tốt, không chuyền dài quá nhiều như Andrea Pirlo sau này và cũng không dâng cao để áp chế đối phương kiểu của Xavi, nhưng là người có khả năng điều tiết tuyệt vời. Ngoài ra, Ancelotti biết sút xa. Bàn thắng từ sút xa hạ Real Madrid ở lượt về trận bán kết Champions League 1988-89 mà Milan thắng đối thủ 5-0, cho đến giờ vẫn là một trong những dấu ấn đậm nét nhất của "Ancelotti - cầu thủ" trong kỉ nguyên của Milan.

Vai trò của Ancelotti khi ấy thì rất rõ nhưng sử sách thường hay nhắc đến Bộ Ba Hà Lan Gullit, Van Basten, Rijkaard hoặc hàng thủ siêu cường của những Tassotti, Baresi, Costacurta, Maldini. Cũng dễ hiểu thôi, Ancelotti không phải một cuộc cách mạng như những nhân tố kể trên, nhưng vai trò của ông thì không thể xem nhẹ. Một cách đơn giản nhất: Ông chỉ huy tất cả những người kể

trên. Ông không phải người đội trưởng trên sân như Baresi, hoặc hùng hổ thúc giục đồng đội xung quanh như Gullit, mà ông kết hợp họ lại. Ông là chất keo gắn kết cả tập thể, bằng một cách nào đó, dung hòa những phẩm chất rất khác biệt của những người khác trong đội, để làm hoàn chỉnh cỗ máy Milan của Sacchi.

Phải có phẩm chất khác thường để làm việc đó. Triết lí của Sacchi có những đòi hỏi rất khắt khe và mới mẻ với khả năng di chuyển không bóng của tập thể. Sacchi muốn giữa các tuyến có khoảng cách không quá 25m, tất cả các vị trí trên sân đều phải biết di chuyển không bóng, hiểu được phận sự của mình. Trong lối chơi đó, một tiền vệ như Ancelotti đóng vai trò cực kì quan trọng vì ông sẽ chỉ huy cách vận hành của cả đội bóng, dâng lên khi cần pressing tầm cao, lùi xuống khi cần phòng ngự, tăng tốc nếu đội bóng cần bàn thắng và hạ nhịp độ xuống nếu đang cần giữ thành quả.

Mùa 1987-88, Ancelotti chơi thấp nhất trong hàng tiền vệ hình kim cương của Sacchi, bên trái là Colombo, bên phải là Donadoni. Mùa 1988-89, Milan chiêu mộ Rijkaard từ Sporting Lisbon và cách vận hành thay đổi một chút: Rijkaard đá cặp tiền vệ trung tâm với Ancelotti, đội hình chuyển sang 4-4-2 với hàng tiền vệ "phẳng". Và đây là hệ thống hoàn chỉnh: Rijkaard không chỉ tăng sức mạnh cho tuyến giữa mà còn hỗ trợ Ancelotti nhờ khả năng di chuyển linh hoạt. Cũng là công của toàn đội, vì sau một mùa, toàn bộ đội hình đã hiểu rõ những gì Sacchi muốn. Họ nhận thức không gian tốt hơn, khoảng cách đội hình được duy trì và đội bóng như một cỗ máy trong giai đoạn đỉnh cao.

Tám năm ở Roma là thời gian vừa đủ để nhào nặn nên một "regista" Ancelotti toàn vẹn các kĩ năng và Ancelotti có thể ở lại đội bóng mà ông cũng rất yêu cho đến cuối sự nghiệp. Nhưng cho dù thăng tiến về chuyên môn, có một thứ Ancelotti luôn đau đáu ở thời điểm ấy mà chỉ Milan mới đáp ứng được: các danh hiệu. Roma cho ông 1 Scudetto ở mùa giải 1982-83, cùng 4 Coppa Italia nhưng vẫn là ít so với tham vọng của Ancelotti. Ông đã chọn không lầm: 2 Scudetto, 1 Siêu Cup Italia, 1 Siêu Cup châu Âu, 1 Cup Liên lục địa và đặc biệt, 2 Cup C1 châu Âu chỉ trong 5 mùa giải với Milan là thành quả mĩ mãn mà bất cứ cầu thủ nào cũng ao ước. Cũng phải nói thêm là ở giai đoạn đó, Roma mua Lionello Manfredonia và Rudi Voeller, đó là hai thương vụ "vung tay quá trán". Họ buộc phải bán bớt cầu thủ để cân bằng ngân sách. Ancelotti là một lựa chọn.

Ancelotti kể rằng vào mùa hè 1987, khi ông đang nằm nghỉ bên

bãi biển ở Sardinia, Tổng thư kí của Roma, Roberto Borgogno, gọi điện cho ông và bảo: "Cậu đã bị bán. Hãy trở lại Rome ngay, tôi sẽ cho cậu một địa chỉ và cậu đến gặp người điều hành phía Milan". Địa chỉ đó là Palazzo al Velabro, một khách sạn ở Rome. Ancelotti nhận chìa khóa, mở cửa phòng. Trong đó có Adriano Galliani, lần đầu tiên ông được gặp. Galliani nói rất nhiều nhưng đọng lại là những câu tham vọng: "Chúng tôi muốn vô địch Italia năm tới và chơi ở Cup châu Âu, chúng tôi muốn vô địch châu Âu trong vòng 2 năm nữa và năm thứ 3 sẽ là Cup Liên lục địa". Ancelotti ù tai. Galliani đưa cho ông điện thoại, đầu dây bên kia là Silvio Berlusconi. Ông chủ tịch Milan lặp lại những mục tiêu tham vọng mà Galliani đã nói sau khi hỏi thăm Ancelotti để chắc chắn rằng cái đầu gối của ông đã ổn. Cho đến thời điểm đó, Ancelotti chưa từng gặp hay nói chuyện với Sacchi. Nhưng sau này như Sacchi kể lại, chính ông tha thiết yêu cầu Berlusconi mua Ancelotti về.

"Tôi đã chọn đúng thời điểm gia nhập Milan", Ancelotti nói trong một cuộc phỏng vấn với Four Four Two. "Đó là một đội thật sự, thật sự tuyệt vời. Chúng tôi thi đấu dưới trướng một huấn luyện viên biết chính xác thứ chúng tôi cần là gì. Arrigo Sacchi tạo ra một thứ bóng đá mới ở thời điểm đó, tổ chức lại đội bóng chúng tôi và dạy chúng tôi cách thể hiện bản thân mình. Tôi cũng có mối liên hệ rất tốt với Paolo Maldini và Franco Baresi, nhưng Sacchi là chìa khóa".

Sacchi thật sự là lựa chọn hữu hiệu cho sự nghiệp cầu thủ của Ancelotti. Câu ông nhớ nhất trong buổi tập đầu tiên tại đội bóng mới: "Các cậu đến đây để tập luyện, không phải đi nghỉ". Giáo án của Sacchi thật sự là một cuộc cách mạng và nặng chưa từng có. Nhiều cầu thủ kể rằng, cứ sau mỗi buổi tập, họ chỉ có nước bò lên cầu thang để trở lại phòng. Sacchi có một thứ gọi là "Gabbia" (cái lồng). Đó là một sân bóng bịt kín để bóng không bật ra ngoài. Ông rèn luyện thể lực cho cầu thủ bằng cách ném họ vào sân bóng ấy và cứ thế, trận đấu được vận hành mà không bị ngắt quãng. Nhắc lại sân bóng ấy là Ancelotti tái mặt. Sau này khi làm huấn luyện viên Milan, chính ông ra lệnh dỡ bỏ "kỉ vật" của Sacchi ở Milanello. Nhưng nó mãi hằn sâu vào kí ức của Ancelotti, và ông cũng phải cảm ơn "Gabbia" đã giúp cái đầu gối không còn là cản trở trong những năm đỉnh cao sau đó.

Một cầu thủ thông minh thường sẽ là một huấn luyện viên giỏi. Ancelotti có hai người thầy dẫn dắt ông đi theo nghiệp huấn luyện viên, người đầu tiên là Nils Liedholm, huấn luyện viên của Roma, và người thứ hai là Sacchi. Chúng ta dùng chữ "thầy" ở đây không phải vì hai người kể trên đã dạy dỗ Ancelotti trong các lớp

học của họ. Họ dạy Ancelotti hằng ngày và với một người nhạy bén như ông, thế là quá đủ.

Ancelotti góp nhặt kinh nghiệm từ những câu chuyện hằng ngày khi làm cầu thủ, rồi sau này làm huấn luyện viên, ông sử dụng lại một cách có chọn lọc. Một ví dụ đơn giản thế này. Nils Liedholm thường rất hay pha trò với bác sĩ của Roma trong phòng thay đồ trước các trận đấu, kể thật nhiều chuyện cười để họ bớt căng thẳng. Sau này khi làm huấn luyện viên, Ancelotti thường kể chuyện cười trước khi đội của ông đá các trận Champions League. Hoặc Liedholm dạy Ancelotti cách đối xử với cầu thủ như những người đàn ông trưởng thành. "Tôi biết nhiều huấn luyện viên sẽ nói 'Cậu phải làm thế này vì tôi yêu cầu thế'. Tôi không hiểu sao họ lại làm như vậy." Lớn lên từ những trang trại xanh mướt ở vùng Emilia-Romagna, Ancelotti biết cách tĩnh lặng để nắm tâm can người khác. Những bài học thế này cộng hưởng với sự nhạy cảm trong con người biến ông sau này trở thành một huấn luyện viên "đắc nhân tâm". Đi đến câu lạc bộ nào Ancelotti cũng được yêu mến, mà như Sacchi sau này nói về học trò: "Hắn là một con tắc kè hoa!". Khi Ancelotti rời Milan năm 2009, chấm dứt kỉ nguyên huy hoàng cùng AC Milan với 2 Champions League và 1 Scudetto, nhiều cầu thủ đã khóc.

Không thể gọi Ancelotti là người kế tục các tư tưởng bóng đá của Sacchi, nhưng việc học có chọn lọc từ Sacchi để áp dụng vào con đường huấn luyện sau này thì chắc chắn có. Ban đầu, Ancelotti còn máy móc mô phỏng y nguyên sơ đồ 4-4-2 với hàng tiền vệ phẳng của Sacchi trong những năm tháng dẫn dắt Parma, nhưng khi hệ thống ấy khiến những cầu thủ của ông như Zola hay Roberto Baggio bức bối, ông đã thay đổi. Sơ đồ chiến thuật phục vụ con người thay vì ngược lại.

Ancelotti cũng nhận thức được rằng, ông không thể làm việc như một con nghiện như Sacchi, sau khi chứng kiến Sacchi dốc sức làm việc cho đội tuyển Italia và rồi sau đó không thể thành công ở các tập thể khác được nữa, vì dường như những tinh túy nhất đã dồn lại Milan. Ancelotti quyết định sống đúng với những gì ông muốn: làm việc 3-4 năm liên tục rồi nghỉ ngơi. Như giai đoạn bị Bayern sa thải, ông đã biến mất khỏi thế giới bóng đá một thời gian trước khi trở lại Napoli. Ancelotti rất thích câu nói của Liedholm: "Huấn luyện viên là nghề tuyệt nhất trên thế giới nếu không có các trận đấu". Liedholm dạy ông cách đối phó với áp lực trong nghề huấn luyện, còn Sacchi dạy ông gần như mọi thứ về chuyên môn.

Cho dù có đi đâu và làm gì, Ancelotti mãi mãi là một người con của đội bóng Đỏ-Đen. Ông không sinh ra tại Milan, không trưởng thành ở Milanello, không cống hiến quá nhiều năm cho màu áo ấy, nhưng ông là chiếc gạch nối đáng yêu nhất mà Milan may mắn sở hữu trong lịch sử của mình, một nhân chứng thành công trong cả vai trò cầu thủ lẫn huấn luyện viên. Ông còn mang chất Milan ấy đi khắp thế giới, và luôn biết cách để người khác yêu mến mình, như màu Đỏ-Đen không bao giờ bị trộn lẫn dù phông nền phía sau nó có thế nào. Milan mãi mãi yêu ông, và ông là lịch sử.

Chiến binh sắt đá

Alex Nguyễn

-Họ và tên: Franklin Edmundo Rijkaard

- Ngày sinh: 30-9-1962

- Quốc tịch: Hà Lan

- Vị trí: Tiền vệ/Hậu vệ

- Số lần khoác áo đội tuyển quốc gia: 73 (10 bàn)

- Số lần khoác áo Milan: 201 (26 bàn)

- Danh hiệu:

• Vô địch Serie A: 1992, 1993

• Vô địch Supercoppa Italia: 1988, 1992

• Vô địch Cup C1: 1989, 1990

• Vô địch Siêu Cup châu Âu: 1989, 1990

• Vô địch Cup Liên lục địa: 1989, 1990

• Quả Bóng Đồng châu Âu: 1988, 1989

• Cầu thủ xuất sắc nhất Serie A: 1992

“The only thing you can control in your life is how you response to your life” - câu nói nổi tiếng của diễn viên huyền thoại Morgan Freeman mà chúng ta có thể tạm dịch là “Điều duy nhất bạn có thể làm chủ trong cuộc sống này là cách mà bạn sẽ phản ứng lại khi biến cố xảy ra”. Kì lạ thay, đó dường như cũng là câu nói dành cho cuộc đời của huyền thoại Frank Rijkaard, người đứng lên từ những nghịch cảnh, những lời miệt thị, kẻ lì lợm mà trong đó chữ

bỏ cuộc dường như không tồn tại trong ngôn ngữ của chàng trai da màu nhập cư đến từ Suriname này.

Sự nghiệp của Rijkaard bắt đầu tại Ajax trong những năm đầu của thập niên 1980. Dưới cái bóng thành công quá lớn của đoàn quân Johan Cruyff, áp lực của Ajax trong giai đoạn này là vô cùng lớn. "Chúng ta không thể chiến thắng được nếu trong đội hình là những chàng học việc như Rijkaard" - huấn luyện viên Aad de Mos mỉa mai Rijkaard sau thất bại của Ajax trước Celtic. Ajax thậm chí còn muốn tống khứ Rijkaard khi chào bán anh với giá rẻ mạt cho Groningen. Áp lực trong những năm đầu sự nghiệp của Rijkaard là vô cùng khủng khiếp, anh được xem là biểu tượng đi xuống của bóng đá Hà Lan sau những năm tháng thăng hoa cùng huyền thoại Johan Cruyff. Thứ áp lực từ truyền thông và sự trông đợi dường như thái quá từ người hâm mộ dành cho những ngôi sao chưa tròn 20 tuổi đã từng giết chết biết bao tài năng trẻ của bóng đá thế giới. Nhưng dường như với Rijkaard, nó chỉ là năng lượng, là chất xúc tác để anh có thể bộc lộ được hết những gì tinh túy nhất của mình.

Bản lĩnh mạnh mẽ trong con người Rijkaard trỗi dậy, anh không cho phép bất kì sự mỉa mai, chế nhạo nào làm mình gục ngã. Sự thông minh trong di chuyển và xử lí tình huống đã luôn là những gì tốt nhất của Rijkaard. Cái anh thiếu trong những năm đầu của sự nghiệp là nền tảng thể lực và khả năng tranh chấp 1 đối 1 được yêu cầu cực cao trong triết lí bóng đá tổng lực của Hà Lan.

Rijkaard lao vào tập luyện như một chiến binh, anh đáp lại sự khinh miệt của huấn luyện viên De Mos bằng một thái độ cầu thị đến kinh ngạc - sẵn sàng chấp nhận mọi đòi hỏi từ ban huấn luyện để không ngừng cải thiện mình. Hai năm tiếp theo sau thất bại trước Celtic, anh đã biến mình trở thành một trong những tiền vệ trẻ giàu tiềm năng nhất của bóng đá châu Âu. Sự thông minh thể hiện trong từng pha bóng, trong cách anh phán đoán hướng phát triển bóng của đối phương để bóp nghẹt nó. Khả năng tranh chấp toàn diện và thoát pressing bậc thầy của Rijkaard khi kiểm soát bóng và nền tảng thể lực tuyệt vời được hòa quyện trong con người của chàng trai gốc Suriname. Từng là biểu tượng thất bại của nền bóng đá Hà Lan, Rijkaard cùng với Gullit và Van Basten đã phất cao ngọn cờ Hà Lan mà đỉnh cao là chức vô địch Euro 1988.

Tiếp sau thành công từ Euro 1988, nhà vô địch châu Âu đã cùng hai người đồng đội của mình viết tiếp câu chuyện cổ tích khi cùng nhau cập bến một trong những câu lạc bộ vĩ đại nhất của bóng đá thời bấy giờ - đội bóng sọc Đỏ-Đen thành Milano. Câu chuyện của

Rijkaard và AC Milan giống như hành trình của Johan Cruyff và Ajax - cả hai dường như từ lúc sinh ra đã có một mối duyên không thể tách rời. AC Milan đã tạo nên một trong những tiền vệ vĩ đại nhất trong lịch sử bóng đá thế giới và ở chiều ngược lại, những kì tích hào hùng của đội bóng sọc Đỏ-Đen không thể nào thiếu được hình bóng của chàng tiền vệ trung tâm có mái tóc xoăn đặc trưng này.

Hãy tưởng tượng ở phía sau lưng bạn là Franco Baresi, Alessandro Costacurta, Mauro Tassotti và Paolo Maldini, phía trước bạn là cặp đôi tấn công thượng hạng Gullit và Van Basten, bạn sẽ phải luôn chơi với thứ bóng đá đỉnh cao nhất để trở thành trái tim, trung tâm vận hành của cỗ máy hoàn hảo đó. Bằng khối óc và sức mạnh đáng kinh ngạc của mình, Frank Rijkaard như chiếc động cơ vĩnh cửu không ngừng tiếp năng lượng cho người khổng lồ thành Milan nghiền nát mọi đối thủ trên con đường tiến tới ngôi vị đế vương của châu Âu trong hai mùa giải liên tiếp 1988-89 và 1989-90. Pha lao lên như một mũi tên xé toang hàng phòng ngự của Benfica, ghi bàn thắng duy nhất trong trận chung kết năm 1990 là một trong những khoảnh khắc mà bất kì một Milanista nào cũng không thể quên được. Rijkaard cùng Gullit và Van Basten không chỉ tạo ra những chiến công hiển hách, anh còn là người khai sinh ra vị trí mới trong từ điển bóng đá - "The Segundo Volante".

Vị trí Volante là một khái niệm rất mới trong những năm cuối thập niên 1980. Nhiệm vụ chính của một cầu thủ chơi ở vị trí này là bằng thể lực và kĩ thuật của mình tìm mọi cách thu hồi lại trái bóng ngay khi bị mất, bẻ gãy đợt tấn công khi nó mới bắt đầu, bằng nhãn quan chiến thuật của mình lập tức phát động phản công, rồi lao lên ngay phía sau tiền đạo để tạo thành "cơn sóng thứ hai" sẵn sàng tung ra những quả rocket xuyên thủng mành lưới của đối phương. Không phải ai cũng hiểu về vị trí này và tất nhiên rất hiếm cầu thủ trong lịch sử bóng đá thế giới trở thành huyền thoại khi chơi như một Volante thực thụ.

"Dunga, Desailly, Keane hay Viera đều là một Volante siêu việt, nhưng Frank Rijkaard đơn giản là người giỏi nhất" - tâm sự của huyền thoại Ronald Koeman.

Không những thành công trên sân bóng, phía sau đường pitch, Rijkaard cũng là người có công rất lớn khi đã nâng tầm Ronaldinho trở thành một trong những cầu thủ đáng xem nhất trong thế giới bóng đá hiện đại và đặt nền móng cho lối chơi tiki - taka trứ danh sau này. Rijkaard bằng tài năng thiên phú đã thổi

ngọn lửa đam mê cháy bỏng vào những nghệ sĩ sân cỏ như Deco, Ronaldinho và vực dậy con tàu đang đắm Barcelona mà đỉnh vinh quang là chiếc cúp vô địch Champions League năm 2006.

Nhưng trên tất cả, Rijkaard có một niềm tin mãnh liệt vào lớp cầu thủ trẻ mà tiêu biểu là bộ ba Xavi, Iniesta và đặc biệt nhất là cậu bé chỉ cao 1m69 Lionel Messi. Có lẽ sau những gì đã trải qua trong giai đoạn đầu của sự nghiệp, Rijkaard hiểu được rằng trách nhiệm của anh là phải trao cho những cậu bé ấy sự tin tưởng và niềm vui khi chơi với trái bóng tròn. Sau tất cả, bóng đá là một trò chơi và bạn chỉ có thể chơi thứ bóng đá tuyệt vời nhất khi xung quanh bạn là tình yêu và sự đùm bọc cho nhau như một gia đình. Rijkaard như là người cha, người thầy đã khai sáng và nâng tầm cả một thế hệ mà sau này khi nhìn lại, chúng ta phải thầm cảm ơn anh vì đã đặt niềm tin vào những chàng trai này.

Đáng ngạc nhiên trong kỉ nguyên của bóng đá tổng lực Hà Lan, Frank Rijkaard sẽ luôn được những trang sử hào hùng của bóng đá nhắc đến như là một trong những tiền vệ phòng ngự xuất sắc nhất, là chàng chiến binh dũng mãnh gai góc trong màu áo sọc Đỏ-Đen huyền thoại. Anh là viên gạch nối liền giữa hai thế hệ - bộ ba người Hà Lan Bay trứ danh và là người thầy dìu dắt nên tam giác ma thuật Xavi, Iniesta và Lionel Messi sau này, những con người đã mãi mãi thay đổi lịch sử và cách chuyển động của trái bóng tròn.

Người hùng trong im lặng

Vũ Hoàng (ACMilanVN)

-Họ và tên: Massimo Ambrosini

- Ngày sinh: 29-5-1977

- Quốc tịch: Italia

- Vị trí: Tiền vệ

- Số lần khoác áo đội tuyển quốc gia: 35

- Số lần khoác áo Milan: 489 (36 bàn)

- Danh hiệu:

• Vô địch Serie A: 1996, 1999, 2004, 2011

• Vô địch Coppa Italia: 2003

• Vô địch Supercoppa Italia: 2004, 2011

• Vô địch Champions League: 2003, 2007

• Vô địch Siêu Cup châu Âu: 2003, 2007

• Vô địch Thế giới các câu lạc bộ: 2007

"Tôi nghĩ có một chút gì cay đắng ở đây nhưng đó là điều hoàn toàn bình thường và chính đáng. Đối với tôi, tất cả mọi người làm việc ở Milan đều giống như gia đình. Milan đã cho tôi cơ hội được đến những sân vận động vĩ đại, được chơi với những người đồng hành tuyệt vời, được trở thành đội trưởng. Sự cay đắng đó không thể lớn hơn niềm vui sướng của một con người may mắn. Tôi rất hạnh phúc." Anh nói lời chia tay Milan vào giữa tháng 6-2013, ở tuổi 36. Chiến binh cuối cùng của một Milan vĩ đại cũng rời xa câu lạc bộ. Không ai có thể ngờ, đó là điểm bắt đầu cho một chương

đen tối khủng khiếp của Milan.

Ngày Max chia tay, tất cả mọi người, từ Chủ tịch Berlusconi, Tổng giám đốc Galliani, huấn luyện viên Allegri cho đến những người đồng đội của anh đều nghĩ đó chỉ là sự ra đi hết sức bình thường của một cầu thủ đã hết thời và phải vật lộn với những vết chấn thương đeo đẳng anh suốt sự nghiệp. Nhưng tất cả đã nhầm! Anh rời khỏi San Siro và linh hồn của Milan vĩ đại dưới triều đại Berlusconi cũng không còn nữa. Đội bóng bị đập tơi tả ở cả Serie A lẫn Champions League và đó là mùa cuối cùng cho đến thời điểm này (2019), Milan kết thúc mùa bóng trong top 3.

Sẽ có rất nhiều người cho rằng Max chưa xứng đáng là huyền thoại của Milan. Anh trải qua 18 năm cùng vô số những siêu sao khác và luôn đứng ở phía sau ánh hào quang của họ, dù rằng anh đã đoạt Scudetto với bốn huấn luyện viên khác nhau, đã vô địch châu Âu 2 lần và vô địch thế giới 1 lần cùng Milan. Anh là một người rất thầm lặng, ở trên sân, và ở cả ngoài đời. Như anh thú nhận, anh chỉ là một người bình thường lớn lên trong một gia đình bình thường. Anh không thích hội hè đình đám, tránh xa những tranh cãi ngoài sân cỏ và cố gắng tách bạch giữa công việc với cuộc sống riêng tư. Anh dạy các con của mình theo cách ấy và thậm chí, trong thời đại mạng xã hội vươn vòi đến tận cùng thế giới, anh vẫn chưa có tài khoản facebook hay twitter, do đó, hầu như chẳng bao giờ tương tác với các fan.

Nhưng sự thực, Max là một con người mang tâm hồn và gen của Milan. Anh đến San Siro ở tuổi 18, đã ở đây 17 mùa giải, đã nếm trải tất cả, từ những năm tháng Milan lăn lộn ở giữa bảng xếp hạng, bị những đội bóng cả lớn lẫn nhỏ bón hành cho đến khi quay trở lại đỉnh cao với những danh hiệu lớn nhất thế giới, rồi lại từ từ chìm vào đêm đen. Trong mọi hoàn cảnh đó, Max luôn chiến đấu hết mình mỗi khi xung trận. Được đá chính, anh sẵn sàng. Phải vào sân từ băng ghế dự bị, anh cũng chẳng bao giờ phàn nàn. Anh tự nhận mình thua kém những người bạn khác ở hàng tiền vệ, tự nguyện làm quân bài dự bị cho họ mà không một chút kêu ca. Người ta gọi đó là sự hi sinh.

Sự hi sinh đó thực sự rất cao cả, bởi Max đã từng là nhân vật trung tâm trong lối chơi của Milan. Về mặt kĩ năng, anh là tiền vệ toàn diện nhất của câu lạc bộ trong suốt 20 năm qua. Anh vừa có nhãn quan chiến thuật tốt, vừa có kĩ thuật khéo léo, vừa có thể lực sung mãn, lại biết cách hỗ trợ cả tấn công lẫn phòng ngự. Chính vì thế, Max có đủ khả năng chơi bóng ở mọi vị trí trên hàng tiền vệ và là quân bài lí tưởng của mọi huấn luyện viên Milan.

Khoảng thời gian từ năm 1998-2001, anh là người gần như không thể thay thế ở tuyến giữa của đội bóng. Song chấn thương khủng khiếp vào tháng 2-2001 đã lấy đi của anh mọi thứ. Dây chằng đầu gối trái của Max bị tổn thương. Anh phải ngồi ngoài tới 10 tháng và khi trở lại sân cỏ, anh đã không bao giờ lấy lại được phong độ và tài năng thực sự của mình, để rồi, kể từ ấy, anh dần chìm khuất dưới những vì sao khác tại San Siro.

Mùa hè năm 1995, người ta đã rỉ tai Fabio Capello, "Này sếp, tôi thấy có một chàng trai khá lắm. Cậu ta đang đá cho Cesena". Chàng trai ấy có mái tóc vàng và đôi mắt xanh biếc, đã chơi một mùa giải xuất sắc ở Serie B. Nó chưa đủ để Cesena thăng hạng nhưng là bệ phóng đưa anh ra ánh sáng. Và Capello không mất quá nhiều thời gian để mang anh về Milan với cái giá vẻn vẹn 2 triệu USD. Đấy là phần mở đầu cho một câu chuyện dài về Max…

Mùa hè năm 1998, Max trở lại Milan sau một năm rèn luyện tại Vicenza. Anh ngay lập tức được Zaccheroni tin cậy và trở thành đối tác lí tưởng của Albertini trên hàng tiền vệ. Ngày 2-5-1999, Max ghi bàn đầu tiên cho Milan, đặt viên gạch quan trọng trên con đường tiến tới Scudetto thứ 16. Mùa giải tiếp theo, anh khẳng định mình là tương lai của câu lạc bộ với phong độ rực rỡ, bất chấp sự sa sút của toàn đội và được tưởng thưởng bằng một suất tham dự Euro 2000 dù trước đó mới chỉ một lần khoác áo đội tuyển quốc gia.

Song chấn thương kinh hoàng năm 2001 đã thay đổi vĩnh viễn cuộc đời anh. Mất suất dự World Cup 2002 tưởng như đã nằm chắc trong tay. Và cũng mất luôn vị trí chính thức tại Milan vào tay các cầu thủ khác. Đó là quãng thời gian vô cùng cay đắng với Max. Anh liên tục phải chơi dự bị trong 5 mùa giải liên tiếp, giữa độ tuổi đỉnh cao nhất của cầu thủ, phải vá víu mọi lỗ hổng ở hàng tiền vệ và đôi khi, sẵn sàng chơi như một hậu vệ hoặc tiền đạo nếu cần. Nhưng tuyệt nhiên anh không bao giờ oán trách hoặc lên tiếng đòi ra đi. Sự hi sinh thầm lặng ấy là tiền đề để Milan ổn định phòng thay đồ và hướng tới chinh phục các danh hiệu.

Sự nhẫn nại nào rồi cũng có lúc được vinh danh. Sau Calciopoli 2006, huấn luyện viên Carlo Ancelotti quyết định xây dựng lại lối chơi. Ông chuyển sơ đồ 4-3-1-2 trở thành 4-3-2-1. Max được kéo ra đá chính trong sơ đồ 5 tiền vệ. Anh đã hiện diện trong gần như toàn bộ chiến dịch Champions League của Milan và trên con đường tiến đến ngôi vô địch, cùng với Gattuso, bóp nghẹt hàng tiền vệ của Manchester United trong một trận cầu kinh điển còn được nhớ mãi đến tận giờ.

Nhưng chấn thương chẳng bao giờ chịu rời xa anh. Sau ba mùa giải tương đối khỏe mạnh, Max tiếp tục bị những vết đau hành hạ. Từ bàn chân tới đầu gối, từ mắt cá tới khớp vai, từ cơ tới xương, anh ra vào Milan Lab như cơm bữa và năm nào cũng điều trị chấn thương ít nhất là hai tháng. Cơn bão chấn thương ập đến vào buổi hoàng hôn của Milan. Những công thần ra đi trong nước mắt. Chỉ còn anh ở lại, tiếp tục níu giữ ánh sáng cuối cùng của một thời vinh quang xưa cũ thêm một mùa giải nữa trước khi rời xa màu áo Đỏ-Đen vĩnh viễn.

Câu chuyện dài đầy vết đau và những giọt nước mắt nhưng cũng đầy nụ cười chiến thắng của Max đã khép lại bằng tấm thẻ đỏ trong trận đấu cuối cùng với Siena. Max bị đuổi khỏi sân nhưng Milan của anh đã thắng và giật được tấm vé dự Champions League trên tay Fiorentina. Đó là lần cuối cùng Milan-Berlusconi được dự giải đấu lớn nhất thế giới cấp câu lạc bộ.

Ngay cả khi chuẩn bị rời xa đội bóng, anh vẫn không bao giờ ngừng được tinh thần chiến đấu và sự hi sinh của mình… Max là như vậy đấy!

Sheva, nếu như anh không đi

Trà My (My Sheva)

-Họ và tên: Andriy Mykolayovych Shevchenko

- Ngày sinh: 29-9-1976

- Quốc tịch: Ukraine

- Vị trí: Tiền đạo

- Số lần khoác áo đội tuyển quốc gia: 111 (48 bàn)

- Số lần khoác áo Milan: 322 (175 bàn)

- Danh hiệu:

• Vô địch Serie A: 2004

• Vô địch Coppa Italia: 2003

• Vô địch Supercoppa Italia: 2004

• Vô địch Champions League: 2003

• Vô địch Siêu Cup châu Âu: 2003

• Quả Bóng Vàng châu Âu: 2004; Quả Bóng Đồng: 1999, 2000

• Vua phá lưới Serie A: 2000, 2004

• Golden Foot: 2005

Năm 1999, tin tức Milan mua được Shevchenko là cú nổ lớn trên trang nhất của mọi tờ báo thể thao uy tín ở châu Âu. 10 năm sau, báo chí chỉ dành cho Sheva một mẩu nhỏ ngắn ngủi trong mục "Tin vắn" thông báo việc anh trở về Kiev. Trong 10 năm đó, Sheva đã đi đến những đỉnh cao nhất và cũng chạm xuống đáy vực sâu

nhất của sự nghiệp. Cho đến tận bây giờ, vẫn có rất nhiều câu "Giá như..." được đặt ra: "Giá như ngày đó Sheva không rời khỏi Milan thì lịch sử của chính anh và Milan có lẽ đã được viết theo một cách rất khác". Nhưng lịch sử là điều không thay đổi được. Chúng ta vẫn phải chấp nhận rằng một buổi chiều mùa hè năm 2006, Andriy Shevchenko - một trong những tiền đạo xuất sắc nhất trong lịch sử Milan, người làm sống lại hàng triệu giấc mơ đã ngủ quên ở San Siro, rời khỏi chúng ta, khép lại 7 năm rực rỡ và huy hoàng trong màu áo Đỏ-Đen.

Bảy năm sự nghiệp của Shevchenko ở Milan không phải là một quãng đường dài nếu so sánh với những huyền thoại vĩ đại của San Siro như Paolo Maldini hay Franco Baresi, nhưng trong 7 năm ngắn ngủi ấy, anh đã đưa Milanista trải qua mọi cung bậc cảm xúc: niềm hân hoan hi vọng vào ngày anh đến, sự sung sướng vỡ òa hạnh phúc khi anh mang về chiếc Cup Champions League sau 9 năm dài đằng đẵng và nỗi buồn bã đến bàng hoàng ngày anh đi. Chỉ ba khoảnh khắc ấy thôi là đủ để anh ghi dấu ấn mãi mãi trong trái tim các Milanista.

Hãy bắt đầu bằng khoảnh khắc hạnh phúc đầu tiên: ngày chúng ta có được anh ấy. Tháng 8-1999, Adriano Galliani bước vào phòng họp báo của Milan, giới thiệu bản hợp đồng mới với cái tên được săn đón nhất châu Âu khi đó - Andriy Shevchenko. Không như cách anh lạnh lùng phá tan các mành lưới của Barcelona, Real Madrid ở Champions League, Shevchenko lúc ấy 23 tuổi, chào đón nước Ý với mái tóc vàng, gương mặt trẻ măng, điển trai với nụ cười ngượng nghịu và vẻ dễ mến thành thật của người Đông Âu.

Anh được miêu tả là một người "Ít nói, hơi bẽn lẽn, khiêm tốn và không giỏi ngoại ngữ". Alessandra Bocci - phóng viên tờ Gazzetta dello Sport, người luôn theo sát anh trong 7 mùa giải ở Milan vẫn luôn khẳng định: "Shevchenko không giỏi nói chuyện hay tạo ấn tượng kiểu Gattuso. Dù có chút ngượng ngùng, anh ấy vẫn toát lên sự tự tin. Anh ấy nói nhiều hơn thông qua các bàn thắng". Bocci đã đúng: bàn thắng là ngôn ngữ riêng của Shevchenko và cách anh làm nổ tung sân cỏ là câu trả lời ấn tượng hơn tất cả.

Không khó lí giải vì sao người Milan đặt nhiều kì vọng vào Shevchenko đến thế. Đã quá lâu rồi từ sau Van Basten, Milan mới có một chân sút xuất sắc và toàn diện đến vậy. Anh là Vua phá lưới Serie A ngay từ mùa giải đầu tiên với 24 bàn thắng và bất chấp việc đội bóng trắng tay trong ba mùa kế tiếp, người ta vẫn tràn đầy niềm tin rằng sẽ không phải chờ đợi quá lâu nữa cho một điều kì diệu, bởi một Milan vĩ đại đang dần thành hình, một

Dream Team đang được xây dựng.

Bắt đầu từ Shevchenko năm 1999, hai năm sau đó, Ancelotti trở về, cùng với Inzaghi, Pirlo, Nesta, Rui Costa, Seedorf và sau này là Kaka... Tất cả những cái tên ấy đã làm nên thời kì huy hoàng tiếp theo của Milan. Trong 6 năm từ năm 1996-2002, Milan chỉ có duy nhất 1 Scudetto. Cùng thời gian đó dưới thời Ancelotti với sơ đồ "cây thông" huyền thoại, Milan có tới 8 danh hiệu. Trước Milan, Shevchenko chỉ là "Shevchenko". Ở Milan, anh trở thành "Shevaaaaaa" vì người ta đã cả triệu lần hét thật to tên anh mỗi khi anh có bóng, mỗi khi anh ghi bàn. "Shevaaaaaaa" - Nếu có một từ điển của riêng Milanista, danh từ ấy chắc hẳn sẽ được định nghĩa là "Niềm vui sướng tột độ đến mức có thể bật khóc vì hạnh phúc", mà một trong những điều kì diệu nhất chính là ở "Nhà hát của những giấc mơ" vào đêm 28-5-2003 lịch sử, cú penalty tuyệt hảo ấy, ánh mắt của con linh dương săn mồi ấy... tất cả đã đi vào huyền thoại, để cho đến tận bây giờ, hay lâu hơn nữa, chúng ta vẫn sướng đến run người khi chứng kiến khoảnh khắc kì diệu đó - khoảnh khắc giấc mơ mất đến 9 năm mới trở thành sự thật. Một năm sau Champions League, Milan có Scudetto. Một năm sau Scudetto, Milan lại tiếp tục lọt vào trận chung kết Champions League. Những giấc mơ đẹp cứ tiếp nối nhau làm sống lại bầu không khí hân hoan lễ hội ở Milan trong suốt nhiều năm và hiển nhiên không ai muốn thức dậy.

Nhưng đôi khi người chúng ta yêu thương nhất cũng chính là người có quyền năng làm chúng ta tổn thương nhất. Shevchenko là người đưa Milanista đến tột cùng hạnh phúc, nhưng cũng chính anh đã đẩy họ đến đáy của nỗi buồn. Chỉ một năm sau cú penalty hỏng ăn trong trận chung kết điên rồ với Liverpool, khi nỗi đau chưa kịp nguôi ngoai thì buổi chiều ngày 26-5-2006, ngay trước thềm World Cup và cơn bão Calciopoli ập đến đánh dấu giai đoạn hoàng kim của bóng đá Italy sắp kết thúc, Sheva tuyên bố ra đi. Đó là khoảnh khắc cuối cùng và cũng là khoảnh khắc buồn nhất đọng lại trong trái tim các Milanista, giống như tấm ảnh anh quay đi, bỏ họ lại phía sau để bước vào màn sương mù.

Phần còn lại của màn sương mù là câu chuyện ai cũng nhớ nhưng ai cũng muốn quên đi. Bước ngoặt tưởng chừng như một nấc thang mới trong sự nghiệp lại trở thành cột mốc đánh dấu thời điểm vụt tắt của một vì sao và nó xảy ra chóng vánh đến nỗi khi người ta kịp nhận ra nó hủy hoại sự nghiệp của anh tệ hại đến mức nào thì gần như đã không thể cứu vãn được nữa. Sheva trầy trật và khổ sở ở Chelsea dù anh được Abramovich hết lòng ưu ái, đơn giản vì anh đã đến nơi không dành cho mình. Anh rời bỏ một

nơi chuộng kĩ thuật và chiến thuật để so găng với những đối thủ thiên về tốc độ, rời bỏ tập thể của những người chơi vì tập thể để chọn một nơi mà ai cũng có cá tính mạnh và muốn chiếm spotlight. Anh, một người bình lặng, ít chiêu trò và không giỏi giao tiếp, rời bỏ một nơi người ta chơi bóng đơn thuần là chơi bóng để đến một nơi mà sân cỏ không khác gì sàn diễn và đời tư của cầu thủ là miếng mồi ngon của truyền thông. Những người hiểu Sheva đã nhìn thấy trước thất bại của anh, nhưng Sheva, không nhạy bén như trên sân cỏ, nhận ra sự thật ấy muộn hơn.

Một năm sau khi anh rời San Siro, Milan vô địch Champions League. Một năm sau khi Milan vô địch Champions League, Sheva thất bại trong việc cùng đội bóng mới chinh phục danh hiệu này. Trò đùa của số phận, hay "Karma" như cách người ta vẫn gọi? Những người Milan có hả hê vì điều đó không? Tôi tin là không. Mặc dù họ lên án anh như một kẻ phản bội, giận dữ khi thấy anh chớp mắt đã hôn lên chiếc áo màu xanh của Chelsea, trong họ vẫn trào lên cảm giác xót xa cho một thần tượng lớn ở San Siro. Bằng chứng là họ vẫn hân hoan như được sống lại một lần nữa khi anh trở lại Milan mùa hè 2008.

Tuy nhiên, hiện thực luôn tàn nhẫn ở chỗ một khi đã xảy ra rồi, mọi việc sẽ không bao giờ trở lại như cũ được nữa. Bi kịch của anh không những không chấm dứt, thậm chí còn trở nên tồi tệ hơn khi Sheva trở lại nơi chốn cũ để phát hiện mình chỉ còn là cái bóng của chính mình, là người thừa ở nơi mình đã từng là Vua. Một người đầy tự trọng sẽ không muốn chịu đựng điều đó. Sheva cũng vậy. Anh trở lại Kiev - trở về NHÀ. Trong suốt 18 năm sự nghiệp, có lẽ chỉ có chuyến bay từ Kiev đến Milan năm 1999 và chuyến bay trở về Kiev năm 2009 là lựa chọn đúng. Còn lại, tất cả đều sai.

Ngày 28-7-2012, Shevchenko tuyên bố từ giã sự nghiệp. Khi xem những thước phim về trận đấu chia tay các huyền thoại cùng thời với anh, từ Beckham, Raul, Totti, đến Zavi hay Iniesta… những người yêu mến Sheva một lần nữa không khỏi cảm thấy tiếc nuối và xót xa. Anh hoàn toàn có thể trở thành một người như thế; chàng trai đáng mến với nụ cười hiền lành đến từ Ukraine đó có thể trở thành một huyền thoại của San Siro, được làm nhân vật chính trong một trận đấu tôn vinh đầy xúc cảm, giữa những vinh quang và ngưỡng mộ, trước hàng triệu cổ động viên vẫy tay chào và những giọt nước mắt sẽ rơi trên nền nhạc Inno Milan hào hùng… Nhưng Sheva đã không thể là như vậy. Không nhiều người nhớ được trận đấu cuối cùng của anh diễn ra theo cách nào và kết thúc thế nào. Vì sao ấy đã tỏa sáng trong những năm tháng đỉnh cao nhất của sự nghiệp nhưng lại không thể chói sáng lần cuối

cùng trước khi vụt tắt, mà chỉ có thể tỏa ra thứ ánh sáng yếu dần và lịm hẳn, để lại một khoảng trống đầy tiếc nuối mênh mang trong trái tim những người Milan cùng hàng triệu điều "Nếu như...". "Nếu Sheva không đi, sự nghiệp của anh ấy sẽ còn lừng lẫy hơn nữa." "Nếu Sheva không đi, chúng ta sẽ còn giành được nhiều chiếc cúp nữa." "Nếu Sheva không đi, Milan này sẽ còn vĩ đại hơn nữa."

"Nếu Sheva không đi..."

"Nếu Sheva không đi..."

"Nếu Sheva không đi..."

Bonus: Lời tâm sự của tác giả

Sau này, tôi vẫn mỉa mai lí do "sang Chelsea để học tiếng Anh" của Sheva như một câu chuyện cười, vì ai cũng biết lí do thật sự của việc này là gì. Tôi không biết có lúc nào đó trong những ngày tháng lạnh lẽo và thất vọng triền miên ở London, Shevchenko tự trách mình hay không. Shevchenko đã đi con đường của riêng anh ấy, cho dù chúng tôi phải xót xa chứng kiến anh ấy va vấp và gục ngã hết lần này đến lần khác. Nhưng cũng nhờ đi trên con đường ấy, Shevchenko trở thành anh ấy của ngày hôm nay. Và điều quan trọng nhất trong câu chuyện-không phải-truyện-cười này, chính là nhờ những va vấp ấy, tôi nhận ra cách mình yêu anh ấy đã thay đổi, trưởng thành cùng sự trưởng thành của anh ấy.

Khi bạn thật lòng yêu quý một người, sẽ không vì người đó nổi bật nhất, tài giỏi nhất, có sự nghiệp lừng lẫy nhất. Mà bởi đó là người chỉ cho bạn biết tình yêu không phải là yêu những thứ hoàn hảo. Người bạn yêu sẽ có sai lầm, thất bại, thậm chí làm bạn đau lòng kinh khủng. Nhưng nếu còn yêu, bạn sẽ thương họ nhiều hơn, sẽ vẫn đặt niềm tin vào họ ngay cả khi chính họ cũng không đủ tin nữa.

Andriy Shevchenko, cảm ơn vì đã trưởng thành cùng em.

Dida, sau đêm tối luôn là những nụ cười

Hiếu Đỗ (TTVH)

-Họ và tên: Nélson de Jesus Silva

- Ngày sinh: 7-10-1973

- Quốc tịch: Brazil

- Vị trí: Thủ môn

- Số lần khoác áo đội tuyển quốc gia: 91

- Số lần khoác áo Milan: 302

- Danh hiệu:

• Vô địch Serie A: 2004

• Vô địch Coppa Italia: 2003

• Vô địch Supercoppa Italia: 2004

• Vô địch Champions League: 2003, 2007

• Vô địch Siêu Cup châu Âu: 2003, 2007

• Vô địch Cup Thế giới các câu lạc bộ: 2007

• Thủ môn xuất sắc nhất Serie A: 2004

Dida, nhắc đến cái tên này, cổ động viên Milan sẽ nở một nụ cười sảng khoái, đơn giản là vì khuôn mặt nghiêm nghị khi thi đấu của anh nhìn cứ... tức cười làm sao ấy, và cũng bởi đây là một nhân vật quái kiệt: Đã hay thì rất hay, thậm chí có thể gọi là thiên tài ở một số kĩ năng như bắt phạt đền hay phản xạ chẳng hạn, nhưng

khi dở thì rất dở, và dở đến mức… khôi hài.

Thứ đầu tiên khi nhắc về Dida là kĩ năng bắt phạt đền. Nó không chỉ là điểm mạnh, mà còn trở thành một thương hiệu luôn đe dọa các đối thủ. Nhờ nó, sự nghiệp của Dida được cứu vớt không ít lần, cũng là một điểm kì lạ sẽ được đề cập ở phần sau. Khả năng bắt phạt đền của Dida chính thức trở thành thương hiệu từ sau khi anh cản liền hai cú sút 11m của huyền thoại Rai, trong trận Corinthians giành chiến thắng 3-2 trước Sao Paulo ở giải Campeonato Brasilero năm 1999. Thương hiệu vang xa với các biệt danh "A muralha azul" (Bức tường màu xanh), Sao Dida (Thánh Dida), và đặc biệt: "O rei dos pênaltis" (Ông Vua của những quả penalty). Chính những nickname ấy giúp anh kiếm được bản hợp đồng với Milan.

Cũng nhờ kĩ năng bắt phạt đền mà Dida giành được nhiều danh hiệu lớn. Nổi tiếng nhất phải kể đến Cup Champions League 2003 mà anh cùng Buffon định nghĩa cho cả thế giới khái niệm về một thủ môn xuất chúng: Buffon cực kì xuất sắc đẩy được 2 cú sút của Clarence Seedorf và Kakha Kaladze ở loạt sút thứ 2 và 3, nhưng vẫn chào thua Dida. Dida cản được 3 cú sút của David Trezeguet (loạt 1), Marcelo Zalayeta (loạt 3) và Paolo Montero (loạt 4).

Huấn luyện viên Marcello Lippi sau trận nói rằng, có 4-5 cầu thủ Juve đã từ chối thực hiện loạt luân lưu, còn Lilian Thuram, một trong những người không đá loạt phạt đền định mệnh ấy tiết lộ thêm: Đồng đội của anh đã bị ảnh hưởng bởi danh tiếng bắt luân lưu của Dida nên không dám thực hiện trách nhiệm của mình! Với Champions League năm đó, Dida trở thành thủ môn người Brazil đầu tiên trong lịch sử được đề cử Quả Bóng Vàng FIFA, và một năm sau là thủ môn phi quốc tịch Italia đầu tiên giành danh hiệu người gác đền hay nhất Serie A, soán ngôi của Buffon.

Cái kiểu bắt phạt đền của Dida không màu mè như nhiều gã thủ môn sau này. Anh không múa may quay cuồng như Jerzy Dudek, người đã chiến thắng anh trên loạt luân lưu ở chung kết Champions League 2005, nhưng không thể gọi là giỏi hơn anh được, vì bóng đá có may rủi và tính thời điểm. Mặt Dida cứ lạnh băng, đen trũi. Cái đầu trọc lóc được cạo thành hình tia sét ở rìa bên trái. Nhìn Dida lúc bắt phạt đền cứ như… cô hồn, cổ động viên còn hồi hộp nữa là đối thủ, khi ấy đã căng thẳng mà nhìn thấy ông thủ môn cao lớn, sải tay dài, có cái mặt lạnh băng như thế, mất hết vía cũng đúng thôi.

Dida rất lạnh. Cho đến khi đối phương chạy đà, anh vẫn đứng im.

Chỉ ở khoảng 2 giây cuối cùng khi đã định hình được ý đồ của đối thủ, và đưa ra quyết định xử lí, anh mới bắt đầu chuyển động và bay rất quyết đoán về phía đã chọn. Sải tay rất dài giúp Dida không có góc chết ở hai bên cầu môn như các thủ môn khác. Vấn đề chỉ là đoán có đúng hướng hay không mà thôi, vì thường nếu đúng thì Dida sẽ cản được.

Tài cản phạt đền của Dida là chỗ dựa tuyệt vời cho đồng đội, đặc biệt trong những trận chung kết sinh tử. Đồng đội của anh nếu đá không lại đối thủ, thì cò cưa để đưa trận đấu về loạt luân lưu. Hai danh hiệu lớn đầu tiên của Dida đều tới ở các trận chung kết có tỉ số sau 120 phút là 0-0. Đó là chung kết Champions League 2003, và trước đó, chung kết FIFA Club World Cup năm 2000 khi còn chơi cho Corinthians.

Sau trận đấu ở FIFA Club World Cup đó, đồng đội Ricardinho tiết lộ với báo giới: anh và toàn đội đã nhận chỉ thị đưa trận đấu đến loạt luân lưu, vì biết chắc kiểu gì Dida cũng cản được ít nhất 1 quả! Cuối cùng thì, thủ môn của chúng ta cản được cú sút của Gilberto, cộng với việc Edmundo sút bóng chệch cột trong loạt cuối, Corinthians của Dida thắng trận. Bài bình luận của BBC năm đó viết đại ý: Đó là một trận chung kết "nghèo nàn", khi cả hai đội chưa bao giờ cố gắng tìm cách ghi bàn trong hai tiếng quần thảo.

Dida chỉ có một lần thất bại đáng chú ý trên loạt luân lưu là chung kết Champions League 2005. Đó là một ngày ác mộng. Milan dẫn Liverpool 3-0 nhưng để gỡ hòa 3-3 rồi thua trên chấm luân lưu. Thật ra, Dida cũng cản được 1 quả của Riise, đúng với mức tối thiểu mà người ta kì vọng. Nhưng tinh thần toàn đội lúc đó rất thấp. Đội ngũ sút luân lưu năm đó là sự lặp lại tương đối giống của chung kết năm 2003: Serginho đá quả mở và Shevchenko đá quả chốt. Nhưng năm 2003 họ thành công hết, còn 2005 họ sút hỏng hết. Một người điềm tĩnh như Andrea Pirlo cũng để màn múa may của Dudek làm lóa mắt, thì Milan lúc đó không thể có kết cục gì tốt hơn.

Khi nhìn lại Dida và các thành viên trong thế hệ lọt vào ba trận chung kết Champions League thời Carlo Ancelotti, người ta thấy rằng đó chẳng khác nào một "Biệt đội Avengers", mỗi người mỗi vẻ, mỗi người là một "Vị thần". Paolo Maldini trung thành, tận tụy. Alessandro Nesta lịch lãm, tin cậy. Gennaro Gattuso gầm gừ, dữ dội. Andrea Pirlo lả lướt, bình thản. Riccardo Kaka giàu tốc độ, sức sáng tạo. Filippo Inzaghi là ông Vua của vạch việt vị… Dida cũng là một "Vị thần" như vậy, với quyền năng bắt penalty không ai sánh bằng, và những sai lầm khiến người khác… cười ra nước

mắt.

Chắc anh là thủ môn duy nhất trong lịch sử dính chấn thương khi đang… ngồi trên ghế dự bị. Trận gặp Parma ở Serie A năm 2008, Dida dính chấn thương lưng khi đang cố đứng từ ghế dự bị để đi vào đường hầm. Giờ nghĩ lại thì buồn cười, nhưng báo chí khi đó chỉ trích anh rất ghê. 2008 là năm tồi tệ của Dida và Milan, bởi phong độ anh đi xuống còn đội bóng chỉ xếp thứ 5 Serie A, mất cả quyền dự Champions League. Đỉnh điểm sự sa sút mùa đó là pha bay người sai hướng dù bóng chẳng hề chạm ai, giúp Esteban Cambiasso ghi bàn ấn định thắng lợi 2-1 cho Inter ở trận derby. Tháng 1 năm đó, Dida dính chấn thương đầu gối, và từ đó về sau, mất luôn suất bắt chính về tay Kalac.

Cũng trong mùa bóng đó, Dida gây cười với màn "giả vờ đau" khi gã cổ động viên tên McHenry của Celtic chạy vào sân "tát yêu" anh một cái. Một pha vờ vịt bị đưa vào sách dạy những điều cần tránh trong bóng đá, vì Dida toan chạy đi bắt gã cổ động viên bất lịch sự, nhưng chỉ một giây sau đã nằm vật ra như là… đau lắm. Anh bị UEFA treo giò hai trận còn gã cổ động viên thì bị cấm đến Celtic Park trọn đời. Nhưng Dida bị fan Milan chỉ trích dữ dội và ở trận gặp Empoli ở Serie A sau đó, trong lúc khởi động, anh hướng về cổ động viên Milan rồi cúi đầu xin lỗi. Mọi việc được xí xóa êm đẹp chỉ bằng một cử chỉ như vậy.

Có cảm giác thỉnh thoảng Dida cho phép tâm trí của mình bay đi đâu đấy cho bớt căng thẳng. Sự nghiệp của anh rất nhiều thăng trầm. Nhưng kì lạ là nó luôn được cứu vớt bởi một phép màu nào đó. Dida ra mắt Milan ở Champions League bằng một cú bắt bóng trượt trong trận gặp Leeds mùa 2000-01 và sau đó bị điều tra vì làm giả hộ chiếu trong vụ scandal tốn nhiều giấy mực khi ấy. Dida bị đẩy về Corinthians một thời gian ngắn để Milan dàn xếp nhưng rồi trở lại đã trình diễn phong độ xuất sắc. Cũng phải nói là Milan lúc đó không có thủ môn giỏi sau khi Sebastiano Rossi giải nghệ, còn Christian Abbiati rất phập phù. Bởi thế, Dida luôn có chỗ, vì phẩm chất của anh là không phải bàn cãi, chỉ có điều là anh có… muốn bắt tốt hay không mà thôi.

Cũng không thể không nhắc đến quả pháo sáng mà cổ động viên Inter đã ném vào bả vai của anh trong trận derby ở Champions League 2004-05. Milan đang dẫn 1-0, và trọng tài từ chối bàn thắng của Cambiasso phía Inter khiến cổ động viên Inter nổi điên. Họ ném một quả pháo sáng vào bả vai Dida (may là không vào đầu), khiến trận đấu bị hoãn nửa tiếng và Inter sau đó bị xử thua 0-3. Quả pháo đó cũng là ranh giới ngăn cách "Dida hay" và "Dida

dở". Anh tiếp tục chơi tuyệt vời với 623 phút trắng lưới ở Champions League trước khi bước vào giai đoạn mất hứng. Milan cũng liên đới trong scandal dàn xếp tỉ số năm 2006 khiến toàn đội sa sút chứ không riêng gì anh, nhưng một loạt sai lầm ở Serie A trong giai đoạn này khiến Dida bị huấn luyện viên tuyển Brazil Carlos Parreira dọa tước đoạt suất bắt chính của anh ở World Cup.

Sau đó Dida vẫn được bắt World Cup 2006 rồi từ giã đội tuyển. Nhưng quan trọng là anh phục hồi phong độ rất nhanh để cùng Milan vô địch Champions League 2007. 2008-2010 là thời kì Milan xoay vòng thủ môn liên tục, giữa Dida, Abbiati, Storari và Kalac, nhưng sự có mặt của Leonardo một lần nữa hồi sinh người đồng hương Brazil của mình.

Mối tình Milan - Dida khép lại bằng một khoảnh khắc rất đẹp: anh được thay ra ở cuối trận thắng Juventus 3-0, để nhận được những tràng vỗ tay tán thưởng của tifosi tại San Siro, trước khi kết thúc 9 năm phiêu lưu đầy kỉ niệm ở Milan. Và ý tưởng thay Dida giữa trận ấy chính là của Leonardo.

Nhìn lại sự nghiệp của Dida, người ta sẽ nhớ mãi một người gác đền độc đáo và kiên trì. Dẫu gặp nhiều khó khăn khi ra châu Âu thi đấu và cũng bị kì thị không ít vì gốc gác châu Phi của mình khi thi đấu tại đội tuyển Brazil, nhưng Dida vượt qua những sóng gió ấy để lọt vào top những thủ môn vĩ đại nhất trong lịch sử. Anh đã viết lại lịch sử những người gác đền ở Calcio, cũng viết lại luôn câu chuyện thủ môn ở Brazil, khi là thủ môn da màu đầu tiên bắt chính cho đội tuyển kể từ Moacir Barbosa Nascimento. Dida cũng là thủ môn đầu tiên của Brazil được gọi bằng một biệt danh, một đặc quyền mà trước đó tưởng chừng chỉ dành cho những người ở vị trí khác.

Và cuối cùng, một cầu thủ giỏi có thể sẽ mãi mãi vô danh, nhưng một người đặc biệt thì chắc chắn luôn được nhớ đến. Dida bước vào ngôi đền huyền thoại Milan theo cách ấy, và khi nhớ đến anh, người ta sẽ nở một nụ cười thật là sảng khoái.

Tên anh là tính cách

Vũ Hoàng (ACMilanVN)

-Họ và tên: Gennaro Ivan Gattuso

- Ngày sinh: 9-1-1978

- Quốc tịch: Italia

- Vị trí: Tiền vệ

- Số lần khoác áo đội tuyển quốc gia: 73 (1 bàn)

- Số lần khoác áo Milan: 468 (11 bàn)

- Danh hiệu:

• Vô địch Serie A: 2004, 2011

• Vô địch Coppa Italia: 2003

• Vô địch Supercoppa Italia: 2004, 2011

• Vô địch Champions League: 2003, 2007

• Vô địch Siêu Cup châu Âu: 2003, 2007

• Vô địch Thế giới các câu lạc bộ: 2007

Nếu bạn nghĩ rằng hồi còn nhỏ, Rino là một cậu bé hiếu động và không chịu ngồi yên, thì bạn đã... đúng rồi đấy. Sức mạnh thể chất vượt trội của anh không phải tự nhiên mà có. Ngay từ khi còn là một đứa trẻ, anh đã tràn đầy năng lượng và thích hoạt động không ngừng. Thật khó mà bắt anh ngồi yên đọc sách được 10 phút, nhưng nếu bảo anh chạy nhảy suốt 5 giờ thì lại quá dễ dàng. Ở cái thị trấn Corigliano Calabro bé nhỏ, cậu bé Gennaro hay chạy ra biển, chờ những con tàu đánh cá cập bờ. Tại đó, các ngư dân thường cho cậu bé một ít cá hay sò ốc. Và Gennaro đem chúng đi

bán kiếm tiền. Thật là một cậu bé có đầu óc con buôn!

Chúng ta có thể nghĩ gì về Rino?

Đó là một cầu thủ chạy không biết mệt ở trên sân. Anh gầm gừ, anh hùng hổ, anh lao vào mọi cuộc tranh chấp tay đôi với thái độ dũng cảm, thậm chí có phần liều mạng. Anh không sợ sệt bất kì ai, dù đó là những đối thủ cao to hơn anh hay thậm chí cả... lãnh đạo đội bạn. Phẩm chất của một chiến binh này đã giúp Rino lấp đi toàn bộ các khiếm khuyết về mặt thể hình và kĩ thuật. Anh thiếu sự khéo léo nhưng quá thừa sự cơ bắp. Anh không tinh tế nhưng lại tràn ngập quyết tâm. Anh là một dạng cầu thủ mà tưởng như có thể bắt gặp ở bất cứ đâu nhưng sự thật lại hiếm như tuyết trên sa mạc. Người ta nói anh thô bạo và hung dữ. Trung bình cứ 3,5 trận, anh lại lĩnh 1 cái thẻ. Quả là con số không tồi chút nào! Nhưng ngoài đời, Rino là một người đàn ông thực sự.

Nếu bạn đi tìm hình mẫu về một bậc quân tử trượng nghĩa, khí chất ngút trời, bạn hãy tìm đến Rino. Anh không bao giờ che giấu cảm xúc và không bao giờ biết sống đạo đức giả. Đối với anh, chỉ có hoặc đúng, hoặc sai. Có lần, người ta cáo buộc Rino tham gia đường dây cá độ. Anh dõng dạc nói, "Nếu tìm ra chứng cứ chứng minh, tôi sẽ tự sát". Sau mấy năm, rốt cuộc các công tố viên xác định anh hoàn toàn trong sạch. World Cup 2006, người Đức chế nhạo việc cha anh từng làm cu li cho họ. Anh vỗ ngực, "Tôi tự hào về ông ấy". Song có một điều Rino thường ít khi đề cập tới: anh làm từ thiện. Khi đã bắt đầu nổi tiếng và có tiền, Rino lại quay về quê nhà. Ở đây, anh lập một quỹ từ thiện của riêng anh để xây các sân bóng nhỏ cho đám trẻ nghèo ở địa phương. Đồng thời, anh cũng xây một nhà máy chế biến hải sản để tạo công ăn việc làm cho các ngư dân và những thanh niên dọc bờ biển của thị trấn. Cái cậu bé ngày nào còn đi xin ít cá và sò ốc để đem ra quảng trường bán kiếm tiền đã trả lại ơn nghĩa quê hương giản dị như vậy đấy.

Hồi bé thơ, Rino trở thành Rossoneri một cách tự nhiên. Tháng 5-1989, ông Franco mang anh đi xem cuộc diễu hành đầy màu sắc ở thị trấn để ăn mừng chiến thắng của Milan trước Steaua Bucharest tại Cup châu Âu. Kể từ đó, anh yêu đội bóng này giống như cha anh và sẽ yêu cho đến hết cuộc đời. Nhưng điều thú vị, thần tượng đầu tiên của anh lại đến từ Napoli, đó là Salvatore Bagni. Rino treo ảnh Bagni ở trong phòng mình và sau này, anh trở thành một tiền vệ trung tâm như Bagni, cũng đá ở Perugia như Bagni và, khỉ thật, có cùng số đo chiều cao y hệt thần tượng.

Mặc dù hâm mộ bóng đá và Milan, ước mơ từ khi còn bé của Rino

là trở thành một ngư dân, song số phận đã không cho anh chạm tay vào tấm lưới. Cha của anh từng là cầu thủ hạng D trước khi làm nghề thợ mộc và là người thầy dạy anh những bài học đầu tiên với trái bóng tròn. Rino tôn sùng cha mình. Anh nói rằng anh luôn cố gắng mạnh mẽ giống như ông Franco. Cha anh thường hay khuyến khích con trai rằng anh có "đôi chân của Maradona". Nhưng cuối cùng, Rino lại sở hữu một trái tim mạnh mẽ của ông và Bagni, thậm chí còn mạnh mẽ hơn. Năm 1991, anh đến Bologna để thử việc và bị loại thẳng cổ. Có lẽ đội bóng này sẽ còn tiếc nuối rất nhiều ở thì tương lai. Song lúc đó, một cậu nhóc với kĩ năng tầm thường chẳng hề làm họ bận tâm. Rốt cuộc, Perugia đã nhận anh. Và đó là đội bóng mà Bagni đã từng chơi. Thật tuyệt vời!

Rino tiến bộ rất nhanh tại Perugia. Anh trở thành cầu thủ trẻ giỏi nhất của đội và bắt đầu được nuôi dưỡng để chuẩn bị lên đá ở Serie A. Người ta tin rằng với tính cách mạnh mẽ, anh sẽ trung thành với câu lạc bộ. Nhưng Rino đã rời khỏi Perugia chỉ sau đúng một mùa giải chơi cho đội 1. Lúc đó, anh hỏi ý của cha mình khi Rangers muốn có anh. Ông Franco, người đã trải qua những năm tháng khó khăn, vất vả để kiếm tiền nuôi một gia đình lớn, nói, "Này nhóc, có tin là cha sẽ đá vào mông con không? Họa có điên mới từ chối mức lương 250.000 euro mỗi năm trong khi cha chỉ kiếm được có 500 euro một tháng". Thế là Rino xách vali lên đường sang Scotland ở tuổi 19 trong sự ngạc nhiên của huấn luyện viên Nevio Scala và những người khác tại Perugia.

Khi đến với Rangers, anh được huấn luyện viên Walter Smith cưng chiều, được Paul Gascoigne động viên, kèm cặp và trưởng thành không ngừng. Rino chạy điên cuồng và nhanh chóng thành thần tượng của các cổ động viên tại đây. Trong trận derby Old Firm đầu tiên của cuộc đời, anh nhận thẻ vàng ngay giây thứ 25 và lãnh thêm cái thẻ nữa ở phút thứ 10. Nhưng khi anh rời khỏi sân, các cổ động viên Rangers vẫn hô vang "Rino! Rino!". Khoảnh khắc đó, anh hiểu mình cần phải làm gì để những người hâm mộ yêu quý.

Cuộc sống ở Glasgow không kéo dài quá lâu. Walter Smith rời khỏi đội bóng. Người thay thế ông, Dick Advocaat, không ưa lối chơi của Rino. Ông ta kéo anh xuống đá hậu vệ phải và cuối cùng bán anh về Italia chỉ sau có 3 tháng. Rino trở lại Serie A, lần này trong màu áo Salernitana. Dưới sự dẫn dắt của huấn luyện viên trẻ tuổi Delio Rossi, Rino tiếp tục được nâng thêm một tầng cao mới. Anh được gọi là Pitbull, luôn lao vào những nơi tranh chấp với khí thế bừng bừng như thể đó là trận đấu duy nhất anh được chơi. Song

phong độ tuyệt vời của Rino không đủ để Salernitana trụ hạng. Mùa hè năm 1999, đội bóng vùng Campania phải xuống chơi ở Serie B. Ngay lúc này, AS Roma đã tiếp cận anh.

Đáng lẽ Rino sẽ trở thành đồng đội của Totti nếu không có một cuộc gọi đến từ Milano. Người đàn ông ở đầu dây bên kia tự xưng là Adriano Galliani. Ông ta nói Milan muốn có anh. Rino hiểu, đấy là cơ hội vô cùng lớn lao để anh được thỏa nguyện ước mơ của cha và của chính mình: chơi bóng cho Milan. Đó sẽ là cuộc phiêu lưu lớn nhất trong sự nghiệp của anh, nơi anh tạo dựng cho mình một loạt các danh hiệu và đưa tên tuổi trở thành một trong những tiền vệ phòng ngự hay nhất thế giới suốt 30 năm qua.

Tháng 5-2003, sau khi có được danh hiệu đầu tiên trong cuộc đời, chức vô địch Champions League cùng Milan, Rino đã mất ngủ cả đêm. Anh nhớ lại một hành trình dài kể từ những trận đấu trên bãi biển thị trấn quê hương cho tới những trận đấu trong màu áo Milan. Ở tuổi 25, anh đã đạt tới đỉnh cao của một đời cầu thủ. Nhưng Rino không dừng lại. Cùng những người đồng đội khác, anh tiếp tục chinh phục các danh hiệu mới, từ Scudetto tới Coppa Italia, từ Champions League tới Cup Thế giới dành cho các câu lạc bộ. Đỉnh cao nhất của đời anh chính là chiến thắng tại World Cup 2006, nơi anh là hạt nhân trong lối chơi của đội tuyển Italia, đội bóng chỉ thủng lưới có 2 bàn, 1 từ penalty và 1 từ đá phản lưới nhà. Khả năng phòng ngự vô tiền khoáng hậu đó có một phần không nhỏ từ công lao của Rino.

Cuộc vui nào rồi cũng đến lúc tàn. Tuổi tác kéo đến không chừa một ai. Ở tuổi 34, Rino bắt đầu suy giảm thể lực và không còn được huấn luyện viên Allegri trọng dụng nữa. Anh chỉ ra sân có 7 lần ở mùa giải 2011-12. Tháng 5-2012, anh chia tay Milan trong nước mắt. Tại trận đấu cuối cùng, sau khi hồi còi của trọng tài vang lên chấm dứt 90 phút thi đấu, anh dẫn theo con trai mình, đi dọc quanh sân chào tạm biệt các khán giả và ôm lấy những người đồng đội. Nước mắt đã lăn trên khuôn mặt của anh và anh khóc như một đứa trẻ.

Tháng 11-2017, anh nhận lời trở thành huấn luyện viên tạm quyền thay thế cho Vincenzo Montella để dẫn dắt một Milan đang mất phương hướng và rơi tự do. Rino đã đưa Milan trở lại cuộc đua giành vé dự Cup châu Âu và ở mùa giải trọn vẹn tiếp theo, xếp thứ 5 chung cuộc, chỉ thua top 4 đúng 1 điểm. Nhưng thành tích ấy là chưa đủ với những gì mà ban lãnh đạo mới kì vọng. Chỉ hai ngày sau khi mùa giải khép lại, Rino tuyên bố từ chức. Anh thú nhận rằng mình đã mất ngủ rất nhiều khi làm huấn luyện viên cho

Milan và anh cũng không đòi hỏi tiền bồi thường hợp đồng, bởi lẽ "giữa Milan và tôi chưa bao giờ có vấn đề về chuyện tiền bạc". Toàn bộ số tiền ấy, Rino dành tặng cho những phụ tá của anh, những người cũng buộc phải rời khỏi đội khi anh ra đi. Cho đến tận giây phút cuối cùng ở vị trí huấn luyện viên Milan, Rino vẫn giữ được khí chất ngút trời của mình. Hệt như bao năm qua vẫn thế...

Bonus: Tôi lấy tiêu đề này vì trước đã từng đọc một bài về Denis Irwin trên tờ Bóng đá quốc tế với tiêu đề như vậy. Gattuso ở Milan cũng như Irwin ở MU, cả hai đều là những cầu thủ đáng kính trọng với tình yêu tha thiết cho câu lạc bộ, cả hai đều là hiện thân của những "tính cách" tuyệt vời.

Andrea Pirlo, có thứ tình yêu gọi là chia tay

Dũng Phan

-Họ và tên: Andrea Pirlo

- Ngày sinh: 19-5-1979

- Quốc tịch: Italia

- Vị trí: Tiền vệ

- Số lần khoác áo đội tuyển quốc gia: 116 (13 bàn)

- Số lần khoác áo Milan: 401 (41 bàn)

- Danh hiệu:

• Vô địch Serie A: 2004, 2011

• Vô địch Coppa Italia: 2003

• Vô địch Supercoppa Italia: 2004, 2011

• Vô địch Champions League: 2003, 2007

• Vô địch Siêu Cup châu Âu: 2003, 2007

• Vô địch Thế giới các câu lạc bộ: 2007

Tháng 5-2011, Andrea Pirlo rời Milan sang Juventus. Những kí ức của ngày hè hôm đó vẫn còn hiển hiện với nhiều tifosi. Các mặt báo nước ngoài đưa tin liên tục về ngôi sao lớn cuối cùng của một thế hệ "7x Azzurri" đẹp như mộng, giờ rời mái nhà đã tạo nên tên tuổi của anh đến với thử thách ở Juve.

Vào thời điểm 102 năm sau ngày thành lập, AC Milan gọi về San

Siro chàng tiền vệ trụ của Milan vĩ đại thuộc đế chế Sacchi tên là Carlo Ancelotti để cầm quân. Người đàn ông đến từ Reggiolo đã tạo nên chu kì thành công thứ ba của đội bóng bằng một sơ đồ có hình cây thông. Và để tạo nên chiến thuật đi trước thời đại này, Ancelotti đã bắt đầu từ người quan trọng nhất trong đế chế của ông, người được coi là điểm tựa của chiến thuật AC Milan 10 năm đầu thế kỉ XXI, tuy vậy đã quá thầm lặng ở bên dưới để hào quang không rọi tới mái tóc, tên anh, Andrea Pirlo.

Năm 2000, giải vô địch U-21 châu Âu diễn ra trên đất Anh, Andrea Pirlo xuất hiện, chơi ngay phía sau một tiền đạo như một số 10 cổ điển, và là cầu thủ xuất sắc nhất giải đấu. Nhưng khi đang là cầu thủ trẻ quan trọng nhất nước Ý, thì Pirlo đã đến Inter Milan trong những năm tháng đọa đầy của đội bóng Xanh-Đen này. Kết quả là anh bị đem cho mượn qua Brescia. Số phận đã sắp đặt cho anh nơi này có một bậc thầy, ông là Carlo Mazzone, người kéo lùi anh xuống 15m. Chính bước ngoặt lịch sử ấy đã tạo nên một gợi ý lớn cho Ancelotti trong hệ thống chiến thuật sau này sẽ đưa Milan lên làm bá chủ, đấy là một ngôi sao kiến tạo lùi sâu, người sẽ là "cửa ngõ" của chiến thuật, là "viên đá khóa" trong công trình mang tên "cây thông chiến thuật" của AC Milan.

Một ngày cuối tháng 6-2001, báo chí Italia giật tít: "Andrea Pirlo đã rời Inter Milan để chuyển sang AC Milan. Cái giá AC Milan phải trả là 12 tỉ lire, cộng thêm Andres Guglielminpietro". Không ai biết Andres Guglielminpietro lưu lạc về nơi nào nữa, chỉ biết rằng những dòng thông báo ngắn ngủi hôm ấy đã đưa tin về một biến động sau này của lịch sử bóng đá.

Khi đó, Ancelotti vừa được gọi về thay thế cho huấn luyện viên người Thổ Nhĩ Kì Fatih Terim đầu mùa giải 2001-02. Bằng bản năng của một cầu thủ từng chơi ở vị trí tiền vệ trụ, ông đã nhìn ra Pirlo đang sở hữu phẩm chất của một đạo diễn triển khai bóng ở ngay bên trên hàng hậu vệ. Nhờ khả năng chuyền xa hoàn hảo và đọc trận đấu tài ba, Pirlo có thể tổ chức phát động tấn công ngay sau một đường chuyền. "Deep-lying Midfielder" hay "Regista", như cách gọi của người Ý, là chỉ vị trí Pirlo ngày đó.

Kaka từng bảo rằng: "Tôi hay chơi phía sau hàng phòng ngự đối phương và Pirlo luôn biết cách làm thế nào để chuyền bóng cho tôi, dù tôi bị bao vây bởi ba cầu thủ". Mười mùa giải Andrea Pirlo chinh chiến cùng AC Milan, anh có 401 trận đấu và 41 thắng. Tuy nhiên, những con số khô khan ấy không đủ để nói hết tầm vóc lớn lao mà Pirlo đem đến cho Milan trong cả thập kỉ đó. Đấy là một cuộc cách mạng về chiến thuật giúp Milan đi trước thời đại. Trong

ngày Milan kỉ niệm 116 tuổi, tạp chí danh tiếng Bleacherreport đã chọn ra 20 cầu thủ vĩ đại nhất lịch sử của Milan, và Pirlo xếp thứ 8, đứng trên cả Inzaghi và Kaka.

Sau này, người Milan khi mất Pirlo mới biết sự thiếu vắng của anh là quan trọng đến dường nào. Milan không đi tìm "Inzaghi mới", "Kaka mới" nhưng họ miệt mài đi tìm "Pirlo mới". Riccardo Montolivo hay Alberto Aquilani, những người đầu tiên có được danh xưng "Pirlo mới" đều từng khoác áo Đỏ-Đen, riêng Montolivo còn được kì vọng với chiếc băng đội trưởng và luôn cố kéo anh về vị trí "Deep-lying Midfielder". Andrea Poli nghe tên hơi giông giống Andrea Pirlo cũng về Milan nốt, rồi Lucas Biglia mới về cũng được giao cho chiếc áo số 21 và đá ở trung tâm. Bryan Cristante, Manuel Locatelli - những cầu thủ dưới lò đào tạo trẻ cũng "cơ cấu" để đá như Pirlo. Và bây giờ, Milan đang tăm tia Sandro Tonali, thần đồng với danh xưng "Pirlo đệ nhị". Tất cả như nói lên sự ám ảnh, cũng như cho thấy vai trò mà Pirlo đã để lại trong lịch sử Milan, một vinh quang thầm lặng còn vấn vương đến tận hôm nay.

Tháng 5-2011, Pirlo chia tay Milan. Ngày anh đi cũng lặng thầm như những năm tháng và bước chạy của anh trên sân cỏ San Siro. Và bởi thế, nỗi buồn của những ai yêu anh trong màu áo Đỏ-Đen cũng được giấu trong trái tim. Rất ít giọt nước mắt chia tay chàng trai số 21 ấy. Chúng chỉ rơi sau đó vài tháng, vài năm và đến giờ người Milan vẫn chưa tìm ra người có thể lau khô. Điều lớn nhất trong mùa hạ chia ly 2011, chính là sâu thẳm trong ngày hôm đó, rất nhiều tổn thương đã xuất hiện. Sự tổn thương mang trong người Pirlo và đi vào con tim của những người chọn anh làm thần tượng. Dù cách xa vạn dặm, họ vẫn cảm nhận được thương tổn của Andrea. Họ đau cùng anh và giận dữ cùng anh. Nesta, bạn cùng phòng với Pirlo thậm chí còn nói, "Tôi rất tiếc vì phải nhìn Pirlo rời khỏi Milan theo cách đó".

Ba năm sau ngày ra đi, trong cuốn tự truyện của mình, Pirlo kể về một cây bút được làm quà tặng và cách Phó chủ tịch Galliani đã tạm biệt anh. Đấy là sự chán ghét đến mức trốn chạy. Kí ức của những ngày tháng 5-2011 thật khó để quên, cơn mưa mùa hạ, hoa phượng nở, mùa thi, mùa tốt nghiệp, và Pirlo đến Turin. Hôm đó, Juventini hạnh phúc vì có Pirlo nhưng vẫn lo lắng, các tifosi trung lập thì nhìn Pirlo với sự nghi ngờ. Chỉ người yêu quý Pirlo, theo Pirlo suốt thập niên qua là luôn tin anh. Bởi đã có rất nhiều nghi ngờ bủa vây quanh anh thời điểm anh đến Juventus, vì mùa giải 2010-11 mà AC Milan giành Scudetto thứ 18, vai trò của "viên đá khóa" Milan đầu thế kỉ XXI chỉ là những tháng ngày trong

phòng hồi sức.

Nhưng kết quả là gì đây? Trên hạt nhân Andrea Pirlo, Juventus đã bỏ phần còn lại của Serie A về phía sau lưng. Cá nhân Andrea Pirlo giành 4 Scudetto liên tiếp, và 4 năm liên tục là cầu thủ xuất sắc nhất nước Ý - "Oscar del Calcio", cùng với đó, chức Á quân Champions League 2014-2015. Khi mùa giải 2011-12 kết thúc và Juventus vô địch sau khi vượt qua đương kim vô địch AC Milan, trong ngày đăng quang, Pirlo nói với các phóng viên: "Tôi muốn khẳng định với tất cả, tôi vẫn là số 1". Lời nhắn gửi dành cho những người đã không cần anh, đã nghi ngờ anh. Andrea Pirlo còn nhận được sự tôn trọng lớn lao trên khắp thế giới nhờ công lao gồng gánh màu áo Thiên Thanh thuở bĩ cực, và cú panenka huyền thoại vào lưới tuyển Anh.

Sau đêm hè Euro 2012 tại Ucraina, "Maestro21" để râu, một bộ râu dữ tợn nhưng đầy cá tính. Có một phóng sự được làm ngay sau đó, phóng viên đưa ảnh Pirlo có râu và Pirlo không râu cho mười cô gái, tất cả các cô gái đều ồ lên đầy thích thú khi thấy hình Pirlo để râu. Từ hôm ấy, Pirlo không còn là người thủ lĩnh trầm lặng đứng nép sau thành công của Shevechenko, Kaka… như ngày ở Milan nữa. Pirlo mang đủ quyến rũ, anh mê hoặc cả xứ sương mù và phần còn lại của thế giới. Thiên tài chót vót của Pirlo không có gì thay đổi từ Milan sang Juve, Milan đã cho Pirlo tất cả tài năng và phẩm chất rồi. Juve chỉ cho Pirlo thứ còn lại - một giá trị mang tính biểu tượng toàn cầu.

Nhưng có một điểm mà Juve đã không thể cho Pirlo, đấy là giải thoát Pirlo và con tim của những người yêu thương anh tránh khỏi cảm giác muốn quên Milan. Những tình yêu mà Juve cho Pirlo, cách họ chia tay nhau, cách Pirlo hai lần quay lại nước Ý từ sau khi qua Mỹ, cả hai lần đều về thăm Juve mà không ghé Milan, đã cho thấy khoảng cách chia xa của Pirlo và Milan lớn đến thế nào. Nhưng Pirlo, anh có biết, thành Milan vẫn có biết bao nhiêu người yêu anh không? Những tình yêu lặng lẽ, buồn bã và quá nhiều tiếc nuối. Những Milanista ấy nào có lỗi, Pirlo? Anh có thể quên Galliani, nhưng xin đừng quên những Milanista vẫn dõi theo anh hằng ngày, hằng giờ.

Từ Juve qua nước Mỹ, họ hạnh phúc với việc anh ghi bàn, vui với chiến thắng của anh và rơi nước mắt trong đêm Juventus thất bại trước Barcelona. Chỉ bởi hôm đó có Andrea Pirlo đã khóc. Pirlo, anh có biết giai đoạn anh trong màu áo Juve, vẫn có những tifosi của Milan đứng ra bảo vệ anh trước những Juventini đang chỉ trích anh khi phong độ anh không tốt? Milan xua đuổi anh nhưng

điều đó lại mở ra cánh cửa tươi đẹp ở Turin. Đời cầu thủ đôi khi là những quân cờ trong tay các ông chủ. Nhưng tình yêu của người hâm mộ thì luôn mộc mạc và Milan 8 năm từ khi để Pirlo rời xa San Siro, cũng điên cuồng tìm "Pirlo mới". Còn Pirlo, anh cũng yêu Milan. Một phần ba đời người của anh là ở đó, thanh xuân của anh là ở Milano, sao không yêu cho được? Chỉ vì quá kiêu hãnh, quá thương tổn mà đâm ra chia xa nhau thôi.

Ngày 22-05-2018, Pirlo tổ chức trận đấu chia tay sự nghiệp. Trong sự nghiệp, anh đã khoác áo cả Milan, Juve và Inter, được yêu quý ở cả ba nơi này. Nhưng sân đấu anh chọn để chia tay chính là sân San Siro. Hôm đó, trong ngày Pirlo giã từ bóng đá, "Pippo" Inzaghi lập cú hattrick vào lưới Gigi Buffon. Họ ôm nhau cười, đẹp như chưa từng có cuộc chia ly trên San Siro ngày nào.

"... Giang hồ ba bữa buồn một bữa,

Thấy núi thành sông biển hóa rừng

Chân sẵn dép giầy, trời sẵn gió

Ngựa về. Ta đứng. Bụi mù tung...

Giang hồ tay nải cầm chưa chắc

Hình như ta mới khóc hôm qua

Giang hồ ta chỉ giang hồ vặt

Nghe tiếng cơm sôi cũng nhớ nhà."

(Trích thơ Phạm Hữu Quang)

Nét đẹp tinh quái của Pippo

Dũng Phan

-Họ và tên: Filippo Inzaghi

- Ngày sinh: 9-8-1973

- Quốc tịch: Italia

- Vị trí: Trung phong

- Số lần khoác áo đội tuyển quốc gia: 57 (25 bàn)

- Số lần khoác áo Milan: 300 (126 bàn)

- Danh hiệu:

• Vô địch Serie A: 2004, 2011

• Vô địch Coppa Italia: 2003

• Vô địch Supercoppa Italia: 2004, 2011

• Vô địch Champions League: 2003, 2007

• Vô địch Siêu Cup châu Âu: 2003, 2007

• Vô địch Thế giới các câu lạc bộ: 2007

Đã lâu rồi, những thảm cỏ Calcio mờ hơi sương không còn thấy dáng chạy của anh nữa. Anh từng bảo: "Khúc nhạc hiệu Champions League là niềm cảm hứng to lớn để tôi ghi bàn". Nhưng hôm nay khi khúc nhạc "Zadok the Priest" của nhà soạn nhạc lừng danh người Đức George Handel cất lên, sẽ không còn thấy anh ăn mừng ầm ĩ ngoài đường pitch nữa. Anh là Filippo Inzaghi.

Sự đáng sợ nhất của một tiền đạo là gì? Có người nói đó là tốc độ,

lại có người nói là thể hình, thể lực, lại có người cho rằng quan trọng là khả năng khống chế bóng bước một, kết hợp với khả năng săn bàn toàn diện. Người ta có thể kể ra hằng hà sa số những mẫu tiền đạo như thế từ quá khứ đến hiện tại, từ Batistuta, Van Basten, Vieri, Ronaldo béo của hôm qua đến Lewandoski, Falcao, Ibahimovic, Mbappe của hôm nay. Ai ai trong số họ cũng phải có thể hình, tốc độ, tì đè, càn lướt hoặc kĩ thuật tốt. Vậy mà trên bầu trời tinh tú ấy, có một ngôi sao riêng, đứng một mình một cõi, ngôi sao ấy như đang cười, nụ cười hơi nhếch lên đầy tính chế giễu thế gian.

Ngôi sao ấy là hiện thân của một tiền đạo vượt ngoài khuôn khổ bóng đá, một tiền đạo nhìn cũng đẹp trai đấy, có điều hơi ốm o, dặt dẹo, lại không có thể hình, chẳng có thể lực, không có tốc độ, kĩ thuật trung bình, lại quá yếu ớt để đi tì đè hay càn lướt. Vậy nhưng chúng ta đang nói tới người sở hữu tổng cộng 313 bàn thắng, trong đó có 70 bàn ở Cup châu Âu và 15 cú hattrick trong sự nghiệp. Tên anh là Filippo Inzaghi. Anh đã đi ngược lại tất cả các quy tắc trong bóng đá về yêu cầu phẩm chất của một tiền đạo. Thế nhưng, anh có cái mà tất cả các tiền đạo thèm khát nhất: khả năng đánh hơi bàn thắng cực kì nhạy bén để nắm bắt cơ hội dù là nhỏ nhất, kết hợp với đó là món vũ khí "phá bẫy việt vị" đã luyện đến độ "xuất thần nhập hóa". Hai khả năng đã đưa Pippo Inzaghi trở thành một trong những tiền đạo vĩ đại nhất lịch sử.

Anh tới Milan vào năm 2001; trong ngày ra mắt, bên cạnh anh là Andrea Pirlo và Rui Costa, bộ ba ấy đã tạo nên mùa chuyển nhượng thành công nhất lịch sử Milan. Cá nhân Pippo dành tặng cho các Milanista 126 cơn mưa cảm xúc của những bàn thắng anh ghi được. Anh trở thành một trong những cầu thủ được yêu mến nhất lịch sử câu lạc bộ. Bởi những cảm xúc ghi bàn ấy chỉ mình anh có, chỉ mình anh đem lại. Hệt như những quân cờ domino thay nhau ngã xuống là những cảm xúc đuổi bắt nhau. Anh gào thét ở dưới sân, và trên San Siro ngập sắc Đỏ-Đen, hàng vạn Milanista hô vang tên anh "Supper Pippo, Supper Pippo, Supper Pippo" trong sung sướng, trong nghẹn ngào, trong nỗi niềm cháy bỏng.

Và cũng như như Nesta, như Gattuso… một phần ba đời người của các anh đặt ở Milano, để bàn tay luôn đặt lên trái tim và nói lời yêu với màu Đỏ-Đen này. San Siro không bao giờ quên được một tiền đạo ốm o vào sân cứ chạy lăng xăng, miệng như thỉnh thoảng rên lên: "Pirlo, Kaka, Rui Costa, sao không mau mau đưa bóng lên". Và khi bóng được phất lên, anh chạy lui, anh chạy ngược, hậu vệ mới thấy anh ở bên này đã thấy anh đứng trước mặt thủ môn, và

“VÀO”. Bên trên, cổ động viên đội bạn hô lên “Việt vị rồi!” Trọng tài thì lắc đầu chỉ tay vào vòng tròn giữa sân. Chuyện của Inzaghi là “làm bàn”, chứ không phải “cách làm bàn.” Sir Alex Ferguson bảo: “Inzaghi sống giữa ranh giới việt vị và không việt vị”.

Cho dù không sở hữu những quy chuẩn khắt khe của một tiền đạo mà từ điển bóng đá thường gạch đầu dòng, nhưng Inzaghi lại là tiền đạo duy nhất mà bậc thầy thực dụng José Mourinho phải sợ. Thuở ấy, khi còn dẫn dắt Real Madrid, trước cuộc đối đầu với AC Milan tại Champions League mùa giải 2010-11, José Mourinho đã nói: “Tôi không sợ kể cả họ có 10 tiền đạo. Tôi cảm thấy an tâm vì Inzaghi sẽ không thi đấu”. Trận đấu đó, Real thắng 2-0. Đến lượt về, Inzaghi quay lại và không “phụ lòng” Mourinho với cú đúp vào lưới Iker Casillas. Sau trận, Mourinho khoác vai Inzaghi vừa đi vừa cười.

Mathieu Flamini, khi còn khoác áo Milan, chứng kiến Inzaghi thi đấu đã phải thốt lên, “Anh ấy không phải đi tìm bóng, mà bóng tự biết anh ấy đang ở đâu để tìm đến”. Với Pippo mà nói, ngoài việc đưa bóng vào lưới, anh chẳng biết làm gì cả. Inzaghi là chấm phá khác lạ cho nét đẹp của dòng chảy 121 năm Calcio và 120 năm AC Milan. Một nét đẹp thú vị pha lẫn sự tinh quái. Người ta yêu mến anh vì nét đẹp mà ở nơi ấy có sự lém lỉnh, cái tinh quái, dáng chạy thoăn thoắt, ngã xuống, đôi tay giơ lên, miệng kêu gào “chưa việt vị mà”, “phạm lỗi rồi” (Khổ, anh bị “ủn” cái là ngã), là những cú hattrick đến như mưa rào mùa hạ, là những khoảnh khắc đặc biệt của các bàn thắng không ai ngờ nổi, là những pha ăn mừng, những nụ cười và giọng nói như khóc của anh trong những đêm tàn của sự nghiệp, “Tôi không thể ra đi vì tôi quá yêu màu áo này”. Các Milanista yêu anh vì điều đó.

Các tifosi Italia đau đáu vì điều đó, khi họ biết rằng Inzaghi của họ sẽ chẳng bao giờ xuất hiện với đôi tay dang rộng, miệng gào to méo xệch khi sút tung lưới đối phương một lần nào nữa. Anh giã từ sự nghiệp năm 39 tuổi, nhưng trước đó, dù bao nhiêu kẻ nghi ngờ, thì sức chiến đấu kiên cường trên thân hình mảnh khảnh đó vẫn miệt mài từng năm tháng một. Tất cả để níu giữ cho những con tim yêu quý anh tiếp tục được hạnh phúc khi thấy anh ghi bàn. Bởi anh từng tuyên bố, “Tôi sẽ ghi bàn cho đến năm 40 tuổi”. Họ mãi chờ và tin vào điều đó.

Nhưng anh đã không thực hiện được lời hứa ấy, anh không thể là cây trường sinh bất tử trong thế giới bóng đá quá vội vã. Anh giã từ sự nghiệp sân cỏ ở tuổi 39. Trong những năm cuối ở Milan, người ta hành hạ lên khát vọng của anh. Huấn luyện viên Allegri

đưa ra danh sách cầu thủ dự Champions League mà không có anh, không có tay săn bàn vĩ đại thứ hai lịch sử Cup châu Âu ở thời điểm đó. Hôm ấy, anh cố gắng nói mà như đau, "Tôi yêu Milan, nhưng có lẽ cũng phải cân nhắc tương lai nếu đội bóng không còn cần tôi nữa". Những ngày cuối sự nghiệp, Inzaghi như giọt nắng cuối chiều, chói chang mà hiu hắt. Ngày 14-5-2012, chứng kiến những giọt nước mắt khi anh ghi bàn thắng cuối cùng và quỳ ở trên sân đầy xúc cảm, đi cùng với những cái hôn gió lên San Siro bằng đôi mắt ướt, ở trên khán đài, con tim các Milanista chết lặng. Kể từ khi Van Basten giã từ sự nghiệp sân cỏ khiến cho cả một thế hệ Milanista rơi nước mắt, chỉ có một tiền đạo thứ hai làm được như Van Basten, đó là Inzaghi. Cũng như "Thiên Nga Trắng" hôm nào, chiếc đồng hồ thời gian của những ai yêu mến Inzaghi đã dừng lại mãi mãi vào ngày 14-05-2012 ấy - hôm đó, Pippo ghi bàn và khóc trên San Siro. Bàn thắng cuối, đoản khúc cuối cùng, để cho Pippo trẻ mãi.

Dòng chảy ghi bàn của Pippo đã ngừng lại với sau lưng anh là hàng ngàn niềm vui sướng mà anh để lại cho kí ức của những người yêu mến anh, 313 bàn thắng với 70 nỗi ám ảnh mà anh gây ra cho các thủ môn toàn cõi châu Âu, trong đó có cú đúp vào lưới Liverpool ở trận chung kết năm 2006-07 để đưa về cho Milan chiếc Cup bạc lần thứ 7. Hai bàn thắng ấy là điển hình cho phong cách của Inzaghi, bàn đầu tiên là vô tình chạm vai anh mà đổi hướng khi anh đang chạy xuống sau cú đá phạt của Pirlo, còn bàn thắng thứ hai đến từ pha phá bẫy việt vị như một vị thần.

Các tifosi yêu anh vì sự kì lạ trong cách săn bàn của anh và cả sự chiến đấu luôn đeo đẳng nơi anh. Ở Inzaghi, có khát khao cống hiến tới tận gam cuối cùng của cơ thể, cái tinh thần của một đôi chân luôn run rẩy vì hạnh phúc được ra sân, thứ mà đội tuyển quốc gia Italia không thể có được anh một cách trọn vẹn nhất.

Inzaghi không cần thể hình, thể lực, tốc độ, tì đè và khả năng càn lướt, Inzaghi chỉ cần ngửi mùi bàn thắng và bàn thắng sẽ tới.

Khát vọng của kẻ chinh phục vĩ đại

Alex Nguyễn

-Họ và tên: Clarence Clyde Seedorf

- Ngày sinh: 1-4-1976

- Quốc tịch: Hà Lan

- Vị trí: Tiền vệ

- Số lần khoác áo đội tuyển quốc gia: 87 (11 bàn)

- Số lần khoác áo Milan: 431 (63 bàn)

- Danh hiệu:

• Vô địch Serie A: 2004, 2011

• Vô địch Coppa Italia: 2003

• Vô địch Supercoppa Italia: 2004, 2011

• Vô địch Champions League: 2003, 2007

• Vô địch Siêu Cup châu Âu: 2003, 2007

• Vô địch Thế giới các câu lạc bộ: 2007

• Tiền vệ xuất sắc nhất châu Âu của UEFA: 2007

Tôi sẽ không bắt đầu bài viết này bằng một điều gì đó liên quan đến bóng đá Ý, đội tuyển Hà Lan hay thậm chí trái bóng tròn. Tôi muốn đưa quý độc giả trở về hơn 200 năm trước, khi mà thậm chí bóng đá còn chưa trở thành một trò chơi phổ biến. Những năm đầu của thế kỉ XIX, châu Âu quỳ rạp dưới chân một con người nhỏ

bé, được sinh ra trong những nghi kị, đã vượt lên trên tất cả để bắt cả châu Âu phải quy phục mình. Napoleon - vị tướng vĩ đại của nước Pháp và Clarence Seedorf - huyền thoại của thành Milano và đội tuyển Hà Lan đều là những người được sinh ra để chinh phục những kì tích vĩ đại.

Sự bình tĩnh, lạnh lùng và quyết đoán trong những thời khắc then chốt đã tạo nên một vị tướng kiêu hùng trong lịch sử nhân loại. Con đường ông bước đi không chỉ trải đầy hoa hồng mà ở đó có máu, nước mắt, nghị lực tột cùng để đạt đến tột đỉnh của vinh quang. Con đường mà Clarence Seedorf đã bước đi cũng như vậy. Anh là cầu thủ duy nhất trong lịch sử bóng đá cho đến hiện tại đã vô địch Champions League với ba câu lạc bộ khác nhau. Dấu chân anh đặt đến đâu, nơi đấy lấp lánh với danh hiệu và vương miện của vị vua. Bảng thành tích vĩ đại cho một kẻ chinh phục - người biến những giấc mơ điên rồ nhất của một cậu bé nhập cư thành sự thật.

Năm 2 tuổi, Seedorf đặt chân lên mảnh đất Hà Lan. Sinh ra trong một gia đình gốc Suriname, mang trên mình thân phận nhập cư và làn da màu, anh đứng ngoài những định kiến xã hội và nạn phân biệt chủng tộc. Seedorf không sa lầy vào vô vàn những cám dỗ như bao đứa trẻ nhập cư khác tại các khu phố ổ chuột của Hà Lan thập niên 80. “Chúng tôi rất nghèo, không có nhiều điều kiện phát triển, vì vậy làm việc chăm chỉ là cách duy nhất để chúng tôi có thể có cuộc sống tốt hơn”, Seedorf trả lời khi được hỏi về tuổi thơ của mình. Anh đã chứng minh bản thân bằng nghị lực phi thường và những thành công ngoài sức mong đợi ngay từ khi còn rất trẻ

“Giáo dục đi trước và bóng đá đi sau” - đó là suy nghĩ của Seedorf khi anh mới 15 tuổi. Mạnh mẽ và kiên định đến lạ kì, một cậu bé chưa tròn 16 tuổi đã từ chối lời chào mời của Real Madrid để tiếp tục khoác trên mình màu áo của học viện Ajax Amsterdam và hoàn thành việc học tại Hà Lan. Ngày 29-11-1992 đánh dấu kỉ lục đầu tiên của Seedorf - cầu thủ trẻ tuổi nhất mặc chiếc áo đấu Ajax thi đấu trong một trận bóng chuyên nghiệp. Khi đó Seedorf chỉ mới 16 tuổi 242 ngày và phần còn lại sự nghiệp là lịch sử vĩ đại với vô vàn kỉ lục bị phá.

Từ Ajax đến Real Madrid, từ Sampdoria đến Inter bằng khát vọng chứng tỏ bản thân và giá trị của mình, Seedorf đã luôn là một nhân tố quan trọng đóng góp vào những chiếc cúp vô địch quốc gia và đặc biệt là 2 lần nâng cao chức vô địch Champions League vô giá cùng Ajax và Real Madrid. “Khi bạn là một con người tham

vọng thì dù cho bao nhiêu chiến thắng cũng không đủ. Nếu tôi đã no nê với danh hiệu Champions League lần thứ 3 thì đột nhiên tôi lại thèm khát chiếc cúp đó lần thứ 4. Một vài tháng nghỉ giữa mùa giải là đủ với tôi để cơn thèm khát danh hiệu trở lại và tôi sẽ làm mọi thứ để đạt được nó lần nữa", những lời thổ lộ của Seedorf nhiêu đó là quá đủ để chúng ta hình dung về khát vọng của một kẻ chinh phục, một con người mà cho dù đã đạt được bao nhiêu thành công cũng sẽ không bao giờ giải được cơn khát vinh quang đến cùng cực của mình.

Ngày Pogba trở về mái nhà xưa Old Trafford, anh đã phát biểu: "Mục tiêu của tôi là trở thành một siêu tiền vệ - một cầu thủ con thoi có thể công thủ toàn diện và tham gia kiến thiết lối chơi của cả đội". Đó chính là những lời mô tả chính xác nhất về lối chơi của Seedorf. Milan may mắn đã tìm được một siêu tiền vệ như thế khi kí hợp đồng với anh vào năm 2002. Không được mong đợi và đầy hoài nghi sau hai năm không thật sự thành công với Inter, nhưng Seedorf đã ngay lập tức khẳng định giá trị bản thân khi cùng sự thăng hoa của linh dương Shevchenko và hàng thủ siêu hạng được dẫn dắt bởi Maldini, anh đã đi một mạch vào chung kết Champions League, đánh bại đại kình địch Juventus để đoạt chiếc Cup C1 lần thứ 3 với ba câu lạc bộ khác nhau.

Mạnh mẽ như một con báo đen, kĩ thuật như một "trequartista" hảo hạng và những pha "nã đại bác" đặc sản không thể cản phá có thể xoay chuyển cả trận đấu. Chắc hẳn các cổ động viên của Manchester United không thể quên được cú sút chìm vào góc đánh bại thủ môn huyền thoại Van Der Sar hay pha nã đại bác không tưởng của Seedorf đem về chiến thắng cho AC Milan trước đại kình địch Juventus năm nào.

Seedorf không phải là người nổi bật nhất, không phải là trung tâm của truyền thông và báo chí, nhưng anh là chìa khóa dẫn tới danh hiệu mà mọi đội bóng muốn đạt được đỉnh vinh quang đều không thể thiếu. Ở mỗi trận đấu mà Seedorf tham gia, anh thiêu đốt đối phương bằng nguồn năng lượng vô tận của mình, anh truyền cho các đồng đội tinh thần không biết lùi bước. Cháy bỏng bằng sự hoang dã trong dòng máu của mình và thừa hưởng một nền tảng kĩ thuật và kỉ luật từ lò đào tạo Ajax trứ danh đã tạo nên một cầu thủ toàn diện, Seedorf là lá bài trong tay áo mà bất kì vị huấn luyện viên nào cũng khao khát có được.

Rất khó để xác định vị trí chính xác của Seedorf trong đội hình. Anh có thể chơi tốt ở cánh bằng nguồn sức mạnh vô hạn của mình, cũng có thể trở thành một số 10 "player-maker" thực thụ,

bằng kĩ thuật của mình áp đặt lối chơi lên đối thủ và cũng có thể trở thành một máy càn quét để thu hồi bóng cho đội. Khi có Rui Costa và sau này Kaka trong đội hình, Seedorf có thể lui về sau và trở thành cầu nối cung cấp sự gắn kết và ổn định cho lối chơi. Khi Milan thiếu vắng những số 10 thực thụ thì đấy là lúc Seedorf bước lên và trở thành thủ lĩnh của đoàn quân sọc Đỏ-Đen. Seedorf chỉ đơn giản là một cầu thủ hoàn hảo và vô cùng phù hợp cho đội hình cây thông "4-3-2-1" mà Ancelotti áp dụng, đội hình đã đi vào lịch sử bóng đá thế giới như một trong những phát kiến vĩ đại nhất trong thập niên đầu của thế kỉ XXI.

Seedorf là một cầu thủ sùng đạo và vô cùng nghiêm khắc với bản thân. Rượu, bia hay các chất kích thích không bao giờ nằm trong danh mục thức uống của anh. Bruno de Michelis, nhà tâm lí học của Milan, mô tả Seedorf như một hình mẫu cho mọi cầu thủ trẻ noi theo, "Khi tôi nói chuyện với Seedorf, 10% anh ấy là cầu thủ, 70% lại như một vị huấn luyện viên đĩnh đạc và 20% là một nhà điều hành". Nghiêm khắc với bản thân cùng với cá tính mạnh mẽ đã tạo nên một tiền vệ đầy gai góc và thông minh không chỉ trên sân bóng mà cả cuộc sống đầy màu sắc của anh ở ngoài đời. Seedorf sở hữu một công ty thể thao và truyền thông. Anh cũng là một người đàn ông với trái tim đầy nhân ái. Anh có những đóng góp tích cực cho xã hội và các quỹ từ thiện, đồng hành với nhiều nhân vật nổi tiếng khác như Kofi Annan, Nelson Mandela.

Mười năm tròn trong màu áo Đỏ-Đen là 10 năm Seedorf đã đem tất cả những gì tinh túy nhất của bản thân đóng góp vào sự thành công của đội bóng. Anh đã bước cùng Milan qua những đêm dài bất tận Istanbul, là nỗi tủi hổ khi bóng đêm của Calciopoli bao trùm nước Ý và chứng kiến đại kình địch Inter qua mặt, để rồi dòng máu của kẻ chinh phục chảy trong anh cũng đã đưa anh và Milan đến tột đỉnh vinh quang, sự thần phục của toàn châu Âu khi anh nâng cao chiếc cúp vô địch Champions League hai lần trong 10 năm. Đời cầu thủ có mấy lần 10 năm, nơi ấy anh đi qua và để lại cả một bầu trời đầy những chiến công…

Trung vệ lãng mạn cuối cùng

Vũ Hoàng (ACMilanVN)

-Họ và tên: Alessandro Nesta

- Ngày sinh: 19-3-1976

- Quốc tịch: Italia

- Vị trí: Trung vệ

- Số lần khoác áo đội tuyển quốc gia: 78

- Số lần khoác áo Milan: 326 (10 bàn)

- Danh hiệu:

• Vô địch Serie A: 2004, 2011

• Vô địch Coppa Italia: 2003

• Vô địch Supercoppa Italia: 2004, 2011

• Vô địch Champions League: 2003, 2007

• Vô địch Siêu Cup châu Âu: 2003, 2007

• Vô địch Thế giới các câu lạc bộ: 2007

• Hậu vệ xuất sắc nhất Serie A: 2000, 2001, 2002, 2003

Ngày 1-9-2002, Alessandro Nesta trong chiếc áo sơ mi trắng lịch lãm, đứng từ trên ban công trụ sở Milan tại Via Turati. Anh cầm chiếc áo Đỏ-Đen trên tay và nhìn xuống đám đông người hâm mộ đang ngóng chờ, nở một nụ cười. Đến tận lúc này, các cổ động viên Milan mới dám tin rằng họ đã có Nesta, sau một thương vụ vô cùng gay cấn như phim hành động và chỉ kết thúc vào những giây cuối cùng của thị trường chuyển nhượng mùa hè. Nhưng những

người chứng kiến sẽ không bao giờ phải hối hận bởi họ đã có mặt trong lễ ra mắt bản hợp đồng phòng ngự lớn nhất của Milan dưới triều đại Berlusconi, một bản hợp đồng chất lượng tới từng đồng euro. Chặng đường của Nesta với Milan đã bắt đầu như vậy…

Mùa hè năm 2002, Nesta trở về từ châu Á sau một World Cup nhuốm đầy màu cay đắng. Đội tuyển quốc gia Italia, một trong những ứng cử viên vô địch, với đội hình vô cùng hùng mạnh, đã thất bại trước đội chủ nhà Hàn Quốc trong một scandal có lẽ là lớn nhất của bóng đá thế giới. Song, anh vẫn chưa được nghỉ ngơi, bởi lúc này, những tin đồn chuyển nhượng đã ồ ạt kéo đến. Đại diện của Inter, Milan, Real Madrid hay Manchester United đến Roma như đi chợ. Tất cả đều muốn lôi kéo anh về đội bóng của mình.

Nesta nói với Cragnotti rằng anh không muốn rời Lazio và sẽ tiếp tục gắn bó với câu lạc bộ. Nhưng ông ta đã thẳng thừng, "Cậu phải đi ngay vì thị trường chuyển nhượng sắp đóng cửa và chúng tôi thì cần có tiền". Nesta đã cố gắng không quan tâm tới việc chuyển nhượng và từ chối những lời đề nghị suốt mấy tháng qua. Nhưng vị chủ tịch của Lazio đã quyết định bán anh để đổi lấy 30 triệu euro từ tay Milan. Vài giờ sau đó, dưới sức ép từ ban lãnh đạo, đội trưởng của đội bóng buồn bã lên máy bay tới Milano để khám sức khỏe và kí hợp đồng trong khi đồ đạc của anh vẫn còn ở Roma. Tại đây, anh bỗng nhiên nhìn thấy Hernan Crespo. "Cậu làm cái quái gì ở đây thế?", Nesta hỏi với vẻ kinh ngạc. Tiền đạo Argentina cũng chẳng kém phần bối rối "Họ bán tôi cho Inter". Nesta sững sờ, "Còn ai ở Formello không?" Đáp lại là một nụ cười đầy gượng gạo.

Nesta đến với buổi lễ ra mắt ở trụ sở Milan với tâm trạng như đeo chì. Anh vẫn còn chưa hết bàng hoàng và không chấp nhận được sự thật rằng mình đã bị Cragnotti phản bội. Sau này, anh mô tả lại mình hôm đó "như đến dự một đám tang" và khiến Paolo Maldini phải đích thân an ủi.

Với những người đã biết Nesta từ lâu, chắc chắn họ sẽ không ngạc nhiên về tâm trạng của anh trong ngày đầu tại một câu lạc bộ mới. Bởi đơn giản, Nesta, cũng như toàn bộ gia đình anh, là những cổ động viên trung thành của Lazio và anh luôn coi đội bóng ấy như ngôi nhà thứ hai của mình. Anh đến với Lazio một cách tình cờ, hoàn toàn tình cờ…

Tháng 9-1984, ông Giuseppe đưa hai cậu con trai tới học viện bóng đá Cinecitta. Hôm ấy, Fernando sẽ tham dự một kì thi tuyển đầu vào. Chứng kiến các cậu bé đồng trang lứa nhảy múa và đùa giỡn với trái bóng tròn, Alessandro ngứa ngáy tay chân và xin bố

mình để được thi cùng anh trai. Chiều theo ý con, ông Giuseppe bấm bụng móc túi 30.000 lire với suy nghĩ "chỉ để nó được vui". Nhưng cuối cùng, người trúng tuyển lại là Alessandro.

"Viên ngọc của thành Roma" đã bắt đầu tỏa sáng. Sự nghiêm túc và cầu thị của Nesta trên sân tập đã khiến các huấn luyện viên của Cinecitta vô cùng hài lòng. Rất nhanh chóng, tiếng tăm của cậu bé thần đồng đã đến tai Francesco Rocca. "Kawasaki" chỉ mất có vài tuần quan sát và vội vã gửi báo cáo lên ban lãnh đạo Roma, "Phải đưa thằng bé này về!" Phía Roma tiếp cận Cinecitta và ra giá 10 triệu lire cho một cậu nhóc 9 tuổi. Lúc này, tình yêu Lazio của Nesta chưa đủ sâu sắc và anh vẫn cảm thấy khá hào hứng trước viễn cảnh chơi cho một đội bóng lớn như Roma. Nhưng ông Giuseppe thì từ chối thẳng thừng: "Làm ơn, đừng để tôi nhìn thấy nó mặc cái áo màu Bã Trầu". Ông thiếu điều muốn quỳ xuống trước bàn thờ Chúa và cầu nguyện cho Lazio để ý đến con trai ông. Và điều kì diệu ấy đã đến, chỉ vài tháng sau đó.

Nesta chính thức gia nhập Lazio vào năm 1985 sau một loạt các bài kiểm tra. Ngày 13-3-1994, sáu ngày trước sinh nhật thứ 18, anh có trận ra mắt tại Serie A. Anh cần thêm một mùa giải để học hỏi trước khi trở thành trụ cột của Lazio ở tuổi 19. Bắt đầu từ ấy, người ta đã thấy hiện diện một chàng trai trẻ với mái tóc lãng tử và nghệ thuật phòng ngự đẹp như một bức tranh. Anh bước ra sân, ánh mắt chăm chú theo từng đường bóng. Và khi tiền đạo đối phương tới gần khung thành để chuẩn bị sút, anh lao tới, nhẹ nhàng đoạt lấy bóng và chuyền lên cho đồng đội. Cả khán đài ồ lên đầy phấn khích.

Dưới sự dẫn dắt của Zdeněk Zeman, Nesta trưởng thành rất nhanh, không chỉ trong khâu phòng ngự mà còn cả ở việc phát động tấn công. Chính những năm tháng được Zeman dạy dỗ đã khiến kĩ thuật của Nesta khác biệt hoàn toàn so với những trung vệ trước và sau anh. Người ta nhìn thấy vẻ đẹp của các cầu thủ tấn công. Còn anh nhìn thấy vẻ đẹp trong nghệ thuật phòng thủ. Anh là hiện thân của chính vẻ đẹp ấy. Những năm tháng ở Lazio là giấc mơ của cuộc đời Nesta. Anh lớn lên với màu áo Xanh và cùng với nó, đoạt được những danh hiệu lớn, từ Scudetto tới Cup C2 châu Âu. Và anh nghĩ mình sẽ gắn bó với Lazio suốt đời…

… Cho đến khi đội bóng lâm vào khủng hoảng tài chính. Các cổ động viên Lazio giận dữ trước quyết định bán Nesta của Cragnotti. Nhưng ông chủ của Biancocelesti không còn sự lựa chọn nào khác. Lazio cần rất nhiều tiền để trang trải các khoản nợ nần và sau nhiều lần trì hoãn, buộc phải bán đi biểu tượng của

mình. Nesta đã biết về việc anh có thể phải ra đi từ vài tháng trước đó. Vào cuối mùa giải 2001-02, anh chơi bóng một cách rất mất tập trung, thậm chí còn có những rạn nứt trong mối quan hệ với Ban lãnh đạo khi họ nói rằng họ sẽ bán anh đi. Tháng 9-2002, anh gia nhập Milan trong tâm trạng rối bời và cảm giác như bị người thân phản bội. Paolo Maldini và các đồng đội đã phải an ủi rất nhiều để anh nguôi ngoai và hòa nhập dần cùng đội bóng.

Song, ở trên sân là một Nesta hoàn toàn khác. Anh có mặt ở mọi nơi. Bất cứ điểm nóng nào xuất hiện trước cầu môn Milan là có anh ở đó. Anh tạo ra một lá chắn vững vàng trước khung thành của Dida và làm nền tảng cho một mùa giải phục hưng của câu lạc bộ với danh hiệu Champions League 2003. Trong rất nhiều năm, vị trí của Nesta ở Milan là không thể đụng tới, bất chấp hàng thủ xuất hiện một loạt những cái tên "khét lẹt" như Costacurta hay Jaap Stam.

Một thập kỉ trong màu áo Milan là một thập kỉ đầy thành công. Anh cùng các đồng đội vươn lên đỉnh cao của thế giới. Trong suốt quãng thời gian ấy, không có mùa hè nào Alex Ferguson không cố gắng đem anh về và Abramovich thì liên tục gọi điện cho Galliani để tâm sự về anh. Nhưng đó cũng là một thập kỉ của bệnh viện, của bàn mổ và những vết sẹo chằng chịt. Anh bị đau ở khắp nơi, từ vai cho tới lưng, từ dây chằng tới đầu gối, từ cơ tới bắp chân. Trung vệ kì lạ nhất thế giới không muốn làm đau các đối thủ khi phòng ngự. Và đổi lại cho sự cao thượng đó là những chấn thương dai dẳng từ năm này qua năm khác.

Mùa hè năm 2006, Nesta bị chấn thương lần thứ 11 trong sự nghiệp và phải đóng vai kép phụ trong hành trình lên ngôi vô địch thế giới của Azzurri. Anh không bao giờ thừa nhận về nỗi buồn của mình trong cái năm lịch sử ấy. Nỗi đau vẫn chưa chấm dứt. Tháng 11, anh bị chấn thương vai và phải ngồi ngoài thêm bốn tháng, chứng kiến một Milan thảm hại tại Serie A trước khi kịp trở lại vào tháng 3-2007 và cùng đội bóng làm nên hành trình vĩ đại tại Champions League.

Vai anh đã lành nhưng lại đến lúc cái lưng của anh bị tổn thương. Anh tiếp tục bị hành hạ trong những mùa sau chiến thắng kì diệu tại Athens. Chỉ trong bốn mùa giải cuối cùng ở Milan, Nesta đã phải vào Milan Lab tới 11 lần, vắng mặt tổng cộng 446 ngày và bỏ lỡ vô số trận chiến đầy cam go. Nesta sa sút và Milan không còn ở trên đỉnh châu Âu được nữa.

Song tất cả chỉ khiến các Milanista yêu anh hơn. Trong thế giới

bóng đá ngày càng thực dụng và thương mại, anh là hậu vệ lãng mạn cuối cùng của trường phái nghệ thuật phòng thủ Italia. Những trung vệ thượng thừa như Cannavaro, như Lucio, như Rio Ferdinand, như Puyol vẫn sẽ còn tiếp tục sản sinh ra. Nhưng một trung vệ mà khi cắt bóng trong chân đối thủ, khiến người xem phải thốt lên "Đẹp quá! Hệt như một bài thơ!" thì đã không còn. Những hình ảnh lãng mạn ấy đã kết thúc trong ngày anh chia tay với bóng đá. Để rồi, nó chỉ còn đọng lại trong trí nhớ của những người hoài cổ và yêu mến Calcio vĩ đại ngày nào.

Zidane có bóng và chọc khe cho Wiltord. Tiền đạo người Pháp quan sát và định lật vào trong. Nhưng anh ta không còn thấy trái bóng trong chân mình nữa. Bằng một phép màu nào đó, Nesta đã lấy nó một cách nhẹ nhàng và chuyền lên cho đồng đội. Mái tóc anh tung bay trong gió. Duyên dáng và đầy thanh lịch. Đó là Nesta của tôi, của bạn, của tất cả chúng ta…

Đôi cánh thiên thần

Cao Hải Thành (Gary Cao)

-Họ và tên: Ricardo Izecson dos Santos Leite

- Ngày sinh: 22-4-1982

- Quốc tịch: Brazil

- Vị trí: Tiền vệ tấn công

- Số lần khoác áo đội tuyển quốc gia: 92 (29 bàn)

- Số lần khoác áo Milan: 307 (104 bàn)

- Danh hiệu:

• Vô địch Serie A: 2004

• Vô địch Supercoppa Italia: 2004

• Vô địch Champions League: 2007

• Vô địch Siêu Cup châu Âu: 2007

• Vô địch Thế giới các câu lạc bộ: 2007

• Quả Bóng Vàng châu Âu: 2007

• Cầu thủ xuất sắc nhất thế giới: 2007

• Vua phá lưới Champions League: 2007

• Tiền đạo xuất sắc nhất châu Âu của UEFA: 2007

• Tiền vệ xuất sắc nhất châu Âu của UEFA: 2005

• Cầu thủ xuất sắc nhất Serie A: 2004, 2007

24-4-2007, phút thứ 37 của trận bán kết Champions League, Dida tung một cú phất bóng dài lên phía trên tưởng chừng như vô thưởng vô phạt, khi mà ở đó chỉ có một mình Kaka giữa hàng thủ của Manchester United. Và chính thủ môn người Brazil cũng không thể tưởng tượng được đó lại là một bàn thắng, một siêu phẩm của người đồng hương. Kaka dùng tốc độ và sức mạnh để vượt qua Fletcher, sau đó là một pha xử lí đi vào lịch sử khi anh tâng bóng qua đầu Heinze rồi lắc đầu rất nhanh đưa quả bóng qua khe hẹp khiến Heinze và Evra đâm sầm vào nhau. Pha bóng hoàn hảo được kết thúc bằng một pha dứt điểm "rất Kaka" - một pha đặt lòng nhẹ nhàng hạ gục thủ thành Van Der Sar. Sân Old Trafford chết lặng, còn Kaka thì vẫn như mọi khi: đưa hai tay lên trời ăn mừng để cảm ơn Chúa. Năm đó, anh giành Quả Bóng Vàng. Chúng ta đã có một Kaka như thế…

Những người xem bóng đá trong một thập kỉ qua đã quá quen thuộc và có phần nhàm chán với cuộc đua song mã của hai "siêu nhân" Cristiano Ronaldo và Lionel Messi, và điều ấy càng khiến những fan của làng túc cầu không thể quên cái tên Kaka, người duy nhất trước đây có thể đánh bại cả hai siêu sao kia để giành danh hiệu cao quý nhất cuộc đời một cầu thủ - Quả Bóng Vàng, cho đến khi Luka Modric làm được điều tương tự ở mùa giải gần nhất. Chúng ta có thể tranh cãi hàng giờ về việc Ronaldo hay Messi ai xứng đáng hơn ở những Quả Bóng Vàng gần nhất, nhưng danh hiệu năm đó của Kaka là một chiến thắng tuyệt đối và đầy thuyết phục, không nhận phải bất kì sự phàn nàn hay phản đối nào từ cả những người hâm mộ hay các chuyên gia. Cũng phải thôi, khi Kaka gần như đã một mình gồng gánh AC Milan để đoạt được chức vô địch Champions League thứ 7 của câu lạc bộ.

Nói tới Kaka là nói tới cái đẹp, anh đẹp từ ngoại hình, dáng vóc, cho tới tâm hồn và cả lối chơi bóng đá. Ngày Kaka đến với Milan, Carlo Ancelotti còn chả biết anh là ai, nghe tên thì ông nghĩ đây chắc là một cậu hướng đạo sinh và khi nhìn thấy, ông đinh ninh đây là một cậu sinh viên đại học. Nhưng Kaka đã thay đổi cái nhìn của tất cả mọi người ngay sau đó, Mr Carletto thậm chí còn cứng họng khi nhìn thấy những pha chạm bóng đầu tiên của cậu thanh niên với khuôn mặt điển trai này. "Cậu ta như siêu nhân với quả bóng trong chân vậy. Tôi ngừng phàn nàn về cậu ta ngay sau khi thấy những pha xử lí đầu tiên. Tôi còn nhớ ở bài tập đầu tiên, Gattuso đã lao vào tìm cách 'dằn mặt' ma mới bằng một pha tắc bóng rất mạnh, nhưng Kaka vẫn giữ được quả bóng trong chân mà chẳng hề hấn gì khiến Rino chỉ biết tức tối chửi thề. Và ngay sau đấy, cậu ta thực hiện một pha sút xa từ cự li 30m mà Nesta đứng ngay đó cũng không thể làm gì", Ancelotti kể lại, "Cậu ta hóa

ra không hề như chúng tôi nghĩ, Kaka là một thiên tài".

Kaka sở hữu kĩ thuật cá nhân tuyệt vời đối với một cầu thủ có chiều cao 1m86; bình thường những cầu thủ khéo léo như vậy thường có chiều cao thấp cho đến trung bình để có thể dễ dàng thực hiện những tình huống lắc bóng mà không mất trụ, tuy nhiên Kaka thì ngược lại. Nhưng điều hay nhất trong lối chơi của Kaka là anh lại rất ít khi lạm dụng kĩ thuật, ngược lại, "thiên thần" có lối đá cực kì đơn giản và hiệu quả. Không giống như vô số các đàn anh đồng hương đã thành danh của mình, Kaka không "showboat" nhiều như Ronaldinho, Ronaldo hay Rivaldo, lối chơi của anh thể hiện một cái gì đó vừa thanh thoát mà vừa bùng nổ. Xem Kaka đá vẫn đảm bảo sự đẹp mắt, mà hiệu quả thì tối đa.

Trước khi Kaka đến, Milan chơi đẹp mắt, nhưng tương đối chậm rãi và có phần vẽ vời bởi họ sở hữu một trong những số 10 cổ điển hay nhất thế giới: Rui Costa. Và rồi chàng trai trẻ người Brazil đã thay đổi tất cả. Có anh, Milan đá nhanh hơn, vũ bão hơn. Cách Kaka xử lí bóng, bứt tốc và thực hiện cú đặt lòng đã trở thành thương hiệu vào góc xa khung thành luôn khiến người hâm mộ mãn nhãn. Và rồi sau đó anh ăn mừng bằng cách giơ hai tay lên trời làm dấu cảm ơn Chúa, nụ cười cũng nở thật tươi trên khuôn mặt rạng ngời. Kaka đúng là một "thiên thần" đích thực trong mắt những người yêu bóng đá trên toàn thế giới.

Người hâm mộ anh nói riêng hay các fan của AC Milan nói chung đã quá quen thuộc với cách ăn mừng của Kaka nhưng không phải ai cũng biết lí do thực sự đằng sau nó. Năm 18 tuổi, anh bị một chấn thương cột sống nghiêm trọng khi đi bơi, chấn thương không những có nguy cơ hủy hoại sự nghiệp bóng đá của anh, mà còn có thể khiến anh vĩnh viễn không thể đi lại được bình thường. Thế nhưng như một sự diệu kì đến từ bàn tay của Chúa, Kaka không chỉ bình phục mà còn bình phục rất nhanh và từ đó, anh trở thành một người sùng kính Chúa hơn ai hết. Như một con chiên ngoan đạo, lối sống của Kaka cực kì lành mạnh và có phần "nhàm chán", khi gần như cuộc đời Kaka lúc này chỉ xoay quanh ngôi nhà của mình, nhà thờ và sân bóng. Đã có một giai thoại thú vị khi Pato gia nhập Milan vào năm 2007; khi "vịt con" bước vào phòng thay đồ, anh đã phải chọn phe: phe ăn chơi thì theo Ronaldinho, còn nếu muốn sống lành mạnh, ngoan hiền thì theo Kaka. Và đương nhiên Pato đã chọn Ronaldinho, bởi cầu thủ bóng đá nói chung và đặc biệt là cầu thủ Brazil nói riêng, rất hiếm người có thể giữ mình trong một môi trường nhiều cám dỗ được như Kaka.

Kaka tài năng đến mức anh thay đổi cả một hệ thống vận hành của một câu lạc bộ lớn như Milan, anh khiến Ancelotti phải thay đổi từ sơ đồ 4-3-1-2 sang sơ đồ 4-3-2-1 để có thể tận dụng hết khả năng của anh. Nhưng tầm ảnh hưởng của anh không chỉ dừng lại ở đó, Kaka cũng trở thành số 10 hiện đại đầu tiên thành công và thành công rực rỡ, qua đó cũng vô hình trung góp phần làm lụi tàn một thế hệ "số 10 cổ điển" đã trường tồn qua nhiều năm. Sự xuất sắc của Kaka đã đẩy một huyền thoại như Rui Costa lên ghế dự bị và rồi khiến anh phải ra đi trong lặng lẽ vào mùa giải 2006 khi hết hạn hợp đồng mà không được gia hạn.

Nói thêm về cột mốc năm 2006, đó là mùa giải mà vụ bê bối dàn xếp tỉ số lớn nhất lịch sử bóng đá Ý bị phanh phui và Milan cũng là một trong những câu lạc bộ bị giáng đòn trừng phạt. Ngoài việc mất đi Rui Costa, Milan cũng phải nói lời chia tay với một ngôi sao lớn khác - chân sút chủ lực Shevchenko. Sự suy kiệt cả về tài chính, con người cho đến tâm lí đã khiến Milan có một mùa giải đáng thất vọng ở Serie A, và ngay cả ở Champions League những gì lữ đoàn Đỏ-Đen thể hiện cũng không thực sự thuyết phục. Tuy nhiên, thật may mắn vì chúng ta còn có Kaka. Tại giải đấu hấp dẫn nhất hành tinh cấp câu lạc bộ, sự xuất sắc của Kaka đã kéo cả đoàn tàu rệu rã AC Milan đến với chức vô địch và bản thân anh cũng sở hữu danh hiệu cao quý nhất cho riêng mình: Quả Bóng Vàng.

Nói thêm về trận bán kết Champions League năm đó, khi Milan được báo chí ví von là "một mình chống lại người Anh" và có tới 3/4 đội vào bán kết đến từ Premier League. Cuộc đối đầu năm ấy là cuộc đối đầu giữa hai thế lực khổng lồ của bóng đá châu Âu nhưng lại đang ở trong hai hoàn cảnh hoàn toàn trái ngược nhau: Milan đang trên đà xuống dốc khi các trụ cột ra đi và những người còn lại bắt đầu có dấu hiệu của tuổi tác, năm đó cũng chính là cột mốc đánh dấu đầu tiên cho giai đoạn tụt dốc thê thảm của nửa Đỏ-Đen thành Milan cho đến tận bây giờ; trong khi phía bên kia, quỷ đỏ thành Manchester đang sung sức hơn bao giờ hết với một dàn cầu thủ trẻ, khỏe và đầy tài năng (minh chứng rõ rệt nhất là việc họ giành 3 chức vô địch ngoại hạng Anh liên tiếp và vô địch Champions League ngay mùa giải sau).

Nhưng tất cả mọi con số thống kê, mọi phân tích dự đoán đều không thể cản bước Kaka tỏa sáng rực rỡ giúp Milan đả bại đối thủ thuyết phục với tổng tỉ số 5-3 sau hai lượt trận, trước khi có sự trả thù ngọt ngào dành cho Liverpool để nâng cao chiếc cúp danh giá trong đêm Athens diệu kì. Những gì tinh túy nhất, đẹp nhất của số 22 đã được thể hiện vào mùa giải ấy, như một lời chia tay đáng

nhớ nhất dành cho đế chế Milan-Ancelotti…

Hai năm sau, cả Ancelotti lẫn Kaka đều nói lời tạm biệt với Milan. "Thiên thần" ra đi để lại những giọt nước mắt, những sự tiếc nuối và có cả căm phẫn của những người yêu mến anh ở phía sau. Anh đi để đến với "dải ngân hà" Real Madrid phiên bản 2.0 đang được Perez gây dựng, nơi mà anh được hứa hẹn sẽ có thể tung cánh vươn xa hơn nữa. Thế nhưng, ông trời đâu có cho ai tất cả. Dường như định mệnh đã khiến Kaka sinh ra là để dành cho Milan. Bốn năm ở Real là 4 năm đáng quên nhất trong sự nghiệp của anh, chấn thương liên miên khiến Kaka chưa bao giờ là chính mình tại nơi đây, nơi mà người ta nhớ đến anh như là một thiên thần gãy cánh. "Yêu là chết ở trong lòng một ít", và tất cả những gì Kaka thể hiện ở Real chỉ khiến nỗi đau của những người yêu anh trở nên da diết hơn.

Cuối cùng cái gì đến cũng phải đến, như một lẽ tất yếu, Kaka trở lại với Milan như cách người ta vẫn ví von về những người yêu nhau kiểu gì cũng sẽ quay lại với nhau. Tại mái nhà San Siro, người ta vẫn hô vang tên anh, vẫn giơ cao những băng rôn, biểu ngữ với hình ảnh anh trên đó. Tại đây, lúc này, Kaka đã chậm hơn, không còn những pha bứt tốc kinh hoàng hay những pha lắc bóng điêu luyện như ngày nào. Trên khuôn mặt thiên thần cũng đã xuất hiện những nếp nhăn và chùm râu quai nón, nhưng tại đây người ta lại được thấy anh cười, nụ cười hạnh phúc mà người hâm mộ đã phải đợi quá lâu để được thấy lại.

Một câu chuyện tình yêu khác của Kaka - cuộc hôn nhân tưởng như viên mãn và đáng tự hào của Kaka cũng đi đến hồi kết sau đó khi anh chia tay với Caroline, người mà thậm chí anh còn "giữ gìn quan hệ trong sáng" cho đến tận lúc cưới.

Kaka kết thúc sự nghiệp bóng đá ở nước Mỹ xa xôi dưới màu áo Orlando City trong sự tiếc nuối của người hâm mộ và của cả chính anh nữa. Với Kaka, dường như mọi thứ vẫn còn rất dang dở. Với Kaka, vẫn còn rất nhiều chữ "nếu" mà vĩnh viễn sẽ không có lời giải đáp. Với Kaka, bức tranh anh vẽ là một bức tranh rất đẹp nhưng có quá nhiều màu buồn trong đó. Còn với tất cả, anh xứng đáng có được nhiều hơn thế.

Cảm ơn anh vì tất cả, Ricardo Izecson dos Santos Leite!

Phần III
MALDINI - DI MILAN

Maldinate - những cột mốc đáng nhớ

Thời gian đến rồi đi, Milan trải qua hơn trăm tuổi. Hơn một thế kỉ với nhiều giai đoạn thăng trầm, với những chiến thắng lẫy lừng, những tài năng xuất chúng, những cầu thủ đã trở thành huyền thoại, những câu chuyện đi sâu vào lòng người... Trong muôn vàn điều đặc biệt ở Milan, có một gia đình đã gắn bó với Milan suốt 65 năm qua và vẫn đang còn tiếp tục, một gia đình được cho là "mang dòng máu Đỏ-Đen", gắn liền với những danh hiệu cao quý nhất, một gia đình "thuộc về Milan" - Di Milan - dòng họ Maldini. Tính đến thời điểm hiện tại, gia đình Maldini đã gắn bó 3 thế hệ với tổng cộng 5 người cho Milan - một kỉ lục thực sự của bóng đá hiện đại.

1. Cesare Maldini

- Ngày sinh: 5-2-1932

- Ngày mất: 3-4-2016

- Số lần khoác áo Milan: 412 (3 bàn)

- Số lần khoác áo đội tuyển quốc gia: 14

- Danh hiệu cùng Milan:

• Vô địch Serie A: 1955, 1957, 1959, 1962

• Vô địch Coppa Italia: 1973 (đồng huấn luyện viên)

• Vô địch Cup C1: 1963 (cầu thủ), 1969 (trợ lí huấn luyện viên)

• Vô địch Cup C2: 1973 (đồng huấn luyện viên)

2. Paolo Cesare Maldini

- Ngày sinh: 26-6-1968

- Số lần khoác áo Milan: 902 (33 bàn) - kỉ lục của câu lạc bộ

- Số lần khoác áo đội tuyển quốc gia: 126 (7 bàn)

- Danh hiệu cùng Milan:

• Vô địch Serie A: 1988, 1992, 1993, 1994, 1996, 1999, 2004

• Vô địch Coppa Italia: 2003

• Vô địch Supercoppa Italia: 1988, 1992, 1993, 1994, 2004

• Vô địch Cup C1/Champions League: 1989, 1990, 1994, 2003, 2007

• Vô địch Siêu Cup châu Âu: 1989, 1990, 1994, 2003, 2007

• Vô địch Cup Liên lục địa: 1989, 1990

• Vô địch Cup Thế giới các câu lạc bộ: 2007

• Cầu thủ xuất sắc nhất thế giới của FIFA: Xếp thứ 2 trong cuộc bầu chọn năm 1995

• Quả Bóng Đồng châu Âu: 1994, 2003

• Hậu vệ xuất sắc nhất UEFA: 2007

3. Pier Cesare Maldini

- Ngày sinh: 5-7-1972

- Danh hiệu cùng Milan:

- Vô địch Campionato Berretti: 1990

4. Christian Maldini

- Ngày sinh: 14-6-1996

5. Daniel Maldini

- Ngày sinh: 11-10-2001

- Danh hiệu cùng Milan:

• Vô địch U16 Italia: 2017

Niên biểu:

- 7-1954: Cesare gia nhập Milan.

- 19-9-1954: Cesare có trận ra mắt trong màu áo Milan.

- 5-1955: Danh hiệu đầu tiên của nhà Maldini, Scudetto 1955.

- 1-11-1955: Cesare trở thành một trong những cầu thủ Italia đầu tiên thi đấu tại Cup châu Âu.

- 23-11-1955: Cesare trở thành một trong những cầu thủ đầu tiên tiến hành cuộc lội ngược dòng tại Cup châu Âu. Milan là câu lạc bộ đầu tiên trong lịch sử 3 Cup châu Âu bị thua ở lượt đi (thậm chí thua ngay tại San Siro) nhưng vẫn đi tiếp.

- 28-5-1958: Trận chung kết Cup châu Âu đầu tiên của nhà Maldini, Milan thua Real 2-3 sau hiệp phụ.

- 6-1-1960: Cesare trở thành tuyển thủ quốc gia ở tuổi 28.

- 6-1961: Cesare được bầu làm đội trưởng chính thức của Milan.

- 31-5-1962: Cesare có trận đấu đầu tiên tại một giải đấu lớn cấp đội tuyển quốc gia, World Cup 1962.

- 22-5-1963: Danh hiệu châu Âu đầu tiên, Cesare trở thành cầu thủ Italia đầu tiên chạm tay vào Cup C1 châu Âu.

- 13-10-1963: Cesare thi đấu trận cuối cho đội tuyển quốc gia.

- 6-1966: Cesare rời khỏi Milan lần thứ nhất.

- 8-1967: Cesare trở lại Milan giữ cương vị Giám đốc Kĩ thuật.

- 7-1972: Cesare trở thành huấn luyện viên trưởng của Milan.

- 6-1974: Cesare rời Milan lần thứ 2.

- 9-1978: Paolo gia nhập lò Milanello.

- 7-1980: Cesare trở thành trợ lí huấn luyện viên của đội tuyển quốc gia Italia.

- 11-7-1982: Cesare cùng đội tuyển quốc gia Italia đoạt danh hiệu

vô địch World Cup 1982.

- 9-1982: Pier gia nhập lò Milanello.

- 20-1-1985: Paolo có trận ra mắt cho Milan ở tuổi 16.

- 18-9-1985: Paolo có trận đấu đầu tiên tại Cup châu Âu (UEFA Cup)

- 19-6-1986: Cesare trở thành huấn luyện viên U21 Italia.

- 4-1-1987: Paolo có bàn thắng đầu tiên cho Milan.

- 31-3-1988: Paolo có trận đấu đầu tiên cho đội tuyển quốc gia.

- 5-1988: Danh hiệu đầu tiên của Paolo, Scudetto 1988.

- 10-6-1988: Paolo có trận đấu đầu tiên ở giải đấu lớn cấp đội tuyển quốc gia, Euro 1988.

- 24-5-1989: Danh hiệu châu Âu đầu tiên của Paolo, Cup C1 năm 1989. Gia đình Maldini trở thành gia đình đầu tiên trong lịch sử có cả cha và con đều là nhà vô địch Cup C1.

- 6-1992: Pier rời khỏi Milan.

- 20-1-1993: Paolo đeo băng đội trưởng đội tuyển quốc gia lần đầu tiên.

- 17-7-1994: Trận chung kết World Cup đầu tiên của nhà Maldini, Italia thua Brazil 2-3 trong loạt đá luân lưu.

- 8-1994: Paolo chính thức trở thành thủ quân đội tuyển quốc gia.

- 12-1996: Cesare trở thành huấn luyện viên đội tuyển quốc gia Italia.

- 7-1997: Paolo trở thành đội trưởng chính thức của Milan.

- 2-2-1999: Cesare trở lại Milan lần thứ 3 và đảm nhận vị trí điều phối tuyển trạch viên của câu lạc bộ.

- 28-4-1999: Trận đấu thứ 100 của Paolo ở đội tuyển quốc gia.

- 27-12-2001: Cesare kiêm nhiệm huấn luyện viên đội tuyển quốc gia Paraguay.

- 15-6-2002: Cesare từ chức huấn luyện viên đội tuyển quốc gia Paraguay, trở lại Milan làm tuyển trạch viên.

- 18-6-2002: Paolo có trận đấu cuối cùng cho đội tuyển quốc gia.

- 28-5-2003: Paolo có chiếc Cup C1 đầu tiên với tư cách đội trưởng Milan. Gia đình Maldini trở thành gia đình đầu tiên và duy nhất trong lịch sử có cả cha và con đều là đội trưởng câu lạc bộ vô địch Cup C1 châu Âu.

- 9-2005: Christian gia nhập lò Milanello.

- 31-5-2009: Paolo có trận đấu thứ 902 và cuối cùng trong sự nghiệp.

- 9-2010: Daniel gia nhập lò Vismara.

- 3-4-2016: Cesare qua đời ở tuổi 84.

- 13-6-2016: Christian rời khỏi Milan.

- 8-2018: Paolo trở lại Milan làm Giám đốc Phát triển chiến lược thể thao.

Câu chuyện về một dòng họ

Hoa Tuyết (ACMilanVN)

Quả bóng luôn xoay tròn và những câu chuyện về bóng đá là bất tận. "Gia đình bóng đá" không phải là khái niệm quá hiếm hoi, tuy nhiên câu chuyện ba đời của dòng họ Maldini đã và đang phục vụ cho màu áo Đỏ-Đen lại là một chuyện khác, khi Cesare Maldini là người nâng cao chiếc Cup C1 đầu tiên cho Milan và chiếc cúp thứ 7 (cũng là danh hiệu gần nhất của câu lạc bộ) do Paolo giành được ở Athens, khi chiếc áo số 3 của Paolo treo trong phòng truyền thống, khi Daniel ngày càng tiến bộ cùng Primavera Milan, khi người hâm mộ truyền tai nhau "công thức chiến thắng Champions League của Milan phải có chất xúc tác là họ Maldini"!!!

Nếu bây giờ nói đến cái họ "Mladic", chắc các cổ động viên Milan chẳng có ấn tượng gì. Nhưng đó là nơi khởi điểm cho "triều đại Maldini". Trong nhiều thế kỉ, Trieste là một thành phố tự do, rồi lần lượt được sáp nhập vào lãnh thổ của đế quốc Áo-Hung, sau đó là của Nam Tư rồi Italia. Nơi đây được mệnh danh là mang tính chất Trung Âu duy nhất của vùng ven Địa Trung Hải. Chính bởi vùng đất này nằm ở biên giới với sự hòa trộn của nhiều dòng máu và nền văn hóa khác nhau, con người ở đây phải "cứng", phải quyết đoán và phải mạnh mẽ nhưng vẫn không che giấu được vẻ đẹp lãng mạn của cái gốc gác Trung Âu. Cũng như nhiều gia đình khác, nhà Mladic cũng phải đăng kí đổi lại họ khi Trieste trở thành lãnh thổ Italia. Và họ chọn là "Maldini".

Câu chuyện về "Di Milan" bắt đầu từ mùa hè năm 1954 khi Cesare rời Trieste đến đầu quân cho AC Milan. Cesare lớn lên trong sự chăm sóc và dạy dỗ của người mẹ - bà Maria. Bố của ông, Albino, là một thủy thủ thường xuyên phải vắng nhà. Khi còn trẻ, Cesare được học để trở thành kĩ thuật viên nha khoa nhưng trái bóng tròn mới là thứ khiến ông mê đắm. Năm 20 tuổi, Cesare có trận ra mắt trong màu áo Triestina. Chỉ một năm sau đó, ông trở thành

đội trưởng. Rồi chuyển sang thi đấu cho Milan. Cesare xuất phát ở vị trí hậu vệ cánh phải và thành danh trong vai trò một trung vệ chủ lực của chiến thuật khét tiếng mang tên Catenaccio. Chính vị trí ấy đã đưa tên tuổi ông trở thành một trong những hậu vệ xuất sắc nhất thế giới ở thời đại của mình và là một trong những hậu vệ hay nhất lịch sử bóng đá Italia.

"Được khoác chiếc áo của Milan luôn là cảm xúc rất mạnh mẽ đối với tôi, bởi khi ấy, tôi biết mình sẽ trở thành một phần của lịch sử. Tôi là một fan hâm mộ của màu áo này và tôi vẫn giữ lại tất cả những chiếc áo mà tôi đã khoác lên người trong sự nghiệp. Tôi vẫn còn giữ cả chiếc áo trong ngày ra mắt của mình ở Milan, ngày 19-9-1954, khi chúng tôi thi đấu với Triestina, đội mà tôi đến từ đó, và giành chiến thắng. Chiếc áo Milan là điều tuyệt vời ở bất cứ nơi đâu và bất cứ lúc nào, bởi khi mặc nó, bạn sẽ hiểu rằng mình đại diện cho đội bóng, cho thành phố và cho Milan trên toàn thế giới."

Năm 1963, ông trở thành đội trưởng Rossoneri đầu tiên (và cũng là cầu thủ người Ý đầu tiên) nâng cao chiếc Cup C1 sau khi cùng đồng đội đánh bại Benfica của "Báo đen" Eusebio. Trải qua 12 năm trong màu áo Đỏ-Đen, thi đấu 412 trận (347 trận tại Serie A) ghi được 3 bàn thắng, tham gia 2 trận chung kết C1 (1 thắng 1 thua), đoạt 4 Scudetto. Năm 1966, ông theo người thầy Nereo Rocco rời Milan đến thi đấu cho Torino một mùa bóng rồi treo giày. Cesare cũng là người đầu tiên mở ra một quy luật bất thành văn của Milan kéo dài gần 60 năm qua, đó là từ ông trở đi, mọi đội trưởng chính thức của câu lạc bộ đều phải là người bản địa.

Năm 1967, ông trở lại Milan, trong vai trò trợ lí cho Rocco. Họ đã cùng nhau dẫn dắt Milan chiến thắng chiếc Cup C1 thứ 2 khi đánh bại Ajax của Johan Cruyff. Trải qua nhiều vị trí khác nhau trong Ban huấn luyện (từ giám đốc kĩ thuật tới trợ lí huấn luyện viên), Cesare học hỏi rất nhiều từ người thầy Nereo Rocco của mình. Cesare là người phát hiện ra tài năng của Carlo Ancelotti, người sau này trở thành đồng đội và huấn luyện viên của con trai ông. Năm 1980, ông làm trợ lí cho huấn luyện viên Italia Enzo Bearzot và cùng Azzurri đoạt Cup Vàng thế giới năm 1982. Sau đó, Cesare trở thành huấn luyện viên U21 Italia, mở ra 10 năm hoàng kim cho lứa trẻ Azzurri với 3 lần vô địch châu Âu, đào tạo một thế hệ trẻ tài năng mà nhiều người trong số họ là nòng cốt của Azzurri chiến thắng World Cup 2006 sau này. Chúng ta có thể kể tới Cannavaro, Panucci, Pippo Inzaghi, Buffon, Totti, Vieri hay Nesta... Cesare cũng từng dẫn dắt Azzurri tại World Cup 1998, đội quân của ông hùng mạnh nhưng vẫn bị loại tại vòng tứ kết sau

khi thất bại ở loạt luân lưu trước đội tuyển Pháp, nhà vô địch của năm đó.

Là đội trưởng mở ra trang lịch sử chiến thắng Champions League của Milan nhưng sự nghiệp huấn luyện viên của Cesare ở Milan rất ngắn gọn. Dẫu vậy, Cesare cũng kịp để lại dấu ấn lịch sử ở vị trí thuyền trưởng câu lạc bộ năm 2001, khi ông làm huấn luyện viên tạm quyền của Milan thay Zaccheroni. Ngày 11-5-2001, Milan của Cesare đã hủy diệt hoàn toàn Inter trong trận Derby della Madonnina với tỉ số 6-0, cho đến nay đó vẫn là trận đấu có cách biệt lớn nhất trong lịch sử các trận Derby. Cesare đến Milan để tạo ra lịch sử và điều tuyệt vời nhất của ông ở Milan, không đơn giản là đội trưởng đầu tiên đoạt Cup C1, hay chiến thắng lịch sử ở trận Derby, mà hơn tất cả, Cesare đã sinh ra và đào tạo cho Milan một hậu vệ xuất sắc nhất, một đội trưởng vĩ đại, số 3 bất tử - Paolo Maldini - một cầu thủ chuẩn mực từ trong sân bóng tới đời thường. Người ta thường nói "hổ phụ sinh hổ tử", Cesare còn được nhiều hơn thế và khi người ta gọi ông là "bố của Paolo", ông đáp ngắn gọn "nó còn giỏi hơn tôi", đơn giản nhưng thật ấm áp và không che giấu sự tự hào!

Paolo từng kể lại, bố anh là một người cẩn trọng, người đàn ông của gia đình, người luôn tạo tiếng cười trong ngôi nhà ấm áp. Cesare nuôi dưỡng, giáo dục các con từ tri thức đến nhân cách bằng tình yêu. Mỗi đứa trẻ nhà Maldini đều được học một loại nhạc cụ mình yêu thích, bởi ông cho rằng âm nhạc có thể chạm đến mọi con tim và nuôi dưỡng tâm hồn. Số 3 bất tử của Milan được nuôi dưỡng bởi một người cha như thế, giản dị, cứng rắn nhưng đầy yêu thương. Và liệu chúng ta sẽ có được đội trưởng huyền thoại của mình nếu ngày xưa Alex Ferguson không chùn chân trước ánh mắt cương quyết và câu trả lời của Cesare? "Ông của tôi ở Milan, bố tôi và tôi cũng vậy và giờ con trai tôi cũng ở Milan. Hãy quên việc đưa nó đi". Và nhà Maldini đã ở lại Milan suốt từ đó cho đến nay đúng như lời nói ấy...

Cesare có ba con trai, nhưng chỉ hai người theo nghiệp bố, Paolo và Pier, cả hai đều trưởng thành từ lò đào tạo trẻ của Milan. Trong khi Paolo trở thành hậu vệ xuất sắc nhất mọi thời đại với một sự nghiệp vẻ vang vượt hơn cả bố thì Pier Cesare lại vô cùng lận đận. Pier sớm gia nhập đội trẻ Milan như anh trai của mình vào mùa hè 1982. Không khẳng định được bản thân, anh rời khỏi đội Primavera và lần lượt thi đấu ở Serie C1 trong màu áo Vogherese, rồi đến Serie C2 với Viareggio. Nhưng cũng chẳng bao lâu thì câu lạc bộ phá sản, nợ tiền lương cầu thủ, Pier đã chán nản mà quyết định bỏ nghiệp quần đùi áo số. Sau đó, dưới sự hỗ trợ của người

anh Paolo, Pier mở một tiệm bán thức ăn nhanh và cửa hàng điện tử. Pier đã từng nói, "Không phải ai cũng có được gia đình làm điểm tựa như tôi".

Quả thật, Cesare là một người cha rất tuyệt vời. Khi ngày Pier ra mắt đội bóng Viareggio ở giải đấu Serie C2 trùng với ngày Paolo chiến đấu trong trận Derby Milano tại Serie A, ông bà Cesare-Marisa đã đến xem và cổ vũ cho... Pier. Hành động nhỏ nhưng tràn đầy yêu thương ấy của Cesare thật sự tác động rất lớn đến những đứa con của ông, như sau này, vào ngày tri ân Cesare, khi cả hai cậu con trai nhà Paolo đều thi đấu, Paolo đã cùng vợ đến cổ vũ cho Christian, cậu bé có tài năng kém hơn. Việc chỉ có một Paolo thành công trong số các con trai của Cesare, cùng việc Christian không tìm được chỗ đứng ở Milan, khiến người ta đặt hi vọng rất nhiều vào Daniel - người sẽ đại diện thế hệ thứ ba của dòng họ Maldini. Ở Milan, có nhiều câu chuyện thú vị về gia đình Di Milan. Người ta nhận thấy, 7 chiếc cúp vô địch Champions League của Milan theo cách này hay cách khác đều có họ Maldini trong đấy. Trong khi Cesare đem chiếc Cup C1 đầu tiên về nước Ý với tư cách đội trưởng, chiếc cúp vô địch thứ 2 trong vai trò trợ lí huấn luyện viên thì 5 chiến thắng sau đó Paolo luôn góp mặt và 2/5 chiếc cúp ấy được anh nâng cao trong vai trò đội trưởng.

Milanista luôn tự hào là Milan có DNA Champions League và người mang DNA Champions League của Milan chính là người có họ Maldini. Vì niềm tin như thế, các cổ động viên đã vô cùng trông chờ sự xuất hiện của Christian - con trai trưởng của Paolo - trong màu áo Đỏ-Đen sau khi Paolo giã từ sân cỏ. Câu chuyện cha - con cùng thành công trong bóng đá không phải là hiếm, nhưng cả cha và con đều là huyền thoại và đội trưởng vĩ đại của cùng một đội bóng thì quả thật có một không hai.

Và câu chuyện ấy sẽ tuyệt vời hơn khi có sự xuất hiện thế hệ thứ ba, điều mà trước đây chưa từng xảy ra. Do đó chủ đề thế hệ thứ ba của nhà Maldini luôn được khai thác triệt để. Thậm chí lúc tất cả đều biết giới hạn của Christian, nhưng khi cậu mang băng đội trưởng đội trẻ (để tri ân Cesare) trong trận đấu giao hữu, thì báo chí vẫn giật tít "Thế hệ thứ ba dòng họ Maldini trở thành đội trưởng Milan", một cảm giác không dễ chịu tí nào. Hay một ngày đẹp trời, Christian bỗng nhiên ghi bàn, thế là bàn thắng ấy được đem ra phân tích và thật hay ho, nó giống hệt như một bàn thắng nào đó của Paolo. Thật là một áp lực khủng khiếp cho Christian! Đứng dưới cái bóng quá lớn của cha và ông, lại phải gánh thêm hi vọng cứu rỗi đội bóng vĩ đại của Milanista, quá dễ khiến người ta gục ngã.

Cũng không trách được người hâm mộ. Milan có rất nhiều huyền thoại, nhưng đi xuyên suốt chiều dài những chiến thắng lịch sử của câu lạc bộ là những chàng trai nhà Maldini. Trong cơn sợ hãi Ibrahimovic, Allegri gọi điện cầu cứu Paolo về ổn định phòng thay đồ. Khi B.B (Barbara, con gái của Berlusconi) lên một kế hoạch tươi mới để tái thiết Milan, cô cần có một Maldini huyền thoại giúp cô thu hút nhân tài. Khi Mr Bee bóng gió chuyện mua lại Milan, người ta thấy ông ngẫu nhiên ăn trưa trong một nhà hàng với Paolo. Khi người Trung Quốc đến một cách không rõ ràng, họ lại muốn có Paolo trong ban lãnh đạo để tạo sự tin tưởng... Tất cả đều cần Paolo, bởi anh là huyền thoại sống ở Milan, một đội trưởng vĩ đại, một con người chuẩn mực và luôn được mọi người tôn trọng. Khi Donnarumma cùng người quản lí tạo ra sự rối loạn lúc đàm phán gia hạn hợp đồng với Milan, người ta nhớ đến lòng trung thành tuyệt đối của nhà Maldini. Và khi Paolo từ chối tất cả, người ta lại đặt hi vọng lên những đứa trẻ nhà Maldini với truyền thuyết về dòng họ mang DNA Champions League của Milan và vô tình tạo ra áp lực kinh khủng cho các cậu bé.

Vào thời điểm những người chủ mới đến Milan, như thường lệ, họ lập tức liên hệ với Paolo. Lúc đó, người hâm mộ còn đùa vui rằng câu trả lời của Maldini sẽ đánh giá được kế hoạch của ông chủ mới có nghiêm túc hay không. Rồi thì Paolo cũng đã đồng ý. Sự xuất hiện của anh tạo nên sự tin tưởng rất lớn của người hâm mộ đối với những người chủ mới. Giám đốc điều hành Paolo Scaroni khi ấy phát biểu: "Những gì Paolo Maldini đã mang lại cho Milan thật khó lặp lại. Việc bổ nhiệm hôm nay nhằm mục đích xây dựng một nền tảng vững chắc cho sự thành công lâu dài. Dĩ nhiên, sẽ không dễ dàng gì và mọi chuyện cần phải có thời gian. Nhưng chúng tôi có những mục tiêu đầy tham vọng, và việc bổ nhiệm Paolo là bước đi quan trọng giúp Milan trở lại với nơi mà đội bóng thuộc về."

Trong kế hoạch tái thiết Milan, tương lai của Rossoneri nằm trên vai các cầu thủ trẻ. Leo và Maldini luôn tìm kiếm những tài năng trẻ đem về San Siro. Bên cạnh đó là những chàng trai "cây nhà lá vườn" trưởng thành từ lò đào tạo Vimasa. Hiện tại dù Primavera Milan đang có thành tích không tốt nhưng vẫn có những cái tên sáng giá, phát triển vượt bậc, hứa hẹn sẽ bổ sung sức mạnh cho Milan vào mùa sau, một trong số đó là... Daniel Maldini. Cầu thủ số 10 của Primavera Milan đã ghi được tổng cộng 9 bàn thắng, xếp thứ 2 tại đội dù chỉ đá ở vị trí hộ công hoặc tiền đạo cánh. Với phong độ ấn tượng của mình, cậu út nhà Paolo đã được gọi vào đội tuyển U18 Italia và có trận ra mắt vào ngày 22-3-2019.

Sự trưởng thành từng ngày của Daniel ở đội trẻ khiến giấc mơ

nhìn thấy “Maldini” chạy trên sân cỏ sống lại. Lịch sử về dòng họ danh giá nhất của Rossoneri lại tiếp tục viết thêm những trang mới, với một hương vị rất mới... một cầu thủ tấn công trong gia đình phòng ngự vĩ đại nhất của làng bóng đá và hơn hết, cậu vẫn sẽ mặc trên người chiếc áo Đỏ-Đen, để mãi mãi Maldini là Di Milan!

Màu xanh trong đôi mắt Paolo

Vũ Hoàng (ACMilanVN)

Viết về anh bao giờ cũng rất khó. Bởi những gì tuyệt vời nhất đều đã được viết suốt hàng chục năm qua…

Gần như tất cả những Rossonera - những cô gái đáng yêu hâm mộ Milan - đều mê đắm ánh mắt xanh biếc của Paolo. Phải! Ánh mắt ấy có chút gì đó u buồn, hệt như nụ cười của anh mà tôi vẫn thường thấy trên sân. Vẻ đẹp trai của anh đôi khi được người ta chú ý một cách thái quá mà quên khuấy rằng anh chính là cầu thủ kiệt xuất nhất bên hành lang cánh trái qua mọi thời đại và là một trong những người góp phần thay đổi bộ mặt của bóng đá thế giới khi tạo nên nghệ thuật phòng ngự lãng mạn như một bản tình ca. Đẹp trai không phải lúc nào cũng tốt nhỉ?

“Này nhóc, cháu muốn chơi ở cánh trái hay cánh phải? Tự quyết định đi! Hãy bước ra sân và vui đùa.” Nils Liedholm đưa đôi mắt hiền từ nhìn vào cậu bé mới 16 tuổi rưỡi, được đôn lên từ đội trẻ. 16 tuổi, đó là độ tuổi thậm chí vẫn còn quá trẻ để thi đấu ở Primavera, song Liedholm đã nhìn thấy trước được tương lai rộng mở của con trai người đồng đội cũ. Nói một cách chính xác, từ bảy tháng trước đấy, ngày 1-5-1984, Paolo đã được chơi cùng các anh lớn trong một trận giao hữu, khi còn tới gần hai tháng nữa mới tròn 16. Mùa đông năm 1985, anh bước vào sân thay thế cho Sergio Battistini, người cũng là một cầu thủ trưởng thành từ vườn ươm Milanello. Hôm ấy, trời rất lạnh, nhiệt độ ở mức -13 độ C và mới chỉ trước đó ba ngày, mái của Cung thể thao Milano còn bị phá sập bởi tuyết rơi, khiến người ta gọi sự kiện đó với cái tên “Thứ Năm đen tối”. Nhưng ở San Siro, ánh sáng lại xuất hiện một cách không ai ngờ. Ánh sáng ấy đến từ một cậu bé phải mượn giày của Ray Wilkins để ra sân, lóng ngóng đến mức không biết buộc dây thế nào cho chặt và sau đó đối mặt với những người đáng tuổi chú của mình bằng gương mặt lạnh băng. Kết thúc trận đấu,

Liedholm nở nụ cười, “Paolo sẽ có một tương lai tuyệt vời!”

“Có những cầu thủ xuất sắc và có những cầu thủ đẳng cấp thế giới. Sau đó có cả những người còn vượt qua giới hạn ấy. Paolo chính là ví dụ hoàn hảo”, Alex Del Piero nói về người đội trưởng của anh ở Azzurri như vậy. Trong một khoảng thời gian đầu của sự nghiệp, Paolo được gọi là “Antonio Cabrini mới”. Nhưng chỉ sau vài năm, anh vượt lên trên tất cả, từ De Vecchi tới Facchetti, từ Schnellinger tới chính Cabrini. Anh trở thành một chuẩn mực để mọi hậu vệ cánh khác nhìn vào so sánh mà không cần phải ví von với bất kì ai nữa. Mặc dù thành danh ở vị trí hậu vệ trái, vĩ đại đến mức đội hình tiêu biểu nào cũng thấy mặt song Paolo lớn lên ở vị trí… hậu vệ phải. Anh trải qua mọi cấp độ đội trẻ của Milan, rèn luyện hàng giờ mỗi ngày chỉ để tập cho chân trái của anh cũng tốt được như chân phải. Như chúng ta đã biết, sau này, rất nhiều người nghĩ Paolo thuận chân trái, trong đó, thật xấu hổ, có cả tôi.

Thành công chẳng đến một cách tự nhiên. Ở tuổi 17, anh được Liedholm “điều động” sang hành lang cánh trái do thiếu người. Sự xuất hiện của nhân vật thứ hai dòng họ Maldini đã khiến giới truyền thông chú ý, gọi anh là “con trai của Cesare”. Cứ như thể nhờ bóng của ông bố vĩ đại mà anh mới được gọi lên đội 1 Milan vậy. Anh bình thản vượt qua muôn vàn sóng gió với tính chuyên nghiệp phi thường và sự cần cù đáng ngạc nhiên. Carlo Ancelotti từng nói ông chưa bao giờ thấy Paolo đến trễ, dù chỉ là một buổi tập. Điều đó có nghĩa là ngay cả Baresi, Costacurta, Albertini hay Galli đều đã có lần đi muộn. Chỉ Paolo là không. Từ vị trí ưa thích, anh chuyển sang cánh trái một cách tự nhiên và thăng tiến chóng mặt. 18 tuổi, anh là một ngôi sao mai rực rỡ. 19 tuổi, anh trở thành tuyển thủ quốc gia. 20 tuổi, anh đoạt Scudetto. Và 21 tuổi, anh trở thành nhà vô địch châu Âu cấp câu lạc bộ, chính thức san bằng thành tích của người cha.

Chưa dừng lại ở đó, anh đã đưa nghệ thuật phòng ngự lên một tầm cao mới. Nếu Cesare có sự thanh lịch, Facchetti có sự mạnh mẽ, Scirea có sự khoa học và Baresi có sự tư duy thì Paolo bao gồm tất cả. Không những thế, người ta còn chứng kiến lần đầu tiên có một hậu vệ chơi “đẹp” đến thế, đẹp từ tư thế chạy đến những động tác tắc rồi chuyền bóng. Paul Merson, ngôi sao của Arsenal, nhớ lại trận tranh Siêu Cup châu Âu 1994: “Cầu thủ giỏi nhất tôi từng đối mặt là Maldini. Tôi bị anh ấy kèm và không sút nổi phát nào trong cả trận. Thật không thể tưởng tượng nổi”. Chính khả năng phòng ngự xuất sắc đó đã giúp cho Paolo trở thành hậu vệ cánh vĩ đại nhất trong lịch sử và khi anh chuyển vào đá trung vệ, anh cũng dễ dàng đứng trong hàng ngũ những người chơi hay nhất từ trước

đến nay.

Người ta nói rằng Paolo là một hình mẫu thể thao hoàn hảo, như Roger Federer của quần vợt hay Michael Jordan của bóng rổ. Anh đẹp từ trong ra ngoài, từ ngoại hình tới nội tâm. Ở trên sân, anh là một tài năng xuất chúng, là thành viên của bộ tứ vệ vĩ đại, của hai giai đoạn Grande Milan diệu kì. Bên ngoài sân, anh lại là một người chồng chung thủy dù vẻ đẹp của anh có thể làm xao xuyến bất cứ cô gái nào. Kể từ ngày anh gặp rồi yêu Adriana, mối tình đó kéo dài suốt 32 năm qua mà vẫn như những ngày đầu, khi anh thi đấu dưới sân, thi thoảng liếc nhìn lên khán đài, nơi cô gái của anh chăm chú dõi theo từng bước chân trên mặt cỏ.

Tháng 7-1990, sự nghiệp của anh có nỗi thất vọng lớn đầu tiên khi Italia bị loại ở bán kết World Cup sau loạt penalty. Đấy là giải đấu mà người Ý đã thể hiện khả năng phòng ngự phi thường khi giữ sạch lưới liên tục trong 516 phút trước khi bị Caniggia đánh… gáy để san bằng tỉ số ở trận bán kết. Trên bục trao giải, đôi mắt xanh biếc của Paolo đượm một chút buồn. Không ai có thể ngờ, đó chỉ là sự khởi đầu cho bi kịch của anh tại các giải đấu lớn bởi ở hai kì World Cup kế tiếp, Italia đều phải dừng bước trên chấm phạt đền trước những nhà vô địch thế giới tương lai.

Dường như, định mệnh đã trói buộc Paolo với Milan, rằng chỉ khi khoác lên mình chiếc áo của câu lạc bộ, anh mới giành được những vinh quang lớn nhất. Chính những năm tháng cùng Milan, anh đã khẳng định rằng anh không chỉ là một hậu vệ cánh tài năng mà còn là thước đo của sự vĩ đại và là nhân vật phòng ngự lớn nhất mà bóng đá thế giới từng sản sinh. Tháng 5-1994, anh chơi vị trí trung vệ trong trận chung kết Champions League và khóa chặt hai ngòi nổ Romario và Stoichkov của Barcelona. Đó là cuộc đối đầu giữa ba cầu thủ hay nhất thế giới năm ấy, Romario là Cầu thủ số 1 thế giới của FIFA, Stoichkov được France Football vinh danh Quả Bóng Vàng còn Paolo được World Soccer trao giải cho nhân vật xuất sắc nhất của bóng đá.

Song cuộc sống không phải lúc nào cũng đầy quyến rũ. Milan bất bại ngày nào xuống dốc không phanh. Trong hai mùa 1996-97 và 1997-98, Milan bị quăng quật ở giữa bảng xếp hạng, đá như một đội bóng hạng trung và đứng trước một tương lai bất định. Nhưng bất chấp những kết quả tồi tệ, Paolo vẫn tiếp tục ở lại, nhận lãnh vai trò đội trưởng để gánh vác những khó khăn. Anh từ chối toàn bộ những lời mời tha thiết đến từ Anh và Tây Ban Nha để cùng Milan xây dựng lại từ đầu. Nhiều người từng nghĩ Paolo sinh ra dưới vì sao may mắn, trưởng thành cùng những tài năng xuất

chúng ở bên. Nhưng trong khoảng 9 năm cuối thế kỉ XX, đầu thế kỉ XXI, anh thực sự là niềm hi vọng lớn lao của đội bóng chỉ còn le lói hào quang quá khứ và cố gắng tìm lại đỉnh cao.

Tháng 5-2003, anh vô địch châu Âu lần thứ 4 trong sự nghiệp, khẳng định vị thế của cầu thủ người Italia vĩ đại nhất tại đấu trường Champions League. Anh trở thành biểu tượng vô song của một cầu thủ với một câu lạc bộ. Không một ai sánh bằng. Trưởng thành từ đội trẻ, bước lên đội 1, là trụ cột rồi đội trưởng cho đến khi giã từ sự nghiệp, anh chưa từng mặc bất cứ một chiếc áo của câu lạc bộ thứ hai nào trong đời. Baresi, Messi hay Totti đều đã từng khoác áo một đội trẻ khác. Nhưng anh thì không. Cả đời anh là chuỗi ngày tháng vui buồn cùng Milan bởi anh thuộc về Milan. Bởi anh là Milan.

Tháng 5-2005, đôi mắt của anh ngấn lệ khi bước qua bục trao giải. Anh gỡ chiếc huy chương của kẻ thua cuộc khỏi cổ và cúi đầu trong nỗi buồn vô hạn của ác mộng Istanbul. Nhưng đó là động lực để hai năm sau, khi mới chỉ tạm bớt đau được 20 ngày, anh nghiến răng xung trận, một lần nữa đối mặt với chính Liverpool và chiến đấu đến tận phút cuối cùng. Vài ngày sau lễ trao giải, anh rời Italia để lên bàn mổ phẫu thuật đầu gối, chấn thương đã hành hạ anh trong suốt 500 ngày.

Nhưng buổi tối hôm ấy, nụ cười của anh rất đẹp. Và đôi mắt của anh xanh biếc đến lạ thường…

Kể từ ngày anh bước lên thảm cỏ San Siro, băng trên sân như một tia chớp, nở nụ cười đẹp tựa nắng mai và đưa ánh mắt kiêu hãnh nhìn về phía đối thủ, người ta đã có thêm một hình ảnh để so sánh. Nước biển Địa Trung Hải xanh thăm thẳm. Như đôi mắt Paolo.

Paolo, trong miền kí ức…

Hoa Tuyết (ACMilanVN)

Trái tim của tôi khép lại vào ngày anh vẫy tay chào San Siro. Khi chiếc áo số 3 được treo lên phòng truyền thống… Khi không còn anh cầm cờ và đeo băng đội trưởng mang dòng chữ "Unicef" dẫn đầu đội hình ra sân… Không còn Maldini, tôi yêu Milan bằng tình yêu của quá khứ, bằng thói quen, như một con robot được lập trình… nó mất đi một phần gì đó, như thiếu đi gia vị, một chút ngọt ngào, một chút cay đắng, một chút yếu mềm, một chút niềm tin, một chút hi vọng, một chút hạnh phúc… Milan không Maldini, sắc Đỏ-Đen như nhạt nhòa đi và thực tế hiện tại có ai nhận ra được đấy là một Milan đã tạo nên những con người huyền thoại? Trên sân bóng, người ta không còn ai để tin tưởng, không còn ai để cậy trông…

Tôi vẫn chờ anh mỗi giây mỗi phút trong cuộc đời này. Tôi hạnh phúc khi nhìn thấy anh trên khán đài, tôi nhói lòng bởi ánh mắt đượm buồn xa xăm của anh. Tôi lưu lại từng bức ảnh cuộc sống mới của anh, trân trọng từng giây phút được nhìn thấy anh chạy trên sân bóng cùng Milan Glorie. Tôi ngóng từng tin đồn về anh, chờ tin anh trở lại. Milan cần anh cứu, con tim tôi cần anh cứu… nhưng tôi sợ tình yêu của anh dành cho Milan sẽ không thắng được những toan tính, những định kiến của con người.

Vết thương nơi Curva Sud vẫn còn đây, tôi không muốn anh chịu bất kì tổn thương nào. Nhưng… nếu không phải anh thì ai sẽ giúp Milan đây, ai sẽ giúp sắc Đỏ-Đen rực cháy?

Mùa bóng 2009 khép lại, cánh cửa niềm vui của tôi cũng đóng lại. Tôi đã không thể được nhìn thấy anh mỗi cuối tuần nữa rồi. Nhưng mùa bóng sau đó, vẫn còn sự chờ đợi khi anh khá thường xuyên đến San Siro xem Milan thi đấu. Đôi mắt xanh thẳm ấy vẫn làm con tim tôi loạn nhịp. Thời gian trôi qua, hình ảnh liên kết của anh và Milan ngày càng nhạt nhòa, tình yêu của tôi và Milan

cũng có gì khác đi. Bởi tôi đang yêu Milan bằng một con tim bị tổn thương, mất mát. Tôi vẫn là một Milanista, dòng máu trong người tôi vẫn là dòng máu Đỏ-Đen, nhưng nó đã mất đi chút gì đó niềm vui, niềm vui được nhìn thấy anh, sự an lòng khi có anh, chút bối rối khi camera chợt quay cận cảnh anh, khi trái tim tôi lại bị đôi mắt ấy làm loạn nhịp.

Nếu ai hỏi tôi về một tình yêu bất tử, tôi sẽ kể cho họ nghe tình yêu anh dành cho Milan hoặc tình yêu tôi dành cho anh. Bao nhiêu năm rồi nhỉ?

Lần đầu tiên tôi nhìn vào đôi mắt xanh thăm thẳm như dòng nước Địa Trung Hải ấy, trái tim cô bé 10 tuổi khẽ run lên và đôi má chợt ửng hồng. Cảm xúc bất chợt, ngây ngô ngày ấy, tôi chưa từng nghĩ sẽ cho tôi một cuộc tình, nhiều cung bậc suốt hơn 20 năm, một chuyện tình dài và không có hồi kết hoặc là Fino alla morte... với Milan và với... Paolo của tôi!!! Khi Trái Đất này sắp nổ tung, bạn sẽ nghĩ đến ai đầu tiên? Còn tôi, 25 năm yêu Milan hay 8 năm Rossoneri trong bóng tối, trái tim tôi chỉ gọi một cái tên, Paolo Maldini.

Luôn luôn là Paolo, dù vinh quang hay thất bại, anh luôn là tượng đài sừng sững trong lịch sử Milan, trong lòng người hâm mộ, người kế thừa xứng đáng nhất của số 6 bất tử - Baresi, đội trưởng xứng đáng nhất của cả thế hệ vàng Milan sau này: từ Nesta đến Kaka, từ Pirlo đến Pippo, từ Costacusta đến Sheva, tất cả đều tôn trọng gọi anh "Il Capitano". Tất cả đã là quá khứ, một Milan gieo rắc nỗi kinh hoàng khắp châu Âu, mạnh mẽ khi tấn công và hoàn hảo trong phòng ngự. Milanista sống bằng những hoài niệm và nhìn Milan hiện tại qua bóng mờ của lịch sử. Và tôi cũng thế, dõi theo từng trận đấu của Milan hiện tại và xoa dịu con tim bằng những video cũ, nơi có Paolo của tôi với đôi mắt xanh thăm thẳm, mái tóc bồng bềnh bay theo từng bước chạy, chỉ huy hàng thủ Milan, làm nản lòng biết bao chân sút hủy diệt. Paolo Maldini, đội trưởng huyền thoại của Milan, hậu vệ xuất sắc mọi thời đại, người làm thay đổi cái nhìn về Catenaccio để người ta gọi nó là nghệ thuật phòng ngự. Anh có mọi danh hiệu, mọi kỉ lục để chứng minh tài năng xuất chúng của bản thân, nhưng nhân cách và tình yêu mới khiến anh trở nên bất tử.

Paolo của tôi!

Đẹp như bức tượng La Mã, bức tượng càng thêm hoàn hảo bởi trái tim chung tình và một phong cách lịch lãm. Cả cuộc đời anh chỉ có một Milan và một Adriana Fossa, khiêm nhường trước mọi

thành công, chuẩn mực trong từng lời nói, tạo nên một hình mẫu được mọi người yêu mến và tôn trọng. Tôi luôn bảo không có ngôn từ nào để nói hết được sự hoàn hảo của anh, cũng như sự ngưỡng mộ tuyệt đối của tôi đối với Paolo. Có lẽ cả cuộc đời này giây phút tuyệt vời nhất, tốt đẹp nhất là lần đầu tiên nhìn vào đôi mắt xanh thẳm ấy... để rồi cảm giác ngờ nghệch mơ hồ ấy lại cho tôi một hình mẫu tuyệt vời để cố gắng học theo, được yêu Milan và cảm thấy tự hào vì mình yêu anh - Di Milan!

Đối với những người yêu quả bóng tròn, thật tuyệt vời khi được chứng kiến những năm tháng của một cầu thủ vĩ đại. Với tôi, mỗi giây phút càng tuyệt vời hơn khi cầu thủ kiệt xuất trăm năm có một ấy là thần tượng của mình. Tôi đã được nhìn thấy từng bước chạy của anh trên sân cỏ, nhìn thấy anh chỉ huy đoàn quân Đỏ-Đen hủy diệt mọi đối thủ. Tôi được nhìn thấy một Paolo vững vàng khi phòng ngự, bừng cháy với những pha tấn công, chiêm ngưỡng từng bước di chuyển phán đoán tình huống thiên tài, say đắm với những pha tắc bóng hoàn hảo, đau khi anh ngã xuống, hân hoan cùng những chiến thắng, khóc cùng anh trước những thất bại đắng cay... Thật tuyệt khi được yêu anh!

Tôi sẽ kể chi tiết giây phút đầu tiên thấy anh, có thể nhớ từng pha bóng của trận đấu hơn chục năm trước, nhưng lại chẳng nhớ được chín năm qua tôi đã yêu Milan như thế nào kể từ khi mùa bóng 2009 kết thúc, khi anh chạy những bước chân cuối cùng trên sân cỏ, vẫy tay chào tất cả, kết thúc sự nghiệp bóng đá đáng ngưỡng mộ và bỏ tôi cùng Milan ở lại sống những ngày tháng không có anh. Hệt như một cơn ác mộng...

Tương lai nào cho Daniel?

Hoa Tuyết (ACMilanVN)

- Sau Cesare, Milan có Paolo. Sau Paolo, Milan có ai?

Khi Paolo chạy những bước chạy cuối cùng, vẫy tay chào người thân, bạn bè và người hâm mộ trên khán đài trong trận đấu giã từ sự nghiệp, chiếc áo số 3 của gia đình Maldini được đem vào phòng truyền thống và "tạm" treo ở đó. Không giống như số 6 của Baresi được treo vĩnh viễn trong Bảo tàng, các cổ động viên của Milan vẫn còn cơ hội nhìn chiếc áo số 3 xuất hiện dưới sân… trên người hai cậu con trai của anh: Christian và Daniel. Cả hai đều đã và đang ở đội trẻ Milan và mọi ánh mắt đổ dồn vào người anh Christian - cậu bé đang thi đấu nơi hàng thủ như bố và ông nội.

Khi bạn khoác áo câu lạc bộ mà bố mình là một đội trưởng huyền thoại, có dễ chịu không? Chắc hẳn là không! Trong Paolo Maldini film, Filippo Galli đã nói rằng, khi thấy chàng trai trẻ Paolo lên đội 1, họ đã nhìn anh theo đúng kiểu "vì nó là con của Cesare"! Vậy khoác áo câu lạc bộ mà ông mình là đội trưởng vĩ đại còn bố mình là một huyền thoại bóng đá với những danh hiệu và con số lịch sử gây choáng ngợp thì sao? Cái áp lực khủng khiếp đó có lẽ chỉ Christian và Daniel mới cảm nhận được.

Nhưng bất chấp những áp lực, hai cậu trẻ nhà Maldini vẫn khoác trên mình chiếc áo Đỏ-Đen và Paolo vẫn ngày ngày đưa đón. Christian rồi cũng có mặt ở đội Primavera. Mọi người trông chờ ngày cậu khoác áo đội 1, ngày cậu giống như ông nội và bố mình, dẫn dắt Milan trở thành nỗi khiếp sợ của cả châu Âu như đã từng… Chỉ là ngày ấy đã không bao giờ xảy ra. Khi hết tuổi đá ở Primavera, Christian trôi dạt khắp các đội bóng cấp thấp và ở mùa giải gần nhất, phải thi đấu cho câu lạc bộ Alma Juventus Fano 1906 ở giải Serie C của Ý. Niềm hi vọng nhìn thấy chiếc áo số 3 xuất hiện trên sân của Milanista vụt tắt…

… Nhưng rất nhanh chóng lại được thắp lên khi đội U16 Milan

đoạt được Scudetto 2017 và một Maldini khác cũng góp công vào vinh quang ấy - Daniel.

Người ta sẽ nhớ gì về Daniel? Về việc cậu bé mặc chiếc áo Barcelona xuất hiện trong một đoạn video phỏng vấn tại nhà, về việc Christian bật mí rằng ước mơ của em trai mình là trở thành tài xế xe bus hay ấn tượng hơn một chút là pha chuồi bóng cắt kéo chính hiệu nhà Maldini để cướp bóng trong chân Seedorf trong buổi lễ ăn mừng Champions League thứ 7 của Milan khi chưa đầy 6 tuổi? Đơn giản như vậy thôi, nhưng với cái họ Maldini, Daniel đã được mặc định mang trên người DNA Champions League của Milan. Và khi trải qua một thập kỉ không chiến thắng ở Cup châu Âu, thậm chí không lấy nổi suất dự Champions League hay Europa League, người ta càng đặt hi vọng vào Maldini hơn, vào dòng họ đã ghi dấu trong cả 7 chiến thắng trước đó...

Khác với Christian, Daniel sống khá khép kín, ít tương tác trên mạng xã hội. Cậu bé rụt rè giấu mặt mình cả khi Paolo muốn hai bố con selfie với nhau. Và dường như có Christian đứng trước che chắn áp lực, Daniel cũng dễ dàng thầm lặng phát triển hơn. Nhưng Maldini vẫn là Maldini. Kết thúc trận chung kết với U16 Roma, U16 Milan đoạt Scudetto, hiển nhiên người đầu tiên được gọi ra phỏng vấn cũng như nhận được sự quan tâm từ các quan chức trên bục trao giải chính là Daniel.

Dù cậu bé có cố gắng bình thường như thế nào thì "con của Paolo, cháu của Cesare" ở Milan và Italia vẫn không thể là bình thường giữa bao người. Như mùa 2017-18, giữa lúc thành tích Milan không tốt lắm, bỗng dưng xuất hiện một đoạn video trên các tài khoản mạng xã hội chính thức của Milan, hình ảnh Giám đốc Đào tạo trẻ Filippo Galli dẫn Daniel với chiếc áo số... 2 cùng chiếc băng đội trưởng bước ra San Siro! Thế là mọi người lại trầm trồ, lại nhắc đến cậu bé, nhắc đến dòng họ Maldini danh giá, nhắc đến chiếc áo số 3 còn bỏ ngỏ và nhắc đến DNA Champions League.

Mùa bóng 2017-18 kết thúc, để bắt đầu những câu chuyện điên rồ tại Milan. Elliot lấy Milan từ trong tay những người Trung Quốc, sa thải ban lãnh đạo cũ, đem Leonardo về và quan trọng hơn hết, họ đã thuyết phục được Paolo Maldini trở lại. Sau hơn 9 năm. Những người mang dòng máu Đỏ-Đen quay về cùng nhau, thiết lập kế hoạch đưa Milan trở lại đỉnh cao. Và ở đội trẻ, cậu bé Daniel đã có bàn thắng cho Primavera dù ở trận đấu giao hữu. Tất cả như tia nắng bình minh đầu tiên lóe lên trong bóng đêm tĩnh mịch bao trùm tâm trí cổ động viên Milan suốt 8 năm nay.

Khởi đầu mùa giải, ở tuổi 16 nhưng phải đá với lớp U19, Daniel không có được vị trí chính thức, thi đấu rất non nớt và chưa bắt nhịp với mọi người. Nhưng từ đầu tháng 12, cậu gần như lột xác, chơi bóng ấn tượng và liên tục ghi bàn. Thi đấu ở vị trí tiền vệ công, Daniel di chuyển đầy sáng tạo, khống chế bóng và phối hợp một chạm rất tinh tế, một phong cách rất… Kaka. Không chỉ vậy, cậu còn có những đường mở bóng và tạt cánh chính xác cùng khả năng sút phạt rất tốt. Đó là những kĩ năng của một số 10, của vị trí mà Daniel yêu thích.

Hãy nhìn vào Daniel, nhìn vào gương mặt đó, vóc người đó, lối chơi thông minh đó và cả dáng chạy thanh thoát tuyệt đẹp đó! Bạn có cảm giác như Paolo đang trẻ lại hơn 30 tuổi và đang đặt những bước chân của mình trên thảm cỏ hay không? Và bạn có mơ mộng về thế hệ thứ ba của nhà Maldini ở Milan hay không?

Các Milanista càng hi vọng nhiều hơn khi Daniel được gọi vào U18 Italia ở tuổi 17, một chứng nhận cho sự tiến bộ vượt bậc của cậu. Trong 8 năm khủng hoảng tài chính, điểm sáng của Milan là tạo ra nhiều cơ hội cho các cầu thủ trẻ, điều mà trước đây rất khó có thể xảy ra. Đó là sự nở rộ của một loạt những tài năng, từ El Sharaawy, De Sciglio, Petagna, Cristante, Calabria đến lứa Donnarumma, Locatelli hay Cutrone sau này… Những chàng trai trẻ được giới thiệu, thi đấu thăng hoa, để lại ấn tượng và rồi… lần lượt rời đi, chỉ còn lại vài người.

Áp lực điểm số đã không cho phép huấn luyện viên kiên nhẫn với cầu thủ trẻ, đội bóng không có một người thủ lĩnh trong phòng thay đồ, ban lãnh đạo lẫn ban huấn luyện không có những nhà vô địch giúp giải quyết những vấn đề tâm lí cho các cầu thủ trẻ, khiến họ rơi vào cơn khủng hoảng tinh thần của lứa tuổi đôi mươi. Để rồi từ một sai lầm rất nhỏ lại ám ảnh họ, khiến họ mang tâm lí bất ổn, lo sợ bước ra sân. Sai lầm nối tiếp sai lầm đến mức không cách nào có thể phát triển được tài năng và cuối cùng sụp đổ.

Vậy Daniel thì sao? Đã có tin rằng lãnh đạo Milan có hẳn một kế hoạch đem Daniel lên đội 1!!! Liệu thế hệ thứ ba nhà Maldini có thể tạo nên lịch sử như cha và ông hay sẽ thui chột như những tài năng trẻ từng được kì vọng rất nhiều trước đó? Có thể, chúng ta sẽ được quyền hi vọng một kết quả tốt đẹp. Daniel có lối chơi rất hiện đại, thông minh, đơn giản và hiệu quả, thuộc mẫu cầu thủ tư duy giống như Kaka dù hiện tại cậu bé vẫn chưa thể đạt đến "tầm" ấy. Nhưng ai biết được, bởi chỉ sau ba tháng cùng Primavera, cậu bé đã có màn lột xác rất ấn tượng thì tương lai phía trước thật không

đơn giản.

Seedorf từng nói, “Cậu bé ấy luôn khiến tôi bất ngờ”. Trước đây, Cesare cũng bảo rằng “Daniel thật sự có năng khiếu” và gần đây Paolo, một người bố vốn dĩ ít nhận xét về các con trai của mình ngoài việc phát biểu “chúng nó đã cao hơn tôi” bỗng dưng nhắc đến mong muốn được nhìn thấy con trai mặc chiếc áo số 3 của mình trong thời điểm nhạy cảm. Điều ấy khiến Milanista có quyền tin tưởng vào tài năng của Daniel, bởi lẽ một người cẩn trọng, chín chắn trong từng lời nói và thông minh như Paolo sẽ không bao giờ tạo áp lực cho con trai mình nếu thấy cậu bé không có khả năng.

Bên cạnh yếu tố tài năng và “con ông cháu cha”, Daniel cũng đang có được “thiên thời” rất tốt, khi thời điểm cậu dần chứng tỏ bản lĩnh cũng là lúc Milan có những thay đổi mạnh mẽ, với những kế hoạch cụ thể, với những con người có đầy đủ năng lực, tài chính và tâm huyết để xây dựng lại “đế chế Milan”. Cậu sẽ là một phần của kế hoạch chiến thắng, với người bố vĩ đại ở sau lưng.

Có thể chúng ta sẽ không được thấy một Daniel thiên tài như Donnarumma lúc bắt đầu, cũng không phải là cậu nhóc run rẩy bước vào sân quên cả buộc dây giày như Paolo ở bình minh sự nghiệp, mà chỉ là một Daniel vào sân thay người, chuyền những đường chuyền sai địa chỉ, bị hất ngã lăn trên mặt cỏ trước những đối thủ dạn dày kinh nghiệm. Nhưng sau những thất bại đó, chúng ta sẽ có một chiến binh, thanh lịch nhưng mạnh mẽ. Chiến binh ấy sẽ từng bước tiến lên phía trước, tạo những chiến công cho riêng mình, làm những điều cha ông mình đã làm và chưa từng làm được!

Chí ít, một ngày nào đó, chúng ta hoàn toàn có thể tự tin Daniel sẽ... ghi nhiều bàn thắng cho Milan hơn con số 3 của Cesare, hay 33 của Paolo. Biết đâu, đó sẽ là 333 bàn thắng, là chiếc Cup Champions League hay thậm chí là Quả Bóng Vàng...

Tương lai là ở phía trước, chúng tôi vẫn đang chờ thế hệ thứ ba của dòng họ Di Milan và vẫn chờ cậu đấy, Daniel!

Phần IV
MILAN 360 ĐỘ

Casa Milan - Tuyệt tác nghệ thuật

Phong Nguyễn (ACMilanVN)

Đối với hầu hết những người đã từng có dịp đến thăm đất nước Italia, thành phố Milan luôn là một thứ gì đó rất đặc biệt, không hề giống với những Rome, Florence hay Venice. Nếu như phần lớn đất nước tự hào về nét cổ kính, về giá trị nghệ thuật của những công trình xây dựng có lịch sử hàng ngàn năm thì Milan lại là biểu tượng của một Italia hiện đại với nhiều tòa nhà cao tầng, lối sống năng động, và là thủ phủ của thời trang thế giới. Những kiến trúc bê tông cốt thép tại đây mang hơi thở của thời đại nhưng cũng không kém phần độc đáo. Trong số đó, Casa Milan nổi lên như biểu tượng của thể thao thành phố, một sự giao thoa hài hòa giữa kiến trúc, thể thao và công nghệ.

Tọa lạc tại khu Portello, phía bắc thành phố, trụ sở mới của câu lạc bộ AC Milan được khánh thành vào năm 2014, bao gồm quảng trường lớn và một tòa nhà cao 7 tầng có diện tích sử dụng gần 10.000m2. Toàn bộ khung cảnh, trang trí trong và ngoài Casa Milan đều do kiến trúc sư Fabio Novembre thiết kế. Fabio là một trong những kiến trúc sư nổi tiếng nhất Italia với nhiều tác phẩm độc đáo được trưng bày ở nhiều quốc gia trên thế giới. Hai công trình mới nhất của ông (2016-2018) là logo “Mission Winnow” trên xe đua Công thức 1 của hãng Ferarri và công trình nâng cấp, cải tạo trụ sở chính của hãng xe Lamborghini tại Bologna.

Casa Milan được xây dựng trên khu đất do Barbara, giám đốc kinh doanh của Milan vào thời điểm ấy, chọn như một phần trong kế hoạch lớn nhằm thay đổi toàn diện câu lạc bộ của gia đình Berlusconi. Theo dự kiến ban đầu, trụ sở này sẽ kết hợp với một sân vận động mới, cũng sẽ được xây dựng tại đây, để tạo thành khu phức hợp giải trí thể thao hàng đầu thế giới trong tương lai.

Bất chấp việc phần còn lại của kế hoạch mãi mãi chỉ còn tồn tại trên giấy, Casa Milan vẫn luôn là niềm tự hào của các Rossoneri.

Công trình được đánh giá rất cao về thiết kế và đã mang lại nhiều lợi ích cho câu lạc bộ trong 5 năm qua khi chỉ tính trong 12 tháng đầu hoạt động, từ tháng 5-2014 đến tháng 5-2015, Casa Milan đã mang về doanh thu ròng khoảng 4 triệu euro từ vé tham quan bảo tàng, đồ lưu niệm và nhà hàng. Những năm sau đó thu nhập từ Casa Milan còn lớn hơn với nhiều dịch vụ được cộng thêm. Đó là chưa tính khoản tiền tiết kiệm được từ việc không phải đi mướn quảng trường thành phố cho các sự kiện lớn của câu lạc bộ. Điều này đã chứng minh được tầm nhìn chiến lược của Lady Barbara khi cô là người quyết tâm thuyết phục cha mình bỏ tiền xây dựng Casa Milan, một bước quan trọng trong quá trình phục hưng Milan.

Kiến trúc sư Fabio Novembre đã thiết kế Casa Milan trên nền màu áo truyền thống của câu lạc bộ, sọc Đỏ-Đen, với sự kết hợp hài hòa giữa vật liệu kính và bê tông. Hình người chạy theo trái bóng trên nóc tòa nhà và trong Milan Store chính là biểu tượng của con người đang sử dụng phần mạnh mẽ nhất trong cơ thể - đôi chân - để điều khiển một Trái Đất thu nhỏ - trái bóng! Điều quan trọng ở đây là con người không ngăn chặn trái bóng mà tác động để nó lăn nhanh hơn, theo quỹ đạo mình mong muốn, hòa cùng với tập thể, tránh sự đơn độc.

Ông cho biết ngôn ngữ thiết kế này nhằm có được sự kết hợp hài hòa giữa "men, motion and emotion" (tạm dịch là con người, thể thao và cảm xúc). Ông quan niệm rằng bóng đá không chỉ là một môn thể thao thuần túy, mà nó còn là một biểu tượng cho sự tiến hóa của loài người. Khi xã hội thay đổi, bóng đá cũng phát triển theo. Thông điệp được truyền tải ở đây chính là: Bóng đá là một môn thể thao, nhưng đồng thời nó cũng là một công cụ giáo dục, biểu tượng của sự gắn kết và phát triển. Phần chính của thông điệp này chính là con người, xung quanh đó, nét đẹp của lối chơi, cách hành xử, cảm xúc thăng hoa, cổ động viên... tất cả sẽ hòa quyện và tạo thành một chỉnh thể, biểu tượng của một thế giới đầy màu sắc. Để nhấn mạnh ý nghĩa của thông điệp, mặt ngoài của Casa Milan được trang trí với các dải màu Đỏ-Đen đồng tâm với ý nghĩa sẽ lan truyền làn sóng tích cực này ra toàn bộ thành phố nói riêng và cả thế giới nói chung.

Trong trụ sở chính 7 tầng tại Casa Milan, có 3 tầng cao nhất với diện tích khoảng 3.000m2 được dành làm văn phòng, bao gồm phòng của giám đốc điều hành, phòng giám đốc thể thao, phòng

họp, phòng nghỉ, phòng truyền thống... Đó là nơi mà những Galliani, Barbara, Fassone, Mirabelli và sau này là Scaroni, Gazidis, Leonardo, Maldini... đang làm việc để đưa ra các quyết sách cho câu lạc bộ. Việc đàm phán, kí kết hợp đồng mới cũng như tổ chức sự kiện cũng được chuyển về đây. Trên tường của các phòng và hành lang đều được trang trí những hình ảnh nhằm gợi lên quá khứ hào hùng của câu lạc bộ.

Diện tích còn lại được chia đều cho các công trình sau:

Bảo tàng "Thế giới Milan" (Milan World Museum): rộng 1.000m2, nằm ở tầng dưới cùng của tòa nhà, trưng bày toàn bộ thông tin về bề dày lịch sử 120 năm của câu lạc bộ. Từ cổng vào, các cổ động viên sẽ lần lượt được đi qua: khu vực trưng bày Lược sử Milan, nơi mà họ có thể tìm hiểu toàn bộ lịch sử câu lạc bộ từ khi thành lập đến nay; Gallery of Champions, nơi giữ thông tin và hình ảnh những cầu thủ vĩ đại từng thi đấu cho câu lạc bộ; The Golden Ball Room, nơi vinh danh những cầu thủ xuất sắc từng giành Quả Bóng Vàng trong màu áo AC Milan; Trophy Room, nơi trưng bày các cúp và danh hiệu câu lạc bộ đã giành được... Ngoài ra, nơi đây còn có phòng kính với áo đấu của các cầu thủ đội 1 đang thi đấu trong mùa giải với chữ kí của họ.

Toàn bộ bảo tàng được xây dựng nhằm tương tác với người xem nhờ những công nghệ mới nhất của Google. Tại mỗi nơi trưng bày đều có màn hình cảm ứng với âm thanh nổi giúp các cổ động viên có thể xem thông tin và các đoạn phim lịch sử, giúp họ hiểu được phần nào không khí hào hùng của quá khứ. Trước khi bước vào phòng trưng bày Cup, Milanista sẽ được xem đoạn phim 3D dài khoảng 20 phút giới thiệu về AC Milan do các danh thủ Baresi, Maldini, Rui Costa, Shevchenko... thể hiện. Tại Phòng vinh danh các Quả Bóng Vàng, sự nghiệp thi đấu trong màu áo Đỏ-Đen của những Rivera, Gullit, Van Basten, Weah, Shevchenko, Kaka được trình chiếu trên nền nhạc Inno Milan. Bên cạnh đó, tất cả các hoạt động và trò chơi trong bảo tàng đều được thiết kế dành cho mọi lứa tuổi, từ trẻ em đến người lớn đều có thể dễ dàng hiểu và sử dụng.

Milan Store: rộng 450m2, nằm ở tầng hai, với lối vào nhìn ngay ra quảng trường Milan, mở cửa từ 10 giờ sáng đến 8 giờ tối. Không cần nói các bạn cũng biết là có gì trong đây rồi. Tại đây sẽ có những vật phẩm và sách đặc biệt mà các bạn sẽ không thể tìm thấy tại bất kì cửa hàng nào của Milan trên toàn thế giới. Ví dụ như áo đấu số 6 của Baresi bản 2019 hay trái bóng với logo đặc biệt. Nhưng hơn cả là phong cách thiết kế độc đáo, đậm chất

“Milan” khiến người mua phải chú ý đến từng góc của cửa hàng.

Phòng bán vé: tọa lạc ngay bên cạnh và có cùng giờ mở cửa với Milan Store, nơi bạn có thể mua vé mùa hay vé vào xem bất kì trận đấu nào của câu lạc bộ. Đáng chú ý là thời điểm người viết viết đến đây thì được cho biết là hiện phòng vé này chỉ nhận phân phối vé khi bạn đặt online chứ không bán trực tiếp.

Cucina Milanello (Milanello Cuisine): khu ẩm thực rộng 450m2, cũng ở tầng 2, nằm ngay bên cạnh cổng vào, thông với Milan Store, mở cửa từ 8 giờ sáng đến 12 giờ đêm. Nhà hàng phục vụ đầy đủ từ bữa sáng, bữa trưa cho đến bữa tối với rất nhiều màn ảnh rộng để Milanista có thể thưởng thức các trận đấu của câu lạc bộ cũng như các sự kiện thể thao nổi tiếng khác. Đặc biệt, toàn bộ các món ăn đều được chế biến bởi những đầu bếp nổi tiếng đang phục vụ cho đội 1, đảm bảo sự ngon miệng cũng như cân bằng dinh dưỡng. Tại đây, ngoài gam màu Đỏ-Đen chủ đạo, bàn ghế và vật dụng đều có màu xanh lá cây, tạo cảm giác hết sức thoải mái giống như trên mặt sân cỏ sau nhiều giờ tham quan.

Quảng trường Milan: rộng 2.500m2, là nơi rộng nhất và quan trọng nhất của Casa Milan. Đây chính là khu vực gặp mặt của các fan, tổ chức ăn mừng và các sự kiện lớn như giới thiệu ngôi sao mới, các buổi giao lưu với fan hâm mộ... Sau khi được hoàn tất vào năm 2014, tất cả các hoạt động ngoài trời của câu lạc bộ đã được chuyển về đây, giúp việc tổ chức được chủ động và chuyên nghiệp hơn rất nhiều so với trước kia, khi tổ chức ở quảng trường thành phố.

Mặt ngoài tòa nhà văn phòng tại Casa Milan là một màn hình khổng lồ sẽ liên tục trình chiếu các hình ảnh về câu lạc bộ. Các Milanista chỉ có một lần duy nhất được xem trận đấu và ăn mừng tại đây kể từ khi khánh thành vào năm 2016 trong trận Siêu Cup Italia khi Milan thắng Juventus trên chấm phạt đền tại Thượng Hải. Đây là một điều hết sức đáng buồn nhưng có thể nó sẽ thay đổi vào năm tới khi tiếng nhạc Champions League vang lên trong các trận đấu của Rossoneri. Toàn bộ khuôn viên trụ sở được trang bị wifi miễn phí với tốc độ cao nhằm tạo điều kiện tốt nhất cho các nhân viên cũng như cổ động viên. Thời điểm người viết có mặt ở đây, đội trẻ U10 của câu lạc bộ đã được đến tham quan Casa Milan, qua tìm hiểu, đây là một hoạt động được tổ chức thường xuyên, nhằm giúp các cầu thủ trẻ ý thức được lịch sử, tầm vóc của câu lạc bộ.

Casa Milan là một công trình được thiết kế “mở” nhằm tạo điều

kiện để mở rộng cũng như thêm vào các dịch vụ mới trong tương lai. Xung quanh trụ sở có khá nhiều cửa hàng, dịch vụ nhưng không có công trình quá lớn, tạo nên sự thông thoáng. Để đến được Casa Milan, bạn sẽ mất khoảng 15 phút đi bộ từ trạm Metro gần nhất, Lotto. Ngoài ra, có một tuyến xe bus của thành phố có trạm dừng tại cả San Siro lẫn Casa Milan.

Qua 5 năm hoạt động, Casa Milan có lẽ chưa phải là một biểu tượng của một câu lạc bộ có lịch sử 120 năm như Milan. Nó cũng không phải là một "con gà đẻ trứng vàng" như Juventus Stadium, nhưng nó là duy nhất tại Italia và châu Âu. Chưa có một câu lạc bộ nào của cả châu Âu thiết kế trụ sở của họ với tính nghệ thuật và tương tác cao như Milan đã làm. Cũng chưa có câu lạc bộ nào mở bảo tàng của câu lạc bộ hay cửa hàng bán đồ lưu niệm ngay bên trong trụ sở chính của mình. Nó khiến thượng tầng câu lạc bộ trở nên gần gũi với Milanista hơn bao giờ hết. Một cổ động viên có thể đến đây tham quan, mua sắm với suy nghĩ là ngay bên trên họ, trong cùng một tòa nhà, Maldini, Baresi hay một ai đó đang làm việc. Biết đâu, một ngày đẹp trời, bạn sẽ bất chợt gặp họ để xin chữ kí, chụp hình lưu niệm, tại sao không?

Milan Lab - thăng và trầm

Phong Nguyễn (ACMilanVN)

Chung kết Champions League năm 2007, kỉ niệm đẹp cuối cùng mà AC Milan có được tại đấu trường châu Âu gần 12 năm trước đã chứng kiến một kì tích khi đội hình có tuổi đời trung bình lên đến 34 tuổi 31 ngày đăng quang ngôi vô địch. Họ là đội bóng "già" nhất đã từng đăng quang trong lịch sử giải đấu này. Đó là dấu son và có lẽ cũng là dấu chấm hết cho một huyền thoại của làng túc cầu thế giới: Milan Lab.

Suốt 8 năm dưới thời huấn luyện viên Ancelotti, có thể nói AC Milan đã sở hữu một trong những đội hình mạnh nhất lịch sử câu lạc bộ. Tuy nhiên cũng không thể phủ nhận, một số cầu thủ như Maldini, Costacurta, Cafu, Stam, Inzaghi, Beckham hay Rivaldo… tại thời điểm đó đều được xem là già và đã hết thời trước khi tỏa sáng một cách kì lạ dưới bàn tay của Ancelotti và giúp câu lạc bộ trở thành thế lực thống trị châu Âu trong suốt một thập kỉ.

Tại sao AC Milan lại đưa về nhiều cầu thủ lớn tuổi như vậy? Tại sao những Maldini, Nesta, Cafu, Costacurta, Pancaro… lại có thể thi đấu ở đẳng cấp cao nhất khi họ đã trên dưới 40 tuổi? Câu trả lời nằm ở vũ khí bí mật của đế chế Đỏ-Đen thời điểm ấy, Milan Lab. Nó từ lâu đã không còn là bí mật với các Milanista, hầu hết chúng ta đều ít nhiều nghe nói đến Milan Lab. Tuy nhiên, tại sao Milan Lab lại giúp Milan thành công rực rỡ trong 10 năm, rồi biến mất trên vũ đài lịch sử vẫn là một dấu hỏi lớn với nhiều người.

Những năm tháng rực rỡ

Câu chuyện về Milan Lab được bắt đầu từ năm 1987 khi chuyên gia thể lực Vincenzo Pincolini gia nhập AC Milan. Ông đã đến Mỹ mùa hè năm 1991 để xem Carl Lewis chuẩn bị cho Olympic và nhận ra rằng các cầu thủ bóng đá sẽ hưởng lợi rất lớn nếu áp dụng các phương pháp khoa học tiên tiến trong việc tăng cường thể lực.

Ông và người bạn thân, Danielle Tognacini đã thảo luận về điều này và muốn áp dụng nó cho một đội bóng tại Italia. Mãi đến năm 1999, Tognacini mới gia nhập Milan và họ đã trình bày với Phó chủ tịch Galliani dự án đầy tham vọng của mình về một trung tâm khoa học thể thao công nghệ cao tại câu lạc bộ. Vào thời điểm ấy, Galliani không quá mặn mà với kế hoạch này. Tuy nhiên chỉ một năm sau đó, một sự kiện đã khiến vị CEO đầy quyền lực này thay đổi ý định.

Năm 2000, AC Milan quyết định mua tiền vệ Fernando Redondo từ Real Madrid với giá 16 triệu đô. Khi ấy, anh vừa nhận danh hiệu "Cầu thủ xuất sắc nhất Champions League" mùa giải 1999-2000 (với "cú đánh gót kinh điển" giúp Real loại MU) và được xem là tiền vệ trung tâm hay nhất thế giới. Sau cuộc kiểm tra y tế có sự tham gia của 13 chuyên gia trong nhiều lĩnh vực, Redondo kí hợp đồng 3 năm với Milan. Tuy nhiên, anh lại bị chấn thương đầu gối một cách kì lạ ngay trong những buổi tập đầu tiên, ngồi ngoài trong 2 năm rưỡi tiếp theo và không bao giờ khôi phục được khả năng chơi bóng đỉnh cao.

Đây là một vố rất đau đánh vào hệ thống kiểm tra y tế của AC Milan. Sau những tính toán kĩ lưỡng, Galliani và Chủ tịch Berlusconi đã quyết định xây dựng Milan Lab dựa trên mô hình của Tognacini, để không bao giờ có một "Redondo" thứ hai xảy ra nữa.

Milan Lab có tên đầy đủ là Trung tâm Nghiên cứu khoa học công nghệ cao Milan (Milan High Tech Scientific Research Centre) được thành lập vào tháng 7-2002, với sự hậu thuẫn lớn của ngài Berlusconi, tọa lạc trong khuôn viên Khu phức hợp thể thao Milanello. Mục đích của câu lạc bộ khi cho ra đời Milan Lab là tăng cường khả năng kiểm soát thể lực cũng như tâm lí của các cầu thủ thông qua một hệ thống khoa học thể thao hiện đại vào loại bậc nhất trên thế giới lúc bấy giờ. Trung tâm là sự kết hợp tuyệt vời giữa công nghệ sinh học, công nghệ thông tin và những tiến bộ mới nhất trong nghiên cứu về con người. Những hoạt động thầm lặng của Milan Lab trong những năm sau này là rất quan trọng, góp một phần quyết định vào những thành công mà triều đại Ancelotti đã có được.

Milan Lab hoạt động dựa trên nhiều hệ thống thành phần. Tại đây, họ làm việc theo một nguyên tắc mà người ta gọi đó là "tầm nhìn có hệ thống" (Systemmatic Vision), khá tương tự với AI mà chúng ta hay nghe nói. Máy chủ trung tâm sẽ phân tích và đưa ra kết luận dựa trên các thông tin mà các hệ thống thành phần riêng

rẽ như chỉ số dinh dưỡng, chỉ số y tế hay thông tin phân tích trận đấu… đưa về. Đây là một hệ thống mà ban lãnh đạo Milan Lab đã cất công sang Mỹ, nơi có nền khoa học thể thao tiên tiến nhất thế giới để học hỏi, sửa đổi và đem về áp dụng tại Milan.

Hệ thống này trước đó đã được áp dụng tại rất nhiều đội bóng kiểu Mỹ và đạt được những thành công nhất định. Dĩ nhiên Milan Lab được bảo mật khá kĩ nên khó có thể biết được chi tiết bên trong. Tuy vậy, dựa theo một số tài liệu thu thập được, chúng ta cũng có thể biết một vài điểm khái quát trong hoạt động của Milan Lab. Tóm lại, mục tiêu cuối cùng của Milan Lab là giúp các cầu thủ luôn đạt và duy trì được phong độ thi đấu tốt nhất.

Một trong số các nhiệm vụ của họ là thu thập dữ liệu sinh học của các cầu thủ hằng ngày, sau đó áp dụng một hệ thống phân tích và chẩn đoán y khoa tối tân nhằm dự báo trước những nguy cơ chấn thương của các cầu thủ. Ngoài ra, Milan Lab còn được xây dựng để giải quyết vấn đề thể lực trước trận đấu, một trong những yếu tố đóng vai trò quyết định đến thành bại trong bóng đá hiện đại. Trong suốt một thập kỉ kể từ khi thành lập, trung tâm đã giúp đội bóng đạt được hiệu quả tối ưu về phòng chống chấn thương cũng như duy trì thể lực.

Vậy có gì đặc biệt trong trung tâm này?

Milan Lab ứng dụng những công nghệ hiện đại nhất trong việc thu thập và xử lí thông tin. Hệ thống hoạt động như một "bộ não nhân tạo" (AI-Artificial Intelligent) trong việc nhận, phân tích dữ liệu thu được; sau đó so sánh nó với những cơ sở dữ liệu có sẵn và đưa ra kết luận. Mục đích nhằm chỉ ra được những nguyên nhân quan trọng có thể tạo ra chấn thương trong tương lai, chi tiết về tình trạng cơ thể của mỗi người, qua đó đưa ra những phương án tập luyện và thi đấu phù hợp cho mỗi cá nhân, dựa theo độ dày đặc của lịch thi đấu. Thông thường, trạng thái thi đấu của các cầu thủ sẽ được quyết định qua ba yếu tố chính: cấu trúc cơ thể, trạng thái sinh học và tâm lí.

Toàn bộ thông tin về tình trạng tâm - sinh lí của các cầu thủ được thu thập tại Milan Lab thông qua một hệ thống máy tính tinh vi lắp đặt bởi Unysis với các bộ vi xử lí đặc biệt được AMD cung cấp. Sau đó, một phần mềm chuyên dụng sẽ phân tích các số liệu thu được. Kết quả cuối cùng sẽ được tiếp nhận và xử lí nhờ PAS (Predictive Analysis Server), một phần mềm được thiết kế để dự báo trước những nguy cơ chấn thương, tình trạng thể lực và tâm lí trong tương lai gần. Trung tâm còn được trang bị nhiều thiết bị

hiện đại khác nhằm tối ưu hóa khả năng phân tích và dự đoán.

Tóm lại, có thể nói nôm na rằng thông qua các số liệu cụ thể thu thập được, trung tâm sẽ giúp ban huấn luyện và các chuyên gia y tế, dinh dưỡng điều chỉnh các hoạt động nhằm giúp các cầu thủ đạt được tình trạng tốt nhất trên tất cả các mặt từ thể lực, tâm lí, kĩ - chiến thuật cho đến khả năng chiến thắng trước đối thủ mà họ sẽ gặp. Các thành viên chủ chốt của Milan Lab giai đoạn này bao gồm: Danielle Tognaccini (người đứng đầu), chuyên gia y tế Jean Pierre Meersseman, chuyên gia tâm lí Bruno De Michelis và cố vấn khoa học Matteo Motterlini.

Khi Seedorf mới đến Milan, anh luôn than phiền về chấn thương háng mà mình gặp phải trong suốt một năm rưỡi trước đó, điều này khiến anh không thể chơi với 100% phong độ. Jean-Pierre Meersseman đã giúp anh chẩn đoán và phát hiện ra rằng xương chậu của Seedorf bị nghiêng khiến một chân ngắn hơn chân còn lại, dẫn đến những chấn thương này. Liệu pháp của Meersseman đơn giản đến mức thần kì, khiến rất nhiều người khó có thể tin được: nhổ răng khôn! Kì lạ thay, sau đó, tiền vệ người Hà Lan không còn cảm thấy đau nữa và anh đã chơi những năm tháng có thể nói là xuất sắc nhất trong sự nghiệp của mình tại AC Milan.

Không chỉ với Seedorf, trong suốt thời gian làm việc tại AC Milan, Meersseman đã áp dụng những cách làm hết sức khác người để chữa trị cho các cầu thủ. Các phương pháp của ông dựa trên sự hiểu biết của một chuyên gia về vận động học. Hầu hết các câu lạc bộ bóng đá đều có những chuyên gia về xương, cơ, đầu gối, dinh dưỡng... nhưng họ lại không có được một cái nhìn tổng thể dựa trên vận động học như Milan thời điểm ấy. Nếu như vẫn có người thắc mắc về trường hợp của Seedorf, thì câu trả lời của chính Meersseman sẽ làm họ thỏa mãn: "Nó không được đúng lắm về mặt khoa học nhưng tôi không quan tâm. Tại Milan Lab, chúng tôi đã làm hơn một triệu thí nghiệm về vận động cơ thể và các chuyên gia của chúng tôi đã phát triển một thuật toán giúp dự đoán và điều trị chấn thương với hiệu suất thành công cực cao."

Không chỉ riêng trường hợp của Seedorf, David Beckham cũng rơi vào trường hợp tương tự. Sau khi phải rời Real Madrid vì chấn thương Achilles dai dẳng và đến Mỹ thi đấu, Beckham đã được LA Galaxy cho AC Milan mượn vào mùa đông năm 2009. Sau khi trải qua 3 giờ đồng hồ kiểm tra, Beckham hết sức ngạc nhiên khi các chuyên gia Milan Lab cho biết anh có thể chơi bóng chuyên nghiệp đến tận năm 38 tuổi nếu tập luyện theo các phương pháp mà họ đưa ra. Họ cho biết anh có chỉ số "VO2 max" (mức hấp thụ

khí oxy tối đa) cao hơn nhiều so với những cầu thủ khác và phương pháp tập luyện của Milan Lab đã giúp Beckham giảm lượng mỡ thừa trên cơ thể từ 13,7% xuống chỉ còn 8,5% trong thời gian anh thi đấu tại đây. Chấn thương gót chân của anh cũng được điều trị tốt hơn. Mọi người có thể thấy sau đó, Beckham đã giữ được sự sung sức cho đến tận năm 37 tuổi.

Rất nhiều trường hợp khác như Cafu, Maldini hay Costacurta đã bị các chuyên gia cho là hết thời khi họ ở tuổi 32-33 nhưng Milan Lab không nghĩ vậy. Họ đã giúp những cầu thủ này thi đấu đến xấp xỉ ngưỡng 40 ở một trình độ rất cao. Mersseman nói: "Nhiệm vụ của chúng tôi là giúp các cầu thủ có thể kéo dài được sự nghiệp của họ càng lâu càng tốt. Ngoài ra, chúng tôi cũng cố gắng đưa về những trường hợp đặc biệt và chữa trị cho họ". Đó là những trường hợp của Crespo hay Ronaldo, người đã giảm được 5kg trọng lượng sau vài tháng tại Milan. Bên cạnh đấy, quyết định bán Kaka và Shevchenko lúc họ đang có giá được xem là những thắng lợi lớn của Milan Lab khi các chuyên gia tại đây đã đưa ra chẩn đoán rằng họ đã bước qua giai đoạn đỉnh cao và không thể nào hồi phục những chấn thương trước đó.

Trong suốt quãng thời gian mà Ancelotti tại vị, hầu như không có một cầu thủ nào rời AC Milan lại có thể thành công ở một câu lạc bộ khác, trong khi rất nhiều cầu thủ được mua về với giá rất rẻ hoặc miễn phí nhưng lại có những cống hiến to lớn cho câu lạc bộ, ví dụ như Serginho, Jankulovski, Dida, Cafu, Stam, Crespo, Rivaldo, Seedorf... Ngoài những lí do về chuyên môn, Milan Lab cũng đóng một phần quan trọng trong thành công này.

Milan Lab khi ấy còn tích hợp hệ thống miCoach Elite Team của Adidas, nó cho phép theo dõi các số liệu, dữ kiện trên sân theo thời gian thực (tính toán phân tích tức thì). Được thiết kế dành riêng cho các đội bóng chuyên nghiệp, miCoach đưa ra các số liệu phân tích giúp các câu lạc bộ và ban huấn luyện tìm ra các bài tập tối ưu, điểm rơi phong độ tốt nhất của từng cầu thủ và ảnh hưởng của các bài tập đối với từng phần cơ bắp của các cầu thủ. AC Milan là câu lạc bộ đầu tiên trên thế giới sử dụng hệ thống này.

Tuy nhiên, Milan Lab cũng chỉ là một nơi nghiên cứu khoa học, nó không thể lúc nào cũng tạo ra phép màu. Rất nhiều trường hợp đã khiến Milan Lab bất lực. Đó là những Emerson, Ronaldo, Shevchenko (quay lại từ Chelsea) hay Vieri... Sự thất bại của họ có nhiều nguyên nhân: thiếu nỗ lực, buông xuôi, lối sống không lành mạnh cũng như những thứ thuốc mà họ đã dùng khi còn trẻ. Khi Beckham gia nhập AC Milan, anh luôn là người đến sớm nhất và

ra về trễ nhất, anh luôn nuốt trọn khối lượng tập luyện và không than phiền về bất kì điều gì. Ngược lại, những gã ăn chơi như Vieri hay Ronaldo khó lòng có thể làm được như vậy trong khi Shevchenko (lần 2) và Emerson thì có lẽ đã không còn động lực cống hiến cho Milan. Để thành công với Milan Lab, các cầu thủ cần phải tỏ ra chuyên nghiệp và nỗ lực ở cường độ cao chứ mọi thứ không phải ở trên trời rơi xuống.

Và giai đoạn xuống dốc

Năm 2013, trong một phòng vật lí trị liệu ở trung tâm London, nước Anh, Jean Pierre Meersseman đang chữa trị cho một cầu thủ của giải Ngoại hạng Anh. Thật đáng ngạc nhiên khi một trong những nhân vật đầu não của Milan Lab lại đến làm việc tại đây. Người đại diện Carly Barnes của Meersseman cho biết ông đang tìm kiếm những thách thức mới trong nghề nghiệp ở Anh trong khi vẫn giữ chức cố vấn đặc biệt cho Milan Lab.

Khi được đặt câu hỏi về những chấn thương liên tiếp tại AC Milan trong những mùa giải qua, Meersseman mỉm cười cho biết: "Khi cái gì đó trở nên quá tốt, người ta đôi lúc sẽ cho rằng nó không cần thiết nữa và bắt đầu cắt bỏ nó. Một ví dụ là tại Milan, tôi thường cho các cầu thủ dùng thức ăn có chứa carbohydrate 20 phút sau trận đấu. Ở Italia thường sẽ là mì ống. Một đầu bếp được mời đến phòng thay đồ để phục vụ các cầu thủ. Nó rất phiền toái nhưng thực sự hiệu quả. Những ngày ấy, tôi là người kiểm tra các cầu thủ khi họ đi vào và đi ra. Thế nhưng, họ đã cắt bỏ nó. Họ còn bỏ chỗ này, hạn chế chỗ kia của chương trình và đột nhiên tất cả mọi thứ đã thay đổi."

Rõ ràng, cùng với việc cắt giảm lương cũng như bán đi những ngôi sao xuất sắc nhất, việc cắt bỏ những hoạt động của Milan Lab cũng nằm trong kế hoạch cân đối lại tài chính của câu lạc bộ. Kinh tế khó khăn, scandal Calciopoli và luật công bằng tài chính của UEFA đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến Milan Lab. Mất đi nguồn tài chính mạnh mẽ từ câu lạc bộ, nó đã không còn giữ được vị thế như một vũ khí bí mật của AC Milan nữa. Thêm vào đó, trong khoa học, "không tiến bộ" có nghĩa là thụt lùi. Trong khi rất nhiều câu lạc bộ hàng đầu đã học tập Milan và thành lập những trung tâm y tế của riêng họ (điển hình là Chelsea nhờ vào sự giúp đỡ của Ancelotti và trợ lí thể lực Bruno Demichelis mà ông mang theo từ Milan) thì Milan Lab gần như vẫn đang sử dụng những công nghệ lạc hậu từ 10-20 năm về trước.

"Các chương trình nghiên cứu của Milan Lab thực ra đã bị ngưng

từ 3 năm trước. Milan Lab vẫn tiếp tục hoạt động trên lĩnh vực thể thao nhưng về y tế thì không", Meersseman cho biết vào năm 2013. Trường hợp của Pato là một ví dụ điển hình khi các bác sĩ của đội tuyển Brazil cũng như câu lạc bộ Corinthians đã chỉ trích những phương pháp điều trị của Milan Lab là "không hiệu quả" và "có rất nhiều chấn thương đã không được điều trị dứt điểm".

Đây thực sự là một chương buồn cho Trung tâm y tế thể thao hàng đầu thế giới ngày nào.

Thực chất năm 2013, Barbara Berlusconi, trong giai đoạn tìm cách lật đổ Galliani để phục hưng Milan, đã đưa ra lộ trình phục hồi Milan Lab. Chương trình hoạt động mới của Milan Lab dự kiến có sự tham gia của những chuyên viên y tế thể thao thế hệ mới và những nhân vật cũ như Meersseman sẽ được mời đóng vai trò cố vấn đặc biệt tại đây. Thêm vào đó, Milan Lab sẽ được định hướng phục vụ cho các đội trẻ Milan theo xu thế trẻ hóa của câu lạc bộ. Tuy vậy, sự thiếu thốn về mặt tài chính cũng như những biến động của thượng tầng câu lạc bộ đã khiến kế hoạch này không bao giờ có thể thực hiện.

Meersseman, một trong những cha đẻ của dự án Milan Lab đã từng nói: "Tuổi tác không tồn tại, điều quan trong là bạn phải thực sự sẵn sàng cả về thể chất lẫn tâm lí, bất kể khi đang ở tuổi 24 hay 42". Câu nói của ông đúng nhưng chỉ ở một vế, tuổi tác có lẽ không tồn tại trong bóng đá nhưng tuổi nghề là có thật và Milan Lab của ông cũng đã đi qua "tuổi nghề" của mình. Thật khó để có thể chứng kiến một Milan Lab đi đầu về khoa học thể thao xuất hiện một lần nữa vì nhiều câu lạc bộ khác đã đi trước Milan một bước. Tuy nhiên, vai trò lịch sử của nó trong giai đoạn Grande Milan II của bóng đá châu Âu mãi mãi là điều không bao giờ thay đổi.

San Siro - Tình chỉ đẹp khi còn dang dở…

Phong Nguyễn (ACMilanVN)

"Đối với tôi, đây mới chính là nơi bạn cảm nhận được bóng đá đích thực. Một nơi được dành riêng cho môn thể thao vua, nơi gần như không có khoảng cách giữa cổ động viên và cầu thủ. Một nơi mà các bạn có thể cảm nhận được nhịp điệu của trái bóng và sôi trào theo nó…" Đó chính là lời nhận xét về San Siro của Diego Simeone, người đã từng trải qua rất nhiều trận đấu tại châu Âu, trên nhiều sân vận động nổi tiếng trong cả tư cách huấn luyện viên lẫn cầu thủ. "Bạn có thể 'ngửi' thấy lịch sử bóng đá khi ngồi tại nơi đây", cựu hậu vệ Inter - Maxwell, cho biết…

Đã từ lâu, San Siro vẫn được xem là biểu tượng của bóng đá Italia nói chung chứ không riêng gì thành phố Milan. Có lẽ không nhiều các Milanista tại Việt Nam biết rằng đội tuyển quốc gia Italia hiện vẫn giữ thành tích bất bại khi thi đấu tại đây trên bất kì mặt trận nào. Nơi đây đã từng chứng kiến dấu giày của không biết bao nhiêu ngôi sao trên khắp thế giới và gần như tất cả các cầu thủ đều mong muốn một lần được thi đấu tại sân vận động huyền thoại này.

Tuy nhiên, cũng giống như nhiều kiến trúc tại đất nước hình chiếc ủng, lịch sử đôi khi lại là rào cản quá lớn chặn đứng sự phát triển của thể thao ở đây. Lần gần nhất một câu lạc bộ thành Milan thi đấu với tư cách nhà vô địch châu Âu tại San Siro đã là gần 10 năm trước. Kể từ đó, với hầu bao hạn hẹp, San Siro đã dần chìm vào quên lãng cùng với thành tích nghèo nàn của cả AC Milan và Inter.

"Đây là một sân vận động đầy ắp kí ức, rất tuyệt vời nhưng nó cũng có quá nhiều sự bất tiện…", Paolo Maldini nói trong một cuộc phỏng vấn, "Sân vận động là một phần quan trọng của bóng

đá hiện đại. Chúng tôi đang làm việc với Inter về một San Siro mới và sẽ đề đạt nguyện vọng lên thị trưởng thành phố". Đó là một ý tưởng không mới khi nhà Berlusconi đã từng đề nghị xây một sân vận động mới hiện đại thay cho San Siro từ cách đây nhiều năm. Với tiềm lực tài chính của Elliott và cả phía Inter, sẽ không có quá nhiều khó khăn để biến nó thành hiện thực. Nếu Milanista nào chưa có dịp đến đây, có lẽ những năm tới là cơ hội cuối cùng để thăm San Siro, trước khi nó chỉ còn là một phần của quá khứ...

San Siro ra đời từ ý tưởng của cựu chủ tịch AC Milan, ông Pietro Pirelli, nhà tài phiệt sở hữu hãng vỏ xe nổi tiếng thế giới, vào năm 1925. Dưới sự chỉ đạo của kĩ sư trưởng Alberto Cugini và kiến trúc sư Ulisse Stacchini (cũng là người thiết kế công trình nổi tiếng, ga xe lửa Trung tâm Milan), chỉ sau 13 tháng với 5 triệu lire tiền túi của Pirelli, sân San Siro đã được hoàn thành với sức chứa khoảng 40.000 người. Sân vận động lúc ấy có bốn khán đài ở bốn bên nhưng để trống ở bốn góc và chỉ có khán đài chính (khán đài A theo kiểu giống của Việt Nam) là có mái che. Trong trận đấu khai mạc sân vận động ngày 1-8-1926, Milan đã hạ Inter với tỉ số 6-3. Kể từ đó cho đến hết Chiến tranh thế giới thứ Hai, San Siro là sân vận động riêng của AC Milan, còn Inter vẫn thi đấu tại sân Arena Civica cũ kĩ.

Năm 1935, San Siro được bàn giao lại cho chính quyền thành phố Milan, họ đã bỏ ra 5 triệu lire, đúng bằng số tiền xây sân vận động để mở rộng nó, khép kín ở bốn góc, gắn mái che cho toàn bộ khán đài, nâng sức chứa của San Siro lên đến 65.000 chỗ ngồi, biến nó thành sân vận động lớn nhất thế giới cho đến khi Brazil xây sân vận động Maracana vào năm 1950.

Do ảnh hưởng của Thế chiến thứ Hai, Milan đã phải chuyển đến thi đấu tại Arena Civica trong ba mùa giải, từ 1941 đến 1944. Năm 1955, 10 năm sau khi chiến tranh kết thúc, chính quyền thành phố Milan đã quyết định nâng cấp San Siro lần thứ hai trong lịch sử với số tiền 750 triệu lire (tiền Ý mất giá rất nhiều sau chiến tranh). Kĩ sư Ferruccio Calzolari và kiến trúc sư Armando Ronca là những người chịu trách nhiệm dự án này. Sức chứa sân vận động vẫn giữ nguyên, các trận đấu vẫn diễn ra bình thường trong thời gian xây dựng. Tuy nhiên, kiến trúc bên ngoài San Siro đã thay đổi hoàn toàn với tầng thứ hai được thêm vào với những vòng tròn bằng bê tông bao quanh sân vận động và các giàn đèn sặc sỡ bắt mắt, lại một lần nữa biến San Siro trở thành sân vận động hiện đại bậc nhất lúc bấy giờ.

Từ những năm này trở đi, cái tên San Siro, thánh địa của bóng đá

Italia, mới thực sự trở thành huyền thoại của làng túc cầu thế giới với những chuỗi thành công rực rỡ của cả hai đội gắn liền với những tên tuổi như Rivera, Liedholm, Nordahl, Cesare Maldini, Fachetti, Suarez, Mazzola hay Schiaffino… Chỉ trong 20 năm ngắn ngủi, 12 chức vô địch Serie A và 4 Cup C1 châu Âu đã được đưa về đây. Lối chơi nghệ sĩ theo "kiểu Italia" của AC Milan và đặc sản Catenaccio của Inter cũng đã ra đời. Vào năm 1980, sân vận động được chính thức đổi tên từ "San Siro" thành "Giuseppe Meazza" để tưởng nhớ cựu tiền đạo xuất sắc đã từng thi đấu trong cả hai màu áo, người đã mất một năm trước đó (nhưng Milan không thích sử dụng tên này và vẫn gọi tên cũ là San Siro).

Hầu hết các Milanista chào đời sau những năm 1970 đều không biết rằng, kiến trúc cột bê tông đã làm nên thương hiệu của San Siro thực tế chỉ được xây dựng vào năm 1990 trong đợt trùng tu gần đây nhất của sân vận động nhằm phục vụ cho World Cup 1990 trên đất Ý. Kiến trúc sư Ragazzi-Hoffer và kĩ sư Leo Finzi đã thêm vào 11 cột trụ bê tông bao quanh bên ngoài kiến trúc cũ để làm giá đỡ cho tầng khán đài thứ ba và giàn mái che bằng thép trên nóc của San Siro. Đợt trùng tu tiêu tốn 60 triệu USD này đã giúp San Siro có được hình dáng như ngày hôm nay với kiến trúc tổng thể khép kín hiện đại và sức chứa lên đến hơn 80.000 chỗ ngồi.

Năm 2009, tạp chí Times của Mỹ đã từng mệnh danh San Siro như "tàu vũ trụ" của thành phố Milan. Cũng chỉ trong 20 năm ngắn ngủi sau đó, San Siro đã trở thành nhân chứng của 5 chức vô địch Champions League nữa, cũng như 12 danh hiệu Scudetto. AC Milan vươn lên trở thành thế lực thống trị châu Âu với Bộ Ba Hà Lan Bay nổi tiếng, sản sinh bộ tứ vệ xuất sắc nhất lịch sử bóng đá cũng như triều đại Grande Milan của Ancelotti những năm 2000.

Bất chấp những thành công đã mang lượng khán giả đầy ắp đến San Siro, lợi ích về khía cạnh tài chính mà nó mang lại cho hai đội đều rất nhỏ bé. Trong khi các đội bóng nước Anh đang được hưởng lợi rất lớn từ những sân vận động hiện đại với thu nhập lên đến hàng trăm triệu nhờ tiền bán vé và dịch vụ cộng thêm, cả Milan lẫn Inter đều phải bỏ tiền túi của mình để thuê lại San Siro và thu được rất ít lợi nhuận vì các cổ động viên chả ai muốn móc hầu bao tại một nơi đã quá xuống cấp như thế.

Điều này có thể không thành vấn đề nếu như họ có được hậu thuẫn từ các nhà tài phiệt hay cả một hệ thống chính trị, như Real và Barca. Thế nhưng, từ khi Berlusconi và Moretti ngừng rót tiền vào đội bóng, những bất cập này đã ảnh hưởng rõ rệt đến hai câu

lạc bộ. Không có tiền để cạnh tranh trên thị trường chuyển nhượng, Milan và Inter dễ dàng bị đánh bại bởi cả những đội bóng hạng trung bên ngoài Italia. Đây chính là điều mà từ Barbara Berlusconi đến Yong Hong Li và bây giờ là Elliott đều muốn giải quyết.

Trên thực tế, nhiều lần trước đó, ban lãnh đạo của cả hai đội đã ngồi lại với nhau để bàn về việc tu sửa lại San Siro chứ không phải xây mới, nhằm bảo tồn giá trị lịch sử của sân vận động. Tuy nhiên, đã có những vướng mắc gần như không thể vượt qua. Đầu tiên và quan trọng nhất, San Siro không thuộc quyền sở hữu của hai đội bóng, do đó, họ phải bỏ tiền ra thuê và không có toàn quyền quyết định, tất cả mọi hoạt động đều phải thông qua sự đồng ý của chính quyền thành phố. Thứ hai, kiến trúc sân vận động đã quá cũ sau ba lần trùng tu và rất khó để họ thêm vào kiến trúc này những dịch vụ giải trí cộng thêm như nhà hàng, các ki ốt bán đồ lưu niệm hay thay mới các ghế cũ bằng loại ghế mới… Thứ ba, đợt trùng tu năm 1990 tuy đã biến San Siro thành một biểu tượng kiến trúc nhưng phần mái che cũng khiến cho cỏ tại San Siro không thể mọc tốt do thiếu ánh sáng mặt trời. Mỗi năm, có đến 30% cỏ tại San Siro phải được thay mới, việc bảo trì mặt sân trước và sau trận đấu đang trở nên quá tốn kém. Chính vì vậy, Ban lãnh đạo cả hai đội đã thống nhất phá bỏ San Siro và xây một sân vận động mới ngay trên khu đất này trong lần gặp gần nhất vào tháng 11-2018.

Theo dự kiến, "San Siro mới" (tạm gọi như vậy) sẽ có sức chứa khoảng 60.000 chỗ ngồi, thuộc quyền sở hữu của cả hai câu lạc bộ và họ sẽ mướn đất của chính quyền thành phố Milan trong 99 năm. Tổng kinh phí xây dựng sẽ là khoảng 600 triệu euro, mỗi bên bỏ ra 300 triệu. Được biết, hai đội đã kí văn bản ghi nhớ về việc này và chỉ cần "cái gật đầu" từ phía chính quyền thành phố. Dự kiến sân vận động mới sẽ được khởi công vào năm 2020 và hoàn tất vào năm 2023, tên của sân vận động sẽ được bán cho nhà tài trợ (kiểu như Allianz Arena của Bayern hay Emirates Stadium của Arsenal) với giá 25 triệu euro/năm. Thu nhập của cả hai đội dự kiến sẽ tăng ít nhất gấp đôi với những khoản tiền thu được nhờ bán vé và các dịch vụ. Qua những con số kể trên, rõ ràng một sân vận động mới hiện đại là bước đi không thể tránh khỏi trong thời buổi hiện nay. Nhờ có nó, Milan và Inter chắc chắn sẽ trở lại đỉnh cao.

Rất may mắn khi tác giả bài viết này đã từng được đến San Siro cách đây không lâu. Nó quả thật là một kì quan kiến trúc khi bạn có thể cảm nhận được không khí bóng đá từ phòng thay đồ, khán

đài, cho đến đường hầm dành riêng cho cầu thủ. Nếu như muốn, bạn có thể mua được một hộp hạt giống cỏ trồng tại San Siro từ cửa hàng bán đồ lưu niệm tại đây để lưu giữ như một kỉ niệm đẹp.

San Siro bị phá bỏ là điều đáng tiếc nhưng chẳng phải người Việt ta có câu nói "Tình chỉ đẹp khi còn dang dở" sao? Hãy để nó trở thành một kí ức đẹp trong lòng Milanista chứ không phải là một gánh nặng...

Milanello và Vismara, nơi tài năng thăng hoa

Vũ Hoàng (ACMilanVN)

Paolo Maldini từng nói về Milanello, "Gần như tất cả nỗi lo lắng của bạn sẽ bị chặn lại ở cổng vào". Khi một cầu thủ của Milan đặt chân vào Trung tâm, họ hiểu rằng, phía trước sẽ là một thế giới hoàn toàn khác biệt để họ tập trung toàn lực cho việc rèn luyện tài năng…

Tháng 7-1961, theo quyết định của Chủ tịch Andrea Rizzoli, Milan khởi công xây dựng Trung tâm Milanello, một trung tâm thể thao chưa từng có trong lịch sử nước Ý và sau hơn hai năm, tháng 9-1963, Milanello chính thức hoàn thành. Rizzoli đã nhìn thấy được tầm quan trọng của việc có một nơi luyện tập riêng biệt dành cho các cầu thủ và trong những năm tháng cuối cùng ngồi ở vị trí chủ tịch, ông đã đốc thúc các nhân viên của mình hoàn tất được công trình vĩ đại ấy. Ước mơ của ông là biến Milan trở thành một đội bóng hùng mạnh và để lại một di sản quý báu cho đời sau. Tuy nhiên, có một cam kết mà Rizzoli yêu cầu Milan phải thực hiện: Câu lạc bộ sẽ không được bán Milanello cho bất kì ai, ngoại trừ Liên đoàn bóng đá Italia. Nói một cách khác, Milanello mãi mãi phải thuộc biên chế của Milan, còn nếu không, nó phải trở thành tài sản quốc gia.

Về mặt vị trí, Milanello nằm cách thành phố Milano khoảng 50km, trên một ngọn đồi cao khoảng 300m so với mặt nước biển. Trung tâm rộng 160.000m2, được bao bọc bởi màu xanh của rừng thông và bên trong còn có một hồ nước nhỏ. Khi mới được xây dựng, thiết kế của Milanello còn khá đơn giản. Có ba sân bóng để luyện tập cùng các đường chạy. Thêm vào đó là tòa nhà 2 tầng làm nơi hội họp, thay đồ, giải trí và nghỉ ngơi.

Cùng với thời gian, Milanello đã được các đời chủ tịch tu bổ và

hiện đại hóa, đặc biệt dưới triều đại của Silvio Berlusconi. Ngày nay, Milanello có 6 sân bóng, trong đó 1 sân có mái che dùng để luyện tập khi trời mưa, 1 sân làm bằng cỏ tổng hợp và 1 sân trên nền đất tổng hợp. Khu phức hợp giống như một thị trấn mini bao gồm kí túc xá với 50 phòng dành cho các cầu thủ Primavera, bể bơi, phòng chơi game, quán bar, nhà hàng, phòng ăn, phòng tập gym, phòng tắm hơi, phòng giặt ủi, phòng họp báo và văn phòng làm việc. Tất cả các thiết bị luyện tập ở phòng gym đều thuộc loại tốt nhất thế giới bóng đá.

Milanello cũng có đường chạy với chiều dài khoảng 1,2km để các cầu thủ rèn luyện thể lực bằng việc chạy bộ hoặc đạp xe. Năm 2002, đội bóng đã tiến hành xây dựng thêm Milan Lab trong khuôn viên của trung tâm để hỗ trợ cho việc chăm sóc sức khỏe của các cầu thủ. Và tất nhiên, kể từ năm 1986, Milanello phải có một khu đất trống để cho Silvio Berlusconi có thể đáp trực thăng xuống trong những lần ông tới thăm "những cậu bé" của mình. Một phong cách có lẽ là duy nhất trên thế giới.

Đối với bóng đá hôm nay, Milanello chẳng qua chỉ là một trung tâm thể thao bình thường như bao trung tâm khác. Nhưng vào thời điểm cách đây hơn nửa thế kỉ, việc tạo ra một khuôn viên dành riêng cho các cầu thủ luyện tập thực sự là cuộc cách mạng. Milanello chính là trung tâm chuyên biệt đầu tiên tại Italia. Chính vì thế, rất nhiều đội bóng đã cử người đến đây tham khảo và học hỏi. Hai trung tâm Collecchio của Parma và Formello của Lazio được xây dựng theo hình mẫu của Milanello. Ngoài ra, các quan chức của Fiorentina, Porto, Barcelona, Real Madrid hay thậm chí là cả câu lạc bộ Metrostars ở Mỹ, theo lời giới thiệu từ Roberto Donadoni - cựu ngôi sao của Milan, cũng có những buổi tham quan và làm việc tại Milanello nhằm cải thiện trung tâm của mình.

Chính bởi sự tiến bộ về cơ sở vật chất, Milanello thường được Liên đoàn bóng đá Italia sử dụng làm nơi luyện tập của đội tuyển quốc gia. Ngay trước kì Euro 1988, 1996 và 2000, Azzurri đã tập trung tại đây để chuẩn bị cho giải đấu lớn. Không chỉ có Italia, một số đội tuyển quốc gia khác cũng đến "nhờ vả" Milan để có chỗ hội quân khi World Cup tổ chức tại châu Âu.

Do nằm ở một vị trí khá đặc thù, không có bất cứ phương tiện công cộng nào chạy qua Milanello, bạn chỉ có thể đến đây bằng ô tô theo đường cao tốc hoặc vành đai. Cũng vì khoảng cách khá xa với trung tâm thành phố, một số cầu thủ Milan từng than phiền về việc họ phải mất nhiều thời gian di chuyển tới đây cho mỗi

buổi tập.

Trong khoảng hơn 40 năm đầu, nhiệm vụ của Milanello không chỉ là nơi luyện tập và hồi phục sức khỏe cho các cầu thủ ở đội 1 Milan. Đây còn là nơi đào tạo và bồi dưỡng cho các mầm non tương lai của câu lạc bộ. Những cầu thủ trẻ sẽ được tập ở đây, một số còn ngủ tại kí túc xá ở trung tâm, để phát triển tài năng. Tuy nhiên, hiện nay, Milanello chỉ còn là nơi tập riêng cho đội 1 và đội Primavera, tức đội U19. Còn lại, toàn bộ các đội trẻ khác và đội nữ hiện đang luyện tập ở Trung tâm thể thao Vismara.

Khác với Milanello do chính câu lạc bộ xây dựng nên, Trung tâm Vismara được Milan kí hợp đồng hợp tác với Giáo phận Milano. Cái tên "Vismara" được Giáo phận Milano đặt nhằm vinh danh ông Giuseppe Vismara (1888-1974), một doanh nhân nổi tiếng đã có những đóng góp rất lớn cho Italia trong công cuộc tái thiết thời hậu Thế chiến thứ Hai. Ông từng quản lí tờ báo Gazzetta dello Sport trong 18 năm và dựng nên ngân hàng Credito Artigiano hỗ trợ cho sự phát triển của các doanh nghiệp nhỏ.

Trung tâm thể thao này khởi công từ năm 1990, hoàn thành vào năm 1992 và được Giáo phận sử dụng trong các sự kiện thể thao của cộng đồng và hỗ trợ các trẻ em tàn tật. Nhưng rồi, việc quản lí quá sức đã dẫn tới việc Vismara có nguy cơ không thể tiếp tục hoạt động. Cuối cùng, Giáo phận đã có thỏa thuận với Milan về việc cùng nhau sử dụng Trung tâm, theo đó, Milan quản lí cơ sở vật chất còn Quỹ Don Gnocchi quản lí các hoạt động phúc lợi xã hội diễn ra tại đây. Kể từ đấy, Vismara trở thành nơi rèn luyện cho toàn bộ cấp độ đội trẻ của câu lạc bộ, ngoại trừ đội Primavera.

Vismara nằm ở Via dei Missaglia, phía nam của Milano. Với diện tích khoảng 230.000m2, Vismara rộng gấp rưỡi so với Milanello. Nó có một sân vận động tiêu chuẩn dùng làm nơi thi đấu chính thức của đội nữ và các đội trẻ. Ngoài ra, nó còn có thêm một số sân bóng nhỏ để làm nơi luyện tập cùng khu văn phòng và tập thể chất. 3 trong số 7 sân tại Vismara là cỏ nhân tạo. Đồng thời, Vismara cũng có 1 sân riêng để rèn luyện chuyên biệt cho các thủ môn.

Bên cạnh các cơ sở để luyện tập, Vismara cũng có trung tâm y tế của mình. Trung tâm này đảm nhận việc theo dõi sự phát triển thể chất của gần 20 đội bóng đủ các lứa tuổi tại đây. Với 8 bác sĩ và 14 chuyên gia vật lí trị liệu, trung tâm y tế của Vismara còn đảm nhận cả phần đảm bảo dinh dưỡng cho các cầu thủ trẻ cũng như đề phòng những tác động tiêu cực từ ma túy hay doping có thể

làm hại những thiếu niên của đội bóng. Các bài kiểm tra sinh lí và tâm lí đều được áp dụng ở mọi lứa tuổi và được thu thập thành cơ sở dữ liệu phục vụ cho công tác đánh giá sự phát triển của các cầu thủ trẻ. Câu lạc bộ hiểu rõ giai đoạn trưởng thành này luôn chịu ảnh hưởng lớn từ yếu tố tâm lí nên bản thân các huấn luyện viên ở đây cũng đều là những chuyên gia tâm lí, gắn bó với các học viên trong quá trình phát triển.

Nếu như Milanello thường hay bị phàn nàn vì việc ở cách quá xa trung tâm thành phố, khiến các cầu thủ có gia đình rất ngại khi di chuyển thì Vismara không bị những điều tiếng ấy. Trung tâm này là một nơi sinh hoạt đầy thú vị dành cho các thiếu niên của Milan. Bên cạnh việc đào tạo cầu thủ trẻ, Vismara còn là nơi diễn ra các hoạt động thể thao mùa hè đầy sôi động. Nói một cách khác, trung tâm đã trở thành một mô hình mang tính xã hội thay vì sự cục bộ của đội bóng.

Các hoạt động đào tạo ở Vismara hướng tới việc tạo ra mối quan hệ chặt chẽ giữa gia đình, cầu thủ với câu lạc bộ. Trong xã hội hiện nay, các bậc cha mẹ muốn con mình theo đuổi sự nghiệp bóng đá nhưng vẫn phải duy trì được việc học tập. Vì thế, Vismara có các khu kí túc xá riêng dành cho các lứa tuổi từ 14-19. Câu lạc bộ cũng thuê giáo viên để đảm bảo các học viên tại đây có các giờ học văn hóa bên cạnh thời gian luyện tập với trái bóng tròn.

Những lứa trẻ đầu tiên của Vismara đã xuất xưởng và có mặt ở rất nhiều câu lạc bộ tại Italia. Chúng ta có thể kể đến "Class 1995", lứa đầu tiên được luyện tập ở đây với Cristante và Petagna. Kế đó là lứa 1996 với Calabria, lứa 1997 với Luca Vido và Ivan De Santis, lứa 1998 với Cutrone và Locatelli..., tổng cộng có tới 20 cựu học viên từ Vismara đang thi đấu tại các đội bóng chuyên nghiệp khắp châu Âu và trong tương lai, con số này sẽ còn tiếp tục gia tăng với chất lượng đào tạo từ trung tâm này.

Khi nhắc tới các học viện bóng đá trẻ, thường người ta sẽ nêu ra những cái tên như Ajax, Barcelona, Sporting, Schalke, Bayern hay MU, Roma và Atalanta. Nhưng thực tế thì Trung tâm Milanello cũng đào tạo ra những cầu thủ xuất chúng. Hai trong số ba hậu vệ được coi là vĩ đại nhất lịch sử bóng đá trưởng thành từ những sân bóng này. Ngoài ra, còn rất nhiều cái tên khác mà ít ai nghĩ họ xuất phát từ đội trẻ của Milan, như Massimo Gobbi, Francesco Toldo, Aldo Maldera, Massimo Maccarone, Fabrizio Miccoli, Andrea Caracciolo hay Carlo Cudicini.

Với nền tài chính không còn có thể vung tay như trước, Milan đã

bắt đầu trở lại công cuộc đào tạo cầu thủ trẻ và nhanh chóng có được những thành công ban đầu. Một loạt những cái tên như Donnarumma, De Sciglio, Darmian, Cutrone, Petagna, Verdi hay Cristante đều đã góp mặt vào đội tuyển quốc gia Italia. Không phải tất cả trong số họ vẫn gắn bó với Milan nhưng điều ấy chứng minh năng lực đào tạo trẻ của Milanello và Vismara là không tồi. Nếu câu lạc bộ tiếp tục theo xu hướng này và học hỏi từ những trung tâm trẻ xuất chúng như Ajax, Sporting hay Barcelona, chắc chắn trong tương lai, đội bóng sẽ nhận được những thành quả to lớn.

Theo dòng chiến thuật

Thành Đỗ

Không có nhiều câu lạc bộ có những đóng góp to lớn cho sự cách mạng chiến thuật và con người trong bóng đá như AC Milan. Milan đã đi đầu trong nền bóng đá Italia khi Herbert Kilpin cải thiện nhận thức của những cầu thủ bản địa. Và kế tiếp truyền thống ấy, những bậc thầy chiến lược gia của Milan đã đem lại cho thế giới những bài học tuyệt vời về bóng đá, từ Rocco, Liedholm, Sacchi, Capello cho tới Ancelotti. Những gì mà bóng đá ngày nay đang sử dụng, từ hệ thống chiến thuật catenaccio, phòng ngự khu vực, vị trí libero và deep-lying playmaker cho tới false 9 và sơ đồ cây thông, đều có một phần đóng góp rất lớn, nếu như không muốn nói là quyết định, từ Milan và các huấn luyện viên của mình.

Nereo Rocco - Chúa tể của Catenaccio

Một trong những niềm tự hào lớn nhất của bóng đá Italia là việc nền bóng đá này luôn sản sinh ra những chiến lược gia đại tài. Nếu hỏi những người yêu bóng đá Italia rằng những huấn luyện viên nào xuất sắc nhất mọi thời đại, chúng ta sẽ thường được nghe tới Carlo Ancelotti, Arrigo Sacchi, Fabio Capello, Enzo Bearzot hay Marcello Lippi… Và chỉ có các fan lâu năm của AC Milan mới nhắc đến cái tên Nereo Rocco. Nhưng sự thật là trong lịch sử phát triển của Milan và cả nền bóng đá Italia, rất ít người có ảnh hưởng lớn như "El Paròn". Không chỉ là huấn luyện viên có thời gian tại vị lâu nhất trong lịch sử Rossoneri tính tới lúc này, giúp đội bóng giành 10 danh hiệu, trong đó có tới 4 Cup châu Âu (2 Cup C1, 2 Cup C2), ông còn là người mang Catenaccio đến với nền bóng đá xứ mì ống.

"Đội của tôi chơi Catenaccio, các đội khác thì chỉ đá kiểu phòng ngự thôi" - trích lời của Rocco.

Trong suốt sự nghiệp quần đùi áo số, Nereo Rocco không phải là một ngôi sao. Ông được biết đến là một cầu thủ luôn tập trung vào trận đấu và ít khi biểu lộ cảm xúc, kể cả khi ghi bàn. Sau này khi đã treo giày và trở thành huấn luyện viên, Rocco cũng không bị bóng đá chi phối quá nhiều trong cuộc sống. Sau các buổi tập, người ta thường thấy ông đến các nhà hàng và quán bar với bạn bè, chủ yếu là các nhà báo và cựu cầu thủ.

Với Rocco, bóng đá chỉ đơn thuần là một công việc.

Trước khi đến với AC Milan, Nereo Rocco đã có những thành tích rất đáng nể ở những đội bóng ít tên tuổi. Tại Trieste - ngày nay là câu lạc bộ Triestina Calcio - ông đã khiến cả nước Ý phải ngả mũ thán phục khi giúp đội bóng này giành ngôi Á quân Serie A mùa giải 1947-48, chỉ xếp sau Grande Torino với những ngôi sao hàng đầu của bóng đá Ý đương thời như Valentino Mazzola, Mario Rigamonti hay Romeo Menti. Mười năm sau, ông tiếp tục khiến người hâm mộ trầm trồ khi đưa Padova cán đích thứ ba tại Serie A mùa giải 1957-58. Nhưng điều khiến mọi người ngạc nhiên hơn cả là ông đã khiến rất nhiều đội bóng lắm tiền nhiều của phải ôm hận tại sân vận động Appiani, với lối chơi phòng ngự chặt, phản công nhanh và áp sát đối phương một cách triệt để.

Với những thành tích xuất chúng như vậy, không lạ khi ông được AC Milan để mắt đến. Năm 1961, Giuseppe Viani - người đã đưa Rossoneri tới 2 chức vô địch Serie A chỉ sau 3 năm nắm quyền bị một cơn đau tim khiến sức khỏe của ông bị ảnh hưởng nghiêm trọng. Và người kế nhiệm Viani chính là Nereo Rocco.

Trước khi đến với San Siro, các đội bóng của Rocco luôn nổi tiếng với khả năng phòng thủ chặt chẽ, nhưng ngay ở mùa giải đầu tiên nắm quyền tại AC Milan ông đã khiến mọi người phải ngạc nhiên. Khác với những ngộ nhận ngày nay về Catenaccio, AC Milan của Rocco chơi thiên về phòng ngự nhưng không hề co cụm chịu trận mà thi đấu đầy chủ động, các cầu thủ di chuyển liên tục dựa trên nền tảng thể lực cực tốt và tận dụng triệt để mọi cơ hội có được. Kết thúc mùa giải 1961-62, AC Milan giành chức vô địch Serie A với thành tích ghi 83 bàn sau 34 trận.

Tất nhiên để duy trì được lối chơi này, Rocco cần phải duy trì được kỉ luật ở cả trong lẫn ngoài sân cỏ. Chỉ vài tuần sau khi nhậm chức tại San Siro, ông đã gây shock khi "gửi trả" Jimmy Greaves về Anh chỉ sau 12 trận. Tiền vệ người Anh mới chỉ chuyển đến hồi đầu mùa từ Chelsea và được xem là một tài năng lớn khi ấy, nhưng anh lại khá phóng túng, thích bù khú ở quán rượu cùng anh

chàng đồng hương đang khoác áo Inter là Gerry Hitchens và than thở về nỗi nhớ quê nhà. Với một người luôn đặt hiệu quả công việc lên trên đầu như Rocco thì hành vi này của Greaves thực sự rất "ngứa mắt", và ông quyết định "giải quyết" vấn đề cho Greaves bằng việc bán thẳng tiền vệ này cho Tottenham Hotspur và biến anh này trở thành cầu thủ đầu tiên có giá chuyển nhượng lên tới 100.000 bảng Anh.

Ngay khi AC Milan bổ nhiệm Nereo Rocco, người ta đã rất mong chờ cuộc đụng độ giữa ông và Helenio Herrera để xem ai mới là chuyên gia Catenaccio đích thực. Cả hai đội bóng thành Milan đều có những cá nhân hoàn hảo để phục vụ lối chơi này. Theo giới chuyên môn khi ấy, phiên bản Catenaccio của Rocco được xem là "truyền thống hơn" - tức là chặt chẽ và cô đặc hơn ở hàng phòng ngự. Về cơ bản, Rocco áp dụng sơ đồ WM, với trung vệ duy nhất là Cesare Maldini và cặp cánh thường là cặp đôi có cùng tên Mario là David và Trebbi. Ngoài ra, hàng thủ này còn được gia cố bởi cặp tiền vệ phòng ngự Victor Benitez và Giovanni Trapattoni. Với lối chơi thiên về phòng ngự và phân phối, không nói quá khi cặp "Pivot" này chính là "cái then cửa" vô cùng chắc chắn trước mặt hàng thủ của AC Milan.

Ở hàng tiền vệ, mọi tinh hoa và sức sáng tạo thuộc về "Cậu Bé Vàng" Gianni Rivera. So với kì phùng địch thủ Sandro Mazzola của Inter, Rivera mỏng cơm và chạy chậm hơn, nhưng óc sáng tạo, kĩ thuật cá nhân và khả năng chuyền bóng của anh lại trội hơn. Và người đã bổ sung cho yếu tố sức mạnh của Rivera chính là Dino Sani - cầu thủ được chọn để thay thế cho Jimmy Greaves. Xét về tốc độ, Sani không quá nổi bật, nhưng khả năng phân phối bóng và sút xa cực tốt của cầu thủ người Brazil đã giúp anh trở thành một ẩn số khó lường và đem tới nhiều biến số cho hàng tiền vệ của AC Milan.

Tại hai cánh, sự lựa chọn của Rocco thường là Gino Pivatelli và Bruno Mora - người đang nắm giữ kỉ lục bàn thắng nhanh nhất của đội tuyển quốc gia Italia tại các kì World Cup. Cả hai cầu thủ này đều có điểm chung là có thể chơi được cả ở biên lẫn tiền đạo, qua đó giúp lối đá của AC Milan trở nên khó lường hơn. Thông thường, họ sẽ dạt biên để kéo giãn đội hình của đối thủ, nhưng khi cần thiết, cả hai cầu thủ này sẽ áp sát khu vực cấm địa của đối thủ để phối hợp với tiền đạo chủ lực là José Altafini - một trong những chân sút đáng sợ nhất trong lịch sử Serie A.

Được mệnh danh là "Mazzola" bởi phong cách chơi khá tương đồng với huyền thoại của Torino (tức Valentino Mazzola, bố của

siêu sao Sandro Mazzola như đã nói ở trên), José Altafini được biết đến là một tiền đạo cực kì toàn diện với đầy đủ phẩm chất của một trung phong sát thủ. Kĩ thuật tốt, nhanh nhẹn, khả năng săn bàn tuyệt vời, cầu thủ người Brazil còn đáng sợ hơn bởi khả năng kiến tạo xuất chúng.

Nhưng tất cả những cá nhân kiệt xuất ấy vẫn khó lòng thành công nếu không có sự chỉ đạo của Nereo Rocco. Trước mỗi trận, ông đều cố gắng tìm hiểu điểm mạnh và yếu của đối thủ, càng chi tiết càng tốt, và từ những điều nhỏ nhoi ấy, ông sẽ lên kế hoạch để giúp đội bóng của mình giành lợi thế. Không chỉ có vậy, Rocco còn tích cực đóng góp công sức ngay trên sân bằng những việc như la hét phản đối trọng tài, chế giễu đối thủ hay gây sức ép lên các cầu thủ trẻ của đối phương. Tất cả những điều đó là để giúp cho đội nhà giành chiến thắng.

Sau chức vô địch ở đấu trường quốc nội, AC Milan của Rocco tiến vào trận chung kết Cup C1 năm 1963 với đối thủ Benfica. Trước đó, chưa có đội bóng Italia nào giành được vinh quang ở đấu trường này và kể từ sau thảm họa Superga, không đội bóng nào tiến đến gần chiếc cúp danh giá này hơn đội bóng của Nereo Rocco.

Tuy nhiên, Benfica không phải là một đối thủ dễ chơi khi có hàng công mạnh mẽ với cầu thủ chủ lực là Eusebio - người được xem là cầu thủ xuất sắc thứ hai trên thế giới vào thời điểm ấy - chỉ sau Pelé. Chính "Báo đen" là người mở tỉ số cho đại diện của Bồ Đào Nha, nhưng sau tình huống đó, họ không thể thêm một lần xuyên phá hàng thủ của Rocco. AC Milan bình tĩnh chực chờ cơ hội phản công và rốt cuộc họ đã viết tên mình vào lịch sử với tư cách đội bóng Italia đầu tiên giành chức vô địch châu Âu, với cú đúp của Altafini.

Sau chiến thắng lịch sử ấy, Rocco quyết định chuyển sang dẫn dắt Torino để vực dậy đội bóng này sau thảm họa Superga. Với phương pháp làm việc vô cùng chuẩn mực và chuyên nghiệp, không quá khó hiểu khi ông đã phần nào giúp đội bóng này tìm lại hình ảnh năm xưa. Năm 1967, Nereo Rocco trở lại AC Milan để giúp đội bóng đối chọi với sự thống trị của Inter và Helenio Herrera. Trong lần trở lại này, ông không có Altafini khi chân sút người Brazil đã chuyển sang khoác áo Napoli, nhưng lại có sự trưởng thành của Gianni Rivera cùng sự xuất hiện của Pierino Prati. Món đặc sản Catenaccio mang hương vị Rocco trở lại và AC Milan lập tức giành Scudetto ở ngay mùa giải 1967-68 (cùng chiếc Cup C2).

Nhưng đỉnh cao đáng nhớ nhất trong những năm tháng Rocco gắn bó với AC Milan lại đến ở mùa giải năm sau. Mặc dù không thể bảo vệ ngôi vương tại Scudetto nhưng Rossoneri đã khiến cả thế giới phải trầm trồ ở đấu trường Cup C1. Khi ấy, giải đấu này chưa được phân bảng, thế nên các đội sẽ thi đấu theo thể thức knock-out. AC Milan vượt qua Malmo của Thụy Điển, rồi Celtic của Scotland để tiến vào vòng bán kết với nhà đương kim vô địch Manchester United. Trước mùa giải này, huấn luyện viên huyền thoại Matt Busby đã tuyên bố ý định giải nghệ, thế nên Quỷ đỏ rất kì vọng đội bóng của mình sẽ bảo vệ được chức vô địch Cup châu Âu để làm quà chia tay ông.

Trận lượt đi trên sân San Siro thu hút 80.000 cổ động viên đến xem và AC Milan đã không khiến họ phải thất vọng khi giành chiến thắng với tỉ số 2-0 do công của Angelo Sormani và Kurt Hamrin. Lợi thế lớn này giúp họ có thêm tự tin để bước vào trận lượt về tại Old Trafford. Manchester United cố gắng tấn công nhưng họ chỉ ghi được vỏn vẹn 1 bàn do công của Bobby Charlton. Rốt cuộc, AC Milan đã khiến trận đấu cuối cùng của Sir Matt Busby tại Cup C1 trở thành kỉ niệm buồn.

Bước vào trận chung kết, đối thủ của AC Milan là Ajax Amsterdam với ngôi sao Johan Cruyff và được dẫn dắt bởi huấn luyện viên huyền thoại Rinus Michels. Catenaccio chạm trán Totaalvoetbal - đó là đề tài của rất nhiều tờ báo khi ấy. Sự đáng sợ của Cruyff lúc đó khủng khiếp đến nỗi báo giới Italia liên tục đề nghị Rocco thay đổi lối chơi chỉ để kèm chặt cầu thủ này, nhưng ông không nghĩ vậy.

Màn phát biểu của Rocco trong phòng thay đồ của AC Milan trước trận đấu này nổi tiếng đến nỗi báo chí ngày nay vẫn còn trích dẫn lại, trong đó đáng chú ý nhất là khi ông yêu cầu các cầu thủ "đá vào tất cả những thứ chuyển động, nếu là quả bóng thì càng tốt" hoặc "hãy kèm tiền vệ đối phương từ phòng thay đồ cho đến toilet". Các cầu thủ AC Milan đã thực hiện gần đúng như vậy, họ không cho Ajax một chút khoảng không để triển khai bóng và triệt tiêu mọi đường tấn công của đối thủ. Phút thứ 8, Prati ghi bàn mở điểm, và chính cầu thủ này cũng là người nâng tỉ số lên 2-0 trước khi hiệp 1 khép lại.

Hiệp 2 của trận đấu này diễn ra giống hệt như 45 phút đầu. Với việc Johan Cruyff gần như không có cơ hội chạm chân vào bóng, Ajax Amsterdam phải rất chật vật mới tìm được bàn rút ngắn tỉ số do công của Velibor Vasovic. Trái lại, các chân sút của AC Milan lại thi đấu cực kì hiệu quả. Angelo Sormani ghi bàn nâng tỉ số lên 3-0,

trước khi Prati đi vào lịch sử với tư cách cầu thủ thứ 3 lập hattrick trong trận chung kết Cup C1. AC Milan và Nereo Rocco một lần nữa lên ngôi, đồng thời khẳng định Catenaccio là công thức chiến thắng và là đặc sản của riêng người Ý, được chế biến ra để chinh phục châu Âu.

Năm 1979, huấn luyện viên huyền thoại Nereo Rocco qua đời tại quê nhà Trieste, thọ 66 tuổi. Nguyên nhân tử vong được cho là vì chứng xơ gan, sau những đêm dài uống rượu và phân tích chiến thuật bóng đá.

Phòng ngự khu vực, tư duy đột phá và gã bán giày Arrigo Sacchi

Một thập kỉ trôi qua kể từ thời vàng son của Catenaccio với Nereo Rocco và Helenio Herrera nhưng phong cách chơi này vẫn có ảnh hưởng rất lớn tới Calcio. Các đội bóng trung thành với lối phòng ngự khu vực, và điều này dẫn đến việc các trận đấu của Serie A thường trở nên quá chặt chẽ và ít bàn thắng, bất chấp việc có ngày càng nhiều cầu thủ tấn công được sản sinh ra. Nhưng trong bối cảnh ấy, thường thì chúng ta sẽ thấy những kẻ thích "ngược dòng", như Arrigo Sacchi.

Sinh ra trong một đất nước sản sinh ra những đội bóng vĩ đại, song tình yêu bóng đá của Sacchi lại nảy sinh khi ông theo dõi Budapest Honved - câu lạc bộ lừng danh với những huyền thoại của bóng đá Hungary như Ferenc Puskás, József Bozsik hay Sándor Kosis. Dĩ nhiên với những ngôi sao trên hàng công như vậy, Honved không dùng Catenaccio, trái lại họ ép sân đối thủ một cách toàn diện với lối tấn công đa dạng và sự ăn ý trong từng bước di chuyển của các cầu thủ. Từ sự ngưỡng mộ với Honved, Sacchi cũng tin rằng bóng đá Italia có thể chơi pressing cường độ cao, vừa chắc chắn trong phòng ngự vừa chớp nhoáng trong tấn công.

Không chỉ là một fan cuồng của Budapest Honvéd, Arrigo Sacchi còn rất ngưỡng mộ các đội bóng có lối chơi phóng khoáng như Real Madrid của những năm cuối thập niên 50 - thời kì mà đội bóng này giành 5 chức vô địch châu Âu liên tiếp cùng huyền thoại Alfredo Di Stefano, hay Brazil và Hà Lan của những năm 70. Nhưng vấn đề là làm thế nào để ông có thể thay đổi tư duy chơi kiểu phòng ngự của người Ý.

Sacchi có rất nhiều ý tưởng về thứ bóng đá mà mình theo đuổi, nhưng điều quan trọng nhất là ông muốn đội bóng của mình không chỉ chiến thắng, mà phải thắng cho đẹp. Ông tin rằng sơ đồ 4-4-2 là lí tưởng nhất để có thể duy trì sức ép tại mọi điểm nóng

trên sân, nhờ vào việc các hậu vệ cánh tham gia nhiều hơn vào khâu tấn công và kiểm soát lối chơi.

Ngoài ra, Sacchi luôn chú tâm đến việc phát triển cho các cầu thủ trẻ. Ngày nay, các cầu thủ trẻ thường được đào tạo mọi kĩ năng chơi bóng căn bản, nhưng vào thập niên 70, các cầu thủ chỉ tập trung vào một số kĩ năng nhất định tùy theo từng vị trí. Tuy nhiên, với tham vọng xây dựng một đội bóng vẹn toàn cả công lẫn thủ, Sacchi tin rằng các cầu thủ trẻ nên được đào tạo ở mọi phương diện, cả tấn công, phòng ngự và hỗ trợ, và chỉ có như vậy thì họ mới có thể theo được lối đá pressing mạnh mẽ mà ông yêu cầu. Ông đòi hỏi các cầu thủ của mình phải thích nghi được mọi vị trí, với niềm tin rằng một cầu thủ không chỉ có một phong cách chơi. Ông muốn họ khám phá ra những tài năng tiềm ẩn của mình và điều đó sẽ giúp cho đội bóng vận hành một cách trơn tru và khó lường hơn. Đó là ý tưởng được châm ngòi bởi chính những đội bóng mà Sacchi thần tượng.

Dù những ý tưởng đó là rất mới mẻ và có phần quá phức tạp với bóng đá thời ấy, nhưng Sacchi đã thu về được những kết quả rất khả quan khi dẫn dắt các đội bóng nhỏ. Ông áp dụng những ý tưởng của mình cho đội trẻ của câu lạc bộ Barraca Lugo, và sau đó ban lãnh đạo đội bóng này - bị thuyết phục bởi thành tích trên sân của đội trẻ - đã quyết định bổ nhiệm ông làm huấn luyện viên chính thức.

Sau quãng thời gian tại Baracca Lugo, Sacchi trôi dạt tới rất nhiều đội bóng hạng dưới như Bellaria, Cesena và Rimini, trước khi chuyển đến một cái tên lớn của bóng đá Italia là Fiorentina - với cương vị huấn luyện viên đội trẻ. Đi tới đâu ông cũng áp dụng triết lí của mình và ngày càng hoàn thiện nó bằng kinh nghiệm trận mạc và các thử nghiệm trên sân tập. Dần dà, "phòng ngự khu vực" tìm được chỗ đứng và tỏ ra vượt trội hơn so với lối kèm người khi ấy và đó chính là lí do để Parma - lúc này đang chơi ở Serie C1 - đưa ông, ở tuổi 36, về với tham vọng trở lại các giải đấu hàng đầu của nước Ý.

Chính tại sân Ennio Tardini, những mảnh ghép cuối cùng cho triết lí của Sacchi đã được hoàn thành. Trước đó, triết lí về phát triển cầu thủ của ông đã đem tới thành công khi dẫn dắt câu lạc bộ Rimini và đội trẻ Fiorentina, nhưng đây là lần đầu tiên ông có trong tay những nguyên liệu cần thiết để nâng tầm phong cách chơi và triết lí của mình. Dưới bàn tay của Sacchi, Parma giành chức vô địch Serie C1 năm 1986 và mùa sau chỉ cách vị trí dự Serie A có 3 điểm. Tuy nhiên đỉnh cao của ông trong thời gian này phải

kể đến việc đánh bại AC Milan tại Coppa Italia. Quá ấn tượng bởi phong cách chơi của Parma trong hai trận đấu đó, Chủ tịch của AC Milan là Silvio Berlusconi đã quyết định tìm mọi cách để đưa Sacchi về với San Siro.

Mặc dù có được sự ủng hộ ngay từ đầu của Berlusconi, song Sacchi phải đối mặt với một vấn đề khó khăn: Ông không phải là một tên tuổi lớn. Các huấn luyện viên tại Serie A khi ấy hoặc là đã có nhiều thành tích trong công tác huấn luyện hoặc là các ngôi sao từng chinh chiến lâu năm tại Serie A, và chúng ta đều biết Sacchi không có cả hai thứ đó. Trong khi AC Milan lại là tập hợp của những ngôi sao hàng đầu thế giới khi ấy như Franco Baresi, Mauro Tassotti, Paolo Maldini, Alessandro Costacurta, Ruud Gullit hay Marco van Basten. Hơn ai hết, ông hiểu rằng mình cần phải đạt được thành công càng sớm càng tốt, nếu không sẽ lập tức bị đào thải.

Ngay trong ngày đầu tiên trên sân tập của AC Milan, Sacchi đã thiết kế một phương pháp tập luyện mới lạ: Ông yêu cầu các cầu thủ tập luyện theo từng nhóm nhỏ, nhưng thường là… không có bóng. Ông muốn các cầu thủ tưởng tượng ra vị trí của trái bóng, qua đó tự điều chỉnh vị trí của mình để có được lợi thế tốt nhất. Theo ông, cách tốt nhất để một đội bóng đi đến chiến thắng là lối chơi đồng đội và phương pháp này sẽ giúp cho các cầu thủ có thể cảm nhận được vị trí của các đồng đội.

Có một câu chuyện truyền miệng kể rằng, một trinh sát viên của đội bóng sắp đối mặt với AC Milan khi ấy đã núp trong bụi rậm gần Milanello để theo dõi buổi tập của đội bóng này. Khi trở về báo cáo với huấn luyện viên trưởng, người này đã mô tả rất kĩ việc các cầu thủ của Sacchi tập di chuyển và phối hợp theo từng nhóm nhỏ nhưng trong suốt buổi tập không hề có một quả bóng nào. Huấn luyện viên trưởng của đội bóng này không thể hiểu nổi phương pháp tập luyện ấy, nên quyết định vẫn chuẩn bị trận đấu theo cách thông thường. Rốt cuộc, AC Milan giữ trắng lưới và thắng trận đó.

Pressing - đó là yếu tố quan trọng nhất trong chiến thuật của Arrigo Sacchi. Tất nhiên không phải đến khi Sacchi xuất hiện người ta mới biết đến khái niệm phòng ngự khu vực, bởi trước đó Nils Liedholm đã sử dụng một hệ thống phòng ngự gần giống như vậy. Song Sacchi đã cải tiến nó bằng chính những bài tập và triết lí mới lạ của mình. Bài toán mà ông phải đối mặt là việc duy trì lối chơi này trong cả mùa giải mà không ảnh hưởng quá nhiều tới thể lực của các cầu thủ, và lời giải là yêu cầu các tuyến không được kéo giãn khoảng cách quá 25m và luôn giữ được mối liên kết ở cả

chiều dọc lẫn chiều ngang.

Tại các đội bóng nhỏ, triết lí của Sacchi tuy vẫn có thể đem lại thành công nhưng hiệu quả thì không thật sự như ý bởi chất lượng của các cầu thủ có hạn. Tuy nhiên, tại AC Milan lại là điều hoàn toàn khác. Ngay ở mùa giải đầu tiên, Sacchi đã đem về Carlo Ancelotti - năm ấy 28 tuổi. Khi còn chơi bóng, Carletto đã nổi tiếng là một tiền vệ thông minh với khả năng công thủ toàn diện và điều tiết trận đấu cực tốt, ông chính là người khởi đầu cho mọi đường bóng của AC Milan. Dưới khả năng năng bao quát của Ancelotti, những cầu thủ chơi ở bên dưới như Franco Baresi được giảm bớt gánh nặng phòng ngự, còn tuyến trên được đảm bảo nhận những đường chuyền thuận lợi mỗi khi đội có bóng.

Để duy trì sự cơ động và trơn tru ở tuyến giữa, Sacchi cần những cầu thủ có khả năng di chuyển rộng và cực kì bền bỉ, đó chính là những điều mà Roberto Donadoni cùng Angelo Colombo đem lại. Không chỉ đảm nhiệm vị trí ở hành lang hai cánh, Donadoni cùng Colombo còn là cầu nối để các hậu vệ biên như Paolo Maldini hay Mauro Tassotti có không gian để tấn công hiệu quả hơn, đồng thời sẵn sàng tham gia phòng ngự khi cần thiết.

Trong khâu phòng ngự và tổ chức tấn công từ tuyến dưới, ngoài Ancelotti thì Baresi cũng là một mắt xích không thể thiếu. Đảm nhiệm vai trò Libero, công việc của Baresi là không hề đơn giản: Anh vừa phải làm tròn nhiệm vụ lá chắn của một trung vệ, vừa dâng lên hỗ trợ cho Ancelotti ở trung lộ. Với khả năng đọc trận đấu xuất chúng và di chuyển cực kì hợp lí của số 6 huyền thoại, dường như AC Milan đang thi đấu với một trung vệ và một tiền vệ, dù cả hai vị trí này chỉ do duy nhất một cầu thủ đảm nhận. Ở hai cánh, Paolo Maldini và Mauro Tassotti đều là những hậu vệ công thủ toàn diện. Khi cần, cả hai cầu thủ này đều có thể bó vào để hỗ trợ phòng ngự, và phải nói rằng tất cả các hậu vệ cánh của AC Milan lúc này đều có kĩ năng phòng thủ không hề thua kém những trung vệ trứ danh khi ấy như Giuseppe Bergomi hay Pietro Vierchowod.

Trên hàng công, vị trí của Ruud Gullit là vô cùng quan trọng. Không chỉ là một tiền đạo xuất chúng với khả năng càn lướt và kĩ thuật siêu việt, Gullit còn có thể lùi xuống để hỗ trợ các tiền vệ luân chuyển bóng, và sự cơ động của anh chính là tiền đề để hai cỗ máy sát thủ trên hàng tiền đạo Marco van Basten và Daniele Massaro nhả đạn. Tuy nhiên, điểm đáng sợ nhất của bộ ba tiền đạo Gullit - Van Basten - Massaro là việc ai cũng có thể đảm nhiệm vai trò kiến tạo khi cần. “Một cầu thủ có thể đảm nhiệm nhiều vị

trí" - đó chính xác là điều mà Sacchi yêu cầu ở các cầu thủ của mình.

Với dàn hảo thủ nói trên và khả năng di chuyển cơ động, AC Milan có thể tạo sức ép cực lớn lên các tiền đạo và tiền vệ của đối thủ. Bằng việc tập luyện di chuyển theo nhóm ngày này qua ngày khác, các cầu thủ AC Milan di chuyển như một cơ thể thống nhất. Tuy nhiên để làm được điều đó, phải nói rằng Sacchi đã may mắn có được những cầu thủ "sẵn sàng học hỏi". Có thể họ sẽ đặt câu hỏi hồ nghi khi phải tập các bài phối hợp với quả bóng tưởng tượng nhưng điều quan trọng là họ sẵn sàng lắng nghe và nghiêm túc tập luyện.

"Bóng đá được sinh ra từ não bộ, chứ không phải cơ thể. Michelangelo từng nói ông ấy vẽ bằng tâm trí chứ không phải đôi tay của mình. Vì thế tất nhiên, tôi cần những cầu thủ thông minh. Đó là triết lí của tôi tại Milan. Tôi không muốn các nghệ sĩ solo, mà muốn một dàn giao hưởng. Điều tuyệt vời nhất mà tôi từng được nhận là khi có người nói bóng đá của tôi giống như âm nhạc vậy."

Mùa giải đầu tiên, Sacchi đã đưa AC Milan tới chức vô địch Serie A sau 9 năm chờ đợi nhưng đội bóng của ông lại bại trước Espanyol ngay tại vòng 2 Cup UEFA. Thất bại ấy khiến Sacchi hiểu rằng ông cần gia tăng sức mạnh ở khu trung tuyến và đó là lí do ông đưa về Frank Rijkaard. Xuất thân là một trung vệ, nhưng Rijkaard có sức mạnh, tốc độ và kĩ năng xử lí bóng không thua gì một tiền vệ kiệt xuất. Không nói quá khi cầu thủ này chính là mảnh ghép cuối cùng để tạo ra một trong những AC Milan đáng sợ nhất trong lịch sử. Khi có anh, Ancelotti được giải phóng khỏi nhiệm vụ phòng ngự và tập trung hơn ở khâu tổ chức trận đấu. Donadoni và Colombo không còn phải thường xuyên bó vào giữa để hỗ trợ các tiền vệ trung tâm mà có thể an tâm dâng cao hơn. Baresi không cần phải dâng lên quá cao để bổ sung lực lượng ở tuyến trên, còn Maldini và Tassotti cũng có thể tiến lên phía trước để hỗ trợ pressing.

Tất nhiên khi đưa Rijkaard vào đội hình thì AC Milan buộc phải bỏ Daniele Massaro lên ghế dự bị. Song điều đó không làm cho sức mạnh hàng công của họ bị suy yếu, bởi Gullit có tốc độ, sức mạnh và sự tinh tế, còn Van Basten là tiền đạo toàn diện nhất mà bóng đá Hà Lan từng sản sinh ra. Với sức mạnh đáng sợ, AC Milan khiến cả châu Âu chao đảo, họ đập nát Real Madrid với tổng tỉ số 6-1 ở vòng bán kết, rồi khuất phục Steaua Bucuresti 4-0 với cú đúp của Gullit và Van Basten, đem về chức vô địch châu Âu cho các cổ động viên Rossoneri sau 20 năm chờ đợi.

Mùa giải tiếp theo, AC Milan không còn giữ được sức mạnh áp đảo nhưng Sacchi cùng các học trò vẫn trở thành câu lạc bộ đầu tiên bảo vệ được chức vô địch Cup C1 sau 10 năm khi khuất phục Benfica bằng bàn thắng duy nhất của Frank Rijkaard. Trận này, các hậu vệ của câu lạc bộ Bồ Đào Nha theo kèm rất sát Marco van Basten, thế nên Sacchi đã yêu cầu tiền đạo này lùi xuống để hút đối phương theo mình, qua đó tạo điều kiện để Rijkaard lao lên dứt điểm. Tuy chỉ là một tình huống thoát pressing đơn giản, nhưng Sacchi thừa nhận đội bóng của ông đã tập cách di chuyển này ít nhất 30 lần trước trận chung kết.

Gần 30 năm đã trôi qua, nhưng triết lí và phong cách của Arrigo Sacchi vẫn còn ảnh hưởng cực lớn tới nền bóng đá hiện đại. Phong cách pressing đối thủ một cách triệt để, triết lí phát triển cầu thủ một cách toàn diện và quy tắc hàng công - hàng thủ không cách nhau quá 25m đến nay vẫn là bản lề cho rất nhiều lối chơi khác nhau, từ lối phòng ngự của José Mourinho đến tiki-taka của Barcelona hay Gegenpressing của Juergen Klopp. Không nghi ngờ gì nữa, chính nhờ Sacchi mà AC Milan đã lột xác từ một đội bóng không được đánh giá cao tại Cup châu Âu trở thành thế lực gần như tuyệt đối. Từ một cầu thủ không thể giành được vị trí ở một đội bóng nghiệp dư, một huấn luyện viên không chút tiếng tăm, Sacchi trở thành một cái tên huyền thoại với những di sản được lưu truyền theo thời gian.

Như chính ông từng nói, “Tôi chưa từng nghĩ là để trở thành một nài ngựa, thì trước tiên bạn phải là một con ngựa.”

“Cây thông Noel” của Carlo Ancelotti và cuộc cách mạng trong hàng tiền vệ

Trong bóng đá, các tiền vệ trung tâm thường là những người có nhiệm vụ bao quát thế trận. Họ vừa phải hỗ trợ phòng ngự, vừa giúp đỡ cho hàng tấn công. Nếu tài hoa hơn, tiền vệ phòng ngự ấy sẽ đóng vai trò nhạc trưởng, cầm nhịp cho cả đội và phát động tấn công. Bởi vậy, có rất nhiều huấn luyện viên giỏi xuất thân từ tiền vệ trung tâm. Tiêu biểu có Fabio Capello, Pep Guardiola, Antonio Conte, Diego Simeone và tất nhiên là Carlo Ancelotti.

Khi còn chơi bóng, Carletto là một trong những tiền vệ kiến thiết xuất sắc nhất của Serie A. Cũng giống như người học trò xuất chúng của mình sau này là Andrea Pirlo, Ancelotti không mạnh về thể lực hay tốc độ, nhưng ông có lối chơi vô cùng thông minh, khả năng đọc trận đấu xuất sắc, kĩ năng chuyền bóng và sút xa tốt. Tuy nhiên, ông hơn Pirlo ở điểm là rất chịu khó di chuyển -

một trong những yêu cầu cơ bản mà bất kì cầu thủ nào trong đội hình của Arrigo Sacchi phải có.

Trước khi gia nhập AC Milan của Sacchi, Ancelotti đã có 8 năm cống hiến cho AS Roma. Trong thời kì khoác áo Giallorossi, ông thường được xếp đá cánh, tiền vệ tấn công hoặc thậm chí là tiền đạo. Với những kinh nghiệm phong phú ở mọi vị trí và được thi đấu cùng những cầu thủ xuất sắc nhất nhì thế giới như Falcao, Bruno Conti, Pietro Vierchowod (AS Roma), Franco Baresi, Frank Rijkaard, Ruud Gullit hay Paolo Maldini (AC Milan), nhưng điều đã mài giũa cho bộ óc chiến thuật của Ancelotti chính là việc được thi đấu thường xuyên dưới sự chỉ đạo của hai huấn luyện viên tiêu biểu của lối đá "phòng ngự khu vực" - Nils Liedholm và Arrigo Sacchi.

Tuy nhiên, tài hoa của Ancelotti chưa bao giờ được đánh giá đúng mức bởi ông rất trầm tính và thường nhường sân khấu chính cho các đồng đội. Đồng thời những chấn thương liên tục và sự nổi lên của Demetrio Albertini ở vị trí tiền vệ trung tâm đã khiến Ancelotti phải sớm giải nghệ ở tuổi 33.

"Tĩnh lặng là phong cách huấn luyện của tôi - tĩnh lặng bởi đó là phong cách, tính cách và con người tôi."

Sau khi treo giày, Ancelotti lập tức hướng tới công tác huấn luyện, và ông tiếp tục học hỏi từ người thầy Arrigo Sacchi khi được nhận làm trợ lí cho huấn luyện viên huyền thoại này tại đội tuyển Italia. Sau đó, ông ứng dụng những gì đã được học tại Reggiana, Parma rồi đến Juventus. Tại đây, ông đã phát hiện ra điểm yếu lớn nhất của mình khi ấy là quá phụ thuộc vào sơ đồ 4-4-2, đến mức từ chối đưa Roberto Baggio về với Ennio Tardini chỉ vì cho rằng ngôi sao này không phù hợp với đội hình đó và bởi ông đã có cặp tiền đạo Enrico Chiesa và Hernan Crespo. Sau này, ông đã phải thừa nhận rằng đây chính là một trong những sai lầm lớn nhất đời ông.

Tuy nhiên tại Juventus, Ancelotti đã có cơ hội sửa chữa sai lầm của mình, và người đã khiến ông thay đổi chính là Zinedine Zidane. Tài năng quá lớn của cầu thủ người Pháp đã khiến Ancelotti tin tưởng và xây dựng lối chơi xung quanh anh. Dù trong hai năm tại Delle Alpi, Ancelotti không giành được Scudetto nào, nhưng đó là khoảng thời gian vô cùng cần thiết để ông hoàn thiện triết lí và phong cách chơi bóng của mình.

Ngày 5-11-2001, Carlo Ancelotti tiếp quản AC Milan từ Fatih Terim sau hàng loạt kết quả đáng thất vọng. Xét về từng cá nhân,

Rossoneri không thiếu những cái tên kiệt xuất như Andriy Shevchenko, Paolo Maldini, Gennaro Gattuso, Massimo Ambrosini cùng những cầu thủ mới đến nhưng tài năng đã được chứng thực như Filippo Inzaghi, Manuel Rui Costa hay Andrea Pirlo, nhưng họ lại thiếu một triết lí và chiến thuật phù hợp để kết nối những con người này lại với nhau.

Đó chính xác là những gì mà Ancelotti đem lại.

Mùa giải đầu tiên, dù không thể mang lại danh hiệu nào cho AC Milan, nhưng Ancelotti cũng giúp đội bóng này xếp thứ 4 tại Serie A, cùng với đó là thành tích lọt vào bán kết UEFA Cup và Coppa Italia. Nhưng điều đó là không đủ để thỏa mãn Silvio Berlusconi. Không chỉ muốn danh hiệu, vị chủ tịch này còn muốn AC Milan trình diễn một lối đá đẹp và cống hiến, Ancelotti đã tìm thấy câu trả lời ngay trong đội hình sẵn có - chính là Andrea Pirlo.

Nhắc đến Pirlo thì một cái tên khác mà Ancelotti mắc nợ chính là Carlo Mazzone. Cựu huấn luyện viên của Brescia này chính là người đã khám phá ra tài năng của Pirlo khi chơi ở vị trí tiền vệ kiến thiết lùi sâu ở nửa cuối mùa giải 2000-01. Khi ấy, Pirlo mới chỉ được biết đến với vai trò tiền vệ tấn công, nhưng tại Brescia thì vị trí đó thuộc về Roberto Baggio. Hiểu rằng Pirlo không đủ thể lực và tốc độ để cạnh tranh với hàng hậu vệ và tiền vệ của đối thủ, Mazzone đã quyết định tận dụng kĩ năng chuyền bóng và nhãn quan chiến thuật xuất chúng của anh bằng cách kéo anh về vị trí tiền vệ phòng ngự và điều này đã cho thấy những tác dụng tích cực dù chỉ trong nửa mùa giải.

Nhưng chỉ khi đến với AC Milan và Carlo Ancelotti, Andrea Pirlo mới thật sự lột xác. Với việc bản thân từng là một tiền vệ kiến thiết, Ancelotti thừa hiểu ông cần phải làm gì để tận dụng tối đa tài năng của cậu học trò có dáng người mảnh khảnh này. Tất nhiên, một mình Ancelotti thì không thể rèn giũa tài năng cho Pirlo, bởi ông còn phải để tâm tới những cầu thủ khác, nhưng may mắn thay trong đội hình của Milan khi ấy không thiếu những hảo thủ ở hàng tiền vệ có thể chỉ dạy mọi thứ cho anh, đó là Demetrio Albertini và Fernando Redondo - dù người thứ hai không mấy khi có dịp ra sân trong màu áo Đỏ-Đen vì chấn thương hành hạ.

Ở hàng tấn công, không quá khi nói rằng Rui Costa đã có được vị trí mơ ước của mình. Chơi bên dưới một trong những cặp tiền đạo đáng sợ nhất của bóng đá thế giới là Andriy Shevchenko và Filippo Inzaghi, tài hoa của cầu thủ này đã được phát huy triệt để. Kĩ thuật cá nhân, khả năng chuyền bóng và chọc khe của Rui Costa

kết hợp với tốc độ và sự cơ động của Shevchenko cùng khả năng săn bàn xuất chúng của Pippo đã trở thành nỗi ác mộng của mọi đối thủ.

Mùa giải 2002-03, AC Milan cải tổ lực lượng mạnh mẽ để phù hợp với chiến thuật mới mà Ancelotti đề ra. Ở hàng thủ, thủ môn Dida bắt đầu được trọng dụng sau một mùa giải cho mượn ở Corinthians. Trước mặt anh, Alessandro Nesta được đưa về với cái giá 60 tỉ lire (tương đương khoảng 31 triệu euro). Ở hàng tiền vệ, Clarence Seedorf cập bến Rossoneri trong một vụ đổi chác quá hời với Inter - khi Francesco Coco gia nhập Nerazzurri theo chiều ngược lại. Quả Bóng Vàng 1999, Rivaldo cũng tới từ Barcelona, và Jon Dahl Tomasson cập bến San Siro từ Feyenoord.

Với hai tiền vệ tấn công xuất chúng là Rui Costa và Rivaldo, cùng Clarence Seedorf và Andrea Pirlo trong đội hình, Ancelotti trình làng sơ đồ "Cây thông Noel" - phương án khả dĩ nhất để tận dụng tối đa sức sáng tạo của bộ tứ này. Pirlo là nhạc trưởng ở giữa sân, cùng với đó là Gattuso và Seedorf sắm vai hỗ trợ và dạt sang hai biên để mở thêm các phương án tấn công khi cần thiết. Ở vị trí tiền vệ công, Rivaldo và Rui Costa thường được đá cặp cùng nhau để hỗ trợ tối đa cho một tiền đạo duy nhất là Filippo Inzaghi. Andriy Shevchenko dính chấn thương nên không thể góp mặt trong vài tháng đầu mùa giải này và khi trở lại, anh lập tức lấy vị trí của Rivaldo. AC Milan lại trở về với sơ đồ 4-3-1-2. Với sơ đồ này, AC Milan đã giành chức vô địch Champions League, cùng với đó là chiến thắng trước AS Roma trong trận chung kết Coppa Italia.

Tuy nhiên đội hình của Ancelotti khi ấy vẫn còn thiếu một thứ rất quan trọng: tốc độ ở hai cánh.

Paolo Maldini đã lớn tuổi nên anh không còn thường xuyên đảm nhiệm vị trí hậu vệ cánh trái quen thuộc nữa, thay vào đó là Kakha Kaladze và bên cánh phải là Dario Simic. Tuy đều là những chuyên gia phòng ngự, nhưng hạn chế lớn nhất của cả Kaladze và Simic là họ không hỗ trợ tấn công tốt, trong khi yêu cầu của sơ đồ này là một cặp cánh có tốc độ và công thủ toàn diện.

Ở mùa giải tiếp theo, Ancelotti đã có được điều mình cần. Đó là cặp cánh tới từ thủ đô của nước Ý: Cafu từ AS Roma và Giuseppe Pancaro từ Lazio. Với sự bổ sung này, đội hình của AC Milan coi như đã được hoàn thiện. Đặc biệt là trường hợp của Cafu khi một mình anh quán xuyến toàn bộ hành lang cánh phải. Sức bền, tốc độ và sự ổn định đáng kinh ngạc của cầu thủ người Brazil giúp Gattuso ở phía trên có thêm một trợ thủ đắc lực ở sau lưng và yên

tâm bó vào trong để hỗ trợ nhiều hơn cho Pirlo.

Nhưng ở mùa giải đó, còn có một cái tên nữa mà chúng ta không thể bỏ qua, đó là Ricardo Izecson dos Santos Leite, người mà chúng ta vẫn quen thuộc với cái tên Kaka. Dù khi ấy mới 21 tuổi, song Kaka đã cho thấy tài năng xuất chúng của mình khi anh đánh bật Rui Costa khỏi đội hình xuất phát chỉ một tháng sau khi cập bến San Siro. Không tài hoa lãng tử như cầu thủ người Bồ Đào Nha, song cái mà Kaka mang đến là tốc độ, kĩ thuật, sức trẻ và sự khát khao thể hiện mình. Ban đầu, anh được xếp đá phía sau hai tiền đạo, nhưng những chấn thương liên tiếp của Inzaghi đã khiến Ancelotti phải đưa ra phương án thi đấu chỉ với một tiền đạo duy nhất.

Và đó là khi "cây thông Noel" một lần nữa xuất hiện và đạt hiệu quả tối đa.

Không có Kaka, AC Milan có một đội hình 4-3-1-2 hoặc 4-4-2 kim cương vẹn toàn. Nhưng khi có cầu thủ người Brazil thì AC Milan trở thành một cỗ máy không thể cản phá. Không hề quá khi nói rằng Kaka lúc ấy là một nửa sức mạnh của Rossoneri. Anh có kĩ thuật và sức sáng tạo của một cầu thủ chơi "số 10", nhưng đồng thời cũng sở hữu tốc độ, thể lực và bản năng sát thủ như một tiền đạo thực thụ. Với Kaka trong đội hình, Seedorf và Gattuso không cần phải dâng lên quá nhiều để hỗ trợ cho Rui Costa nữa, bởi cầu thủ người Brazil đủ sức kiêm luôn nhiệm vụ này. Nhờ vậy, hàng tiền vệ của AC Milan kiểm soát bóng tốt hơn, và kết quả là họ giành Scudetto năm 2004 với số điểm kỉ lục 82.

Dù có một đội hình cực mạnh và lối chơi cực kì cuốn hút, song AC Milan của Ancelotti lại luôn thiếu đi một chút may mắn và sự lì lợm để trở thành một thế lực khiến ai ai cũng phải khiếp sợ. Mùa giải 2002-03, AC Milan dẫn đầu bảng xếp hạng Serie A khi bước vào tháng 1, nhưng rốt cuộc họ lại phải xếp sau Juventus và Inter Milan vào cuối mùa bóng. Mùa tiếp theo, họ giành Scudetto nhưng bị Deportivo La Coruna đánh bại ở tứ kết Champions League trong một màn lội ngược dòng kinh điển: AC Milan thắng 4-1 ở sân nhà San Siro, nhưng thất bại 0-4 khi làm khách tại Riazor. Còn ở mùa giải 2004-05 là trận thua kinh điển tại chung kết Champions League trước Liverpool. Paolo Maldini đưa AC Milan vượt lên dẫn trước ở ngay phút đầu tiên sau đường chuyền của Andrea Pirlo, rồi Hernan Crespo lập cú đúp để khép lại hiệp một với lợi thế dẫn trước 3-0. Nhưng chỉ trong 6 phút điên rồ, họ đã để Liverpool gỡ hòa 3-3 với các bàn thắng của Steven Gerrard, Vladimir Smicer và Xabi Alonso và sau đó là gục ngã trong loạt

sút luân lưu.

Tuy nhiên, thất bại trong "Đêm Istanbul huyền diệu" đó không khiến cho Ancelotti thay đổi niềm tin vào đội bóng của mình. Trong hai mùa giải tiếp theo, ông chủ yếu chỉ mang về những cầu thủ dự phòng hoặc thay thế cho các vị trí đã luống tuổi như Pancaro, Rui Costa hay Jaap Stam. Nhưng vấn đề là những cái tên cập bến San Siro thời gian này đều gây thất vọng, từ Ricardo Oliveira, Yoan Gourcuff, Daniele Bonera đến Christian Vieri. Năm 2006, Calciopoli (vụ bê bối bóng đá của Italia) xảy ra, uy tín của Serie A bị ảnh hưởng nghiêm trọng, cùng với đó là việc Andriy Shevchenko đến với Chelsea là những đòn đánh liên tiếp vào tham vọng của AC Milan.

Trong cơn bão khó khăn đó, Carlo Ancelotti và AC Milan vẫn khiến cho mọi người phải nhắc đến tên mình. Mùa giải 2006-07, "Cây thông Noel" biến đổi với cặp tiền vệ tấn công Kaka và Clarence Seedorf, trong khi Massimo Ambrosini và Gattuso được sử dụng như một cặp lá chắn thép phía trước mặt Andrea Pirlo. Sự cơ động của Seedorf và sự bùng nổ của Kaka đã đem về cho Rossoneri cơ hội phục thù Liverpool khi hai đội chạm trán nhau tại trận chung kết Champions League tại Athens. Lần này, đêm Athens không có điều huyền diệu nào xảy ra. Cú đúp của Inzaghi đã đem về chức vô địch châu Âu thứ 7 - và cũng là cuối cùng của AC Milan cho đến ngày nay.

Cũng giống như người thầy của mình là Arrigo Sacchi, Carlo Ancelotti luôn lấy pressing làm tiêu chí để xây dựng lối chơi cho đội bóng của mình, nhưng điều lớn lao nhất mà ông đem tới cho AC Milan chính là sự đột phá về chiến thuật, khi áp dụng sơ đồ có hai tiền vệ tấn công để hỗ trợ một tiền đạo duy nhất, thay vì lối suy nghĩ một tiền vệ kiến thiết cho hai tiền đạo như trước kia. Sự sáng tạo và luôn tìm cách thay đổi để thích nghi với hoàn cảnh - đó chính là yếu tố quan trọng nhất để giúp Ancelotti trở thành một trong những huấn luyện viên xuất sắc nhất trong lịch sử AC Milan và đó cũng là những điều mà đội bóng này đang cần để vượt qua những thử thách trong tương lai.

Phần V
KÍ ỨC KHÔNG PHAI MỜ

Milan - Juventus, kình địch trăm năm

Đỉnh Nguyễn

Giải đấu	Milan thắng	Hòa	Juventus thắng	Milan ghi	Juventus ghi
Vô địch quốc gia	59	63	78	265	292
Coppa Italia	7	7	11	27	33
Siêu Cup Italia	0	2	1	2	3
Coppa Federale	1	0	1	3	4
Champions League	0	1	0	0	0
Tổng cộng	67	73	91	297	332

AC Milan đối đầu Juventus. Đó có thể chưa phải trận cầu được gắn tên riêng như "Derby della Madonnina" giữa hai đội bóng thành Milano hay "Derby d'Italia" mà nhà báo huyền thoại Gianni Brera đặt cho cuộc đối đầu giữa Inter và Juventus. Nhưng đó lại là một trận đấu của lòng kiêu hãnh giữa hai quyền lực kinh tế - chính trị hàng đầu nước Ý hoặc thậm chí như Adriano Galliani, cựu CEO của Milan từng kiêu hãnh nhận về, rằng "Milan-Juve mới xứng đáng là derby nước Ý."

Juventus là ông vua của Serie A với tổng cộng 35 lần vô địch quốc gia (sẽ là 37 nếu tính cả 2 Scudetto bị tước bỏ vì Calciopoli). Trong khi đó Milan lại là lá cờ đầu của bóng đá Ý trên đấu trường Champions League với 7 lần nâng cúp - duy nhất Real Madrid chiến thắng nhiều hơn họ. Đó là một hiện tượng kì thú, nếu ta nhìn vào bản đồ và lịch sử nước Ý, Milano chỉ là một thành phố công nghiệp nhỏ ở thời điểm AC Milan ra đời, còn Torino, nơi Juve đặt đại bản doanh cũng chỉ là tỉnh lẻ nếu đặt bên cạnh vẻ tráng lệ của thủ đô Rome. Vậy mà hai thành phố "quê mùa" ấy đã sản sinh ra hai đội bóng vĩ đại bậc nhất cựu lục địa, cũng là hai tên tuổi đã

tạo nên trận chung kết Champions League toàn Ý đầu tiên và duy nhất đến lúc này vào năm 2003.

Milan, Inter và Juve - ba gã khổng lồ của Milano và Torino sở hữu tổng cộng 12 chức vô địch châu Âu, trong khi thành phố vĩnh hằng Rome với Lazio và AS Roma chỉ có 0 danh hiệu. Nhưng đôi khi, đó chẳng phải là điều cá biệt. Ở Anh, năm thành phố "tỉnh lẻ" đã có đại diện đoạt Cup C1 cho đến khi Chelsea đem danh hiệu về cho London lần đầu vào năm 2012, cho đến giờ cũng là lần duy nhất. Ở Đức, Munich, Dortmund và Hamburg đều vô địch châu Âu thay vì Berlin. Và ở Pháp, Marseille là đội duy nhất đoạt cúp chứ không phải Paris Saint Germain...

Nhà báo Simon Kuper đã lí giải hiện tượng lạ lùng này trong cuốn sách Soccernomics. Milano, Torino, Manchester, Munich... đều là những thành phố công nghiệp, nơi thu hút hàng triệu công nhân nhập cư - những người có thú vui lớn nhất là bóng đá và lấy đội bóng mình cổ vũ làm niềm tự hào. Trong khi đó, những cư dân Rome, London, Paris, Berlin, Moscow... có quá nhiều thứ để quan tâm và những câu lạc bộ bóng đá hiếm khi là niềm tự hào của họ. Năm 1900, thành phố Manchester đã có 1,25 triệu dân, lớn thứ 6 châu Âu và đó là nơi mà Newton Heath, tiền thân của Man United ra đời 22 năm trước. Cùng kì, Munich có dân số 500.000, tăng 5 lần sau 50 năm và 530.000 là dân số Barcelona. Họ là lực lượng cổ động viên nòng cốt làm nên những câu lạc bộ vĩ đại: Man United, Barcelona và Bayern Munich.

Theo cách thức tương tự cho sự ra đời của Milan và Juventus. Trước đó, Torino là một thị trấn buồn tẻ trong nhiều thế kỉ nhưng kể từ thập niên 1870, các công xưởng bắt đầu xuất hiện không lâu sau khi kênh đào Suez khơi thông. Cùng thời điểm, Milano đột nhiên trở thành một thành phố công nghiệp khi các tuyến đường sắt được xây dựng. Năm 1897, Juventus được khai sinh và hai năm sau tới lượt AC Milan. Phía sau họ luôn là những quyền lực kinh tế lớn nhất Italia. Với Milan là Piero Pirelli, ông trùm công nghiệp cao su điều hành đội bóng trong giai đoạn 1908-1929 và góp công xây dựng sân San Siro hay sau này là gia đình Berlusconi - người dùng Milan làm con bài chính trị để trở thành Thủ tướng Italia.

Với Juventus là gia đình Agnelli, được truyền thông gọi là "hoàng tộc Italia". Giovanni Agnelli, một nhà tư bản đã tiên đoán về sự biến mất của xe ngựa và sáng lập nên hãng xe hơi "Fabbrica Italiana di Automobili Torino", gọi tắt là FIAT vào năm 1899. Nhờ sự hậu thuẫn không ngơi nghỉ của gia đình Agnelli và Fiat, hãng

sản xuất xe hơi lớn thứ 7 thế giới, mà Juve đã từ một đội bóng tỉnh lẻ trở thành một quyền lực bóng đá vượt ra ngoài nước Ý. Đến năm 1923, Giovanni tiến cử con trai Edoardo làm chủ tịch Juventus khi ông mới ngoài 30 tuổi và chỉ ba năm sau, gia đình Agnelli chứng kiến Juventus đánh bại kình địch AC Milan bằng tỉ số lịch sử 8-2 để trả món nợ thua 1-8 trước đó 15 năm.

Milan và Juve là hai trong số những nhà vô địch thế giới đầu tiên ở thời điểm giải đấu chỉ có vài đội tham dự, diễn ra chỉ vài ngày và người Ý còn gọi bóng đá là Calcio (theo tên một trò chơi truyền thống, Calcio Fiorentino, cũng sử dụng bóng nhưng hết sức bạo lực thời Phục hưng). Milan vô địch lần đầu năm 1901, khi mới ở tuổi lên 2, sau khi đánh bại chính Juve 3-2 ở bán kết trong lần gặp gỡ đầu tiên còn Juve đoạt cúp lần đầu năm 1905. Và sự kiện Juve bỏ trận chung kết playoff năm 1907 để phản đối quyết định thay đổi sân thi đấu đã khơi mào cho mối thù địch trăm năm giữa họ.

Với 35 chức vô địch quốc gia, Juventus là một thế lực xuyên suốt bề dày lịch sử. Chỉ có ba quãng ngắn họ thực sự bị phủ bóng bởi một thế lực khác: Torino ở nửa sau thập niên 1940, Inter ở nửa đầu thập niên 1960, và Milan ở nửa đầu thập niên 1990. Nhưng với sự hậu thuẫn từ Fiat, Juve luôn trở lại mạnh mẽ. Họ dùng tiền để mua những ngôi sao giỏi nhất cũng như thuê những huấn luyện viên tốt nhất. Ta phải công nhận với nhau rằng, Juventus hiếm khi gặp sai lầm và rất thích triết lí "Trả thù là món ăn ngon nhất khi để nguội". "Bà đầm già thành Turin" từng trả đũa Torino bằng cách mua hai ngôi sao ngoại là Omar Sivori và John Charles, để thống trị bóng đá Italia thập niên 1950.

Bị những kình địch từ Milano lấn át trong những năm 1960, Juve biến thập niên 1970 và 1980 trở thành sân khấu của họ. Dưới trướng Giovanni Trapattoni - một huấn luyện viên thực dụng đến từ Milano, một hàng thủ trứ danh với Dino Zoff, Gentile, Scirea, Cabrini cùng những tiền vệ tranh chấp mạnh mẽ Beppe Furino, Marco Tardelli và phía trên luôn là những tay săn bàn thiện xạ, từ Paolo Rossi cho tới Franco Causio, Juventus đi đến sự thống trị và còn là nòng cốt của Italia cho chức vô địch World Cup 1982. Juve cũng mua được những ngôi sao ngoại tốt nhất, từ Liam Brady, Zibi Boniek cho tới Michel Platini - người giành 3 Quả Bóng Vàng liên tiếp (ông từng tặng một trong số đó cho chủ tịch câu lạc bộ). Ở chu kì chiến thắng thứ 3 với Marcello Lippi, Juve lại có Zinedine Zidane, Edgar Davids ở đỉnh cao, bên cạnh là Fabrizio Ravanelli, Gianluca Vialli và Alessandro Del Piero.

Câu chuyện Milan được viết riêng ở nơi khác. Cùng với Inter, họ

biến Milano thành thủ đô của bóng đá thế giới trong thập niên 1960 với 4 lần đoạt Cup C1 chia đều cho hai đội. Ở Serie A, Inter vô địch 3 lần còn Milan đoạt 2 Scudetto cùng 2 lần á quân. Cup C1/ Champions League là niềm tự hào lớn nhất của Milan và ngược lại là nỗi đau lớn nhất của Juventus. Milan đã vô địch 7 lần, trong khi Juve thất bại ở cả 7 trận chung kết. Trận chung kết đầu tiên năm 1973, Juve thất thủ trước Ajax của Johan Cruyff. 10 năm sau, họ bị đánh bại bởi Hamburg với cú sút xa của Felix Magath và những người anti Juve hô vang "Grazie Magath!". Thêm nhiều nỗi đau và thêm nhiều slogan. "Grazie Real!" "Grazie Borussia!"... Và một trong số những nỗi đau ấy, được quyết định bởi AC Milan, khi Andriy Shevchenko đá thành công quả luân lưu quyết định để giúp Milan đánh bại Juve trong trận chung kết tại Old Trafford năm 2003.

Rossoneri đã vô địch châu Âu 2 lần trong thập niên 1960, bằng cả lịch sử của Bianconeri. Họ có bộ 3 Thụy Điển lừng danh "Gre-No-Li": Gunnar Gren, Gunnar Nordahl và Nils Liedholm. Họ có Cesare Maldini ở hàng thủ, những tiền vệ tài hoa Schiaffino, Gianni Rivera và tài săn bàn của José Altafini - người ghi 13 bàn vào lưới Juve trong giai đoạn 1958-1965 (Altafini giữ kỉ lục ghi bàn trong các trận đối đầu Milan - Juventus cho tới ngày nay). Nhưng thập niên 1970, tiếc thay lại chìm trong thất vọng với 3 lần về nhì ở Serie A và cơ man những lời chỉ trích trọng tài. Điển hình là câu chuyện mang tên "La Fatal Verona" ở mùa giải 1972-73, khi Milan có một thất bại đáng quên trước Verona ở vòng đấu cuối cùng, còn Juventus nhờ thất bại đó mà có được Scudetto. Không lâu sau, Milan xuống hạng lần đầu tiên. Nếu vụ bê bối dàn xếp tỉ số Totonero khiến AC Milan xuống hạng vào thập niên 80, thì 26 năm sau, vụ bê bối Calciopoli làm Juventus phải xuống chơi ở Serie B. Quả thực là trêu ngươi nhau!

Và ngày 20-2-1986, một ngày đã trở thành lịch sử của Milan, khi Rossoneri vừa trải qua hai mùa giải ở Serie B và đang lay lắt ở giữa bảng xếp hạng Serie A thì có một doanh nhân địa phương xuất hiện. Đó là một người đàn ông thấp lùn, hói đầu với nụ cười rạng ngời. Ông ta có tên là Silvio Berlusconi. Công cuộc tái thiết bắt đầu, và sau 21 năm của Berlusconi, Milan giành thêm 8 lần vô địch Scudetto cùng tài sản vô giá là 5 chiếc cup Champions League. Trong năm đầu tiên, Berlusconi mang về Bộ Ba Hà Lan là Gullit, Van Basten, Rijkaard và cho những ngôi sao trẻ trình làng, trong đó có Paolo Maldini. Berlusconi cũng có một quyết định quan trọng khi bổ nhiệm Arrigo Sacchi, người mang tới cho Milan thứ bóng đá cách tân, khoa học để giúp họ chiến thắng ở hai trận chung kết Champions League liên tiếp các năm 1989, 1990.

Fabio Capello kế vị Sacchi và tiếp tục nối dài thành công cho màu áo Đỏ-Đen. Milan đoạt Scudetto sau mùa giải bất bại 1991-92. Mùa giải thần thoại ấy là thứ mà các Milanista tự hào, và là điều mà ngay cả Juventus - chuyên gia lập kỉ lục về số Scudetto cũng chưa bao giờ làm được. Milan của Capello lọt vào 3 trận chung kết Champions League liên tiếp, trong đó có chiến thắng lịch sử 4-0 trước Barcelona của Johan Cruyff năm 1994. Kế đến là thành công của Carlo Ancelotti, người giúp Milan đánh bại Juve trong trận chung kết toàn Ý năm 2003, và vô địch lần nữa năm 2007 sau khi phục hận thành công Liverpool ở Athens. Juventus nào có kém cạnh chứ? Từ năm 1996 đến năm 1998, "Bầy ngựa vằn thành Turin" lọt vào chung kết Champions League 3 năm liên tục, trong đó có một lần vô địch. Với "Gã đầu bạc" Marcelo Lippi trên băng ghế chỉ đạo, Juventus còn có tới 5 Scudetto trong thời đại Serie A cao thủ đông như mây và thống trị cả thế giới túc cầu giáo, là giai đoạn mà "Vô địch Serie A có giá trị hơn Champions League" (lời Fabio Cannavaro).

Giữa Milan và Juve là những màn chạm trán tóe lửa. Chiến thắng 7-1 của Milan vào tháng 2-1950 ngay tại Torino, nơi bộ 3 "Gre-No-Li" tỏa sáng với 5 bàn. 47 năm sau, tháng 4-1997, Vladimir Jugovic và Christian Vieri mỗi người ghi một cú đúp trong chiến thắng 6-1 của Juventus ngay tại San Siro. Bên cạnh đó còn là những mối duyên nợ lịch sử. Vụ chuyển nhượng tự do của Andrea Pirlo vào mùa hè năm 2011 đã bẻ bánh lái Calcio, và khởi nguồn cho chuỗi 8 Scudetto liên tiếp của Juventus, đồng thời đẩy Milan chìm trong tăm tối. Đến hôm nay, Milan vẫn xem Pirlo là một sự ám ảnh. Người Milan ngỡ họ đã được trả hận sau khi có Leonardo Bonucci, thế nhưng hóa ra Bonucci lại là một thảm họa, để rồi anh lại rời Milan chỉ sau một mùa bóng trong bẽ bàng. Và cay đắng thay cho Milan, Bonucci lại tỏa sáng như chưa từng rời xa Juventus.

Trong chuỗi ngày hai bên đi về hai phương ánh sáng và bóng tối đó, Milan còn chịu nhiều uất hận như "Bàn thắng ma" của Sulley Muntari trong mùa giải 2011-12 hay gần đây nhất là cú bẻ còi VAR của trọng tài Micheal Fabbri trong pha chạm tay trong vòng cấm của Alex Sandro ở mùa giải 2018-19.

Một thập kỉ trở lại đây, Juventus gặp AC Milan, hệt như cách kẻ quý tộc sa cơ gặp người hàng xóm giàu có năm nào từng cùng mình sánh ngang. Vì đâu có chuyện như vậy? Câu chuyện bắt đầu từ ngày 8-9-2011, khi Juventus chính thức khánh thành sân bóng mới mang tên Juventus Arena bằng trận giao hữu với câu lạc bộ Notts County của Anh. Ngày hôm ấy, Juve đã trở thành câu lạc bộ

đầu tiên của đất nước hình chiếc ủng sở hữu sân vận động của riêng mình. Để dễ so sánh sự đi trước này của Juve, hãy nhìn qua đối thủ của họ. Milan và Inter vẫn dùng chung sân San Siro (hay Giuseppe Meazza theo tên gọi của Inter), Lazio và A.S. Roma cũng sử dụng chung sân Stadio Olimpico. Chủ sở hữu của San Siro là Đô thị Milano, còn chủ sở hữu của Olimpico là Hội đồng thành phố Roma. Các câu lạc bộ Italia chỉ đóng vai trò là đơn vị thuê sân chứ không có trên 50% cổ phần sở hữu sân bóng. Nhưng Juventus đã huy động 105 triệu euro từ những nguồn khác nhau dốc vào dự án "Juventus Arena" này, để biến câu lạc bộ trở thành đội bóng có sân bóng riêng và tạo cú hích tài chính cho hành trình thương mại và hiện đại hóa. Milan, cũng như các câu lạc bộ khác của Ý, đã chậm hơn Juve ở điểm đó và họ cần thay đổi để bắt kịp Juve, bắt đầu từ nền tảng sân vận động riêng, chứ không phải miệt mài đổ tiền vào những phi vụ chuyển nhượng "hụt". Đôi khi, "học hỏi từ kẻ thù còn tốt hơn từ bạn bè".

Nhưng Milan có những câu chuyện của riêng mình. Milan thắng Juve ở lần chạm trán đầu tiên. Chiến thắng đậm nhất thuộc về Milan khi họ đánh bại Juve 8-1 vào năm 1912 và đó cũng là một trong hai thất bại lớn nhất của "Bà đầm già" (cùng với thất bại 0-8 trước Torino năm 1913). Juve có 35 lần vô địch quốc gia nhưng không có mùa giải bất bại "Invincible". Juve là vua của Serie A nhưng Milan là vua của một "đại thời đại" với chuỗi bất bại dài nhất 5 giải vô địch quốc gia hàng đầu châu Âu, đó là 58 trận liên tiếp từ 1991 tới 1993, cùng đội hình được xưng tụng "Top đầu lịch sử."

Và trên tất cả, Milan là lá cờ đầu của Italia trên đấu trường châu Âu với 7 chức vô địch trong 11 lần lọt vào chung kết. Đấy là một niềm tự hào bất tử đã sưởi ấm cho con tim của những Milanista khi đứng trước những lầm than và băng giá thua trận. 7 lần vô địch Champions League là động lực quá khứ để họ không quên mình là ai và hứa trở lại trong nay mai. Và đó đương nhiên là một nụ cười Mona Lisa lẫn sự thách thức đến với Juventus trong cuộc song hành vĩ đại của hai tên tuổi đã làm rạng danh nước Ý này.

Derby della Madonnina, máu lửa hay hận thù? Không, đó là derby của tình yêu thương

Huy Hiếu

Giải đấu	Milan thắng	Hòa	Inter thắng	Milan ghi	Inter ghi
Vô địch quốc gia	62	58	72	255	276
Coppa Italia	10	7	7	33	22
Siêu Cup Italia	1	0	0	2	1
Campionato Alta Italia	1	0	1	3	3
Champions League	2	2	0	6	1
Tổng cộng	76	67	80	299	303

Sự đối địch dẫn tới thù hận là chủ đề đã được khai thác rất nhiều trong nhiều trận derby khác nhau. Nhưng chúng ta có thể gặp được một khía cạnh khác ở trận đấu này. Bên cạnh sự đối địch truyền thống giữa các đội bóng thành phố nói chung, trận derby thành Milan giai đoạn này còn có cả biểu tượng của yêu thương giữa hai nửa thành phố.

Hãy đi một chút từ lịch sử. Ngày 16-12-1899, Associazione Calcio Milan hay còn viết tắt là AC Milan đã ra đời và lập tức trở thành một thế lực mới của bóng đá Italia. Chỉ trong vòng 10 năm, giành 3 chức vô địch quốc gia, lật đổ vương triều Genoa, đội bóng bá chủ giai đoạn ấy. Đến ngày 09-03-1908, một nhóm thành viên ưu tú vì bất đồng quan điểm trong việc kí hợp đồng với các cầu thủ nước ngoài, đã quyết định tách ra khỏi Milan và thành lập nên câu lạc bộ Internazionale hay còn gọi là Inter Milan. Kể từ hôm ấy, một

trận derby đã sinh ra.

Về khía cạnh kim tiền, cuộc đấu Milan-Inter không thể sánh với derby thành Manchester, Madrid hay một số trận derby London. Nhưng trên phạm vi châu Âu (và toàn thế giới), không trận derby nào vĩ đại hơn cuộc chạm trán giữa Milan và Inter. London, Madrid, hay kể cả Belgrade đã có hai đội bóng khác nhau từng vào chung kết Cup C1/Champions League. Nhưng chỉ Milano là thành phố duy nhất ở châu Âu có đến hai đội bóng từng vô địch châu Âu. Milan và Inter đã liên tiếp giành 3 Cup C1 từ năm 1963 đến 1965, đặt những viên gạch đầu tiên cho sự khẳng định vị thế của làng bóng đá Italia lên đấu trường châu lục.

Đã có 4 trận derby ở Champions League vào đầu thế kỉ XXI giữa những năm tháng hoàng kim của Milan còn Inter chìm trong nỗi đau khổ của ông chủ yêu đội bóng đến từng hơi thở, Massimo Moratti. Mức độ thu hút của nó lớn hơn trận Arsenal - Chelsea cùng giai đoạn ấy rất nhiều và mãi sau này, cặp đấu Atletico - Real Madrid mới đem lại bầu không khí đặc biệt của một trận derby thành phố ở giải đấu danh giá nhất châu Âu. Cần nhớ rằng, Milano đã trở thành thành phố đầu tiên có hai nhà vô địch châu lục ngay từ năm 1964 và hơn nửa thế kỉ qua, chưa có bất kì địa phương nào có được vinh dự tương tự!

Người Ý gọi cuộc đấu Milan - Inter là trận derby della Madonnina. Nhưng để tôn vinh hai đội bóng cùng thành phố duy nhất từng đứng trên đỉnh châu lục, người ta nên gọi nó là derby di Champions, tạm dịch là trận derby của những nhà vô địch Champions League.

Helenio Herrera, vị phù thủy huyền thoại của Inte, chọn cho mình một nghĩa trang mát mẻ bên trong thành phố ngập nước Venezia. Với nền là bờ tường gạch cũ, chính giữa ngôi mộ của Herrera là một bức tượng mô phỏng chiếc Cup C1, thứ mà ông đã giúp Inter giành được 2 lần trong các năm 1964 và 1965. Trong những dịp lễ lạt đặc biệt, cổ động viên và ban lãnh đạo Inter vẫn choàng lên nó chiếc khăn màu Xanh-Đen.

Nereo Rocco, vị huấn luyện viên đầu tiên trong lịch sử đưa câu lạc bộ Italia đăng quang ở Cup C1 nay nằm lại trong một nghĩa trang địa phương ở quê hương Trieste, thành phố phía Đông Bắc Italia, giáp biên giới Slovenia. Người quản lí nghĩa trang Sant'Anna kể rằng vào thời gian ngay trước khi Silvio Berlusconi mua Milan, có một đôi tình nhân mặc áo Đỏ-Đen đã đến thăm mộ Rocco và rồi tại đó, chàng trai đã cầu hôn cô gái. Năm 2016, khi quay lại đây để

kỉ niệm 30 năm cầu hôn, họ đã dắt theo đứa cháu nội 6 tuổi mặc áo… Inter.

Câu chuyện về cặp vợ chồng già Milanista với đứa cháu nội "trót" yêu Inter không phải ngoại lệ hiếm hoi ở Milano nói riêng hay tại Italia nói chung. Trong cùng một gia đình, chuyện cha mẹ - con cái hay vợ - chồng chọn những màu áo khác nhau ở trận derby thành Milano là điều rất thường gặp.

Paolo Zauri, một Milanista mà tôi gặp trong một chuyến công tác ngoại quốc kể rằng anh đã phải "bình thường hóa" mọi sinh hoạt trong ngày diễn ra trận derby vào tháng 4-2011, trận derby có ý nghĩa quyết định Scudetto. Cha của Paolo ốm rất nặng và mọi người đều xác định đây sẽ là trận derby cuối cùng của ông trên thế gian. Khi Milan dẫn 2-0, Paolo chủ động cắt điện, nói dối rằng khu vực bị cúp điện để rồi khi trận đấu kết thúc, anh thì thầm với cha bằng giọng điệu (giả bộ) buồn rầu: "Inter thắng 3-2 rồi cha ạ. Cái cậu Milito của cha ghi 2 bàn, Cambiasso ghi bàn quyết định phút cuối". Sáng hôm sau, cha của Paolo không còn tỉnh dậy nữa và nếu trên thiên đường có… internet, ông sẽ khám phá ra mình bị cậu con trai cưng gạt (thực tế Milan thắng 3-0) để ra đi một cách thanh thản.

Milan và Inter cùng cổ động viên hai đội đã xích lại gần nhau đáng kể trong những năm qua. Lí do quan trọng nhất, cả hai đội bóng thành Milano đều không chỉ bất lực trong việc nhìn Juventus thống trị Serie A, mà cùng đang mò mẫm trên hành trình trở lại đỉnh cao. Tháng 5-2018, Inter ăn mừng việc trở lại Champions League sau 6 năm vắng bóng. Còn với Milan, họ cũng đã có mùa giải thứ 6 liên tiếp phải làm khán giả ở Champions League.

Nếu những "người cùng khổ" còn không thể yêu thương lấy nhau, thì ai còn nhỏ nước mắt tiếc thương cho hai gã khổng lồ thành Milan đang vật vã trong hành trình trở lại những ngày tháng sôi động cũ? Thực tế là bóng đá Italia cần sự trở lại của cả Milan lẫn Inter để nâng cao vị thế của Serie A tại đấu trường châu lục. Cristiano Ronaldo đúng là đẳng cấp thật, nhưng mình anh không thể gánh trên vai trọng trách đem chiếc Cup Champions League về cho Juve và bóng đá Italia.

Những kẻ đi hai hàng

Trong hầu hết các trường hợp, những kẻ đi hai hàng luôn chịu nhiều sự dè bỉu của dư luận. Nhưng với thành Milano, việc một cầu thủ thành công, thậm chí trở thành huyền thoại của cả Milan

lẫn Inter không phải chuyện hiếm.

Hernan Crespo được giới Interista đặc biệt yêu quý, nhưng anh cũng rất được lòng các Milanista, đặc biệt là 2 bàn thắng vào lưới Liverpool trong trận chung kết Champions League năm 2005. Còn nữa, sẽ chẳng có ai căm ghét Roberto Baggio, người đã dành một phần của đoạn cuối sự nghiệp huy hoàng cho cả Milan lẫn Inter. Và Clarence Seedorf, tiền vệ có lối chơi thông minh được giới Interista yêu quý nhưng rốt cuộc lại chỉ có thể thành huyền thoại dưới màu áo Đỏ-Đen. Ronaldo, Andrea Pirlo, Sulley Muntari, Zlatan Ibrahimovic và đặc biệt là cố danh thủ Giuseppe Meazza đều đã là một phần lịch sử đặc biệt của cả Milan lẫn Inter. Ngay việc Inter chọn Giuseppe Meazza làm tên sân cũng đã phần nào cho thấy ý nghĩa của một mái nhà chung dành cho hai gã khổng lồ.

Milanista không bao giờ nghi kỵ những người từ Inter chuyển sang, thậm chí ban huấn luyện Milan còn trọng dụng họ. Inter ít khi thành công nhờ những người cũ của Milan, nhưng nhìn chung cũng không có sự phân biệt bởi các cổ động viên vì quá khứ "lầm lỡ" của họ.

Và cần những biểu tượng mới…

Shevchenko, Kaka, Ibrahimovic, Milito, Zanetti và Maldini… tất cả những biểu tượng cận đại của derby thành Milan đều đã giải nghệ hoặc xa rời bóng đá đỉnh cao ở châu Âu. Điều đáng nói là hiện có quá ít gương mặt có tiềm năng trở thành biểu tượng lâu dài của các trận derby di Champions.

Với 5 bàn thắng, Mauro Icardi lẽ ra sẽ có thể sắm vai biểu tượng trận derby. Nhưng cách ứng xử kém cỏi, toa rập với cô vợ lắm điều Wanda đang khiến sự nghiệp của Icardi ở Inter bị đe dọa. Về phía Milan, đã không có tay săn bàn nào trở thành một dạng "Mr. Derby" sau khi Ibrahimovic ra đi vào hè 2012, chứ chưa nói tới việc kế tục Sheva trong vai "Inter-killer". El Shaarawy, Bacca hay Niang đều chỉ gắn bó với Rossoneri thời gian ngắn, trong khi các tiền đạo đương đại Cutrone và Piatek mới chỉ bắt đầu sự nghiệp tại sân San Siro.

Romagnoli chính là gương mặt khả dĩ nhất để trở thành biểu tượng mới của trận derby thành Milan. Anh là người Italia, có chuyên môn tốt và sinh hoạt, ứng xử mẫu mực. Đó là lí do anh được Milan lựa chọn đeo băng đội trưởng ở tuổi đời rất trẻ, Romagnoli cũng là thủ quân trẻ nhất Serie A 2018-19. Nhưng

hành trình trở thành biểu tượng của một hậu vệ gian nan hơn các cầu thủ hàng công rất nhiều. Hơn thế nữa, rõ ràng trận derby di Champions khó có thể cải thiện được sự quan tâm từ người hâm mộ nếu không có những tay săn bàn thượng thặng như Sheva, Kaka, Ibrahimovic hay Milito trước đây.

Trong quá khứ, Milan và Inter vẫn luôn có những cuộc đối đầu đầy xung khắc như giữa nước và lửa. Đó là tiền vệ Gattuso hùng hổ với Cambiasso điềm đạm, giữa Ancelotti trung hậu và Mourinho đanh đá, giữa Kaka thiên thần và Materazzi ác quỷ, hay giữa hai vị thủ quân tận tụy Maldini và Zanetti… Trận derby bây giờ cũng cần ít nhất một cặp tương phản như thế để làm điển hình cho khác biệt giữa hai đội bóng thành Milano. Mà tốt hơn hết, đó nên là những gương mặt thuộc hàng tinh hoa của bóng đá thế giới, bất kể là cầu thủ hay huấn luyện viên. Cũng cần nói thêm rằng, các tifosi thành Milan vẫn mơ về những cuộc đấu trí đỉnh cao ở derby như Ancelotti - Cuper hay Ancelotti -Mourinho. Đấy là một ước vọng nhìn về tương lai.

Vĩ thanh: Thành phố Milano có một biểu tượng lớn, đó chính là nhà thờ chính tòa "Duomo di Milano" của Tổng giáo phận Milano. Trên đỉnh tòa Duomo là bức tượng Đức Mẹ đồng trinh Maria. Một công trình nghệ thuật cao 4,16m với hình Đức Mẹ ngước mắt lên trời và mở rộng bàn tay để cầu xin phước lành của Chúa ban xuống cho thành phố Milano. Bức tượng ấy được gọi tên là "La Madonnina". Khi trận derby được sinh ra, người dân thành phố đã lấy tên bức tượng đó để đặt tên cho trận derby của mình. Và Đức Mẹ đã nhìn xuống, để thấy một thế kỉ với hàng trăm chiến tích lẫy lừng mang về Milano, cũng như chở trên đó cả một bầu trời lịch sử thăng trầm, nhiều biến động.

Milan - Real Madrid, những kẻ mang trong mình DNA Champions League

Dũng Phan

Tất cả những fan hâm mộ giải đấu C1/Champions League những năm đầu thế kỉ XX đều nhớ một câu khá nổi tiếng: "Cup C1 ra đời nhờ công của Gabriel Hanot và sống sót nhờ ơn cứu mạng của Real Madrid". Real Madrid với 5 chức vô địch đầu tiên đã giúp cho sức sống của giải đấu thuở nguyên sơ đó trở thành vĩnh hằng, phát triển và vĩ đại như hôm nay.

Lịch sử châu Âu đã ở bên Real Madrid, đó là một lịch sử vĩ đại được tạo ra theo cách riêng của nó trên đấu trường C1/Champions League. Chủ tịch Florentino Perez nói rằng, "Real Madrid có DNA Champions League, câu lạc bộ yêu nó hơn tất cả mọi thứ trên đời". Trong phòng trưng bày của Real thì vị trí trung tâm phải là các danh hiệu C1. Mỗi lần ngài Perez mua được các bản hợp đồng mới thì những cầu thủ siêu sao được mua về sẽ được dẫn đến nhìn vào những chiếc cúp, và nghe nhắc nhở: "Anh phải đem thêm một chiếc cúp nữa về đây".

Nhưng Perez, bậc gian hùng kiêu hãnh nhất đời của thế giới bóng đá đã thẳng thắn thừa nhận với Phó chủ tịch Milan Adriano Galliani trong một bữa ăn tối rằng, chỉ Milan mới có cùng DNA như Real Madrid. Dòng máu huyết thống đó không phải tự nhiên sinh ra, mà chỉ gặp ở các câu lạc bộ đặc biệt có duyên kì ngộ với giải đấu châu Âu này. Ở nước Ý, kẻ mang DNA đó là AC Milan với 7 danh hiệu vô địch Cup C1/Champions League, chứ không phải là Juventus với 7 trận thua ở chung kết Cup C1/Champions League. Cho nên cuộc đối đầu của Real - Milan, là cuộc đối đầu của những kẻ mang trong mình bộ mã di truyền thống trị châu Âu.

Milan và Real đã gặp nhau ngay từ thuở hồng hoang, tại mùa giải C1 đầu tiên trong lịch sử, mùa giải 1955-56. Họ chính là hai đội bóng mạnh nhất châu Âu thời điểm ấy, là lí do để Gabriel Hanot tổ chức nên giải đấu này. Nhưng chuyện về lí do họ gặp nhau lại diễn ra trước đó, bắt đầu từ một đội bóng tên là Wolverhampton (cũng là đội bóng đang gây điên đảo Big Six mùa giải 2018-19 ở Premier League). Cuối thập niên 40 thế kỉ trước, Wolverhampton chính là câu lạc bộ số 1 của bóng đá Anh, họ xuất sắc giành FA Cup năm 1949 (thời điểm FA Cup đang là giải đấu danh giá nhất), sau đó là chức vô địch quốc gia vào mùa giải 1953-54, cùng với những chiến tích vang dội khác. Wolves sau đó "mang chuông đi đánh xứ người", và đã giành thắng lợi trước các câu lạc bộ vô địch khác đến từ Liên Xô, Hungaria, hay Scotland. Những chiến thắng đó của Wolves đã "kích động" giới truyền thông xứ sương mù, và họ không ngần ngại "bốc" Wolves lên tận trời là "câu lạc bộ xuất sắc nhất thế giới", là "Champions of the World".

Như bạn thấy đấy, truyền thông Anh đã rất có "truyền thống" ở khoản tung hô này từ 70 năm trước. Tuy nhiên, hành động đó của báo chí Anh quốc đã khiến một nhà báo đến từ Pháp ngứa mắt. Ông ta tên là Gabriel Hanot. Vị nhà báo huyền thoại này không tin Wolves là kẻ vô địch như các đồng nghiệp ở bên kia eo biển Manche đang ca ngợi và ông đã đề xuất với báo L'Equipe lập ra một giải thi đấu giữa các đội vô địch bóng đá các quốc gia châu Âu, gọi tên là European Cup (tức Cup C1), để tìm ra "nhà vô địch đích thực". Trong bản đề xuất của mình, Hanot nêu ra hai cái tên là AC Milan và Real Madrid. Và chừng nào còn chưa biết Milan và Real là gì, thì Wolves không đủ tư cách được gọi là "câu lạc bộ xuất sắc nhất thế giới".

Kết quả là đến tháng 4-1955, 16 đại diện các câu lạc bộ đã thảo luận bản dự thảo này và thông qua sau ba giờ đồng hồ. Trong 16 câu lạc bộ ấy, không có Wolverhampton (rất đúng với phong cách của đội tuyển Anh chê không dự World Cup nhé). Điều gì đến cũng đã đến, AC Milan và Real Madrid đã gặp nhau ở bán kết năm đầu tiên. Real thắng 4-2 ở lượt đi, Milan thắng 2-1 ở lượt về. Chung cuộc, Real loại Milan để vào chung kết rồi lên ngôi vô địch. Đó chính là ngày đầu tiên họ gặp nhau.

Hai năm sau, cặp tinh cầu đại chiến này bước thêm một nấc trên đỉnh cao mà họ xứng đáng ở đó bằng cách hẹn hò nhau ở trận chung kết Cup C1 mùa giải 1957-58 tại Brussels, Bỉ. Hai đội đã tạo nên một trận cầu kinh điển bằng cuộc rượt đuổi tỉ số ngoạn mục. Milan mở tỉ số ở phút 59 nhờ công của Juan Schiaffino. Nhưng đến phút 74, "Mũi tên bạc" Di Stefano huyền thoại đã gỡ hòa cho Real.

Sau đó, Milan lại một lần nữa vượt lên dẫn trước khi Grillo sút tung lưới Juan Alonso. Nhưng đến phút 79, Hector Pia cân bằng tỉ số 2-2 để kéo hai đội bước vào hiệp phụ. Và ở hiệp phụ, đội trưởng Gento của Real đã sút tung lưới Soldan, ấn định thắng lợi 3-2 nghẹt thở, đem về cho Real chức vô địch C1 năm thứ 3 liên tiếp. Lần thứ 2, Nils Liedholm gục ngã trước Di Stefano. Tuy nhiên, Milan cũng đã giải quyết cơn khát vô địch của họ sau đó 5 năm. Tại Cup C1 mùa giải 1962-63, AC Milan lên ngôi vương sau khi đả bại Benfica của Eusebio. Milan trở thành đội bóng thứ 3 sau Real và Benfica làm vua của châu Âu.

Bán kết lượt về mùa giải 1988-89, Real và Milan tái ngộ. Lần này Milan đã trả cả vốn lẫn lãi trước Real khi hai bên gặp lại nhau. Ngày 19-4-1989, San Siro trở thành nấm mồ chôn vùi niềm kiêu hãnh của Madrid. Bằng những bàn thắng của Ancelotti, Rijkaard, Gullit, Van Basten và Donadoni, họ đã tiêu diệt hoàn toàn Real Madrid với tỉ số 5-0 khiến châu Âu rung chuyển. Lịch sử giống như quay trở lại, nhưng đã đổi tên kẻ chiến thắng. Nếu như năm 1956, cũng bằng chiến thắng tại bán kết trước Milan, mà Real đã vào chung kết và vô địch, đồng thời mở ra thời đại thống trị của câu lạc bộ Hoàng gia Madrid, thì giờ đến lượt chiến thắng Real tại bán kết, đưa Milan đến chung kết và vô địch, để mở ra một đế chế mới. Một bản anh hùng ca bất hủ kéo dài 20 năm đã được viết lên, với thượng tầng là vị chủ tịch trẻ tuổi tham vọng Silvio Berlusconi, một huấn luyện viên Arrigo Sacchi kì tài đặt nền tảng chiến thuật, và "Bộ Ba Hà Lan Bay" tung hoành phá nát cả châu Âu.

Lịch sử cũng thích trêu ngươi, khi chỉ một năm sau, Milan thêm một lần nữa gặp Real tại vòng 2 của Cup C1 để gieo sầu cho các vị khách đến từ Tây Ban Nha. Nếu như trận lượt đi tại San Siro tôn vinh hàng công với 2 bàn thắng của Rijkaard và Van Basten, thì trận lượt về tôn vinh hàng thủ của Milan. Bộ tứ vệ huyền thoại Mauro Tassotti - Franco Baresi - Costacurta - Paolo Maldini đã khiến thánh địa Santiago de Bernabeu thành màu trắng tang tóc. Bạn có tin không? 24 lần các chân sút của Real Madrid bị sập bẫy việt vị của bộ tứ vệ này. Con số ấy có thể giúp cho bạn tưởng tượng ra quang cảnh của trận đấu hôm ấy, giữa một bên là Real điên cuồng lao lên và bên kia là Milan thong thả phòng ngự và bóp nát từng pha bóng. Lại một lần nữa, Rossoneri thẳng tiến đến trận chung kết và giành ngôi vô địch. Chức vô địch thứ 4 của họ, chỉ còn kém Real đúng 2 danh hiệu.

Ngày 18-5-1994, khi Milan đánh bại Barcelona hùng mạnh của Johan Cruyff tới 4 bàn không gỡ, cũng là lúc họ có trong tay 5 chức

vô địch C1/Champions League. Lúc này Milan chỉ còn kém Real đúng 1 danh hiệu. Thuở đầu, khi Real có cho mình 6 danh hiệu C1, những người Madrid cũng không bao giờ tưởng tượng nổi sẽ có kẻ đeo sát mình đến vậy. Đấy là lúc họ hiểu rằng, cũng có kẻ thứ hai sở hữu DNA châu Âu như mình, cũng có trong tay thứ "chân mệnh thiên tử" ấy.

Khi nhận thấy hơi thở của Milan đã phả ở sau gáy, DNA của Real Madrid trỗi dậy mạnh mẽ. 4 năm sau ngày Milan có danh hiệu thứ 5, Real Madrid đã có danh hiệu C1 thứ 7 bằng bàn thắng duy nhất của "Bá Tước" Mijatovic trong trận chung kết tại Amsterdam, Hà Lan. Hôm ấy, đối thủ mà họ đánh bại chính là Juventus - một hình mẫu đối lập của Milan trên bầu trời châu Âu. Real Madrid giải tỏa cơn khát 32 năm của họ để mở ra giai đoạn huy hoàng mới với cứ 2 năm một lần (1998-2000-2002), "Los Blancos" lại đem về cho phòng truyền thống của câu lạc bộ một Champions League. Real Madrid có 9 danh hiệu C1/Champions League để bỏ xa phần còn lại.

Song Milan vẫn ở đó, chưa hề buông tay. Sau cú volley bất tử của Zidane trên Hampden Park là ánh nhìn ngơ ngác của Shevchenko trên Old Trafford. "Rossoneri" giành chức vô địch C1/Champions League lần thứ 6 trong trận chung kết toàn Italia. Nhân chứng cho vinh quang của hai kẻ sở hữu DNA Champions League vẫn luôn là Juventus. Và lại là Juventus sau đó 14 năm, khi Real Madrid trở thành đội bóng đầu tiên bảo vệ thành công danh hiệu Champions League với chiến thắng 4-1 trước "Bà đầm già" thành Turin. Mùa giải 2006-07, với thiên thần Kaka trong tay, Milan tạo nên hành trình huy hoàng khi đuổi bật 3 đội bóng Anh ở bán kết và đánh bại Liverpool tại Hy Lạp để lấy về cho phòng truyền thống chiếc cup C1/Champions League lần thứ 7. Họ lại tiếp tục bám sát Real Madrid. Nhưng nước Ý đã sụp đổ từ trước đó vì Calciopoli.

Trận chung kết năm 2005 cũng là thời điểm bắt đầu chu kì đi xuống của Milan kéo dài cho đến tận hôm nay. Dẫu vậy, "tinh cầu đại chiến" chưa bao giờ mất đi bản sắc, và Milan chưa bao giờ quên họ là ai. Vòng bảng Champions League 2009-10, hai đội gặp nhau ở San Siro. Khi ấy Milan ở trong giai đoạn khủng hoảng nhất với những thất bại liên tiếp và sự yếu mềm trong đội hình già nua. Ancelotti đã ra đi và Kaka thì bị Madrid lấy mất. Vậy mà, Milan phải gặp Real. Thế nhưng đẹp như một bản thánh ca, sau khi để thua sớm, Andrea Pirlo đã tỏa sáng đúng lúc bằng bàn thắng kinh điển vào lưới Iker Casillas, mở đầu cho cú lội ngược dòng vĩ đại của Milan. Giữa cơn mưa, hình ảnh Leonardo bước ra từ khu kĩ thuật, giơ tay hướng về phía Pirlo và anh giơ tay đáp trả lại, đã trở

thành một trong những khúc ca cảm xúc nhất mà những Milanista từng được thấy. Đó là hình ảnh của một Milan quyết tử, một Leonardo tràn ngập sự can đảm, và một AC Milan vĩ đại chẳng bao giờ nhường bước. Hôm ấy, bằng cú đúp của Pato, Milan thắng Real 3-2.

Đấy chính là khúc ca cuối cùng của chú chim phượng hoàng Milan trước khi bốc cháy thành nắm tro tàn.

Hôm nay, Real Madrid đã có 13 danh hiệu C1/Champions League và Milan có thấy, có thức tỉnh mà đuổi theo không? Câu trả lời sẽ là có vì bộ gen đó họ luôn mang trong người và chưa bao giờ thôi kêu gào khi khúc nhạc hiệu năm nào được cất lên.

Rossoneri sẽ ở đó, dưới tinh cầu lấp lánh.

Milan - Barcelona, hùng ca theo năm tháng

Tiểu Lí

Ngày 18-5-1994, một câu chuyện thần thoại Hy Lạp đã được viết ở Athens. Barca "thần thánh" của Johan Cruyff bị Milan vùi dập 4 bàn không gỡ trong trận chung kết Champions League. Tiền đạo Daniele Massaro lập 1 cú đúp và 2 bàn thắng còn lại chia đều cho tiền vệ Dejan Savicevic và trung vệ Marcel Desailly. Đội bóng xứ Catalan vỡ mộng lần thứ 2 trong lịch sử đăng quang ở đấu trường danh giá nhất châu Âu trong sự ngỡ ngàng của hầu hết những người yêu bóng đá trên khắp hành tinh. Cú sốc đó thậm chí còn được giới truyền thông thế giới làm rùm beng hơn cả sự kiện ông Nelson Mandela trở thành Tổng thống da đen đầu tiên của Nam Phi trước đấy hơn một tuần.

Milan đã tạo ra một cơn địa chấn thực sự! Không ai hồi đó có thể tưởng tượng ra nổi một kết cục bi đát đến như vậy cho thầy trò huấn luyện viên Johan Cruyff. Bởi trước khi bị Milan khuất phục, Barcelona chẳng khác nào thần Zeus quyền uy đang ngự trị trên đỉnh Olympus. Họ được ca tụng như là "đội bóng đến từ hành tinh khác". Trước trận chung kết, "Thánh Johan" tự tin lên giây cót tinh thần với các học trò như thể họ sẽ đoạt cúp dễ như thò tay vào túi quần của mình lấy đồ: "Các cậu xuất chúng hơn họ. Các cậu đến đây để chiến thắng. Đã rõ chưa!" Cruyff còn mỉa mai đội bóng của đồng nghiệp Fabio Capello: "Milan là cái quái gì trong thế giới nhỏ bé này nhỉ? Liệu họ còn biết làm gì khác ngoài mấy chiêu trò phòng ngự và phòng ngự? Hãy xem chúng tôi chơi tấn công và dạy cho họ một bài học về bóng đá!"

Sự ngạo mạn của "Thánh Johan" đã khiến Barca phải trả một giá rất đắt. Không còn bộ ba Hà Lan Bay Ruud Gullit, Marco van Basten và Frank Rijkaard trong đội hình nhưng bằng khát khao

chiến thắng cháy bỏng và có lẽ cả với quyết tâm làm cho huấn luyện viên của đối phương phải cảm thấy xấu hổ vì những lời lẽ huênh hoang, Milan đá như "lên đồng". Họ nghiền nát đội bóng xứ Catalan trước đó vừa được Cruyff ngợi ca là "đã đạt đến độ hoàn hảo". Trên sân, Romario bất lực, Hristo Stoichkov bất lực và Andoni Zubizarreta bất lực... Còn ông thầy nổi tiếng Cruyff gần như "chết lâm sàng" trên băng ghế chỉ đạo, rồi sau trận đấu lặng lẽ rời khỏi phòng thay đồ như một kẻ trốn chạy, bỏ lại đám học trò tội nghiệp, đứng ngác ngơ như bò đội nón.

Đó là một trận chung kết Champions League kinh điển. Nó chẳng khác gì câu chuyện ngụ ngôn về cuộc thi chạy giữa rùa và thỏ. Và Cruyff giống như chú thỏ kiêu ngạo đã tự biến thành trò hề sau trận chiến Athens. Milan của Capello hôm ấy đã chơi thứ bóng đá "pressing toàn sân" một cách hoàn hảo. Họ liên tục gây sức ép trở lại đối phương ngay sau khi để mất bóng, khiến đối thủ luống cuống không thể giữ bóng trong chân lâu, hoặc có xử lí bóng cũng rất dễ mắc sai lầm. Tuyến giữa vốn được xem là "linh hồn" của lối chơi tổng lực mà Cruyff dày công gây dựng cho Barca đã bị phá hủy hoàn toàn bởi những cầu thủ mà trước trận chung kết còn bị Cruyff mang ra chế giễu như Demetrio Albertini, Marcel Desailly, Paolo Maldini...

Đến nay, các Culé vẫn cảm thấy hận Milan. Họ hận thầy trò ông Capello đã nổ tiếng pháo lệnh đầu tiên đánh sập lâu đài tráng lệ, nguy nga mà "Thánh Johan" dựng lên bằng triết lí bóng đá tổng lực. Sau cái đêm nghiệt ngã ở Athens đó, Cruyff có một phát ngôn trở nên rất nổi tiếng: "Người Ý không thắng, mà là chúng ta đã thua họ!". Đó cũng được xem như lời cáo chung cho đội bóng được mệnh danh là Dream Team thời bấy giờ.

Phải đến 12 năm sau thất bại ở Athens, Barca mới lại vào đến trận chung kết và giành chức vô địch Champions League thứ 2 trong lịch sử. Điều thú vị là, người đã dẫn dắt đội bóng xứ Catalan đến ngôi bá chủ châu Âu ở mùa giải 2005-06 là Frank Rijkaard - một thành viên trong "Bộ Ba Hà Lan Bay" từng một thời làm mưa làm gió ở châu Âu trong màu áo Milan dưới thời huấn luyện viên Arrigo Sacchi.

Pep Guardiola chính là một trong những nạn nhân trong đêm hè thảm họa năm 1994. Sau này khi chuyển sang nghiệp cầm quân, trong lần đầu tiên dẫn dắt Barca đối đầu với Milan ở vòng bảng Champions League mùa 2011-12, ông thú nhận trước trận đấu rằng, mình vẫn luôn bị dằn vặt và ám ảnh bởi thất bại trước đội bóng của huấn luyện viên Capello ở Athens. Có điều, Milan khi đối

đầu với đoàn quân của Pep đang ở giai đoạn thoái trào, giống như sự thoái trào của Serie A sau bê bối dàn xếp tỉ số mang tên Calciopoli. Nước Ý lúc ấy không còn là thiên đường trong mắt các siêu sao bóng đá hàng đầu thế giới nữa.

Cầu thủ được cho là ngôi sao sáng nhất của đội bóng áo sọc Đỏ-Đen trong chuyến hành quân đến Nou Camp tháng 9-2011 là Alessandro Nesta. Tuy nhiên, trung vệ huyền thoại này cũng đã 35 tuổi. Anh già cỗi giống như sự già cỗi của Milan trước một Barca đang trong giai đoạn thống trị thế giới bằng lối chơi tiki-taka vi diệu do Guardiola đúc kết, tạo ra từ những bài học về bóng đá tổng lực của ông thầy cũ Cruyff. Điều bất ngờ là ở trận đấu hôm đó, Milan đã không cho Pep cơ hội lần đầu tiên trả mối hận ở Athens. Đội bóng của Ý đã ra về với kết quả hòa 2-2, trong trận đấu mà 2 bàn thắng được họ ghi vào lưới của Barca cách nhau đúng… 90 phút.

Hồn cốt trong lối chơi phòng ngự của bóng đá Ý, dù đã qua thời kì đỉnh cao danh vọng, vẫn còn phảng phất nét hào hoa, lãng tử nơi lão tướng Nesta. Có lẽ sau này, nếu có ý định viết tự truyện về cuộc đời cầu thủ trải đầy hoa hồng của mình, siêu sao Lionel Messi của đội bóng xứ Catalan sẽ không thể không nhắc đến cái tên Nesta. Không những vậy, nếu nói thật lòng mình, Messi sẽ phải thú nhận rằng, trung vệ huyền thoại của Milan chính là cầu thủ khó chịu nhất mà anh từng phải đối mặt trong sự nghiệp lẫy lừng của mình.

Trong lịch sử đối đầu giữa Barcelona với Milan, Messi là cầu thủ ghi được nhiều bàn thắng nhất. Tiền đạo người Argentina đã 8 lần khiến thủ môn của đội bóng hàng đầu nước Ý phải vào lưới nhặt bóng, trong đó có 2 lần anh lập cú đúp. Con số đó là rất đáng nể nếu biết rằng, trong 20 lần đối đầu giữa 2 đội từ trước đến giờ, Barca chỉ có được 30 bàn thắng vào lưới đội bóng áo sọc Đỏ-Đen. Nhưng có một điều đặc biệt là dưới triều đại của Pep, Messi khá mờ nhạt trước Milan, anh chưa từng một lần ghi bàn vào lưới đối phương từ những tình huống bóng sống.

Messi đảo người…

Messi ngoặt bóng…

Messi bứt tốc độ…

Messi làm đủ chiêu trò…

Nhưng trước Nesta, anh chẳng khác gì một cậu học trò bị ông thầy

bắt vở. Ở tuổi 35, trung vệ của Milan vẫn khiến siêu tiền đạo của Barca "tàng hình" trên sân bằng những phán đoán tình huống khôn ngoan, những cú cắt bóng điệu nghệ hay những pha xoạc bóng đáng được đưa vào sách dạy vỡ lòng về bóng đá. Hẳn nhiều người yêu bóng đá vẫn còn nhớ pha chạy nước rút đuổi theo Messi vào tận vòng cấm địa đội nhà của Nesta trước khi anh xoài người phá bóng từ phía sau tiền đạo của Barca trong trận đấu giữa hai đội ở Nou Camp vào tháng 03/2012. Nesta khi ấy nhìn giống như một vận động viên trượt băng nghệ thuật, thanh thoát, dẻo dai và chính xác đến kì lạ. Cổ động viên trên khán đài vỗ tay ầm ầm tán thưởng anh. Còn Messi nằm sấp mặt xuống sân, hai tay đấm thùm thụp xuống mặt cỏ vì nuối tiếc trước cơ hội lẽ ra có thể ghi bàn.

Nesta vẫn có thể vô hiệu hóa hoàn toàn Messi ở giai đoạn "bóng xế" của sự nghiệp. Nhưng anh không thể "một cánh én làm nên mùa xuân" trước một Barca đang hừng hực xuân thì. Pep rút cục vẫn thay mặt thế hệ 1994 trả được mối hận ở Athens trước đội bóng áo sọc Đỏ-Đen nhờ lối chơi tiki-taka khi đó đang thống trị thế giới. Milan vỡ vụn trước cách chơi chạy và chuyền bóng liên tục của đội bóng xứ Catalan với "tâm ý tương thông" giữa các cầu thủ trên sân, đặc biệt là sự lợi hại của "kim cương phục ma khuyên" ở khu vực giữa sân được thiết lập bởi bộ ba tiền vệ siêu đẳng Andres Iniesta, Sergio Busquets và Xavi Hernandez.

Trong 4 năm cầm quân ở Nou Camp, Guardiola thắng 2 và hòa 2 trận trước Milan. Tất cả đều diễn ra ở Champions League mùa giải 2011-12. Sau trận đầu tiên hòa 2-2 ở vòng bảng, Barcelona của Pep thắng 3-2 trong trận lượt về ngay ở San Siro. Giống như là oan gia ngõ hẹp, rút thăm may rủi lại khiến hai đội đụng độ ở vòng tứ kết. Lần này, đội bóng của huấn luyện viên Guardiola đã vượt qua Milan sau 2 lượt trận với tổng tỉ số 3-1 để giành vé vào vòng bán kết.

Sau khi "người Mohican cuối cùng" Nesta rời San Siro, Milan gần như không còn bản sắc. Họ ngày càng nhạt nhòa và lép vế trước Barca trong những lần đối đầu. Không còn cầu thủ nào trong đội hình đội bóng của Ý có khả năng bắt chết Messi nữa. Chỉ trong 3 lần đối đầu gần đây nhất, đội bóng áo sọc Đỏ-Đen đã bị tiền đạo số 10 của Barca làm tung lưới tới 5 lần. Tuy vậy, tuyển thủ người Argentina cũng không thể phá được kỉ lục ghi bàn vào lưới của đối thủ duyên nợ này trong một trận đấu giống như cách huyền thoại Laszlo Kubala đã lập hattrick vào lưới Milan trong chiến thắng 5-1 của đội nhà tại Cup C1/Champions League mùa giải 1959-60 hay cách Rivaldo ghi cả 3 bàn để giúp Barca hòa 3-3 trên sân San Siro ở vòng sơ loại Champions League mùa 2000-01.

Tính từ sự khởi đầu của triều đại Guardiola đến giờ, Barca đã giành thêm 3 chức vô địch Champions League. Trong khi đó, Milan vẫn đang đau đáu giấc mơ tìm đường trở lại với giải đấu danh giá nhất châu Âu ở cấp câu lạc bộ.

Trái ngược với "gã khổng lồ" xứ Catalan đang rất thành công trên sân cỏ, những con dân của San Siro những năm gần đây đang phải "ăn mày dĩ vãng". Điều duy nhất mà các Milanista giờ đây có thể làm là tự an ủi với nhau rằng, dù vật đổi sao dời, không ai có thể phủ nhận một thực tế là đội bóng áo sọc Đỏ-Đen đã từng đánh bại Barca trong cả hai trận chung kết hiếm hoi trong lịch sử đối đầu giữa hai đội. Bên cạnh đỉnh cao chói lọi ở Athens với màn vùi dập Dream Team của "Thánh Johan" tới 4 bàn không gỡ trong trận chung kết Champions League năm 1994, Milan trước đó còn cướp trên tay của Barca danh hiệu Siêu Cup châu Âu năm 1989. Hồi ấy, đội bóng giàu truyền thống của Ý dưới sự dẫn dắt của huấn luyện viên Arrigo Sacchi, với các siêu sao trong đội hình như Frank Rijkaard, Marco van Basten... đã đánh bại đại diện của Tây Ban Nha với tổng tỉ số 2-1 sau hai lượt trận.

Hôm nay, Milan hiện vẫn đang loay hoay trên đường tìm lại ánh hào quang xưa cũ. Nếu đội bóng áo sọc Đỏ-Đen có cơ hội trở lại Champions League và chạm trán với Barca ở mùa tới, có lẽ các nhà cái sẽ không ngần ngại đưa ra một tỉ lệ đặt cược chênh lệch đến giật mình (dĩ nhiên là Milan được chấp). Nhưng đó là những tính toán xét về mặt lí thuyết. Còn thực tế trên sân cỏ, nếu trận chiến xảy ra, Milan chắc chắn sẽ khiến gã khổng lồ xứ Catalan gặp không ít khó khăn nhờ những liều "doping tinh thần" trong quá khứ.

Hay đơn giản chỉ vì họ là AC Milan!

AC Milan - 7 mốc son trên đỉnh châu Âu

Bách Việt

7 chiến thắng (trong 11 lần vào chung kết) là 7 mốc son trên hành trình đưa Milan trở thành đội bóng vĩ đại thứ nhì của lịch sử hơn 60 năm Cup C1/Champions League. Mỗi chiến thắng ấy gắn với một câu chuyện lịch sử, làm nên những kí ức khó phai mờ với các Milanista nói riêng và người hâm mộ túc cầu nói chung. Hôm nay, mời bạn đến thăm 7 kì quan Milan đó.

Ngày 22-5-1963, London (Anh): Milan - Benfica 2-1|Sứ mệnh mở đường

Cho đến trước trận chung kết ở sân Wembley, lịch sử non trẻ của Cup C1 khi đó đã chứng kiến sự thay nhau thống trị của Real Madrid (1956-60) và Benfica (1961-62). Với ngôi sao sân cỏ số 1 thế giới đương thời, "Báo đen" Eusebio, Benfica tạo ra một thời kì thống trị bóng đá Bồ Đào Nha (11 chức vô địch quốc nội trong 14 năm từ 1961-1975). Trong bối cảnh thế lực đến từ bán đảo Iberia tỏ ra vượt trội, rất ít người tin rằng AC Milan có thể làm nên bất ngờ, bất chấp câu lạc bộ đã "bay" vào trận chung kết với phong độ khủng khiếp. Trong 8 trận trước đó từ vòng loại, Milan ghi được đến 31 bàn thắng và chỉ để thua có 5 bàn.

Milan thời điểm ấy không phải là số 1 ở Italia. Họ vừa bị Inter truất ngai ở Serie A bằng một đội ngũ sẽ giúp đội bóng này vô địch châu Âu hai năm liên tiếp sau đó nhờ tài thao lược của huấn luyện viên Helenio Herrera và chiến thuật phòng ngự Catenaccio lừng danh. Nhưng dưới tay Nereo Rocco (chính là người đưa Catenaccio vào bóng đá Italia và áp dụng ở các đội bóng ông cầm quân trước khi Herrera đưa chiến thuật này trở nên nổi tiếng toàn cầu) và những ngôi sao hàng đầu lúc ấy như hậu vệ Cesare Maldini, tiền vệ Giovani Trapattoni, tiền đạo José Altafini và đặc biệt, "Cậu Bé

Vàng" Gianni Rivera, Milan cũng sẵn sàng cho một cuộc lật đổ lịch sử. 5 năm trước đó, Milan đã thua Real Madrid 2-3 trong trận chung kết ở Heysel (Bỉ), nên lần này, quyết tâm của đội bóng áo Đỏ-Đen tăng thêm vạn bội.

Ở Wembley, không có gì bất ngờ khi Benfica là đội nắm thế chủ động. Họ tấn công và tấn công, còn Milan phòng thủ theo đúng phong cách mà sau này người ta gọi là "nghệ thuật phòng ngự của người Ý". Tuy vậy, Milan chỉ giữ được sạch lưới cho đến phút 18, khi ngôi sao sáng nhất Eusebio ghi bàn cho Benfica. Bị dẫn bàn nhưng Milan vẫn không thay đổi. 40 năm sau, huyền thoại Cesare Maldini tiết lộ những gì đã xảy ra lúc đó: "Cần phải có sự thay đổi trong cấu trúc phòng ngự của đội bóng, nhưng rất khó để liên lạc với Rocco vì ở Wembley, khu kĩ thuật ở rất xa sân mà có hai cảnh sát to lớn ngăn cản huấn luyện viên của tôi di chuyển. Tôi là đội trưởng và tôi phải có trách nhiệm đưa ra quyết định. Trapattoni chuyển sang kèm Eusebio, người đã khiến Benitez quay cuồng, còn Benitez sang kèm Torres. Mora sang cánh phải và Pivatelli sang trái". Milan đã chơi tốt hơn nhưng cho một cuộc ngược dòng thì như vậy là chưa đủ.

Trong giờ nghỉ, Nereo Rocco quyết định rằng catenaccio cần phải được điều chỉnh. Chiếc then cửa phải được nới ra một chút cho những ý tưởng tấn công được giải phóng. Nhờ phong độ xuất sắc của Rivera ở vị trí kiến tạo và sự sắc bén của "sát thủ" José Altafini, lúc này đã được đẩy lên cao hơn, Milan đã làm được điều họ cần làm. Phút 58, Altafini gỡ hòa. Phút 61, Pivatelli khiến đội trưởng Coluna của Benfia phải thi đấu tập tễnh bằng một pha truy cản dữ dội và Benfica bắt đầu run sợ. Phút 69, Altafini một lần nữa lập công, bàn thứ 14 của ông tại giải, kỉ lục mà mãi gần 50 năm sau mới bị Messi san bằng (2012). 2-1. Và Milan chiến thắng, mở ra lịch sử vĩ đại của họ ở đấu trường châu lục, mở đường cho sự lên ngôi của bóng đá Italia, khi Inter chiến thắng liên tiếp hai năm sau đó.

Điều không ai ngờ là Benfica, dù duy trì phong độ cao suốt hai thập kỉ kế tiếp và cho đến giờ vẫn là đội bóng giàu truyền thống nhất Bồ Đào Nha, không một lần nào nữa ghi dấu ấn ở đấu trường châu lục. Họ thua ở tất cả các trận chung kết, trong đó có một lần thua chính Milan ở chung kết Cup C1 năm 1990.

Thông tin trận đấu

Đội hình:

Milan: Ghezzi - David, Maldini, Trebbi - Benitez, Trapattoni - Pivatelli, Sani, Rivera, Mora - Altafini

Benfica: Pereira - Cavem, Raul, Cruz - Humberto, Coluna - Augusto, Santana, Eusebio, Simoes - Torres

Ghi bàn: Altafini (58', 69') - Eusebio (18')

Ngày 28-5-1969, Madrid (Tây Ban Nha): Milan - Ajax Amsterdam, 4-1|Hủy diệt bóng đá tổng lực

Sáu năm sau đêm Wembley lịch sử, Milan mới lại có mặt ở trận chung kết Cup C1. Nhưng khoảng cách không ngắn đó thực ra lại là một sự tiếp nối liền mạch với cái tên Nereo Rocco. Nhà cầm quân giúp Milan đánh bại Benfica hôm ấy đã bỏ sang Torino ngay sau chiến thắng và khi trở lại vào năm 1967, ông lập tức đưa đội bóng giành cú đúp danh giá mùa 1967-1968: Scudetto và Cup C2 châu Âu (thắng Hamburg 2-0 ở chung kết). Milan khi đó không còn Cesare Maldini hay Altafini, những người hùng năm cũ, nhưng Trapattoni và Rivera, lúc này đã là đội trưởng và là ngôi sao lớn nhất Italia, vẫn hiện diện, trở thành điểm tựa cho một tập thể đã ít đi những cái tên hàng đầu.

Nhưng cũng như 6 năm trước, Milan bước vào trận chung kết ở vị thế bị đánh giá thấp hơn so với đối thủ Ajax Amsterdam. Ở bên kia chiến địa, Ajax là một cỗ máy chiến thắng tưởng không thể ngăn cản trên con đường đến chức vô địch, nhất là sau khi họ đánh bại Benfica, vẫn là một thế lực ở thời điểm đó, ở tứ kết. Đấy là giai đoạn đầu của triết lí bóng đá tổng lực (totaalvoetbal) trứ danh gắn với cái tên huấn luyện viên Rinus Michels và siêu sao Johan Cruyff, thứ vũ khí siêu cường giúp Ajax và bóng đá Hà Lan làm điên đảo thế giới đầu những năm 1970. Nhưng ở sân Bernabeu, trước Milan dày dạn kinh nghiệm, lại là câu chuyện khác. Ngay cả khi "Phù thủy" Rinus Michels tỏ ra tự tin, "Chúng tôi đang có phong độ tuyệt hảo và lâm trận với niềm tin chiến thắng lớn lao" thì chiến thuật vẫn còn sơ khai do ông khai sinh đã tỏ ra vô lực trước nghệ thuật phòng ngự - phản công của người Italia.

Khi linh hồn Johan Cruyff bị cô lập hoàn toàn trong vòng vây của các cầu thủ Milan, bóng đá tổng lực không thể triển khai, Ajax chỉ biết chịu trận. Ngay phút thứ 7, mũi nhọn Pierino Prati đánh đầu mở tỉ số từ cú tạt của Sormani. Phút 40, vẫn là Prati sút căng từ ngoài vòng cấm từ cú giật gót tinh tế của Rivera. Ajax gỡ lại một bàn từ chấm 11m do công của Vasovic ở phút 60, sau khi Lodetti đốn ngã Keizer trong vòng cấm. Nhưng chỉ 7 phút sau, Prati trả lễ

để Sormani dẫn bóng thoải mái và tái lập cách biệt bằng cú sút chéo góc. Phút 75, Rivera một lần nữa kiến tạo, Prati một lần nữa ghi bàn. 4-1, bóng đá tổng lực bị vùi dập ở Bernabeu. Johan Cruyff từng bày tỏ: "Họ (Milan) đã đến và dạy cho chúng tôi rằng Ajax vẫn còn quá non kinh nghiệm". Một phần tư thế kỉ sau, vào năm 1994, Cruyff một lần nữa khóc hận trước Milan ở một trận chung kết Champions League, khi ông trên cương vị huấn luyện viên.

Milan sau đó giành thêm 1 Cup C2 vào năm 1973 (chung kết thắng Leeds United 1-0) nhưng bóng đá châu Âu thời kì đó nằm dưới sự thống trị của Ajax. Trưởng thành lên rất nhiều sau thất bại năm 1969, Ajax với "bóng đá tổng lực" được hoàn thiện và "thiên thần" Johan Cruyff đạt độ chín, đã vô địch Cup C1 suốt 3 năm từ 1971 đến 1973.

Thông tin trận đấu

Đội hình

Milan: Cudicini - Anquiletti, Schnellinger - Rosato, Malatrasi, Trapattoni - Hamrin, Lodetti, Rivera, Sormani - Prati

Ajax: Bals - Suurbier (Muller 46'), Hulshof, Vasovic, Van Duivenbode - Pronk, Groot (Nuninga 46') - Swart, Danielsson, Cruyff, Keizer.

Ghi bàn: Prati (7', 40', 75'), Sormani (67') - Vasovic (60')

Ngày 24-5-1989, Barcelona (Tây Ban Nha): Steaua Bucharest - Milan, 0-4|Sự khởi đầu của Grande Milan

Ajax, Rinus Michels và Johan Cruyff rời sân Bernabeu năm 1969 thất bại, nhưng họ đem về những bài học để trở nên vĩ đại chỉ sau đó một thời gian ngắn, còn Milan thì ngược lại. Suốt 20 năm ròng sau chiếc cúp bạc hôm ấy, đội bóng Đỏ-Đen chỉ thêm 2 lần được dự Cup C1 vào các năm 1970 và 1980. Giữa quãng thời gian kéo dài cả tuổi thanh xuân của một đời người, Milan đã 2 lần phải xuống hạng Serie B, trải qua nhiều sóng gió, bê bối, đổi thay. Màu áo sọc Đỏ-Đen chỉ thắm trở lại khi nhà tài phiệt truyền thông Silvio Berlusconi mua đội bóng vào tháng 2-1986 và "bơm máu" mạnh mẽ để hồi sinh một gã khổng lồ.

Triết lí của Berlusconi khi đó là đầu tư không tiếc tiền để biến Milan thành một thế lực bóng đá, thực chất cũng là chiến lược bàn đạp quan trọng để ông tham gia chính trường và leo lên chức Thủ tướng Italia sau này. Lần lượt những ngôi sao hàng đầu như "Bộ

Ba Hà Lan Bay" Van Basten - Gullit - Rijkaard, tiền vệ cánh Roberto Donadoni hay tiền vệ trung tâm Carlo Ancelotti được đưa về. Nhưng sức mạnh của Milan cũng được tạo nên từ sự trưởng thành sớm của hai viên ngọc quý từ tuyến trẻ là Paolo Maldini và Billy Costacurta, kết hợp với hồn cốt Rossoneri trong người thủ lĩnh trung thành Franco Baresi và các cận vệ Mauro Tassotti, Filippo Galli, Alberigo Evani - những người đã cùng đội bóng đi qua những thời khắc khó khăn nhất. Đội ngũ ấy được dẫn dắt bởi chiến lược gia trẻ Arrigo Sacchi, một nhà cách tân bóng đá, người được Berlusconi "cất nhắc" thẳng từ Serie B lên không chút nghi ngại. Và mọi nước cờ đều đi đúng.

Lần đầu tiên Milan bước vào một trận chung kết ở tư thế "cửa trên" cho dù đối thủ của họ, Steaua Bucharest, là đội đã vô địch Cup C1 năm 1986, thời điểm Milan vừa khởi đầu kỉ nguyên Berlusconi. Steaua khi đó có trong đội hình ngôi sao Gheorghe Hagi, tiền vệ tài hoa được mệnh danh "Maradona vùng Carpat", người có vai trò không khác gì những Eusebio hay Cruyff ở những trận chung kết Milan từng trải qua. Nhưng Milan nhiều ngôi sao hơn, chơi thứ bóng đá ấn tượng hơn với chiến thuật pressing và phòng ngự khu vực rất tươi mới mà Sacchi áp dụng. Có thể nói, đấy là thời điểm Milan khiến mọi đối thủ phải khiếp sợ, nhất là sau khi họ "hủy diệt" Real Madrid tới 6-1 ở hai lượt trận bán kết.

Milan rất mạnh, nhưng thực tế, sự tự tin chỉ đến với họ sau trận bán kết lượt đi hòa 1-1 trên sân Real Madrid hôm 5-4-1989. Ở Serie A, họ để Inter vượt mặt giành Scudetto. Ở Cup C1, Milan chỉ "lết" được vào bán kết nhờ những quả penalty. Vòng 2, Milan vượt qua Sao Đỏ Belgrad sau loạt luân lưu khi tổng tỉ số sau 2 lượt là 2-2. Tứ kết, họ cũng chỉ thắng Werder Bremen 1-0 sau 2 lượt, với bàn duy nhất do Van Basten ghi từ chấm phạt đền.

Trên sân Bernabeu, Milan không thắng, nhưng họ đã chơi một trận vĩ đại. La Gazzetta dello Sport giật tít sau trận: "Kì vĩ Milan. Milan mạnh hơn tất thảy". La Stampa nói thêm: "Milan đã dạy cho người ta cách chơi một trận đấu sân khách". Báo chí Tây Ban Nha thốt lên: "Hòa rồi, xin cảm ơn", và cho rằng Real Madrid phải cảm ơn Milan vì đã "tha" cho họ. Đội trưởng Franco Baresi sau này khẳng định: "Đó là đêm đã thay đổi lịch sử của chúng tôi ở Cup châu Âu". Ở trận lượt về sau đó hai tuần, Milan nghiền nát đội bóng vĩ đại nhất thế kỉ XX bằng tỉ số 5-0, tạo nên một trong những chiến thắng kinh điển nhất lịch sử giải đấu. Real Madrid khi ấy là đội vô địch Liga 4 năm liên tiếp và có 27 trận bất bại trước "thảm sát San Siro". 5 bàn thắng của Milan được ghi bởi 5 cầu thủ từ tấn công đến phòng ngự. Một đội bóng hoàn hảo.

Bởi thế, không cần nói nhiều về trận chung kết ở sân Camp Nou (Tây Ban Nha). Steaua Bucharest không thể chống đỡ được Milan hùng mạnh và chỉ sau 47 phút, thắng lợi dễ dàng 4-0 của Milan được an bài. Gullit và Van Basten cùng lập cú đúp. Và chiến thắng hôm đó mở ra những năm tháng rực rỡ nhất trong lịch sử đội bóng áo sọc Đỏ-Đen, thời kì "Grande Milan" với 5 lần vào chung kết Cup C1/Champions League và 3 chức vô địch trong 7 năm.

Thông tin trận đấu

Đội hình

Steaua: Lung - Petrescu, Iovan, Bumbescu, Ugureanu - Minea, Stoica, Hagi, Rotariu (Balint 46') - Piturca, Lacatus

Milan: Galli - Tassotti, Baresi, Costacurta, Maldini - Colombo, Rijkaard, Ancelotti, Donadoni - Gullit, Van Basten.

Ghi bàn: Gullit (18', 39'), Van Basten (27', 47')

Ngày 23-5-1990, Vienna (Áo): Milan - Benfica, 1-0|Sức mạnh nhà Vua và "lời nguyền Guttmann"

27 năm chỉ lệch 1 ngày sau đêm mà Milan soán ngôi Benfica bằng thắng lợi 2-1 ở Wembley, hai đội lại gặp nhau trong một trận chung kết Cup C1 danh giá. Chỉ khác là lần này, gió đã đổi chiều. Milan đang là đương kim vô địch, giống như Benfica khi xưa, còn Benfica sắm vai kẻ thách thức, như Milan lúc trước. Nhưng kẻ thách thức ấy đến chiến địa với nỗi lo âu trĩu nặng.

Buổi chiều trước trận đấu, tại Vienna (Áo), một người đàn ông đến cầu nguyện trước một ngôi mộ. Ông ta lấy tay gạt bụi trên tấm bia mộ, đọc những dòng chữ ghi trên đó với ánh mắt tuyệt vọng. Ông nán lại một lúc như để chờ điều kì diệu nào đó xảy đến, rồi rời đi. Ông là "Báo đen" Eusebio. Người dưới mộ là Bela Guttmann, thầy cũ của ông ở Benfica gần ba thập kỉ trước.

Giống như Eusebio, Guttmann là một tượng đài của Benfica. Ông chính là người đã đưa Eusebio đến với đội bóng ấy, cũng là người đã dẫn dắt Benfica đánh bại Barcelona để vô địch Cup C1 năm 1961, cũng như bảo vệ được danh hiệu ấy năm 1962 trước Real Madrid. Nhưng đồng thời, ông cũng là một nỗi ám ảnh thế kỉ với đội bóng số 1 Bồ Đào Nha.

Chuyện kể rằng, sau trận chung kết thắng Real Madrid 5-3, Guttmann đã đến gặp ban lãnh đạo Benfica để đề xuất tăng lương,

một đòi hỏi chính đáng với những gì ông đã cống hiến. Nhưng đề xuất bị từ chối, Guttmann bị rũ bỏ trong uất ức. Ông ra đi, để lại một lời nguyền đáng sợ: "Trong 100 năm nữa, Benfica không thể giành được Cup châu Âu". Lời nguyền đã ứng nghiệm. Từ 1962 đến 1990, Benfica đã vào chung kết 6 lần, trong đó 5 lần ở Cup C1 và 1 lần ở Cup UEFA, nhưng đều thất bại. Người của Benfica đã làm tất cả để mong hóa giải lời nguyền, nhưng vô hiệu. Đến tận bây giờ, sau hơn nửa thế kỉ, nỗi sợ hãi ấy vẫn còn nguyên, khi Benfica thua thêm hai trận chung kết Europa League nữa.

(Điều hài hước là Bela Guttmann cũng từng dẫn dắt Milan trước đó và bị sa thải khi câu lạc bộ đang... đầu bảng Serie A. Lúc rời khỏi Milan, ông chép miệng, "Tôi không phạm tội, cũng chẳng đồng tính, thế mà lại bị sa thải". May mà Milan không bị ông... nguyền rủa).

Nhưng chiến thắng của Milan năm ấy không phải vì đối thủ của họ đã bị nguyền rủa. Đó là thời điểm Milan không còn giữ được phong độ ở giải trong nước, khi năm thứ hai liên tiếp thất bại ở cuộc đua Scudetto, song ở đấu trường quốc tế, họ vẫn không có đối thủ. Milan đã thắng Siêu Cup châu Âu, Cup Liên lục địa trong cùng mùa giải với đội ngũ gần như được giữ nguyên từ trận thắng Steaua Bucharest một năm về trước. Và niềm tin không hề lay chuyển.

Trên đường đến chung kết, Milan đã một lần nữa loại Real Madrid tại vòng 2 và ở bán kết, họ vượt qua Bayern Munich, đội vô địch nước Đức 5 lần trong 6 năm trước đó. Tại Vienna, trước Benfica có bộ đôi hảo thủ Brazil Valdo - Aldair và huấn luyện viên Sven-Goran Eriksson, đến lượt người Hà Lan còn lại trong bộ ba lừng danh, Frank Rijkaard, ghi bàn duy nhất ở phút 68 đưa Milan đến chiếc cúp thứ 4. Benfica có thể đổ lỗi cho Guttmann, nhưng sức mạnh vô địch của Milan là không thể phủ nhận.

Thông tin trận đấu

Đội hình

Milan: G.Galli - Tassotti, Baresi, Costacurta, Maldini - Colombo (F.Galli 90'), Rijkaard, Ancelotti (Massaro 75'), Evani - Gullit, Van Basten

Benfica: Silvino - José Carlos, Ricardo Gomes, Aldair, Samuel - Vitor Paneira (Vata 76'), Hernani, Thern, Jaime Pacheco (Cesar Brito 60'), Valdo - Magnusson

Ghi bàn: Rijkaard (68')

Ngày 18-5-1994, Athens (Hy Lạp): Milan - Barcelona, 4-0|Bản hùng ca thế kỉ của Rossoneri

Ở Athens, xứ sở của các vị thần, một pho truyện thần thoại đã được viết nên trong một đêm tháng 5 không thể quên. Nhiều năm đã qua và nhiều năm về sau, giới túc cầu đã kể mãi, sẽ kể mãi về một trong những chiến thắng khó tin nhất trong lịch sử bóng đá.

Milan thời điểm ấy không phải là một cái tên khiêm tốn. Ngược lại, dưới bàn tay của huấn luyện viên Fabio Capello, họ đã vô địch Italia 3 năm liên tiếp, đang là Á quân Champions League, từng trải qua chuỗi bất bại dài nhất lịch sử trong các giải vô địch quốc gia hàng đầu (58 trận từ tháng 5-1991 đến tháng 3-1993, kỉ lục đến tận bây giờ). Milan cũng sở hữu trong đội hình những ngôi sao sáng như Dejan Savicevic, Zvonimir Boban, Marcel Desailly, Jean-Pierre Papin, Brian Laudrup, bên cạnh bộ tứ vệ người Italia xuất chúng Tassotti, Baresi, Costacurta, Maldini. Nhưng trước Barcelona, họ vẫn còn là một đối thủ nhỏ bé.

Barcelona năm đó được mệnh danh là "Dream Team của Johan Cruyff". Ngoài cặp tiền đạo hàng đầu thế giới đương thời Romario - Stoichkov và trung vệ Ronald Koeman, người tung cú sút phạt sấm sét đem về chiếc Cup C1 năm 1992, Barcelona còn có Michael Laudrup, ngôi sao người Đan Mạch (nhưng bị Cruyff gạt khỏi trận chung kết do vướng quy định của UEFA) cùng một tập thể toàn là tuyển thủ Tây Ban Nha. Đội bóng trong mơ ấy đã thống trị La Liga suốt từ năm 1990 và tiến vào trận chung kết với Milan bằng phong độ hủy diệt. Trong khi Milan vượt qua vòng bảng chỉ ghi được 6 bàn thắng trong 6 trận (trong đó hòa 0-0 tới 3 trận) thì Barcelona nổ súng 13 bàn. Trước đó, ở các vòng loại, họ cũng ghi 10 bàn vào lưới của Dynamo Kiev và Austria Vienna, chia đều mỗi đội. Ở bán kết, cũng như Milan hạ Monaco, Barcelona thắng đậm Porto 3-0.

"Barcelona là ứng cử viên vô địch. Milan chẳng là cái đinh gì trong thế giới này. Họ chỉ biết phòng ngự. Còn chúng tôi tấn công" - Johan Cruyff đã tuyên bố như thế trước trận chung kết. Ông thậm chí còn ôm chiếc cúp và chụp ảnh như thể khẳng định rằng Barcelona đã sở hữu nó rồi. Một thành viên ban huấn luyện Barcelona thừa nhận rằng tâm lí chung của đội khi đó là "đến Athens để lấy chiếc cúp, chứ không phải để tranh đoạt nó". Báo chí Tây Ban Nha cũng hùa theo, không ngần ngại khẳng định ngày tàn của Milan đã đến.

Sự tự tin đến mức ngạo mạn của Cruyff một phần bắt nguồn từ những thua thiệt của Milan. Đội bóng của Capello hôm ấy mất cả cặp trung vệ trụ cột là đội trưởng Baresi và Costacurta, đều do án treo giò. Tình thế buộc Paolo Maldini phải đá trung vệ và vị trí hậu vệ trái giao cho Panucci, cầu thủ 21 tuổi vốn là hậu vệ cánh phải. Sự chắp vá đó rõ ràng là miếng mồi ngon cho hai sát thủ Romario - Stoichkov, những người mà vài tháng sau đã chơi chói sáng ở World Cup trên đất Mỹ. Nhưng thực tế đã diễn ra không giống như Cruyff dự liệu.

Ở Athens, Romario và Stoichkov mất tích. Milan đã bóp nghẹt hàng tiền vệ của Barcelona. "Dream Team" không thể triển khai bóng, những ý tưởng của Cruyff về một thế trận "dạy cho Milan bài học về tấn công" hoàn toàn phá sản. Đó đúng là cuộc chơi một chiều, nhưng Milan, chứ không phải Barcelona, là kẻ làm chủ. Tiền đạo Daniele Massaro, người sung sướng phát cuồng vì được đổi áo với thần tượng Stoichkov sau trận, ghi 2 bàn trong hiệp 1, đẩy Cruyff vào tình thế bối rối vô cùng trong phòng thay đồ ở giờ nghỉ giải lao. "Những phát biểu trước trận của Cruyff đã làm hại các cầu của Barcelona", Billy Costacurta nhận xét, "Nếu ông ấy khiêm tốn hơn, mọi chuyện có thể đã khác".

Không biết Cruyff đã nói gì với các học trò trong giờ nghỉ, nhưng ngay khi hiệp 2 bắt đầu, một lần nữa Barcelona choáng váng bởi Savicevic nâng tỉ số lên 3-0 với cú lốp từ sát biên phải qua đầu thủ môn Zubizarreta, một trong những pha ghi bàn đẹp mắt và ngẫu hứng nhất trong lịch sử các trận chung kết Cup châu Âu. Phút 58, Desailly đóng chiếc đinh cuối vào cỗ quan tài chôn vùi "Dream Team" của Cruyff, biến sự kiêu ngạo của những người Catalunya trở thành trò cười. "Không phải chúng tôi chơi tệ", Cruyff cay đắng thừa nhận, "mà chúng tôi không hề chơi bóng ở trận này".

25 năm sau thất bại 1-4 ở Bernabeu, Cruyff lại quỳ gối trước màu áo Đỏ-Đen. Nhưng nếu như lần trước, thất bại là bài học mở ra những hi vọng, thì ở Athens, nó đóng lại một triều đại. "Dream Team" tan nát, Barcelona suy thoái ngay sau đó và Cruyff cũng phải ra đi. Chiến thắng 4-0 hôm ấy, ngạc nhiên thay, cho đến bây giờ vẫn là trận chung kết chênh lệch nhất trong kỉ nguyên Champions League. Phong độ của Milan hôm ấy cũng được đánh giá là màn trình diễn xuất sắc nhất mà một đội bóng từng thể hiện ở Cup châu Âu.

Thông tin trận đấu

Đội hình

Milan: Rossi - Tassotti, F.Galli, Maldini (Nava 85'), Panucci - Boban, Desailly, Albertini, Donadoni - Savicevic, Massaro

Barcelona: Zubizarreta - Ferrer, Koeman, Nadal, Sergi (Estebaranz) - Amor, Guardiola, Bakero - Stoichkov, Romario, Begiristain (Eusebio 51')

Ghi bàn: Massaro (22', 45+2'), Savicevic (47'), Desailly (58')

Ngày 28-5-2003, Manchester (Anh): Juventus - Milan, 0-0 (2-3 pen)|Cha, con và hành trình huyền thoại

Tháng 5-1963, với băng đội trưởng trên tay áo, Cesare Maldini dẫn đầu đoàn quân Milan nâng cao chiếc Cup C1 đầu tiên trong lịch sử đội bóng sau khi đánh bại Benfica 2-1 ở sân Wembley. Đúng 40 năm sau, cũng trên đất Anh, người con trai kiệt xuất của ông, Paolo Maldini, có cơ hội lặp lại điều mà cha mình từng làm khi Milan gặp Juventus ở trận chung kết Champions League.

Cesare - Paolo là cặp cha - con vĩ đại nhất trong thế giới bóng đá. Cesare là một hậu vệ lịch lãm, có kĩ thuật và thể lực rất tốt, có khả năng đọc trận đấu, phát động tấn công, điều chỉnh nhịp độ. Ông cũng có tố chất chỉ huy, sự ổn định, sự chuyên nghiệp và khiêm nhường ở cả trong và ngoài sân cỏ. Đó đều là những phẩm chất tạo nên một cầu thủ hình mẫu ngay cả với bóng đá ngày nay và hiển nhiên, việc Paolo kế thừa những phẩm chất ấy từ ông, để trở thành một cầu thủ còn vĩ đại hơn cha, là điều hết sức dễ hiểu.

"Lúc ban đầu, nó là con của Cesare, nhưng chẳng bao lâu sau, chính tôi lại trở thành bố của Paolo" - Cesare từng vui vẻ thổ lộ như vậy về người con trai vĩ đại của ông, với ánh mắt đầy tự hào. Maldini cha giành Scudetto đầu tiên với Milan năm 23 tuổi, giành Cup C1 năm 31 tuổi. Với Maldini con, các con số tương ứng là 19 và 20. Đến tuổi 21, Paolo Maldini đã vượt qua cái bóng vĩ đại của người cha, sau khi cùng Milan nâng chiếc Cup C1 thứ 2 trong số 5 chiếc anh giành được trong sự nghiệp 25 năm khoác áo Rossoneri.

Trận chung kết với Juventus ở Manchester dĩ nhiên không phải lần đầu Paolo Maldini có cơ hội nâng cúp, nhưng là lần đầu tiên với vai trò đội trưởng Milan. Khoảng cách đúng bốn thập kỉ sau chiến công của người cha (và cũng ngay tại đất Anh) càng khiến cho sự kiện thêm đáng nhớ. Và Paolo đã làm được điều Cesare huyền thoại từng làm, trong chiến thắng mà anh được bầu là Cầu thủ xuất sắc nhất.

Đó là một mùa giải vang bóng của Calcio ở Champions League.

Serie A chiếm tới 3 trong số 4 đội bóng lọt vào bán kết, bên cạnh nhà đương kim vô địch Real Madrid. Trong khi Milan nhọc nhằn vượt qua người hàng xóm Inter nhờ luật bàn thắng sân khách, Juventus ngược dòng đánh bại Real Madrid 4-3 rất ấn tượng. Juventus lúc đó rất mạnh. Sự trở lại của huấn luyện viên Marcello Lippi thay cho chính Carlo Ancelotti, người mà sau đó đã đến Milan, giúp Juventus thống trị Serie A 2 năm liên tiếp bất chấp việc bán đi Zidane và Inzaghi. Họ bước vào chung kết ở vị thế cửa trên so với Milan. Nhưng Juventus mất đi Pavel Nedved, linh hồn nơi tuyến giữa. Ngôi sao người Czech bị cấm thi đấu sau chiếc thẻ vàng ở trận bán kết lượt về thắng Real Madrid 3-1. Hôm đó, Juventus cười, riêng Nedved đã khóc.

Juventus-không-Nedved khiến cho nhiệm vụ của Maldini và đồng đội trở nên nhẹ nhàng hơn. Nhưng bởi hai đối thủ đã hiểu nhau đến chân tơ kẽ tóc, không có bước ngoặt nào được tạo ra. Trận đấu phải kéo dài đến 120 phút và sau đó là loạt luân lưu. Trong cuộc chơi cân não, thủ môn Dida trở thành người hùng của Milan, cản phá được 3 trong số 5 cú sút của các cầu thủ Juventus. Shevchenko là người sút quả 11m cuối cùng giúp Milan giành chiếc cúp bạc thứ 6.

Công cuộc đổ tiền tái thiết Milan lần 2 của ông chủ Silvio Berlusconi, với các khoản đầu tư lớn vào Pippo Inzaghi, Rui Costa, Nesta, Pirlo và Seedorf, đã cho quả ngọt. Thắng lợi đó cũng mở ra thời kì "Grande Milan 2.0", khi huấn luyện viên Ancelotti đưa Milan vào chung kết Champions League 3 lần trong 5 năm, giành 2 danh hiệu, bên cạnh 1 Scudetto và 1 Coppa Italia.

Thông tin trận đấu

Juventus: Buffon - Thuram, Ferrara, Tudor (Birindelli 42'), Montero - Camoranesi (Conte 46'), Tarchinardi, Davids (Zalayeta 65'), Zambrotta - Trezeguet, Del Piero

Milan: Dida - Costacurta (R.Junior 66'), Nesta, Maldini, Kaladze - Gattuso, Pirlo (Serginho 71'), Seedorf - Rui Costa (Ambrosini 87') - Shevchenko, Inzaghi

Đá luân lưu

Juventus: Trezeguet (hỏng), Birindelli (vào), Zalayeta (hỏng), Montero (hỏng), Del Piero (vào)

Milan: Serginho (vào), Seedorf (hỏng), Kaladze (hỏng), Nesta (vào), Shevchenko (vào)

Ngày 23-5-2007, Athens (Hy Lạp): Milan - Liverpool, 2-1|Xóa tan nỗi ám ảnh Istanbul

20 năm sau, 50 năm sau hay lâu hơn nữa, khi được hỏi về kí ức những cuộc đối đầu Milan - Liverpool, sẽ chẳng mấy người nhớ tới trận đấu này. Nhưng họ sẽ vẫn nhớ như in về trận chung kết Champions League 2005 ở Istanbul, khi Milan là nạn nhân của một trong những cuộc lội ngược dòng vĩ đại nhất lịch sử bóng đá. Hôm đó, Milan dẫn Liverpool 3-0 sau hiệp 1 và tưởng như đã có một chiến thắng dễ dàng. Nhưng đội bóng nước Anh đã vùng dậy dũng mãnh, đẩy Milan vào 6 phút "chết lâm sàng" đầu hiệp 2 để gỡ hòa 3-3 chóng vánh, rồi sau đó, đánh bại Rossoneri trên chấm luân lưu và nâng cúp trước sự bàng hoàng của người Ý.

Đó là cú sốc lớn nhất trong sự nghiệp của nhiều cầu thủ Milan. Ngay cả Paolo Maldini, người thủ lĩnh sắt đá đã từng kinh qua hai trận chung kết thất bại, cũng mất ngủ nhiều đêm liền. Tiền vệ Andrea Pirlo tiết lộ rằng anh đã từng muốn giải nghệ sau cú sốc đó, bởi "không còn thấy cuộc sống có ý nghĩa gì nữa". "Chúng tôi ngồi như những bóng ma trong phòng thay đồ. Không ai cất lời. Không ai động cựa. Về mặt tâm lí, họ đã hủy diệt chúng tôi. Tôi không còn cảm thấy mình là một cầu thủ. Thậm chí, không cả là một con người" - Pirlo viết trong cuốn tự truyện của mình.

Rất nhiều người tin rằng việc Milan tái ngộ Liverpool chỉ hai năm sau chính là sự sắp đặt của số mệnh cho một cuộc "báo thù", bởi vì, Milan đã trải qua một mùa giải kì lạ. Bê bối Calciopoli năm 2006 khiến Milan suýt bị cấm dự Champions League. Mãi tới khi mùa giải sắp khởi tranh, UEFA mới cấp phép, nhưng Milan phải bắt đầu từ vòng sơ loại. Quyết định muộn màng khiến chiến lược chuyển nhượng bị đảo lộn. Thay vì chiêu mộ Zlatan Ibrahimovic như kế hoạch, Milan chỉ mua được tiền đạo "chân gỗ" Ricardo Oliveira. May thay, vào mùa đông, họ có sự tăng viện từ Ronaldo. Dù không còn đỉnh cao, siêu sao người Brazil đã đảm nhiệm tốt trách nhiệm gánh vác đội bóng ở Serie A, để những Seedorf, Inzaghi và nhất là Kaka tỏa sáng ở Champions League, đưa Milan đến trận đấu cuối cùng. Trên đường đến Athens, Milan đã đánh bại Bayern Munich và Manchester United bằng những thắng lợi thuyết phục.

Bóng ma Istanbul vẫn còn phủ xuống Milan suốt những phút đầu trận chung kết, khi gần một nửa đội hình Milan chơi với đôi chân run rẩy. Nhưng khi cái vai của Inzaghi, người vắng mặt ở cuộc đấu hai năm trước vì chấn thương, đưa bóng vào lưới Liverpool ngay trước giờ nghỉ, sự tự tin trở lại. Đến phút 82, vẫn là Inzaghi, với

một bàn thắng mang đậm thương hiệu từ cú chọc khe đẳng cấp của Kaka, đã xóa tan nỗi ám ảnh. Bàn gỡ ở phút 89 của Dirk Kuyt chỉ làm cho cuộc đấu thêm gia vị, chứ không thể ngăn Milan một lần nữa nhảy múa trên mảnh đất thần thoại Athens. "Của Caesar phải trả lại cho Caesar". Milan đòi lại từ tay Liverpool chiếc cúp họ đã bị cướp mất.

Nhưng màn báo thù ngọt ngào cũng là khúc ca cuối cùng của con thiên nga. Tình hình kinh tế suy thoái khiến nhà Berlusconi hầu như không đầu tư thêm gì vào đội bóng. Milan vẫn phải sống dựa phần lớn vào đội ngũ những trụ cột héo úa dần theo thời gian. Hai năm sau, Maldini giải nghệ, Kaka ra đi và huấn luyện viên Ancelotti cũng không ở lại. Triều đại Berlusconi huy hoàng cũng coi như được khép lại từ vinh quang hôm ấy, dù rằng cái chết thực sự chỉ đến sau đó gần một thập kỉ.

Thông tin trận đấu

Milan: Dida - Oddo, Nesta, Maldini, Jankulovski (Kaladze 80') - Gattuso, Pirlo, Ambrosini - Kaka, Seedorf (Favalli 90+2') - Inzaghi (Gilardino 88')

Liverpool: Reina - Finnan (Arbeloa 88'), Carragher, Agger, Riise - Pennant, Alonso, Mascherano (Crouch 78'), Zenden (Kewell 59') - Gerrard - Kuyt

Ghi bàn: Inzaghi (45', 82') - Kuyt (89')

Trong phòng truyền thống của Rossoneri ở Milan Casa, ngoài 7 chiếc Cup C1/Champions League danh giá lung linh trong tủ kính, còn có 1 chiếc nữa với kích thước khổng lồ ở chính giữa căn phòng hình tròn. Nó đứng đó, một cách đầy tự hào, để nhắc nhở cho tất cả những người ghé thăm, dù là du khách hay những cầu thủ mới, về lịch sử vinh quang của đội bóng.

Phần VI
MILAN CỦA TÔI ƠI!

Lan là ai trong tôi?

Trần Hằng

Là người dưng tôi thương bằng nhiều phần lí trí và một nửa trái tim.

Yêu vì cái gì, từ bao giờ, đến lúc nào, tôi không trả lời được, đến khi nhận ra thì đã là một phần máu thịt. Những giọt nước mắt đắng cay, niềm hạnh phúc vô bờ, tất cả vỡ ra thành trăm mảnh nhức nhối, tôi nhớ Lan, ngay cả khi trận đấu đang diễn ra vẫn thấy nhớ, thấy thiếu, với tôi tình cảm này chưa bao giờ là đủ.

Lan là thanh xuân đẹp đẽ mà cũng là vết thương chưa bao giờ khép miệng. Từ thời con nít để dành từng đồng bạc lẻ, lén mua từng tờ báo bóng đá trên đường đi học, mực đen ngòm từ tay lem cả vào sách vở đến những trận đánh nhau tóe máu với tụi bạn cùng lớp vì "nó nói xấu đội con", hay hôm nào ngủ quên không xem được Lan đá, sáng vào lớp mắt sưng vù vì khóc. Rồi thời gian trôi, tôi lớn lên cùng bao thăng trầm của "cái đội mà áo màu Đỏ-Đen á".

Màu áo ấy, cái tên ấy luôn là nỗi ám ảnh, từng ngày, từng giờ hiển hiện trong cuộc sống của tôi. Một trận thắng vào cuối tuần luôn khiến cả tuần sau đó như chốn thiên đường, ngược lại sẽ là thảm họa. Tôi chưa từng yêu ai, nhưng tôi đoán đó là tình yêu, và tôi dửng dưng với tất cả có lẽ là vì Lan.

Điên nhỉ?

Này người dưng, tôi yêu em từ rất lâu rồi, có biết không?

Tôi hay mơ, những giấc mơ phù phiếm, thấy mình đứng giữa San Siro cỏ xanh nắng ấm, hít đầy buồng phổi thứ không khí của tình yêu và nỗi nhớ, khung thành sau lưng và quả bóng trước mặt, mỉm cười với những huyền thoại đã dệt nên chiếc áo tuyệt đẹp

mang tên em, phủ lên tôi suốt phần đời còn lại như một bóng ma dai dẳng.

Suốt cả một thời gian dài, người ta hỏi đội bóng tôi yêu, tôi không muốn trả lời khi nghĩ đến những thất bại liên tiếp và những đôi chân rệu rã như đi bộ trên sân. Tôi không xấu hổ, chẳng có gì phải xấu hổ khi thất bại, ai rồi cũng xuống chó lên voi, tôi chỉ buồn, chỉ không muốn đấm vào mặt ai đó khi họ bắt đầu cười nhạo rằng "7 chiếc cúp của ai bụi phủ kín hết rồi kìa", thà chẳng nói ra còn hơn.

Rồi khi chứng kiến những lời cay nghiệt đến độc ác đổ lên Pippo và Rino từ chính những người tự nhận là fan chân chính hay gì đó, tôi đã không thể kiềm chế nổi nữa mà phải thét lên, "Các người nghĩ làm thầy thiên hạ dễ lắm sao?" Tôi đã từng thương học trò mình hết mực, bênh vực chúng đến mù quáng, nhận hết trách nhiệm về mình, để rồi tôi được gì? Lòng tự tôn sứt sẹo, học trò quay lưng và những lời nặng nhẹ của phụ huynh đến mức phải nghỉ dạy, chỉ vì trong 3 tháng từ 0 điểm không lên 10 được, họ biết khả năng của con mình nhưng không chịu thừa nhận mà lấy tôi làm vật thế thân.

Tôi thương Rino với tất cả trái tim mình, ở một khía cạnh nào đó chúng tôi là đồng nghiệp, những gì anh trải qua tôi cũng từng thấm thía, giống nhau đến đáng sợ, từ giai đoạn thăng hoa đến lao dốc, từ bọn học trò răm rắp vâng lời đến khi chúng quay lưng bội phản, dù áp lực công việc của cả hai là một trời một vực. Chúng ta rất dễ chỉ trích người khác khi là người thứ ba, vậy nên hãy một lần đứng vào vị trí đó, chịu chừng đó áp lực, đả kích và cố không mắc sai lầm xem sao.

Một ngày nào đó tôi sẽ tìm đến vùng ngoại ô thành phố hoa lệ ấy, ôm lấy anh thật chặt và nói rằng, "Tê giác của tôi, cảm ơn và xin lỗi anh vì tất cả".

Vì những chiếc cúp.

Vì mái đầu quấn băng mà vẫn cười hạnh phúc.

Vì giọt nước mắt ngày chia tay.

Vì dám ở lại khi mọi thứ sụp đổ.

Vì đã thay đổi cuộc đời tôi.

Một lát bánh mì thơm, một tách cà phê đắng, tôi ngồi trên đỉnh châu Âu chờ người thương quay trở lại. Lan ơi, em trễ hẹn đã bao

nhiêu năm rồi biết không? Dọc đường đi xảy ra chuyện gì sao? Tôi còn phải đợi đến bao giờ nữa? Lỗi là của ai? Tôi có thể chờ, chỉ cần hứa là em sẽ đến. Nhé!

Thời khắc đen tối nhất đã bủa vây Lan của tôi suốt một chặng đường dài hun hút những tưởng không bao giờ còn thấy nắng lên. Nhưng rồi chúng ta cũng đã bỏ lại mọi thứ sau lưng và bước tiếp, kẻ hèn nhát đã tháo chạy, lòng trung thành được củng cố bằng bản hợp đồng gia hạn giữa bão giông, những đôi chân từng vì sắc Đỏ-Đen mà đạp lên gai nhọn, cày nát thảm cỏ châu Âu đem về bao chiến tích lấm lem bùn, máu lẫn với mồ hôi, nước mắt nay tìm về đặt từng viên gạch xây lại đế chế một thời, họ không có nhiều kinh nghiệm, không cần bổng lộc hay hư danh, họ chỉ có trái tim yêu Lan đến nhói lòng, chấp nhận đau thương gây dựng một lần nữa những gì chính họ đã làm nên ngày xưa cũ, lắm khi tim mỗi người đập những nhịp khác nhau, họ vẫn nắm tay nhau dằn lòng cùng bước chung một lối, tất cả là vì Lan.

Yêu không? Yêu chứ, yêu đến thắt dạ, thương đến nghẹn lời…

Rồi Chúa sẽ trở lại

Quang Vũ Nhật (Kaka22)

Reng! Reng! Reng!

Hắn uể oải đạp cái chăn xuống, lần lần nguồn phát ra âm thanh cần mẫn mà thật khó chịu, đập một phát vào nút DỪNG, 6h45' - trời lờ mờ sáng. Hắn làu bàu chép miệng nhìn cái chăn Đỏ-Đen đã xếp gọn gàng nơi đầu giường tiếc rẻ: "Giá như được ngủ tiếp thì thật còn gì bằng. Nhưng không được rồi, hôm nay họp."

Chiều thứ Bảy hôm trước - khi email báo một điệu nhạc quen thuộc "tích tịch tình tang công chúa dưới hang" điệu nhạc báo hắn đặt riêng cho sếp, hắn biết ngay là sẽ có họp, mà thế đếch nào lại họp đúng sáng thứ Hai, "Thứ Hai/8 giờ: một cuộc họp rất quan trọng". Email ngắn ngủi cộc lốc, với sếp thì cuộc họp nào chả quan trọng, nào là kế hoạch tuần, kế hoạch tháng, nào là không đạt chỉ tiêu kinh doanh, nào là tác phong không chuyên nghiệp trong công tác, nào là đi làm muộn... vân vân và vân vân mọi thứ trên đời, cái điệu "Rút kinh nghiệm sâu sắc" nghe nó cứ như điệu nhạc phát ra từ cái Radio ấy, cái Radio 82kg, cái Radio có đính một nốt ruồi son, nó cứ giật lên giật xuống theo đúng nhịp điệu đều đều, đều đều như ru ngủ. Sắp xếp xoạch cái lịch họp vào trong não bộ nhớ, hắn biết Chủ nhật này chỉ có vài tiếng để ngủ, lịch họp đã xếp trong não ngay sau trận đá muộn cuối tuần của đội bóng con cưng.

Mệt, quẳng ba lô Đỏ-Đen đánh xoạch lên ghế, véo cái bánh mì và cắt miếng trứng ốp la mà mẹ thằng cu, con hĩm chuẩn bị sẵn trên bàn một cách hằn học, hắn tức, trời sụt, mãi mới thắng được một trận lại làm ba trận thua thông, đã thế còn thua hết sức vớ vẩn, không thể chấp nhận nổi, càng nghĩ càng thấy buồn. Milan xưa của hắn đâu rồi?

Đã bao năm rồi Milan chả còn là chính mình, nghèo nàn, mất bản

sắc. Đâu đó trong đầu lại thoáng hiện về Milan của danh họa Pirlo với những đường chuyền như vẽ; thủ lĩnh của bức tường nơi hàng thủ - Maldini vừa chắc chắn, vừa đẹp như thiên thần; tuyến giữa vừa sung vừa nhiệt - máy ủi Gatuso luôn sẵn sàng ủi hết tất cả, kể cả… trọng tài; tuyến trên anh giai ế vợ Pippo luôn đá như thể trận này là trận cuối cùng được ra sân vậy.

Nghĩ đến dáng điệu dang tay chạy như điên như dại khi ghi bàn của Pip và sự uể oải không có sức sống của Milan bây giờ, hắn lại làu bàu chỉ muốn văng bậy. Đến giờ thì hắn nghi ngờ, thực sự nghi ngờ: Milan hiện tại động lực được ra sân trong màu áo Đỏ-Đen có còn như trước đây nữa hay không? Có phải hắn sẽ phải chờ, chờ trong vô vọng, chờ đến khi nào Milan mới trở lại, bao giờ mới được nghe Inno Milan solo con te vang lên trở lại trên các khán đài của Champion League. Với lối đá rệu rã này, có lẽ… hắn sẽ còn phải chờ rất lâu.

Mới tuần trước Milan đá sớm, hắn lấy con áo Đỏ-Đen rất nâng niu, nhờ ông anh mua tận Mega Store bên Ý, rong con ngựa sắt chạy vòng hai vòng các quán cà phê ở Tô Hiệu để tìm quán xem mà than ôi không quán nào chịu phát Milan của hắn. Mấy ông trông xe các quán cà phê xem ra còn chẳng hiểu Milan là đội quái quỷ nào? Hắn lủi thủi nhìn quanh tìm một góc vắng của quán, hạ con laptop trên lưng và như thường lệ tìm link trên những trang cá độ, up cái tai nghe lên đầu và… tưởng tượng đang ngồi trong khu vực Cuva Sud chiến đấu cùng lữ đoàn Đỏ-Đen.

VÀO… O… O… O… Hắn nhảy dựng lên, cả đĩa hướng dương đang cắn văng tung tóe. Cả quán cà phê quay lại nhìn như thể hắn là một sinh vật lạ từ đâu rơi xuống vậy, hắn sướng, mặt hắn vênh lên, cầm cốc cà phê làm một ngụm sảng khoái, hắn mặc kệ, nhưng rồi… cuối trận, như thông thường, Lan già… vẫn thua. Nhìn cái mặt thằng cu đứng quầy tính tiền hỏi dể, "Anh là fan AC Milan à? Hôm nay thắng chứ anh?" mà chỉ muốn táng cho nó một phát. Không, hắn muốn được công bằng như những thằng bạn của hắn, thằng fan Man xanh, thằng fan chích chòe Tot, thằng fan Liv… thoải mái ngồi dăm cốc bia cỏ, vài gói lạc rang để chém gió về những trận bóng của các đội con cưng, về bóng đá Anh chứ không phải mấy năm nay toàn nghe nói để Milan ở Trung Đông à? Đang ở hạng mấy? Phòng ngự kiểu Ý à? Ý ẹ, ở đâu vậy? Và cười hô hô một cách khả ố.

Mải nghĩ, nhìn lên con đồng hồ sơn hai màu đỏ và đen treo tường đã sắp 7h30', ôi, muộn mất, hắn quàng tay vớ chùm chìa khóa lẻng xẻng một đống móc treo logo của Milan, xỏ vội đôi giày,

không quên nhoẻn một nụ cười qua gương lấy lại tinh thần: "Không sao, rồi Chúa sẽ trở về bên Lan, một ngày làm Milanista, mãi mãi là Milanista."

Mở cửa phóng vội ra đường, gió hiu hiu rung rinh, các tia nắng ấm áp vẫn đang nhảy nhót trên đường qua kẽ lá.

Những đứa trẻ của Montella

Faro

Giữa thời điểm thế giới bóng đá đang bị chi phối quá nhiều bởi đồng tiền và AC Milan đang vật vả trên con đường quay trở lại ánh hào quang, họ vẫn có thể tạo ra một mùa giải khiến những tifosi yêu mến mình thổn thức. Mùa giải ấy gọi tên những đứa trẻ của Vincenzo Montella.

Thế hệ tài năng

Ngày 28-6-2016, Vincenzo Montella cập bến San Siro. Sau quãng thời gian thất bại với Seedorf, Inzaghi, Mihajlovic và Brocchi, Chủ tịch Silvio Berlusconi đã tạo nên tiếng vang khi quyết định bổ nhiệm vị chiến lược gia người Pomigliano d'Arco vào chiếc ghế nóng của AC Milan. Thời điểm ấy, Montella là một trong những huấn luyện viên được cả Serie A săn đón nhờ giai đoạn thành công rực rỡ khi dẫn dắt Fiorentina dù tuổi nghề vẫn còn rất trẻ. Bản thân ông cũng thích làm việc nhiều hơn với những cầu thủ tuổi mười chín, đôi mươi, dìu dắt, nâng tầm và giúp họ đủ tự tin để cất cánh bay cao. Sự xuất hiện của Montella tại San Siro đã khiến nhiều Milanista cảm thấy bất ngờ và niềm tin đã quay trở lại sau khi bị rạn vỡ dưới thời của những người tiền nhiệm.

Ngay từ những ngày đầu tiên, vị tướng 42 tuổi đã tiến hành thanh lọc đội hình, đẩy đi hàng loạt cái tên đã không còn động lực cống hiến cho màu áo sọc Đỏ-Đen như Menez, Lopez, Mexes, Boateng hay Balotelli. Để thay thế, Milan quyết định đưa về Gustavo Gomez và Mario Pasalic, trao cơ hội cho Suso và sau này có thêm Gerard Deulofeu. Tất cả vẫn còn rất trẻ và nếu như kết hợp cùng những cầu thủ khác trong đội hình của Rossoneri, các Milanista chắc chắn sẽ cảm thấy rất tự hào, tràn đầy niềm tin vào một tương lai tươi sáng. Ở vị trí thủ môn, Gianluigi Donnarumma là sự lựa chọn hàng đầu nhưng anh cũng phải dè chừng Alessandro Plizzari. Hàng hậu vệ có sự xuất hiện của Mattia de Sciglio, Alessio

Romagnoli, Gustavo Gomez, Davide Calabria. Manuel Locatelli và Mario Pasalic sẽ thi đấu ở tuyến giữa. Hàng tiền đạo sẽ là sự kết hợp của ba cái tên Suso, Deulofeu và M'Baye Niang bên cạnh Carlos Bacca.

De Sciglio đã từng nhận xét: "Tôi vẫn còn trẻ, nhưng khi nhìn vào Donnarumma và Locatelli, quả thật không biết nói gì. Chúng tôi đang là một tập thể của những cầu thủ còn rất trẻ. Điều đó thật sự rất tuyệt vời và đặc biệt. Với những cầu thủ ở độ tuổi này, rõ ràng AC Milan đã sẵn sàng chinh phục mọi thứ trong 15 năm tới, thậm chí là nhiều hơn." Phải, tất cả đều rất ngạc nhiên. Đã lâu rồi những người yêu mến AC Milan mới lại có thể mơ mộng nhiều đến như thế.

Những chiến công đầu tiên

Ngày 23-12-2016, trận tranh Supercoppa Italiana diễn ra giữa Juventus và AC Milan tại Doha, Qatar. Donnarumma là sự lựa chọn không thể thay thế trước khung gỗ. Romagnoli xuất hiện ở vị trí trung vệ. Bên cánh trái, De Sciglio cũng góp mặt. Locatelli cũng được ra sân ngay từ đầu ở hàng tiền vệ. Vị trí tiền đạo phải vẫn là cái tên quen thuộc, Suso.

Phút thứ 18, Chiellini mở tỉ số cho Juventus. Tuy nhiên, 20 phút sau, thế cân bằng đã quay trở lại. Bonaventura đầy thông minh, băng vào đánh đầu lái bóng tuyệt đẹp, khiến khung thành của Gianluigi Buffon bị rung lên. Người tung ra quả tạt cho "Jack" ghi bàn chính là Suso. Số ít các Milanista đã bắt đầu ăn mừng. Những chàng trai trong sắc áo Đỏ-Đen đã ôm nhau đầy hạnh phúc. Bên ngoài đường pitch, Max Allegri ngồi xuống, khuôn mặt thể hiện rõ sự lo âu.

Quãng thời gian còn lại của trận đấu vẫn còn rất dài. Khung thành của AC Milan liên tục bị chao đảo nhưng sự lạnh lùng của Donnarumma đã làm nản lòng các chân sút đối phương. Bên kia chiến tuyến, Buffon cũng không thể ngồi yên. Cú đánh đầu của Romagnoli đã đưa bóng chạm cột dọc đầy tiếc nuối.

Kết thúc 30 phút của hiệp phụ, tỉ số vẫn không thay đổi, buộc hai đội phải bước vào loạt đá luân lưu để phân định kẻ thắng người thua. Từ khoảng cách 11m, các Milanista mới thấy được bản lĩnh của những cầu thủ đang thi đấu trong màu áo sọc Đỏ-Đen lớn đến như thế nào. Cú sút đầu tiên không thành công của Lapadula vẫn chưa thể làm lung lạc sự bình tĩnh của Milan. Donnarumma sửa sai cho người anh của mình khi xuất sắc cản phá pha dứt điểm

của Mandzukic. Bonaventura, Kucka, Suso dễ dàng đưa bóng vào lưới thủ môn kì cựu Buffon. Kịch tính bắt đầu. Paulo Dybala bước lên, khuôn mặt đầy lo âu. Và nỗi lo của tiền đạo người Argentina đã khiến anh tự biến mình thành tội đồ với cú sút bị Donnarumma bắt bài. Mario Pasalic, chàng trai 22 tuổi được mượn về từ Chelsea, là người thực hiện quả penalty cuối cùng. Trên khuôn mặt còn ngây thơ của tiền vệ người Serbia là sự tự tin rất lớn. Những bước chạy đà hoàn hảo và một cú sút găm thẳng vào góc cao khung thành của Buffon đã kết liễu Juventus, mang về niềm hạnh phúc cho những người yêu mến Milan.

Bên ngoài sân, ban huấn luyện ôm lấy nhau, cùng nhảy lên ăn mừng. Trên khán đài, Galliani và Serginho cũng không thể ngồi yên được nữa. Những giọt nước mắt ân hận đã rơi trên khuôn mặt của Dybala. Locatelli cũng khóc nức nở nhưng ẩn sâu trong đó là cảm giác hạnh phúc ngọt ngào. Đánh bại được Juventus, kẻ đang thống trị bóng đá Italia thời điểm ấy và giành được một danh hiệu, còn điều gì tuyệt vời hơn thế nữa. Danh hiệu Siêu Cup Italia đã thuộc về "những đứa trẻ của Montella".

Ngày 8-2-2017, AC Milan chạm trán Bologna tại Renato Dall'Ara. Tổng cộng có đến 7 cầu thủ AC Milan thuộc độ tuổi U23 xuất hiện tại xứ Emilia-Romagna. Đó là Donnarumma, Romagnoli, Pasalic, Locatelli, Suso và Deulofeu. Gomez cũng được tung vào sân từ băng ghế dự bị. Phút 36, tai họa bất ngờ ập đến. Paletta phạm lỗi ngay sát vùng cấm địa và phải nhận thẻ vàng thứ hai.

Sang đến hiệp 2, mọi thứ càng trở nên khó khăn hơn. Chỉ trong vòng 6 phút, Juraj Kucka phải nhận liên tiếp hai thẻ vàng và cũng phải nối gót người đồng đội Paletta đi vào đường hầm. Milan chỉ còn lại 9 người trên sân. Tuy nhiên, cũng kể từ đây, các Milanista đã được chứng kiến một tập thể mạnh mẽ, quả cảm, chiến đấu đến cùng, sẵn sàng làm tất cả vì màu áo mà họ đang mặc. Donnarumma phản xạ xuất thần, làm nản lòng Krejci và các đồng đội. Poli bị chấn thương nhưng Rossoneri đã hết quyền thay người nên anh cố gắng nén cơn đau để chiến đấu. Ở phần sân phía bên kia, Pasalic và Deulofeu cũng khiến Angelo da Costa phải vất vả cản phá.

Điều gì đến cũng phải đến. Phút 89, Deulofeu có bóng bên hành lang cánh phải, khống chế gọn gàng rồi loại bỏ Maietta, chạy thẳng vào vùng cấm địa, thu hút mọi ánh nhìn của hàng phòng ngự Bologna. Ngay lập tức, anh tung ra đường căng ngang hoàn hảo để Pasalic băng xuống đệm bóng vào lưới trống. Chuyện gì đang xảy ra tại Renato Dall'Ara? Không ai rõ. Deulofeu chạy, ai tay

dang rộng rồi ôm lấy đầu, ăn mừng giống như chính anh là tác giả của bàn thắng ấy. Pasalic vào lưới nhặt bóng, đá thẳng lên trời rồi chạy đến chia vui cùng người đồng đội. Thời gian còn lại không đủ để Bologna đảo ngược tình hình. Chỉ với 9 người thôi nhưng Milan đã chơi một trận đấu đầy quả cảm pha chút mộng mơ và làm nên chiến thắng đầy ấn tượng.

Sự tan rã quá nhanh và cái kết đầy cay đắng

"Những đứa trẻ của Montella" đã thi đấu đầy lãng mạn, mộng mơ và khát khao như thế. Họ vẫn sống, chiến đấu, dành tất cả mọi ngăn trong trái tim của mình vì màu áo sọc Đỏ-Đen thành Milan. Những người yêu mến Rossoneri sẽ chẳng thể nào quên giọt nước mắt hạnh phúc của Locatelli hay nụ hôn lên logo trên ngực áo của Donnarumma trong trận gặp Juventus. Thi thoảng, vẫn có những khoảnh khắc họ để cho sự bốc đồng của tuổi trẻ bị đẩy lên quá cao như khi Niang tranh giành quyền đá quả penalty trong trận gặp Crotone, tuy nhiên, đó cũng chỉ là những khao khát để chứng minh bản thân mình hoàn toàn xứng đáng tiếp tục khoác áo Rossoneri.

Thế nhưng, đế chế được tạo nên bởi "những đứa trẻ của Montella" đã tan rã quá nhanh. Niang phong độ sa sút, bị tống sang Watford ngay đầu năm 2017 theo dạng cho mượn và sau đó trôi dạt về Torino. Cuối mùa giải, Silvio Berlusconi quyết định bán lại AC Milan cho người đàn ông có tên Li Yonghong đến từ Trung Quốc. Những khoản tiền lớn đã được chi ra để chiêu mộ hàng loạt tên tuổi đình đám trải đều trên mọi vị trí. Điều ấy cũng đồng nghĩa với việc những chàng trai trẻ của Montella sẽ không có nhiều đất diễn nếu ở lại San Siro. Pasalic bị trả về Chelsea. De Sciglio bất ngờ từ chối gia hạn hợp đồng, đòi chuyển tới Juventus khiến các Milanista tức giận. Họ kêu gọi tẩy chay chàng trai sinh năm 1992, chặn đầu xe mỗi khi anh bước ra khỏi nhà và tấn công cả người thân của anh. Đến cuối mùa, De Sciglio bị bán cho Bianconeri.

Deulofeu đã bày tỏ mong muốn được ở lại San Siro. Tuy nhiên, Barcelona đã cài điều khoản ưu tiên mua tiền đạo người Tây Ban Nha vào hợp đồng trước khi bán anh cho Everton và khiến anh phải trở về Camp Nou. Gomez không thể cạnh tranh vị trí chính thức trong một hàng phòng ngự quá dồi dào về mặt nhân sự nên dần trở thành người thừa, phải trở về Nam Mỹ để thi đấu cho Palmeiras. Locatelli đã chuyển sang Sassuolo trong mùa hè vừa qua và để lại sự nuối tiếc vô bờ.

Chỉ còn 6 gương mặt vẫn còn đang khoác áo AC Milan nhưng số

phận của họ cũng rất khác nhau. Donnarumma bị người đại diện Mino Raiola điều khiển, đưa ra những yêu sách trong quá trình gia hạn hợp đồng và từ đó trở thành cái gai trong mắt nhiều Milanista. Không ít lần chàng trai mới 20 tuổi đã phải khóc ngay trên sân khi nhìn thấy những biểu ngữ mang hàm ý thóa mạ, những tiếng la ó trên khắp các khán đài và cả những đồng tiền đô la giả được ném vào phía sau cầu môn. Alex Plizzari mới gia hạn hợp đồng thành công và hứa hẹn sẽ cạnh tranh sòng phẳng với Gigio trong khung gỗ của Rossoneri.

Romagnoli nhận được sự tín nhiệm từ các đồng đội và hiện tại đã trở thành đội trưởng của Milan. Calabria trưởng thành hơn, trở thành cơn lốc bên hành lang cánh phải. Suso vẫn thể hiện được tài năng của mình, nhiều lần tỏa sáng để cứu nguy cho đoàn quân áo Đỏ-Đen nhưng vẫn đạt được thỏa thuận gia hạn hợp đồng. Cutrone là món quà cuối cùng do Vincenzo Montella đem đến cho AC Milan khi ông từ chối để anh chuyển đến Crotone theo dạng cho mượn vào mùa hè năm 2017. Kết quả, chàng trai sinh năm 1998 đã đáp lại niềm tin ấy khi nổ súng liên tiếp để mang đến niềm hạnh phúc vỡ òa cho các Milanista. Mặc dù vậy, trước áp lực về thành tích, Cutrone phải chấp nhận ngồi dự bị, nhìn Higuain và Piatek thi đấu.

Người cuối cùng không thể không nhắc đến chính là Vincenzo Montella. Hơn 10 bản hợp đồng mới đã được đưa về Milan và những gương mặt trụ cột đã cùng ông đưa Rossoneri quay trở lại Cup châu Âu như Lapadula hay Kucka… đều đã phải ra đi, khiến vị chiến lược gia người Pomigliano d'Arco cảm thấy rất khó khăn để xây dựng đội hình. Việc loại ai, bỏ ai đều ít nhiều khiến ông phải đau đầu. Đến ngày 27-11-2017, sau trận hòa trước Torino, Milan bị đẩy xuống vị trí thứ 7 trên bảng xếp hạng, Montella đã bị sa thải, nhường lại vị trí cho Gennaro Gattuso.

Số phận của mỗi con người trong "gia đình của Montella" đều đã rẽ theo những hướng đi rất khác nhau. Milan giờ đây đã có thêm một lần đổi chủ, đã được trở về trong bàn tay của một người Italia với túi tiền khổng lồ. Hàng loạt bản hợp đồng bom tấn tiếp tục được đưa về San Siro nhằm đưa đội bóng quay trở lại UEFA Champions League, mở màn cho tham vọng khẳng định vị thế của một đế chế từng làm mưa làm gió tại đấu trường châu Âu.

Theo thời gian, tất cả cũng sẽ đến ngày phải nói lời chia tay San Siro. Khi ấy, giữa cuộc sống xa hoa của một đại gia cùng với danh hiệu và khoảnh khắc bước lên đỉnh vinh quang, liệu rằng còn ai nhớ đến thế hệ từng làm nức lòng họ bằng danh hiệu Supercoppa

Italiana cùng giọt nước mắt hạnh phúc thời khủng hoảng nữa hay không?

Milan, bố và tôi

Khai Hoan Chu

Ngày trước, bố tôi thường ôm tôi và coi bóng đá tới tận khuya. Tôi ngủ thiếp đi lúc nào không biết, thi thoảng lim dim thấy đội bóng mặc áo sọc kẻ trên ti vi, tiếng khán giả reo hò, tiếng nhạc quảng cáo… Không hiểu sao, cảm thấy thật an toàn. Lớn hơn một tí, cũng giống bao đứa bạn cùng lứa, bị hấp dẫn bởi thứ bóng đá mà chúng tôi vẫn hay gọi là "đập như Man". Tôi phát cuồng cách ăn mừng của Giggs, lũ trẻ trong xóm thì khoe chiếc áo số 7 trên sân mỗi chiều. Có rất nhiều lí do để bạn có thể trở thành một fan của MU, từ bề dày lịch sử cho đến cả lối đá trên sân, hay với những đứa trẻ như chúng tôi ngày ấy, MU đơn giản là đội bóng bất bại.

Bố tôi thì khác. Ông lại có hứng thú với nền bóng đá của đất nước hình chiếc ủng. Đã từng có lúc, ông cố gắng truyền lại sự hứng thú đó cho tôi, bằng cách này hay cách khác. Ông từng mua cho tôi bộ đồ Milan, và trong suốt một thời gian khá lâu, tôi vứt xó trong tủ. Tôi chưa từng có ý nghĩ thích đội bóng nào ngoài MU vĩ đại.

Một đêm mưa tháng 5, Gilardino đối mặt với Edwin. San Siro nổ tung, bố tôi vỡ òa, cổ họng tôi thì nghẹn đắng. Giá đó là một trận chung kết, tôi đã chẳng buồn đến thế, hơn cả là MU của tôi đã thắng lượt đi.

Bạn biết đấy, thế giới có muôn vàn hình thái của tình yêu. Nếu bạn nghĩ chỉ có tình yêu giữa con người với nhau mới đem lại những xúc cảm, thì xin thưa, bóng đá cũng chẳng thua kém gì. Có hi vọng, có vui, có buồn, đôi khi là sự đố kị, và cả trách móc. Tôi chưa từng nghĩ mình sẽ thích một đội bóng khác. Càng không bao giờ nghĩ tôi sẽ yêu đội bóng đánh bại MU của tôi năm ấy. Nhưng cuộc sống đôi khi thật lạ lùng…

Nếu ví việc thích MU như là sự rung động đầu đời, tôi yêu Milan

như thể một người tình lâu năm.

Năm tôi lên lớp 7, sau một cơn tai biến quái quỷ gì đấy, người ta để bố tôi vào trong chiếc hộp gỗ và đặt nó xuống đất. Đó là lần đầu tiên tôi gạt những chiếc áo đỏ tươi qua một bên, và mặc lên mình bộ đồ sọc Đỏ-Đen lôi ra từ góc tủ. Tôi nhớ những lúc bố tôi ngồi luyên thuyên về Milan, mỗi lần nghe ông kể về hàng hậu vệ trứ danh, ông say sưa như thể chẳng một hàng công nào xuyên phá nổi. Tôi từng rất, rất khó chịu. Sau này, tôi đã ước giá như mình kiên nhẫn hơn một chút để ngồi nghe ông nói.

Tôi vẫn thích MU, nhưng chỉ còn xem kết quả trên bản tin thời sự mỗi tối. Thay vào đó, tôi dành thời gian để xem Milan đá. Tôi tò mò về bóng đá Ý, tôi thắc mắc về câu chuyện 7 chị em, và hơn cả, tôi muốn biết lí do mà bố tôi thích Milan đến thế.

Thật không may mắn, thời điểm thói quen xem Milan đá hình thành trong tôi, cũng là lúc đội bóng tụt dốc đi nhiều. Những trận C1 nhạt nhòa, tôi chẳng còn nhận ra đội bóng từng đánh bại MU của mình ngày nào. Những con người cuối cùng trong hàng hậu vệ trứ danh bố tôi vẫn hay kể ngày ấy, lần lượt ra đi. Những con người quan trọng bán đi và những cái tên vô danh thay thế...

... Tôi còn chẳng thể tìm mua nổi bộ quần áo Milan ở thành phố nơi tôi ở.

Thấm thoắt cũng thành fan Milan hơn 10 năm, không nhiều để tự hào là một fan gạo cội, nhưng thích một đội bóng suốt quãng thời gian khủng hoảng đôi khi cũng không tồi. Từ những năm cấp ba, rồi những ngày ôn thi đại học và giờ thì đi làm. Thực ra, nếu không ở bên đội bóng lúc khủng hoảng nhất, chúng ta cũng chẳng xứng đáng tận hưởng lúc đội bóng đạt vinh quang. Tôi luôn thắc mắc rằng, tại sao những thời điểm bết bát, San Siro vẫn vang lên những bài hát, vẫn đồng thanh hét tên cầu thủ nào đấy mỗi khi thay người. Những lúc đối đầu Inter hay Juventus, dù biết trước sẽ thua nhưng màu Đỏ-Đen vẫn phủ kín trên khán đài. Tôi có thói quen mỗi khi Milan ghi bàn, nhìn lên khán đài phía sau khung thành, sẽ là hàng chục, hàng trăm người ùa ra sát tới lan can, hò hét, ăn mừng. Có thể bạn chưa từng để ý, hay một phần đó là bản sắc của bóng đá Ý, nhưng thực sự nó làm tôi nổi da gà, thật đấy!

Khi công nghệ phát triển hơn, tôi vừa xem Milan đá vừa check facebook trên các fanpage. Lần đầu tiên, tôi khá bất ngờ khi biết vẫn còn nhiều người thức xem Milan đá. Việc phát hiện ra có nhiều người chung sở thích với mình thực sự hay ho. Có cảm giác,

những người yêu bóng đá Ý, họ đơn giản, họ biết nhiều thứ, về những trận đấu, về các cầu thủ, về chiến thuật. Trong thời đại mà mạng xã hội phổ biến, đội bóng vẫn có những người hâm mộ thực sự chất lượng, đôi khi chán nản, tức giận, nhưng họ sẵn sàng đứng lên bảo vệ đội bóng của mình.

Lắm lúc tôi chẳng hiểu sao bản thân vẫn kiên nhẫn xem Milan đá mỗi tuần. Quá nhiều lần tôi tự nhủ sẽ không xem thêm bất cứ một trận nào nữa, chỉ là tôi chẳng bao giờ thực hiện được điều đó. Cũng giống như khi đã yêu một ai đó, dù họ có xù xì và xấu xí đến nhường nào, thì trong mắt bạn, họ vẫn luôn xinh đẹp. Tình yêu mà, chẳng cần phải có lí do gì, đơn giản là chúng ta tận hưởng nó mà thôi. Tôi chưa từng nói với ai rằng tôi yêu Milan, nhưng khá là buồn cười, màu áo sọc Đỏ-Đen đã theo tôi khắp những sân cát, sân cỏ, sân 5, sân 7. Trớ trêu thay, tôi từng có lúc ghét Milan. Đúng là cuộc sống chẳng biết đâu mà lần.

Thi thoảng, tôi cố tưởng tượng cảm giác tôi và bố cùng thích một đội bóng, cùng xem Milan đá mỗi tuần. Cũng thật may khi ông đã được thưởng thức những năm tháng đỉnh cao của họ. Tôi cá là nếu còn sống, dù cho Milan có bết bát đến chừng nào, ông vẫn sẽ vui vẻ tận hưởng nó thôi. Bởi tôi khá chắc, tình yêu mà ông dành cho Milan, lớn hơn tôi rất nhiều. Và với, con tôi sau này, tôi sẽ lại kể về hàng phòng ngự trứ danh một thời, giống như bố tôi từng say sưa, về đội bóng mà bố nó, ông nội nó từng yêu tuyệt vời như thế nào.

Một ngày nào đó, có thể Milan sẽ được quay lại đỉnh cao châu Âu...

... mà nếu không thì cũng chẳng sao.

Forza Grande Milan!

Lời cảm ơn hay hành trình để tạo nên cuốn sách

Khi bạn đọc đến những dòng này, tức là bạn đã đi hết cả một quyển sách dày viết về Milan. Đó là cuốn sách đầu tiên chi tiết đến như vậy về một đội bóng nước ngoài tại Việt Nam. Và tôi thực sự muốn gửi lời cảm ơn đến bạn, người đã trân trọng công sức của cả một tập thể trong suốt thời gian qua.

Để tạo nên cuốn sách là một chặng đường kéo dài khoảng 6 năm. Tôi vẫn nhớ bài viết đầu tiên của tôi về Inzaghi đã mở đường cho ý tưởng ấy. Lúc đó, tôi chỉ dự kiến sẽ viết một loạt bài về các huyền thoại của Milan nhằm kỉ niệm 115 năm thành lập câu lạc bộ. Nhưng thời gian trôi nhanh quá! 115 năm đã đến gần mà tôi chưa hoàn thành được là bao. Cuối cùng, tôi quyết định thay đổi: kéo dài thời gian thêm 5 năm nữa để chuẩn bị và lần này là một cuốn sách thực sự về Milan.

Trong quá trình đó, tôi bắt đầu tìm sự ủng hộ từ các admin khác của fanpage ACMilanVN, nhất là những người có khả năng viết lách. Họ đều sẵn sàng tham gia, thậm chí, không cần bất cứ một chi phí nào dù có người như Phong Nguyễn, đã bỏ tiền túi sang tận Milano chỉ để trải nghiệm cảm giác của một Milanista và để viết cho… ngầu hơn. Đó là bước ngoặt thứ nhất của cuộc hành trình.

Khi đã tìm được sự ủng hộ, tôi lên ý tưởng và khung của cuốn sách. Những phần này diễn ra rất nhanh. Thật ra, khi trong đầu bạn luôn là hình ảnh của Milan, bạn sẽ dễ dàng hiểu mình muốn và phải viết điều gì. Vấn đề lớn lúc đó là tìm ra một nhà sách sẵn sàng xin giấy phép và xuất bản. Với một người ngoại đạo, việc này thực không hề dễ dàng.

Nhưng bước ngoặt thứ hai đã đến. Hoàn toàn tình cờ.

Trong danh sách viết bài, tôi đã mạnh dạn điền tên một số người mà tôi… chưa hỏi ý kiến. Tôi tin rằng họ cũng sẽ ủng hộ tôi và tôi đã không nhầm. Khi tôi đặt vấn đề nhờ viết bài với Dũng Phan, một người trong số đó, cậu ấy đã rất nhiệt tình tham gia. Còn hơn thế! Chính cậu ấy đã liên hệ với công ty sách và cũng chính cậu ấy đã "móc nối", thuyết phục các cây bút khác nhận lời. Tất cả tập hợp lại thành một đội hình hùng hậu và sẵn sàng bước vào… cuộc chiến.

Tất nhiên, quá trình viết bài không hề đơn giản. Bạn chỉ cần biết rằng, để ra được những dòng chữ trong cuốn sách, rất nhiều tác giả đã phải tốn không ít công sức, thậm chí, tiền bạc. Rất nhiều tư liệu quý tồn tại ở trên internet dưới dạng bài báo, câu chuyện, bài phỏng vấn hay sách khảo cứu, chủ yếu bằng tiếng Ý và thật may, chúng tôi còn có… Google translate. Cuối cùng, việc biên tập diễn ra nhanh chóng hơn nhiều. Tôi hầu như chỉ cần chỉnh sửa một chút xíu về vài lỗi rất, rất nhỏ. Còn lại, mọi thứ coi như đã xong.

Vấn đề bìa sách cũng được giải quyết. Tôi đã lựa chọn theo mẫu của bìa đĩa The Lord of Milan với sọc Đỏ-Đen theo màu áo của đội bóng. Nó sẽ giúp cho những cổ động viên của đội dễ dàng tìm thấy quyển sách ở trên bất kì kệ sách nào.

Để khép lại cuốn sách, trước hết, tôi thay mặt cho nhóm admin ACMilanVN gửi lời cảm ơn tới rất nhiều tờ báo và các tác giả của Italia cũng như trên toàn thế giới đã cung cấp cho chúng tôi những tư liệu quý giá. Rất nhiều bài viết trong đây không thể ra đời nếu không có nguồn tư liệu trên, đó là sự thật. Kế đến, tôi gửi lời cảm ơn tới toàn bộ nhóm tác giả, những người đã bỏ công sức và thời gian quý báu để hoàn tất phần việc của mình với trách nhiệm rất cao. Tôi gửi lời cảm ơn tới Dũng Phan, người đã hỗ trợ tôi rất nhiều để ra được cuốn sách. Tôi gửi lời cảm ơn tới nhà sách và nhà xuất bản, những người đã tin tưởng chúng tôi để cho cuốn sách này có mặt trên kệ. Và cuối cùng là lời cảm ơn tới tất cả độc giả, những người cầm trên tay cuốn sách, bởi lẽ cuốn sách này chỉ có giá trị khi nó đến được với các bạn.

Hi vọng trong một ngày sớm nhất, một phụ bản sẽ được ra đời để điền vào những thiếu sót của cuốn sách, với những câu chuyện về các huyền thoại khác vẫn chưa xuất hiện trong đây. Bởi lẽ, như mọi người biết, 120 năm của một đội bóng vĩ đại là câu chuyện rất, rất dài.

Trân trọng!